	Hình minh họa	Tìm kiếm theo hình minh họa
1	**Sử dụng xe an toàn**	Hãy đọc hết các thông tin này
2	**Đồng hồ táp lô**	Cách đọc các đồng hồ báo và đồng hồ đo, các loại đèn cảnh báo và đèn chỉ báo…
3	**Hoạt động của từng thiết bị**	Mở và đóng các cửa và cửa sổ, điều chỉnh trước khi lái xe…
4	**Lái xe**	Hướng dẫn lái xe và những lời khuyên hữu ích khi lái xe
5	**Hệ thống âm thanh**	Điều khiển hệ thống âm thanh
6	**Trang bị nội thất**	Sử dụng các trang bị nội thất…
7	**Bảo dưỡng và chăm sóc xe**	Quy trình chăm sóc và bảo dưỡng xe
8	**Khi phát sinh sự cố**	Phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp hoặc xe gặp sự cố
9	**Thông số kỹ thuật**	Các thông số kỹ thuật của xe
	Mục lục	Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng
		Tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái

Thông tin dành cho người đọc.....8
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này 16
Cách tìm kiếm 17
Hình minh họa 18

1 Sử dụng xe an toàn

1-1. Để lái xe an toàn
Trước khi lái xe.....30
Để lái xe an toàn.....32
Đai an toàn.....34
Túi khí 42
Các lưu ý với khí xả.....53
1-2. An toàn cho trẻ em
Hệ thống bật-tắt chức năng của túi khí bằng tay54
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 56
Hệ thống ghế cho trẻ em..57
1-3. Hỗ trợ khẩn cấp
Dịch vụ kết nối của Toyota80
ERA-GLONASS/EVAK.....85
1-4. Hệ thống chống trộm
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 90
Hệ thống khóa kép.....92
Hệ thống báo động 94

2 Đồng hồ táp lô

2. Đồng hồ táp lô
Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 100
Đồng hồ báo và đồng hồ đo 107
Màn hình đa thông tin 111
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 121

3 Hoạt động của từng thiết bị

3-1. Thông tin về chìa khóa
Chìa khóa.....126
3-2. Mở, đóng và khóa các cửa xe
Cửa bên 132
Cửa hậu 138
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh ...151
3-3. Điều chỉnh ghế
Ghế trước.....158
Ghế sau 160
Tựa đầu.....167
3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương
Vô lăng.....169
Gương chiếu hậu bên trong xe 171
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 173
3-5. Mở và đóng các cửa sổ
Cửa sổ điện.....175

4 Lái xe

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 180

Hành lý và hàng hóa.....194

Kéo moóc (xe không có móc kéo) .197

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 199

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) ..202

Hộp số tự động 209

Hộp số thường 218

Công tắc xi nhan 226

Phanh đỗ.....227

4-3. Sử dụng đèn chiếu sáng và cần gạt nước

Công tắc đèn pha.....228

Công tắc đèn sương mù..232

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió..235

Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 237

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu ...239

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 242

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 249

Chức năng LDA (Chức năng cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe).....260

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo).....271

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....277

Hệ thống điều khiển chạy tự động.....293

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....297

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 305

Chức năng RCTA(Cảnh báo phương tiệncắt ngang phía sau).....315

Hệ thống bốn bánh chủ động 323

Hệ thống khóa vi sai sau.334

Hệ thống Dừng và Khởi động.....339

Các hệ thống hỗ trợ lái xe348

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 355

AUTO LSD 358

Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 360

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....365

Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco.....368

5 Hệ thống âm thanh

5-1. Các thao tác cơ bản
Các kiểu hệ thống âm thanh 372
Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng...374
Cổng USB/cổng AUX.....376

5-2. Sử dụng hệ thống âm thanh
Sử dụng tối ưu hệ thống âm thanh 377

5-3. Sử dụng radiô
Sử dụng radiô 379

5-4. Phát nhạc trên đĩa CD và Đĩa MP3/WMA/AAC
Sử dụng đầu đĩa CD 382

5-5. Sử dụng các thiết bị ngoại vi
Nghe nhạc trên trình phát nhạc iPod.....390
Nghe nhạc trong USB 396
Sử dụng cổng AUX 402

5-6. Sử dụng thiết bị Bluetooth®
Hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth® 403
Sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng 408
Đăng ký thiết bị Bluetooth® 409

5-7. Danh mục "SETUP"
Sử dụng menu “SETUP” (Menu “Bluetooth”).....410
Sử dụng menu “SETUP” (menu “TEL”).....414

5-8. Âm thanh Bluetooth®
Sử dụng máy nghe nhạc Bluetooth® 419

5-9. Điện thoại Bluetooth®
Thực hiện cuộc gọi điện thoại 421
Nhận một cuộc gọi điện thoại 422
Nói chuyện trên điện thoại423

5-10. Bluetooth®
Bluetooth® 425

6 Trang bị nội thất

6-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước 430

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước ...437

Hệ thống làm mát phía sau kiểu thường.....445

Hệ thống làm mát phía sau kiểu tự động 447

Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió choghế449

6-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 452

- Công tắc chính điều khiển đèn cá nhân/đèn nội thất 453
- Đèn cá nhân/đèn nội thất 453
- Đèn nội thất 454

6-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ.....456

- Ngăn đựng găng tay ...457
- Hộp dầm 457
- Ngăn để cốc.....458
- Ngăn để chai.....460
- Hộp đựng đồ vặt 461

Đặc điểm của khoang hành lý 464

6-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

Các trang bị nội thất khác466

- Tấm chắn nắng.....466
- Gương trang điểm 466
- Đồng hồ 467
- Ổ điện 468
- Các cổng sạc USB kiểu C.....472
- Móc treo túi để đồ.....474
- Tựa tay.....474
- Móc treo áo khoác 475
- Tay nắm 476

Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng...477

7 Bảo dưỡng và chăm sóc xe

7-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 480

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe.....484

7-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng..487

Lịch bảo dưỡng 490

7-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng.....504
Nắp capô.....507
Khoang động cơ.....509
Lốp xe.....537
Áp suất lốp.....546
Vành xe.....548
Bộ lọc điều hòa/ lưới lọc khí nạp.....550
Pin điều khiển từ xa/ chìa khóa điện tử.....553
Kiểm tra và thay cầu chì .557
Bóng đèn.....561

8 Khi phát sinh sự cố

8-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....578
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....579
Nếu xe bị ngập nước hoặc đang ở trên đường nước đang dâng lên.....581

8-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo.....583
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường....589
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng)..590
Bình cứu hỏa.....591
Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu ...593
Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo 601
Nếu xe bị xịt lốp 607
Nếu động cơ không khởi động được 621
Nếu chìa khóa điện tử hoạt động không chính xác (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 623
Nếu ắc quy bị hết điện....626
Nếu xe quá nhiệt.....632
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel).636
Nếu xe bị sa lầy 637

9 Thông số kỹ thuật

9-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…) ...640

Thông tin về nhiên liệu ...665

9-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân.....668

9-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo.. 676

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý).....678

Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.....682

Thông tin dành cho người đọc

Sách Hướng dẫn sử dụng

Xin hãy lưu ý rằng cuốn sách Hướng dẫn sử dụng này được áp dụng cho tất cả các kiểu xe và giải thích cho tất cả các thiết bị bao gồm cả những thiết bị lắp thêm. Chính vì vậy, bạn có thể tìm thấy một vài phần giải thích cho các thiết bị không được lắp trên xe bạn.

Tất cả những thông số kỹ thuật được cung cấp trong cuốn hướng dẫn sử dụng này là mới nhất tại thời điểm ấn hành. Tuy nhiên, do chính sách cải tiến sản phẩm liên tục của Toyota, chúng tôi giữ quyền thay đổi vào bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật, hình minh họa chỉ dùng để giải thích và có thể sẽ không giống với xe của bạn.

Cho Ủy ban kinh tế Châu Âu: Thông tin trong quy trình sử dụng xe an toàn và hệ thống của nó, được thể hiện trên các nhãn của nhà sản xuất trên thân xe bằng Tiếng Anh, chủ định cho nhân viên dịch vụ.

Phụ kiện, phụ tùng và sự sửa đổi trên xe Toyota của bạn

Hiện nay có rất nhiều phụ kiện và phụ tùng không chính hiệu dùng cho các loại xe Toyota đang được bán trên thị trường. Việc sử dụng các phụ kiện và phụ tùng thay thế không phải là sản phẩm chính hiệu Toyota có thể gây ảnh hưởng xấu đến an toàn của xe, ngay cả khi các phụ tùng này đã được các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Vì vậy, Toyota không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và không bảo đảm cho các trang bị phụ, phụ tùng không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota, cũng như không nhận thay thế hoặc lắp đặt các phụ tùng này.

Không nên sửa đổi xe bằng những sản phẩm không chính hiệu của Toyota. Việc sửa đổi bằng các sản phẩm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến tính năng, độ an toàn, độ bền của xe và thậm chí có thể vi phạm các quy định của nhà nước. Thêm vào đó, những hư hỏng hay trục trặc trong quá trình hoạt động của xe do việc sửa đổi này gây ra có thể không nằm trong phạm vi bảo hành của công ty Toyota.

Ngoài ra, việc sửa đổi như vậy sẽ ảnh hưởng đến các thiết bị an toàn tiên tiến như hệ thống cảm nhận an toàn Toyota và có nguy cơ những thiết bị này sẽ hoạt động không chính xác hoặc không hoạt động.

Rủi ro tấn công mạng

Việc lắp thêm các thiết bị điện tử và radiô làm tăng rủi ro tấn công mạng qua các chi tiết được lắp đặt, điều này có thể dẫn đến bị tai nạn bất ngờ và rò rỉ thông tin cá nhân. Toyota sẽ không có bất kỳ đảm bảo nào cho các vấn đề gây ra do việc lắp các sản phẩm không chính hiệu của Toyota.

Lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF

Nếu lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF trên xe, nó có thể ảnh hưởng tới các hệ thống điện tử như:

- Hệ thống phun nhiên liệu đa điểm/hệ thống phun nhiên liệu đa điểm tuần tự
- Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota
- Hệ thống điều khiển chạy tự động
- Hệ thống chống bó cứng phanh
- Hệ thống túi khí
- Hệ thống căng đai khẩn cấp

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết các lưu ý hoặc các chỉ dẫn đặc biệt liên quan tới việc lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Hãy hỏi đại lý Toyota để biết thêm chi tiết về tần số phát sóng, công suất phát sóng, vị trí của ăng ten và các thông tin khác liên quan tới hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Chức năng ghi dữ liệu xe

Xe được trang bị một số máy vi tính để ghi lại những thông tin về hoạt động của xe như:

- Tốc độ động cơ /Tốc độ của môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ camera
  Xe được trang bị camera. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

l Sử dụng dữ liệu

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở hữu xe cụ thể

l Có thể xóa thông tin hình ảnh đã ghi tại đại lý Toyota.

Chức năng ghi hình ảnh có thể vô hiệu hóa được. Tuy nhiên, nếu chức năng bị vô hiệu hóa, dữ liệu được ghi khi hệ thống đang hoạt động sẽ không khả dụng.

Sử dụng dữ liệu được thu thập qua Dịch vụ kết nối của Toyota (nếu có)

Nếu Toyota khu vực của bạn có Dịch vụ kết nối của Toyota và nếu bạn đã đăng ký cho những dịch vụ kết nối, hãy tham khảo “Hợp đồng sử dụng Dịch vụ kết nối của Toyota” để biết thông tin về dữ liệu được thu thập kết nối và sử dụng nó.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/

Chức năng ghi dữ liệu sự kiện

Xe của bạn được trang bị chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR). Nhiệm vụ chính của chức năng này là ghi lại các dữ liệu trong các trường hợp xe bị va chạm hoặc gần xảy ra va chạm nhất định, chẳng hạn như khi túi khí nổ hoặc xe va phải vật thể trên đường, những dữ liệu này sẽ giúp bạn xác định tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe. Chức năng ghi dữ liệu sự kiện được thiết kế để ghi các dữ liệu liên quan đến động lực học của xe và hệ thống an toàn trong một khoảng thời gian ngắn, tầm 30 giây trở lại. Tuy nhiên, tùy theo mức độ và kiểu va chạm mà dữ liệu có thể sẽ không được lưu lại.

EDR trên xe này được thiết kế để ghi những dữ liệu như:

- Các hệ thống trên xe đã hoạt động như thế nào;
- Mức độ đạp ga và/hoặc đạp phanh của người lái; và,
- Tốc độ của xe trong hành trình.

Những dữ liệu này sẽ giúp xác định được tình huống khi xảy ra va chạm và chấn thương dễ dàng hơn.

CHÚ Ý: Dữ liệu của chức năng này chỉ được ghi lại khi xe bị va chạm mạnh; trong điều kiện lái xe thông thường, các dữ liệu của chức năng này và các dữ liệu cá nhân (như tên, giới tính, tuổi, vị trí va chạm) sẽ không được lưu lại. Tuy nhiên, với những người dùng khác như cơ quan điều tra, có thể kết hợp các dữ liệu EDR với các dữ liệu cá nhân thu thập được trong suốt quá trình điều tra tai nạn.
Để đọc các dữ liệu đã được ghi lại nhờ chức năng EDR, bạn cần phải sử dụng các thiết bị truy cập thông tin trên xe hoặc thiết bị đọc EDR. Ngoài nhà sản xuất, các đơn vị khác như cơ quan điều tra có thể đọc được các thông tin nếu họ có thể truy cập vào hệ thống thông tin trên xe hoặc chức năng EDR bằng các thiết bị đặc biệt.

l Về việc tiết lộ các dữ liệu EDR

Chúng tôi sẽ không tiết lộ những dữ liệu đã được ghi lại bởi EDR với bên thứ ba, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe (hoặc người thuê xe)
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng

Tuy nhiên, nếu cần thiết, chúng tôi có thể sẽ:

- Sử dụng các dữ liệu để nghiên cứu về tính năng an toàn của xe
- Tiết lộ các dữ liệu cho bên thứ ba để nhằm mục đích nghiên cứu mà không làm rò rỉ thông tin cụ thể về xe hoặc người sở hữu xe

Thải xe Toyota

Hệ thống túi khí và hệ thống căng đai khẩn cấp trên xe có chứa các hóa chất gây nổ. Nếu xe bị thải vẫn còn nguyên các túi khí và đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp thì có thể gây ra các sự cố như hỏa hoạn. Hãy yêu cầu một trạm dịch vụ có đủ năng lực hoặc đại lý Toyota tháo bỏ và tiêu hủy hệ thống túi khí và hệ thống đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp trước khi thải xe.

"Mã QR"

“QR Code” là nhãn hiệu đã được đăng ký của DENSO WAVE INCORPORATED ở Nhật bản và các quốc gia khác.

⚠ CẢNH BÁO

n **Những chú ý chung khi lái xe**

Lái xe trong tình trạng không tỉnh táo: Không bao giờ lái xe trong tình trạng thiếu tỉnh táo do ảnh hưởng của rượu hoặc thuốc ngủ, do khi đó khả năng điều khiển xe của bạn sẽ bị suy giảm. Rượu và một số loại thuốc ngủ sẽ làm giảm khả năng phán đoán và giảm tốc độ phản xạ của bạn, có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe một cách thận trọng: Luôn lái xe thật cẩn thận. Hãy luôn cảnh giác với những sai sót mà các lái xe khác hoặc người đi bộ có thể gây ra và hãy luôn sẵn sàng để phòng tránh các tai nạn có thể xảy ra.

Sự sao nhãng trong khi đang lái xe: Hãy luôn luôn tập trung tối đa vào việc lái xe. Bất kỳ việc gì có thể làm cho người lái bị sao nhãng như điều chỉnh các thiết bị, nói chuyện điện thoại hoặc đọc tin nhắn đều có thể dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho bản thân bạn, hành khách trên xe hoặc những người khác.

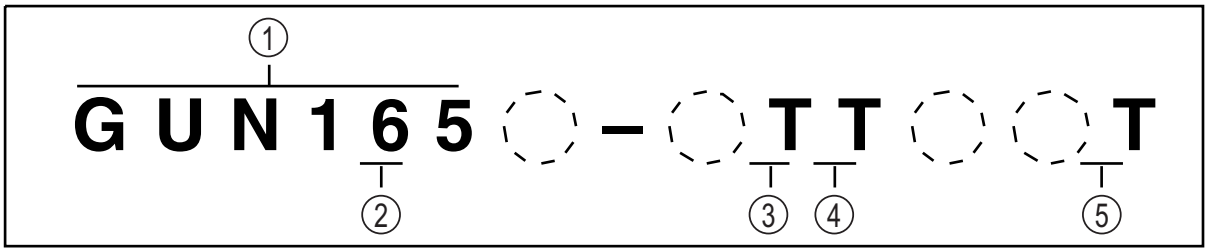
n **Lưu ý chung liên quan đến an toàn cho trẻ em**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các cửa sổ hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống cực lạnh và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

Kiểm tra kiểu xe

Hãy kiểm tra mã kiểu xe để biết kiểu xe của bạn.



① Mã cơ bản

GGN1*5: Xe được trang bị động cơ 1GR-FE
TGN1*6: Xe được trang bị động cơ 2TR-FE
GUN1*6: Xe được trang bị động cơ 1GD-FTV
GUN1*5: Xe được trang bị động cơ 2GD-FTV

② Hệ thống dẫn động

5: Xe 4WD
6: Xe Pre Runner (Gầm cao) (Xe hai bánh chủ động)

③ Nước sản xuất

C: Sản xuất tại Cambodia
D: Sản xuất tại Indonesia
E: Sản xuất tại Malaysia
G: Sản xuất tại Argentina
J: Sản xuất tại Kenya
N: Sản xuất tại Nam Phi
P: Sản xuất tại Pakistan
T: Sản xuất tại Thái Lan
U: Sản xuất tại Việt Nam
X: Sản xuất tại Ấn Độ
Z: Sản xuất tại Ai Cập

④ Kiểu hộp số

T: Hộp số tự động 6 cấp tốc độ
M: Hộp số thường 5 cấp tốc độ
F: Hộp số thường 6 cấp tốc độ

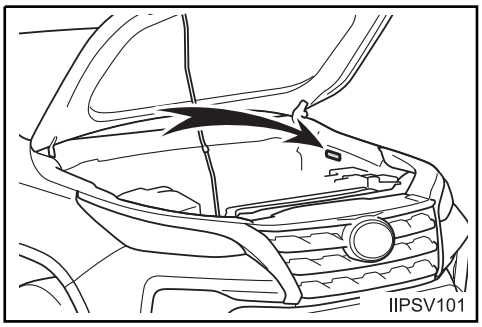
⑤ Thị trường tiêu thụ

D: Xe cho thị trường Inđônêsia
E: Xe cho thị trường Malaysia
F: Xe cho thị trường các nước Mỹ Latinh
G: Xe cho thị trường Argentina
J: Xe cho thị trường Kenya
M: Xe cho thị trường Philippine
N: Xe cho thị trường các nước Châu Phi
P: Xe cho thị trường Pakistan
T: Xe cho thị trường Thái Lan
U: Xe cho thị trường Việt Nam
V: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...
W: Xe cho thị trường Nga, vv..
X: Xe cho thị trường Bhutan
Z: Xe cho thị trường Ai Cập
Để trống:Xe cho thị trường chung...

Mã kiểu xe được ghi trên nhãn của nhà sản xuất, hoặc nhãn chứng nhận với phần tiêu đề "MODEL".
Nhãn sản phẩm được dán tại vị trí như trên hình minh họa.

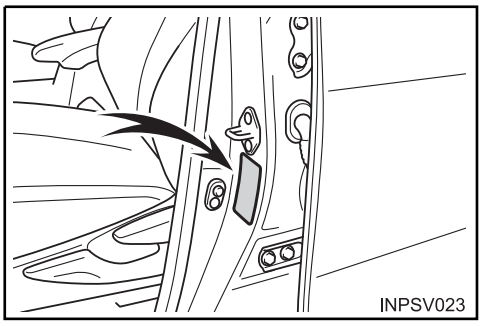
▶ Kiểu A

Nhãn của nhà sản xuất được dập ở phía bên của khoang động cơ.



▶ Kiểu B

Nhãn của nhà sản xuất hoặc nhãn Chứng nhận được dập ở trụ xe bên trái.



Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này

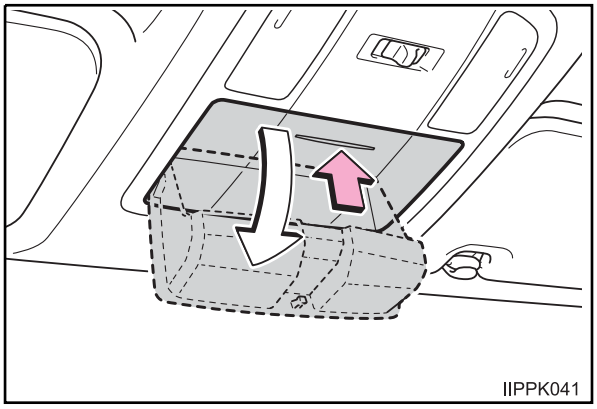
CẢNH BÁO:
Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý:
Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể gây hư hại cho xe hoặc các thiết bị trên xe.

1 2 3 ··· Chỉ thao tác hoặc quy trình thực hiện. Hãy thực hiện các bước theo số thứ tự.

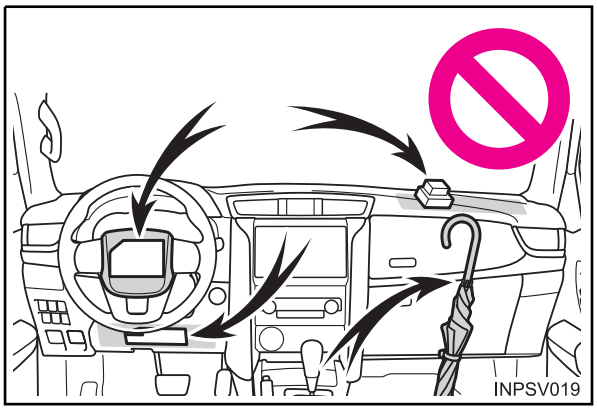
Chỉ hành động (ấn, xoay...) để điều khiển các công tắc hoặc thiết bị khác.

Chỉ hướng đi ra của một thao tác (Ví dụ: hướng mở ra của nắp ngăn đựng đồ).



Chỉ thiết bị hoặc vị trí sẽ được giải thích.

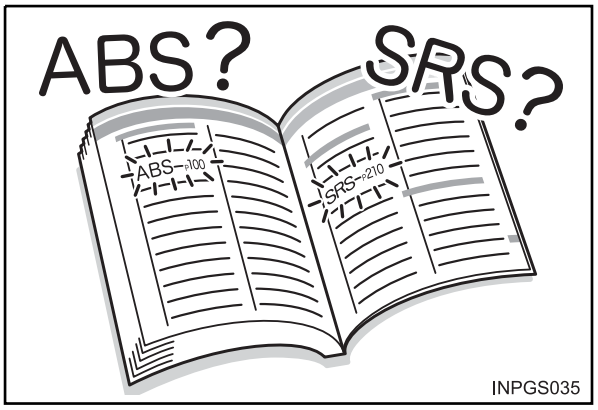
Biểu tượng này có nghĩa là "Không nên", "Không làm việc này" hoặc "Đừng để điều này xảy ra".



Cách tìm kiếm

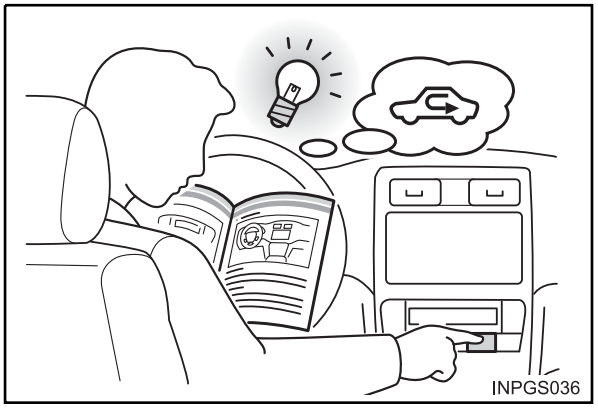
n **Tìm kiếm theo tên**

• Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái..... P. 682



n **Tìm kiếm theo vị trí lắp**

• Hình minh họa ..... P. 18



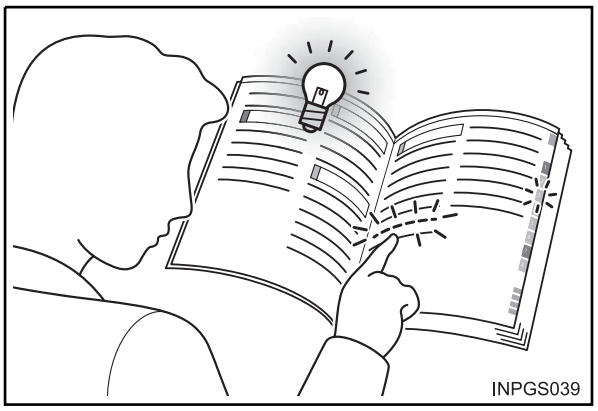
n **Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng hoặc âm thanh**

• Phải làm gì nếu… (Cách xử lý)..... P. 678



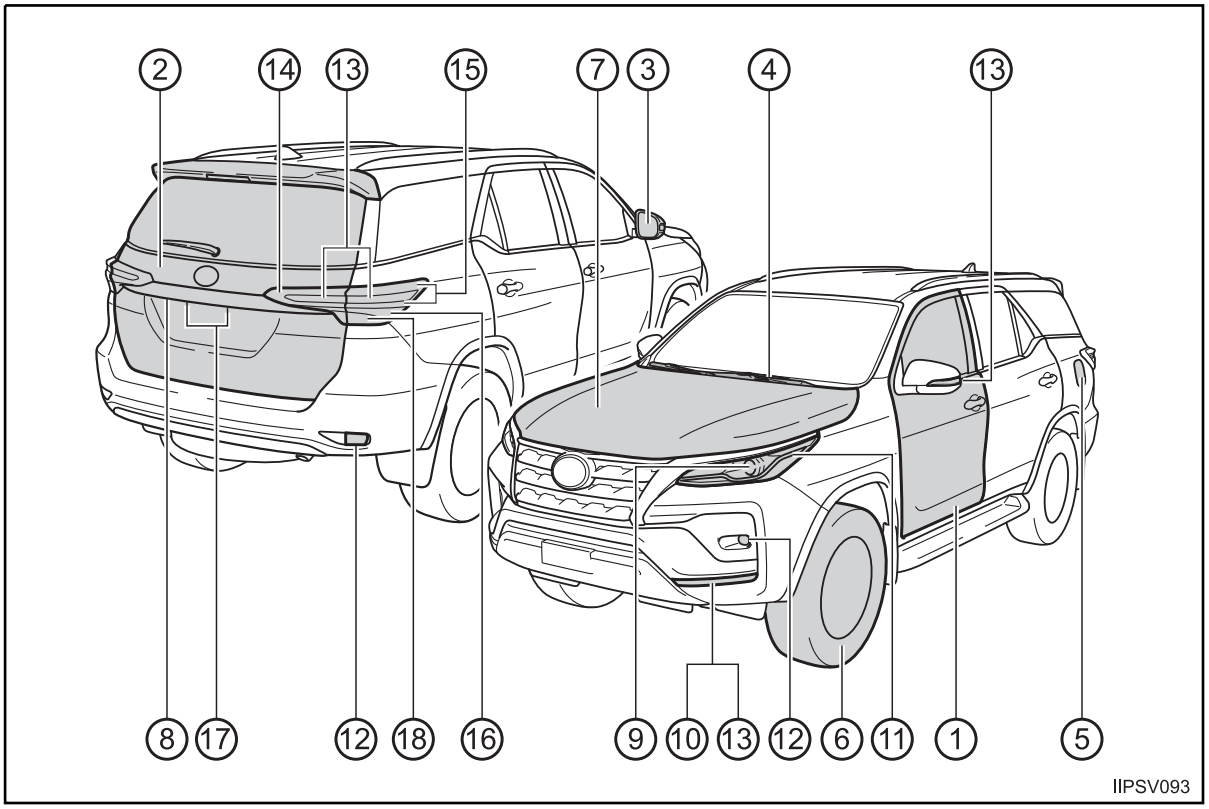
n **Tìm kiếm theo tiêu đề**

• Mục lục..... P. 2



Hình minh họa

n Bên ngoài xe



Hình dạng bên ngoài của xe có thể sẽ thay đổi theo cấp độ của xe, vv...

① **Cửa bên . . . . . P. 132**
Khóa/mở khóa. . . . . P. 132
Mở/đóng kính cửa sổ . . . . . P. 175
Khóa/mở khóa bằng chìa khóa cơ*1 . . . . . P. 623
Các thông điệp cảnh báo . . . . . P. 134

② **Cửa hậu . . . . . P. 138**
Khóa/mở khóa. . . . . P. 138
Mở từ bên trong xe*1 . . . . . P. 139
Mở từ bên ngoài xe. . . . . P. 140
Các thông điệp cảnh báo . . . . . P. 144

③ **Gương chiếu hậu bên ngoài xe . . . . . P. 173**
Điều chỉnh góc nghiêng của gương . . . . . P. 173
Gập gương . . . . . P. 173
Sấy gương*1 . . . . . P. 440

④ **Cần gạt nước rửa kính chắn gió. . . . . P. 235**
Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông . . . . . P. 365
Để tránh đóng băng (bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió)*1 . . . . . P. 433, 441

⑤ **Cửa nạp nhiên liệu . . . . . P. 239**
Phương pháp nạp nhiên liệu. . . . . P. 239
Loại nhiên liệu/dung tích bình nhiên liệu. . . . . P. 645

⑥ **Lốp xe. . . . . P. 537**
Cỡ lốp/áp suất lốp. . . . . P. 663
Lốp đi trong mùa đông/xích quấn lốp . . . . . P. 365
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp/đảo lốp/kiểm tra lốp*1 . . P. 537
Cách xử lý khi lốp bị xịt hơi. . . . . P. 607

⑦ **Nắp capô . . . . . P. 507**
Mở. . . . . P. 507
Dầu động cơ . . . . . P. 646
Cách xử lý khi xe quá nhiệt. . . . . P. 632

⑧ **Camera***1, 2

Các bóng đèn bên ngoài để lái xe
(Phương pháp thay thế: P. 561, Công suất: P. 664)

⑨ **Đèn pha . . . . . P. 228**

⑩ **Đèn vị trí phía trước. . . . . P. 228**

⑪ **Đèn chiếu sáng ban ngày. . . . . P. 228**

⑫ **Đèn sương mù phía trước*1/đèn sương mù phía sau*1 P. 232**

⑬ **Đèn xi nhan . . . . . P. 226**

⑭ **Đèn hậu . . . . . P. 228**

⑮ **Đèn hậu và đèn hông xe. . . . . P. 228**

⑯ **Đèn phanh**
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc*1 . . . . . P. 355

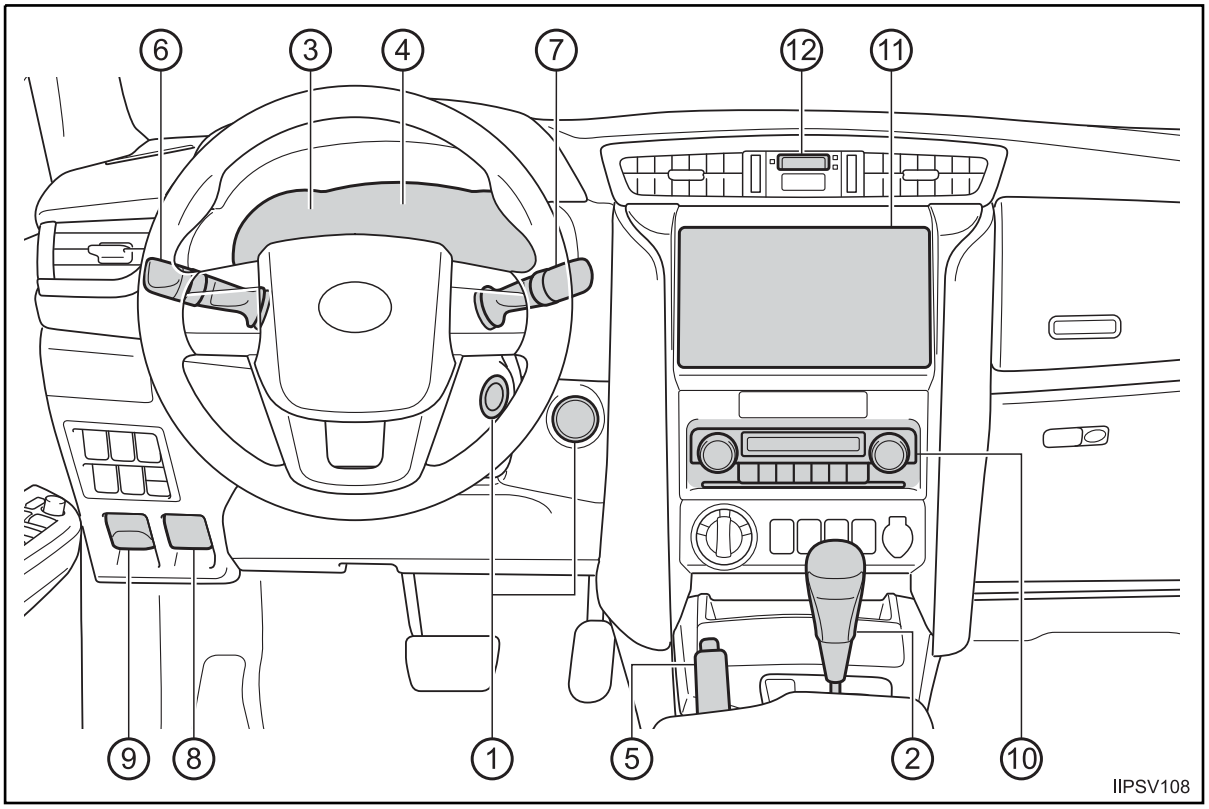
⑰ **Đèn soi biển số . . . . . P. 228**

⑱ **Các đèn lùi**
Chuyển cần số đến vị trí R . . . . . P. 209, 218

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện" hoặc "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Bảng táp lô



① **Công tắc động cơ . . . . . P. 199, 202**
Khởi động động cơ/thay đổi vị trí hoặc chuyển các chế độ của công tắc động cơ . . . . . P. 199, 202
Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp . . . . . P. 579
Khi động cơ không khởi động được . . . . . P. 621
Các thông điệp cảnh báo . . . . . P. 601

② **Cần số (hộp số tự động). . . . . P. 209**
Thay đổi vị trí chuyển số . . . . . P. 209
Các lưu ý khi kéo xe . . . . . P. 583
Khi cần số không dịch chuyển được . . . . . P. 216

Cần số (hộp số thường) . . . . . P. 218
Thay đổi vị trí chuyển số . . . . . P. 218
Các lưu ý khi kéo xe . . . . . P. 583

③ **Đồng hồ táp lô . . . . . P. 107**
Đọc các đồng hồ đo . . . . . P. 107
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô . . . . . P. 107
Đèn cảnh báo/đèn chỉ báo . . . . . P. 100
Khi đèn cảnh báo sáng lên . . . . . P. 593

④ **Màn hình đa thông tin . . . . . P. 111**
Khi xuất hiện các thông điệp cảnh báo . . . . . P. 601

⑤ **Cần phanh đỗ . . . . . P. 227**
Gài/nhả phanh đỗ . . . . . P. 227
Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông . . . . . P. 366
Đèn/chuông cảnh báo . . . . . P. 593

⑥ **Công tắc xi nhan . . . . . P. 226**
Công tắc đèn pha . . . . . P. 228
Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn hậu/đèn chiếu sáng ban ngày . . . . . P. 228
Đèn sương mù phía trước*1/đèn sương mù phía sau*1 . . P. 232

⑦ **Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió . . P. 235**
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu . . . P. 237
Sử dụng . . . . . P. 235, 237
Bổ sung nước rửa kính . . . . . P. 526
Các thông điệp cảnh báo*1 . . . . . P. 601

⑧ **Lẫy nhả khóa nắp capô . . . . . P. 507**

⑨ **Bộ mở cửa nạp nhiên liệu . . . . . P. 241**

⑩ **Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước*1 . . . P. 430**
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước*1 . . . P. 437

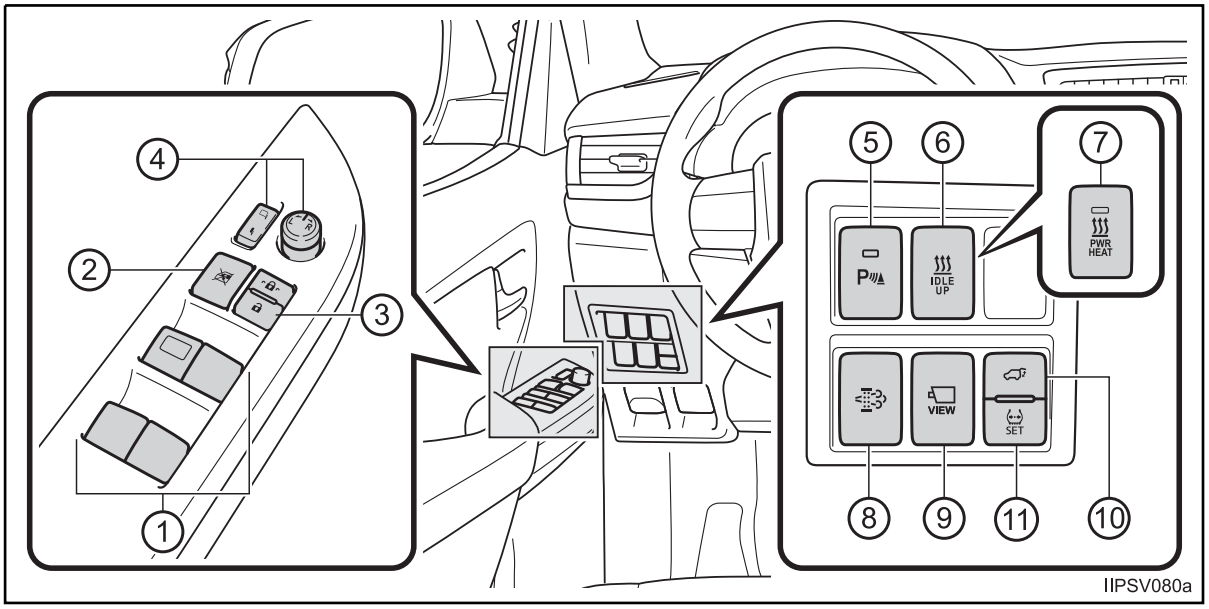
⑪ **Hệ thống âm thanh*1 . . . . . P. 372**
Cổng USB/cổng AUX . . . . . P. 376
Hệ thống đa phương tiện*1, 2
Hệ thống dẫn đường*1, 2
Hệ thống hỗ trợ quan sát phía sau*1, 2

⑫ **Đồng hồ . . . . . P. 467**

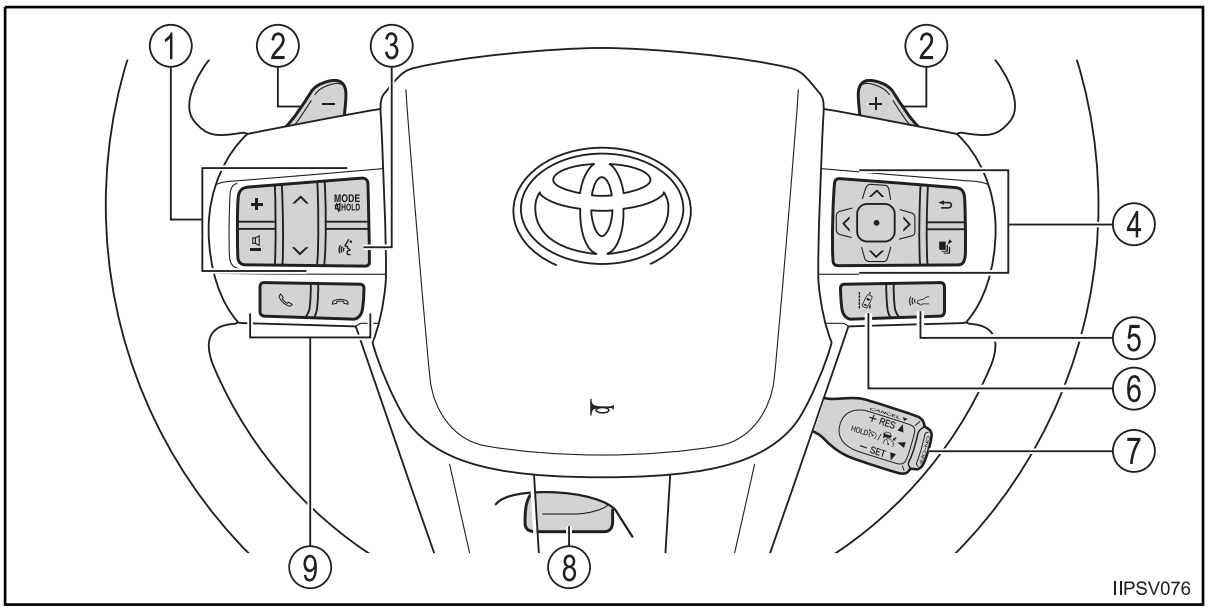
*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện" hoặc "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n Các công tắc



① Công tắc cửa sổ điều khiển điện . . . . . P. 175
② Công tắc khóa cửa sổ . . . . . P. 176
③ Công tắc khóa cửa . . . . . P. 134
④ Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài . . . . . P. 173
⑤ Công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*1 . . . . . P. 305
⑥ Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi*1 . . . . . P. 441
⑦ Công tắc bộ sấy điện*1 . . . . . P. 441
⑧ Công tắc hệ thống DPF*1 . . . . . P. 360
⑨ Công tắc camera*1, 2
⑩ Công tắc cửa hậu điều khiển điện*1 . . . . . P. 139
⑪ Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp*1 . . . . . P. 540



① **Các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng*3 . . . . . P. 374, 477**

② **Các công tắc chuyển số trên vô lăng*1 . . . . . P. 213, 214**

③ **Nút thoại*3, 4 . . . . . P. 477**

④ **Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô . . . . . P. 112**

⑤ **Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước*1 . . . . . P. 285**

⑥ **Công tắc LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)*1 . . . . . P. 260**

⑦ **Công tắc điều khiển chạy tự động*1**
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*1 . . . . . P. 277
Hệ thống điều khiển chạy tự động*1 . . . . . P. 293

⑧ **Cần nhả khóa nghiêng vô lăng . . . . . P. 169**

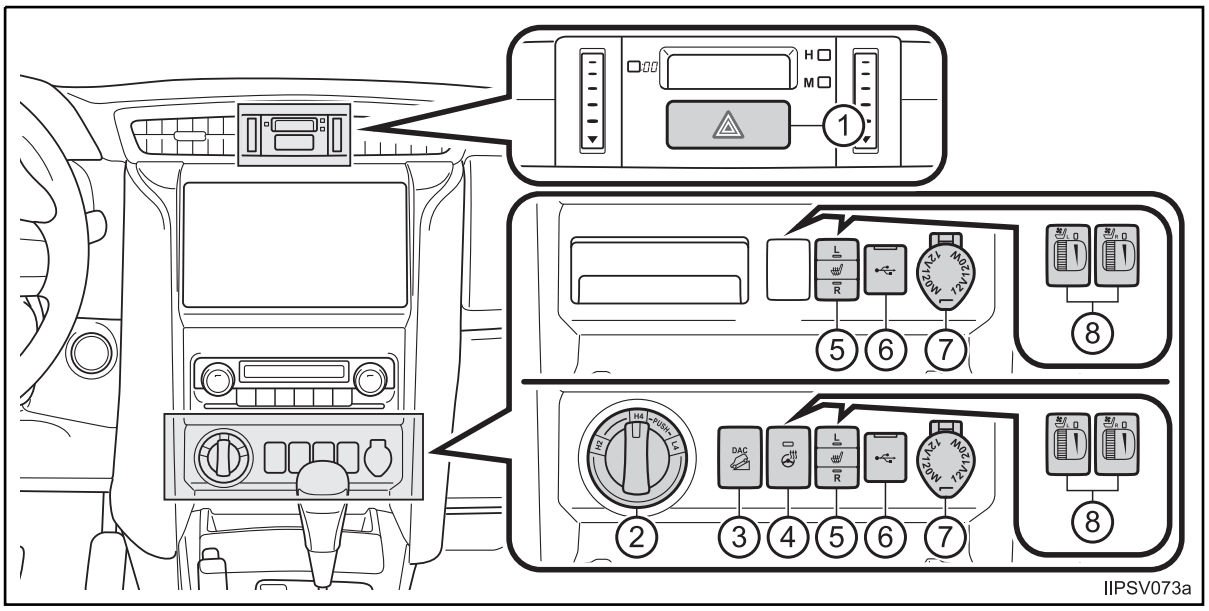
⑨ **Các công tắc điện thoại*3 . . . . . P. 112, 408, 477**

*1: Nếu có

*2: Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường.

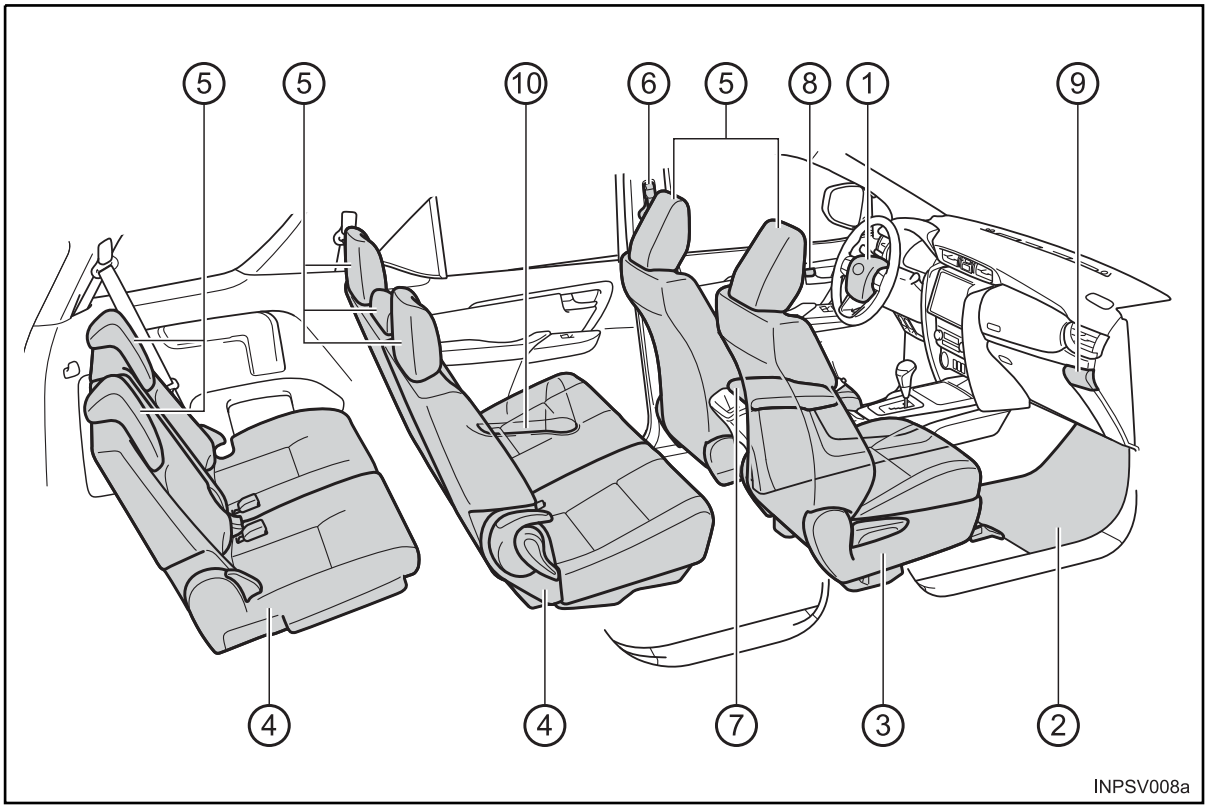
*3: Hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện" hoặc "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

*4: Có thể không được sử dụng nút vì còn tùy vào loại hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường.



① Công tắc đèn nháy khẩn cấp . . . . . P. 578
② Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước*1 . . . . . P. 323
③ Công tắc "DAC" (hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc)*1 . . . . . P. 355
④ Công tắc bộ sưởi vô lăng*1 . . . . . P. 449
⑤ Công tắc bộ sưởi ghế*1 . . . . . P. 449
⑥ Cổng USB*1, 2
⑦ Ổ điện. . . . . P. 468
⑧ Công tắc bộ thông gió cho ghế*1 . . . . . P. 449

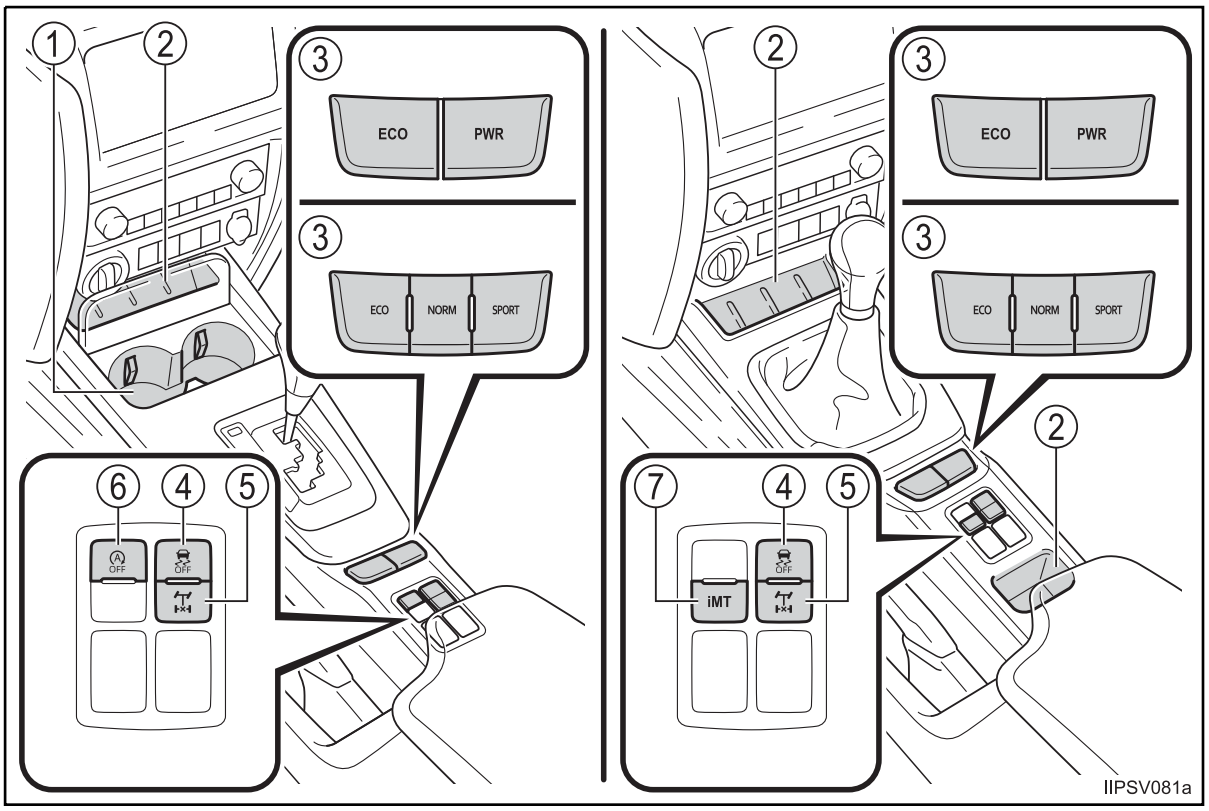
n Bên trong xe



① **Túi khí. . . . . P. 42**
② **Thảm trải sàn xe . . . . . P. 30**
③ **Ghế trước . . . . . P. 158**
④ **Ghế sau . . . . . P. 160**
⑤ **Tựa đầu . . . . . P. 167**
⑥ **Đai an toàn. . . . . P. 34**
⑦ **Hộp dầm. . . . . P. 457**
⑧ **Nút khóa cửa bên trong xe . . . . . P. 134**
⑨ **Ngăn để cốc . . . . . P. 458**
Hộp đựng đồ vặt . . . . . P. 461
⑩ **Ngăn để chai . . . . . P. 460**

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo sách “Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện” hoặc “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.



① **Ngăn để cốc** . . . . . **P. 458**

② **Hộp đựng đồ vặt** . . . . . **P. 461**

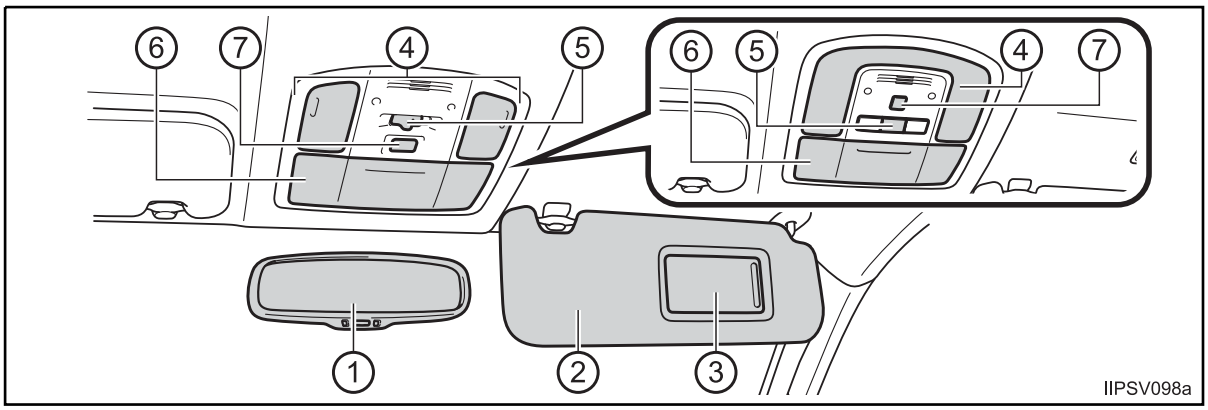
③ **Các công tắc chọn chế độ lái xe** . . . . . **P. 211, 219**

④ **Công tắc VSC OFF** . . . . . **P. 350**

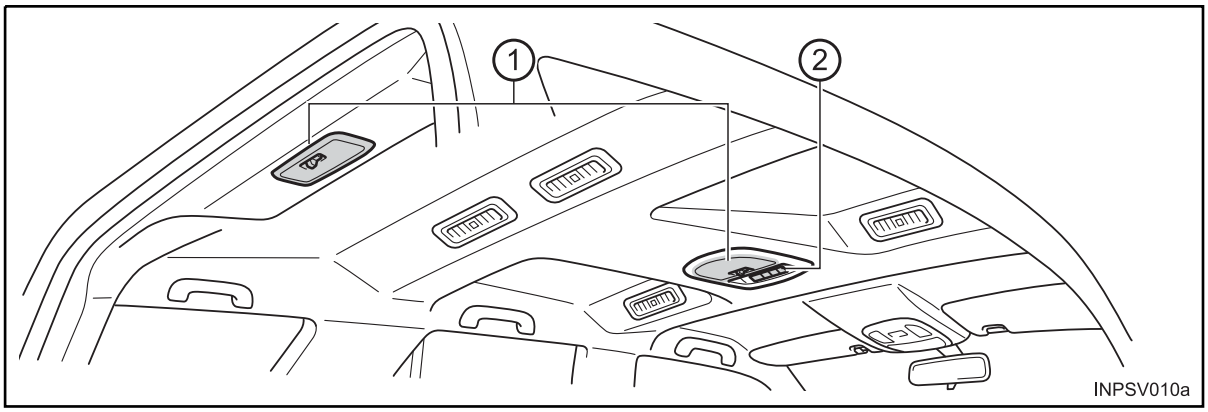
⑤ **Công tắc khóa vi sai sau*1** . . . . . **P. 334**

⑥ **Công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động*1** . . . . . **P. 339**

⑦ **Công tắc "iMT"*1** . . . . . **P. 221**



① **Gương chiếu hậu bên trong xe. . . . . P. 171**
② **Tấm chắn nắng*2 . . . . . P. 466**
③ **Gương trang điểm*1 . . . . . P. 466**
④ **Đèn cá nhân/đèn nội thất. . . . . P. 453**
⑤ **Công tắc chính điều khiển đèn cá nhân/đèn nội thất . P. 453**
⑥ **Hộp đựng đồ vặt . . . . . P. 461**
⑦ **Công tắc hủy cảm biến phát hiện xâm nhập *1 . . . . . P. 96**
Nút "SOS"*1, 3 . . . . . P. 85



① **Đèn nội thất. . . . . P. 454**
② **Cần điều chỉnh tốc độ quạt*1. . . . . P. 445**
Bảng điều khiển hệ thống làm mát phía sau*1. . . . . P. 447

*1: Nếu có

*2: KHÔNG BAO GIỜ đặt hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ CHỦ ĐỘNG ở phía trước, nếu không có thể sẽ gây CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ. (→P. 62)



*3: Nút này không thể sử dụng cho xe không có ERA-GLONASS/EVAK.

Sử dụng xe an toàn 1

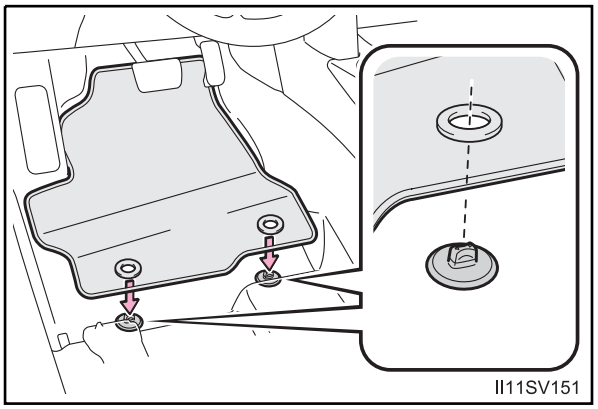
1-1. Để lái xe an toàn
Trước khi lái xe 30
Để lái xe an toàn 32
Đai an toàn 34
Túi khí 42
Các lưu ý với khí xả 53
1-2. An toàn cho trẻ nhỏ
Hệ thống bật-tắt chức năng của túi khí bằng tay 54
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 56
Hệ thống ghế cho trẻ em .. 57
1-3. Hỗ trợ khẩn cấp
Dịch vụ kết nối của Toyota 80
ERA-GLONASS/EVAK 85
1-4. Hệ thống chống trộm
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 90
Hệ thống khóa kép 92
Hệ thống báo động 94

Trước khi lái xe

Thảm trải sàn xe

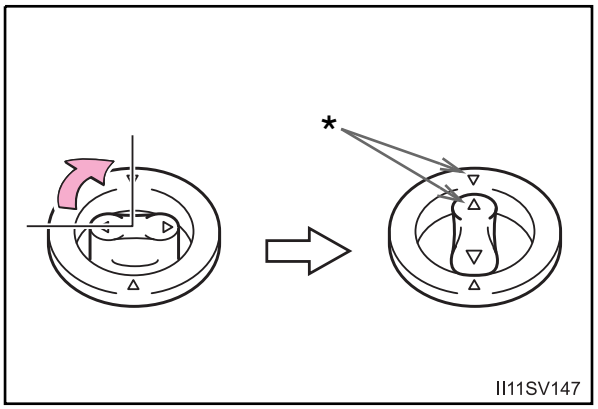
Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế riêng cho cùng kiểu xe và năm sản xuất như xe của bạn. Hãy lắp thảm trải sàn xe chắc chắn vào đúng vị trí trên tấm lót sàn xe.

1 Cắm móc hãm (kẹp hãm) vào lỗ lắp thảm trải sàn xe.



2 Hãy xoay núm phía trên của từng móc hãm (kẹp hãm) để cố định thảm trải sàn xe.

*: Luôn gióng thẳng các dấu △ khi lắp thảm.



Hình dạng của các móc hãm (kẹp hãm) trên thực tế có thể sẽ khác với hình minh họa.

⚠ CẢNH BÁO

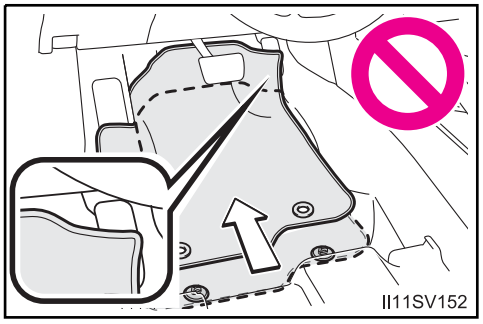
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ làm cho thảm trải sàn xe của người lái bị trượt, và vướng vào các bàn đạp trong khi lái xe. Xe có thể bị tăng tốc đột ngột hoặc khó để phanh xe lại. Tình trạng này có thể sẽ gây ra tai nạn và dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp thảm trải sàn xe phía người lái**

- Không sử dụng thảm trải sàn xe được thiết kế cho các kiểu xe khác hoặc đời xe khác, kể cả khi đó là thảm trải sàn xe chính hiệu của Toyota.
- Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế cho ghế của người lái.
- Luôn cố định thảm trải sàn xe một cách chắc chắn bằng cách dùng các móc hãm (kẹp hãm).
- Không chồng hai hoặc nhiều thảm trải sàn xe lên nhau.
- Không đặt thảm trải sàn xe ngược mặt.

n **Trước khi lái xe**

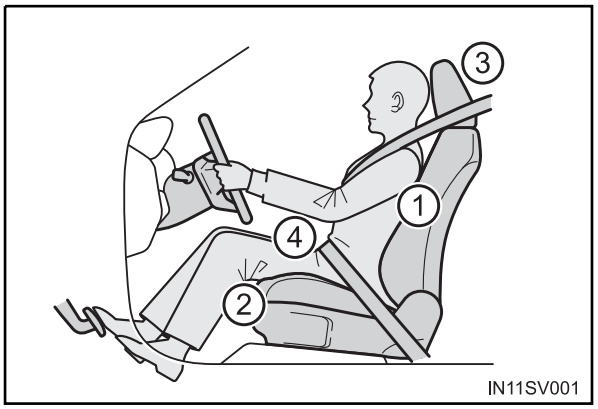
- Hãy kiểm tra rằng thảm trải sàn xe đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trị bằng các móc hãm (kẹp hãm) đi kèm. Hãy đặc biệt chú ý kiểm tra sau khi vệ sinh sàn xe.
- Với động cơ đã tắt máy và cần số ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường), hãy đạp hết cỡ từng bàn đạp một để đảm bảo rằng chúng không bị vướng vào thảm trải sàn xe.



Để lái xe an toàn

Để đảm bảo lái xe an toàn, hãy điều chỉnh gương và ghế đến vị trí phù hợp trước khi lái xe.

Tư thế lái xe đúng



① Điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế để người lái ngồi thẳng và không ngả người về phía trước vô lăng. (→P. 158)

② Hãy điều chỉnh ghế sao cho bạn có thể đạp hết cỡ các bàn đạp và khuỷu tay hơi gập xuống khi điều khiển vô lăng. (→P. 158)

③ Khóa tựa đầu tại vị trí mà tâm của tựa đầu gần với đỉnh tai của bạn nhất. (→P. 167)

④ Thắt đai an toàn đúng cách. (→P. 34)

Sử dụng đai an toàn đúng cách

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn trước khi lái xe. (→P. 34)

Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ, cho tới khi trẻ đủ lớn để sử dụng được đai an toàn một cách chính xác. (→P. 57)

Điều chỉnh các gương

Hãy đảm bảo rằng bạn có thể quan sát rõ phía sau xe bằng cách điều chỉnh gương chiếu hậu bên trong và bên ngoài xe một cách chính xác. (→P. 171, 173)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

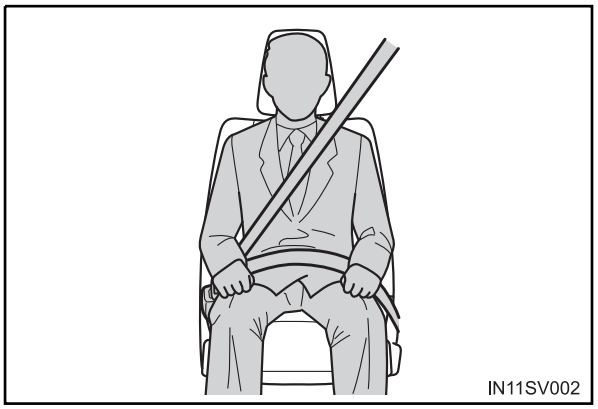
- Không điều chỉnh vị trí ghế của người lái trong khi đang lái xe.
  Nếu không sẽ có thể làm cho người lái không điều khiển được xe.
- Không đặt tấm nệm lót giữa người lái hoặc hành khách với lưng ghế.
  Tấm nệm lót sẽ có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tư thế ngồi đúng và làm giảm hiệu quả bảo vệ của đai an toàn và tựa đầu.
- Không để bất kỳ đồ vật nào phía dưới các ghế trước.
  Những vật được đặt phía dưới các ghế trước có thể bị kẹt trên các ray trượt ghế và làm cho ghế bị kẹt. Điều này có thể dẫn tới tai nạn và cơ cấu điều chỉnh ghế cũng có thể bị hỏng.
- Luôn tuân theo giới hạn tốc độ cho phép khi lái xe trên đường.
- Khi lái xe đường dài, hãy nghỉ ngơi thường xuyên trước khi bạn cảm thấy mệt mỏi.
  Nếu bạn cảm thấy mệt và buồn ngủ trong khi lái xe, thì đừng cố lái, hãy ngay lập tức dừng xe và nghỉ ngơi một lúc.

Đai an toàn

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

Sử dụng đai an toàn đúng cách

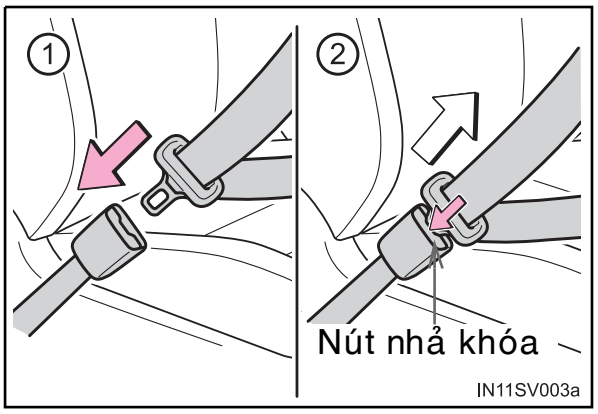
- Hãy kéo đai vai ra sao cho nó vòng qua vai, nhưng không được để đai thít vào cổ hoặc tuột ra khỏi vai.
- Hãy đặt đai hông qua hông càng thấp càng tốt.
- Điều chỉnh vị trí của lưng ghế. Hãy ngồi thẳng và tựa sát vào lưng ghế.
- Không để đai an toàn bị xoắn.



Thắt và nhả đai an toàn (trừ hàng ghế thứ hai)

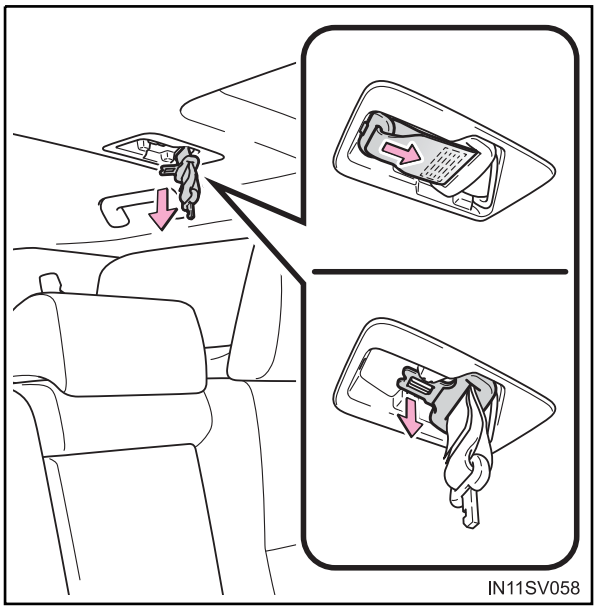
① Để thắt đai an toàn, hãy cắm và ấn móc khóa vào trong kẹp khóa cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

② Để tháo đai an toàn, hãy ấn vào nút nhả khoá.



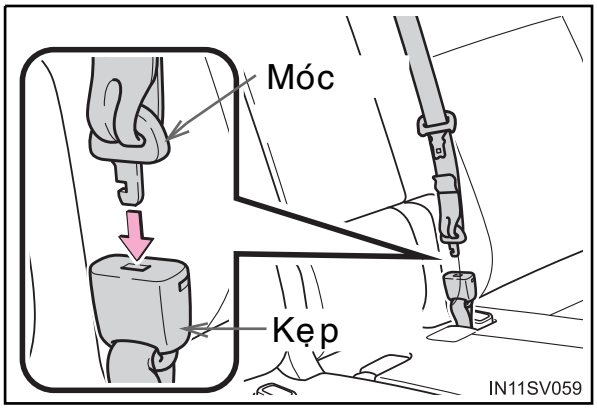
Thắt đai an toàn (cho ghế giữa hàng thứ hai)

1 Hãy kéo móc khóa ra để tháo, rồi kéo đai an toàn ra.

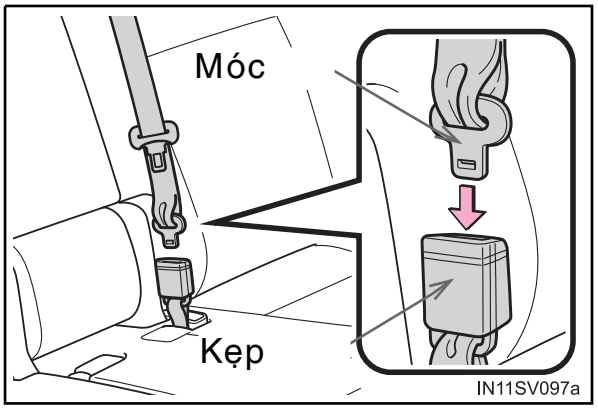


2 Nối đai bằng cách cắm móc khóa B vào kẹp khóa B cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

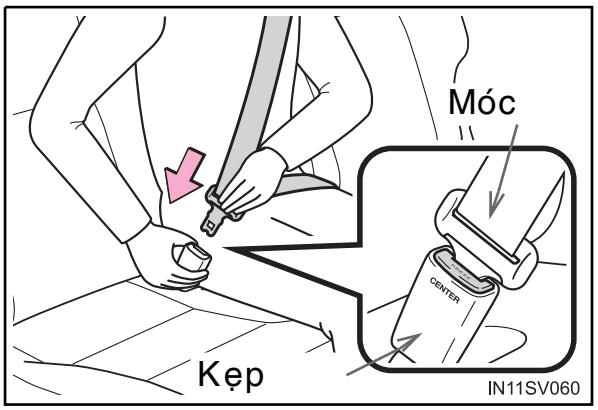
▶ Kiểu A



▶ Kiểu B

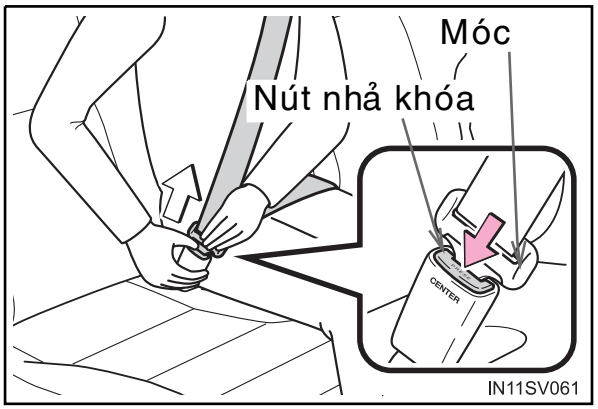


3 Cố định đai an toàn bằng cách cắm móc khóa A vào kẹp khóa A cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



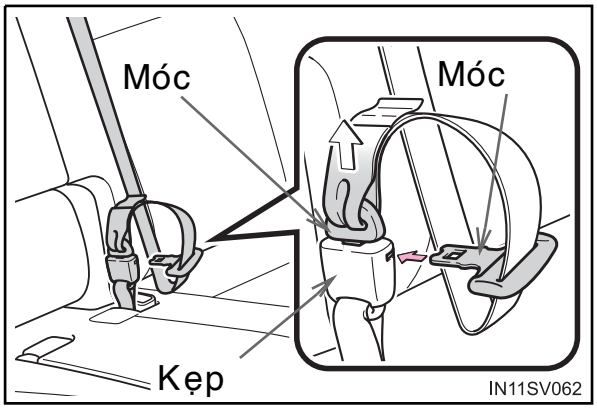
Nhả đai an toàn (cho ghế giữa hàng thứ hai)

1 Để nhả móc khóa A, hãy ấn nút nhả kẹp khóa.

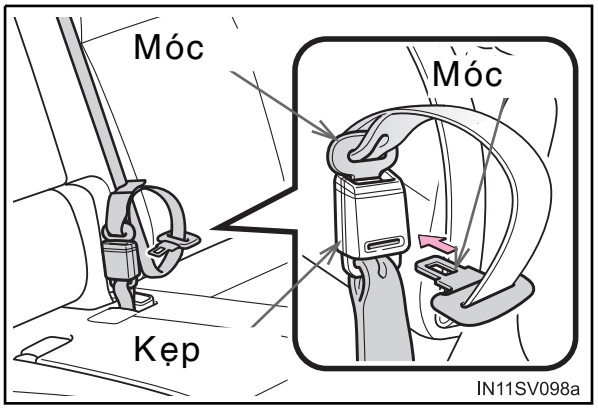


2 Để nhả móc khóa B, hãy cắm móc khóa A... vào lỗ trên kẹp khóa B.

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B

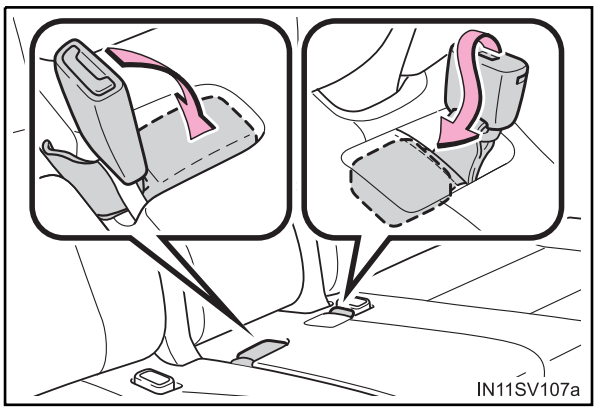


3 Gài móc khóa A vào giá đỡ, sau đó cắm móc khóa B vào lỗ trên giá đỡ.

Hãy gài các móc khóa một cách chắc chắn.



4 Cất gọn các kẹp khóa.

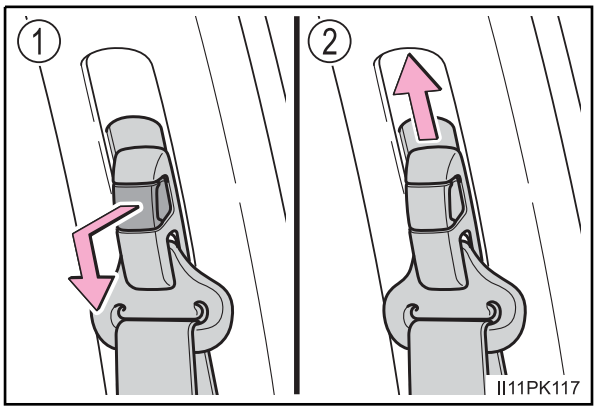


Điều chỉnh chiều cao của móc treo đai vai (ghế trước)

① Hãy ấn móc treo đai vai xuống trong khi kéo nút nhả khóa trên móc treo đai vai ra.

② Đẩy móc treo đai vai lên.

Hãy dịch bộ điều chỉnh chiều cao đai lên và xuống cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

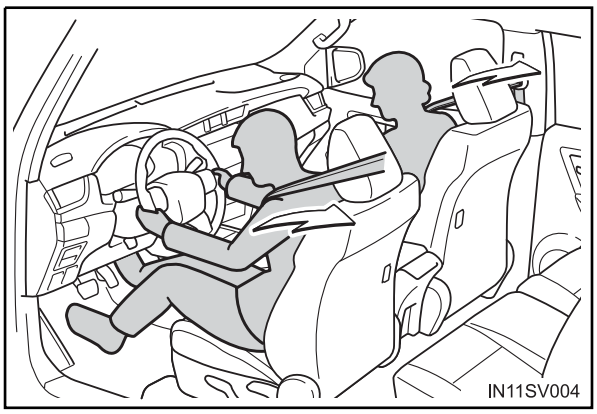


Bộ căng đai khẩn cấp (trên ghế trước)

▶ Xe không có túi khí bên và túi khí rèm

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ giúp dây đai nhanh chóng bảo vệ hành khách bằng cách thu ngắn đai lại khi xe bị một số kiểu va chạm mạnh từ phía trước.

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không kích hoạt trong trường hợp xe bị va chạm nhẹ từ phía trước, va chạm từ phía bên, va chạm từ phía sau hoặc lật xe.



▶ Xe có túi khí bên và túi khí rèm

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ giúp đai an toàn nhanh chóng giữ chặt người dùng bằng cách thu đai lại trong trường hợp xe bị một số kiểu va chạm mạnh ở phía trước hoặc phía bên.

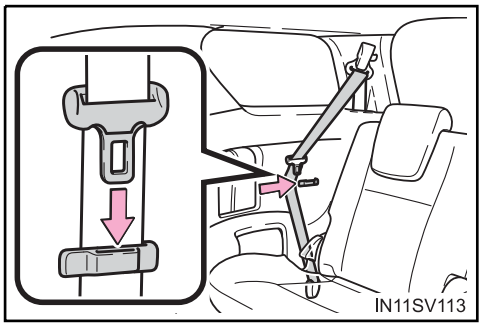
Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không kích hoạt trong trường hợp va chạm nhẹ từ phía trước, va chạm nhẹ từ phía bên, va chạm từ phía sau hoặc bị lật xe.

n Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp (ELR)

Bộ cuốn sẽ khóa chặt đai an toàn lại trong khi phanh gấp hoặc khi xe bị va chạm. Đai an toàn cũng có thể sẽ bị khóa khi bạn ngả người ra phía trước quá nhanh. Hãy di chuyển chậm rãi, khi đó đai có thể kéo dài ra và bạn có thể dịch chuyển ra xung quanh một cách bình thường được.

n Khi không sử dụng đai an toàn ở hàng ghế thứ ba

Hãy luồn đai an toàn qua các móc treo đai và cố định móc khóa.



n Sử dụng đai an toàn cho trẻ em

Đai an toàn trên xe của bạn chủ yếu được thiết kế để cho người lớn sử dụng.

- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác. (→P. 57)
- Khi trẻ đã đủ lớn để có thể sử dụng đai an toàn trên xe đúng cách, hãy tuân theo hướng dẫn sử dụng đai an toàn. (→P. 34)

n Thay đai an toàn sau khi bộ căng đai khẩn cấp đã kích hoạt (các ghế trước)

Nếu xe bị va chạm nhiều lần, thì bộ căng đai khẩn cấp sẽ chỉ kích hoạt cho lần va chạm đầu tiên, nhưng không kích hoạt cho lần va chạm thứ hai hoặc sau đó nữa.

n Quy định về đai an toàn

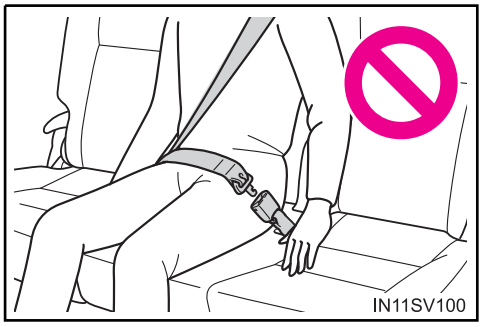
Nếu như tại quốc gia mà bạn sinh sống có các quy định về đai an toàn, hãy liên hệ với đại lý Toyota để thay thế hoặc lắp đặt đai an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Thắt đai an toàn**

- Hãy đảm bảo rằng mọi hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách.
- Luôn thắt đai an toàn đúng cách.
- Mỗi đai an toàn chỉ được dùng cho một người. Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều người cùng lúc, kể cả với trẻ em.
- Chúng tôi khuyên bạn nên để trẻ em ngồi ở ghế sau và luôn sử dụng đai an toàn và/hoặc hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp.
- Để đảm bảo tư thế ngồi đúng, không được ngả lưng ghế quá nhiều. Đai an toàn có tác dụng bảo vệ tốt nhất khi người dùng ngồi thẳng và tựa sát lưng vào ghế.
- Không để đai vai nằm dưới cánh tay của bạn.
- Luôn luôn giữ đai căng qua hông của bạn.
- Không sử dụng đai an toàn ở ghế giữa hàng thứ hai với một trong hai kẹp khóa đã nhả ra. Nếu chỉ có một trong hai kẹp khóa được gài có thể sẽ dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng cho người sử dụng khi phanh gấp, đánh lái gấp hoặc khi xe bị va chạm.



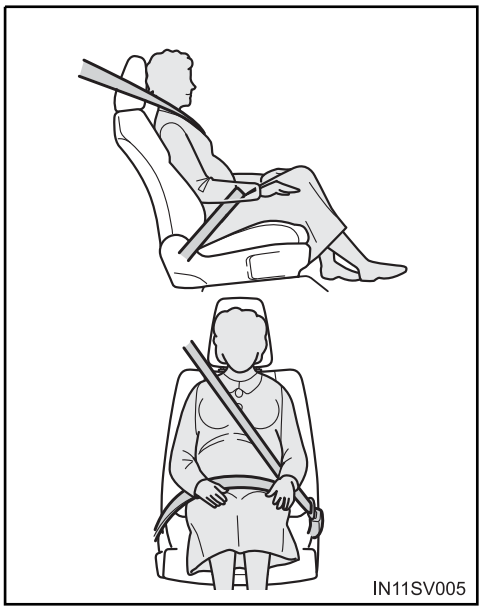
⚠ CẢNH BÁO

n **Phụ nữ có thai**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P. 34)

Cũng như những người dùng khác, phụ nữ có thai cũng nên đặt đai hông ở dưới hông càng thấp càng tốt. Hãy kéo đai vai ra hết cỡ vòng qua vai và tránh để đai tiếp xúc tỳ lên phần nhô lên của bụng.

Nếu thắt đai an toàn không đúng cách, không những phụ nữ có thai mà còn cả thai nhi đều có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp hoặc xe bị va chạm.



n **Người ốm**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P. 34)

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

→P. 75

n **Bộ căng đai khẩn cấp (trên ghế trước)**

Nếu bộ căng đai khẩn cấp đã được kích hoạt, thì đèn cảnh báo túi khí sẽ sáng lên. Trong trường hợp này, đai an toàn sẽ không thể dùng lại được nữa và bạn cần phải cho thay đai tại đại lý Toyota.

n **Móc treo đai vai có thể điều chỉnh được (ghế trước)**

Hãy luôn đảm bảo rằng đai vai phải được đặt chéo qua phần giữa vai bạn. Đai nên được đặt càng xa cổ càng tốt, nhưng không được nằm dưới vai bạn. Nếu không, có thể sẽ làm giảm khả năng bảo vệ khi xe bị tai nạn và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái đột ngột hoặc bị tai nạn. (→P. 37)

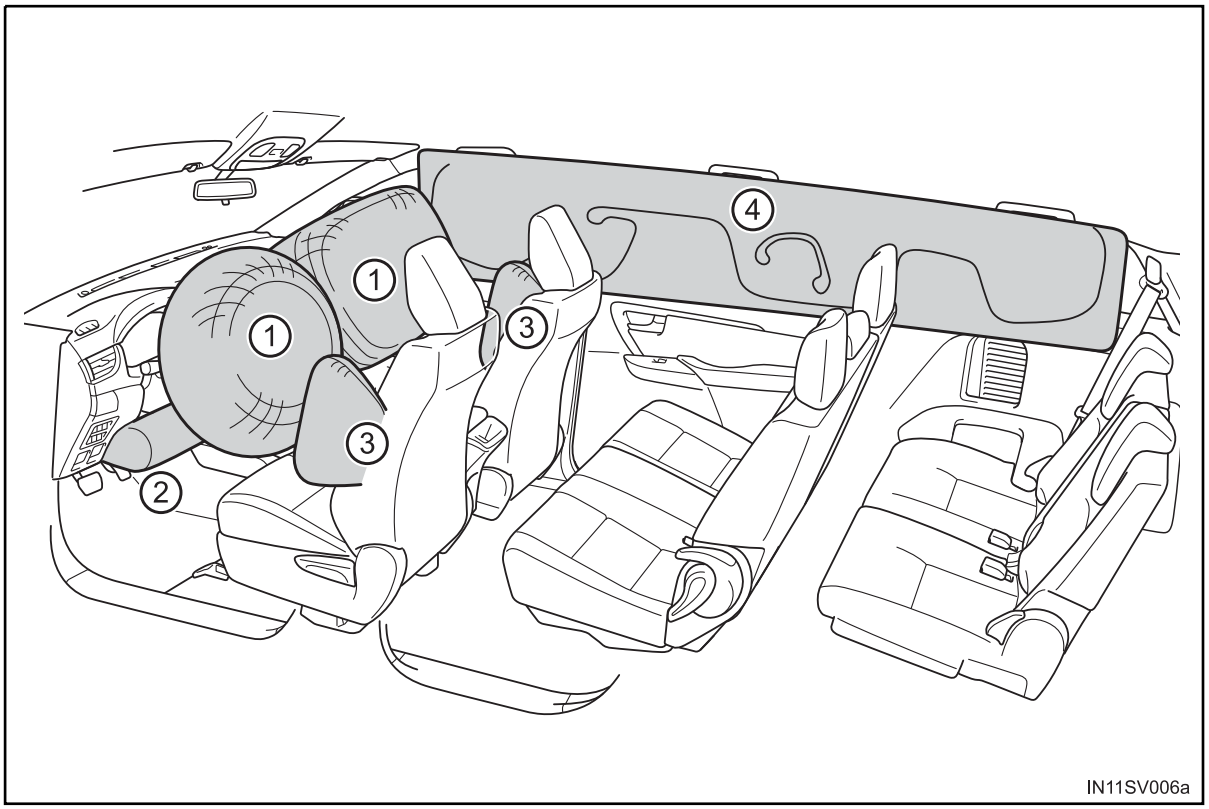
⚠ CẢNH BÁO

n **Đai an toàn bị hỏng và sờn**

- Không được để đai, móc khóa hay kẹp khóa bị kẹt vào cửa gây ra hỏng hóc.
- Hãy kiểm tra định kỳ hệ thống đai an toàn. Hãy kiểm tra xem đai có bị đứt, bị sờn, hoặc có chi tiết nào bị lỏng không. Không sử dụng đai an toàn đã bị hỏng cho tới khi nó được thay thế. Đai an toàn đã bị hỏng sẽ không thể bảo vệ người dùng khỏi chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong được.
- Hãy đảm bảo rằng đai và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
  Nếu đai an toàn hoạt động không chính xác, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.
- Hãy thay cả cụm ghế, gồm cả đai an toàn nếu xe của bạn đã bị tai nạn nghiêm trọng, kể cả khi không thấy chúng bị hư hỏng gì.
- Không được cố gắng lắp đặt, thay thế, sửa đổi, tháo rời hoặc hủy các đai an toàn. Hãy yêu cầu đại lý Toyota sửa chữa nếu cần thiết. Những tác động không phù hợp có thể làm cho bộ căng đai hoạt động thiếu chính xác, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Túi khí

Các túi khí sẽ nổ khi xe chịu những va chạm mạnh nhất định mà có thể sẽ gây ra chấn thương nghiêm trọng cho hành khách trong xe. Các túi khí sẽ hoạt động kết hợp cùng với hệ thống đai an toàn để giảm thiểu nguy cơ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng cho người dùng.



u Túi khí phía trước

① Túi khí hành khách phía trước/túi khí người lái
Giúp bảo vệ phần đầu và phần ngực của người lái và hành khách phía trước không va chạm với các trang thiết bị nội thất của xe

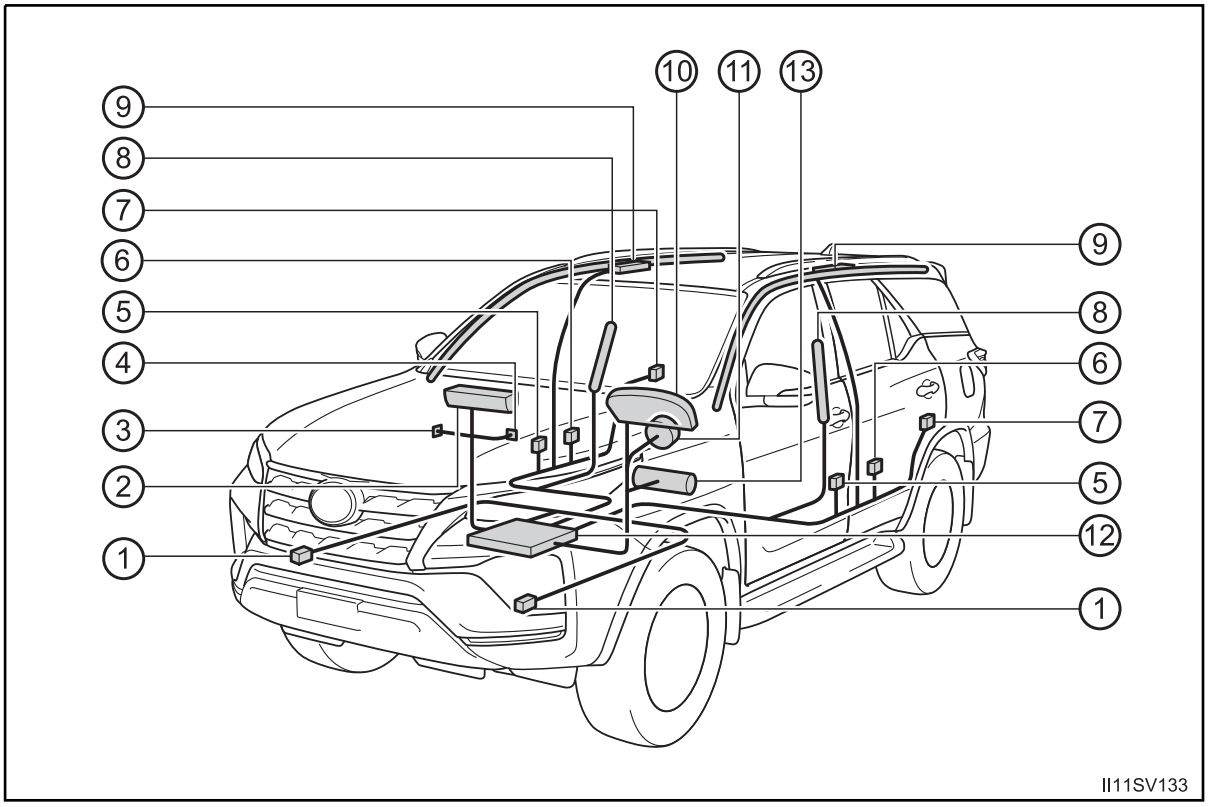
② Túi khí bảo vệ đầu gối cho người lái
Giúp bảo vệ cho người lái

u Túi khí bên và túi khí rèm

③ Túi khí bên (nếu có)
Giúp bảo vệ phần thân của hành khách trên ghế trước

④ Túi khí rèm (nếu có)
Giúp bảo vệ chính cho phần đầu của các hành khách ngồi ở ghế ngoài

Các chi tiết của hệ thống túi khí



① Cảm biến va chạm phía trước

② Túi khí hành khách phía trước

③ Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay (nếu có)

④ Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG" (nếu có)

⑤ Cảm biến va chạm bên (cửa trước) (nếu có)

⑥ Bộ căng đai khẩn cấp và bộ giới hạn căng đai

⑦ Cảm biến va chạm bên (phía sau) (nếu có)

⑧ Túi khí bên (nếu có)

⑨ Túi khí rèm (nếu có)

⑩ Đèn cảnh báo túi khí

⑪ Túi khí cho người lái

⑫ Cụm cảm biến túi khí

⑬ Túi khí bảo vệ đầu gối người lái

Các chi tiết chính của hệ thống túi khí đã được giới thiệu ở trên. Hệ thống túi khí được điều khiển bởi cụm cảm biến túi khí. Khi túi khí nổ, một phản ứng hóa học sẽ nhanh chóng bơm căng túi khí bằng khí không độc để hạn chế chuyển động lao về phía trước của hành khách.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các lưu ý với túi khí**

Hãy tuân theo các lưu ý sau liên quan đến các túi khí.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Người lái và tất cả hành khách trong xe phải thắt đai an toàn chính xác.
  Các túi khí là các thiết bị bổ sung được sử dụng cùng với hệ thống đai an toàn.
- Túi khí cho người lái sẽ bung ra với một lực rất mạnh, và có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng, đặc biệt là khi người lái ngồi quá gần túi khí.

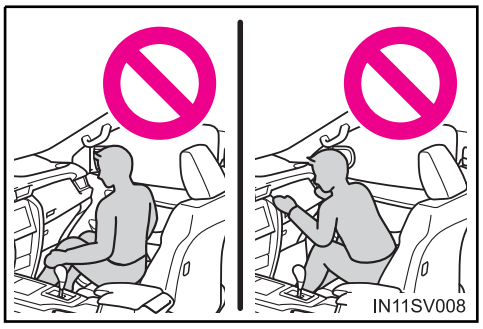
  Vì vùng nguy hiểm của túi khí người lái là trong phạm vi từ 50 đến 75 mm đầu tiên, hãy ngồi cách xa túi khí người lái một khoảng 250 mm để đảm bảo khoảng cách an toàn. Khoảng cách này được đo từ tâm của vô lăng tới xương ngực của bạn. Nếu như bạn ngồi cách túi khí chưa tới 250 mm thì bạn có thể thay đổi vị trí lái bằng nhiều cách như:
  - Dịch lùi ghế về phía sau càng xa càng tốt nhưng vẫn phải đảm bảo khả năng điều khiển các bàn đạp một cách thoải mái.
  - Hơi ngả lưng ghế. Mặc dù thiết kế của các xe là khác nhau, rất nhiều người lái có thể giữ được khoảng cách tới vô lăng là 250 mm, ngay cả khi ghế của người lái dịch hẳn về phía trước, chỉ bằng cách nghiêng lưng ghế một chút. Nếu nghiêng lưng ghế dẫn đến tình trạng khó quan sát đường, hãy nâng người bạn lên bằng một miếng đệm không trượt hoặc nâng ghế lên nếu xe có chức năng này.
  - Nếu có thể điều chỉnh được vô lăng, hãy hạ thấp nó xuống. Việc này sẽ hướng túi khí vào ngực thay vì hướng vào đầu và cổ của bạn.

  Bạn nên điều chỉnh ghế lái theo hướng dẫn ở trên, đồng thời vẫn phải đảm bảo kiểm soát tốt các bàn đạp, vô lăng và khả năng quan sát bảng táp lô.
- Túi khí hành khách phía trước cũng sẽ bung ra với lực rất mạnh và có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng nếu như hành khách phía trước ngồi quá gần túi khí. Hành khách ngồi trên ghế trước nên dịch ghế cách túi khí càng nhiều càng tốt và dựng thẳng lưng ghế.
- Người ngồi không đúng cách và/hoặc trẻ sơ sinh và trẻ em được hạn chế va đập không đúng cách có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí nổ. Với trẻ sơ sinh hoặc trẻ quá nhỏ không thể sử dụng được đai an toàn, bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp để giữ trẻ. Chúng tôi thành thực khuyên bạn nên để trẻ em và trẻ sơ sinh ở hàng ghế sau và sử dụng các biện pháp hạn chế va đập phù hợp cho trẻ. Hàng ghế sau an toàn hơn dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh so với ghế hành khách phía trước. (→P. 57)

CẢNH BÁO

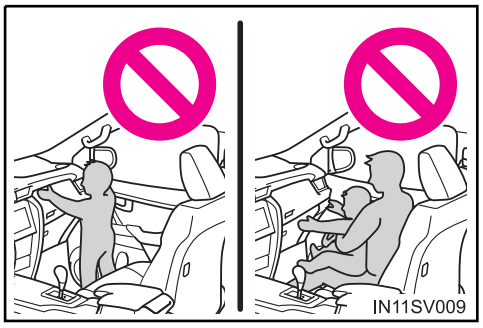
n **Các lưu ý với túi khí**

l Không ngồi lên mép ghế hoặc ngả người vào mặt táp lô.



l Không để trẻ đứng ở phía trước túi khí hành khách phía trước hoặc ngồi trong lòng của hành khách phía trước.

l Không để hành khách ngồi trên ghế trước ôm đồ vật trong lòng.



l Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không ngả người ra cửa xe, tấm ốp phía bên dọc trần xe hoặc trụ trước, trụ bên và trụ sau xe.



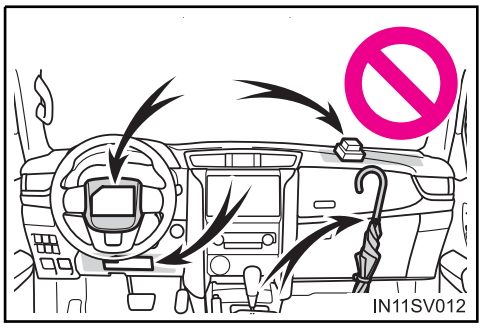
l Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không để người nào quỳ trên ghế hành khách phía trước và nghiêng người ra phía cửa xe hoặc thò đầu hoặc tay ra khỏi xe.



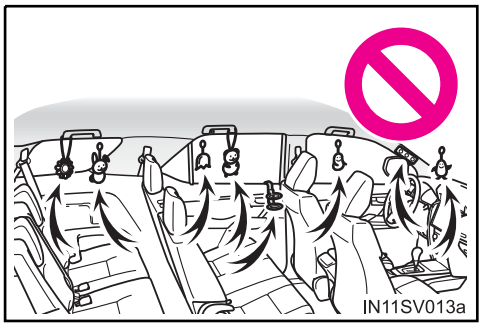
⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý với túi khí

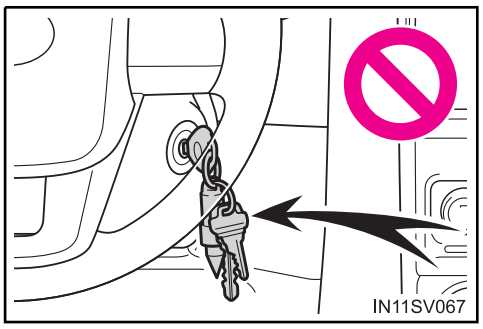
- Không được gắn hoặc đặt bất cứ thứ gì lên mặt táp lô hoặc mặt vô lăng và phía dưới của bảng táp lô.
  Những đồ vật đó có thể sẽ bị bắn văng ra khi túi khí người lái, túi khí hành khách phía trước và túi khí bảo vệ đầu gối được kích hoạt.



- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không gắn bất cứ vật gì lên các khu vực như cửa xe, kính chắn gió, kính cửa bên, trụ trước hoặc trụ sau, dầm bên mui xe và tay nắm.



- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không gắn các vật nặng, sắc nhọn hoặc vật cứng như chìa khóa hoặc phụ kiện vào chìa khóa xe. Những vật này có thể sẽ làm cản trở tới quá trình bung ra của túi khí bảo vệ đầu gối hoặc chúng sẽ bị bắn văng vào vị trí ghế lái do lực nổ của túi khí và gây ra nguy hiểm.



- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không treo móc treo áo hoặc các đồ vật khác lên móc treo. Những đồ vật đó có thể sẽ bắn văng ra và gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho hành khách trên xe khi túi khí rèm bị kích hoạt.
- Nếu như tấm che bằng nhựa dẻo được đặt tại vị trí mà túi khí bảo vệ đầu gối có thể chạm tới khi nó kích hoạt thì hãy bỏ tấm che đó ra.
- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không sử dụng các phụ kiện của ghế bởi vì chúng có thể che các vị trí khi túi khí bên nổ và ảnh hưởng đến hoạt động nổ của túi khí. Những phụ kiện đó có thể sẽ làm cho các túi khí bên hoạt động không chính xác, làm vô hiệu hóa hệ thống túi khí hoặc làm cho hệ thống bị kích hoạt bất ngờ, dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các lưu ý với túi khí**

- Không gõ, đập hoặc tác dụng lực quá mạnh vào các vị trí có lắp hệ thống túi khí.
  Nếu không có thể làm cho hệ thống túi khí bị lỗi.
- Không chạm vào các chi tiết của túi khí ngay sau khi túi khí được kích hoạt bởi vì chúng có thể sẽ rất nóng.
- Nếu như bạn cảm thấy khó thở ngay sau khi túi khí nổ, hãy mở cửa hoặc cửa sổ để cho không khí từ bên ngoài có thể vào xe hoặc rời khỏi xe nếu như điều đó là an toàn. Hãy rửa sạch những chất bám trên da để đề phòng bị dị ứng da.
- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Nếu có bất kỳ khu vực nào có gắn túi khí, như mặt vô lăng và các tấm ốp trang trí của trụ trước và trụ sau xe có các vết nứt hoặc bị hư hỏng, hãy yêu cầu đại lý Toyota thay thế chúng.
- Xe không có túi khí bên và túi khí rèm: Nếu các vị trí có gắn túi khí như mặt vô lăng bị nứt hoặc bị hỏng, hãy yêu cầu đại lý Toyota thay thế chúng.

n **Thay đổi và hủy các chi tiết của hệ thống túi khí**

Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota trước khi tiêu hủy xe hoặc tiến hành các hoạt động sửa đổi xe như sau. Nếu không hệ thống túi khí có thể sẽ bị trục trặc hoặc làm nổ túi khí, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi lắp đặt, tháo, tháo rời và sửa chữa hệ thống túi khí
- Khi sửa chữa, sửa đổi, tháo hoặc thay vô lăng, bảng táp lô, mặt táp lô, ghế hoặc bọc ghế, trụ trước, trụ bên và trụ sau hoặc tấm ốp hai bên dọc trần xe
- Khi sửa chữa hoặc sửa đổi tai xe trước, cản trước hoặc phía bên của khoang hành khách
- Khi lắp thêm các thiết bị bảo vệ xe (thanh chắn và thanh bảo vệ...), bộ gạt tuyết hoặc tời kéo
- Khi sửa đổi hệ thống treo của xe
- Khi lắp các thiết bị điện tử như các đài phát hai chiều di động (bộ truyền phát tín hiệu RF) hoặc đầu đĩa CD

n Nếu túi khí nổ

- Người ngồi trên xe có thể sẽ bị thâm tím, trầy xước, bị bỏng... do va chạm với các túi khí khi túi khí nổ ở tốc độ cao bởi khí nóng.
- Khi túi khí nổ sẽ phát ra một tiếng động lớn và có khói trắng thoát ra.
- Xe không có hệ thống túi khí rèm: Các chi tiết của cụm túi khí (mặt vô lăng, nắp che túi khí và bộ làm phồng túi khí) cũng như các ghế xe có thể sẽ nóng lên trong vài phút. Bản thân túi khí cũng có thể sẽ bị nóng.
- Xe có hệ thống túi khí rèm: Các chi tiết của cụm túi khí (mặt vô lăng, nắp che túi khí và bộ làm phồng túi khí) cũng như các ghế xe, các chi tiết của trụ trước và trụ sau xe, tấm ốp dọc hai bên trần xe cũng có thể sẽ nóng lên trong vài phút. Bản thân túi khí cũng có thể sẽ bị nóng.
- Kính chắn gió có thể sẽ bị nứt.
- Xe có hệ thống khóa cửa khi phát hiện có va chạm: Tất cả các cửa sẽ được mở khóa. (→P. 137)
- Việc cấp nhiên liệu cho động cơ sẽ bị dừng lại. (Động cơ xăng) (→P. 590)
- Để đảm bảo an toàn cho người đăng ký, nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, thì hệ thống được thiết kế để thực hiện cuộc gọi khẩn cấp đến trung tâm Phản hồi, thông báo về vị trí của xe (không cần nhấn nút "SOS") và nhân viên tổng đài sẽ cố gắng liên lạc với những người ngồi trong xe để xác định mức độ nghiêm trọng của sự cố và thực hiện các công việc hỗ trợ cần thiết. Nếu hành khách trên xe không thể trao đổi được, nhân viên đó sẽ tự động xử lý như một trường hợp có gọi khẩn cấp và giúp đỡ họ bằng cách cung cấp dịch vụ khẩn cấp. (→P. 80)
  - Túi khí bị kích hoạt.
  - Bộ căng đai khẩn cấp bị kích hoạt.
  - Xe bị va chạm mạnh từ phía sau.
- Xe có ERA-GLONASS/EVAK: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp* đến trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK, thông báo vị trí xe của họ (không cần ấn nút “SOS”) và nhân viên của trung tâm sẽ trao đổi với người trên xe để nắm được mức độ nguy hiểm và nắm được yêu cầu hỗ trợ. Nếu hành khách trên xe không thể trao đổi được, nhân viên đó sẽ tự động xử lý như một trường hợp có gọi khẩn cấp và giúp đỡ họ bằng cách cung cấp dịch vụ khẩn cấp. (→P. 85)
  - Túi khí bị kích hoạt.
  - Bộ căng đai khẩn cấp bị kích hoạt.
  - Xe bị va chạm mạnh từ bên hông. (nếu có)
  - Xe bị va chạm mạnh từ phía sau.
  - Xe bị lật.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P. 88)

n Các điều kiện kích hoạt hệ thống túi khí (túi khí phía trước)

l Hệ thống túi khí phía trước sẽ nổ khi xe bị va chạm mạnh vượt quá ngưỡng thiết kế (tương đương với lực va chạm khi xe đâm thẳng vào một bức tường cố định không di chuyển hoặc biến dạng khi đang lái xe với tốc độ từ 20 đến 30 km/h).

Tuy nhiên, ngưỡng giới hạn này sẽ phải lớn hơn nhiều trong các trường hợp sau:

- Khi xe đâm phải một vật có thể xê dịch hoặc bị biến dạng khi va chạm, như một xe đang đỗ hoặc biển báo...
- Khi xe bị va chạm ở gầm, như đầu xe chui vào gầm xe tải

l Tùy vào kiểu va chạm, mà có thể chỉ có bộ căng đai khẩn cấp được kích hoạt.

n Các điều kiện kích hoạt túi khí (túi khí bên và túi khí rèm)

l Các túi khí bên và túi khí rèm sẽ được kích hoạt trong trường hợp xe bị va chạm mạnh quá ngưỡng thiết kế (cường độ lực tương ứng với lực va chạm được tạo ra bởi một xe khác nặng 1500 kg đang chạy đâm vào cabin xe bạn theo hướng vuông góc với xe ở tốc độ xấp xỉ từ 20 đến 30 km/h) .

l Túi khí bên và túi khí rèm cũng có thể bị kích nổ trong những trường hợp va chạm mạnh từ phía trước.

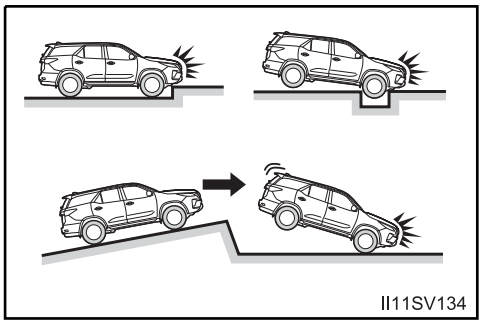
n Các trường hợp có thể làm kích hoạt túi khí ngoài trường hợp xe bị va chạm

Các túi khí phía trước, túi khí bên và túi khí rèm có thể sẽ nổ nếu có va chạm mạnh ở phía dưới gầm xe. Một số ví dụ như trong hình minh họa.

l Đâm phải gờ, lề đường hay bề mặt cứng

l Rơi xuống hoặc lao qua một hố sâu

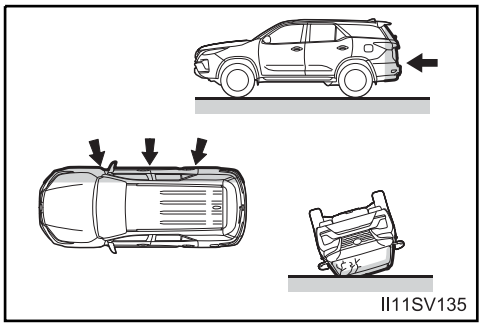
l Va mạnh hoặc rơi xuống đất



n Những kiểu va chạm không làm kích hoạt hệ thống túi khí (các túi khí phía trước)

Thông thường, các túi khí phía trước sẽ không được kích hoạt nếu như xe bị va chạm từ phía bên hoặc từ phía sau xe, nếu xe bị lật hoặc nếu xe bị đâm từ phía trước với tốc độ thấp. Tuy nhiên, bất kỳ va chạm nào mà gây ra sự giảm tốc về phía trước của xe đạt ngưỡng thiết kế, thì các túi khí trước sẽ có thể sẽ được kích hoạt.

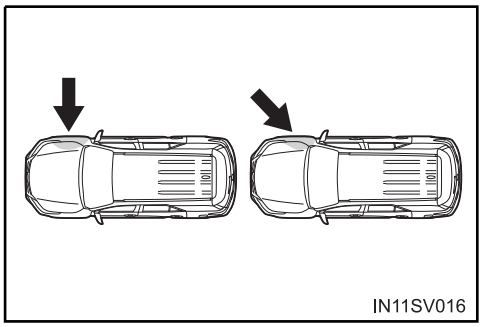
- Va chạm từ phía bên
- Va chạm từ phía sau
- Lật xe



n Những kiểu va chạm không làm kích hoạt hệ thống túi khí (túi khí bên và túi khí rèm)

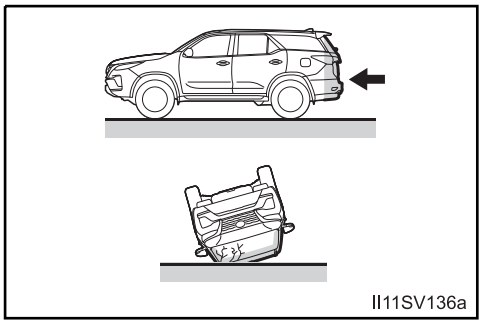
Hệ thống túi khí bên và túi khí rèm có thể sẽ không được kích hoạt nếu như xe bị va chạm từ phía bên ở một góc nghiêng hoặc bị va chạm từ phía bên với vị trí va chạm nằm ngoài khoang hành khách.

- Xe bị va chạm từ phía bên vào thân xe tại vị trí nằm ngoài khoang hành khách
- Xe bị va chạm từ phía bên với một góc nghiêng



Thông thường, các túi khí bên và túi khí rèm sẽ không nổ nếu xe bị va chạm từ phía sau, hoặc lật xe, hoặc xe bị va chạm từ phía bên ở tốc độ thấp hoặc từ phía trước ở tốc độ thấp.

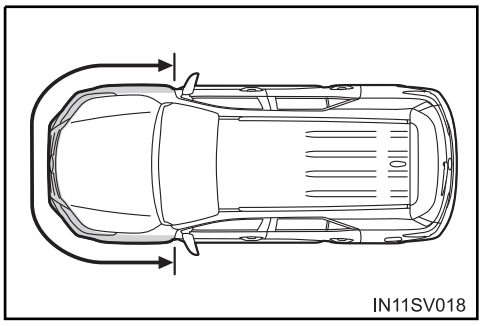
- Va chạm từ phía sau
- Lật xe



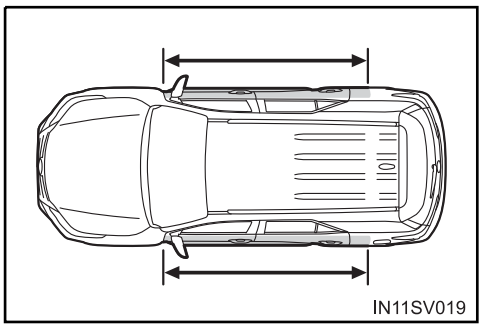
n Những trường hợp cần liên hệ với đại lý Toyota

Trong các trường hợp sau, xe bạn sẽ cần phải được kiểm tra và/hoặc sửa chữa. Hãy liên hệ với đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

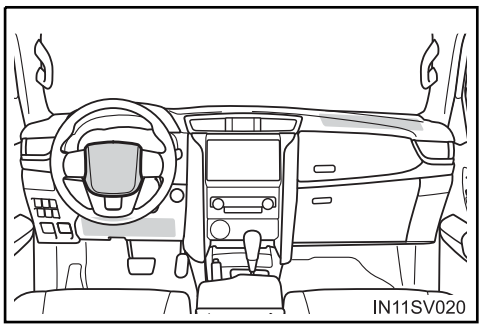
- Khi một túi khí bất kỳ đã bị nổ.
- Khi phần phía trước của xe đã bị hỏng hay bị biến dạng, hoặc xe đã gặp tai nạn nhưng không đủ mạnh để kích hoạt hệ thống túi khí.


IN11SV018

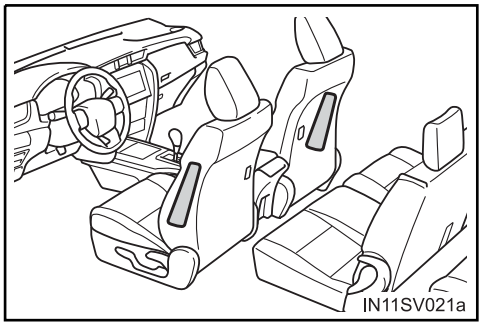
- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Khi một phần cửa xe hoặc khu vực xung quanh cửa đã bị hỏng hoặc biến dạng, hoặc xe đã bị tai nạn nhưng không đủ mạnh để làm kích hoạt hệ thống túi khí bên và túi khí rèm.


IN11SV019

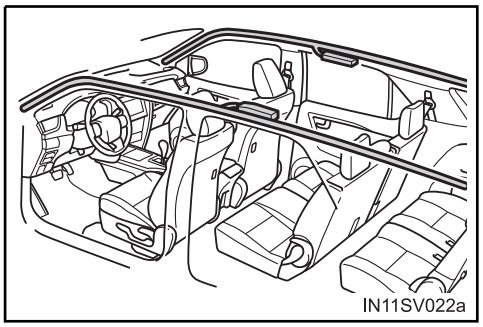
- Khi tấm ốp mặt vô lăng, mặt táp lô gần nắp che túi khí hành khách phía trước hoặc phần phía dưới bảng táp lô đã bị nứt, vỡ, hoặc bị những hư hỏng khác.


IN11SV020

- Xe có các túi khí bên: Bề mặt của ghế ở vị trí lắp túi khí bên có các vết nứt, xước hoặc bị các hư hỏng khác.


IN11SV021a

- Xe có các túi khí rèm: Phần trụ xe phía trước, trụ xe phía sau hoặc tấm ốp trong dọc trần xe có chứa các túi khí rèm (phần in đậm) bị xước, nứt hoặc các hư hỏng khác.


IN11SV022a

Các lưu ý với khí xả

Trong khí xả có các chất độc hại có thể ảnh hưởng đến sức khỏe khi hít phải.

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả của xe có thành phần khí cácbon môônôxít (CO) độc hại không màu và không mùi. Hãy chú ý tuân thủ theo các quy định sau.
Nếu không có thể làm cho khí xả xâm nhập vào xe, dẫn đến tai nạn do bị mất tỉnh táo, dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

- Luôn đóng cửa hậu.
- Nếu có mùi khí xả trong xe ngay cả khi cửa hậu đã được đóng lại, hãy mở các cửa sổ và mang xe đến đại lý Toyota kiểm tra càng sớm càng tốt.

n **Khi đỗ xe**

- Nếu đỗ xe ở khu vực thông khí kém hoặc khu vực kín như trong gara, hãy tắt máy.
- Không rời khỏi xe quá lâu trong khi động cơ đang làm việc.
  Nếu trong tình huống bất khả kháng, hãy đỗ xe tại một địa điểm thông thoáng và kiểm tra để đảm bảo rằng khí xả không bị lọt vào trong xe.
- Không để động cơ hoạt động ở vị trí có tuyết rơi hoặc bị đọng tuyết. Nếu băng tuyết bám xung quanh xe trong khi động cơ vẫn làm việc thì khí xả có thể sẽ tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe.

n **Ống xả**

Bạn nên kiểm tra hệ thống khí xả theo định kỳ. Nếu như xuất hiện lỗ thủng hay vết nứt trên ống xả do bị ăn mòn, các đoạn nối bị hư hỏng hoặc có tiếng khí xả khác thường thì hãy mang xe tới kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Toyota.

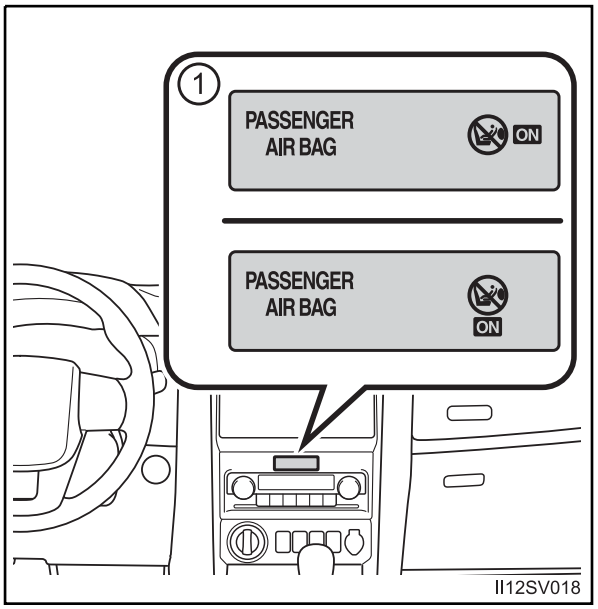
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay*

Hệ thống này sẽ vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước. Chỉ được vô hiệu hóa túi khí khi cần lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước.

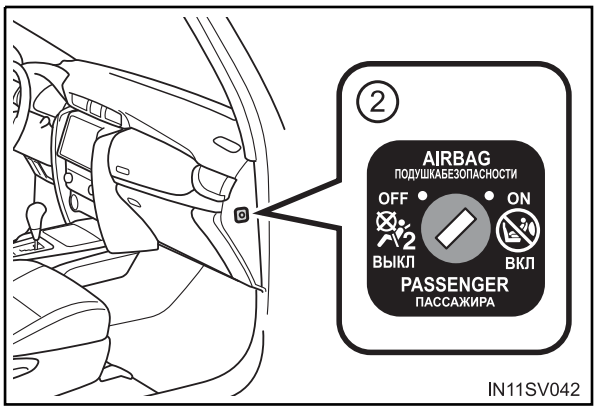
① Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Đèn chỉ báo "ON" sẽ sáng khi hệ thống túi khí đang bật (chỉ khi công tắc động cơ ở vị trí "ON").

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Đèn chỉ báo "ON" sẽ sáng khi hệ thống túi khí đang bật (chỉ khi công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON).



② Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay



*: Nếu có

Vô hiệu hóa túi khí của hành khách phía trước

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Cắm chìa khóa vào ổ khóa và vặn chìa sang vị trí "OFF".

Đèn chỉ báo "OFF" sẽ sáng lên (chỉ khi công tắc động cơ ở vị trí "ON").



Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Cắm chìa khóa cơ vào ổ khóa và xoay tới vị trí "OFF".

Đèn chỉ báo tắt túi khí "OFF" sẽ sáng lên (chỉ khi công tắc động cơ đang ở chế độ IGNITION ON).

n Thông tin đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Nếu xuất hiện một trong những lỗi sau, có thể đã có trục trặc trong hệ thống này. Hãy mang xe đến kiểm tra tại đại lý Toyota.

- Hoặc "ON" hoặc "OFF" không sáng lên.
- Đèn chỉ báo không thay đổi khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được chuyển đến "ON" hoặc "OFF".

⚠ CẢNH BÁO

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Để đảm bảo an toàn, luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Trong trường hợp không thể sử dụng hàng ghế sau được, bạn có thể sử dụng ghế trước để lắp hệ thống ghế cho trẻ em miễn là hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở"OFF".

Nếu hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở chế độ "ON", thì lực bung mạnh của túi khí khi nổ có thể sẽ gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí gây tử vong.

n Khi không lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước

Hãy đảm bảo đặt công tắc bật-tắt túi bằng tay khí ở vị trí "ON".

Nếu vẫn để ở "OFF", thì túi khí có thể sẽ không kích hoạt khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe

Hãy tuân theo các lưu ý sau khi có trẻ em ở trong xe.
Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác.

- Trẻ em nên ngồi trên ghế sau để tránh vô tình tiếp xúc với cần số, công tắc điều khiển cần gạt nước, vv...
- Sử dụng nút khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau hoặc công tắc khóa cửa sổ để tránh trẻ em mở cửa sau trong khi lái xe hoặc vô tình điều khiển cửa sổ điện.
- Không để trẻ nhỏ sử dụng các thiết bị như cửa sổ điện, nắp capô, cửa hậu, ghế… để tránh làm cho trẻ bị kẹp.

⚠ CẢNH BÁO

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các cửa sổ hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống cực lạnh và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

Hệ thống ghế cho trẻ em

Trước khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên xe, có một số lưu ý mà bạn cần đọc trong cuốn sách này như các kiểu hệ thống ghế cho trẻ em, cách lắp chúng...

l Hãy sử dụng ghế cho trẻ em khi lái xe có trẻ nhỏ trên xe vì khi đó không thể sử dụng chính xác đai an toàn. Để đảm bảo an toàn cho trẻ em, luôn luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Chắc chắn phải tuân theo phương pháp lắp trong hướng dẫn sử dụng đi kèm với ghế cho trẻ em.

Mục lục

Các điểm cần ghi nhớ ..... P. 58

Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em ..... P. 60

Bảng dữ liệu tương thích giữa hệ thống ghế cho trẻ em với vị trí ghế .....P. 64

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em .....P. 72

- Lắp bằng đai an toàn .....P. 73
- Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX .....P. 76
- Dùng móc bắt phía trên..... P. 78

Các điểm cần ghi nhớ

- Nếu nhà nước có các quy định về hệ thống ghế cho trẻ em trên xe, hãy liên hệ với đại lý Toyota để lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho đến khi trẻ đủ lớn để thắt đai an toàn một cách chính xác.
- Lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với tuổi và kích thước của trẻ.
- Xin hãy lưu ý rằng không phải tất cả các hệ thống ghế cho trẻ em đều lắp vừa với mọi loại xe.
  Trước khi sử dụng hoặc mua hệ thống ghế cho trẻ em, hãy kiểm tra khả năng tương thích của hệ thống ghế cho trẻ với các vị trí ghế trên xe.
  (→P. 57)

⚠ CẢNH BÁO

n Khi lái xe có trẻ em trên xe

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để đảm bảo hiệu quả bảo vệ khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp, trẻ phải được bảo vệ đúng cách bằng cách dùng đai an toàn hoặc hệ thống ghế cho trẻ em đã được lắp đặt chính xác. Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em. Các hướng dẫn lắp đặt chung cũng được mô tả trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này.
- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trọng lượng và kích cỡ cơ thể của trẻ, và nên lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên hàng ghế sau. Theo thống kê, trẻ ngồi ở ghế sau sẽ an toàn hơn ở ghế trước.
- Giữ trẻ trong lòng bạn không phải là một biện pháp bảo vệ trẻ thích hợp. Khi xảy ra tai nạn, trẻ có thể bị va vào kính chắn gió hoặc bị kẹp giữa bạn và các thiết bị nội thất xe.

n Thao tác với hệ thống ghế cho trẻ em

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định đúng vị trí, trẻ hoặc các hành khách khác có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc tai nạn.

- Nếu xe bị va chạm mạnh do tai nạn… hệ thống ghế cho trẻ em có thể hư hỏng mà không nhận biết bằng mắt thường được. Trong trường hợp này, không sử dụng lại hệ thống ghế cho trẻ em.
- Tùy vào hệ thống ghế cho trẻ em, việc lắp đặt có thể sẽ khó khăn hoặc không thể thực hiện được. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra xem hệ thống ghế cho trẻ em có phù hợp để lắp trên xe không (→P. 57). Hãy đảm bảo tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt và sử dụng sau khi đọc kỹ hướng dẫn lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này, cũng như sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy cố định chắc chắn hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế kể cả khi không sử dụng tới. Không để hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định trong khoang hành khách.
- Nếu cần tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy tháo hẳn nó ra khỏi xe hoặc cố định chắc chắn trong khoang hành lý.

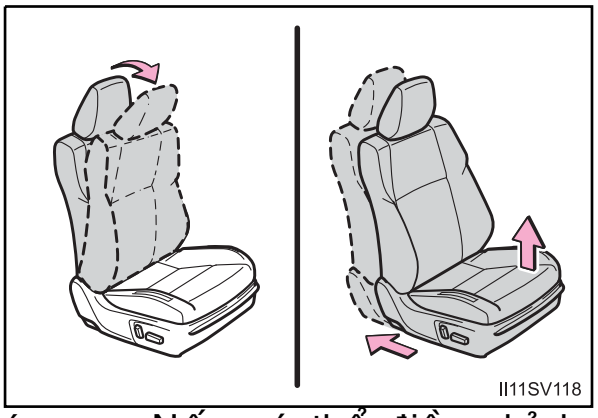
Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước

Để đảm bảo an toàn cho trẻ, hãy lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế sau. Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước trong trường hợp bất khả kháng, hãy điều chỉnh ghế như sau và lắp hệ thống ghế cho trẻ em.

- Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

  Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em quay về phía trước, nếu có khe hở giữa hệ thống ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi hệ thống ghế cho trẻ em tiếp xúc với lưng ghế.



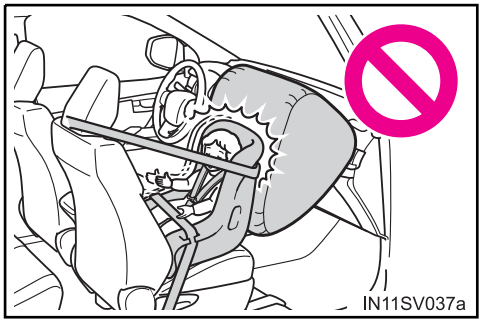
- Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.
- Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra. Nếu không, hãy chỉnh tựa đầu đến vị trí cao nhất.

⚠ CẢNH BÁO

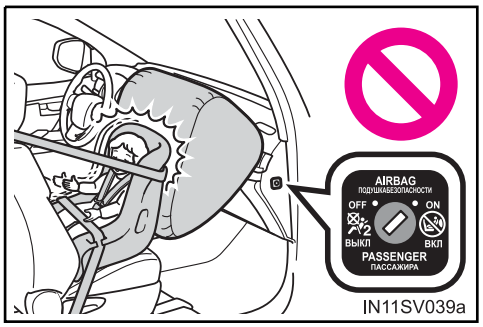
n **Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
  Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.


IN11SV037a

- Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không bao giờ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay đang bật. (→P. 54)
  Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.

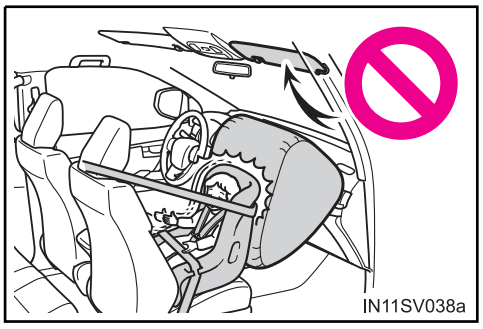


IN11SV039a

⚠ CẢNH BÁO

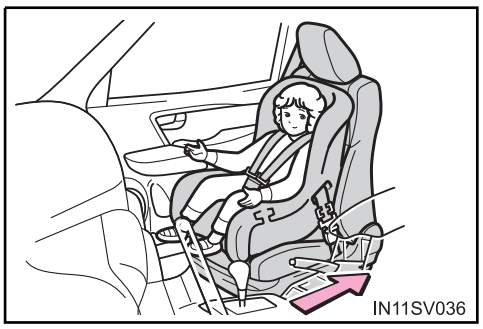
n Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

l (Các) nhãn cảnh báo được gắn trên tấm chắn nắng phía hành khách để nhắc nhở bạn không được lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
Thông tin chi tiết về nhãn được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.



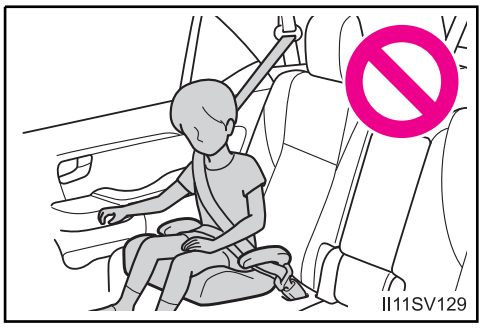


l Chỉ lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng. Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế hành khách phía trước, hãy lùi ghế về phía sau càng nhiều càng tốt. Nếu không khi túi khí nổ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.

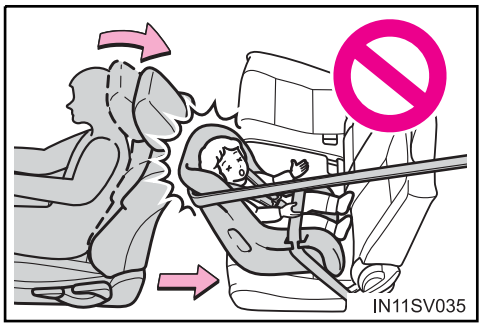


⚠ CẢNH BÁO

n Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em



- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không để trẻ ngả đầu hoặc người vào cửa xe hoặc các khu vực xung quanh ghế, trụ trước hoặc trụ sau của xe hoặc tấm ốp bên dọc trần xe, do các túi khí bên hoặc túi khí rèm có thể kích nổ, ngay cả khi trẻ đã ngồi trong hệ thống ghế cho trẻ em. Sẽ rất nguy hiểm nếu túi khí bên hoặc túi khí rèm nổ, vì lực bung mạnh của túi khí có thể làm cho trẻ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.
- Sử dụng ghế cho trẻ em cho phù hợp với tuổi và cỡ người của trẻ và lắp chúng trên ghế sau.



- Nếu ghế người lái chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em và ảnh hưởng đến khả năng lắp chính xác hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau bên phải.
- Điều chỉnh vị trí ghế hành khách phía trước sao cho nó không bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em.

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

n Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với hệ thống ghế cho trẻ em (→P. 67) sẽ hiển thị loại ghế cho trẻ em có thể sử dụng và các vị trí ghế có thể lắp bằng các biểu tượng.

Kiểm tra ghế cho trẻ em đã chọn như sau [trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế cho trẻ em].

n Trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế với các ghế cho trẻ em

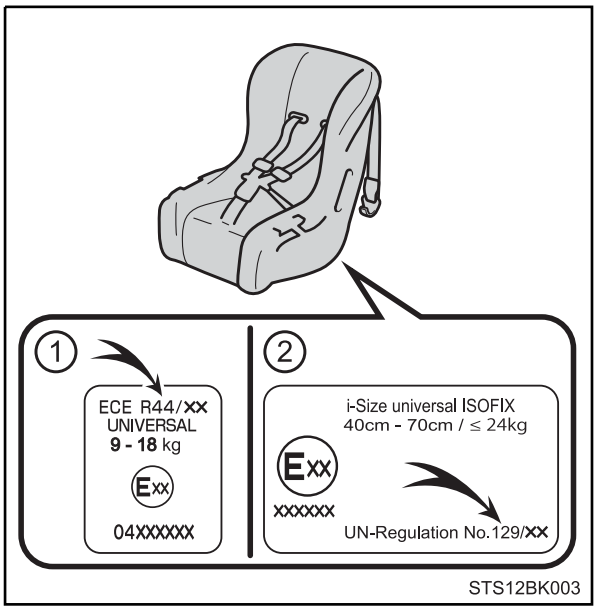
1 Kiểm tra các tiêu chuẩn của ghế cho trẻ em.

Sử dụng ghế cho trẻ em phù hợp với dấu hiệu chứng nhận của UN(ECE) R44*1 hoặc UN(ECE) R129*1, 2.

Dấu chứng nhận sau được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp tiêu chuẩn.

Hãy kiểm tra dấu chứng nhận được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ em.

Ví dụ minh họa về số chứng nhận



① Dấu chứng nhận UN(ECE) R44*3
Dải trọng lượng của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R44.

② Dấu chứng nhận UN(ECE) 129*3
Dải chiều cao của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R129.

*1: (UN)ECE R44 và (UN)ECE R129 là quy định của Liên hợp quốc về hệ thống ghế cho trẻ em.

*2: Hệ thống ghế cho trẻ em trong bảng trên có thể không được sử dụng ở bên ngoài khu vực Châu Âu.

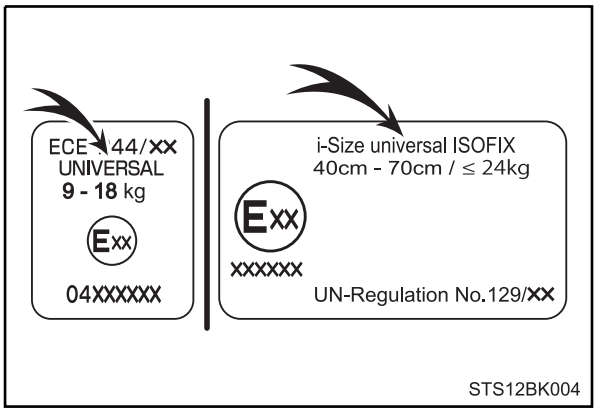
*3: Các dấu hiệu này có thể khác nhau tùy theo từng sản phẩm.

2 Kiểm tra chủng loại của hệ thống ghế cho trẻ em.

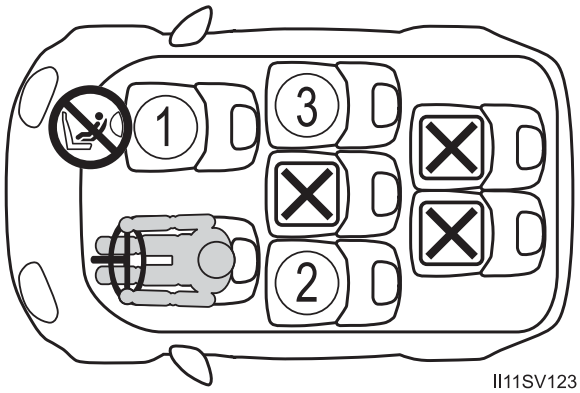
Kiểm tra dấu chứng nhận của hệ thống ghế cho trẻ em xem loại nào trong số những loại ghế sau đây là phù hợp.

Ngoài ra, nếu chưa chắc chắn, hãy kiểm tra tài liệu hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em về việc sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em hoặc liên hệ với nhà cung cấp.

- "phổ thông"
- "bán phổ thông"
- "bị hạn chế"
- "đặc biệt"



n Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các hệ thống ghế cho trẻ em



II11SV123

*1, 2, 3 ①	*4 U
*2, 3 ②	U
*2, 3 ③	U

U Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em i-Size và ISOFIX

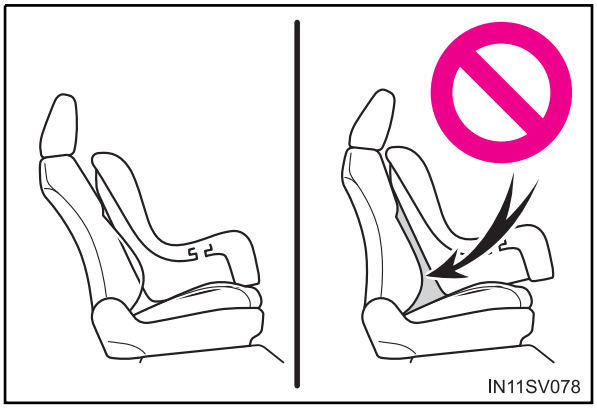
Bao gồm móc bắt phía trên.

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.

Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không được lắp ghế cho trẻ em quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được bật.

*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất.

*4: Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Chỉ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay về phía trước.
Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Chỉ sử dụng ghế cho trẻ em quay về phía trước khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được bật.

n Thông tin chi tiết để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Vị trí ghế					
Số vị trí ghế	①			②	③
	Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
		Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
		BẬT	TẮT		
Vị trí ghế có phù hợp với đai phổ thông (Có/ không)	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có	Có	Có
Vị trí ghế i-Size (có/ không)	Không	Không	Không	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp với cố định bên (L1/L2/ không)	Không	Không	Không	Không	Không
Cố định phù hợp cho ghế quay về phía sau (R1/R2X/R2/R3/không)	Không	Không	Không	R1, R2X, R2, R3	R1, R2X, R2, R3
Cố định phù hợp ghế cho trẻ đã lớn (F2X/F2/ F3/không)	Không	Không	Không	F2X, F2, F3	F2X, F2, F3
Cố định phù hợp ghế cho trẻ đã lớn (B2/B3/ không)	Không	Không	Không	B2, B3	B2, B3

Hệ thống ghế cho trẻ em bằng móc kiểu ISOFIX được chia thành các loại "kiểu có móc" khác nhau. Hệ thống ghế cho trẻ em có thể sử dụng trong các vị trí ghế tương ứng "kiểu có móc" với bảng trên đây. Đối với "kiểu có móc", hãy tham khảo bảng sau đây.

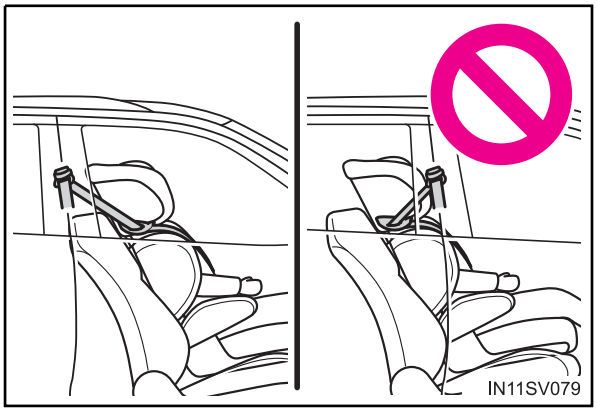
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không thuộc loại "kiểu có móc" (hoặc nếu bạn không tìm thấy thông tin trong bảng dưới đây), hãy tham khảo "danh sách xe" để biết thông tin về khả năng tương thích của hệ thống với xe hoặc hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế cho trẻ em.

Kiểu móc	Mô tả
F3	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế chuẩn
F2	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
F2X	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
R3	Ghế cho trẻ em kích cỡ chuẩn và quay về phía sau
R2	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R2X	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía sau
L1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên trái
L2	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên phải
B2	Ghế cho trẻ lớn
B3	Ghế cho trẻ lớn

Khi cố định một số kiểu hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau, bạn có thể sẽ không thể sử dụng đai an toàn ở những vị trí ghế cạnh hệ thống ghế cho trẻ em một cách chính xác mà không bị vướng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của đai được. Hãy đảm bảo lắp khít đai qua vai và dưới hông của bạn. Nếu đai lắp không được chặt hoặc nếu đai bị vướng vào ghế cho trẻ em, hãy chuyển sang ngồi ở vị trí khác.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

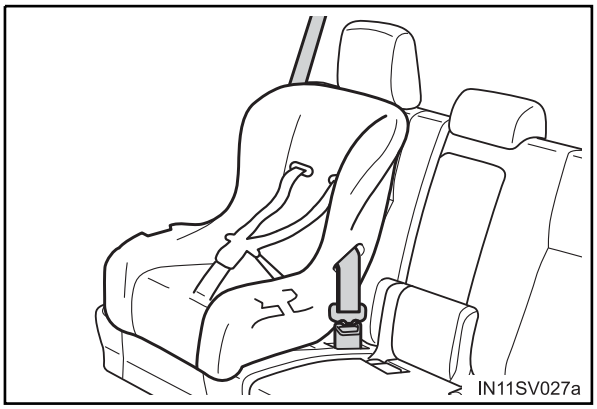
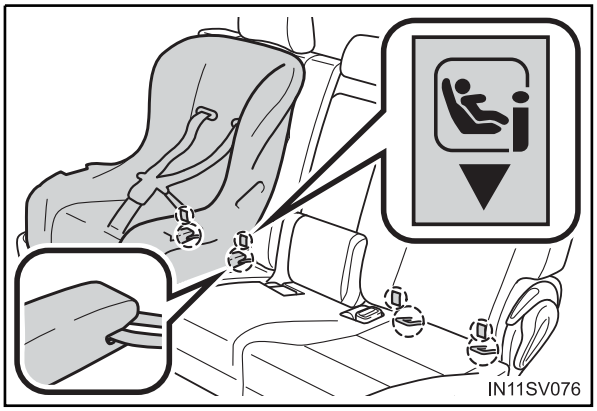
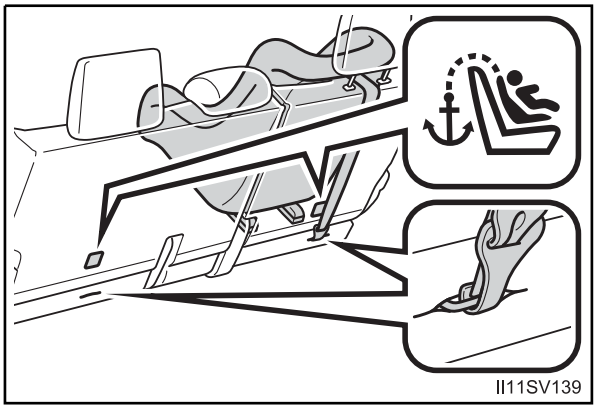
- Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau, hãy điều chỉnh ghế trước để ghế không vướng vào trẻ hoặc hệ thống ghế cho trẻ em.
- Khi lắp ghế cho trẻ em có giá đỡ, nếu hệ thống ghế cho trẻ em vướng vào lưng ghế khi gài ghế cho trẻ em vào giá đỡ, hãy điều chỉnh lưng ghế ngả về phía sau cho đến khi không chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em nữa.
- Nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.



- Khi lắp ghế cho trẻ đã lớn, nếu trẻ đang ngồi trong ghế ở tư thế quá thẳng đứng, hãy điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế đến vị trí thoải mái nhất. Và nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy xác nhận phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em theo sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

Phương pháp lắp		Trang
Lắp bằng đai an toàn	 IN11SV027a	P. 73
Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX	 IN11SV076	P. 76
Lắp bằng móc bắt phía trên	 II11SV139	P. 78

Cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

n Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

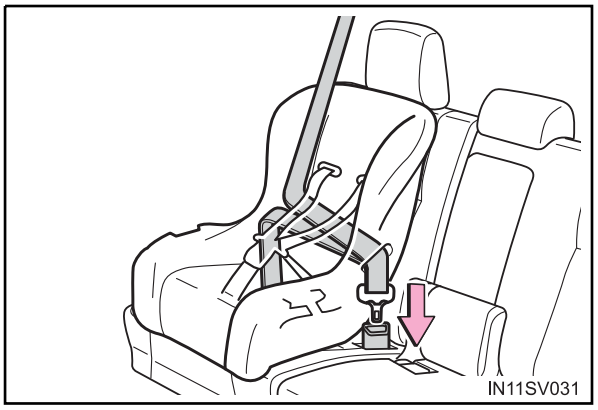
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại “phổ thông” (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo “Danh sách xe” do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế. (→P. 57)

1 Nếu bắt buộc phải lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước, hãy tham khảo P. 60 để điều chỉnh ghế hành khách phía trước.

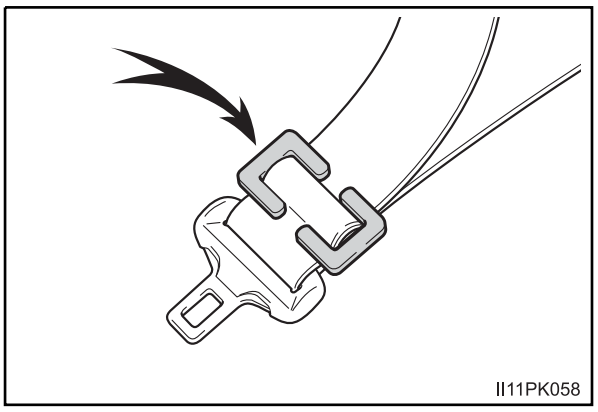
2 Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.

3 Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất. (→P. 167)

4 Luồn đai an toàn qua hệ thống ghế cho trẻ em và cắm móc khóa vào trong kẹp khóa. Hãy đảm bảo rằng đai an toàn không bị xoắn. Lắp đai an toàn vào ghế cho trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.



5 Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được trang bị kẹp khóa (tính năng khóa đai an toàn), hãy cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng kẹp hãm.



6 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P. 75)

n Tháo hệ thống ghế cho trẻ em được lắp bằng đai an toàn

Hãy ấn nút nhả khóa và thu hết đai an toàn lại.

Khi nhả kẹp khóa đai an toàn, hệ thống ghế trẻ em có thể bị bật lên do tác động của nệm ghế. Hãy nhả kẹp khóa đai trong khi ấn giữ hệ thống ghế trẻ em xuống.

Do đai an toàn sẽ tự động thu lại, hãy thu đai lại từ từ về vị trí cất gọn.

---

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Bạn có thể cần một kẹp hãm để lắp hệ thống ghế cho trẻ em. Hãy tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất. Nếu hệ thống ghế cho trẻ em của bạn không có kẹp hãm, thì bạn có thể mua nó tại đại lý Toyota: Kẹp hãm hệ thống ghế cho trẻ em
(Mã phụ tùng: 73119-22010)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không để trẻ nghịch đai an toàn. Nếu đai quấn quanh cổ của trẻ, bạn sẽ không thể kéo đai ra và trẻ sẽ bị ngạt thở hoặc các tổn thương nghiêm trọng khác, có thể dẫn đến tử vong cho trẻ. Nếu tình trạng này xảy ra và bạn không thể nhả đai an toàn ra được, hãy sử dụng kéo để cắt đứt đai an toàn.
- Hãy đảm bảo rằng đai an toàn và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
- Hãy lắc hệ thống ghế cho trẻ em sang trái và phải, lên và xuống để đảm bảo rằng nó đã được lắp đặt một cách chắc chắn.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới kiểu ISOFIX

n Móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)

Các móc phía dưới được trang bị cho hàng ghế thứ hai bên ngoài. (Các nhãn chỉ vị trí của móc được đính vào ghế.)



n Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại “phổ thông” (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo “Danh sách xe” do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế. (→P. 57)

1 Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.

2 Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất. (→P. 167)

3 Hãy kiểm tra vị trí của các thanh cố định ghế và lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế.

Các thanh lắp này được bố trí ở khe hở giữa nệm ghế và lưng ghế.



4 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P. 75)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

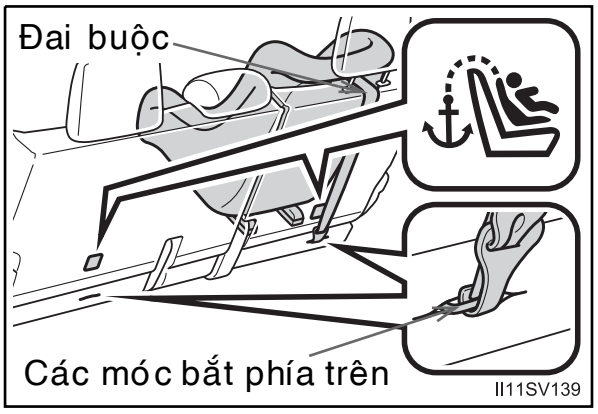
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi sử dụng các móc phía dưới, hãy đảm bảo rằng không có vật gì ở xung quanh móc và đai an toàn không bị kẹt sau hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Dùng móc bắt phía trên

n Các móc bắt phía trên

Hàng ghế thứ hai bên ngoài được trang bị các móc phía trên.

Sử dụng móc bắt phía trên khi cố định đai buộc phía trên.

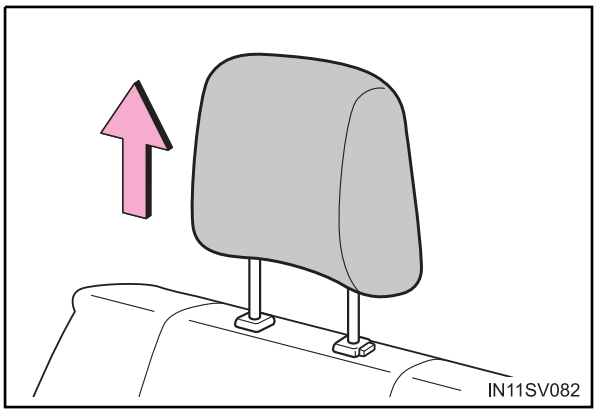


n Lắp đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

1 Hãy điều chỉnh tựa đầu lên tới vị trí cao nhất.

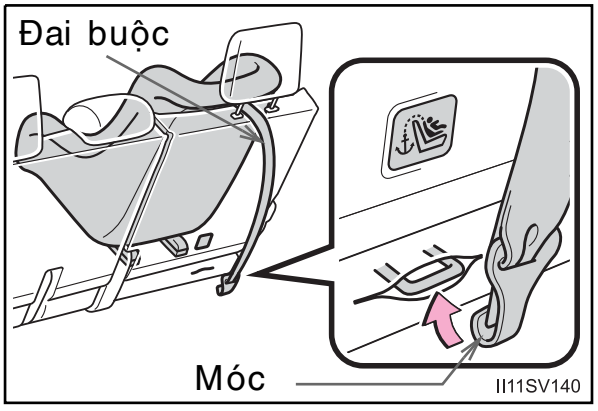
Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra. (→P. 167)



2 Cài móc vào giá bắt móc phía trên và thít chặt đai buộc phía trên.

Hãy đảm bảo rằng đai buộc phía trên đã được thít chắc chắn. (→P. 75)

Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đã được nâng lên, hãy luồn đai buộc phía trên qua phần phía dưới của tựa đầu.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Gài chắc đai buộc phía trên và đảm bảo đai không bị xoắn.
- Không được nhét bất kỳ thứ gì khác ngoài đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.
- Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đang được nâng lên, sau khi nâng tựa đầu lên và sau đó cố định móc bắt phía trên, không được hạ thấp tựa đầu xuống.

Dịch vụ kết nối của Toyota*1, 2

Các dịch vụ kết nối Toyota là các dịch vụ viễn thông sử dụng dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu (GPS) và công nghệ di động nhúng để cho phép thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp sau đây: ACN (Thông báo va chạm tự động) và cuộc gọi khẩn cấp SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công) (bằng cách nhấn nút "SOS").

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ kết nối Toyota, vui lòng truy cập: https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/

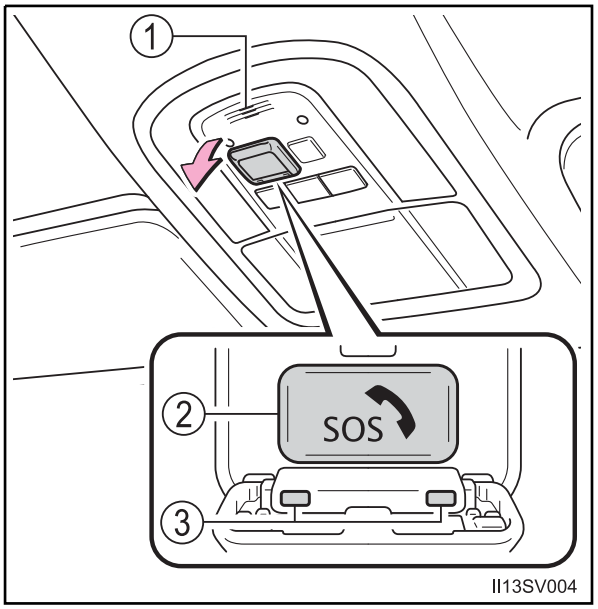
Các chi tiết của hệ thống

① Micrô

② Nút "SOS"*

③ Đèn chỉ báo

*: Nút này được chủ ý để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp. Các nút SOS khác có sẵn trong các hệ thống khác của xe không liên quan đến thiết bị và không dùng để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.



*1: Nếu có

*2: Hoạt động trong phạm vi các dịch vụ kết nối của Toyota.

Dịch vụ kết nối của Toyota

n ACN (Thông báo va chạm tự động)

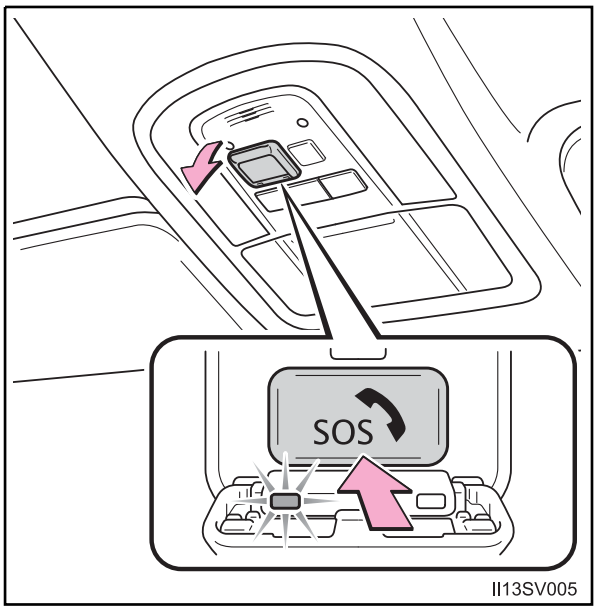
Nếu bất kỳ túi khí nào nổ, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động xác định vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, và cố gắng liên lạc với hành khách trên xe để tiếp cận tình huống. Nếu hành khách trên xe người không thể giao tiếp, nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động coi cuộc gọi là một trường hợp khẩn cấp và liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ gửi đến địa điểm.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P. 88)

n Cuộc gọi khẩn cấp của SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công)

Trong trường hợp khẩn cấp, nhấn nút "SOS" để gọi cho Trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên xử lý khẩn cấp sẽ xác định vị trí của bạn, đánh giá tình huống, và hỗ trợ khi cần thiết.

Chắc chắn đã mở nắp che trước khi ấn nút “SOS”.



Nếu bạn vô tình nhấn nút "SOS", hãy nói với nhân viên trung tâm cuộc gọi rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P. 88)

Đèn chỉ báo

Khi chuyển công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON, các đèn chỉ báo màu đỏ/màu xanh lá cây sẽ nháy chập chờn, sau đó đèn chỉ báo màu xanh sẽ sáng, chỉ ra rằng hệ thống đã được bật. Các đèn chỉ báo cho biết các tình trạng sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá cây nháy một lần trên giây, dịch vụ ACN/SOS đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ sáng ở thời điểm khác với thời điểm ngay sau khi bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON, hệ thống có thể đang bị trục trặc hoặc pin dự phòng đã bị hết điện. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

---

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.
https://www.denso.com/global/en/opensource/dcm/toyota/

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi ACN/SOS có thể không được thực hiện**

l Có thể không thể tạo ACN/SOS trong bất kỳ tình huống sau đây. Trong những trường hợp như vậy, hãy báo cáo cho nhà cung cấp dịch vụ khẩn cấp (hệ thống 000, v.v.) bằng các phương tiện khác như điện thoại công cộng gần đó.

- Ngay cả khi chiếc xe nằm trong khu vực dịch vụ điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp nếu tiếp sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong những trường hợp như vậy, bạn có thể không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.
- Khi chiếc xe ra khỏi khu vực dịch vụ điện thoại di động, không thể thực hiện được ACN/SOS.
- Khi bất kỳ thiết bị liên quan nào (chẳng hạn như bảng nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, DCM, ăngten hoặc bất kỳ thiết bị nối có dây nào) bị trục trặc, bị hỏng hoặc hư hại, không thể tạo ra ACN/SOS.
- Cho phép các xe Toyota thu thập và truyền dữ liệu xe để cung cấp các dịch vụ kết nối. SOS và thông báo va chạm tự động có thể bị vô hiệu hóa nếu đèn LED màu xanh lá cây dưới nút SOS không sáng. Để biết thêm thông tin liên quan đến kích hoạt lại, hãy truy cập https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/
- Trong một dịch vụ ACN/SOS, hệ thống thực hiện các nỗ lực lặp đi lặp lại để kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp. Tuy nhiên, nếu không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp do tiếp nhận sóng vô tuyến kém, hệ thống có thể không thể kết nối với mạng di động và cuộc gọi có thể kết thúc mà không cần kết nối. Thông báo nhắc nhở bằng giọng nói sẽ phát từ loa xe để chỉ ra sự ngắt kết nối cuộc gọi.

l Nếu điện áp ắc quy giảm hoặc có sự ngắt kết nối, hệ thống có thể không thể kết nối được với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.

l Hệ thống ACN/SOS có thể không hoạt động bên ngoài khu vực Ấn Độ, tùy thuộc vào cơ sở hạ tầng có sẵn tại quốc gia.

n **Khi hệ thống ACN/SOS được thay thế bằng hệ thống mới**

Hệ thống ACN/SOS nên được đăng ký. Liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.

Chức năng của hệ thống này sẽ hỗ trợ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn như tai nạn giao thông hoặc cần cấp cứu bất ngờ, nó không thể bảo vệ cho người trên xe hoặc hành khách trên xe trong mọi tình huống. Hãy lái xe cẩn thận và luôn thắt chặt đai an toàn để đảm bảo an toàn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, bảo toàn tính mạng con người là ưu tiên trên hết.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

l Nếu túi khí nổ khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Hệ thống cũng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi xe bị đâm từ phía sau hoặc xe bị lật, ngay cả khi túi khí không nổ.

l Vì sự an toàn, không thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi đang lái xe.

Việc thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể làm mất kiểm soát tay lái, mà có thể dẫn đến những tai nạn bất ngờ.

Dừng xe và đảm bảo được an toàn xung quanh bạn, trước khi ấn nút SOS.

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu bảng điều khiển nút "SOS", loa hoặc micrô bị trục trặc khi sử dụng dịch vụ ACN/SOS**

Có thể không thể thực hiện được ACN/SOS, hãy xác nhận trạng thái của hệ thống hoặc giao tiếp với nhân viên trung tâm cuộc gọi. Nếu bất kỳ thiết bị nào ở trên bị hỏng, vui lòng hỏi ý kiến Đại lý Toyota của bạn.

ERA-GLONASS/EVAK*1, 2, 3

Hệ thống gọi khẩn cấp là một thiết bị được lắp trên xe để xác định vị trí của xe và hướng xe di chuyển (sử dụng GLONASS [Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu] và GPS [Hệ thống định vị toàn cầu]), và đảm bảo việc phát và truyền thông tin của xe (dưới dạng không thể thay đổi được) trong trường hợp có tai nạn giao thông hoặc các sự kiện khác trên đường. Ngoài ra, hệ thống cũng đảm bảo giao tiếp 2 chiều bằng giọng nói giữa xe và người vận hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK thông qua hệ thống mạng di động (GSM).

Có thể thực hiện việc Gọi khẩn cấp tự động (qua thông báo tai nạn tự động) hoặc Gọi khẩn cấp thủ công (bằng cách ấn nút "SOS") để kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.

Đây là một dịch vụ bắt buộc bởi quy định kỹ thuật của Hiệp hội hải quan.

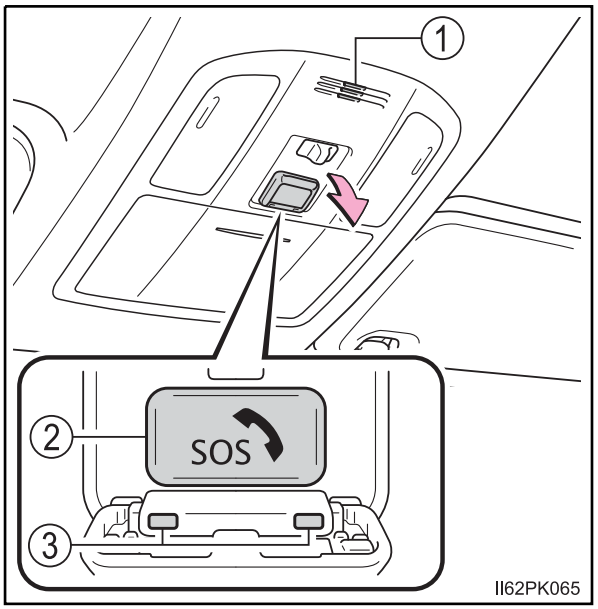
Các chi tiết của hệ thống

① Micrô

② Nút "SOS"*

③ Đèn chỉ báo

*: Nút này được dùng nhằm kết nối với người điều hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK.
Những nút SOS khác trên các hệ thống khác của xe ô tô không liên quan với các thiết bị này và không thể kết nối với người điều hành hệ thống ERA-GLONASS/EVAK.



*1: Nếu có

*2: Vận hành trong những khu vực có dịch vụ thông báo tình huống khẩn cấp. Liên hệ Đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

*3: Hệ thống hoạt động khác nhau tùy vào từng quốc gia.

Dịch vụ thông báo khẩn cấp

n Gọi khẩn cấp tự động

Khi có bất kỳ túi khí nào bị bung ra, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.* Người điều hành nhận được vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, họ sẽ cố gắng gọi cho hành khách trên xe để nắm được tình trạng. Nếu người trên xe không thể giao tiếp được, người điều hành tự động xử lý như cuộc gọi khẩn cấp để liên hệ với trung tâm dịch vụ khẩn cấp gần nhất (hệ thống 112...) để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ cho vị trí bị tai nạn.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P. 88)

n Gọi khẩn cấp bằng thao tác thủ công

Trong trường hợp khẩn cấp, hãy ấn nút "SOS" để gọi trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.* Cơ quan điều hành sẽ xác định vị trí của xe, đánh giá tình huống và truyền những yêu cầu hỗ trợ cần thiết.

Nếu vô tình ấn nút "SOS", hãy báo cho cơ quan điều hành biết rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P. 88)

Đèn chỉ báo

Khi bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), đèn chỉ báo màu đỏ sáng trong 10 giây và sau đó đèn chỉ báo màu xanh sẽ sáng, chỉ ra rằng hệ thống đã được kích hoạt. Đèn chỉ báo chỉ ra các trường hợp sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá nháy 2 lần trong một giây, cuộc gọi khẩn cấp tự động/thủ công đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo không sáng lên, hệ thống đã không được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ sáng ở thời điểm khác với thời điểm ngay sau khi bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), hệ thống có thể đã bị hư hỏng hoặc ắc quy dự phòng đã bị hết điện. Tuổi thọ của pin dự phòng có thể hoạt động ít nhất là 3 năm. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ nhấp nháy trong thời gian xấp xỉ 30 giây trong suốt cuộc gọi khẩn cấp, cuộc gọi đã bị ngắt hoặc tín hiệu của mạng điện thoại bị yếu.

Chế độ thử thiết bị

Chế độ thử được trang bị để kiểm tra tính năng của hệ thống Gọi khẩn cấp. Để thử thiết bị, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi không thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp**

l Không thể thực hiện các cuộc Gọi khẩn cấp trong các tình huống sau đây. Trong những trường hợp này, hãy báo cho cơ quan dịch vụ khẩn cấp bằng các phương pháp khác ví dụ như điện thoại công cộng ở gần đó.

- Kể cả khi xe đang ở trong khu vực phủ sóng của điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK nếu tín hiệu sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong trường hợp này, ngay cả khi cố gắng kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK, có thể không kết nối được trung tâm ERA-GLONASS/EVAK để thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp và liên hệ để yêu cầu cứu hộ.
- Khi xe ở những khu vực không phủ sóng của điện thoại di động, không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi có bất kỳ thiết bị liên quan nào (như nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, loa, DCM, ăng ten hoặc các dây nối với thiết bị) đang bị lỗi, hư hỏng hoặc vỡ, thì không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi Gọi khẩn cấp, hệ thống sẽ cố gắng lặp lại việc kết nối với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK. Tuy nhiên, nếu nó không thể kết nối được với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK do việc tiếp sóng rađiô yếu, hệ thống không thể nối với mạng điện thoại di dộng và có thể chấm dứt cuộc gọi do không kết nối được. Đèn chỉ báo màu đỏ sẽ nhấp nháy trong khoảng 30 giây để thông báo việc ngắt kết nối.
- Thiết bị này không thể hoạt động nếu một va chạm tác động vào nó.

l Nếu điện áp của ắc quy giảm xuống hoặc bị mất kết nối, hệ thống có thể không nối được với trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK.

n **Khi thay mới hệ thống gọi khẩn cấp**

Hệ thống Gọi khẩn cấp nên được đăng ký để sử dụng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo an toàn**

- Hãy lái xe an toàn.

  Chức năng của hệ thống sẽ hỗ trợ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn như tai nạn giao thông hoặc cần cấp cứu bất ngờ, nó không thể bảo vệ cho người trên xe hoặc hành khách trên xe trong mọi tình huống. Hãy lái xe cẩn thận và luôn thắt chặt đai an toàn để đảm bảo an toàn.
- Trong trường hợp khẩn cấp, cứu người là ưu tiên hàng đầu.
- Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.
- Do hệ thống phát hiện được lực va chạm, báo cáo tự động có thể không xuất hiện đồng thời với hệ thống túi khí. (nếu xe bị đâm từ phía sau,…)
- Vì an toàn, không thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi đang lái xe.

  Việc thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể làm mất kiểm soát tay lái, mà có thể dẫn đến những tai nạn bất ngờ.

  Dừng xe và đảm bảo được xung quanh bạn, trước khi thực hiện cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.
- Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu có trục trặc với nút "SOS", loa hoặc micrô trong khi Gọi khẩn cấp tự động hoặc khi kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bằng thao tác thủ công**

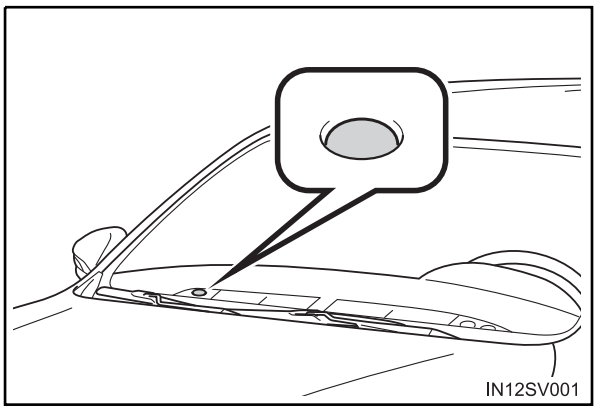
Không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp, hãy kiểm tra tình trạng của hệ thống hoặc liên hệ với người điều hành của trung tâm điều khiển ERA-GLONASS/EVAK. Nếu có bất kỳ thiết bị nào nói trên bị hỏng, hãy gọi xin tư vấn của Đại lý Toyota.

Hệ thống mã hoá khóa động cơ

Các chìa khóa của xe có tích hợp các con chíp thu phát tín hiệu để ngăn không cho động cơ khởi động nếu như trước đó chìa khóa này chưa được đăng ký với máy tính trên xe.

Không để các chìa khóa ở trong xe khi bạn rời khỏi xe.

Hệ thống này được thiết kế để tránh trộm xe, nhưng nó không thể đảm bảo tuyệt đối việc tránh mất trộm xe.



Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi rút chìa ra khỏi công tắc động cơ để báo rằng hệ thống mã hoá khóa động cơ đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ dừng nháy sau khi cắm chìa khóa đã được đăng ký vào công tắc động cơ, để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi tắt công tắc động cơ để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy sau khi chuyển công tắc động cơ tới chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.

n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống mã hóa khóa động cơ được trang bị trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n Các tình trạng có thể sẽ làm cho hệ thống bị trục trặc

- Nếu phần cán chìa tiếp xúc với các đồ vật bằng kim loại
- Khi để chìa khóa quá gần hoặc chạm vào hệ thống an ninh (chìa khóa có tích hợp chíp thu phát tín hiệu) của xe khác

⚠ CHÚ Ý

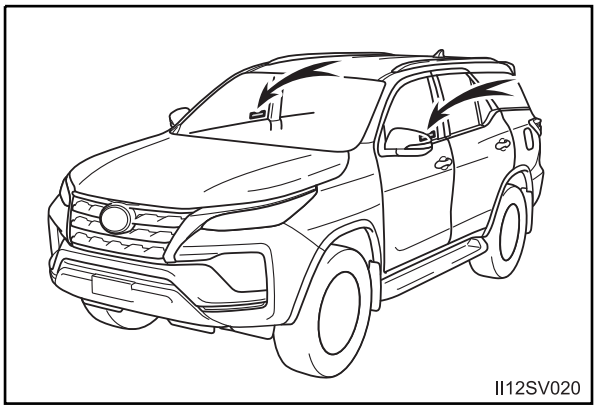
n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Hệ thống khóa kép*

Có tác dụng vô hiệu hóa chức năng mở khóa cửa xe từ cả bên trong và bên ngoài xe để tránh trường hợp xe bị xâm nhập trái phép.

Những xe được trang bị hệ thống này sẽ có các nhãn chỉ báo được dán trên kính cửa sổ ở hai cửa trước.



Cài đặt hệ thống khóa kép

Tắt công tắc động cơ, đưa tất cả các hành khách ra khỏi xe và đảm bảo rằng tất cả các cửa đã đóng lại.

Sử dụng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh):
Khóa các cửa xe bằng cách ấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm bên ngoài cửa hoặc nút khóa trên cửa hậu hai lần trong vòng 3 giây.

Sử dụng điều khiển từ xa:
Ấn nút hai lần trong vòng 5 giây.

*: Nếu có

Hủy chức năng của hệ thống khóa kép

Sử dụng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh):

Mở khóa các cửa xe bằng cách ấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm bên ngoài cửa hoặc công tắc bộ mở cửa hậu.

Sử dụng điều khiển từ xa: Hãy ấn nút  .

⚠ CẢNH BÁO

n **Các lưu ý đối với hệ thống khóa kép**

Không bao giờ kích hoạt hệ thống khóa kép khi có người ở trong xe bởi tất cả các cửa sẽ không thể mở ra từ bên trong xe được.

Hệ thống báo động*

Hệ thống báo động

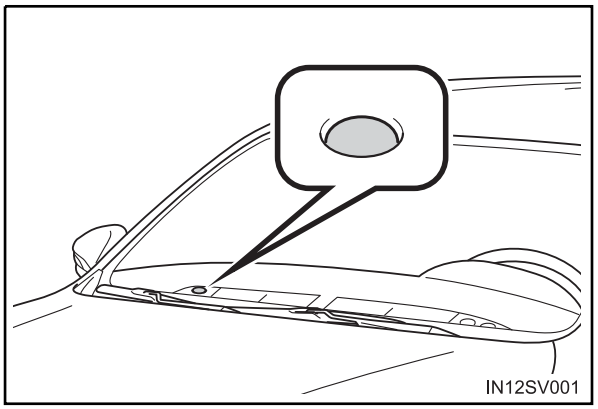
Báo động sử dụng đèn và còi để cảnh báo khi phát hiện hành động đột nhập vào xe.

Hệ thống báo động sẽ kích hoạt trong một số trường hợp sau khi đã đặt hệ thống:

- Khi một cửa đã khóa được mở ra nhưng không phải bằng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), điều khiển từ xa hay chìa khóa cơ.
- Khi nắp capô bị mở ra.
- Khi cảm biến xâm nhập phát hiện thấy có ai đó đang di chuyển bên trong xe. (Có người xâm nhập vào xe.) (nếu có)
- Khi kính cửa sổ tai xe hoặc kính cửa hậu bị vỡ. (nếu có)

Cài đặt hệ thống báo động

Đóng các cửa và nắp capô, khóa tất cả các cửa bằng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc điều khiển từ xa. Hệ thống sẽ tự động được cài đặt sau 30 giây.



Có thể cài đặt báo động bằng cách sử dụng chìa khóa cơ.

Đèn chỉ báo sẽ chuyển từ trạng thái sáng sang nhấp nháy khi hệ thống được cài đặt.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

*: Nếu có

Vô hiệu hóa hoặc tắt báo động

Hãy làm theo một trong những cách sau để hủy kích hoạt hoặc dừng hệ thống báo động:

- Mở khóa cửa xe.
- Khởi động động cơ. (Hệ thống báo động sẽ bị vô hiệu hóa hoặc ngừng hoạt động sau vài giây.)

n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống báo động trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n Các hạng mục cần kiểm tra trước khi khóa xe

Để tránh vô tình làm kích hoạt hệ thống báo động và tránh bị trộm xe, hãy chú ý đến những điểm sau:

- Không có người nào ở trong xe.
- Cửa sổ đã được đóng lại trước khi cài đặt hệ thống báo động.
- Không để đồ đạc có giá trị hoặc đồ cá nhân khác ở trong xe.

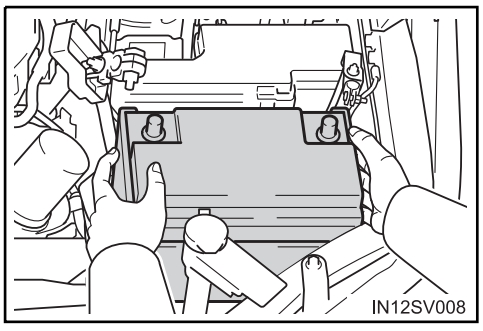
n Kích hoạt hệ thống báo động

Hệ thống báo động có thể sẽ được kích hoạt trong các trường hợp sau: (Hệ thống báo động sẽ bị vô hiệu hóa khi tắt báo động.)

- Khi người ở trong xe mở cửa xe hoặc nắp capô.



- Các xe có còi báo động điện: Khi ắc quy được ngắt kết nối.



⚠ CHÚ Ý

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Cảm biến phát hiện xâm nhập (nếu có)

Cảm biến xâm nhập sẽ phát hiện thấy có ai đó đang di chuyển bên trong xe. Khi có người vào xe hoặc có sự dịch chuyển, hệ thống báo động sẽ được kích hoạt.

Hệ thống này được thiết kế nhằm phát hiện và chống trộm nhưng nó cũng không thể đảm bảo ngăn ngừa mọi sự xâm nhập một cách tuyệt đối được.

n Cài đặt cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến phát hiện xâm nhập sẽ tự động được đặt khi cài đặt hệ thống báo động. (→P. 94)

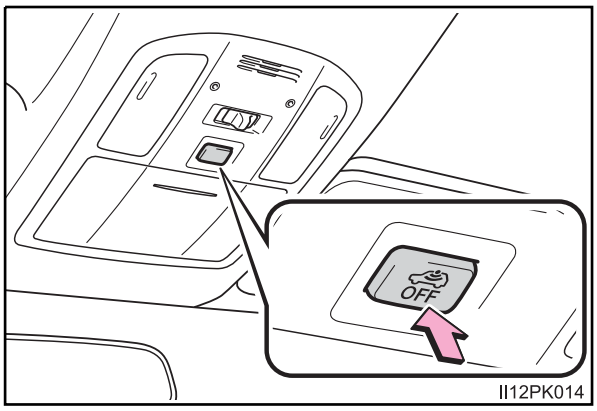
n Hủy cảm biến phát hiện xâm nhập

Khi bạn để vật nuôi hoặc vật di động trong xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã tắt cảm biến xâm nhập trước khi đặt hệ thống báo động, do chúng có thể di chuyển bên trong xe.

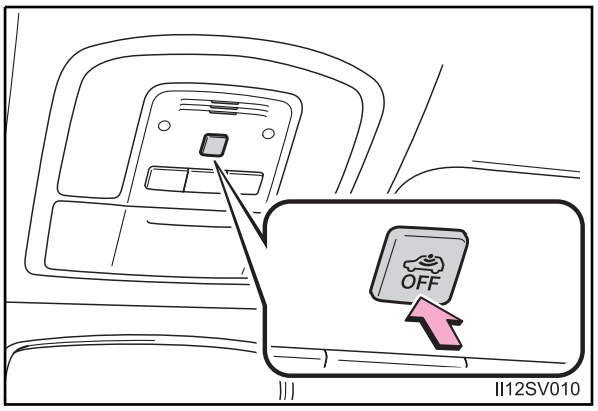
1. Chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
2. Ấn vào công tắc hủy cảm biến phát hiện xâm nhập.

   Khi hệ thống bị hủy, đèn chỉ báo sẽ nháy rất nhanh.

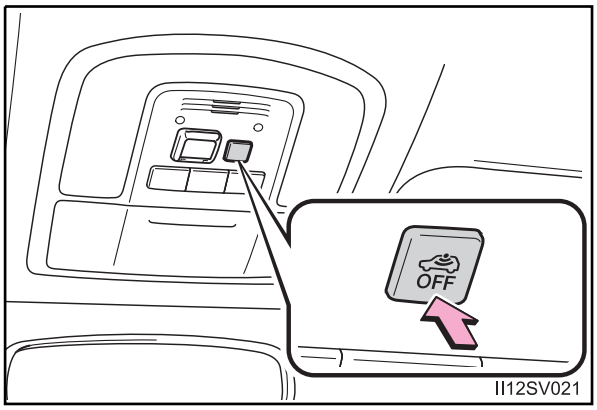
▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



▶ Kiểu C



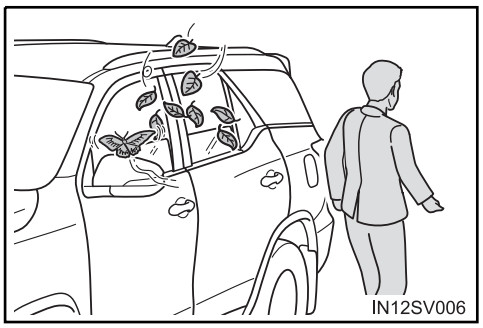
n Hủy và tự động khôi phục lại chức năng của cảm biến xâm nhập (nếu có)

- Hệ thống báo động vẫn sẽ được đặt ngay cả khi bạn đã hủy cảm biến xâm nhập.
- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Sau khi hủy cảm biến xâm nhập, cảm biến này sẽ tự động được phục hồi lại khi bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" hoặc mở khóa cửa bằng điều khiển từ xa.
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Sau khi hủy chức năng của cảm biến xâm nhập, cảm biến này sẽ tự động được phục hồi lại khi bạn ấn công tắc động cơ hoặc mở khóa cửa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa.
- Cảm biến xâm nhập sẽ tự động được phục hồi khi vô hiệu hóa hệ thống báo động.

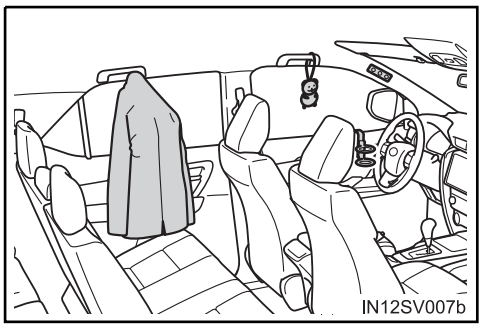
n Các trường hợp cần cân nhắc khi sử dụng cảm biến xâm nhập (nếu có)

Cảm biến có thể sẽ kích hoạt báo động trong các trường hợp sau:

- Khi cửa sổ để mở.
  Trong trường hợp này, cảm biến có thể bị nhầm lẫn:
  - Khi có gió hoặc chuyển động các vật như của lá cây hay côn trùng trong xe
  - Khi có sóng siêu âm phát ra từ các thiết bị như cảm biến phát hiện xâm nhập của xe khác
  - Khi có chuyển động của người ở bên ngoài xe



- Những côn trùng nhỏ như bướm hoặc ruồi đang ở trong xe.
- Các đồ vật không cố định ở trong xe như các phụ kiện hoặc áo khoác đang được treo trên móc áo bên trong xe.

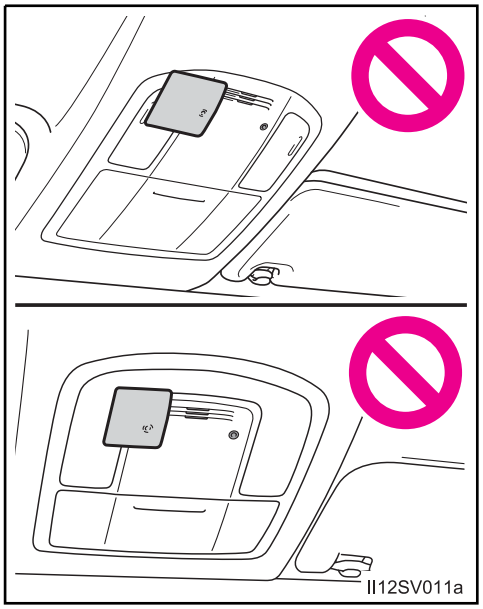


- Khi đỗ xe ở nơi có rung động mạnh hoặc tiếng ồn rất lớn, hoặc trong các tình huống mà xe bị tác động hoặc rung động liên tục:
  - Khi đỗ xe trong gara
  - Khi vận chuyển xe bằng phà, xe moóc, tàu hỏa…
  - Khi gỡ bỏ băng tuyết bao phủ trên xe
  - Khi rửa xe ở trạm rửa xe tự động hoặc trạm rửa xe cao áp
  - Lái xe dưới mưa đá hoặc bão nhẹ

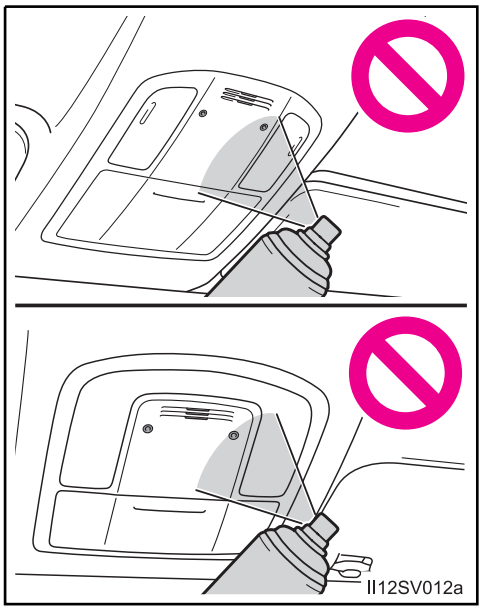
CHÚ Ý

n **Để chức năng của cảm biến phát hiện xâm nhập hoạt động được chính xác (nếu có)**

l Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



l Không thổi khí nén hoặc các chất khác trực tiếp vào các lỗ của cảm biến.



l Không lắp các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota hoặc để các đồ vật vào giữa ghế của người lái và ghế hành khách phía trước, do chúng có thể sẽ làm giảm tính năng phát hiện của cảm biến.

Đồng hồ táp lô 2

2. Đồng hồ táp lô

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 100

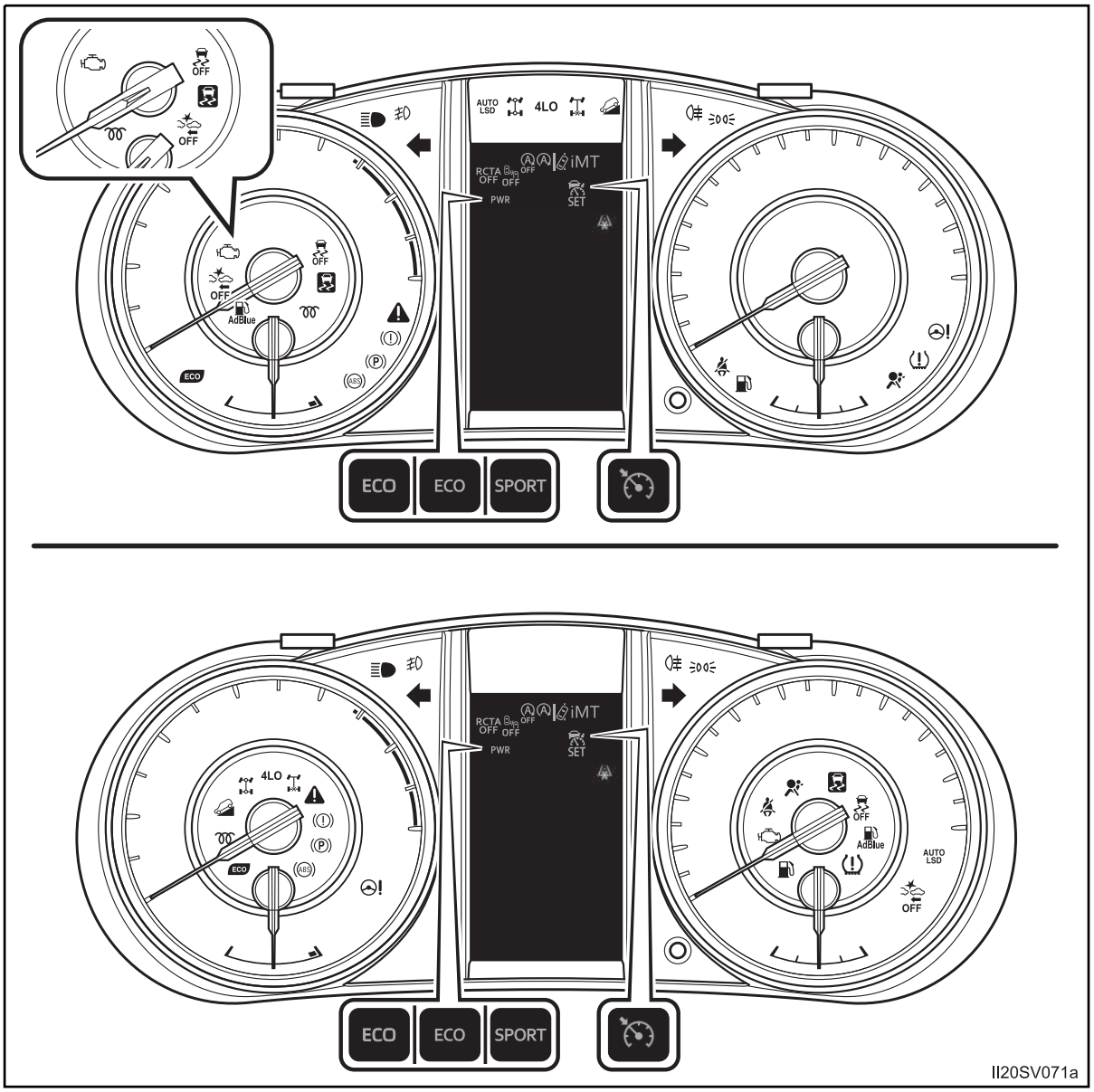
Đồng hồ báo và đồng hồ đo..... 107

Màn hình đa thông tin..... 111

Thông tin tiêu hao nhiên liệu..... 121

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

Các đèn cảnh báo và chỉ báo trên đồng hồ táp lô và bảng điều khiển trung tâm sẽ thông báo cho người lái về tình trạng của các hệ thống trên xe.
Với mục đích giải thích, các hình vẽ dưới đây sẽ thể hiện tất cả các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo trên xe sáng.



Tùy thuộc vào từng xe mà vị trí của một số đèn cảnh báo và chỉ báo có thể sẽ khác so với hình minh họa.

Các đèn cảnh báo

Các đèn cảnh báo sẽ cảnh báo cho người lái các lỗi liên quan đến các hệ thống trên xe.

*1

Đèn cảnh báo hệ thống phanh (→P. 593)

*1, 2

(Nhấp nháy hoặc sáng)
Đèn chỉ báo hư hỏng (→P. 593)

*1

Đèn cảnh báo túi khí (→P. 593)

*1


Đèn cảnh báo ABS (→P. 594)

*1

(nếu có)
Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (→P. 594)

*1

Đèn chỉ báo trượt (→P. 594)

*3


(Nháy)
(nếu có)
Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp (→P. 594)

*3

(Nháy)
(nếu có)
Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (→P. 594)

*1


(Nhấp nháy hoặc sáng)
(Nếu có)
Đèn cảnh báo PCS (→P. 595)


(Màu vàng)
(nếu có)
Đèn chỉ báo LDA (→P. 595)

*1


(Nếu có)
Đèn chỉ báo OFF hệ thống BSM (→P. 595)

*1

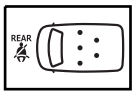

(Nháy)
(Nếu có)
Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA (→P. 595)


(Nhấp nháy hoặc sáng)
Đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (→P. 595)

*4


(Nhấp nháy hoặc sáng) (nếu có)

Đèn nhắc thắt đai an toàn của hành khách phía sau (→P. 596)

*4


(Nhấp nháy hoặc sáng) (nếu có)



Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp (→P. 596)

*1

(Nhấp nháy hoặc sáng)

Đèn cảnh báo chính (→P. 596)

*1, 5


(Nháy) (Nếu có)

Đèn chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ (→P. 596)



Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P. 596)



(Nếu có)

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu AdBlue™ thấp (→P. 596)

*1

(Nếu có)

Đèn cảnh báo áp suất lốp (→P. 596)

*1


(Nháy) (Nếu có)

Đèn chỉ báo "AUTO LSD" (→P. 597)

*1: Những đèn này sẽ bật sáng khi bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc khi công tắc động cơ được bật sang vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) để chỉ ra rằng quy trình kiểm tra hệ thống đang được tiến hành. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu một đèn không sáng lên, hoặc không tắt đi thì có thể hệ thống đó đã bị lỗi. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

*2: Đèn sẽ sáng lên hoặc nhấp nháy để thông báo có trục trặc.

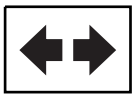
*3: Đèn sẽ nháy nhanh để thông báo đã có trục trặc.

*4: Đèn sẽ sáng trên bảng táp lô trung tâm.

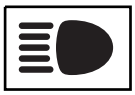
*5: Đèn sẽ nháy để thông báo đã có trục trặc.

Đèn chỉ báo

Các chỉ báo sẽ cảnh báo cho người lái biết về tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe.



Đèn chỉ báo xi nhan (→P. 226)



Đèn chỉ báo chế độ đèn pha chiếu xa (→P. 229)



Đèn chỉ báo đèn hậu (→P. 228)



(nếu có)

Đèn chỉ báo đèn sương mù phía trước (→P. 232)



(nếu có)

Đèn chỉ báo đèn sương mù phía sau (→P. 233)

*1



Đèn chỉ báo lái Eco (→P. 105)

*1



(Nếu có)

Đèn chỉ báo hệ thống Dừng và Khởi động (→P. 339)

*1, 2



(Nếu có)

Đèn chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ (→P. 339)



(động cơ diesel)

Đèn chỉ báo sấy động cơ (→P. 199, 202)



(nếu có)

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (→P. 277, 293)



(nếu có)

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (→P. 277)



(nếu có)

Đèn chỉ báo "SET" của hệ thống điều khiển tự động (→P. 277, 293)

*1



(nếu có)

Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (→P. 355)

*1, 3



Đèn chỉ báo trượt (→P. 349)

*1, 2



Đèn chỉ báo VSC OFF (→P. 350)



(Xe 4WD*4)

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động (→P. 323)



(Xe 4WD*4)

Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp (→P. 323)



(nếu có)

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (→P. 334)

*5 

(nếu có)
Đèn chỉ báo “ECO” (→P. 211, 219)

*5 

(nếu có)
Đèn chỉ báo "PWR" (→P. 211, 219)

*6 

(Nếu có)
Đèn chỉ báo “ECO” (→P. 212, 220)

*6 

(Nếu có)
Đèn chỉ báo "SPORT" (→P. 212, 220)

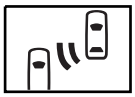


(Nếu có)
Đèn chỉ báo "iMT" (→P. 221)

*1, 2 

(nếu có)
Đèn cảnh báo PCS (→P. 249)

*7 
(nếu có)
Đèn chỉ báo LDA (→P. 266)

*8, 9 
(Nếu có)
Các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài BSM (→P. 298)

*1, 2 

(Nếu có)
Đèn chỉ báo OFF hệ thống BSM (→P. 300)

*1, 2 

(Nếu có)
Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA (→P. 316)


Đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp (→P. 108)



Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P. 227)

*1 

(Nếu có)
Đèn chỉ báo "AUTO LSD" (→P. 358)

*1, 10 

(Nếu có)

*1, 10 

(Nếu có)

Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG" (→P. 54)

*1: Những đèn này sẽ bật sáng khi bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc khi công tắc động cơ được bật sang vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) để chỉ ra rằng quy trình kiểm tra hệ thống đang được tiến hành. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu một đèn không sáng lên, hoặc không tắt đi thì có thể hệ thống đó đã bị lỗi. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

*2: Đèn sẽ sáng khi hệ thống đang tắt.

*3: Đèn sẽ nháy để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.

*4: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

*5: Xe có các nút chọn chế độ lái (kiểu A)

*6: Xe có các nút chọn chế độ lái (kiểu B)

*7: Tùy thuộc vào điều kiện hoạt động của hệ thống mà màu sắc và trạng thái (sáng/nhấp nháy) của đèn chỉ báo sẽ thay đổi.

*8: Để xác nhận hoạt động, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài BSM sẽ sáng lên trong các trường hợp sau.

- Khi bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON, chức năng theo dõi điểm mù được kích hoạt trên  của màn hình đa thông tin.
- Khi chức năng theo dõi điểm mù được kích hoạt trên  của màn hình đa thông tin, và bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON.

Nếu hệ thống đang hoạt động chính xác, các đèn chỉ báo bên ngoài xe của hệ thống BSM sẽ tắt sau vài giây.

Nếu các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài xe của hệ thống BSM không sáng hoặc không tắt, có thể đã có lỗi trong hệ thống.

Nếu điều này xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

*9: Đèn sẽ sáng trên gương chiếu hậu phía ngoài.

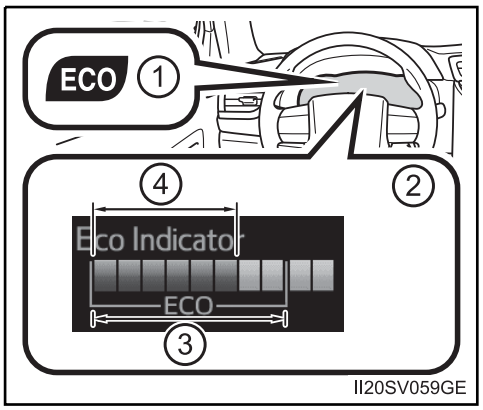
*10: Đèn sẽ sáng trên bảng táp lô trung tâm.

---

n Đèn chỉ báo lái Eco

① Đèn chỉ báo lái Eco
Xe có hộp số tự động:
Khi tăng tốc độ xe đúng theo chế độ tiết kiệm nhiên liệu (Eco), đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ bật sáng. Khi đạp ga quá mức hoặc khi dừng xe, đèn này sẽ tắt đi.

Xe có hộp số thường:
Khi tăng tốc độ xe đúng theo chế độ tiết kiệm nhiên liệu hoặc chuyển số tiết kiệm nhiên liệu (Eco), đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ bật sáng. Khi đạp ga quá mức hoặc khi dừng xe, đèn này sẽ tắt đi.



② Hiển thị vùng chỉ báo lái Eco
Dự đoán vùng lái Eco với tỷ lệ hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

③ Vùng lái Eco

④ Tỷ lệ lái Eco dựa trên quá trình tăng tốc
Nếu lái xe tăng tốc vượt quá vùng lái Eco, phía bên phải của vùng lái Eco sẽ sáng.

Đèn chỉ báo lái Eco và màn hình vùng chỉ báo lái Eco sẽ không hoạt động trong các tình huống sau:

- Khi cần số không ở vị trí "D". (xe có hộp số tự động)
- Khi cần số ở vị trí "R". (xe có hộp số thường)
- Công tắc chuyển số trên vô lăng được vận hành. (xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)
- Khi xe đang ở chế độ công suất hoặc chế độ thể thao. (nếu có) (→P. 211, 219)
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang hoạt động. (nếu có) (→P. 355)
- Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4. (nếu có) (→P. 323)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Có thể kích hoạt hoặc vô hiệu hóa đèn chỉ báo lái Eco.

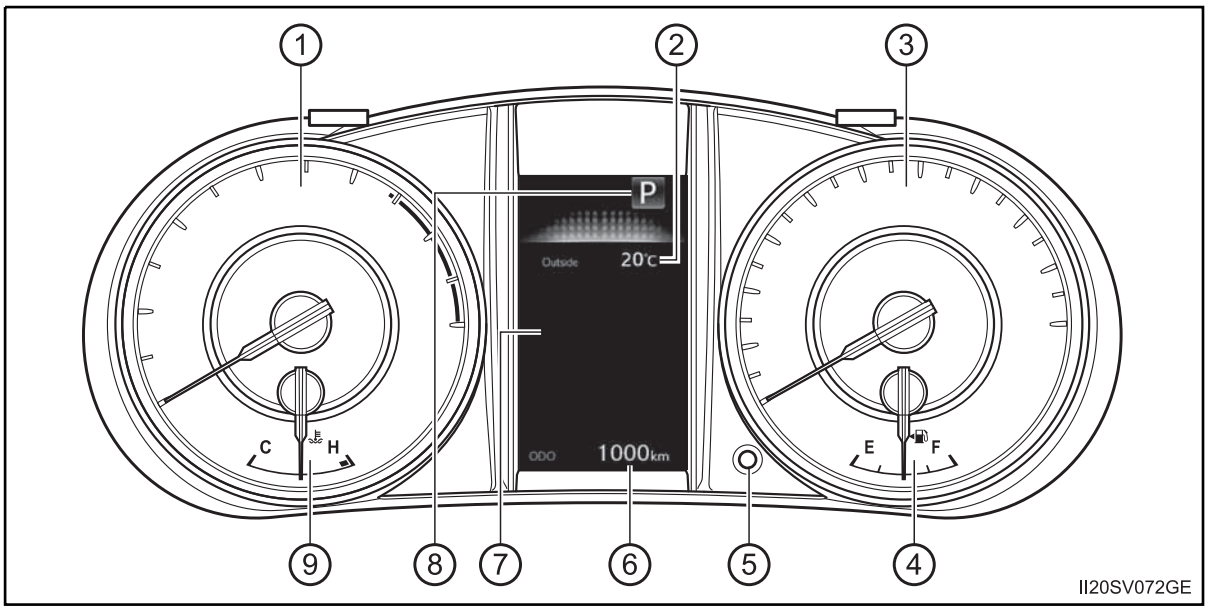
→P. 669

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo của hệ thống an toàn không sáng lên**

Khi đèn cảnh báo của một hệ thống an toàn như đèn cảnh báo ABS và đèn cảnh báo túi khí không sáng lên khi khởi động động cơ, có nghĩa là những hệ thống này đang không hoạt động và không thể bảo vệ bạn khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota ngay lập tức nếu gặp tình trạng này.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo



Đơn vị đo của đồng hồ tốc độ xe và đồng hồ đo nhiên liệu có thể khác nhau tùy vào từng thị trường, và các vị trí của đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài và chỉ báo vị trí số khác nhau tùy vào từng loại xe.

① Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút.

② Nhiệt độ bên ngoài xe

Thông báo nhiệt độ bên ngoài xe. Dải nhiệt độ có thể hiển thị nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C. Đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp sẽ sáng lên khi nhiệt độ môi trường chỉ từ 3°C trở xuống và đèn này sẽ tắt đi khi nhiệt độ môi trường đạt từ 5°C trở lên. (→P. 104)

③ Đồng hồ tốc độ xe

Hiển thị tốc độ của xe.

④ Đồng hồ đo nhiên liệu

Thông báo lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu của xe.

⑤ Nút thay đổi nội dung hiển thị của đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình

→P. 109

⑥ Đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ công tơ mét:
Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được.

Đồng hồ đo hành trình:
Hiển thị quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được cài đặt lại ở lần gần nhất. Bạn có thể sử dụng hai đồng hồ đo hành trình A và B để ghi lại và hiển thị hai hành trình độc lập.

⑦ Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết những dữ liệu liên quan tới việc lái xe. (→P. 111)

⑧ Vị trí cần số và dải chọn số (hộp số tự động)

Thông báo vị trí của cần số hoặc dải chuyển số đã được chọn. (→P. 209)

⑨ Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Thông báo nhiệt độ của nước làm mát động cơ.

Thay đổi nội dung hiển thị

Màn hình sẽ chuyển đổi giữa đồng hồ công tơ mét, đồng hồ đo hành trình và hiển thị điều khiển đèn chiếu sáng bảng táp lô mỗi khi ấn nút này.

① Đồng hồ công tơ mét

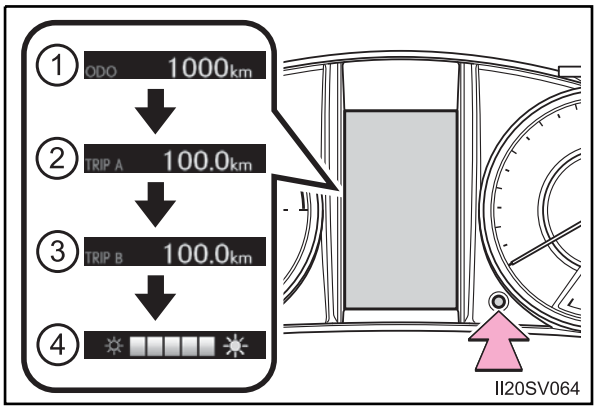
② Đồng hồ đo hành trình A*1

③ Đồng hồ đo hành trình B*1

④ Hiển thị điều khiển đèn chiếu sáng bảng táp lô*2

*1: Hãy ấn và giữ nút này để đặt lại đồng hồ đo hành trình.

*2: Hãy ấn và giữ nút để điều chỉnh độ sáng của đèn chiếu sáng bảng táp lô.



n **Các đồng hồ sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

n **Độ sáng của đèn chiếu sáng bảng táp lô**

Có thể điều chỉnh độ sáng của bảng táp lô một cách độc lập khi bật và tắt đèn hậu.

Khi bật công tắc đèn pha, độ sáng của bảng táp lô sẽ giảm đi một chút trừ khi đã đặt mức điều chỉnh độ sáng của bảng táp lô ở mức sáng nhất.

n **Khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy**

Dữ liệu của đồng hồ đo hành trình sẽ được đặt lại.

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi đỗ xe, hoặc lái xe ở tốc độ thấp (nhỏ hơn 25 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

n **Khi màn hình hiển thị ký tự "--"**

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

⚠ CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin được hiển thị trên màn hình có thể sẽ phản ứng chậm và hình ảnh thay đổi có thể sẽ bị trễ.

Xe có hộp số tự động: Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

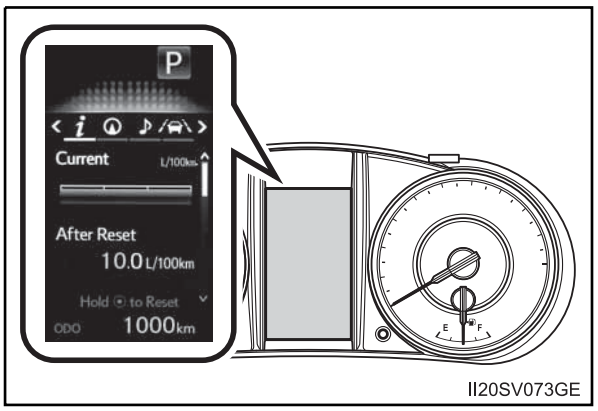
- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vạch đỏ (vạch H). Trong trường hợp này, hãy đỗ ngay xe vào nơi an toàn, và kiểm tra động cơ sau khi nó đã nguội hẳn. (→P. 632)

Màn hình đa thông tin

Nội dung hiển thị

Màn hình đa thông tin sẽ cảnh báo cho người lái biết những thông tin liên quan tới tình trạng xe.

Thông tin sau sẽ được hiển thị khi một biểu tượng được chọn.
Các biểu tượng menu xuất hiện trong vài giây khi điều khiển các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô (→P. 112).
Trên khu vực này, thường hiển thị nhiệt độ bên ngoài.
(→P. 107)



Một số thông tin có thể được hiển thị tự động tùy vào từng trường hợp.

Thông tin lái

Hãy chọn mục này để hiển thị các dữ liệu lái xe khác nhau. (→P. 113)

Màn hình liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có)

Hãy chọn mục này để hiển thị các thông tin sau liên kết với hệ thống dẫn đường.

- Chỉ đường
- Hiển thị la bàn

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Các điều kiện hoạt động của hệ thống âm thanh có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Thông tin của hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có)

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- Chức năng LDA (Cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe) (→P. 260)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (→P. 271)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (→P. 277)

Màn hình thông điệp cảnh báo

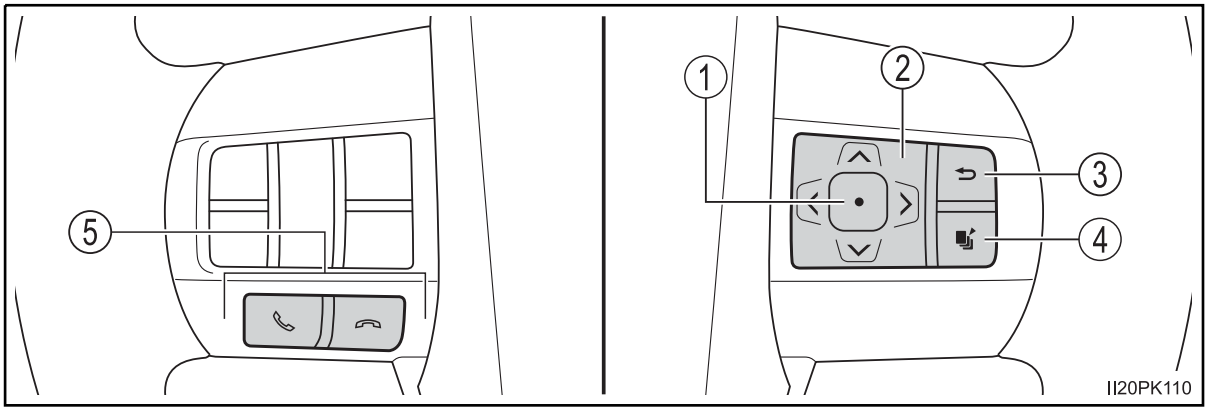
Chọn để hiển thị các thông điệp cảnh báo và biện pháp khi phát hiện được lỗi. (→P. 601)

Màn hình cài đặt

Hãy chọn mục này để thay đổi các cài đặt của màn hình đồng hồ táp lô. (→P. 668)

Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.



① Nhập/Đặt

② Nút chọn hạng mục/Thay đổi trang

③ Trở về màn hình trước đó

④ Ấn nút: Để hiển thị màn hình được đăng ký làm màn hình chính

Khi không có màn hình nào được đăng ký, màn hình thông tin lái xe sẽ được hiển thị.

Ấn và giữ nút: Để đăng ký màn hình đang được hiển thị làm màn hình chính

Khi xuất hiện màn hình xác nhận, hãy chọn "Yes" để đăng ký màn hình đó. Nếu màn hình được chọn không đăng ký được, một thông báo lỗi đăng ký sẽ xuất hiện.

⑤ Hiển thị cuộc gọi đến (nếu có)

Kết nối với hệ thống điện đàm rảnh tay, cuộc gọi đến sẽ được hiển thị. Để biết thông tin liên quan đến hệ thống điện đàm rảnh tay, hãy tham khảo sách “Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện” hoặc “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

Thông tin lái

Có thể thay đổi các hạng mục được hiển thị bằng cách ấn vào phía "<" hoặc nút ">" của cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn mục *i* và ấn vào phía "" hoặc "∨".

n Thông tin lái 1 và 2

- Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại (dạng thanh/dạng giá trị)*1, 2

  Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại của xe.

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi đặt lại*3/sau khi khởi động/sau khi nạp nhiên liệu)*1, 2

  Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình từ khi chức năng này được đặt lại, động cơ được khởi động và xe được nạp nhiên liệu một cách tương ứng.

- Tốc độ trung bình (sau khi đặt lại*3/sau khi khởi động)*1

  Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi chức năng này được đặt lại và động cơ được khởi động một cách tương ứng.

- Thời gian đã qua (sau khi đặt lại*3/sau khi khởi động)*1

  Hiển thị thời gian kể từ khi chức năng này được đặt lại và động cơ được khởi động một cách tương ứng.

- Quãng đường (phạm vi xe chạy/sau khi khởi động)*1

  Hiển thị quãng đường ước tính tối đa mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại và quãng đường xe đã đi sau khi khởi động động cơ một cách tương ứng.

  - Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.
  - Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì hệ thống có thể sẽ không cập nhật thông tin này.
    Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, thông số này có thể sẽ không được cập nhật.

*1: Có thể đăng ký vào màn hình thông tin lái xe số 1 và số 2. (→P. 115)

*2: Sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại để tham khảo.

*3: Quy trình đặt lại:

- Chọn chức năng cần đặt lại bằng cách sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô, sau đó ấn và giữ nút ⊙ để đặt lại.
- Nếu có từ 2 chức năng trở lên có thể đặt lại được, một ô chọn sẽ xuất hiện bên cạnh các chức năng này.

n Hiển thị vùng chỉ báo chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu/điểm Eco

- Hiển thị vùng lái tiết kiệm nhiên liệu với tỷ lệ lái tiết kiệm nhiên liệu hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc xe. (→P. 105)
- Hiển thị tổng số điểm lái tiết kiệm nhiên liệu Eco để giúp cải thiện kỹ năng lái tiết kiệm nhiên liệu của người lái. (→P. 118)

n Mức tiết kiệm do lái tiết kiệm nhiên liệu

Hiển thị so sánh mức tiêu hao nhiên liệu, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sau khi đặt lại, và chi phí tiêu hao nhiên liệu. (→P. 119)

n Góc xoay vô lăng

Hiển thị hướng của các lốp trước.

Hướng của lốp xe được hiển thị thành 3 giai đoạn cho cả bên trái và bên phải, tương ứng với góc xoay của bánh xe.

Trong khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (→P. 305) đang hoạt động (nếu có) hoặc có bất kỳ cửa nào chưa được đóng hoàn toàn, những thông tin liên quan sẽ được hiển thị với hướng của các bánh xe phía trước.

Nếu ắc quy được tháo ra và sau đó lắp lại, màn hình này có thể sẽ tạm thời bị vô hiệu hóa. Sau khi lái xe một lúc, màn hình sẽ lại hoạt động bình thường.

n Đồng hồ tốc độ

Hiển thị tốc độ của xe.

n Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P. 119)

Màn hình cài đặt

Có thể thay đổi các hạng mục cài đặt sau. (→P. 668)

n LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe) (nếu có) (→P. 260)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- l Hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe

  Chọn để bật/tắt chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe.
- l Độ nhạy của cảnh báo

  Chọn để cài đặt độ nhạy của cảnh báo.
- l Chức năng cảnh báo lắc xe

  Chọn để bật/tắt chức năng cảnh báo lắc xe.
- l Độ chạy của cảnh báo lắc xe

  Chọn để cài đặt độ nhạy của chức năng cảnh báo lắc xe.

n PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) (→P. 249)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- l Bật/tắt PCS

  Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm
- l Độ nhạy (điều chỉnh thời điểm cảnh báo)

  Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm.

n RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P. 271)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- l Bật/tắt chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo

  Chọn để bật/tắt hệ thống RSA.
- l Phương pháp thông báo (Vượt quá tốc độ/Không vượt/Khác*)

  Chọn để thay đổi phương pháp thông báo được sử dụng để cảnh báo cho lái xe biết khi hệ thống phát hiện được vượt quá tốc độ.
- l Mức độ thông báo

  Chọn để thay đổi mỗi mức độ thông báo được sử dụng để cảnh báo cho lái xe biết khi hệ thống phát hiện được biển hạn chế tốc độ.

*: Chỉ thông báo không vượt (xe có hệ thống dẫn đường)

n DRCC(RSA) (nếu có) (→P. 288)

Chọn để bật/tắt chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa và có hỗ trợ nhận diện biển báo.

n **BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) (→P. 297)**

Chọn để bật/tắt theo dõi điểm mù.

n **RCTA (Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau (nếu có) (→P. 315)**

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng RCTA.

n **Cài đặt cho xe**

l Thời gian dừng không tải (nếu có)

Chọn để thay đổi thời gian ngừng không tải (thời gian dừng động cơ qua hệ thống Dừng & Khởi động động cơ) khi hệ thống điều hòa không khí đang bật.

l Cửa hậu điều khiển điện (nếu có)

Chọn để bật/tắt hệ thống cửa hậu điều khiển điện.

l BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)

- Chọn để thay đổi độ sáng của các đèn chỉ báo của gương chiếu hậu bên ngoài.
- Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo có xe đang đến gần.

n Cài đặt tùy chọn cho đồng hồ táp lô

l Ngôn ngữ

Hãy chọn mục này để thay đổi ngôn ngữ xuất hiện trên màn hình.

l Đơn vị đo

Hãy chọn mục này để thay đổi đơn vị tính mức tiêu hao nhiên liệu.

l Đèn chỉ báo lái Eco

Hãy chọn mục này để vô hiệu hóa/kích hoạt đèn chỉ báo lái Eco.
(→P. 105)

l Cài đặt cho công tắc

Bạn có thể đăng ký màn hình 1 làm màn hình chính. Để đăng ký, hãy ấn và giữ nút trong khi màn hình cần đăng ký đang hiển thị.

l Thông tin lái 1 và 2

Hãy chọn mục này để chọn 2 hạng mục sẽ xuất hiện trên màn hình thông tin lái xe, có thể đặt được tối đa 2 màn hình thông tin lái xe.

l Màn hình pop-up (nếu có)

Chọn để cài đặt các màn hình pop-up, có thể bật/tắt màn hình trong một số trường hợp.

l Màu nền (nếu có)

Hãy chọn mục này để thay đổi màu nền của màn hình, như màu con trỏ.

l Mức tiết kiệm do lái tiết kiệm nhiên liệu

Hãy chọn mục này để đặt hoặc thay đổi mức giá nhiên liệu hoặc so sánh mức tiêu hao nhiên liệu.

l Khởi tạo

Các cài đặt của đồng hồ đã được đăng ký hoặc thay đổi sẽ bị xóa hoặc trở về cài đặt mặc định.

n Màn hình pop-up

Màn hình pop-up được hiển thị trên màn hình đa thông tin tùy vào các điều kiện hoạt động của các chức năng sau:

- Hiển thị chỉ dẫn đường của hệ thống liên kết với hệ thống dẫn đường (nếu có)
- Màn hình cuộc gọi đến của hệ thống đàm thoại rảnh tay (nếu có)
- Thời gian hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có)
- Tình trạng hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có)

Bạn có thể bật/tắt chức năng hiển thị pop-up (→P. 669)

n Số điểm lái tiết kiệm nhiên liệu Eco

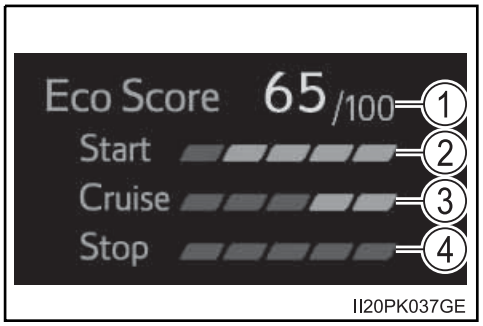
Trạng thái lái xe được hiển thị theo 5 giai đoạn và được chia thành 3 loại: khởi hành, chạy xe và dừng. Mỗi khi xe dừng, số điểm sẽ được hiển thị. (Mỗi khi tăng tốc xe, số điểm được hiển thị trước đó sẽ bị đặt lại. Hệ thống sẽ không tính số điểm tích lũy.)

① Số điểm lái tiết kiệm nhiên liệu Eco

Tính tổng số lần khởi hành Eco, chạy tiết kiệm nhiên liệu và dừng tiết kiệm nhiên liệu, và hiển thị kết quả.

② Khởi hành Eco

Hiển thị mức độ tiết kiệm nhiên liệu được tính toán theo mức độ tăng tốc của xe khi khởi hành



③ Mức độ tiết kiệm nhiên liệu khi chạy xe

Hiển thị mức độ tiết kiệm nhiên liệu được tính toán theo gia tốc của xe khi chạy xe

④ Dừng Eco

Hiển thị mức độ tiết kiệm nhiên liệu được tính toán theo thời gian từ khi nhả chân ga tới khi xe dừng lại

Nếu không nhấn đạp chân ga, như khi lái xe bằng chức năng điều khiển chạy tự động (nếu có) hoặc điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa (nếu có), hành trình này sẽ không được tính vào điểm lái tiết kiệm nhiên liệu.

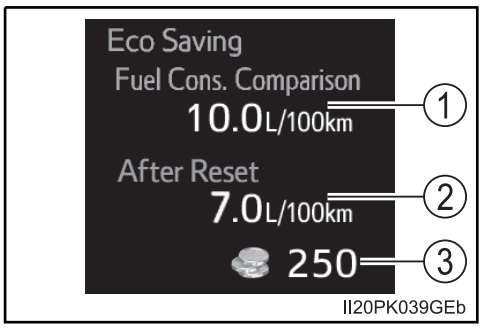
Điểm lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ phụ thuộc vào các điều kiện lái xe và môi trường. Điểm lái tiết kiệm nhiên liệu có thể sẽ không liên kết với mức tiêu hao nhiên liệu.

Chức năng điểm lái tiết kiệm nhiên liệu Eco sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên
- Khi cần số không ở vị trí D (xe có hộp số tự động)
- Vận hành công tắc chuyển số trên vô lăng (xe có các công tắc chuyển số trên vô lăng)
- Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4 (nếu có)
- Khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang hoạt động (nếu có)
- Khi xe đang ở chế độ công suất hoặc chế độ thể thao (nếu có).

n Mức tiết kiệm do lái tiết kiệm nhiên liệu

Hiển thị so sánh mức tiêu hao nhiên liệu, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sau khi đặt lại, và chi phí tiêu hao nhiên liệu.



① So sánh mức tiêu hao nhiên liệu

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu để so sánh với mức tiêu hao nhiên liệu thực tế.

② Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sau khi đặt lại

Thông báo mức tiêu hao nhiên liệu trung bình tính từ khi chức năng này được đặt lại.

- Có thể đặt lại chức năng bằng cách ấn và giữ nút ⊙ trong hơn 1 giây khi mức tiêu hao nhiên liệu trung bình đang được hiển thị sau khi đặt lại
- Hãy sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu được hiển thị như là giá trị tham khảo

③ Mức tiết kiệm/chi phí nhiên liệu

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu có thể đạt được so với so sánh mức tiêu hao nhiên liệu, và hiển thị chi phí nhiên liệu thực tế nếu không đặt so sánh mức tiêu hao nhiên liệu.

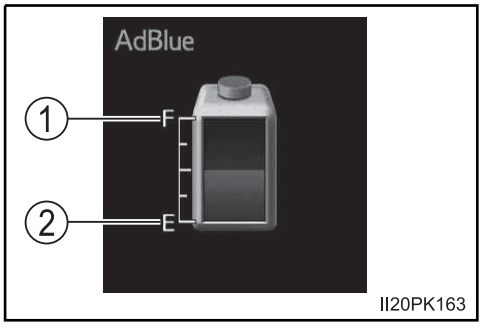
Chỉ số mức tiết kiệm và chi phí nhiên liệu chỉ có tính chất tham khảo. Tùy thuộc vào phương pháp đổ nhiên liệu, điều kiện lái xe và các yếu tố môi trường mà chi phí nhiên liệu được hiển thị có thể sẽ khác so với chi phí thực tế, và trong một số trường hợp, mức chi phí nhiên liệu và mức tiết kiệm có thể sẽ không liên hệ với mức đánh giá điểm lái tiết kiệm nhiên liệu.

n Cài đặt màn hình "Eco Saving"

Có thể thiết lập mức giá nhiên liệu và so sánh mức tiêu hao nhiên liệu trên màn hình cài đặt. Hãy sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn mục ⚙ trong khi xe đang dừng và ấn nút ⊙, và chọn mục "Eco Saving" và ấn nút ⊙.

n Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu.



① Đầy

② Cạn

n **Tự động tắt màn hình cài đặt**

Trong những tình huống sau, các màn hình cài đặt mà có thể điều chỉnh được bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô sẽ tự động tắt đi.

- l Khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trong khi màn hình cài đặt đang được hiển thị
- l Khi xe bắt đầu di chuyển trong khi đã hiển thị màn hình cài đặt

n **Khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy**

Các dữ liệu thông tin lái xe và các cài đặt sẽ bị đặt lại.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

- l Khi sử dụng màn hình đa thông tin khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.
- l Không được nhìn liên tục màn hình đa thông tin trong khi lái xe bởi bạn có thể khó quan sát người đi bộ, vật thể trên đường … ở phía trước xe bạn.

n **Số điểm lái tiết kiệm nhiên liệu Eco**

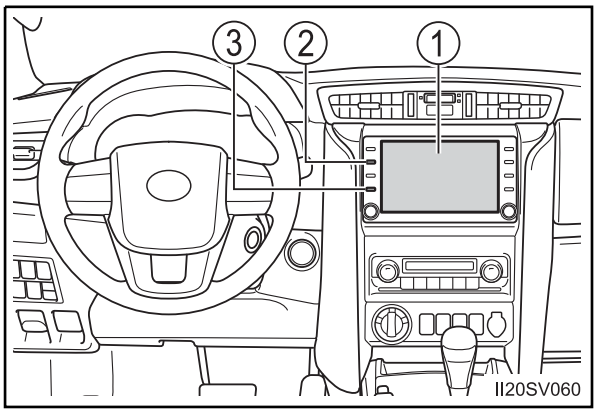
Chỉ sử dụng thông số "điểm lái Eco" để tham khảo. Luôn luôn lái xe an toàn theo điều kiện đường sá và giao thông.

Thông tin tiêu hao nhiên liệu*

Thông tin tiêu hao nhiên liệu có thể hiển thị được trên màn hình của hệ thống dẫn đường /Hệ thống đa phương tiện kiểu A*.

*: Hãy xem mục “Cách xác định kiểu hệ thống đa phương tiện” để kiểm tra hệ thống đa phương tiện trên xe bạn. (→P. 123)

① Màn hình của hệ thống dẫn đường hoặc đa phương tiện
② Nút "MENU"
③ Nút “INFO” (nếu có)



Hình minh họa này là cho xe tay lái thuận. Các vị trí của một vài nút sẽ thay đổi trên xe tay lái nghịch.

Hiển thị thông tin hành trình hoặc màn hình dữ liệu lịch sử

▶ Khi sử dụng nút “INFO”

Hãy ấn nút "INFO".

▶ Khi sử dụng nút “MENU”

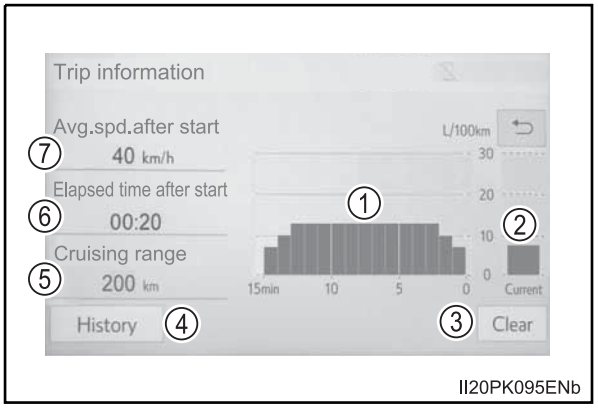
1 Ấn nút "MENU".
2 Chọn mục “Info” hoặc “Information” trên màn hình “Menu”.
3 Chọn “Eco” trên màn hình “Information”. (nếu có)

*: Nếu có

Mức tiêu hao nhiên liệu

n Thông tin hành trình

Nếu màn hình thông tin hành trình không xuất hiện, hãy chọn mục "Thông tin chuyến đi".



① Mức tiết kiệm nhiên liệu trong 15 phút trước đó

② Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

③ Nút đặt lại dữ liệu thông tin hành trình

④ Màn hình “Lịch sử” xuất hiện

⑤ Quãng đường xe có thể chạy được

⑥ Thời gian kể từ khi khởi động động cơ

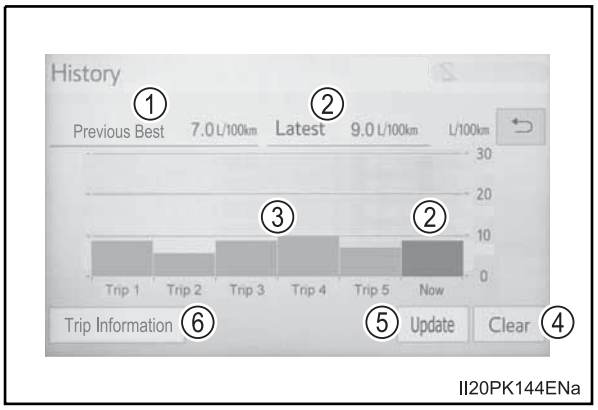
⑦ Tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ

Tiêu hao nhiên liệu trung bình của 15 phút trước đó được phân biệt theo màu thành giá trị trung bình trong quá khứ và giá trị trung bình từ khi bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). Thông số mức tiêu hao nhiên liệu trung bình chỉ có giá trị tham khảo.

Những hình ảnh này chỉ mang tính chất minh họa, và những hình ảnh trên thực tế có thể sẽ hơi khác một chút.

n Lịch sử tiêu hao nhiên liệu

Nếu màn hình dữ liệu lịch sử không xuất hiện, hãy chọn “History”.



II20PK144ENa

① Mức tiêu hao nhiên liệu tối ưu được ghi lại

② Mức tiêu hao nhiên liệu gần nhất

③ Dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu trước đó

④ Đặt lại dữ liệu lịch sử

⑤ Cập nhật dữ liệu tiêu hao nhiên liệu mới nhất

⑥ Màn hình "Thông tin chuyến đi" được hiển thị

Lịch sử mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe được chia thành cột màu, bao gồm mức tiêu hao nhiên liệu trong quá khứ và mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ lần đi gần nhất được cập nhật. Sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu trung bình để tham khảo.

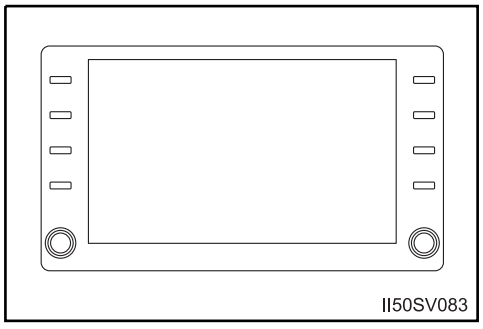
Những hình ảnh này chỉ mang tính chất minh họa, và những hình ảnh trên thực tế có thể sẽ hơi khác một chút.

---

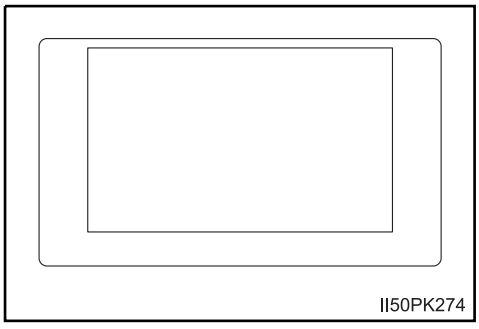
n Cách xác định kiểu hệ thống đa phương tiện

Kiểm tra kiểu hệ thống đa phương tiện trong các hình vẽ sau đây.

▶ Kiểu A


II50SV083

▶ Kiểu B


II50PK274

n Cập nhật dữ liệu ghi trong quá khứ

Cập nhật tiêu hao nhiên liệu trung bình bằng cách chọn "Update" để đo lượng tiêu hao nhiên liệu hiện tại

n Đặt lại các dữ liệu

Có thể xóa được dữ liệu tiêu hao nhiên liệu bằng cách lựa chọn "Xóa".

n **Quãng đường xe có thể chạy được**

Hiển thị khoảng cách tối đa ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Hoạt động của từng thiết bị

3

3-1. Thông tin về chìa khóa
Chìa khóa 126
3-2. Mở, đóng và khóa các cửa xe
Cửa bên 132
Cửa hậu 138
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh ... 151
3-3. Điều chỉnh ghế
Ghế trước 158
Ghế sau 160
Tựa đầu 167
3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương
Vô lăng 169
Gương chiếu hậu bên trong xe 171
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 173
3-5. Mở và đóng các cửa sổ
Cửa sổ điện 175

Chìa khóa

Chìa khóa

Những loại chìa khóa sau được cung cấp cùng với xe.

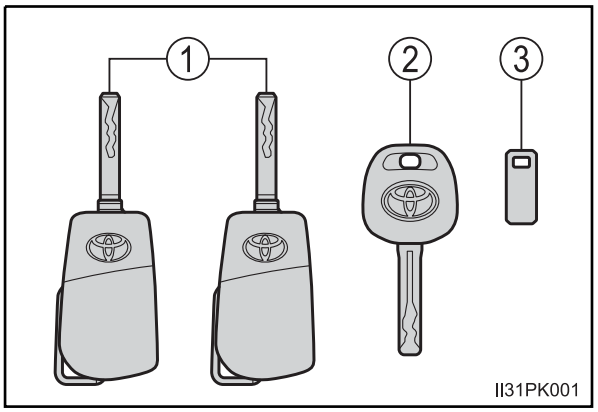
▶ Kiểu A (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

① Chìa khóa chính

Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P. 127)

② Chìa khóa phụ

③ Tấm ghi số hiệu chìa



▶ Kiểu B (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

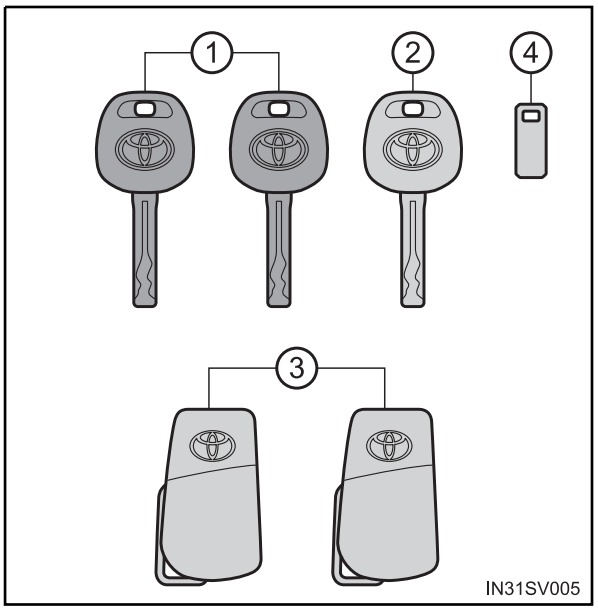
① Chìa khóa chính

② Chìa khóa phụ

③ Điều khiển từ xa

Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P. 127)

④ Tấm ghi số hiệu chìa

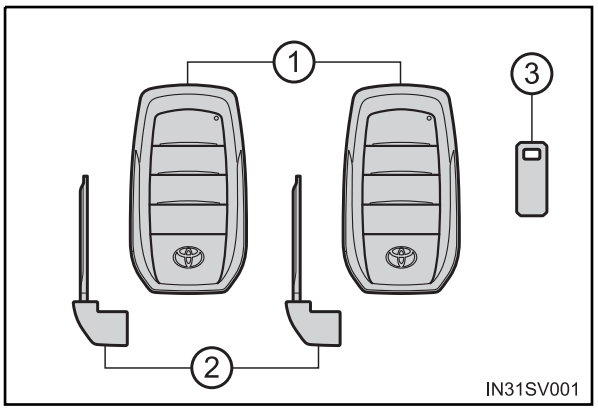


▶ Kiểu C (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

① Chìa khóa điện tử
- Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P. 151)
- Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P. 127)

② Chìa khóa cơ

③ Tấm ghi số hiệu chìa



Điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

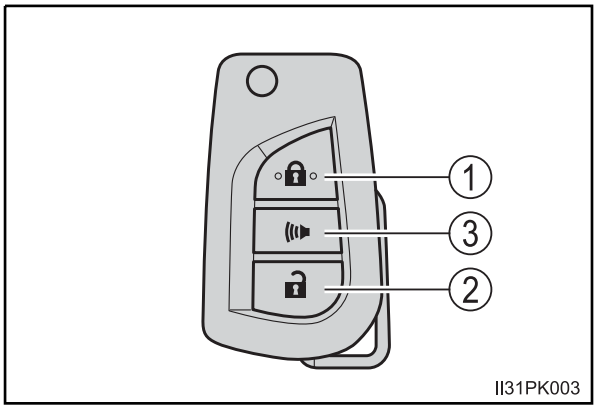
① Khóa tất cả các cửa (→P. 132)

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

② Mở khóa tất cả các cửa (→P. 132)

③ Kích hoạt báo động* (→P. 129)

*: Nếu có



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

① Khóa tất cả các cửa (→P. 132)

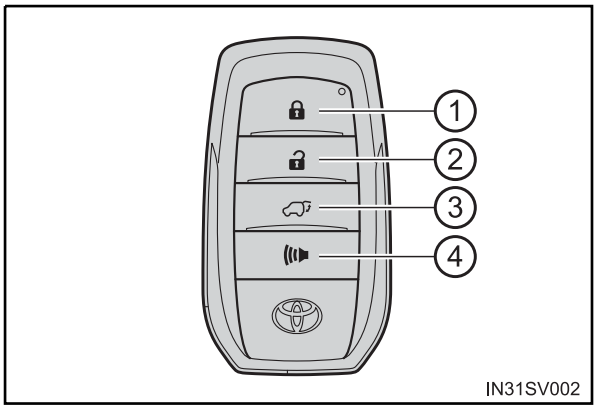
Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

② Mở khóa tất cả các cửa (→P. 132)

③ Mở và đóng cửa hậu điều khiển điện* (→P. 138)

④ Kích hoạt báo động* (→P. 129)

*: Nếu có



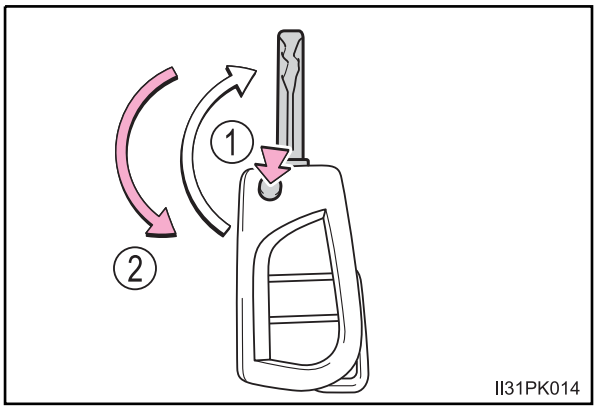
Sử dụng chìa khóa chính (kiểu A)

① Nhả chìa

Để nhả chìa, hãy ấn nút này.

② Gập gương

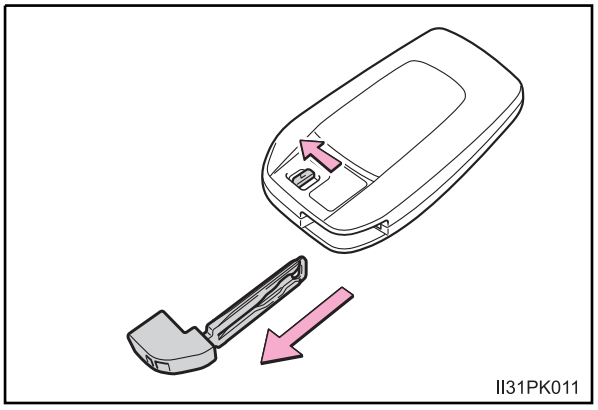
Để cất chìa vào vỏ chìa, hãy ấn chìa về vị trí thu gọn trong khi ấn nút này.



Sử dụng chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Để rút chìa khóa cơ ra, ấn vào nút nhả khóa và rút chìa ra.

Chìa khóa cơ chỉ có thể cắm vào ổ khóa theo một chiều, bởi các rãnh trên chìa được bố trí về một phía. Nếu bạn không thể cắm được chìa vào ổ khóa, hãy xoay chìa lại và thử lại.



Sau khi sử dụng chìa khóa cơ, hãy cất nó vào trong chìa khóa điện tử. Luôn mang chìa khóa cơ cùng với chìa khóa điện tử. Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin hoặc chức năng vào xe không hoạt động chính xác, thì bạn sẽ cần dùng đến chìa khóa cơ. (→P. 623)

n Chế độ báo động (nếu có)

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Khi ấn và giữ nút lâu hơn một giây, còi báo động sẽ kêu gián đoạn và đèn xe sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe của bạn.

Để ngừng báo động, hãy ấn vào một nút bất kỳ trên điều khiển từ xa.



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Khi ấn và giữ nút lâu hơn một giây, còi báo động sẽ kêu gián đoạn và đèn xe sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe của bạn.

Để ngừng báo động, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.



n Khi cần đưa chìa khóa cho người trông xe

Hãy khóa ngăn đựng găng tay lại trong trường hợp cần. (→P. 457)

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy giữ lại chìa khóa chính và đưa chìa khóa phụ cho người phục vụ.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy tháo và giữ lại chìa khóa cơ để bạn sử dụng và chỉ đưa cho người trông xe chìa khóa điện tử.

n Nếu bạn đánh mất chìa khóa

Đại lý Toyota có thể cung cấp cho bạn các chìa khóa mới chính hiệu mới bằng cách sử dụng chìa khóa chính (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chìa khóa khác (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và số hiệu chìa khóa được dập trên tấm ghi số hiệu chìa. Hãy giữ tấm ghi số hiệu chìa khóa ở vị trí an toàn ví dụ như trong ví của bạn, không nên để trong xe.

n Khi lên máy bay

Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa lên máy bay, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ không ấn lên bất cứ nút nào trên chìa khóa khi đang ở trong máy bay. Nếu bạn để chìa điều khiển từ xa trong túi... phải đảm bảo rằng các nút của nó không bị ấn phải một cách tình cờ. Việc ấn nút sẽ làm cho chìa điều khiển từ xa phát ra sóng radiô và làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy bay.

n Chìa khóa điện tử bị hết pin

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu điều khiển từ xa không hoạt động, pin có thể đã bị hết điện. Hãy thay pin nếu cần thiết. (→P. 553)

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P. 156

n Nếu thông báo liên quan đến trạng thái của chìa khóa điện tử hoặc chế độ của công tắc động cơ ... được hiển thị

Nhằm tránh việc khóa chìa bên trong xe, nếu để xe ở tình trạng không tắt công tắc động cơ hoặc hành khách trên xe vô tình mang chìa khóa ra ngoài, thì một thông báo sẽ xuất hiện để báo cho người sử dụng biết tình trạng của chìa khóa hoặc chế độ công tắc động cơ trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, hãy tuân theo các hướng dẫn trên màn hình hiển thị.

n Nếu thông điệp "Key battery low" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Chìa khóa điện tử có pin yếu. Hãy thay pin của chìa khóa điện tử.

n Thay pin của chìa khóa điện tử

→P. 553

n Kiểm tra số chìa đã được đăng ký

Có thể xác nhận số lượng chìa khóa đã được đăng ký với xe. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Nếu sử dụng chìa khóa không phải của xe (xe có hệ thống khóa kép)

Ổ khóa sẽ quay trơn để tách biệt với cơ cấu bên trong.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng chìa khóa**

- Không đánh rơi chìa khóa, tránh tác dụng lực mạnh lên chìa khóa hoặc bẻ cong chìa khóa.
- Không để chìa ở nơi có nhiệt độ cao trong một thời gian dài.
- Không để chìa ở nơi ẩm ướt hoặc rửa chìa trong máy rửa siêu âm,...
- Không gắn kim loại hoặc các vật liệu từ tính vào chìa khóa hoặc đặt chìa gần những vật liệu như vậy.
- Không tháo rời chìa khóa.
- Không gắn miếng dán hoặc bất cứ thứ gì lên bề mặt chìa khóa điện tử.
- Không để chìa khóa gần các khu vực dễ nhiễm từ tính chẳng hạn như ti vi, hệ thống âm thanh, bếp từ, các thiết bị điện tử trong ngành y tế, chẳng hạn như các thiết bị trị liệu có tần số thấp.

n **Hãy mang theo chìa khóa điện tử theo người (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Hãy để khoảng cách từ chìa khóa điện tử với các thiết bị điện tử đang hoạt động là 10 cm trở lên. Sóng radiô từ các thiết bị điện có thể làm chìa khóa hoạt động không chính xác khi các thiết bị này cách chìa trong khoảng 10 cm.

n **Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh bị lỗi hoặc lỗi liên quan tới chìa khóa (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Hãy mang tất cả các chìa khóa điện tử và xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

n **Khi mất chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Nếu bạn đánh mất chìa khóa điện tử, nguy cơ bị trộm xe sẽ tăng lên. Hãy ngay lập tức mang xe tới đại lý Toyota cùng với tất cả các chìa khóa điện tử còn lại đã được cung cấp theo xe.

Cửa bên

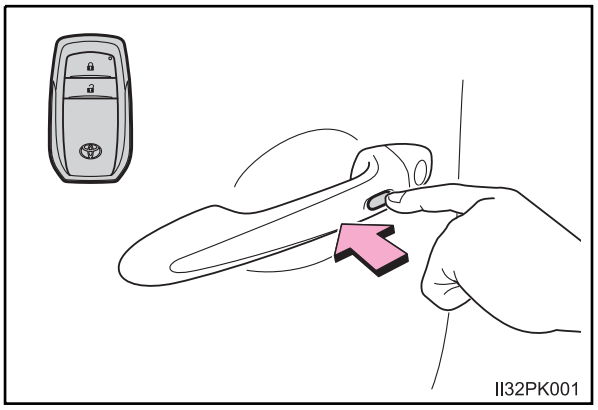
Có thể khóa và mở khóa xe bằng chức năng vào xe, điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc công tắc khóa cửa.

Khóa và mở khóa các cửa từ bên ngoài

u Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có)

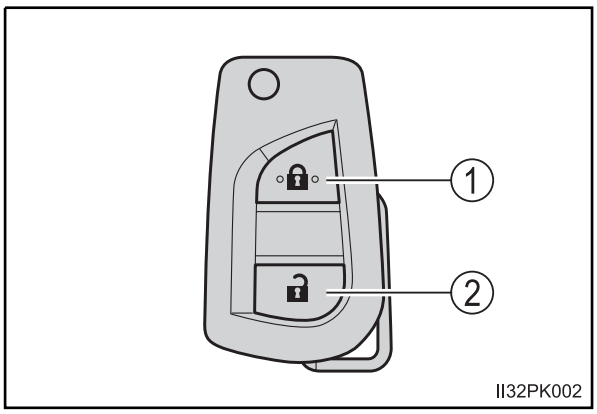
Khi mang theo chìa điện tử, hãy ấn nút này để khóa và mở khóa cửa.

Sau khi khóa, hãy xác nhận rằng cửa đã được khóa chắc.

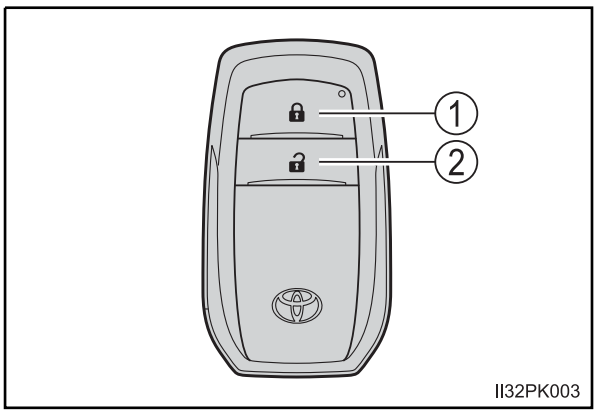


u Điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



① Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

② Mở khóa tất cả các cửa

Xe có hệ thống khóa kép: Ấn nút này để mở khóa cửa người lái. Ấn nút này thêm một lần nữa trong vòng 3 giây để mở khóa các cửa còn lại.

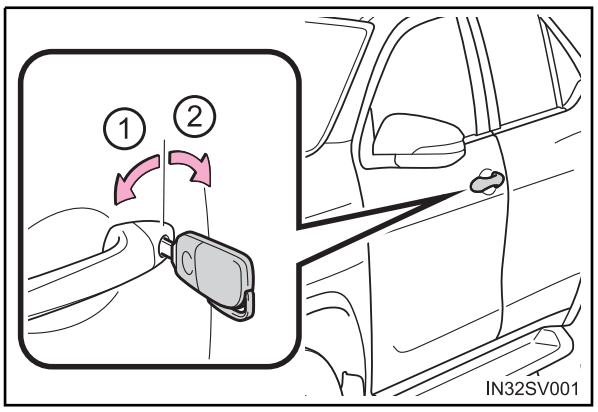
u Chìa khoá

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

① Khóa tất cả các cửa

② Mở khóa tất cả các cửa

Xe có hệ thống khóa kép: Xoay chìa khóa về phía sau để mở khóa cửa người lái. Xoay chìa khóa một lần nữa trong vòng 3 giây sẽ mở khóa các cửa khác.



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Có thể khóa và mở khóa các cửa xe bằng chìa khóa cơ. (→P. 623)

n Các tín hiệu hoạt động

Chuông báo (nếu có) sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy để chỉ ra rằng các cửa đã được khóa/mở khóa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc bằng điều khiển từ xa. (Khóa cửa: một lần; Mở khóa: hai lần)

n Tính năng an ninh

Nếu không cửa nào được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi mở khóa bằng cách sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc bằng điều khiển từ xa, tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa cửa xe lại.

n Chuông báo khóa cửa

Nếu bạn cố khóa các cửa khi một cửa chưa được đóng hẳn lại, chuông báo sẽ kêu liên tục trong 5 giây. Hãy đóng hẳn cửa lại để tắt chuông báo và khóa xe lại.

n Nếu chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc điều khiển từ xa không hoạt động chính xác

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy sử dụng chìa khóa để khóa và mở khóa các cửa. (→P. 133)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy sử dụng chìa khóa cơ để khóa và mở khóa các cửa. (→P. 623)
- Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện. (→P. 553)

n Cài đặt báo động (nếu có)

Hệ thống báo động sẽ được cài đặt khi khóa các cửa. (→P. 94)

n **Nếu biểu tượng một hoặc nhiều cửa đang mở xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Một hoặc nhiều cửa chưa được đóng chặt lại. Hệ thống cũng sẽ chỉ báo cửa nào chưa được đóng lại hoàn toàn. Nếu tốc độ xe đạt tới 5 km/h, đèn cảnh báo chính sẽ nháy và chuông báo sẽ kêu để chỉ ra rằng (các) cửa chưa được đóng chặt.

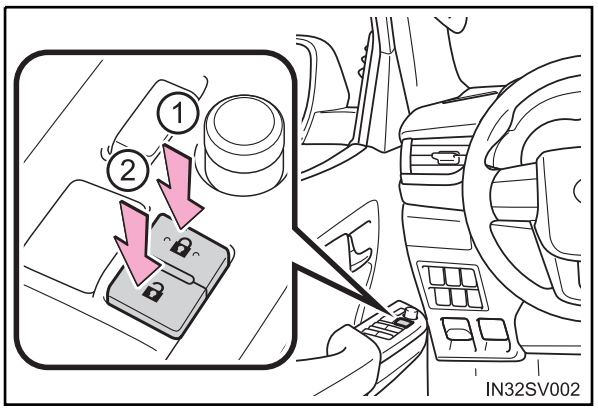
Hãy chắc chắn rằng tất cả các cửa đã được đóng chặt.

Khóa và mở khóa các cửa từ bên trong

u Công tắc khóa cửa

① Khóa tất cả các cửa

② Mở khóa tất cả các cửa

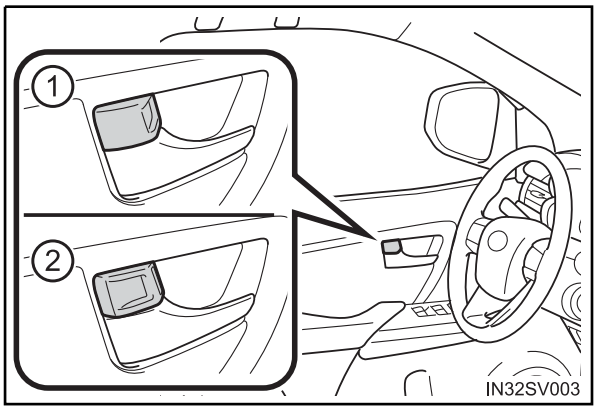


u Nút khóa cửa bên trong xe

① Khóa cửa

② Mở khóa cửa

Có thể mở cửa người lái bằng cách kéo vào tay nắm bên trong cửa kể cả khi nút khóa cửa đã ở vị trí khóa.



Khóa các cửa trước từ bên ngoài mà không dùng chìa

1 Chuyển nút khóa cửa bên trong xe sang vị trí khóa.

2 Đóng cửa trong khi kéo tay nắm cửa.

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Cửa người lái sẽ không thể khóa lại được nếu một trong các cửa vẫn đang mở và chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa.

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Các cửa sẽ không thể khóa lại nếu công tắc động cơ vẫn ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON, hoặc chìa khóa điện tử vẫn đang ở trong xe.

Tuy nhiên, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chính xác chìa khóa và cửa xe có thể bị khóa lại.

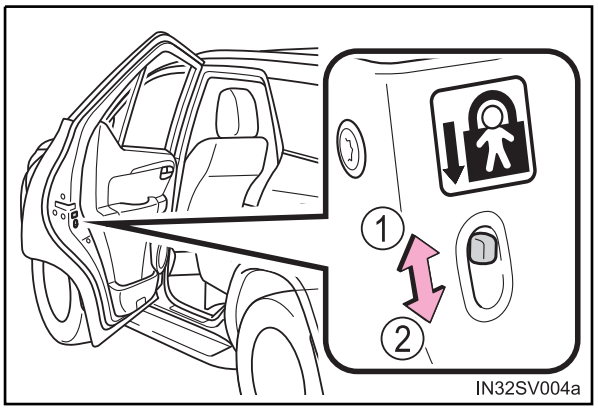
Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ nhỏ trên cửa sau

Bạn sẽ không thể mở cửa từ phía trong xe khi đã gài cơ cấu khóa này.

① Mở khóa

② Khóa

Bạn có thể gài cơ cấu khóa này để tránh trẻ em mở các cửa sau. Hãy đẩy công tắc cửa sau xuống để khóa cả hai cửa sau.



Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động (nếu có)

Bạn có thể đặt hoặc hủy các chức năng sau:

Chức năng	Hoạt động
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	Tất cả các cửa sẽ khóa lại khi tốc độ xe đạt từ xấp xỉ 20 km/h trở lên. (Xe có hệ thống khóa cửa khi phát hiện có va chạm: Ngay cả khi xe chịu một va chạm mạnh, tất cả các cửa sẽ không tự động mở khóa.)
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi mở cửa người lái trong khoảng 45 giây sau khi tắt công tắc động cơ.

n Cài đặt và hủy các chức năng

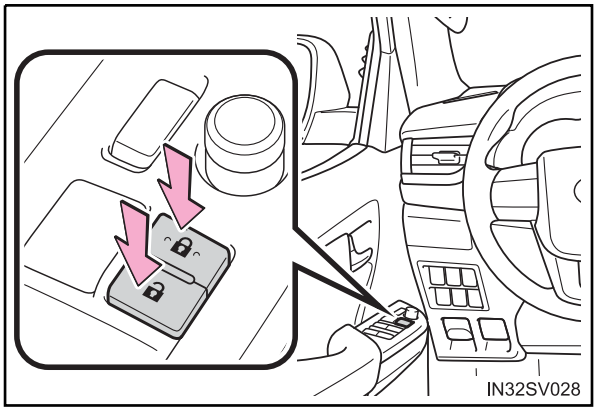
Để chuyển giữa trạng thái đặt và hủy, hãy làm theo các bước sau.

1 Đóng tất cả các cửa và bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). (Hãy thực hiện các bước 2 trong vòng 20 giây.)

2 Ấn và giữ công tắc khóa cửa trên cửa lái 🔒 hoặc 🔓) trong khoảng 5 giây và sau đó nhả ra.

Vị trí của công tắc tương ứng với các chức năng sẽ được cài đặt như trong bảng sau.

Hãy sử dụng quy trình tương tự để hủy chức năng này.



Chức năng	Vị trí công tắc khoá cửa người lái
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	🔒
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	🔓

Khi quá trình cài đặt hay hủy được hoàn tất, tất cả các cửa sẽ được khóa lại, và sau đó được mở khóa sau khi công tắc khóa cửa người lái được nhả ra.

n Hệ thống nhả khóa cửa khi phát hiện có va chạm (nếu có)

Trong trường hợp xe bị va chạm mạnh, tất cả các cửa xe sẽ được mở khóa. Tuy nhiên, tùy theo lực va chạm hay kiểu va chạm mà hệ thống có thể sẽ không hoạt động.

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chức năng điều khiển từ xa có thể sẽ hoạt động bất thường trong các trường hợp sau:

- Khi ở gần đài phát sóng vô tuyến, trạm phát sóng rađiô, trạm điện, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng rađiô mạnh
- Khi mang theo rađiô di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc các thiết bị liên lạc không dây khác
- Khi để nhiều chìa khóa điện tử nằm cạnh nhau
- Khi điều khiển từ xa tiếp xúc hoặc bị che bởi vật thể bằng kim loại
- Khi có chìa khóa điều khiển từ xa (có khả năng phát sóng rađiô) đang được sử dụng gần đó
- Khi chìa khóa điều khiển từ xa đang ở gần các thiết bị điện tử như máy tính cá nhân

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P. 154

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh xảy ra tai nạn

Hãy tuân theo các lưu ý sau trong khi lái xe.
Nếu không cửa xe có thể bị mở ra và người ngồi trên xe có thể bị văng ra ngoài, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy đảm bảo rằng tất cả các cửa xe đã được đóng và khóa lại đúng cách.
- Không kéo vào tay nắm cửa bên trong trong khi lái xe.

  Hãy đặc biệt chú ý đến cửa của người lái, do cửa vẫn có thể mở được ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.
- Hãy đặt các lẫy khóa bảo vệ trẻ nhỏ ở cửa sau khi có trẻ nhỏ ngồi ở hàng ghế sau.

Cửa hậu

Có thể khóa/mở khóa cửa hậu và mở/đóng cửa hậu bằng các quy trình sau.

Khóa và mở khóa cửa hậu

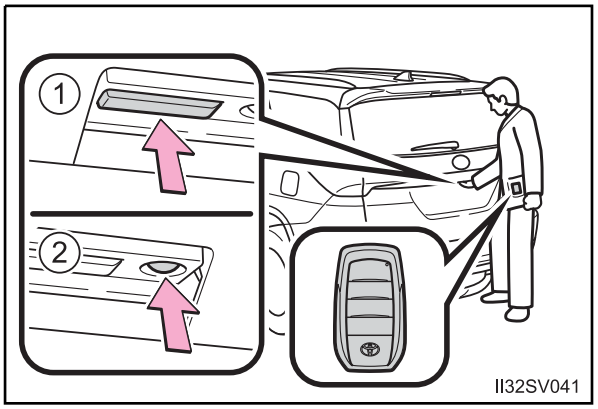
u Chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hãy mang theo chìa khóa điện tử để kích hoạt chức năng này.

① Mở khóa tất cả các cửa.

② Khóa tất cả các cửa.

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.



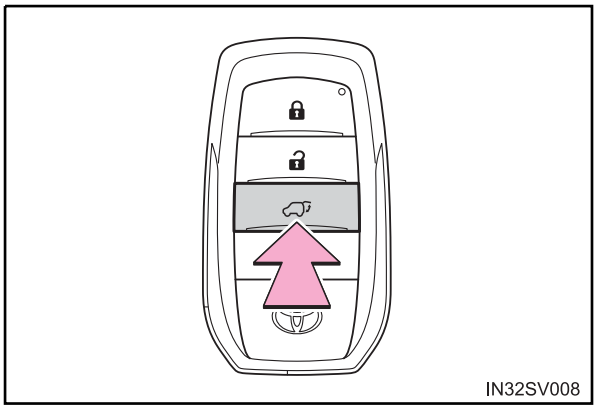
u Điều khiển từ xa

→P. 127

u Công tắc khóa cửa

→P. 134

Mở/đóng cửa hậu bằng điều khiển từ xa (xe có cửa hậu điều khiển điện)



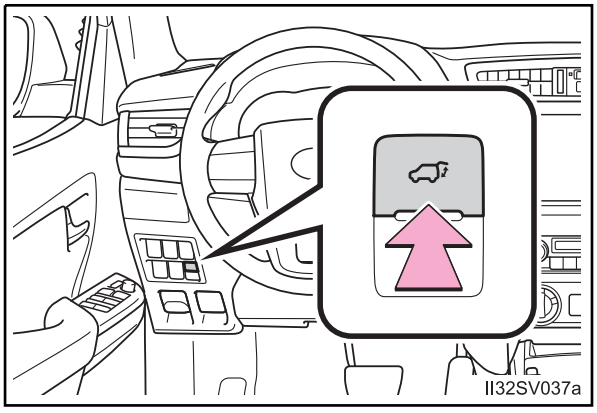
Ấn và giữ công tắc này để đóng/mở cửa hậu điều khiển điện. Nếu cửa hậu đã khóa, hãy mở khóa cho cửa hậu trước khi điều khiển đóng/mở cửa hậu điều khiển điện.

Chuông báo sẽ kêu và cửa hậu sẽ tự động mở ra và đóng lại.

Nếu ấn công tắc này trong khi cửa hậu đang mở ra/đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng lại.

Khi ấn công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ chuyển động theo chiều ngược lại.

Mở/đóng cửa hậu từ bên trong xe (xe có cửa hậu điều khiển điện)



Hãy ấn và giữ công tắc này để đóng/mở cửa hậu.

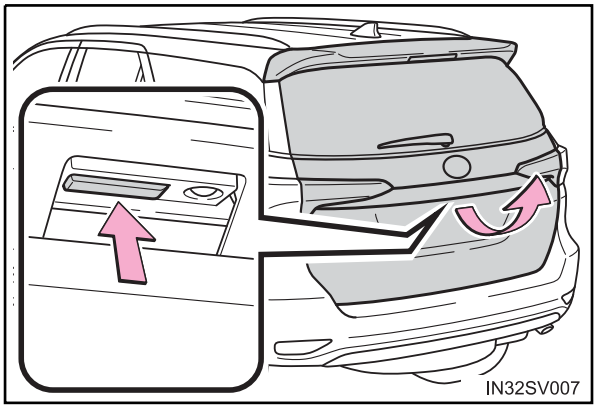
Chuông báo sẽ kêu và cửa hậu sẽ tự động mở ra và đóng lại.

Nếu ấn công tắc này trong khi cửa hậu đang mở ra/đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng lại.

Khi ấn công tắc một lần nữa trong khi cửa hậu đang tạm dừng, cửa hậu sẽ chuyển động theo chiều ngược lại.

Mở cửa hậu từ bên ngoài xe

u Bộ mở cửa hậu



▶ Xe không có cửa hậu điều khiển điện

Hãy nâng cửa hậu lên trong khi ấn vào công tắc của bộ mở cửa hậu.

▶ Xe có cửa hậu điều khiển điện

Khi cửa hậu đã được mở khóa: Hãy ấn công tắc bộ mở cửa hậu.

Khi cửa hậu đang khóa: Khi mang chìa điện tử theo người, ấn và giữ công tắc bộ mở cửa hậu.

Chuông sẽ kêu và cửa hậu sẽ tự động mở ra.

Nếu ấn công tắc trong khi cửa hậu đang mở ra thì cửa hậu sẽ dừng lại.

u Điều khiển từ xa (xe có cửa hậu điều khiển điện)

→P. 139

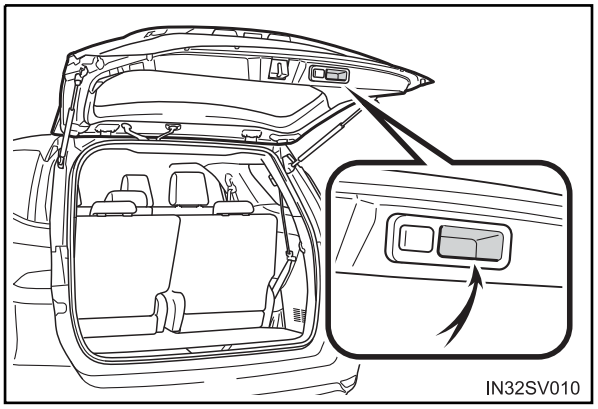
Đóng cửa hậu từ bên ngoài xe

u Tay nắm cửa hậu

Hạ cửa hậu bằng thanh chống cửa hậu.

Xe không có cửa hậu điều khiển điện: Hãy ấn cửa hậu xuống từ bên ngoài để đóng chặt cửa hậu.

Xe có cửa hậu điều khiển điện: Chức năng hỗ trợ đóng cửa hậu sẽ được kích hoạt và cửa hậu sẽ tự động đóng chặt lại.



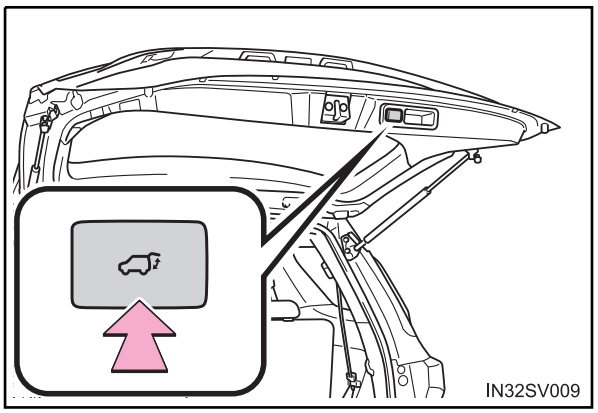
u Công tắc cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Hãy ấn công tắc này để đóng cửa hậu.

Chuông báo sẽ kêu và cửa hậu sẽ tự động đóng lại.

Nếu ấn công tắc trong khi cửa hậu đang đóng lại thì cửa hậu sẽ dừng lại.

Ấn công tắc thêm một lần nữa sẽ làm cho cửa hậu dịch chuyển theo chiều ngược lại.



u Điều khiển từ xa (xe có cửa hậu điều khiển điện)

→P. 139

Thay đổi các cài đặt cho hệ thống cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)

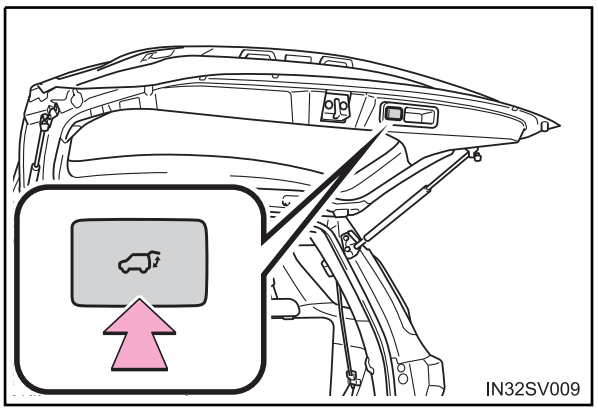
Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cửa hậu điều khiển điện trên  (→P. 115) màn hình đa thông tin.

Điều chỉnh vị trí mở của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Có thể điều chỉnh vị trí mở của cửa hậu điều khiển điện.

1 Dừng cửa hậu ở vị trí mong muốn.

2 Ấn và giữ công tắc cửa hậu điều khiển điện trong 2 giây.
- Khi cài đặt xong, chuông sẽ kêu 4 lần.
- Khi mở cửa hậu lần tiếp theo, cửa hậu sẽ dừng lại tại vị trí đó.

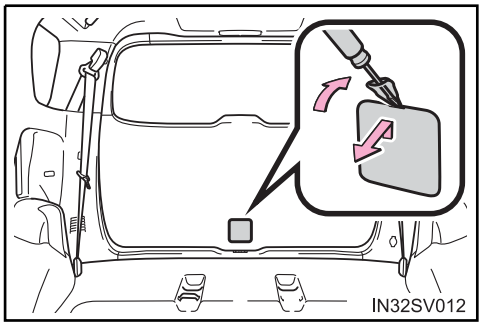


n **Nếu bộ mở cửa hậu không hoạt động**

Bạn có thể điều khiển cửa hậu từ bên trong xe.

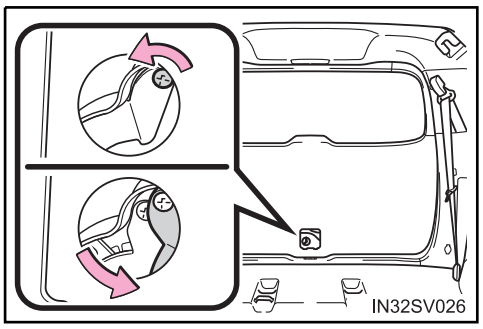
1 Tháo nắp che.

Để bảo vệ nắp che, hãy đặt một miếng giẻ giữa tô vít đầu dẹt và nắp che như trên hình minh họa.

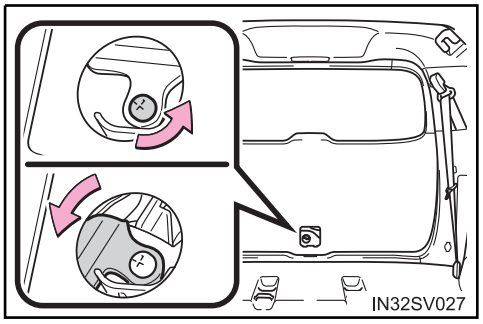


2 Nới lỏng vít và gạt nắp che xuống.

▶ Xe không có cửa hậu điều khiển điện hoặc bộ đóng cửa hậu

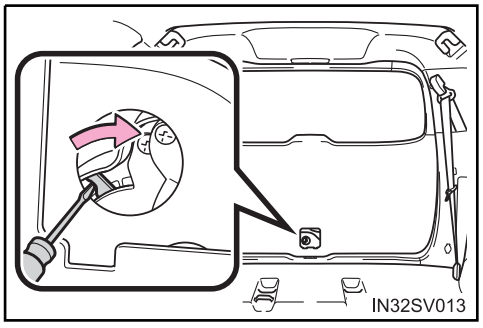


▶ Xe có cửa hậu điều khiển điện hoặc bộ đóng cửa hậu

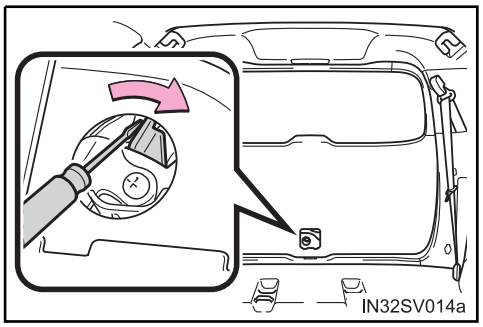


3 Di chuyển lẫy.

▶ Xe không có cửa hậu điều khiển điện hoặc bộ đóng cửa hậu



▶ Xe có cửa hậu điều khiển điện hoặc bộ đóng cửa hậu



n **Nếu một biểu tượng cho biết cửa hậu đang mở xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Cửa hậu chưa được đóng chặt. Nếu tốc độ xe đạt 5 km/h, đèn cảnh báo chính sẽ nháy và chuông báo sẽ kêu để cho biết rằng cửa hậu chưa được đóng chặt.
Hãy đảm bảo rằng cửa hậu đã được đóng chặt.

n **Điều kiện hoạt động của cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)**

Với cửa hậu điều khiển điện được đặt ở trạng thái bật, cửa hậu có thể hoạt động như sau.

l Khi cửa hậu chưa khóa, cửa hậu sẽ tự động mở ra và đóng lại.
Tuy nhiên, cửa hậu điều khiển điện hoạt động thậm chi khi cửa hậu được khóa lại khi mang theo chìa khóa điện và công tắc bộ mở cửa hậu được ấn và giữ.

l Khi công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON, cửa hậu sẽ tự động mở ra khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau cùng với các điều kiện kể trên.

- Gài phanh đỗ
- Đạp bàn đạp phanh
- Khi cần số ở vị trí P (xe có hộp số tự động)

n **Bộ đóng cửa hậu (nếu có)**

Trong trường hợp cửa hậu hơi hé mở, bộ đóng cửa hậu sẽ tự động đóng chặt cửa hậu lại.
Bộ đóng cửa hậu sẽ hoạt động bất kể trạng thái của công tắc động cơ.

n **Chức năng chống sập cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)**

Trong khi cửa hậu điều khiển điện đang tự động mở ra, nếu có một lực lớn tác động lên cửa hậu thì cửa hậu sẽ dừng lại để tránh làm sập cửa hậu đột ngột.

n **Chức năng hỗ trợ đóng cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)**

Nếu hạ cửa hậu xuống bằng tay khi cửa hậu đã dừng lại ở vị trí mở, cửa hậu sẽ tự động đóng chặt lại.

n Sử dụng cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)

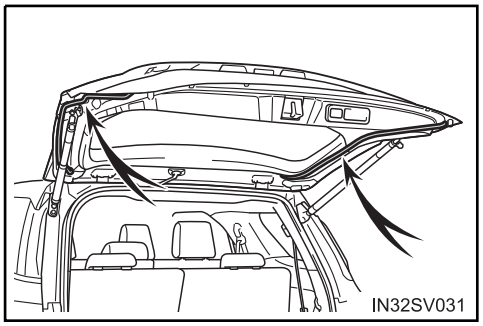
- Chuông sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy hai lần (nếu có), sau đó cửa hậu sẽ tự động mở ra và đóng lại.
- Khi tắt cửa hậu điều khiển điện, bạn sẽ không điều khiển được cửa hậu nhưng vẫn có thể mở và đóng cửa hậu bằng tay được.
- Khi cửa hậu điều khiển điện mở tự động, nếu phát hiện có hiện tượng bất thường do phát hiện ra người hoặc đồ vật, cửa sẽ dừng lại vận hành.

n Khi nối lại ắc quy hoặc thay cầu chì trong khi cửa hậu mở (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Để cửa hậu điều khiển điện hoạt động chính xác, hãy khởi tạo cho hệ thống bằng cách đóng cửa hậu bằng tay. Nếu nối lại ắc quy hoặc thay cầu chì trong khi cửa hậu đang ở trạng thái đóng, thì không cần phải khởi tạo hệ thống.

n Chức năng chống kẹt (xe có cửa hậu điều khiển điện)

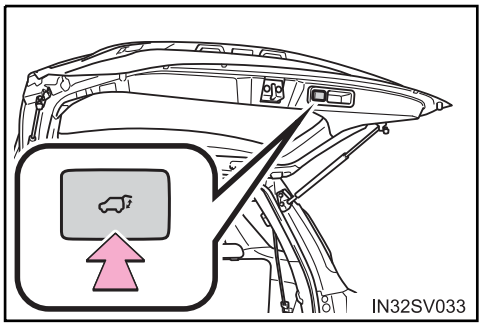
Các cảm biến được gắn phía bên trái và bên phải của cửa hậu điều khiển điện. Khi cửa đang tự động đóng lại và cảm biến bị ấn do một vật thể bị kẹp... chức năng chống kẹt khi lên kính sẽ hoạt động.
Từ vị trí đó, cửa hậu sẽ tự động dịch chuyển theo hướng ngược lại một chút, sau đó dừng lại.



n Trả vị trí dừng tự động của cửa hậu về vị trí khởi tạo (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Hãy ấn và giữ vào công tắc cửa hậu điều khiển điện trên cửa hậu trong 7 giây.

Sau khi chuông kêu 4 lần, nó sẽ kêu thêm 2 lần nữa. Khi cửa hậu điều khiển điện được mở ra lần tiếp theo, cửa hậu sẽ mở tới vị trí cài đặt khởi tạo.



⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Chú ý khi lái xe**

- Hãy đảm bảo rằng cửa hậu đã đóng chặt. Nếu cửa hậu chưa đóng chặt, cửa có thể bất ngờ mở ra trong khi lái xe và va vào các đồ vật hoặc hành lý trong khoang hành lý, dẫn đến tai nạn.
- Không để người nào ngồi trong khoang hành lý. Trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm, có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

- Không để trẻ em chơi trong khoang để hành lý.
  Nếu chẳng may trẻ bị khóa lại trong khoang để hành lý, trẻ có thể sẽ bị kiệt sức do nóng hoặc các tổn thương khác.
- Không để trẻ mở hoặc đóng cửa hậu.
  Nếu không có thể sẽ làm cho cửa hậu dịch chuyển bất ngờ hoặc làm cho tay, đầu hoặc cổ của trẻ bị kẹp khi đóng cửa hậu.

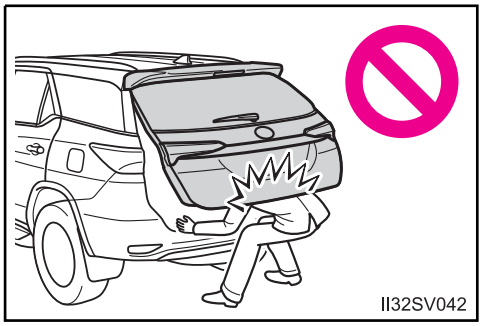
n **Khi thao tác với cửa hậu**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không bạn có thể sẽ bị cửa kẹp phải, dẫn đến bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy gỡ bỏ mọi vật nặng như tuyết và băng giá ra khỏi cửa hậu trước khi mở cửa. Nếu không cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống sau khi mở ra.
- Khi mở hoặc đóng cửa hậu, hãy kiểm tra kỹ khu vực xung quanh xem đã an toàn chưa.

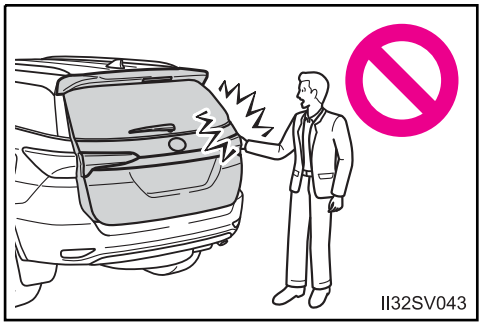
CẢNH BÁO

- Nếu có người ở gần đó, hãy đảm bảo rằng họ đã an toàn và thông báo cho họ biết rằng bạn sắp đóng hoặc mở cửa hậu.
- Hãy lưu ý khi mở hoặc đóng cửa hậu khi trời có gió vì cửa hậu có thể dịch chuyển bất ngờ khi gió thổi mạnh.
- Xe không có cửa hậu điều khiển điện: Cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống nếu nó chưa được mở ra hết cỡ. Khi đỗ xe trên bề mặt không bằng phẳng, bạn sẽ khó mở hoặc đóng cửa hơn bình thường, do đó hãy cẩn thận để tránh làm cho cửa hậu bị bật ra hoặc sập xuống. Đảm bảo rằng cửa hậu đã mở hết cỡ và cố định chắc chắn trước khi sử dụng khoang hành lý.



Xe có cửa hậu điều khiển điện: Cửa hậu có thể bất ngờ sập xuống nếu nó chưa được mở ra hết cỡ trong khi xe đang trên dốc nghiêng. Đảm bảo rằng cửa hậu đã cố định chắc chắn trước khi sử dụng khoang hành lý.

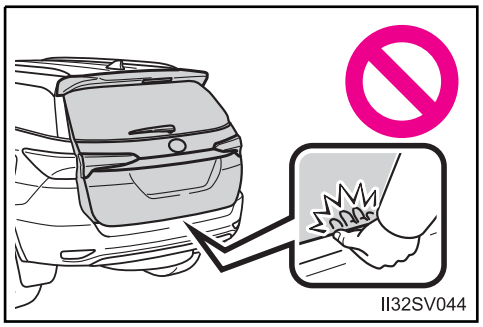
- Khi đóng cửa hậu, hãy đặc biệt chú ý để tránh cho các ngón tay, bàn tay... của bạn khỏi bị kẹp.
- Khi đóng cửa hậu, hãy ấn nhẹ vào mặt ngoài của cửa hậu. Nếu kéo vào tay nắm để sập cửa hậu xuống, có thể sẽ làm cánh tay hay bàn tay của bạn bị kẹp.



- Không kéo vào thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) hoặc trục quay của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện) để đóng cửa hậu, và không được treo các đồ vật lên thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) hoặc trục quay của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện).
  Nếu không sẽ làm kẹp tay hoặc làm cho thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện) hoặc trục quay của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện) bị kẹt hoặc bị gẫy, dẫn đến tai nạn.
- Nếu lắp giá bắt xe đạp hoặc các vật tương tự lên cửa hậu, cửa hậu có thể sẽ bị sập xuống sau khi mở ra và làm kẹp tay, đầu hoặc cổ, dẫn đến chấn thương. Khi lắp các phụ kiện lên cửa hậu, chúng tôi khuyến nghị bạn hãy sử dụng các sản phẩm chính hiệu của Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n Bộ đóng cửa hậu (nếu có)



- Trong trường hợp cửa hậu hơi hé mở, bộ đóng cửa hậu sẽ tự động đóng chặt cửa hậu lại. Sẽ mất khoảng vài giây trước khi bộ đóng cửa hậu bắt đầu hoạt động. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp các ngón tay hay những bộ phận khác tại cửa hậu, do có thể sẽ gây ra tình trạng gãy xương hoặc các chấn thương nghiêm trọng khác.
- Hãy chú ý khi sử dụng bộ đóng cửa hậu bởi nó vẫn có thể hoạt động khi đã hủy hệ thống cửa hậu điều khiển điện.

n Cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Hãy tuân thủ theo những lưu ý sau khi sử dụng cửa hậu điều khiển điện.
Nếu không có thể sẽ dẫn đến bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy kiểm tra an toàn ở khu vực xung quanh xe để chắc chắn rằng không có vật thể nào hoặc không có người nào có thể bị kẹp.
- Nếu có người ở gần đó, hãy đảm bảo rằng họ đã an toàn và thông báo cho họ biết rằng bạn sắp đóng hoặc mở cửa hậu.
- Nếu tắt hệ thống cửa hậu điều khiển điện trong khi cửa hậu đang hoạt động ở chế độ tự động, cửa hậu sẽ dừng lại. Hãy cẩn thận khi đang đỗ xe trên đường dốc, bởi cửa hậu có thể sẽ bất ngờ mở ra hoặc đóng lại.
- Nếu các điều kiện hoạt động của cửa hậu điều khiển điện không còn thoả mãn, chuông báo có thể kêu và cửa hậu có thể sẽ ngừng đóng hoặc mở. Sau đó bạn sẽ phải điều khiển cửa hậu bằng cách thủ công. Hãy đặc biệt cẩn thận khi xe đang đỗ trên mặt đường nghiêng, bởi cửa hậu có thể bất ngờ mở ra hoặc đóng lại.
- Trên đường dốc, cửa hậu có thể sẽ bất ngờ sập xuống sau khi nó được mở ra. Hãy đảm bảo rằng cửa hậu đã mở ra hết cỡ và được cố định chắc chắn.
- Trong những trường hợp sau, cửa hậu điều khiển điện có thể xác định đó là tình trạng bất thường và ngừng hoạt động tự động. Trong trường hợp đó, bạn sẽ phải điều khiển cửa hậu bằng cách thủ công. Hãy hết sức cẩn thận khi đang trên dốc nghiêng, bởi cửa hậu có thể sẽ bất ngờ mở hoặc đóng sập xuống.
  - Khi cửa hậu bị vướng phải chướng ngại vật
  - Khi điện áp ắc quy bất ngờ giảm xuống, như khi công tắc động cơ được bật sang chế độ IGNITION ON hoặc khi khởi động động cơ trong khi cửa hậu đang hoạt động tự động

⚠ CẢNH BÁO

- Nếu lắp giá bắt xe đạp hoặc các vật tương tự lên cửa hậu, cửa hậu điều khiển điện có thể không hoạt động, hoặc cửa hậu có thể sẽ bị sập xuống sau khi mở ra và làm kẹp tay, đầu hoặc cổ, dẫn đến chấn thương. Khi lắp các phụ kiện lên cửa hậu, hãy hỏi đại lý Toyota để biết thông tin chi tiết.

n Chức năng chống kẹt (xe có cửa hậu điều khiển điện)

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.
- Chức năng chống kẹt của cửa hậu có thể sẽ không hoạt động nếu như nó bị kẹt ngay trước khi cửa hậu đóng chặt lại. Hãy cẩn thận để không làm kẹp tay của bạn hoặc các đồ vật khác.
- Chức năng chống kẹt có thể sẽ không hoạt động do hình dạng của vật bị kẹt. Hãy cẩn thận để không làm kẹp tay của bạn hoặc các đồ vật khác.

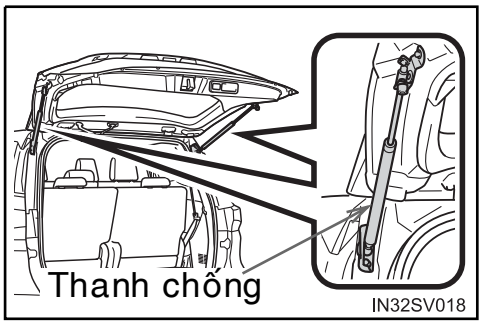
⚠ CHÚ Ý

n Thanh chống cửa hậu (xe không có cửa hậu điều khiển điện)

Cửa hậu của xe được trang bị các thanh chống để giữ cố định cửa hậu.

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ làm hỏng thanh chống của cửa hậu.

- Không gắn các đồ vật như miếng dán, miếng nhựa hoặc băng dính vào thanh chống cửa hậu.
- Không chạm vào thanh chống khi đeo găng tay sợi hoặc các đồ vật làm từ vải sợi khác.
- Không gắn các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota lên cửa hậu.



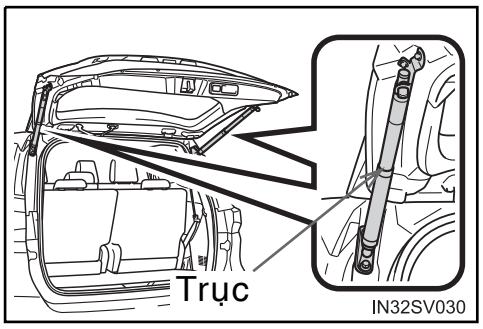
- Không đặt tay lên thanh chống cửa hậu hoặc tác dụng lực ngang lên nó.

CHÚ Ý

n **Trục quay của cửa hậu (xe có cửa hậu điều khiển điện)**

Cửa hậu của xe được trang bị các trục quay để giữ cố định cửa hậu. Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể sẽ làm hỏng thanh chống cửa hậu, dẫn đến hư hỏng.

- Không gắn các đồ vật như miếng dán, miếng nhựa hoặc băng dính vào trục quay của cửa hậu.
- Không chạm vào cần của trục quay khi đang đeo găng tay sợi hoặc các đồ vật làm từ vải sợi khác.
- Không gắn các phụ kiện có trọng lượng lớn lên cửa hậu. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với đại lý Toyota.



- Không đặt tay lên thanh chống của cửa hậu hoặc tác dụng lực ngang lên nó.

n **Để tránh làm hỏng bộ đóng cửa hậu (nếu có)**

Không tác dụng lực quá lớn lên cửa hậu trong khi bộ đóng cửa hậu đang hoạt động.

n **Để tránh làm hư hỏng cửa hậu điều khiển điện (xe có cửa hậu điều khiển điện)**

- Hãy đảm bảo rằng giữa cửa hậu và khung cửa không bị đóng băng, vì nó có thể sẽ làm cản trở tới chuyển động của cửa hậu. Nếu bạn điều khiển cửa hậu trong khi nó đang bị quá tải thì có thể sẽ làm cho cửa hậu bị hỏng.
- Không tác dụng lực quá lớn lên cửa hậu trong khi cửa hậu điều khiển điện đang hoạt động.
- Hãy cẩn thận để không làm hỏng các cảm biến (lắp trên mép phải và mép trái của cửa hậu điều khiển điện) bởi dao hoặc các vật sắc nhọn khác. Nếu cảm biến bị tháo ra, cửa hậu sẽ không hoạt động ở chế độ tự động được.

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*

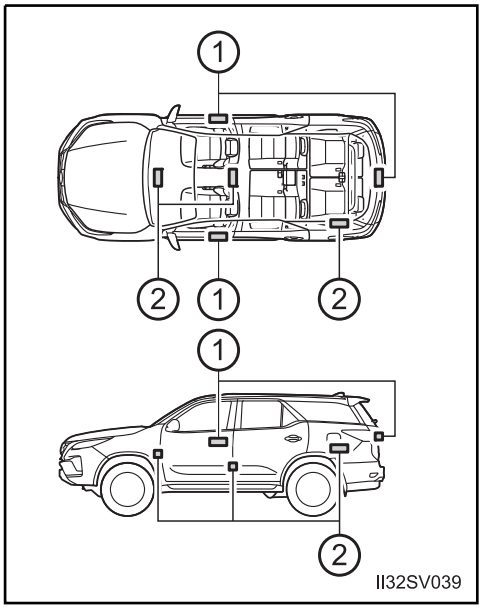
Các thao tác sau có thể thực hiện được chỉ đơn giản bằng cách mang theo chìa khóa điện tử, như để trong túi của bạn. Người lái nên luôn mang theo chìa khóa điện tử.

- Khóa và mở khóa các cửa bên (→P. 132)
- Khóa và mở khóa cửa hậu (→P. 138)
- Khởi động và tắt động cơ (→P. 202)

n **Vị trí đặt ăng ten**

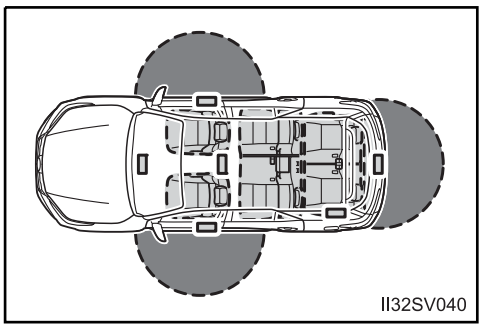
① Ăng ten bên ngoài xe

② Ăng ten bên trong xe



*: Nếu có

n Phạm vi hiệu quả (các khu vực có thể phát hiện chìa khóa điện tử)



- Khi khóa hoặc mở khóa các cửa

  Hệ thống có thể hoạt động khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi bán kính 0.7 m so với nút khóa/mở khóa cửa trên tay nắm bên ngoài cửa. (Chỉ những cửa nào phát hiện được chìa khóa mới có thể hoạt động được.)

- Khi khởi động động cơ hoặc thay đổi các chế độ hoạt động của công tắc động cơ

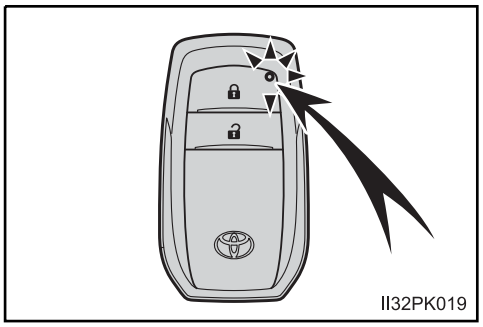
  Hệ thống có thể hoạt động được khi chìa khóa điện tử ở trong xe. (Hệ thống sẽ không thể phát hiện được chìa khóa điện tử khi nó nằm ở trên sàn xe hoặc trên bảng táp lô.)

n Chức năng tiết kiệm điện

Chức năng tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt để tránh làm cho chìa khóa điện tử bị hết pin khi không sử dụng xe trong một thời gian dài.

n Tính năng tiết kiệm pin của chìa khóa điện tử

Khi đặt chế độ tiết kiệm pin, mức tiêu hao pin sẽ được giảm thiểu bằng cách ngừng tiếp nhận sóng radiô của chìa khóa điện tử.



Hãy ấn nút hai lần trong khi ấn và giữ nút . Hãy xác nhận rằng đèn chỉ báo trên chìa khóa điện tử nháy 4 lần.

Khi chế độ tiết kiệm điện được đặt, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sẽ không hoạt động. Để hủy chức năng này, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.

n Còi báo động và đèn chỉ báo cảnh báo

Sự kết hợp giữa chuông cảnh báo bên trong và bên ngoài xe cũng như thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin được sử dụng để giảm nguy cơ xe bị trộm và tai nạn do vận hành hệ thống không đúng cách. Hãy thực hiện các thao tác tương ứng với các thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Bảng sau đây mô tả các tình huống và các biện pháp xử lý khi chỉ có chuông báo động kêu.

Hệ thống báo động	Tình huống	Biện pháp xử lý
Chuông bên ngoài xe kêu một lần trong 5 giây	Cố khóa cửa xe trong khi cửa xe vẫn mở.	Đóng tất cả các cửa xe và khóa cửa lại.
Chuông bên trong xe kêu ping liên tục	Bật công tắc động cơ sang chế độ ACCESSORY trong khi cửa người lái mở (hoặc mở cửa người lái trong khi công tắc động cơ đang ở chế độ ACCESSORY).	Tắt công tắc động cơ và đóng cửa người lái.

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sử dụng sóng rađiô yếu. Trong những trường hợp sau, liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe có thể sẽ bị ảnh hưởng, làm cho hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, điều khiển từ xa và hệ thống mã hóa khóa động cơ hoạt động không chính xác.

(Cách khắc phục: →P. 623)

- Khi chìa khóa điện tử bị hết điện
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng rađiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng rađiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo rađiô di động, điện thoại di động, điện thoại không dây hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác
- Khi chìa khóa điện tử chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau
  - Các loại thẻ nhôm
  - Gói thuốc lá có nhôm bên trong
  - Ví hoặc túi bằng kim loại
  - Tiền xu
  - Bộ sưởi tay làm bằng kim loại
  - Các thiết bị giải trí như đĩa CD và DVD
- Khi để nhiều chìa khóa điện tử nằm cạnh nhau
- Khi các chìa điều khiển từ xa khác (có khả năng phát ra sóng rađiô) được sử dụng ở gần đó
- Khi bạn mang chìa khóa điện tử cùng với các thiết bị có khả năng phát ra sóng rađiô như sau
  - Chìa khóa điện tử hoặc chìa điều khiển từ xa của xe khác có khả năng phát sóng rađiô
  - Máy tính cá nhân hoặc các thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (PDA)
  - Máy nghe nhạc kỹ thuật số
  - Hệ thống trò chơi di động
- Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe
- Khi đặt chìa khóa điện tử gần bộ sạc pin hoặc các thiết bị điện tử

n Lưu ý với chức năng vào xe

- Ngay cả khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hiệu quả (khu vực phủ sóng) khi khóa hoặc mở khóa các cửa, hệ thống vẫn có thể không hoạt động chính xác nếu chìa khóa nằm quá gần cửa sổ hoặc tay nắm bên ngoài cửa, gần mặt đất hoặc ở vị trí cao.
- Không để chìa khóa điện tử trên bảng táp lô hoặc gần các hốc để đồ trên cửa xe hoặc cửa hậu khi ra khỏi xe. Tùy vào điều kiện thu sóng rađiô mà ăng ten bên ngoài xe có thể sẽ thu được sóng của chìa khóa điện tử, và bạn có thể khóa được xe từ bên ngoài trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe, làm cho chìa khóa bị khóa điện tử bị khóa ở trong xe.
- Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi phát hiện của hệ thống, bất kỳ người nào cũng có thể khóa hoặc mở khóa cửa. Tuy nhiên, chỉ các cửa phát hiện được chìa khóa điện tử mới có thể sử dụng để mở khóa xe được.
- Ngay cả khi chìa khóa điện tử không ở trong xe, động cơ vẫn có thể khởi động được nếu chìa khóa điện tử nằm ở gần cửa sổ.
- Nếu sử dụng điều khiển từ xa để khóa các cửa xe trong khi chìa khóa điện tử để ở gần xe, thì có thể sẽ không mở khóa cửa bằng chức năng vào xe được. (Hãy sử dụng điều khiển từ xa để mở khóa các cửa.)
- Kéo tay nắm cửa bên ngoài khi ấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm có thể tránh cho các cửa khỏi bị mở khóa. Trong các trường hợp này, sau khi trả tay nắm cửa về vị trí ban đầu, hãy ấn nút Khóa/Mở khóa lần nữa và kiểm tra xem các cửa có mở khóa trước khi kéo tay nắm cửa không.
- Mở khóa xe có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn nếu chìa điện tử khác đang trong phạm vi hiệu quả.

n Khi không lái xe trong một khoảng thời gian dài

- Để đề phòng bị mất trộm xe, không được để chìa khóa điện tử ở gần xe trong khoảng cách 2m.
- Bạn có thể vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Để vận hành hệ thống đúng cách

Hãy mang theo chìa khóa điện tử khi bạn vận hành hệ thống. Không để chìa khóa điện tử quá gần xe khi vận hành hệ thống từ bên ngoài xe.

Tùy thuộc vào vị trí và cách cầm chìa khóa mà chìa khóa điện tử có thể sẽ không được dò ra chính xác và hệ thống có thể không làm việc chính xác. (Hệ thống báo động có thể bất ngờ kích hoạt hoặc chức năng chống khóa cửa có thể sẽ không làm việc.)

n **Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác**

l Khóa và mở khóa các cửa: Hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P. 623)

l Khởi động động cơ: →P. 624

n **Pin chìa khoá điện tử bị hết điện**

l Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.

l Nếu pin bị yếu điện, chuông cảnh báo trong cabin sẽ kêu khi tắt động cơ.

l Do chìa khóa điện tử luôn thu sóng radiô, pin sẽ bị hết điện ngay cả khi không sử dụng chìa khóa điện tử. Những dấu hiệu sau chứng tỏ chìa khóa điện tử đã hết pin. Hãy thay pin nếu cần thiết. (→P. 553)

• Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động.
• Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp hơn.
• Đèn chỉ báo LED trên mặt chìa khóa không sáng.

l Để tránh cho pin hết điện nhanh, không được để chìa khóa điện tử ở trong khoảng cách 1 m so với các thiết bị có thể tạo ra từ trường như sau:

• Ti vi
• Máy tính cá nhân
• Điện thoại di động, điện thoại không dây và bộ sạc pin
• Khi đang sạc điện thoại di động hoặc điện thoại không dây
• Đèn bàn
• Bếp từ

n **Nếu thông điệp "Key left inside vehicle" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Có người đang cố khóa các cửa xe bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong khi chìa khóa điện tử vẫn nằm bên trong xe, hoặc cố khóa một trong hai cửa trước bằng cách mở cửa và đặt nút khóa bên trong cửa ở vị trí khóa, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa rồi sập cửa vào trong khi chìa khóa điện tử vẫn nằm bên trong xe.
Hãy lấy chìa khóa điện tử ra khỏi xe và khóa cửa xe lại.

n **Tùy chọn cá nhân có thể thực hiện tại đại lý Toyota**

Bạn có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ: hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 668)

n **Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi cài đặt tùy chọn**

l Khóa và mở khóa các cửa:
Hãy sử dụng chìa khóa cơ hoặc điều khiển từ xa. (→P. 132, 623)

l Khởi động động cơ và thay đổi các chế độ của công tắc động cơ:
→P. 624

l Tắt động cơ: →P. 203

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử**

- Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim phải giữ khoảng cách thích hợp với các ăng ten của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P. 151)
  Sóng radiô có thể sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của các thiết bị trên. Nếu cần, bạn có thể vô hiệu hóa chức năng vào xe. Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để có thêm thông tin chi tiết, như tần số của sóng radiô và thời điểm phát ra sóng radiô. Sau đó, hỏi ý kiến của bác sỹ xem liệu bạn có nên vô hiệu hóa chức năng vào xe không.
- Khi sử dụng các thiết bị điện tử y khoa khác (ngoài máy điều hòa nhịp tim và máy khử rung tim), bạn nên tham khảo ý kiến của nhà sản xuất về những thông tin liên quan đến khả năng hoạt động của thiết bị dưới ảnh hưởng của sóng radiô.
  Sóng radiô có thể gây ra những tác động không mong muốn tới hoạt động của các thiết bị y khoa.

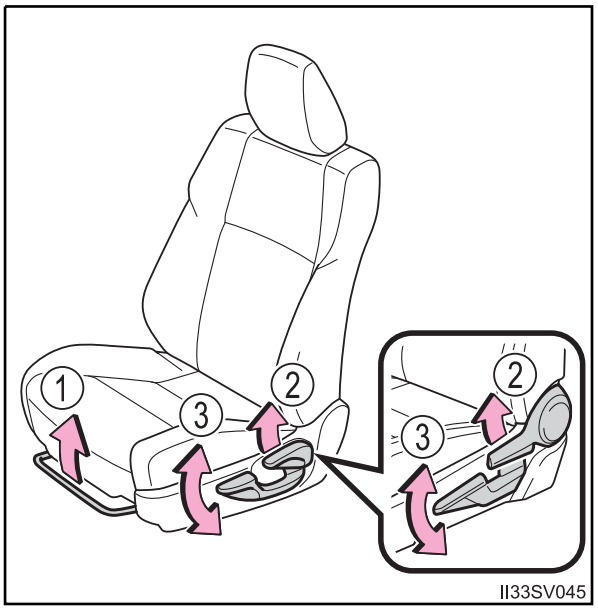
Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để biết thêm chi tiết khi vô hiệu hóa chức năng vào xe.

Ghế trước

Quy trình điều chỉnh

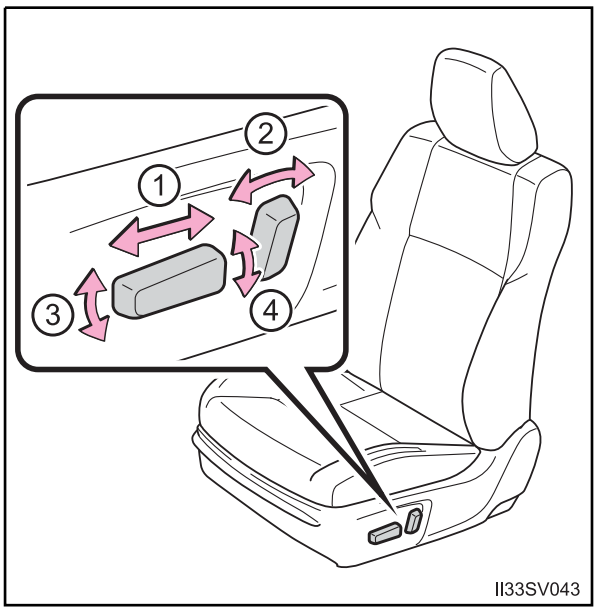
▶ Ghế thường

① Cần điều chỉnh vị trí ghế
② Cần điều chỉnh ngả lưng ghế
③ Cần điều chỉnh chiều cao ghế (chỉ với ghế người lái)



▶ Ghế điều khiển điện

① Công tắc điều chỉnh vị trí của ghế
② Công tắc điều chỉnh ngả lưng ghế
③ Công tắc điều chỉnh góc nghiêng của nệm ghế (trước)
④ Công tắc điều chỉnh chiều cao ghế



⚠ CẢNH BÁO

n Khi điều chỉnh vị trí ghế

- Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để đảm bảo không gây chấn thương cho các hành khách khác trong khi dịch chuyển ghế.
- Không để tay dưới ghế hoặc gần các chi tiết chuyển động để tránh bị chấn thương.
  Do ngón tay hoặc bàn tay có thể sẽ bị kẹp bởi hệ thống cơ khí của ghế.

n Điều chỉnh ghế

- Để tránh cho cơ thể khỏi bị trượt dưới đai hông trong khi va chạm, không ngả lưng ghế quá nhiều.
  Nếu ngả ghế quá nhiều, trong khi bị va chạm, đai an toàn có thể sẽ trượt qua hông và tác dụng lực trực tiếp lên bụng của bạn hoặc đai vai có thể sẽ thít vào cổ của bạn làm tăng khả năng bị chấn thương nghiêm trọng hoặc bị tử vong.
  Không nên điều chỉnh ghế trong khi lái xe, nếu không ghế có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây mất lái.
- Chỉ với ghế thường: Sau khi điều chỉnh ghế, hãy đảm bảo rằng ghế đã được khóa chắc chắn tại vị trí đó.

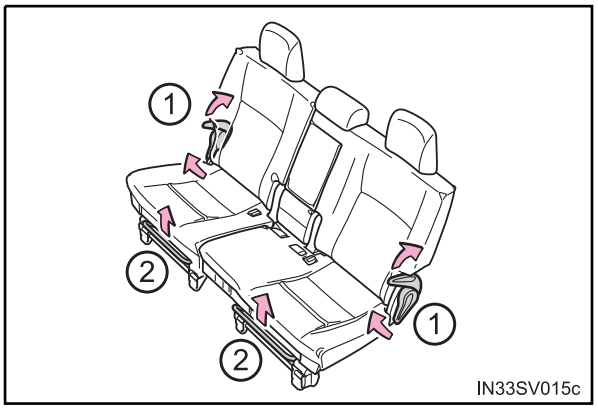
Ghế sau

Quy trình điều chỉnh

u Hàng ghế thứ hai

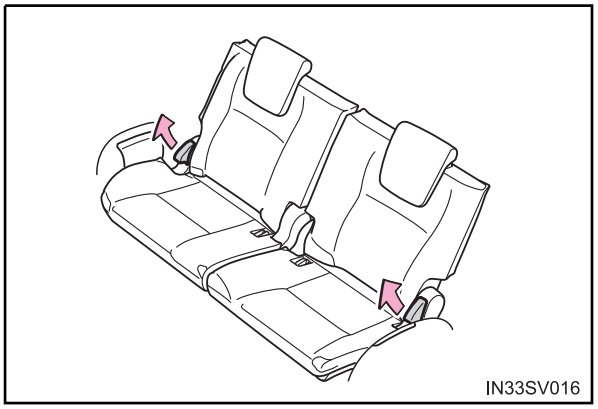
① Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

② Cần điều chỉnh vị trí ghế



u Hàng ghế thứ ba (nếu có)

Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

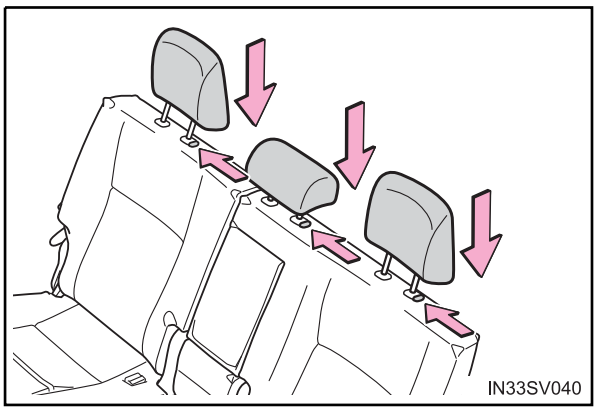


Dịch chuyển hàng ghế thứ hai để lấy chỗ vào hàng ghế thứ ba (Xe có hàng ghế thứ ba)

n Trước khi lật hàng ghế thứ hai

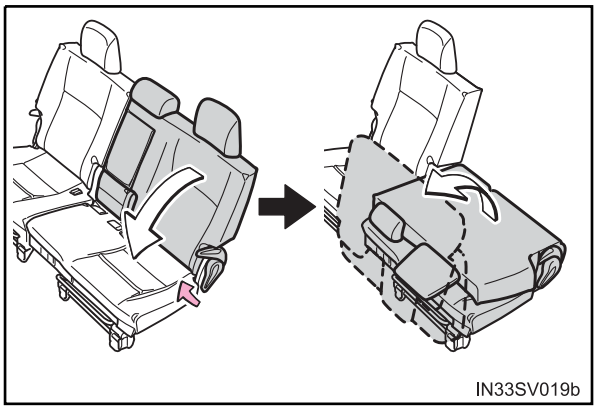
1 Xếp gọn đai an toàn ghế giữa của hàng ghế thứ hai. (→P. 36)

2 Hạ tựa đầu tới vị trí thấp nhất.



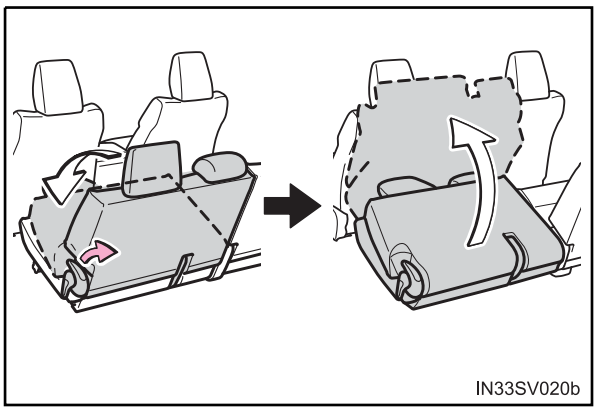
n Khi vào xe

Hãy kéo vào lẫy nhả khóa lưng ghế để gập lưng ghế xuống và lật toàn bộ ghế lên trên và về phía trước.



n Khi ra khỏi xe

Hãy kéo vào lẫy nhả khóa lưng ghế để gập lưng ghế xuống và lật toàn bộ ghế lên trên và về phía trước.



n Sau khi hành khách ra/vào xe

1. Hãy lật toàn bộ ghế xuống cho tới khi nó được khóa cố định.
2. Hãy nâng lưng ghế lên cho đến khi nó được khóa cố định.

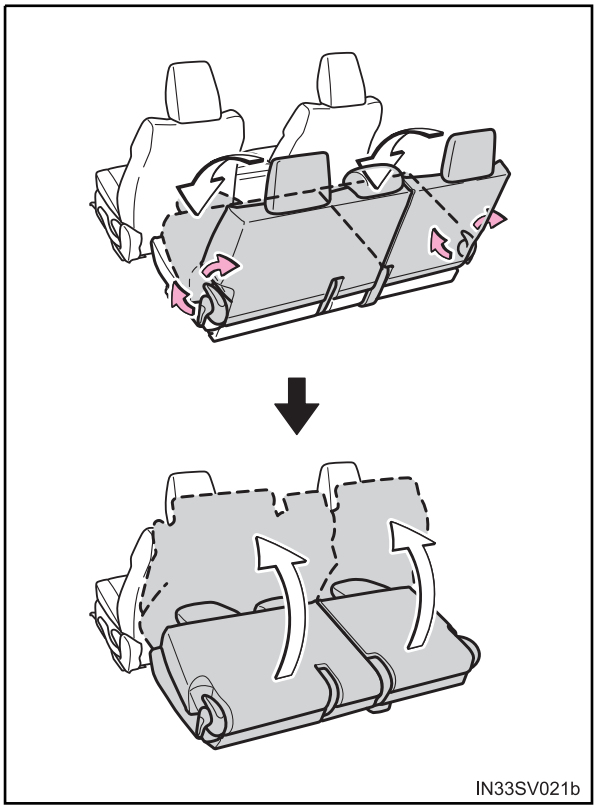
Lật hàng ghế thứ hai

n Trước khi lật hàng ghế thứ hai

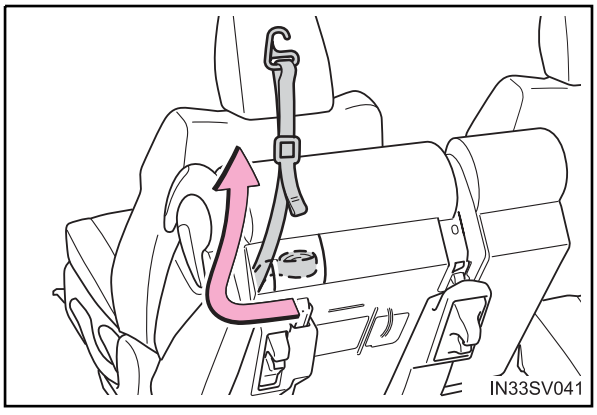
→P. 160

n Lật hàng ghế thứ hai

1 Hãy gập lưng ghế xuống trong khi kéo vào cần điều chỉnh ngả lưng ghế và lật toàn bộ ghế lên và lật về phía trước.

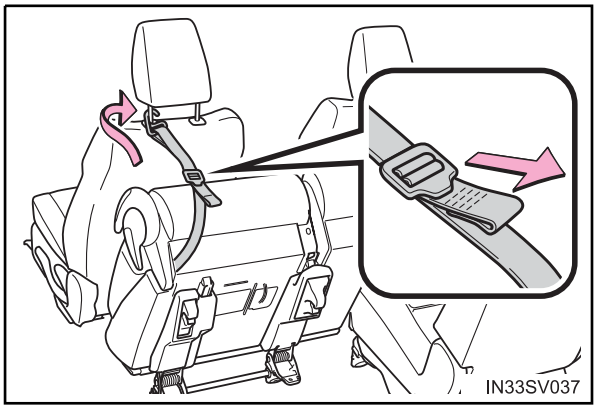


2 Hãy lấy đai buộc ghế ra khỏi ngăn giữ đai.



3 Móc đai buộc ghế vào tựa đầu và thắt chặt đai bằng cách kéo vào đầu tự do của đai.

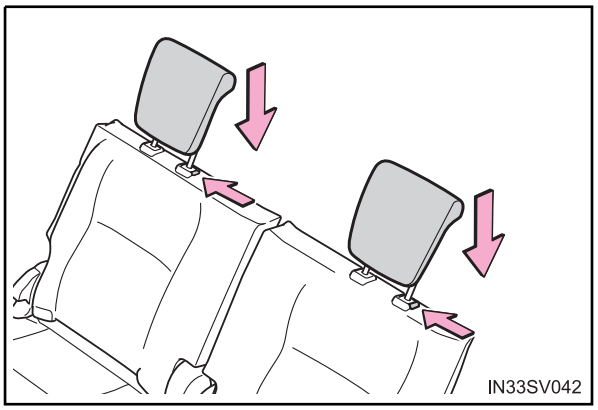
Khi trả hàng ghế thứ hai về vị trí ban đầu, hãy xếp gọn lại đai giữ ghế vào trong ngăn giữ đai.



Gập hàng ghế thứ ba (xe có hàng ghế thứ ba)

n Trước khi gập hàng ghế thứ ba

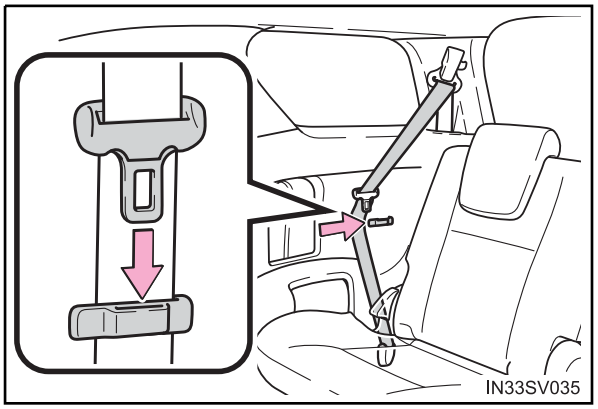
1 Hạ tựa đầu tới vị trí thấp nhất.



2 Hãy luồn đai an toàn qua các móc treo đai và cố định móc khóa.

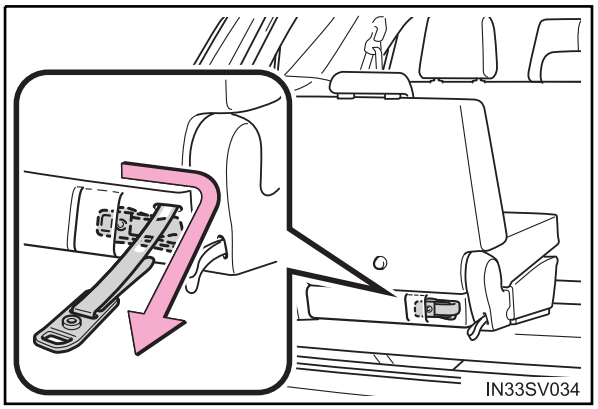
Việc này sẽ giúp cho đai vai không bị hỏng.

Hãy đảm bảo rằng các đai an toàn đã được tháo khỏi móc treo đai trước khi sử dụng chúng.

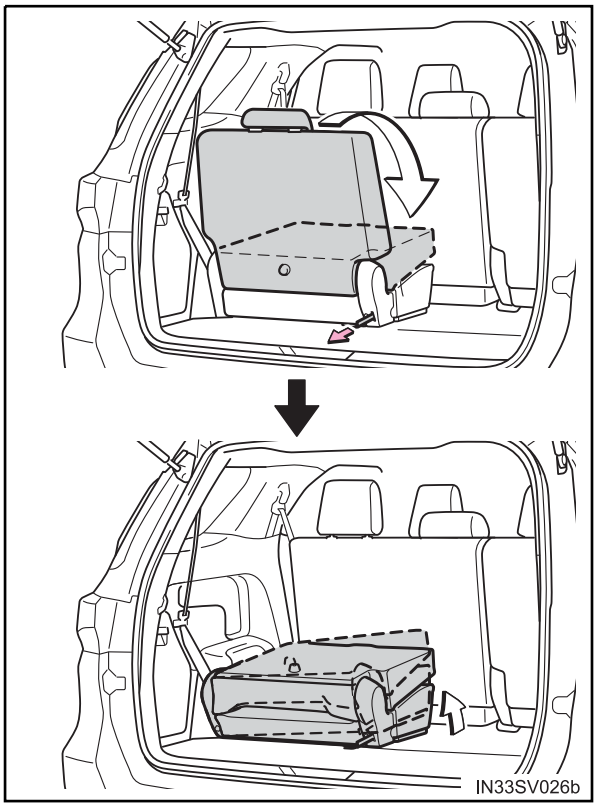


n Lật hàng ghế thứ ba

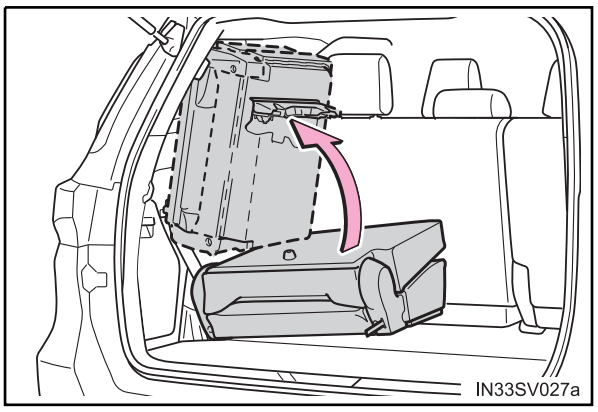
1 Hãy lấy đai buộc ghế ra khỏi ngăn giữ đai.



2 Kéo vào đai nhả khóa để gập xuống.

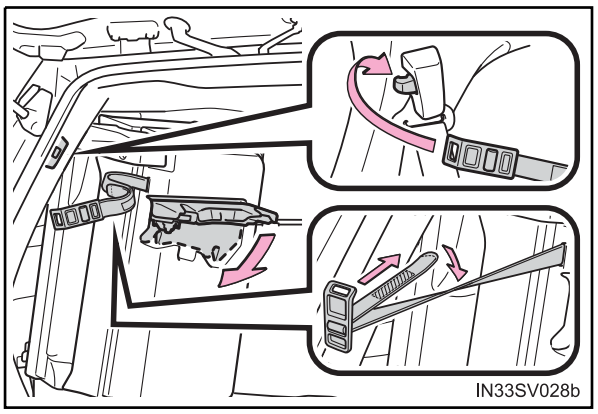


3 Lật toàn bộ ghế lên và sang ngang.



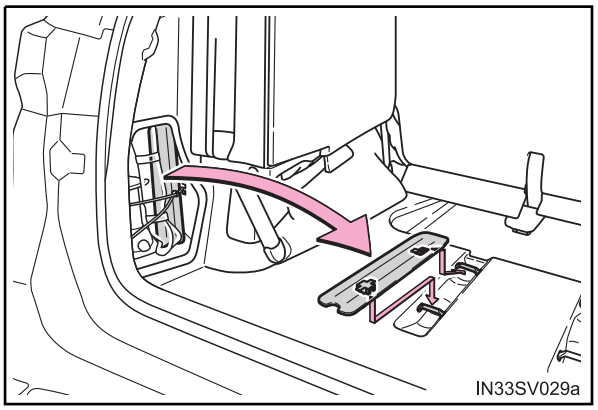
4 Gài đai cố định ghế vào móc, và kéo đầu của đai để thít chặt và cố định ghế bằng móc khóa. Cất gọn chân ghế.

Khi trả ghế về vị trí ban đầu, hãy cất lại đai giữ ghế vào trong túi đựng. Hãy chú ý khóa lại chân ghế.



5 Lấy nắp che móc ghế ra (nếu có) khỏi hộp đựng dụng cụ (→P. 610) và lắp chúng vào các móc ghế.

Khi trả hàng ghế thứ ba về vị trí ban đầu, hãy tháo các nắp che móc khóa ghế ra khỏi sàn xe và cất chúng trở lại hộp đựng đồ.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi gập lưng ghế sau xuống**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không gập lưng ghế xuống trong khi đang lái xe.
- Dừng xe trên bề mặt cứng, bằng phẳng, gài chắc phanh đỗ và chuyển cần số sang vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).
- Không để người nào ngồi trên lưng ghế đã gập lại hoặc trong khoang hành lý khi lái xe.
- Không để trẻ nhỏ chui vào khoang hành lý.
- Hãy lắp lại các nắp che móc khóa chân ghế (nếu có) trên móc ghế, hoặc bạn có thể bị bỏng khi móc khóa nóng lên.

n **Điều chỉnh ghế**

- Để tránh cho cơ thể khỏi bị trượt dưới đai hông trong khi va chạm, không ngả lưng ghế quá nhiều.
  Nếu ngả ghế quá nhiều, trong khi bị va chạm, đai an toàn có thể sẽ trượt qua hông và tác dụng lực trực tiếp lên bụng của bạn hoặc đai vai có thể sẽ thít vào cổ của bạn làm tăng khả năng bị chấn thương nghiêm trọng hoặc bị tử vong.
  Không nên điều chỉnh ghế trong khi lái xe, nếu không ghế có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây mất lái.
- Hãy cẩn thận tránh để bị kẹp tay hoặc chân vào giữa hộp dầm phía sau và hàng ghế thứ hai khi gập lưng ghế xuống.

n **Khi ngồi trên ghế giữa hàng thứ 2**

Trước khi ngồi ở vị trí giữa của các ghế thứ hai, hãy đảm bảo rằng ghế đó thẳng hàng các ghế bên cạnh của các ghế phía bên phải và bên trái.

n **Sau khi dựng lưng ghế về vị trí thẳng đứng**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy đảm bảo rằng lưng ghế đã được cố định một cách chắc chắn bằng cách đẩy ghế về phía trước và phía sau.
- Kiểm tra rằng các đai an toàn không bị xoắn hay bị mắc kẹt ở lưng ghế.

⚠ CHÚ Ý

n **Cất gọn đai an toàn**

Hãy gấp gọn đai an toàn và kẹp khóa đai trước khi gập lưng ghế sau xuống.

Tựa đầu

Tựa đầu được trang bị cho tất cả các ghế.

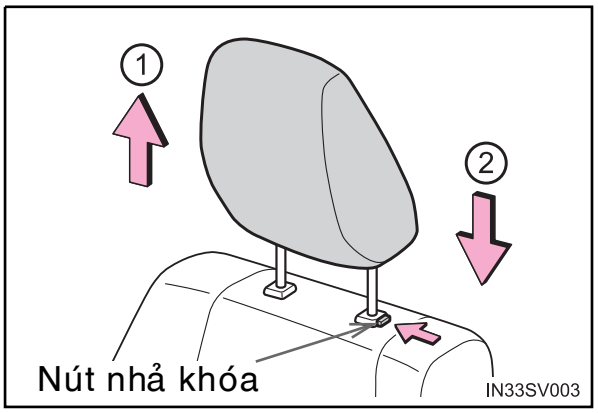
Ghế trước

① Nâng lên

Kéo tựa đầu lên.

② Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu.



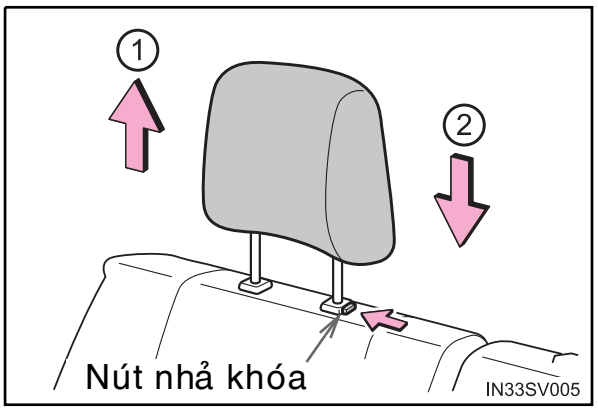
Hàng ghế thứ hai và thứ ba

① Nâng lên

Kéo tựa đầu lên.

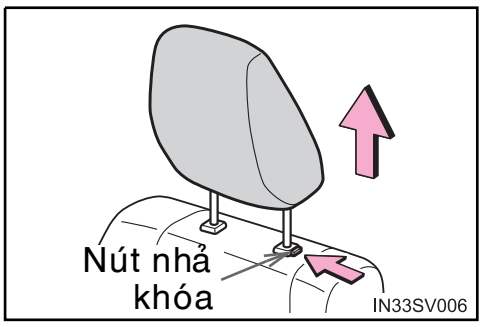
② Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu.



n Tháo các tựa đầu

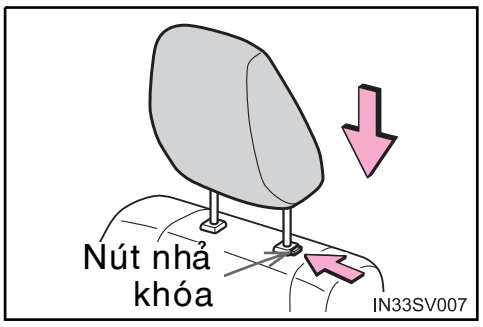
Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn nút nhả khóa.



n Lắp tựa đầu

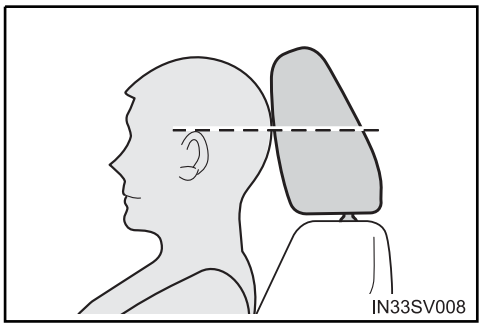
Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

Hãy ấn và giữ nút nhả khóa khi hạ thấp tựa đầu xuống.



n Điều chỉnh chiều cao của tựa đầu

Hãy đảm bảo rằng tựa đầu được điều chỉnh sao cho tâm của tựa đầu nằm gần đỉnh tai của bạn nhất.



n Điều chỉnh tựa đầu trên ghế giữa hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba

Khi sử dụng, hãy nâng tựa đầu lên một nấc từ vị trí xếp gọn.

⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý với tựa đầu

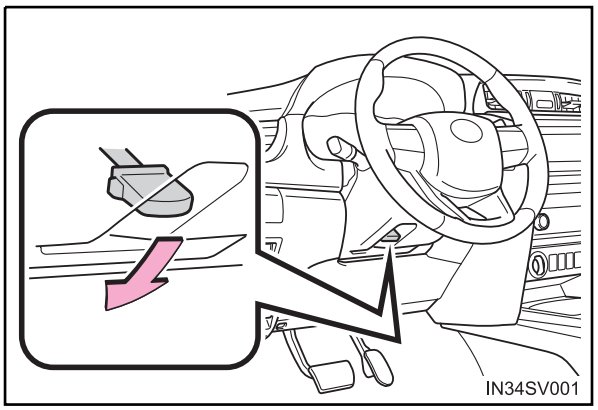
Hãy tuân theo những lưu ý sau liên quan đến tựa đầu. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Sử dụng tựa đầu được thiết kế phù hợp với loại ghế tương ứng.
- Luôn luôn điều chỉnh tựa đầu tới vị trí phù hợp.
- Sau khi điều chỉnh các tựa đầu, hãy ấn tựa đầu xuống để đảm bảo rằng tựa đầu đã được khóa tại vị trí đó.
- Không được lái xe với tựa đầu đã bị tháo ra.

Vô lăng

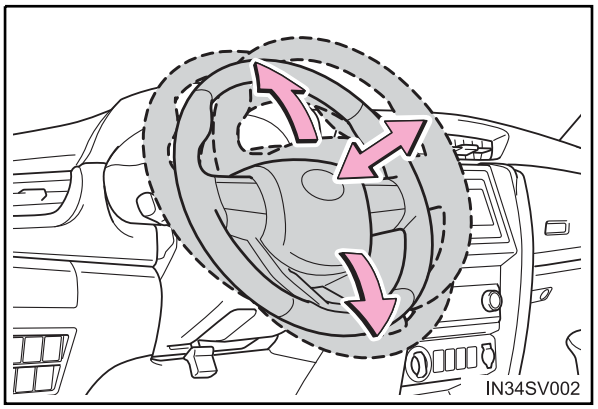
Quy trình điều chỉnh

1 Hãy giữ vô lăng và đẩy lẫy điều chỉnh vô lăng xuống.



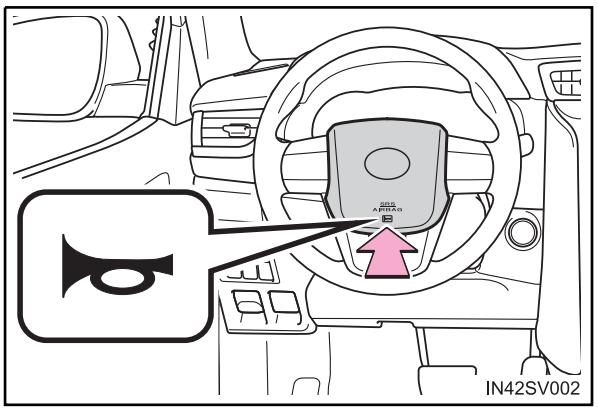
2 Hãy điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn bằng cách dịch chuyển vô lăng theo phương nằm ngang và thẳng đứng.

Sau khi điều chỉnh, hãy kéo lẫy điều chỉnh lên để cố định vô lăng.



Còi

Để bấm còi, hãy ấn vào hoặc gần biểu tượng .



n **Sau khi điều chỉnh vô lăng**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được khóa chắc chắn.
Còi có thể không kêu nếu vô lăng chưa được khóa chắc chắn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Không điều chỉnh vô lăng trong khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ làm mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi điều chỉnh vô lăng**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được khóa chắc chắn.
Nếu không vô lăng có thể sẽ dịch chuyển bất ngờ và gây ra tai nạn, có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

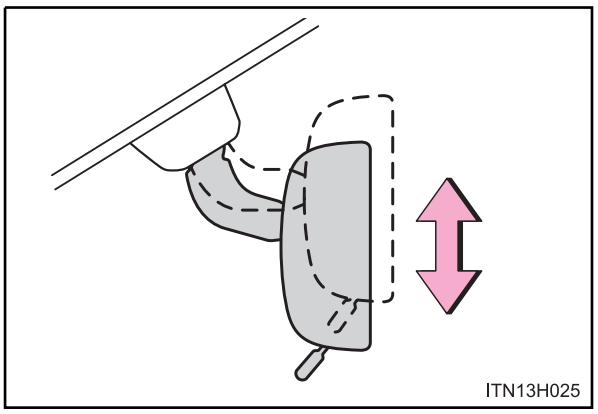
Gương chiếu hậu bên trong xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu

Có thể điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu để phù hợp với tư thế lái xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu bằng cách dịch chuyển gương lên và xuống.



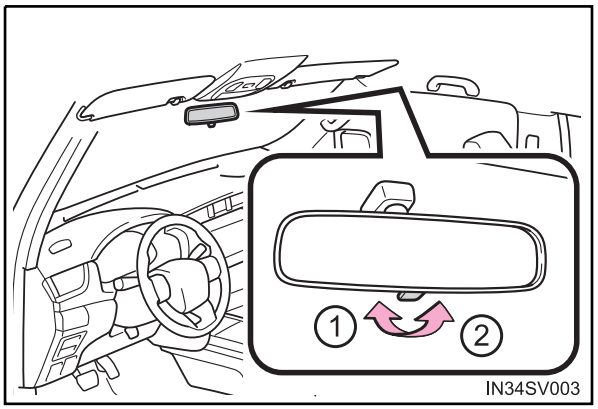
Chức năng chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu thường

Bạn có thể giảm độ chói do ánh sáng phản chiếu từ đèn pha của xe phía sau bằng cách điều chỉnh lẫy như sau.

① Vị trí bình thường

② Vị trí chống chói



▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động

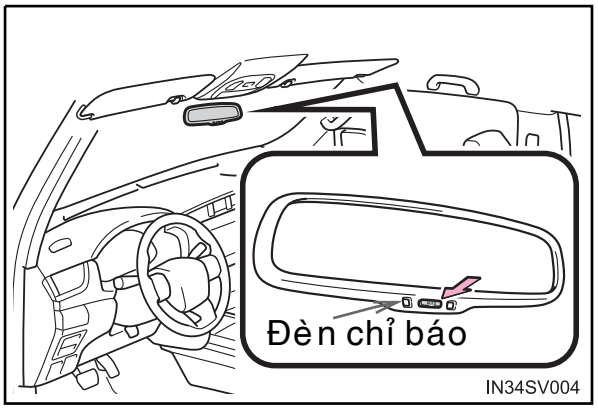
Tùy vào độ sáng đèn pha của xe chạy sau, ánh sáng phản xạ qua gương sẽ tự động được giảm đi.

Thay đổi chế độ của chức năng chống chói kiểu tự động

Bật/Tắt

Khi chức năng chống chói kiểu tự động đang ở chế độ ON, chỉ báo sẽ sáng lên.

Khi hệ thống được đặt ở chế độ bật ON mỗi khi công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

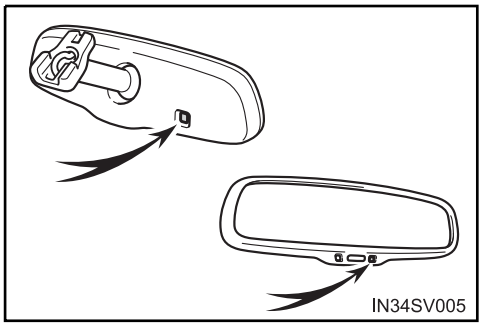


Hãy ấn nút này để chuyển chức năng chống chói kiểu tự động về chế độ OFF. (Đèn chỉ báo cũng tắt đi.)

---

n **Để tránh bị lỗi cảm biến (xe có gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động)**

Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



⚠ CẢNH BÁO

Không điều chỉnh vị trí của gương trong khi lái xe.
Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Gương chiếu hậu bên ngoài xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

n **Khi sử dụng gương chiếu hậu bên ngoài xe trong thời tiết lạnh**

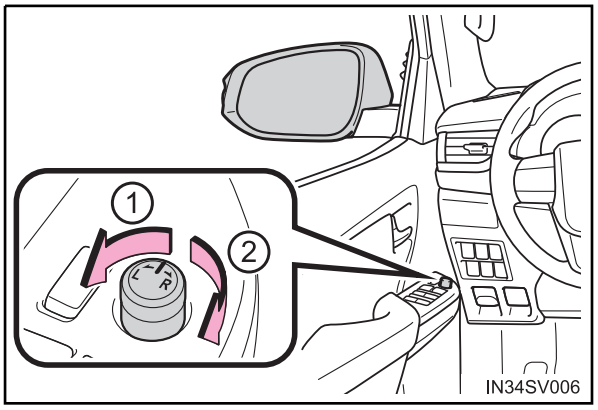
Khi trời lạnh và gương chiếu hậu bên ngoài bị đóng băng, có thể sẽ không gập/mở gương hoặc điều chỉnh mặt gương được. Hãy gỡ bỏ băng, tuyết… bám trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Quy trình điều chỉnh

1 Để chọn gương cần điều chỉnh, hãy xoay công tắc chọn gương.

① Sang trái

② Sang phải



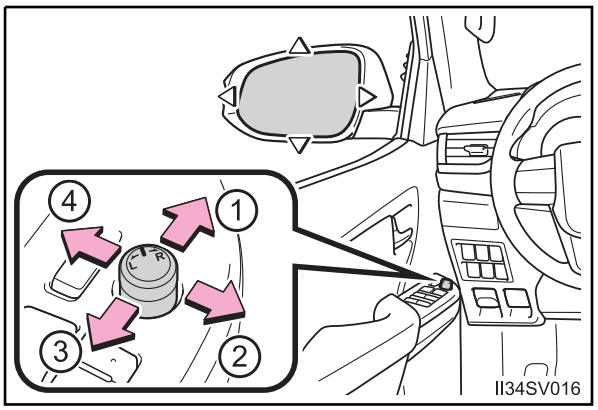
2 Để điều chỉnh gương, hãy gạt công tắc.

① Nâng lên

② Sang phải

③ Hạ xuống

④ Sang trái

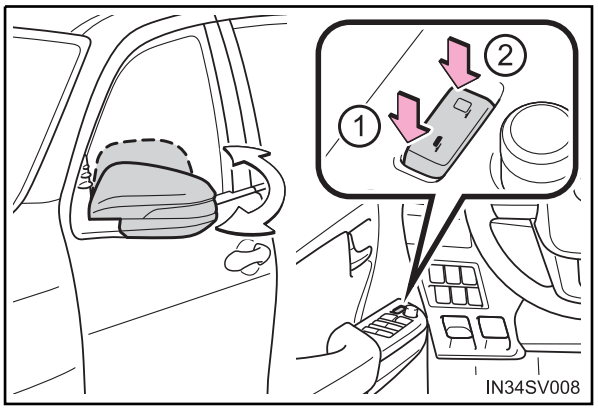


Gập và mở gương chiếu hậu

Hãy ấn công tắc này.

① Gập gương

② Mở gương



n **Có thể điều chỉnh góc nghiêng của gương khi**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON.

n **Khi gương chiếu hậu bị bám sương (xe có bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe)**

Bạn có thể sử dụng bộ sấy gương để làm trong gương chiếu hậu bên ngoài. Hãy bật bộ sấy kính cửa hậu để bật bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài. (→P. 433, 440)

⚠ CẢNH BÁO

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

Hãy tuân theo các lưu ý sau trong khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ bị mất lái và gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không điều chỉnh các gương trong khi lái xe.
- Không lái xe với các gương đã gập lại.
- Cả gương chiếu hậu phía người lái và phía hành khách phải được mở ra và điều chỉnh chính xác trước khi lái xe.

n **Khi gương đang dịch chuyển**

Để tránh bị thương hoặc làm hỏng gương, hãy cẩn thận để không bị kẹp tay khi gương đang dịch chuyển.

n **Khi bộ sấy gương đang hoạt động (xe có bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe)**

Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu, bởi gương có thể đang rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

⚠ CHÚ Ý

n **Nếu băng đá làm kẹt gương**

Không điều chỉnh gương hoặc cạo mặt gương. Hãy sử dụng chất chống đóng băng để xử lý.

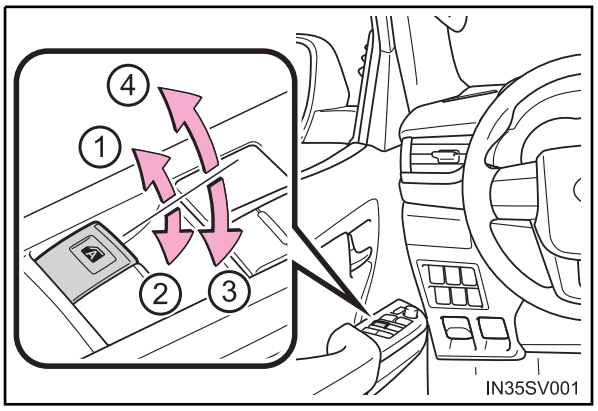
Cửa sổ điện

Quy trình mở và đóng cửa sổ điện

Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng cách dùng các công tắc điều khiển.

Cửa sổ sẽ dịch chuyển khi ấn/kéo công tắc điều khiển như sau:

▶ Kiểu A



① Đóng

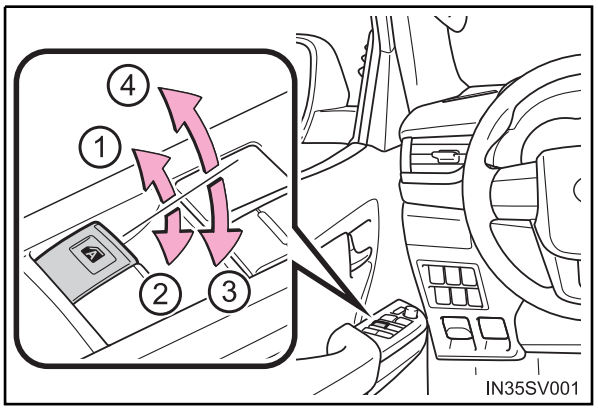
② Mở

③ Xuống kính tự động*
(chỉ cửa sổ phía người lái)

④ Lên kính tự động*
(chỉ cửa sổ phía người lái)

*: Để cửa sổ dừng lưng chừng, hãy ấn/kéo công tắc theo hướng ngược lại.

▶ Kiểu B



① Đóng

② Mở

③ Xuống kính tự động*
(tất cả các cửa sổ)

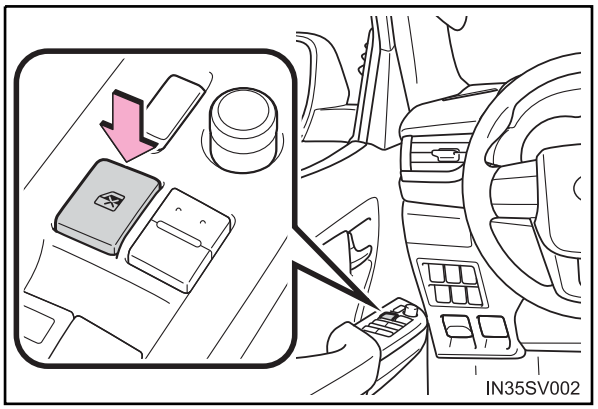
④ Lên kính tự động*
(tất cả các cửa sổ)

*: Để cửa sổ dừng lưng chừng, hãy ấn/kéo công tắc theo hướng ngược lại.

Công tắc khóa cửa sổ

Hãy ấn công tắc này xuống để khóa các công tắc cửa sổ điều khiển điện phía hành khách.

Sử dụng công tắc này để tránh trẻ em vô tình đóng hoặc mở cửa sổ phía hành khách.



n **Các cửa sổ điện có thể hoạt động khi**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở vị trí "ON".

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON.

n **Chức năng chống kẹt (cửa sổ có chức năng lên/xuống kính tự động)**

Nếu có vật bị kẹt giữa kính cửa sổ và khung cửa sổ trong khi cửa sổ đang đóng lại, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển và cửa sổ sẽ hơi mở ra.

n **Chức năng chống kẹp (cửa sổ có chức năng lên/xuống kính tự động)**

Nếu có vật bị kẹt giữa cửa và cửa sổ trong khi cửa sổ đang mở ra, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển.

n **Điều khiển các cửa sổ điện sau khi tắt động cơ**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Có thể điều khiển cửa sổ điện trong khoảng 45 giây ngay sau khi chuyển công tắc động cơ về vị trí "ACC" hoặc "LOCK". Tuy nhiên bạn sẽ không điều khiển được cửa sổ điện nếu đã mở một trong hai cửa trước.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Có thể điều khiển cửa sổ điện trong khoảng 45 giây ngay sau khi chuyển công tắc động cơ về chế độ ACCESSORY hoặc tắt công tắc động cơ. Tuy nhiên bạn sẽ không điều khiển được cửa sổ điện nếu đã mở một trong hai cửa trước.

n Khi không thể mở hoặc đóng cửa sổ (cửa sổ có chức năng lên/xuống kính tự động)

Khi chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính hoạt động bất thường và cửa sổ không thể mở ra hoặc đóng lại được, hãy thực hiện các thao tác sau bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện trên cửa đó.

- Hãy dừng xe lại. Với công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), trong vòng 4 giây sau khi chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính được kích hoạt, hãy ấn/kéo và giữ công tắc cửa sổ điện ở chế độ xuống kính tự động hoặc lên kính tự động để kính cửa sổ có thể mở ra và đóng lại.
- Nếu cửa sổ không thể mở ra và đóng lại ngay cả khi đã thực hiện các thao tác kể trên, hãy tiến hành quy trình sau để khởi tạo cho chức năng này.

1. Bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
2. Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và đóng hẳn cửa sổ điện lại.
3. Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục kéo công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 6 giây trở lên.
4. Ấn và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động. Sau khi cửa sổ mở ra hoàn toàn, tiếp tục giữ công tắc ở vị trí này trong khoảng 1 giây trở lên.
5. Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục ấn công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 4 giây trở lên.
6. Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động một lần nữa. Sau khi cửa sổ đã đóng hẳn lại, hãy tiếp tục giữ công tắc ở vị trí này trong khoảng 1 giây trở lên.

Nếu bạn nhả công tắc trong khi kính cửa đang di chuyển, hãy làm lại từ đầu.

Nếu cửa sổ dịch chuyển ngược lại và không thể đóng chặt hoặc mở hết cỡ được, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Đóng các cửa sổ**

- Người lái chịu trách nhiệm điều khiển các cửa sổ điện, bao gồm cả ở phía cửa hành khách. Để tránh vô tình điều khiển cửa sổ điện, đặc biệt là do trẻ em, không được để trẻ em điều khiển các cửa sổ điện. Do trẻ và các hành khách khác có thể bị cửa sổ điện kẹp vào các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, khi có trẻ em trên xe, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng công tắc khóa cửa sổ. (→P. 176)
- Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe không bị kẹp bất cứ phần nào của cơ thể khi điều khiển cửa sổ.
- Khi ra khỏi xe, hãy tắt công tắc động cơ, mang theo chìa và ra khỏi xe cùng với trẻ em. Nếu để trẻ ở trong xe, trẻ có thể vô tình kích hoạt một số chức năng, có thể dẫn đến tai nạn.

n **Chức năng chống kẹt (cửa sổ có chức năng lên/xuống kính tự động)**

- Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.
- Chức năng chống kẹt khi lên kính có thể không hoạt động nếu có vật bị kẹt trước khi cửa sổ đóng lại hoàn toàn. Hãy cẩn thận để không làm bất kỳ bộ phận nào của cơ thể bạn bị kẹp bởi cửa sổ.

n **Chức năng chống kẹp (cửa sổ có chức năng lên/xuống kính tự động)**

- Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể hoặc quần áo để kích hoạt chức năng chống kẹt.
- Chức năng chống kẹt có thể sẽ không làm việc nếu có vật bị kẹt trước khi kính cửa được mở ra hoàn toàn. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp quần áo hoặc cơ thể vào cửa sổ.

⚠ CHÚ Ý

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính và chức năng chống kẹt khi xuống kính(cửa sổ điện có chức năng lên xuống kính tự động)**

Nếu cửa xe bị đóng lại trong khi cửa sổ đang mở ra hoặc đóng lại, chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính có thể sẽ hoạt động và cửa sổ có thể sẽ di chuyển theo chiều ngược lại hoặc dừng lại.

Lái xe 4

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 180

Hành lý và hàng hóa.....194

Kéo moóc (xe không có móc kéo) .197

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) ..199

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) ..202

Hộp số tự động 209

Hộp số thường 218

Công tắc xi nhan.....226

Phanh đỗ.....227

4-3. Sử dụng đèn chiếu sáng và cần gạt nước

Công tắc đèn pha 228

Công tắc đèn sương mù..232

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió .235

Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 237

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu ...239

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota.....242

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....249

Chức năng LDA (Chức năng cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe).....260

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 271

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 277

Hệ thống điều khiển chạy tự động.....293

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 297

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota.....305

Chức năng RCTA (Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau).....315

Hệ thống bốn bánh chủ động 323

Hệ thống khóa vi sai sau 334

Hệ thống Dừng và Khởi động.....339

Các hệ thống hỗ trợ lái xe.....348

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc.....355

AUTO LSD.....358

Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel).....360

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 365

Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 368

Lái xe

Hãy làm theo các quy trình sau để đảm bảo lái xe an toàn:

Khởi động động cơ

→P. 199, 202

Lái xe

▶ Hộp số tự động

1 Trong khi đạp bàn đạp phanh, hãy chuyển cần số sang vị trí D. (→P. 209)

2 Nhả phanh đỗ. (→P. 227)

3 Từ từ nhả bàn đạp phanh và đạp nhẹ bàn đạp ga để tăng tốc xe.

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy chuyển cần số tới vị trí số 1. (→P. 218)

2 Nhả phanh đỗ. (→P. 227)

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp. Đồng thời nhẹ nhàng đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe.

Dừng xe

▶ Hộp số tự động

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ.

Nếu phải dừng xe trong một thời gian dài, hãy chuyển cần số về vị trí P hoặc N. (→P. 209)

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ.

Nếu dừng xe trong một thời gian dài, hãy chuyển cần số đến vị trí N. (→P. 218)

Đỗ xe

▶ Hộp số tự động

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Gài phanh đỗ (→P. 227), và chuyển cần số sang vị trí P (→P. 209).

3 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK" để tắt động cơ.
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy ấn công tắc động cơ để tắt động cơ.

4 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn đã mang chìa khóa theo người.

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Chuyển cần số sang vị trí N. (→P. 218)

Khi đỗ xe trên dốc, hãy chuyển cần số tới vị trí số 1 hoặc R nếu cần thiết.

3 Gài phanh đỗ. (→P. 227)

4 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK" để tắt động cơ.
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy ấn công tắc động cơ để tắt động cơ.

5 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn đã mang chìa khóa theo người.

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

Khởi hành khi xe đang trên dốc

▶ Hộp số tự động

1 Hãy đảm bảo rằng phanh đỗ đã được gài và chuyển cần số tới vị trí D.

2 Đạp nhẹ bàn đạp ga.

3 Nhả phanh đỗ.

▶ Hộp số thường

1 Gài chắc phanh đỗ và đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp, chuyển cần số sang số 1.

2 Đạp nhẹ bàn đạp ga, đồng thời nhả từ từ bàn đạp ly hợp.

3 Nhả phanh đỗ.

Kiểm soát hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển dẫn động - khởi động [DSC]) (xe có hộp số tự động)

Khi tiến hành các thao tác bất thường sau đây với bàn đạp ga đang được nhấn, công suất của động cơ có thể bị hạn chế.

- Khi cần số được chuyển đến vị trí R*.
- Khi chuyển cần số từ vị trí P hoặc R đến vị trí số tiến như số D*.

Khi hệ thống hoạt động, một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Hãy đọc thông điệp và làm theo hướng dẫn.

*: Tùy vào tình huống, vị trí cần số có thể không thay đổi.

---

n **Khi khởi hành trên dốc lên**

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ được kích hoạt. (→P. 348)

n **Lái xe khi trời mưa**

- Hãy lái xe cẩn thận khi trời mưa, bởi khi đó tầm nhìn sẽ bị hạn chế, kính chắn gió có thể bị mờ và đường thì trơn trượt.
- Hãy lái xe hết sức cẩn thận khi trời bắt đầu mưa, do mặt đường lúc này trở nên đặc biệt trơn.
- Hạn chế chạy ở tốc độ cao khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện trời mưa, bởi lúc này có thể có một lớp nước nằm giữa bánh xe và mặt đường, làm cản trở tới hoạt động của hệ thống phanh và lái.

n Tốc độ động cơ trong khi lái xe (xe có hộp số tự động)

Trong những trường hợp sau, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng cao trong khi lái xe. Nguyên nhân là do hệ thống tự động lên số hoặc xuống số để đáp ứng điều kiện lái. Nó không phải là hiện tượng tăng ga đột ngột.

- Khi xe xác định rằng đang lên dốc hoặc xuống dốc
- Khi nhả bàn đạp ga

n Hạn chế công suất động cơ (hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn)

- Khi đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc, công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.
- Một thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin khi hệ thống này đang hoạt động. (→P. 603)

n Điều khiển dẫn động (DSC) (xe có hộp số tự động)

Khi TRC/A-TRC bị tắt (→P. 350), điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột cũng không hoạt động. Nếu xe của bạn gặp khó khăn khi thoát khỏi vũng bùn hoặc tuyết do hoạt động kiểm soát hạn chế khởi động đột ngột, hãy hủy kích hoạt TRC/A-TRC (→P. 350) để xe có thể thoát khỏi bùn hoặc tuyết.

Ngoài ra, Điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi hệ thống AUTO LSD được bật (nếu có)
- Chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí L4 (nếu có)

n Chạy rà xe mới

Để kéo dài tuổi thọ của xe bạn, hãy tuân theo những lưu ý sau:

- Trong 300 km đầu tiên:
  Tránh phanh gấp.
- Trong 800 km đầu tiên (xe có móc kéo xe):
  Không được kéo rơ moóc.
- Trong 1000 km đầu tiên:
  - Không lái xe ở tốc độ quá cao.
  - Tránh tăng ga đột ngột.
  - Không lái xe liên tục ở tay số thấp.
  - Không lái xe ở một tốc độ cố định trong thời gian dài.
  - Không để hộp số thường ở tay số cao khi lái xe với tốc độ chậm.

n Hệ thống phanh đỗ dạng phanh trống trong phanh đĩa

Xe của bạn được trang bị hệ thống phanh đỗ kiểu phanh trống trong phanh đĩa. Kiểu hệ thống phanh này cần phải được xả khí định kỳ cho guốc phanh hoặc khi thay cụm guốc phanh và/hoặc trống phanh của phanh đỗ. Hãy để đại lý Toyota xả khí giúp bạn.

n Chạy không tải trước khi dừng động cơ (động cơ diesel)

Để tránh làm hỏng turbo tăng áp, hãy để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe ở tốc độ cao.

Điều kiện lái xe	Thời gian để động cơ chạy không tải
Việc lái xe thông thường trong thành phố hoặc lái xe tốc độ cao (ở giới hạn tốc độ trên đường cao tốc hoặc tốc độ được khuyến nghị)	Không cần chạy không tải
Lái xe lên dốc, lái xe liên tục (lái trên đường đua, vvv...), hoặc kéo moóc hay kéo xe khác (bằng tời kéo)	Khoảng 1 phút

n Sử dụng xe ở nước ngoài

Hãy tuân theo các luật lệ, quy định về đăng ký xe và đảm bảo có sẵn nhiên liệu phù hợp cho xe. (→P. 645)

n Lái xe ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu

→P. 105

n Sau khi lái xe trên đường có nhiều bùn ở điều kiện kém (cho kiểu xe EURO VI* với động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV)

Kiểm tra các cánh tản nhiệt của khu vực phun và vệ sinh các vật thể lạ hoặc các vật như lá hoặc bùn. Nếu bất kỳ chi tiết nào nói trên quá bẩn hoặc bạn không chắc chắn về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn.

*: EURO VI là một tiêu chuẩn khí xả. Nếu bạn không nắm rõ xe bạn có thỏa mãn hay chưa, hãy liên hệ với đại lý của Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi khởi động xe**

Trên xe được trang bị hộp số tự động, luôn đạp giữ chân phanh trong khi xe đang dừng với động cơ nổ máy. Việc này sẽ giúp cho xe khỏi bị trôi.

n **Khi lái xe**

l Không cố lái xe nếu như bạn chưa quen với vị trí của bàn đạp phanh và bàn đạp ga để tránh thao tác nhầm.

- Nếu vô tình đạp nhầm bàn đạp ga thay vì bàn đạp phanh sẽ làm xe tăng tốc đột ngột, có thể dẫn đến tai nạn.
- Khi lùi xe, bạn có thể sẽ phải vặn người để quan sát dẫn đến việc khó điều khiển các bàn đạp một cách chính xác. Hãy đảm bảo điều khiển các bàn đạp một cách chính xác.
- Hãy đảm bảo giữ tư thế lái xe chuẩn kể cả khi bạn chỉ muốn dịch chuyển xe một chút. Tư thế lái xe đúng giúp bạn điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga một cách chính xác.
- Hãy đạp phanh bằng chân phải của bạn. Nếu sử dụng chân trái để đạp phanh thì có thể sẽ không phản ứng kịp trong trường hợp khẩn cấp, kết quả là gây ra tai nạn.

l Không lái xe phi qua hoặc đỗ gần các vật liệu dễ cháy.
Hệ thống xả và khí xả có thể đang rất nóng. Do vậy, hỏa hoạn có thể xảy ra nếu xe đỗ gần những vật liệu dễ bắt lửa.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lái xe**

- Không tắt động cơ khi đang lái xe bình thường. Nếu tắt động cơ trong khi lái xe thì lực trợ lực cho hệ thống lái và phanh sẽ bị mất mặc dù chức năng điều khiển phanh và lái vẫn hoạt động bình thường. Khi đó bạn sẽ khó đánh lái và phanh xe hơn, do vậy bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể.
  Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp như khi không thể tắt máy theo cách thông thường được: →P. 579
- Hãy sử dụng phanh động cơ (xuống số) để duy trì tốc độ an toàn khi xuống dốc đứng.
  Rà phanh liên tục có thể làm phanh bị quá nhiệt và mất hiệu quả phanh. (→P. 210)
- Không điều chỉnh vị trí của vô lăng, ghế hay gương chiếu hậu bên trong hoặc bên ngoài xe khi đang lái xe.
  Nếu không có thể dẫn đến mất lái.
- Luôn đảm bảo rằng tay, đầu hay bất cứ phần cơ thể nào của hành khách không ở bên ngoài xe.
- Trên xe được trang bị hộp số thường, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau để tránh làm hỏng hệ thống ly hợp.
  - Không được rà côn trong thời gian dài khi không cần thiết.
  - Không được đạp ly hợp ăn khớp một nửa vời hoặc một phần để điều khiển tốc độ xe, như lái xe ở tốc độ thấp, để dừng xe trên dốc,...
  - Không được nhấn bàn đap phanh trong khi đạp ly hợp lưng chừng hoặc ly hợp ăn khớp một phần.

  Nếu không, sẽ không những sẽ làm cho hệ thống ly hợp bị mài mòn nhanh chóng, mà còn làm hỏng hệ thống ly hợp hoặc gây ra các tai nạn nguy hiểm như cháy xe.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lái xe trên đường trơn trượt**

- Phanh gấp, tăng tốc đột ngột và đánh lái gấp có thể làm cho lốp bị trượt và giảm khả năng điều khiển xe.
- Khi tăng tốc động cơ đột ngột, phanh động cơ bằng cách lên số cao hơn hoặc thay đổi tốc độ động cơ có thể làm xe bị trượt.
- Sau khi lái xe qua vũng nước, hãy nhấn nhẹ bàn đạp phanh để đảm bảo rằng phanh làm việc bình thường. Má phanh bị ướt có thể sẽ làm hạn chế hiệu quả làm việc của phanh. Nếu phanh trong điều kiện một bên má phanh bị ướt và không làm việc chính xác, việc điều khiển vô lăng có thể sẽ bị ảnh hưởng.

n **Khi chuyển cần số**

- Trên xe được trang bị hộp số tự động, không để xe bị trôi về phía sau khi cần số đang ở vị trí số tiến, hoặc để xe trôi về phía trước khi cần số đang ở vị trí R.
  Nếu không có thể sẽ làm cho động cơ bị chết máy hoặc làm giảm hiệu quả làm việc của hệ thống phanh và lái, kết quả là gây ra tai nạn hoặc làm hỏng xe.
- Trên xe được trang bị hộp số tự động, không chuyển cần số về vị trí P khi xe đang chuyển động.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí R khi xe đang chạy về phía trước.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí số tiến trong khi xe đang lùi về sau.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Chuyển cần số tới vị trí N trong khi xe đang chạy sẽ ngắt liên kết giữa động cơ và hộp số. Bạn sẽ không sử dụng phanh động cơ được khi cần số đang ở vị trí N.
- Trên xe có hộp số tự động, hãy chú ý không chuyển cần số khi đang đạp ga. Nếu bạn chuyển cần số đến các vị trí khác P hoặc N có thể sẽ làm cho xe tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Nếu bạn nghe thấy tiếng ken két hoặc tiếng rít (bộ báo mòn má phanh)**

Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra và thay thế các má phanh càng sớm càng tốt.
Đĩa phanh có thể sẽ bị hỏng nếu không thay các má phanh khi cần thiết.

Sẽ rất nguy hiểm khi lái xe với bộ má phanh và/hoặc đĩa phanh đã bị mòn quá mức.

n **Khi đang dừng xe**

- Không tăng nhanh tốc độ động cơ.
  Nếu cần số đang ở vị trí khác vị trí P (chỉ với xe có hộp số tự động) hoặc N, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, và có thể gây ra tai nạn.
- Trên xe được trang bị hộp số tự động, để tránh xảy ra tai nạn do bị trôi xe, luôn đạp phanh trong khi động cơ đang hoạt động và gài phanh đỗ nếu cần thiết.
- Nếu dừng xe trên đường dốc, để tránh bị tai nạn do xe bị trôi phía trước hoặc phía sau, phải luôn đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần.
- Tránh tăng tốc động cơ lên cao.
  Nếu để động cơ chạy ở tốc độ cao khi xe đang dừng có thể sẽ làm cho hệ thống xả bị quá nhiệt, và gây ra hỏa hoạn nếu có vật liệu dễ cháy ở gần.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi đỗ xe**

- Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt hoặc bình nước trong xe khi đỗ xe dưới trời nắng.
  Nếu không có thể sẽ gây ra những tình trạng sau:
  - Khí ga có thể thoát ra khỏi bật lửa hay bình xịt và có thể gây cháy.
  - Nhiệt độ cao trong xe có thể làm mắt kính làm bằng thuỷ tinh hữu cơ và các chi tiết nhựa của kính mắt bị biến dạng hoặc nứt vỡ.
  - Các lon nước có ga có thể bị nứt, làm tràn nước ra xe, và có thể gây ra sự cố chập điện trong các thiết bị điện của xe.
- Không để bật lửa ở trong xe. Nếu bạn để bật lửa ở trong xe, như trong ngăn để găng tay hoặc trên sàn xe, nếu chẳng may bị hàng hóa đè phải hoặc ghế va phải bật lửa khi chỉnh ghế có thể sẽ gây cháy xe.
- Không gắn đĩa dính vào kính chắn gió hoặc kính cửa. Không để các bình đựng như lọ nước hoa trên bảng táp lô hoặc mặt táp lô. Các đĩa dính hoặc bình đựng có thể sẽ giống như một thấu kính và có thể gây cháy xe.
- Không để cửa xe hay cửa sổ mở nếu bạn đã dán lên phần kính cong của xe một lớp phim kim loại mỏng như lớp tráng bạc. Do ánh sáng mặt trời phản chiếu qua kính có thể sẽ đóng vai trò như một thấu kính và gây cháy xe.
- Gài phanh đỗ, chuyển cần số đến vị trí P (chỉ với xe có hộp số tự động), tắt động cơ và khóa cửa xe.
  Không rời khỏi xe khi không có ai trông coi xe trong khi động cơ đang hoạt động.

  Nếu xe đang đỗ với cần số đã ở vị trí P nhưng phanh đỗ chưa được gài thì xe có thể sẽ bị dịch chuyển, và có thể dẫn tới tai nạn.
- Không chạm vào đường ống xả khi động cơ đang hoạt động hoặc ngay sau khi tắt máy.
  Nếu không có thể sẽ bị bỏng.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi chợp mắt trong xe**

Hãy tắt động cơ. Nếu không, khi chẳng may bạn vô tình chuyển số hoặc đạp phải bàn đạp ga, tai nạn có thể xảy ra tai nạn hoặc gây cháy xe do động cơ bị quá nhiệt. Ngoài ra, nếu xe đang đỗ tại địa điểm có khả năng thông khí kém thì khí xả có thể sẽ xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Khi phanh xe**

- Khi phanh đang ướt, hãy lái xe thật cẩn thận.
  Quãng đường phanh sẽ tăng lên khi phanh bị ướt, và lực phanh ở hai bên sẽ không đều nhau. Đồng thời phanh đỗ cũng có thể sẽ không giữ xe một cách chắc chắn được.
- Nếu chức năng trợ lực phanh không làm việc, bạn không được đi quá sát với các xe khác và tránh xuống dốc hoặc cua gấp, do khi đó phải dùng đến phanh. Trong trường hợp này, hệ thống phanh vẫn làm việc nhưng bạn sẽ phải đạp phanh mạnh hơn rất nhiều. Đồng thời quãng đường phanh cũng sẽ tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.
- Không nhồi phanh liên tục nếu động cơ đã chết máy.
  Mỗi lần đạp phanh sẽ làm tiêu tốn lượng năng lượng dự trữ của hệ thống trợ lực phanh.
- Hệ thống phanh có cấu tạo gồm 2 hệ thống thủy lực độc lập: Nếu một trong hai hệ thống bị hư hỏng thì hệ thống còn lại vẫn làm việc. Trong trường hợp này, lực đạp phanh cần thiết sẽ phải lớn hơn so với bình thường và quãng đường phanh cũng sẽ tăng lên.
  Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

n **Nếu xe bị sa lầy (xe 4WD*)**

Không quay bánh xe quá mức khi một trong các bánh xe tách khỏi đường hoặc khi xe bị sa lầy trong cát, bùn… Việc này có thể làm hỏng tới các thiết bị truyền lực hoặc đẩy xe về phía trước hoặc phía sau, gây ra tai nạn.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

CHÚ Ý

n **Khi lái xe**

l Không đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc khi đang lái xe, nếu không công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.

l Trên xe có hộp số tự động, không đạp ga hoặc đạp giữ cả chân ga và chân phanh để giữ xe trên dốc.

l Trên xe có hộp số thường, không được chuyển số khi chưa đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp. Sau khi chuyển số, không nhả bàn đạp ly hợp đột ngột. Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp, hộp số và các bánh răng.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau để tránh làm hỏng hệ thống ly hợp. Nếu không, có thể gây mài mòn nặng hoặc làm hỏng ly hợp, dẫn tới tình trạng khó tăng tốc và khó khởi hành xe. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

- Không đặt chân lên bàn đạp ly hợp trong khi lái xe.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hệ thống ly hợp.
- Không sử dụng số nào khác ngoài số 1 khi khởi hành và cho xe chạy về phía trước.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp.
- Không dùng ly hợp để giữ xe khi dừng xe trên dốc lên.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp.
- Không được sử dụng bàn đạp ly hợp để điều chỉnh tốc độ xe.
  Nếu không, có thể sẽ làm hỏng ly hợp.
- Khi dừng xe với cần số nằm ngoài vị trí N, hãy đạp hết cỡ ly hợp và dùng chân phanh để dừng xe.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, không được chuyển cần số sang vị trí R khi xe vẫn đang chạy. Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp, hộp số và các bánh răng.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, nếu bạn không thể tăng tốc xe mặc dù đã gài bàn đạp ly hợp và đạp chân ga thì có thể hệ thống ly hợp đang bị trượt và xe không thể chạy được. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn càng sớm càng tốt.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi đỗ xe**

Trên xe có hộp số tự động, luôn luôn gài phanh đỗ và chuyển cần số tới vị trí P. Nếu không, xe có thể sẽ dịch chuyển hoặc tăng tốc đột ngột nếu chẳng may đạp nhầm phải bàn đạp ga.

n **Tránh làm hỏng các chi tiết của xe**

- Không đánh lái hết về một phía và giữ vô lăng ở vị trí đó trong thời gian dài.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng bơm trợ lực lái.
- Khi lái xe qua những chỗ gập ghềnh trên đường, hãy lái càng chậm càng tốt để tránh làm hỏng bánh xe, gầm xe...
- Động cơ Diesel: Chắc chắn phải để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe với mức tải cao. Chỉ được tắt máy sau khi turbo tăng áp đã nguội.
  Nếu không, có thể sẽ làm hỏng turbo tăng áp.
- Động cơ Diesel: Trong thời tiết quá lạnh, hãy để xe chạy không tải hơn 30 giây sau khi khởi động động cơ. Không tăng nhanh tốc độ động cơ khi đang chạy không tải.

n **Nếu xe bị xịt lốp trong khi lái xe**

Lốp xe bị xịt hơi hoặc bị hỏng có thể sẽ gây ra những tình trạng sau. Hãy giữ chắc vô lăng và đạp phanh từ từ để giảm tốc độ xe.

- Có thể sẽ khó điều khiển xe.
- Xe phát ra âm thanh hoặc rung động bất thường.
- Xe bị nghiêng bất thường.

Các bước xử lý khi xe bị xịt lốp. (→P. 607)

⚠ CHÚ Ý

n **Khi lái xe qua đường bị ngập nước**

Không lái xe trên đường bị ngập nước sau trận mưa to… Nếu không có thể gây ra những hư hỏng nghiêm trọng cho xe như:

- Động cơ bị chết máy
- Các thiết bị điện trên xe bị ngắn mạch
- Động cơ bị hỏng hóc do ngập nước
- Xe có hộp số thường: Phụ tùng bằng cao su hoặc cơ khí bị hỏng hoặc bị bôi trơn kém do mỡ đã bị rửa trôi, hoặc do mỡ bị lấm bùn hoặc bụi bẩn.

Trong trường hợp bạn lái xe qua đường bị ngập nước và xe đã bị ngập nước, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra những hạng mục sau:

- Chức năng phanh
- Kiểm tra chất lượng và số lượng của dầu động cơ, dầu hộp số, dầu hộp số phụ (xe bốn bánh chủ động*), ly hợp, dầu vi sai…
- Tình trạng bôi trơn của trục các-đăng, càng cắt ly hợp, các vòng bi và khớp nối của hệ thống treo (tại những vị trí có thể kiểm tra) và chức năng của các khớp nối, các vòng bi, vv…

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n **Lái xe trên địa hình phức tạp (xe có nắp chụp bánh xe kiểu A [→P. 612])**

Khi lái xe trên đường lầy lội, đường nhiều đá hoặc cát hoặc chạy ngang qua sông, hãy tháo nắp chụp bánh xe ra. Nếu không có thể sẽ làm cho nắp chụp bánh xe bị hỏng hoặc bị rơi ra ngoài.
Sau khi lái xe trên địa hình phức tạp với nắp chụp bánh xe đã được tháo ra, hãy vệ sinh hết bụi bẩn hoặc các tạp chất ra khỏi bánh xe trước khi lắp lại nắp chụp bánh xe.

Hành lý và hàng hóa

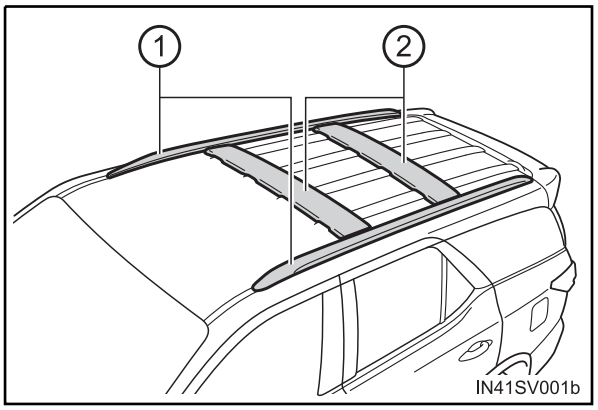
Dưới đây là các thông tin về việc chất hàng hóa, dung tích hàng hóa và mức tải trọng.

Giá để hành lý trên nóc xe (nếu có)

n Các chi tiết của giá để hành lý trên nóc xe

Để sử dụng thanh dọc nóc xe làm giá để hành lý trên nóc xe, bạn phải lắp thêm từ hai thanh ngang chính hiệu của Toyota hoặc loại tương đương trở lên.

Hãy tuân theo các hướng dẫn và lưu ý khi lắp đặt các thanh ngang hoặc các thiết bị tương tự.



① Thanh dọc

② Thanh ngang

⚠ CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong khoang hành lý**

Những đồ vật sau có thể sẽ gây cháy xe nếu để chúng trong khoang hành lý:

- Can đựng xăng
- Các loại bình xịt

n **Các lưu ý khi cất đồ**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể sẽ làm cản trở tới khả năng điều khiển các bàn đạp của người lái, có thể cản trở tầm nhìn của lái xe hoặc hàng hóa va vào người lái hoặc hành khách và có thể dẫn đến tai nạn.

- Nếu có thể, hãy cất gọn tất cả hàng hóa và hành lý trong khoang hành lý.
- Không chất hàng hóa trong khoang để hành lý cao hơn lưng ghế.
- Không đặt hàng hóa hoặc hành lý trong hoặc trên các vị trí sau.
  - Ở chân người lái
  - Trên ghế hành khách phía trước hoặc ghế sau (khi chất đồ)
  - Trên tấm che hành lý (nếu có)
  - Trên bảng táp lô
  - Trên mặt táp lô
- Hãy cố định tất cả hàng hóa trong khoang hành khách.
- Khi gập hàng ghế sau, bạn không nên để những đồ vật dài trực tiếp ngay sau lưng ghế trước.
- Không được để bất cứ ai ngồi trong khoang để hành lý. Vị trí đó không được thiết kế để cho người ngồi. Mọi người nên ngồi trên ghế và thắt đai an toàn đúng cách. Nếu không họ có thể sẽ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng khi phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chất tải và phân bố tải trọng**

- Không chất hàng quá mức tải trọng của xe.
- Không chất tải lệch.
  Nếu chất tải hàng hoá không đúng cách có thể sẽ làm cản trở việc điều khiển lái hoặc điều khiển phanh, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

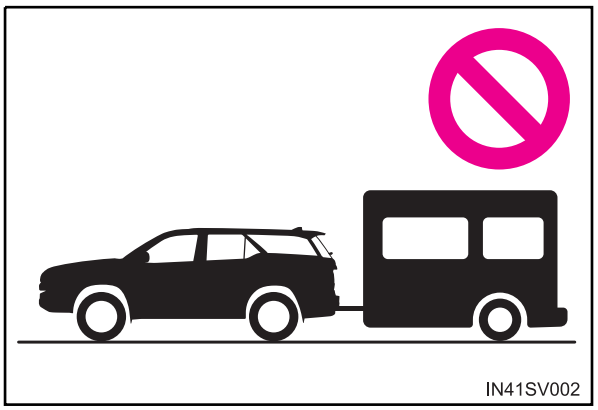
n **Khi chất tải lên giá để hành lý trên nóc xe (nếu có)**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

- Hãy sắp xếp hàng hóa sao cho trọng lượng được phân bổ đều trên cả cầu trước và cầu sau của xe.
- Khi chở các hàng hoá cồng kềnh, hãy chú ý không để hàng hoá vượt quá chiều dài hoặc chiều rộng tổng thể của xe. (→ P. 640)
- Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng hành lý đã được cố định trên giá để hành lý trên nóc xe.
- Khi chất hàng hoá lên giá để hành lý trên nóc xe sẽ làm cho trọng tâm của xe cao lên. Tránh lái xe ở tốc độ cao, khởi hành đột ngột, đánh lái gấp, phanh gấp hoặc vào cua gấp, nếu không có thể sẽ bị mất lái, gây lật xe dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Nếu lái xe trên một quãng đường dài, trên đường gập ghềnh hoặc lái xe ở tốc độ cao, hãy dừng xe lại để kiểm tra và sau đó hãy đảm bảo rằng hành lý vẫn giữ nguyên vị trí đã được cố định.
- Không chất tải quá 75 kg lên giá để hành lý trên nóc xe.

Kéo rơ moóc (xe không có móc kéo)*

Toyota khuyến nghị bạn không nên sử dụng xe của bạn để kéo moóc. Toyota cũng khuyến nghị bạn không nên lắp móc kéo hoặc sử dụng giá treo cho xe đẩy, xe scooter, xe đạp... Xe của bạn không được thiết kế để kéo moóc hoặc để gắn giá treo.



*: Trừ thị trường Argentina và các kiểu xe có kết thúc bằng chữ E, J, N, W và F (Tham khảo "Kiểm tra mã kiểu xe" nếu bạn không biết chắc kiểu xe của bạn. [→P. 13]), và trừ các kiểu xe GUN156L-SDTHXM, GUN156R-SPTHXP, GUN156R-SDTHX, TGN156L-SDMLK, GGN155L-SDTHK và GUN156L-SDTHX. Mã kiểu xe được chỉ ra trên nhãn của nhà sản xuất. (→P. 641)

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khởi động động cơ

▶ Hộp số tự động (động cơ xăng)

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

4 Bật công tắc động cơ tới vị trí "START" để khởi động động cơ.

▶ Hộp số tự động (động cơ diesel)

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

4 Bật công tắc động cơ lên vị trí "ON".

Đèn chỉ báo sẽ bật sáng.

5 Sau khi đèn chỉ báo tắt đi, hãy bật công tắc động cơ tới vị trí "START" để khởi động động cơ.

▶ Hộp số thường (động cơ xăng)

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí N.

3 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

4 Bật công tắc động cơ tới vị trí "START" để khởi động động cơ.

▶ Hộp số thường (động cơ diesel)

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí N.

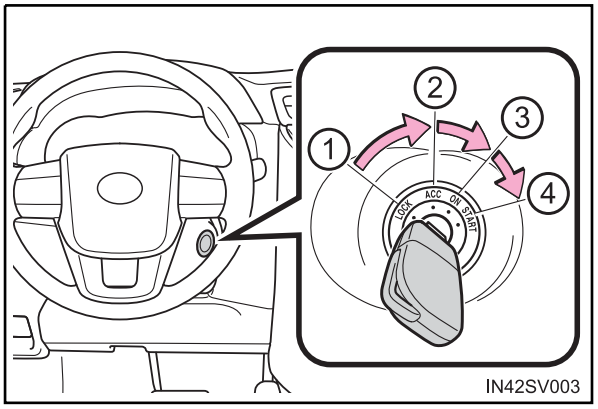
3 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

4 Bật công tắc động cơ lên vị trí "ON".

Đèn chỉ báo sẽ bật sáng.

5 Sau khi đèn chỉ báo tắt đi, hãy bật công tắc động cơ tới vị trí "START" để khởi động động cơ.

Thay đổi dác vị trí của công tắc động cơ



① Vị trí "LOCK"

Vô lăng sẽ khóa lại và chìa có thể rút ra được. (Xe có hộp số tự động: Chỉ có thể rút chìa ra khi cần số ở vị trí P.)

② Vị trí "ACC"

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

③ "ON"

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

④ Vị trí "START"

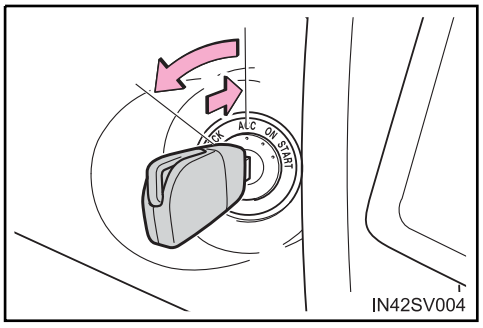
Để khởi động động cơ.

---

n **Xoay chìa từ vị trí "ACC" sang "LOCK"**

1 Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường). (→P. 209, 218)

2 Ấn và xoay chìa khóa sang vị trí "LOCK".

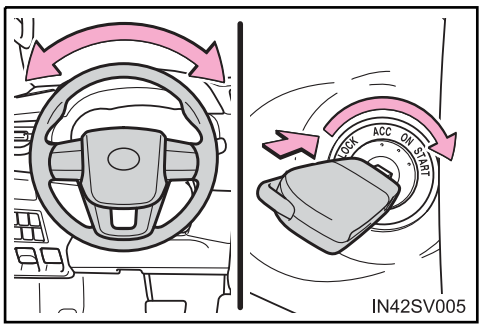


n **Nếu động cơ không khởi động được**

Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P. 90)
Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Khi không thể nhả khóa vô lăng được

Khi khởi động động cơ, công tắc động cơ có thể giống như bị kẹt tại vị trí "LOCK". Để xử lý, hãy vặn chìa khóa trong khi xoay nhẹ vô lăng sang trái và sang phải.



n Chức năng nhắc rút chìa khóa

Chuông sẽ kêu nếu cửa người lái được mở ra trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí "LOCK" hoặc "ACC" để nhắc người lái rút chìa khóa ra.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi khởi động động cơ

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.
Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Chú ý khi lái xe

Không chuyển công tắc động cơ đến vị trí "LOCK" trong khi đang lái xe.
Trong trường hợp khẩn cấp cần phải tắt động cơ trong khi xe đang chạy, hãy tắt công tắc động cơ tới vị trí "ACC" để dừng động cơ. Tai nạn có thể xảy ra nếu động cơ ngừng hoạt động trong khi lái xe.
(→P. 579)

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không để công tắc động cơ ở vị trí "ACC" hoặc "ON" trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

n Khi khởi động động cơ

- Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.
- Không rồ ga khi động cơ còn nguội.
- Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hãy thực hiện các thao tác sau khi mang chìa điện tử theo người để khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.

Khởi động động cơ

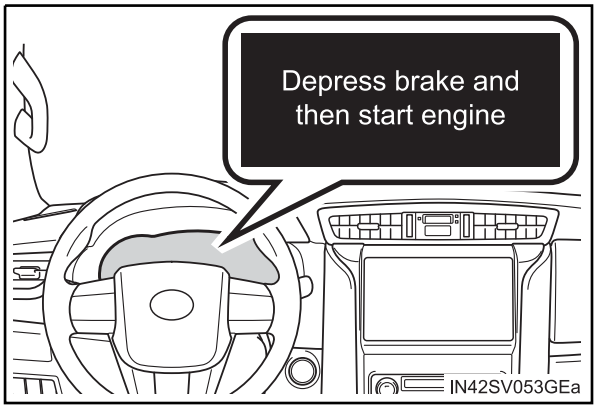
▶ Hộp số tự động

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

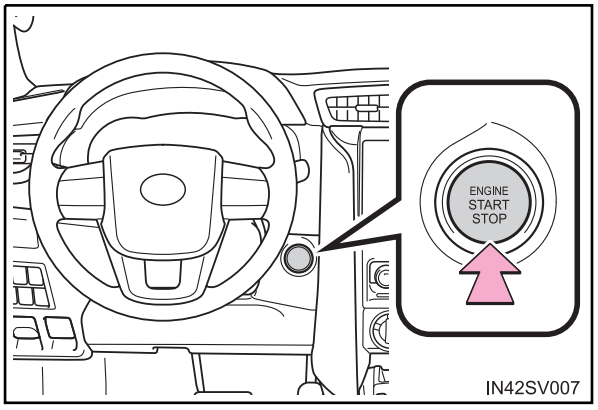
Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Nếu nó không xuất hiện, động cơ không khởi động được.



4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Khi thao tác với công tắc động cơ, hãy ấn nhanh và dứt khoát một lần là đủ. Không cần phải ấn và giữ công tắc này.

Động cơ sẽ quay khởi động cho tới khi nó khởi động được hoặc quay trong khoảng 30 giây tùy theo trường hợp nào tới trước.



Tiếp tục đạp phanh cho tới khi động cơ đã được khởi động xong.

Chỉ với động cơ diesel: Đèn chỉ báo sẽ bật sáng. Động cơ sẽ khởi động sau khi đèn chỉ báo tắt đi.

Có thể khởi động được động cơ từ bất kỳ chế độ nào của công tắc động cơ.

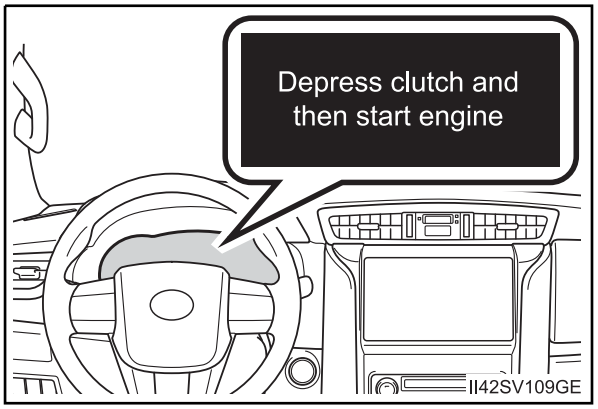
▶ Hộp số thường

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Xác nhận rằng cần số đang đặt tại vị trí N.

3 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

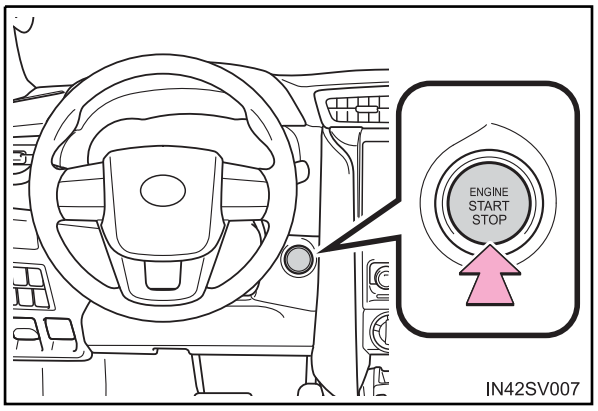
Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Nếu nó không xuất hiện, động cơ không khởi động được.



4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Khi thao tác với công tắc động cơ, hãy ấn nhanh và dứt khoát một lần là đủ. Không cần phải ấn và giữ công tắc này.

Động cơ sẽ quay khởi động cho tới khi nó khởi động được hoặc quay trong khoảng 30 giây tùy theo trường hợp nào tới trước.



Tiếp tục giữ bàn đạp ly hợp cho tới khi động cơ đã được khởi động xong.

Chỉ với động cơ diesel: Đèn chỉ báo sẽ bật sáng. Động cơ sẽ khởi động sau khi đèn chỉ báo tắt đi.

Có thể khởi động được động cơ từ bất kỳ chế độ nào của công tắc động cơ.

Tắt động cơ

▶ Hộp số tự động

1 Dừng xe lại.

2 Gài phanh đỗ (→P. 227) và chuyển cần số tới vị trí P.

3 Ấn công tắc động cơ.

4 Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng màn hình trên đồng hồ táp lô đã tắt.

▶ Hộp số thường

1 Dừng xe lại.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

3 Gài phanh đỗ. (→P. 227)

4 Ấn công tắc động cơ.

5 Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng màn hình trên đồng hồ táp lô đã tắt.

Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Bạn có thể thay đổi chế độ bằng cách ấn vào công tắc động cơ với bàn đạp phanh (xe có hộp số tự động) hoặc bàn đạp ly hợp (xe có hộp số thường) đã nhả ra. (Chế độ của công tắc động cơ sẽ thay đổi với mỗi lần ấn công tắc động cơ.)

① Tắt*

Đèn nháy khẩn cấp có thể sử dụng được.

② Chế độ ACCESSORY

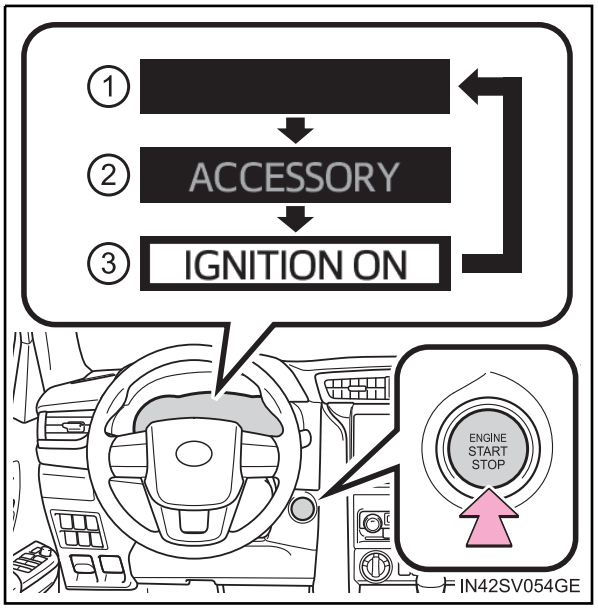
Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

Chữ "ACCESSORY" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

③ Chế độ IGNITION ON

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

Chữ "IGNITION ON" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



*: Nếu cần số đang nằm ở vị trí khác P khi tắt động cơ, thì công tắc động cơ sẽ chuyển sang chế độ ACCESSORY chứ không tắt đi (chỉ với xe có hộp số tự động).

Khi dừng xe với cần số không ở vị trí P (với xe có hộp số tự động)

Nếu tắt động cơ với cần số không ở vị trí P, công tắc động cơ sẽ không tắt mà chuyển sang chế độ ACCESSORY. Hãy tiến hành theo quy trình sau để tắt công tắc động cơ:

1. Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.
2. Chuyển cần số tới vị trí P.
3. Kiểm tra rằng thông điệp "Turn Off Vehicle" được hiển thị trên màn hình đa thông tin và sau đó ấn công tắc động cơ một lần.
4. Kiểm tra rằng thông điệp "Turn Off Vehicle" không xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

---

n Lưu ý đối với chìa điện tử

Mang chìa khóa điện tử theo người, ví dụ để trong túi.

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác nếu chìa khóa điện tử đang ở trên sàn xe hoặc trên bảng táp lô, hoặc trên hốc để đồ trên cửa xe, giá để cốc, các ngăn đựng đồ hay ở trong khoang hành lý.

n Chức năng tự động tắt nguồn

▶ Xe có hộp số tự động

Nếu để xe ở chế độ ACCESSORY trong hơn 20 phút trở lên hoặc ở chế độ IGNITION ON (động cơ không hoạt động) trong hơn một giờ với cần số ở vị trí P, công tắc động cơ sẽ tự động tắt đi. Tuy nhiên, chức năng này không thể giúp hạn chế tuyệt đối tình trạng hết điện của ắc quy. Không để xe với công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

▶ Xe có hộp số thường

Nếu xe ở chế độ ACCESSORY trong thời gian lâu hơn 20 phút hoặc ở chế độ IGNITION ON (động cơ không làm việc) trong thời gian lâu hơn một giờ, thì công tắc động cơ sẽ tự động tắt đi. Tuy nhiên, chức năng này sẽ không thể tránh cho ắc quy bị hết điện được. Không để xe với công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

n Hoạt động của công tắc động cơ

Nếu không ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát, chế độ của công tắc động cơ có thể không thay đổi hoặc động cơ có thể không khởi động được.

n Pin chìa khoá điện tử bị hết điện

→P. 156

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

→P. 154

n Lưu ý với chức năng vào xe

→P. 155

n Nếu động cơ không khởi động được

Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P. 90) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

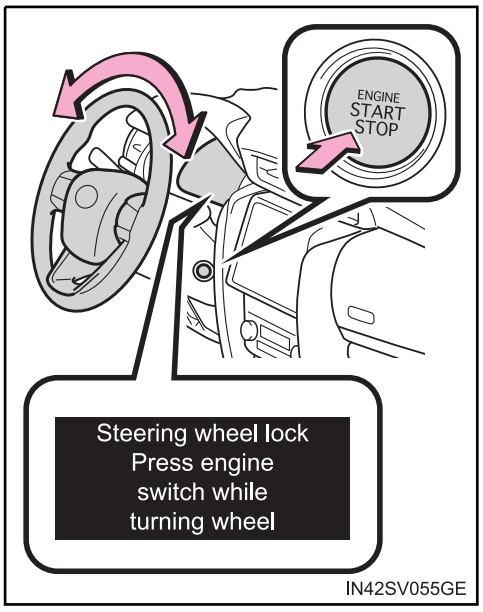
n Khóa vô lăng (nếu có)

Sau khi tắt công tắc động cơ và mở và đóng các cửa, vô lăng sẽ được khóa lại bởi chức năng khóa vô lăng. Hãy ấn công tắc động cơ một lần nữa để tự động hủy khóa vô lăng.

n Khi không thể nhả khóa vô lăng (xe có khóa vô lăng)

Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn công tắc động cơ trong khi xoay vô lăng sang trái và sang phải.



n Chức năng ngăn quá nhiệt mô tơ khóa vô lăng (xe có khóa vô lăng)

Để tránh làm cho mô tơ khóa vô lăng bị quá nhiệt, mô tơ có thể sẽ tạm ngừng hoạt động khi liên tục bật và tắt động cơ trong một thời gian ngắn. Trong trường hợp này, hãy hạn chế khởi động động cơ. Sau khoảng 10 giây, mô tơ khóa vô lăng sẽ khôi phục chức năng.

n Nếu thông điệp "Lỗi hệ thống mở khóa & khởi động thông minh Xem Hướng dẫn sử dụng" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Hệ thống có thể đã bị lỗi. Hãy cho kiểm tra xe ở đại lý Toyota ngay lập tức.

n Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin

→P. 553

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi cài đặt tùy chọn

→P. 623

⚠ CẢNH BÁO

n Khi khởi động động cơ

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.
Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Lưu ý khi lái xe (xe có chức năng khóa vô lăng)

Nếu động cơ bị trục trặc trong khi lái xe, không được khóa hay mở các cửa xe cho đến khi xe đã được dừng lại ở một vị trí an toàn. Việc kích hoạt khóa vô lăng trong trường hợp này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp

- Nếu muốn tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp khi đang lái xe, hãy ấn và giữ công tắc động cơ hơn 2 giây hoặc ấn nhanh công tắc động cơ liên tiếp 3 lần trở lên. (→P. 579)
  Tuy nhiên, không được chạm vào công tắc động cơ khi đang lái xe ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Nếu công tắc động cơ bị ấn khi xe đang chạy, thông điệp cảnh báo "Push and hold engine switch for emergency stop" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo kêu. Nếu tắt động cơ trong khi lái xe, thì trợ lực cho hệ thống lái hoặc phanh sẽ bị mất, mặc dù chức năng điều khiển phanh và lái vẫn hoạt động bình thường. Khi đó bạn sẽ khó đánh lái và phanh xe hơn, do vậy bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể.
- Để khởi động lại động cơ sau khi tắt động cơ trong khi đang lái xe, hãy chuyển cần số tới vị trí N (hộp số tự động) hoặc đạp ly hợp (hộp số thường) sau đó ấn công tắc động cơ.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

- Không để công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.
- Nếu chữ "ACCESSORY" hoặc "IGNITION ON" xuất hiện trên màn hình đa thông tin, công tắc động cơ sẽ không được tắt. Hãy tắt công tắc động cơ sau đó mới rời khỏi xe.
- Trên xe có hộp số tự động, không được tắt động cơ khi cần số nằm ngoài vị trí P. Nếu tắt động cơ với cần số ở vị trí khác P, công tắc động cơ sẽ không tắt đi mà chuyển sang chế độ ACCESSORY. Nếu để xe ở chế độ ACCESSORY, ắc quy có thể sẽ bị hết điện.

n **Khi khởi động động cơ**

- Không rồ ga khi động cơ còn nguội.
- Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

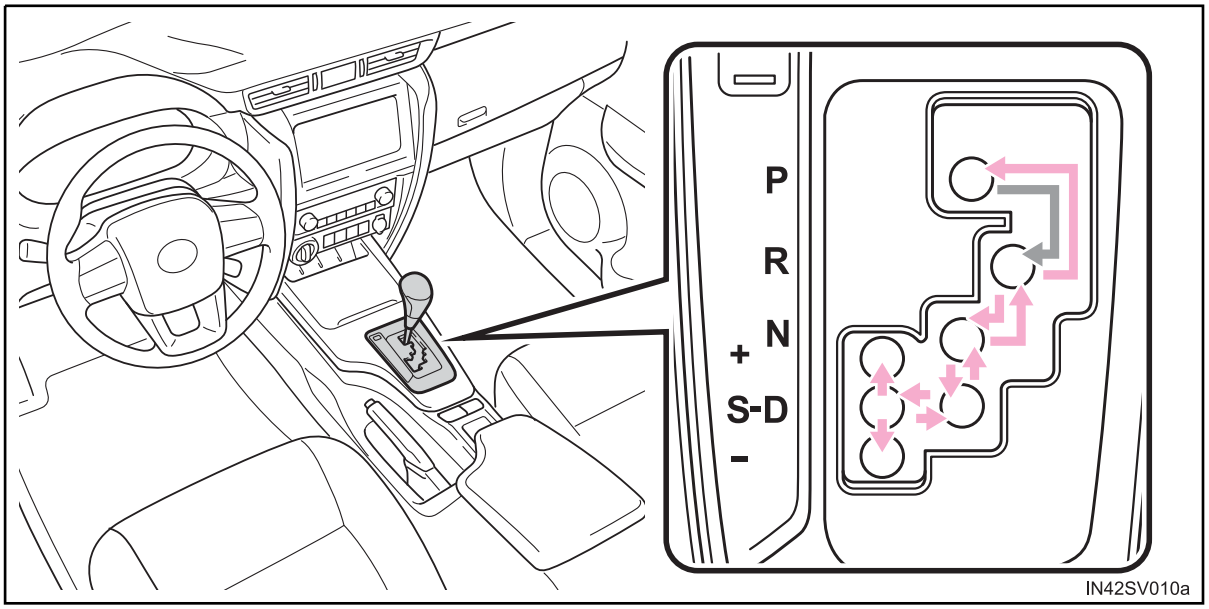
n **Những triệu chứng chỉ báo công tắc động cơ bị lỗi**

Nếu công tắc động cơ có vẻ như đang hoạt động bất thường, chẳng hạn như khi bị dính nhẹ công tắc động cơ, thì có thể nó đang bị lỗi. Hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

Hộp số tự động*

Hãy lựa chọn vị trí số phù hợp với điều kiện lái xe.

Chuyển cần số



▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

← Khi công tắc động cơ đang ở vị trí "ON", hãy chuyển cần số đồng thời nhấn bàn đạp phanh.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

← Khi công tắc động cơ đang ở chế độ IGNITION ON, hãy chuyển cần số và đồng thời nhấn bàn đạp phanh.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại.

*: Nếu có

Mục đích của các vị trí số

Vị trí cần số	Chức năng
P	Đỗ xe/khởi động động cơ
R	Lùi xe
N	Vị trí trung gian (Công suất sẽ không được truyền khi ở vị trí này)
D	Chế độ lái bình thường*1
S	Chế độ S*2 (→P. 214)

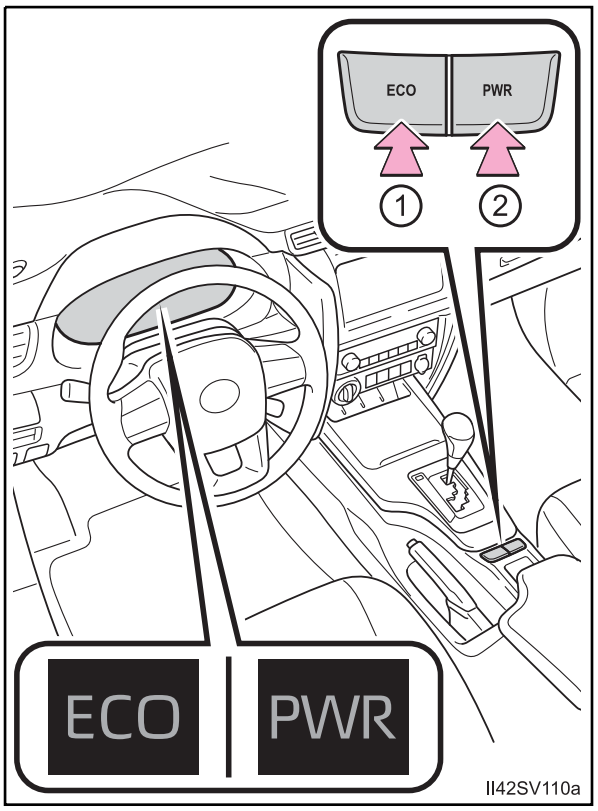
*1: Để giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và giảm tiếng ồn, hãy đặt cần số ở vị trí D khi lái xe bình thường.

*2: Chọn dải chọn số trong chế độ S sẽ hạn chế giới hạn trên có thể của dải số, giúp điều khiển lực phanh động cơ và tránh việc lên số không cần thiết.

Chọn chế độ lái xe

Có thể chọn các chế độ lái xe cho phù hợp với điều kiện lái xe.

▶ Kiểu A



① Chế độ lái Eco

Hãy sử dụng chế độ lái Eco để giảm mức tiêu hao nhiên liệu trong suốt hành trình khi phải tăng tốc thường xuyên.

Ấn công tắc “ECO” để chọn chế độ lái Eco. Đèn chỉ báo “ECO” sẽ sáng lên.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

② Chế độ power

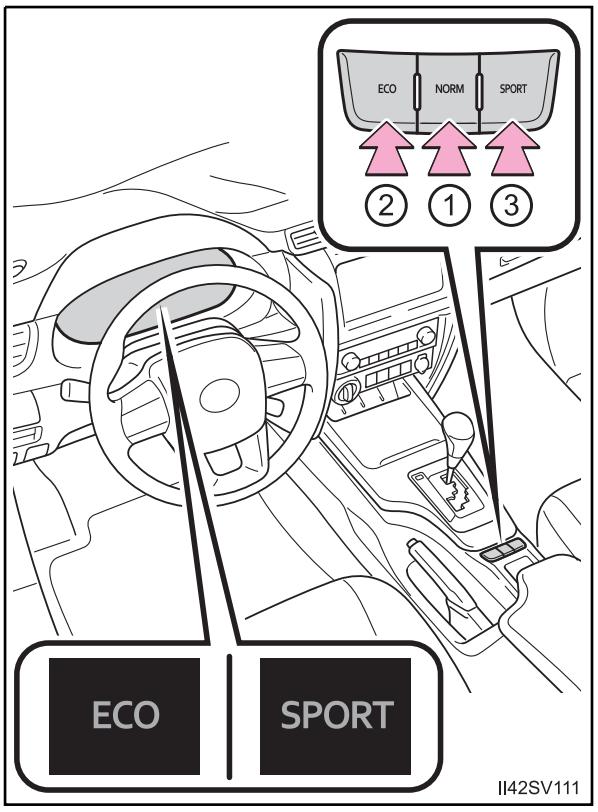
Khi cần tốc độ đáp ứng nhanh và cảm giác lái tốt, như khi lái xe trên vùng đồi núi hoặc khi cần vượt xe khác.

Ấn công tắc “PWR” để chọn chế độ Power. Đèn chỉ báo “PWR” sẽ sáng.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ Power, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

Không thể chọn được các chế độ lái khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4. (nếu có)

▶ Kiểu B



① Chế độ normal (bình thường)

Khi lái xe ở điều kiện thông thường.

Hãy ấn công tắc “NORM” để thay đổi về chế độ lái thông thường khi chọn chế độ lái ECO hoặc chế độ thể thao.

② Chế độ lái Eco

Hãy sử dụng chế độ lái Eco để giảm mức tiêu hao nhiên liệu trong suốt hành trình khi phải tăng tốc thường xuyên.

Ấn công tắc “ECO” để chọn chế độ lái Eco. Đèn chỉ báo “ECO” sẽ sáng lên.

Ấn công tắc “NORM” để hủy chế độ lái Eco.

③ Chế độ Sport (thể thao)

Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển hộp số, động cơ và hệ thống lái. Phù hợp với việc xử lý chính xác, ví dụ khi lái xe trên đường trên núi.

Ấn công tắc “SPORT” để chọn chế độ thể thao. Đèn chỉ báo “SPORT” sẽ sáng.

Ấn công tắc “NORM” để hủy chế độ thể thao.

Không thể chọn được các chế độ lái khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4. (nếu có)

Chọn các dải số ở vị trí D (xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)

Để lái xe khi sử dụng dải số tạm thời, hãy sử dụng công tắc chuyển số "- "hoặc "+" trên vô lăng.

Khi sử dụng công tắc chuyển số "-" trên vô lăng, dải chọn số sẽ xuống số đến phạm vi có thể sử dụng phanh động cơ và phù hợp với điều kiện lái xe. Khi sử dụng công tắc chuyển số "+" trên vô lăng, dải số sẽ tăng một số so với dải số sử dụng ở khi đang lái xe thông thường ở số D.

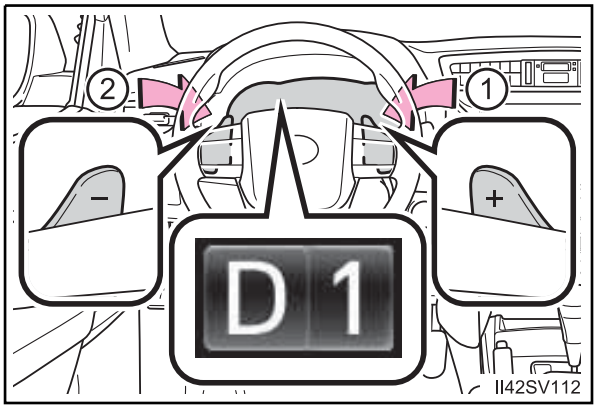
Việc chuyển dải chọn số cho phép hạn chế số cao nhất, tránh việc lên số không cần thiết và chọn lực phanh động cơ phù hợp.

① Lên số

② Xuống số

Dải chuyển số từ số 1 đến 6, sẽ được hiển thị trên đồng hồ táp lô.

Để trở về chế độ lái xe vị trí D, phải giữ công tắc chuyển số "+" trong một khoảng thời gian.



n Các dải số và các chức năng của chúng

- Tự động chọn số giữa số 1 và số 6 tùy thuộc vào tốc độ của xe và điều kiện lái. Nhưng số được chọn sẽ bị hạn chế theo dải số đã chọn.
- Bạn có thể chọn 6 cấp độ phanh động cơ khác nhau.
- Dải số thấp hơn sẽ tạo ra lực phanh động cơ lớn hơn so với dải số cao hơn, và tốc độ động cơ cũng sẽ tăng lên.

Chọn các dải số trong vị trí S

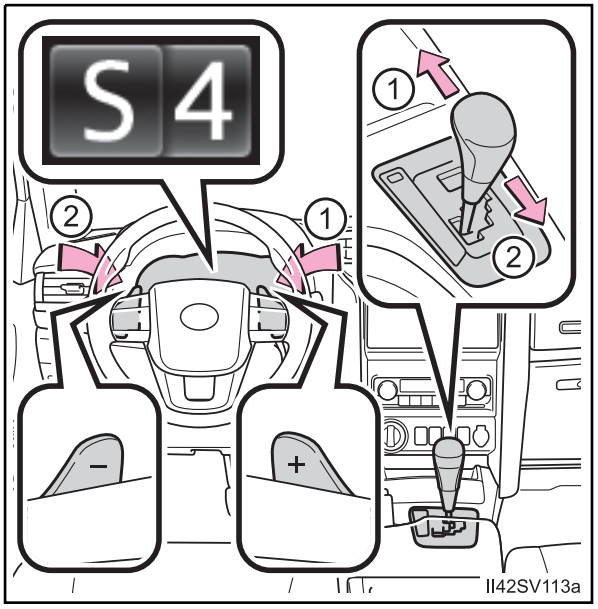
Để vào chế độ S, hãy chuyển cần số đến S. Có thể chọn dải chọn số bằng cách sử dụng cần số hoặc các công tắc chuyển số trên vô lăng (nếu có), cho phép bạn lái xe ở dải chọn số theo ý của bạn.

① Lên số

② Xuống số

Dải chuyển số từ số 1 đến 6, sẽ được hiển thị trên đồng hồ táp lô.

Dải chuyển số ban đầu trong chế độ S được đặt tự động vào số 5 hoặc 4 tùy theo tốc độ xe. Tuy nhiên, dải chuyển số ban đầu có thể sẽ được đặt ở dải số 3 nếu bạn đã chọn chế độ chuyển số thông minh AI-SHIFT khi cần chuyển số đã ở vị trí D.
(→P. 217)



n Các dải số và các chức năng của chúng

- Tự động chọn số giữa số 1 và số 6 tùy thuộc vào tốc độ của xe và điều kiện lái. Nhưng số được chọn sẽ bị hạn chế theo dải số đã chọn.
- Bạn có thể chọn 6 cấp độ phanh động cơ khác nhau.
- Dải số thấp hơn sẽ tạo ra lực phanh động cơ lớn hơn so với dải số cao hơn, và tốc độ động cơ cũng sẽ tăng lên.

---

n Tự động vô hiệu hóa chức năng chọn dải số khi cần số ở vị trí D (xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)

Việc chọn dải số ở vị trí D sẽ bị vô hiệu hóa trong các tình huống sau:

- Khi xe đỗ lại
- Khi đạp ga lâu hơn so với một mức thời gian nhất định ở số 4 hoặc cao hơn mà không chuyển dải chọn số
- Khi cần chuyển số không ở vị trí D

n Chế độ S

Khi dải chọn số từ số 4 trở xuống, giữ cần số hướng về phía "+" sẽ đặt dải số đến số 6.

n Chuông cảnh báo hạn chế xuống số

Để giúp tăng tính an toàn và hiệu quả lái xe, đôi khi hộp số sẽ hạn chế xuống số. Trong một số trường hợp, hộp số có thể sẽ không thể xuống số kể cả khi bạn đã chuyển cần số. (Chuông cảnh báo sẽ kêu hai lần)

n Sử dụng hệ thống điều hòa ở chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu (xe có hệ thống điều hòa không khí tự động)

Chế độ lái Eco sẽ điều khiển hệ thống sưởi ấm/làm mát và tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí để nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu (→P. 443). Để cải thiện công suất của điều hòa không khí, hãy điều chỉnh tốc độ quạt hoặc tắt chế độ lái Eco.

n Vô hiệu hóa chế độ lái xe

- Chế độ lái Eco sẽ vẫn tiếp tục được duy trì chọn chế độ lái khác, kể cả khi tắt động cơ sau khi đã lái Eco.
- Chế độ Power sẽ bị hủy nếu tắt động cơ sau khi lái ở chế độ Power. (nếu có)
- Chế độ Sport sẽ bị vô hiệu hóa nếu tắt động cơ sau khi lái xe ở chế độ Sport. (nếu có)
- Chế độ lái sẽ bị hủy nếu chế độ hộp số phụ được chuyển sang L4 khi ở chế độ khác chế độ lái bình thường. (nếu có)

n Khi lái xe với hệ thống điều khiển chạy tự động hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa đã được kích hoạt (nếu có)

Kể cả khi thực hiện các thao tác sau nhằm sử dụng phanh động cơ, thì phanh động cơ cũng sẽ không hoạt động do chức năng điều khiển chạy tự động hoặc chạy tự động theo dõi bằng ra-đa vẫn chưa được vô hiệu hóa.

- Khi đang lái xe ở chế độ S, hãy chuyển xuống số 5 hoặc số 4. (→P. 214)
- Khi chuyển sang chế độ lái power hoặc chế độ thể thao trong khi lái xe ở vị trí D. (→P. 211)

n Hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển khởi động - dẫn động)

→P. 183

n Hệ thống khóa chuyển số

Hệ thống khóa chuyển số là một hệ thống có tác dụng giúp tránh chuyển nhầm cần số khi khởi động.

Chỉ có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P khi công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và đạp bàn đạp phanh.

n Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P

Trước hết, kiểm tra xem đã đạp bàn đạp phanh chưa.

Nếu bạn đã đạp phanh mà cần chuyển số vẫn không thể chuyển sang số khác được, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
Bạn có thể làm theo các bước sau như một giải pháp tình thế để có thể chuyển được cần số.

Nhả khóa chuyển số:

1 Gài phanh đỗ.

2 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK".

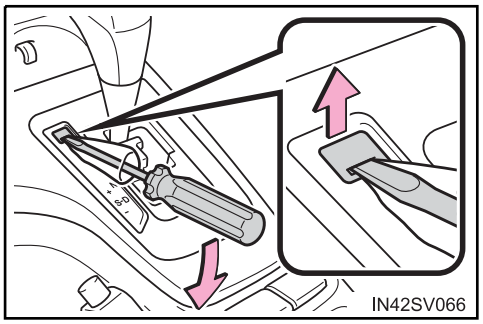
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy tắt công tắc động cơ.

3 Đạp bàn đạp phanh.

▶ Kiểu A

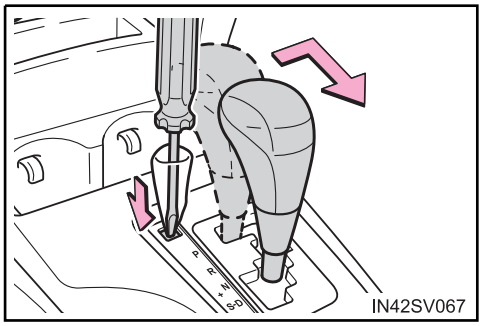
4 Nạy nắp che lên bằng tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương đương.

Để tránh làm hỏng nắp, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.


IN42SV066

5 Hãy ấn nút nhả khóa cần số.

Có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn nút này.

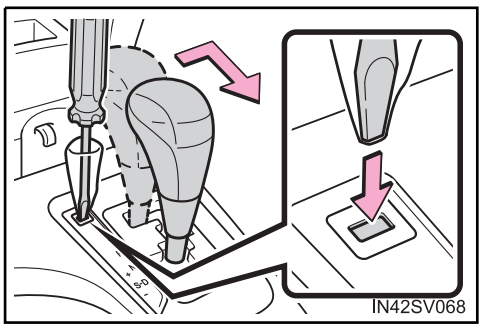

IN42SV067

▶ Kiểu B

4 Dùng một tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương tự để ấn nút nhả khóa cần số.

Có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn nút này.

Để tránh làm hỏng xe, hãy bọc giẻ vào đầu của tô vít.


IN42SV068

n Đèn chỉ báo "S" không sáng lên hoặc đèn chỉ báo "D" được hiển thị kể cả khi đã chuyển cần số tới vị trí S

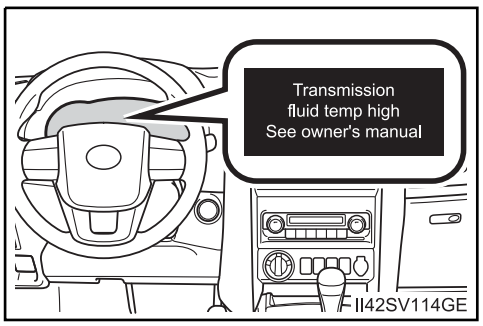
Đó có thể là dấu hiệu cho thấy rằng có thể đã có hư hỏng trong hệ thống hộp số tự động. Hãy đem xe đến đại lý Toyota để kiểm tra ngay lập tức.

n Chức năng bảo vệ hộp số

Nếu các lốp xe quay trơn liên tục khi xe bị lầy trong bùn hoặc trong tuyết, hoặc nếu nhấn và nhả bàn đạp ga liên tục khi lái xe, thì nhiệt độ của hộp số tự động sẽ lên quá cao và hộp số có thể bị hư hỏng.
Để tránh làm hỏng hộp số tự động, hệ thống có thể tạm thời khóa số.
Nếu nhiệt độ của hộp số tự động giảm xuống, cơ cấu khóa số sẽ hủy và hộp số tự động trở về hoạt động bình thường.

n Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo

Nếu một thông điệp cảnh báo liên quan tới nhiệt độ dầu hộp số tự động xuất hiện trên màn hình trong khi lái xe, hãy chuyển cần số về vị trí D và giảm tốc độ bằng cách nhả chân ga. Hãy dừng xe ở một nơi an toàn, chuyển cần số sang vị trí P và để động cơ chạy không tải cho đến khi cảnh báo tắt đi.



Khi cảnh báo đã tắt đi, bạn có thể tiếp tục lái xe.

Nếu chờ một lúc mà thông điệp cảnh báo vẫn không tắt đi, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n AI-SHIFT

Chức năng chuyển số thông minh AI-SHIFT sẽ tự động lựa chọn một số phù hợp với tính năng lái và điều kiện lái xe.
Chức năng chuyển số thông minh AI-SHIFT sẽ tự động hoạt động khi cần số ở vị trí D. (Chức năng này sẽ tắt đi khi chuyển cần số sang vị trí S.)

⚠ CẢNH BÁO

n Khi lái xe trên đường trơn trượt

Không tăng tốc hoặc chuyển số đột ngột.
Thay đổi đột ngột lực phanh động cơ có thể sẽ làm cho xe bị trượt hoặc quay tròn, dẫn đến tai nạn.

n Để tránh xảy ra tai nạn khi nhả khóa chuyển số

Trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số, hãy đảm bảo đã gài phanh đỗ và nhấn bàn đạp phanh.

Nếu đạp nhầm bàn đạp phanh thành bàn đạp ga khi đang ấn nút nhả khóa cần số và cần số nằm ngoài vị trí P, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Hộp số thường*

Chuyển cần số

▶ Hộp số 5 cấp tốc độ

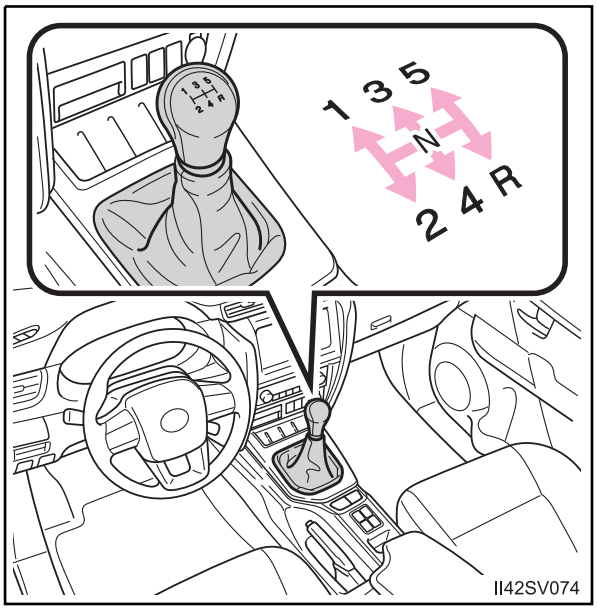
1 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

2 Chuyển cần số một cách chậm rãi và dứt khoát.

Hãy đảm bảo chuyển số theo tuần tự.

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp.

Nếu cảm thấy khó vào số R, hãy chuyển cần số tới vị trí N, nhả bàn đạp ly hợp một lát rồi thử vào số lại.



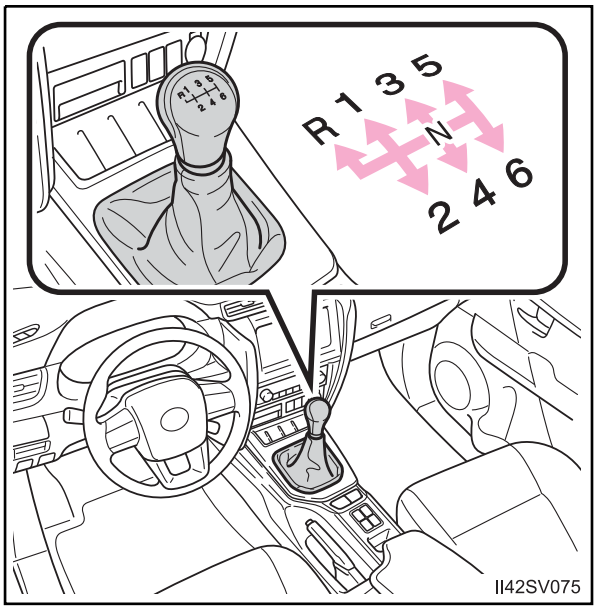
▶ Hộp số 6 cấp tốc độ

1 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

2 Chuyển cần số một cách chậm rãi và dứt khoát.

Hãy đảm bảo chuyển số theo tuần tự.

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp.

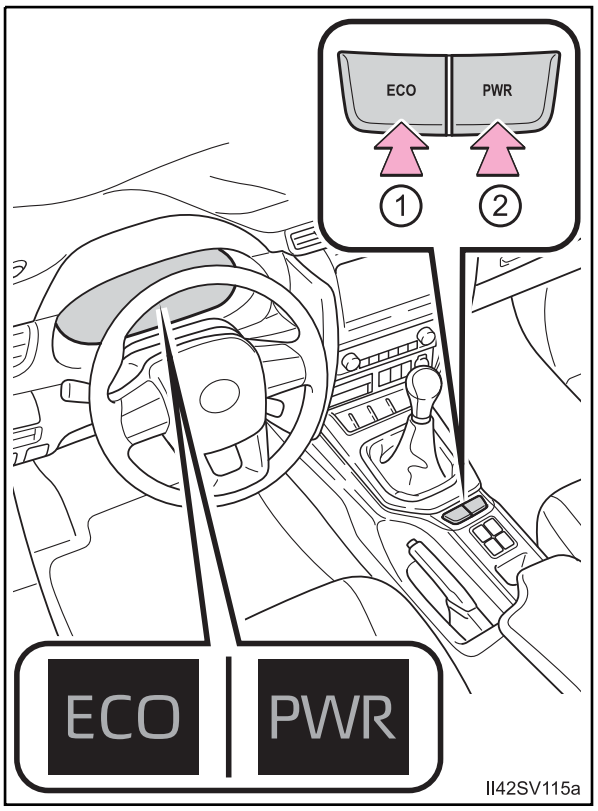


*: Nếu có

Chọn chế độ lái xe

Có thể chọn các chế độ lái xe cho phù hợp với điều kiện lái xe.

▶ Kiểu A



① Chế độ lái Eco

Hãy sử dụng chế độ lái Eco để giảm mức tiêu hao nhiên liệu trong suốt hành trình khi phải tăng tốc thường xuyên.

Ấn công tắc “ECO” để chọn chế độ lái Eco. Đèn chỉ báo “ECO” sẽ sáng lên.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

② Chế độ power

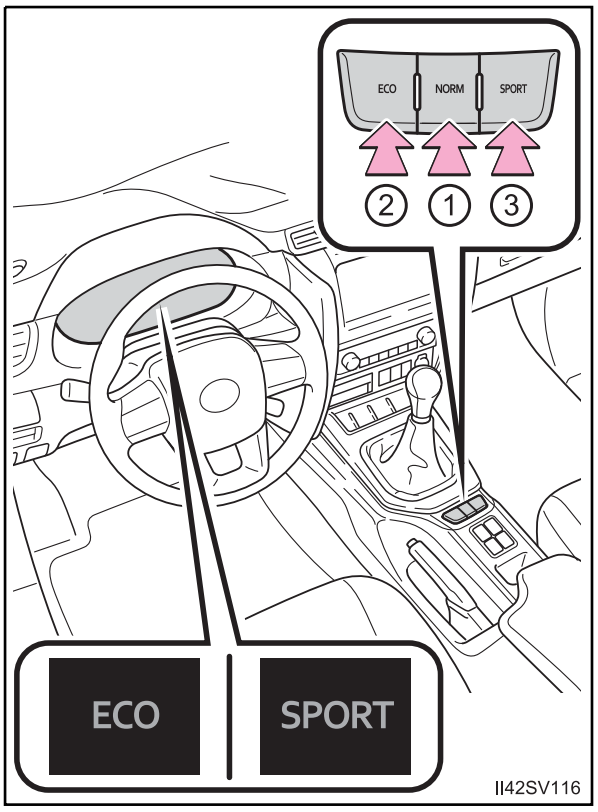
Khi cần tốc độ đáp ứng nhanh và cảm giác lái tốt, như khi lái xe trên vùng đồi núi hoặc khi cần vượt xe khác.

Ấn công tắc “PWR” để chọn chế độ Power. Đèn chỉ báo “PWR” sẽ sáng.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ Power, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

Không thể chọn được các chế độ lái khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4. (nếu có)

▶ Kiểu B



① Chế độ normal (bình thường)

Khi lái xe ở điều kiện thông thường.

Hãy ấn công tắc “NORM” để thay đổi về chế độ lái thông thường khi chọn chế độ lái ECO hoặc chế độ thể thao.

② Chế độ lái Eco

Hãy sử dụng chế độ lái Eco để giảm mức tiêu hao nhiên liệu trong suốt hành trình khi phải tăng tốc thường xuyên.

Ấn công tắc “ECO” để chọn chế độ lái Eco. Đèn chỉ báo “ECO” sẽ sáng lên.

Ấn công tắc “NORM” để hủy chế độ lái Eco.

③ Chế độ Sport (thể thao)

Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển hộp số, động cơ và hệ thống lái. Phù hợp với việc xử lý chính xác, ví dụ khi lái xe trên đường trên núi.

Ấn công tắc “SPORT” để chọn chế độ thể thao. Đèn chỉ báo “SPORT” sẽ sáng.

Ấn công tắc “NORM” để hủy chế độ thể thao.

Không thể chọn được các chế độ lái khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí L4. (nếu có)

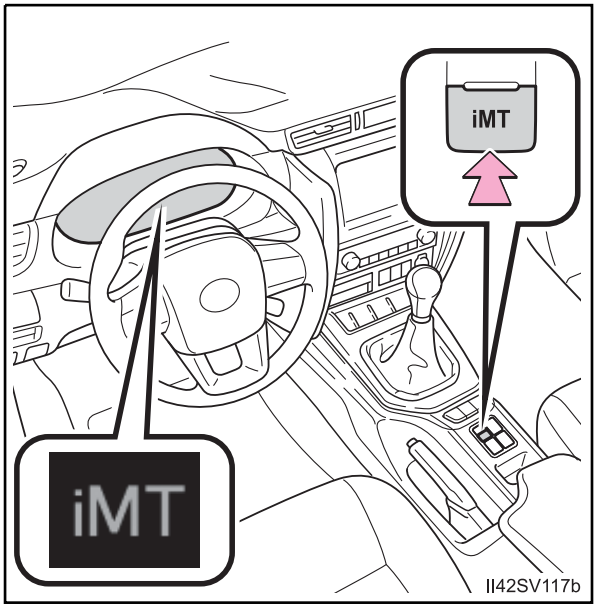
Chức năng iMT - Hộp số thường thông minh (nếu có)

Chức năng iMT sẽ theo dõi thao tác của người lái với bàn đạp ly hợp và cần số. Khi thay đổi vị trí số, chức năng iMT sẽ xác định tốc độ tối ưu của động cơ và tiến hành điều khiển để giúp người lái chuyển số một cách êm ái nhất.

Ấn công tắc "iMT".

Đèn chỉ báo "iMT" sẽ sáng lên.

Hãy ấn công tắc này một lần nữa để tắt chức năng iMT.



n Tốc độ tối đa cho phép xuống số

Hãy tuân theo tốc độ giới hạn xuống số trong bảng dưới đây để tránh làm rồ ga động cơ.

▶ Hộp số 5 cấp tốc độ

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H2 hoặc H4):

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số	1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	35	70	115	165

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí L4):

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số	1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	15	25	45	65

Xe Pre Runner (Gầm cao)*:

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số	1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	35	70	115	165

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

▶ Hộp số 6 cấp tốc độ

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H2 hoặc H4):

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số		1	2	3	4	5
Động cơ 2GD-FTV		35	70	115	170	180
Động cơ 1GD-FTV	Loại lốp 265/65R17	35	70	115	170	180
	Loại lốp 265/60R18	35	70	120	170	180

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí L4):

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số		1	2	3	4	5
Động cơ 2GD-FTV		10	25	45	65	85
Động cơ 1GD-FTV	Loại lốp 265/65R17	10	25	45	65	80
	Loại lốp 265/60R18	10	25	45	65	80

Xe Pre Runner (Gầm cao)*:

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số		1	2	3	4	5
Động cơ 2GD-FTV	Loại lốp 265/65R17	35	70	115	170	180
	Loại lốp 265/60R18	35	70	120	170	180
Động cơ 1GD-FTV		35	70	115	170	180

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Sử dụng hệ thống điều hòa ở chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu (xe có hệ thống điều hòa không khí tự động)

Chế độ lái Eco sẽ điều khiển hệ thống sưởi ấm/làm mát và tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí để nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu (→P. 443). Để cải thiện công suất của điều hòa không khí, hãy điều chỉnh tốc độ quạt hoặc tắt chế độ lái Eco.

n Vô hiệu hóa chế độ lái xe

- Chế độ lái Eco sẽ vẫn tiếp tục được duy trì chọn chế độ lái khác, kể cả khi tắt động cơ sau khi đã lái Eco.
- Chế độ Power sẽ bị hủy nếu tắt động cơ sau khi lái ở chế độ Power. (nếu có)
- Chế độ Sport sẽ bị vô hiệu hóa nếu tắt động cơ sau khi lái xe ở chế độ Sport. (nếu có)
- Chế độ lái sẽ bị hủy nếu chế độ hộp số phụ được chuyển sang L4 khi ở chế độ khác chế độ lái bình thường. (nếu có)

n Chuông cảnh báo lùi xe (xe có hộp số 6 cấp tốc độ)

Chuông sẽ kêu để cảnh báo cho người lái khi cần chuyển số được chuyển sang vị trí R.

n Hoạt động của chức năng iMT

- Khi người lái đạp bàn đạp ly hợp và chuyển cần số tới một vị trí, hệ thống iMT sẽ điều khiển tốc độ động cơ tối ưu để thay đổi vị trí số. Tuy nhiên, chức năng iMT sẽ ngừng hoạt động trước khi chuyển vị trí số nếu người lái không nhả bàn đạp ly hợp trong một thời gian nhất định và tốc độ động cơ sẽ không kiểm soát được. Để kích hoạt lại chức năng iMT, hãy đạp bàn đạp ly hợp và chuyển cần số.
- Tốc độ động cơ có thể sẽ tăng lên khi đạp bàn đạp ly hợp, tuy nhiên đó là hiện tượng bình thường.

n Khi chức năng iMT không hoạt động

Trong các trường hợp sau, chức năng iMT có thể sẽ không hoạt động. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

- Khi không chuyển cần số sau khi đạp ly hợp được một thời gian dài.
- Khi xe đã dịch chuyển được một đoạn sau khi chuyển cần số tới vị trí N và nhả bàn đạp ly hợp, sau đó ly hợp được nhấn và cần số được chuyển tới một vị trí số.
- Bàn đạp ly hợp không nhả hoàn toàn và sau đó nhấn lại lần nữa.
- Bàn đạp ly hợp không được nhấn hoàn toàn.

n Khi một thông điệp cảnh báo liên quan tới chức năng iMT xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Chức năng iMT có thể đã bị lỗi và bị vô hiệu hóa. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Giới hạn của chức năng iMT**

Chức năng iMT không phải là một hệ thống để chống thao tác chuyển số sai hoặc tránh động cơ bị rồ ga. Tùy thuộc vào tình huống, chức năng iMT có thể sẽ không hoạt động bình thường và vị trí số có thể sẽ không chuyển số êm. Quá lệ thuộc vào chức năng iMT có thể sẽ gây ra tai nạn.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe.**

- Chỉ chuyển số đến vị trí R khi xe đang dừng.
- Không tì hoặc nắm tay vào cần số khi không chuyển số.
- Tránh làm cho động cơ bị rồ máy, hãy chắc chắn chỉ chuyển số tuần tự.
- Không nhả bàn đạp ly hợp đột ngột, nếu không, có thể sẽ làm hỏng ly hợp hoặc hộp số.

Công tắc xi nhan

Hướng dẫn thao tác

① Rẽ phải

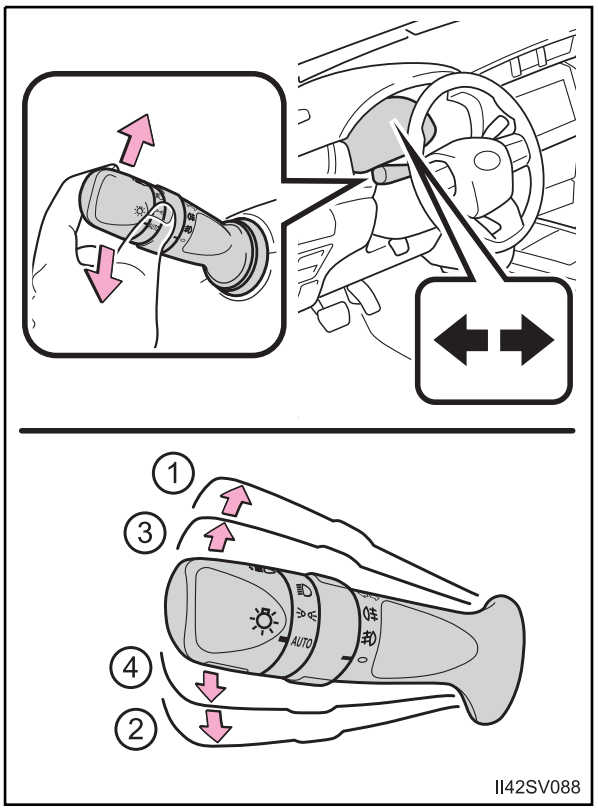
② Rẽ trái

③ Chuyển sang làn bên phải (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên phải sẽ nháy 3 lần.

④ Chuyển sang làn bên trái (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên trái sẽ nháy 3 lần.



n **Có thể điều khiển đèn xi nhan khi**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở vị trí "ON".

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON.

n **Nếu đèn chỉ báo nháy nhanh hơn bình thường**

Hãy kiểm tra các bóng đèn xi nhan trước hoặc sau xem có bóng đèn nào bị cháy không.

n **Nếu đèn xi nhan ngừng nháy trước khi tiến hành chuyển làn**

Hãy gạt cần điều khiển một lần nữa.

n **Để đèn xi nhan ngừng nháy trong khi chuyển làn**

Hãy gạt cần điều khiển theo hướng ngược lại.

n **Tùy chọn**

Có thể thay đổi số lần đèn xi nhan nháy trong khi chuyển làn.
(Tùy chọn cá nhân: →P. 668)

Phanh đỗ

① Gài phanh đỗ

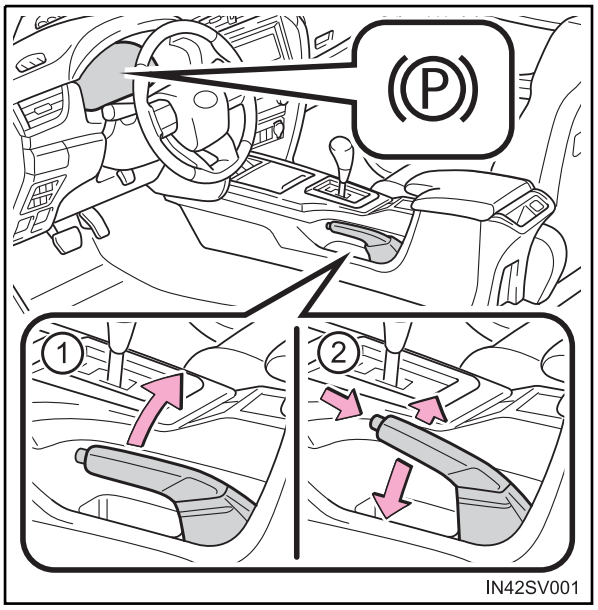
Kéo hết cỡ cần phanh đỗ trong khi đạp bàn đạp phanh.

Lúc này, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

② Nhả phanh đỗ

Kéo nhẹ cần phanh đỗ lên rồi hạ hẳn cần phanh đỗ xuống trong khi ấn nút nhả.

Lúc này, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ tắt đi.



n **Đỗ xe**

→P. 181

n **Chuông cảnh báo gài phanh đỗ**

→P. 596

n **Sử dụng xe trong mùa đông**

→P. 365

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi lái xe**

Hãy nhả hết cỡ phanh đỗ.

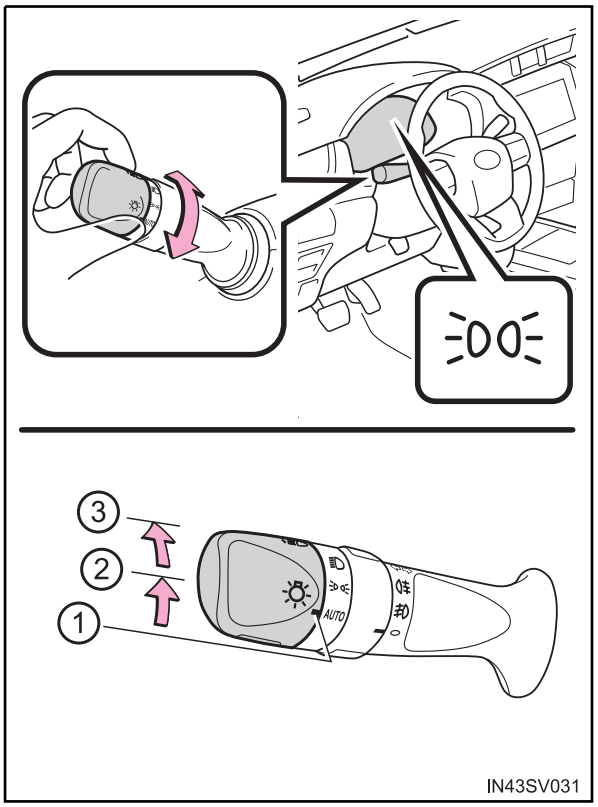
Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn phanh.

Công tắc đèn pha

Có thể điều khiển đèn pha bằng thao tác thủ công hay tự động.

Hướng dẫn thao tác

Sử dụng công tắc để bật các đèn như sau:

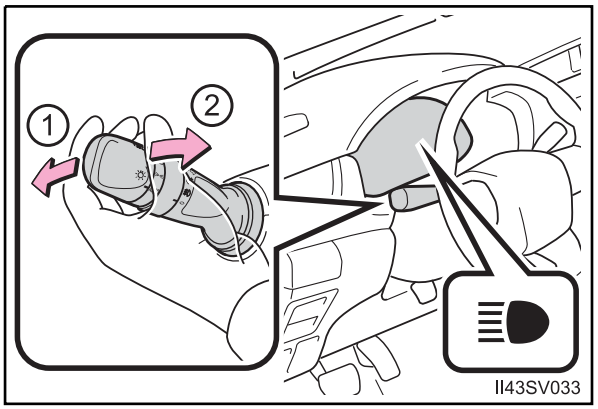


① **AUTO** Đèn pha, đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn hậu và đèn hông, đèn soi biển số, đèn bảng táp lô và đèn chiếu sáng ban ngày (nếu có) (→P. 230) tự động bật và tắt (khi chuyển công tắc động cơ đến vị trí "ON" [xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh] hoặc sang chế độ IGNITION ON [xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh]).

② Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn hậu và đèn hông xe, đèn soi biển số và đèn bảng táp lô bật sáng.

③ Đèn pha và tất cả các đèn kể trên sẽ sáng.

Bật đèn pha chiếu xa



① Với công tắc đèn pha đang được bật, hãy đẩy cần điều khiển ra xa phía bạn để bật chế độ đèn pha chiếu xa.

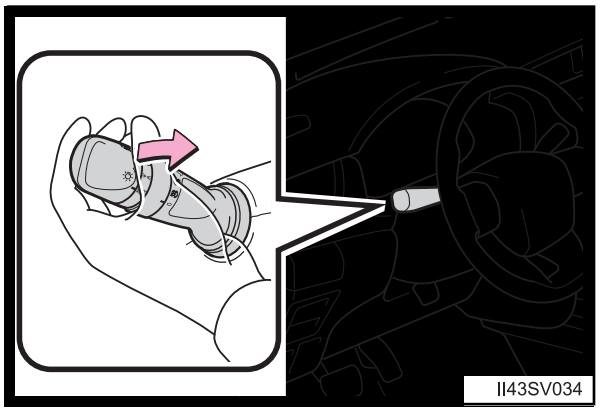
Kéo cần điều khiển về phía bạn tới vị trí trung gian để tắt chế độ đèn pha chiếu xa.

② Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để nháy đèn pha chiếu xa.

Bạn có thể nháy đèn pha chiếu xa khi đèn pha đang bật hoặc đã tắt.

Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha

Hệ thống này cho phép đèn pha và đèn vị trí phía trước bật sáng trong khoảng 30 giây khi chuyển công tắc động cơ đến vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).



Kéo cần điều khiển đèn về phía bạn và thả cần ra với công tắc đèn ở vị trí AUTO sau khi chuyển công tắc động cơ đến vị trí “LOCK” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để tắt các đèn.

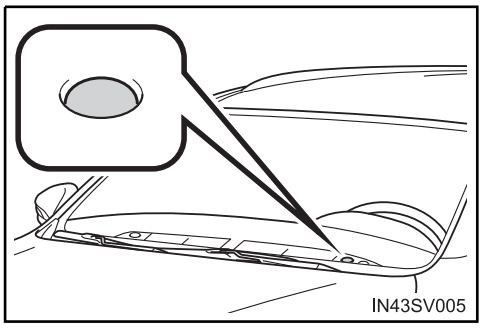
n Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày

Để giúp cho các tài xế khác dễ nhận ra xe bạn khi lái xe ban ngày, đèn chiếu sáng ban ngày tự động bật mỗi khi khởi động động cơ và nhả phanh đỗ với công tắc đèn pha ở AUTO. (Sẽ sáng hơn các đèn vị trí phía trước.) Đèn chiếu sáng ban ngày không được thiết kế để chiếu sáng vào ban đêm.

n Cảm biến điều khiển đèn pha

Cảm biến có thể sẽ không làm việc chính xác nếu có dị vật bám lên trên cảm biến hoặc trên kính chắn gió có gắn đồ vật làm che khuất cảm biến.

Tình trạng này sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng phát hiện mức độ ánh sáng bên ngoài của cảm biến và có thể làm cho hệ thống chiếu xa tự động bị trục trặc.



n Hệ thống tự động tắt đèn

Các đèn sẽ tắt đi sau khi chuyển công tắc động cơ tới vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và cửa người lái được mở ra.

Để bật lại các đèn, hãy chuyển công tắc động cơ đến vị trí “ON” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), hoặc bật công tắc đèn tới vị trí AUTO một lần, sau đó bật lại vị trí hoặc .

n Chuông nhắc tắt đèn (nếu có)

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuông sẽ kêu nếu chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK", chìa khóa được rút ra và cửa người lái được mở ra trong khi các đèn vẫn đang bật.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuông báo sẽ kêu khi tắt công tắc động cơ và cửa người lái được mở ra trong khi các đèn vẫn đang bật.

n Chức năng tiết kiệm điện

Để tránh làm hết điện của ắc quy, nếu đèn pha và/hoặc đèn hậu vẫn đang bật khi công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc khi tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), chức năng tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt và tất cả các đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

n Hệ thống cân bằng đèn pha tự động

Góc chiếu của đèn pha được tự động điều chỉnh theo số lượng hành khách và điều kiện tải của xe để đảm bảo rằng đèn pha của xe không làm ảnh hưởng đến những xe khác trên đường.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (chẳng hạn như độ nhạy của cảm biến ánh sáng).
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 668)

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

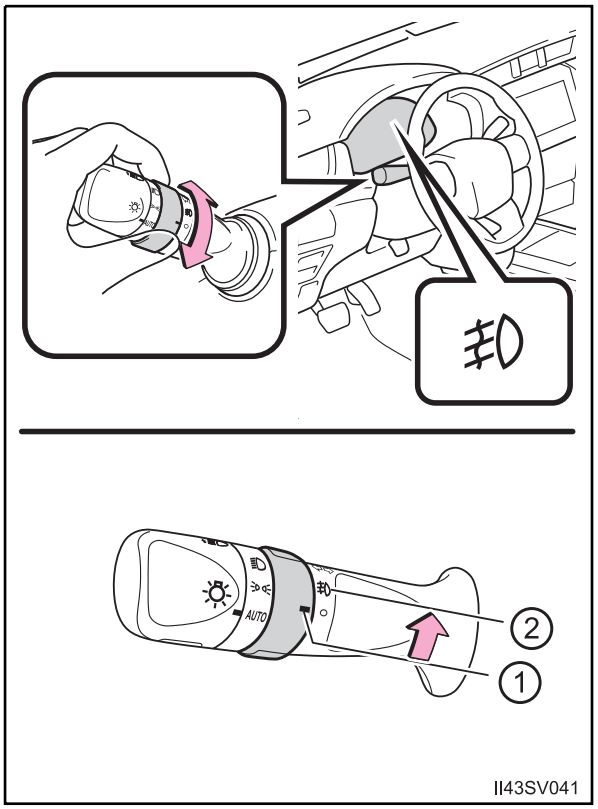
Công tắc đèn sương mù*

Đèn sương mù giúp tăng khả năng quan sát trong điều kiện lái xe cực kỳ khắc nghiệt, như khi mưa hoặc sương mù.

n Công tắc đèn sương mù phía trước (nếu có)

① O Tắt đèn sương mù phía trước

② Bật đèn sương mù phía trước



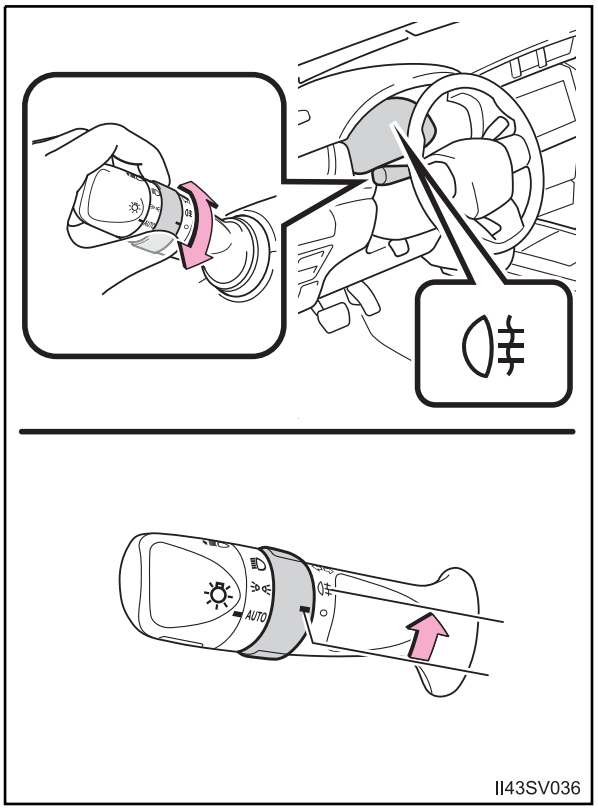
*: Nếu có

n Công tắc đèn sương mù phía sau (nếu có)

Bật đèn sương mù phía sau

Khi nhả ra, công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí ○.

Khi tiếp tục vặn công tắc điều chỉnh sẽ tắt đèn sương mù phía sau.



n Công tắc đèn sương mù phía trước và phía sau (nếu có)

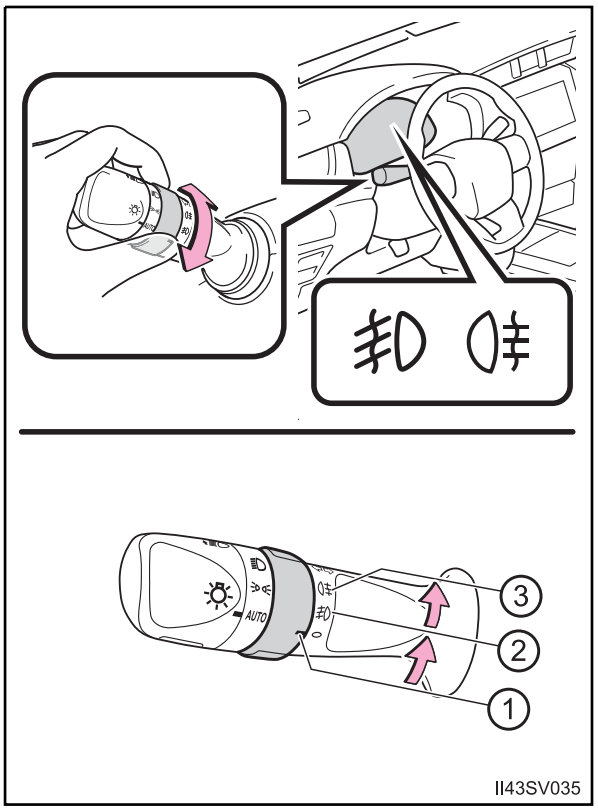
① ○ Tắt đèn sương mù phía trước và sau

② Bật đèn sương mù phía trước

③ Bật cả đèn sương mù phía trước và phía sau

Khi nhả ra, công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí .

Chỉ có đèn sương mù phía sau tắt đi khi bạn tiếp tục vặn công tắc điều chỉnh.



n **Có thể sử dụng đèn sương mù khi**

▶ Xe có đèn sương mù phía trước và phía sau

Đèn sương mù phía trước: Đã bật đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước.

Đèn sương mù phía sau: Đèn sương mù phía trước đang bật.

▶ Kiểu xe chỉ có đèn sương mù phía sau

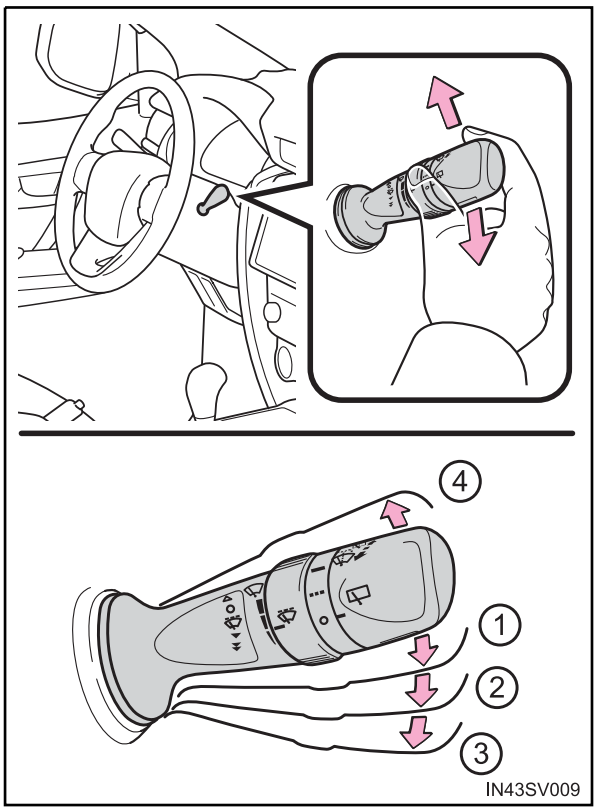
Các đèn pha đang bật.

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió

Sử dụng cần gạt nước

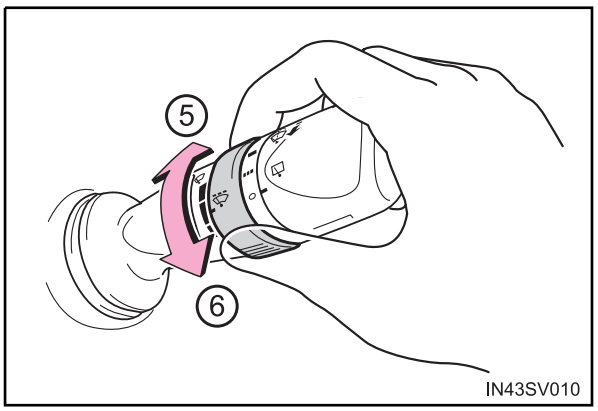
Sử dụng cần để điều khiển cần gạt nước mưa hoặc phun nước rửa kính như sau.

① Gạt gián đoạn
② Gạt chậm
③ Gạt nhanh
④ Gạt tạm



Khi lựa chọn chế độ gạt ngắt quãng, thời gian ngừng giữa các lần gạt có thể điều chỉnh được.

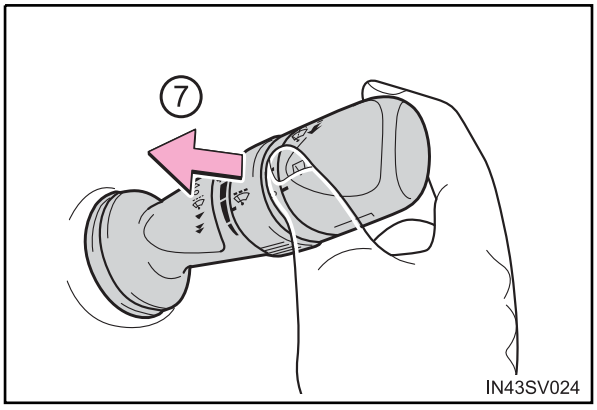
⑤ Giảm thời gian chờ giữa các lần gạt
⑥ Tăng thời gian chờ giữa các lần gạt



⑦ Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Cần gạt nước sẽ tự động gạt hai lần sau mỗi lần phun nước rửa kính.



n **Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió có thể làm việc khi**

Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

n **Nếu không có nước rửa kính chắn gió phun lên**

Hãy kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính chắn gió không.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý liên quan đến việc sử dụng nước rửa kính**

Khi trời lạnh, không phun nước rửa kính cho đến khi kính chắn gió đủ ấm. Nếu không, nước rửa kính có thể sẽ đóng băng trên kính chắn gió và gây cản trở tầm nhìn của bạn. Điều này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi kính chắn gió khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính chắn gió.

n **Khi bình chứa nước rửa kính bị cạn**

Không vận hành công tắc điều khiển phun nước liên tục, nếu không bơm nước rửa kính có thể sẽ bị quá nhiệt.

n **Khi vòi phun bị tắc**

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
Không cố thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không vòi phun có thể sẽ bị hỏng.

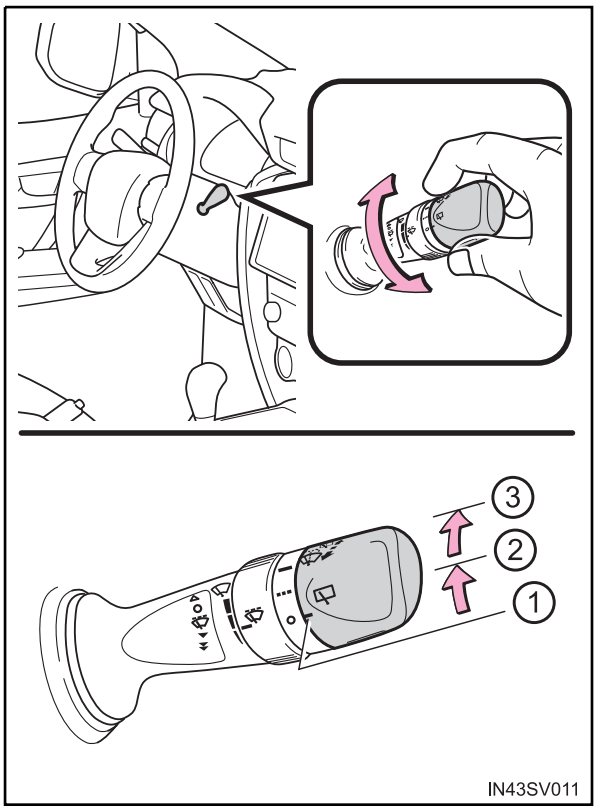
Cần gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu

Sử dụng cần để vận hành cần gạt nước phía sau như sau:

① o Tắt

② --- Gạt gián đoạn

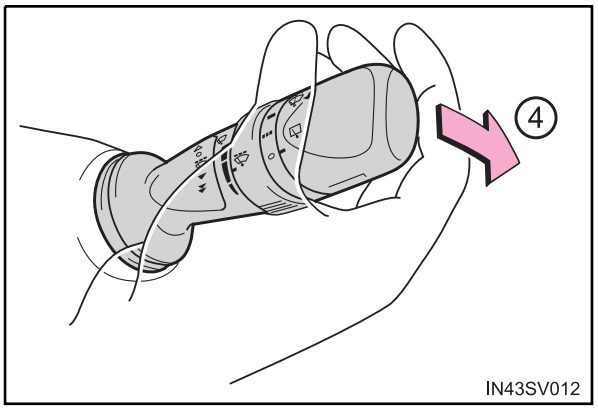
③ — Gạt thường



④ Phun nước/gạt nước hai lần

Đẩy cần để điều khiển cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Cần gạt nước sẽ tự động gạt hai lần sau khi phun nước rửa kính.



n **Có thể điều khiển gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu khi**

Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

n **Nếu không có nước rửa kính phun lên**

Kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính không.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý liên quan đến việc sử dụng nước rửa kính**

Khi trời lạnh, không phun nước rửa kính cho đến khi kính cửa hậu đã đủ ấm. Nếu không, nước rửa kính có thể sẽ đóng băng trên kính cửa hậu và gây cản trở tầm nhìn của bạn. Tình trạng này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi kính cửa hậu đang khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính cửa hậu.

n **Khi bình chứa nước rửa kính bị cạn**

Không vận hành công tắc điều khiển phun nước liên tục, nếu không bơm nước rửa kính có thể sẽ bị quá nhiệt.

n **Khi vòi phun bị tắc**

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
Không cố thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không vòi phun có thể sẽ bị hỏng.

Mở nắp bình nhiên liệu

Hãy thực hiện các bước sau để mở nắp bình nhiên liệu:

Trước khi nạp nhiên liệu cho xe

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

  Chuyển công tắc động cơ đến vị trí "LOCK" và xác nhận rằng tất cả các cửa và cửa sổ đã đóng chặt.
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

  Tắt công tắc động cơ và xác nhận rằng tất cả các cửa xe và cửa sổ đã được đóng chặt.
- Xác nhận loại nhiên liệu.

---

n **Loại nhiên liệu**

→P. 665

n **Miệng bình nhiên liệu để nạp xăng không pha chì (động cơ xăng)**

Để tránh nạp nhầm loại nhiên liệu, xe của bạn có lỗ nạp nhiên liệu chỉ thích hợp với vòi đặc biệt của trạm xăng không pha chì.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi nạp nhiên liệu cho xe**

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi nạp nhiên liệu. Nếu không có thể sẽ bị tử vong hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Sau khi ra khỏi xe và trước khi mở cửa nạp nhiên liệu, hãy chạm tay vào một bề mặt không phủ sơn để xả tĩnh điện. Hãy chú ý xả tĩnh điện trước khi nạp nhiên liệu vì tia lửa điện sinh ra do tĩnh điện có thể sẽ làm cho hơi nhiên liệu bị bốc cháy.
- Hãy cầm vào phần khía nhám trên nắp bình nhiên liệu và xoay chậm để tháo nắp.
  Bạn có thể nghe thấy một tiếng xịt khẽ khi nắp bình nhiên liệu được mở ra. Hãy đợi cho tới khi không nghe thấy tiếng xịt nữa trước khi mở hoàn toàn nắp bình nhiên liệu. Trong điều kiện thời tiết nóng, nhiên liệu bị nén dưới áp suất cao có thể tràn ra khỏi lỗ nạp nhiên liệu và gây ra chấn thương.
- Không để người nào chưa được xả tĩnh điện đến gần bình nhiên liệu đang mở.
- Không hít hơi nhiên liệu.
  Nhiên liệu có chứa rất nhiều chất có hại cho sức khỏe nếu hít phải.
- Không hút thuốc khi đang nạp nhiên liệu.
  Nếu không, nhiên liệu có thể sẽ bị bắt lửa và gây ra hỏa hoạn.
- Không quay trở lại xe hay chạm vào người hay vật bị nhiễm điện.
  Nếu không có thể sẽ làm tăng lượng tĩnh điện, kết quả làm tăng nguy cơ gây ra hỏa hoạn.

n **Khi nạp nhiên liệu**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây để tránh làm nhiên liệu tràn ra khỏi bình:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm nhiên liệu vào trong lỗ nạp nhiên liệu.
- Hãy ngừng nạp sau khi vòi bơm tự động ngắt.
- Không bơm nhiên liệu đầy tới miệng bình.

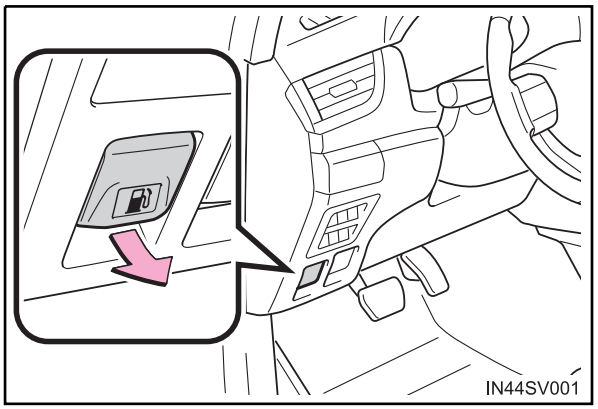
⚠ CHÚ Ý

n **Nạp nhiên liệu**

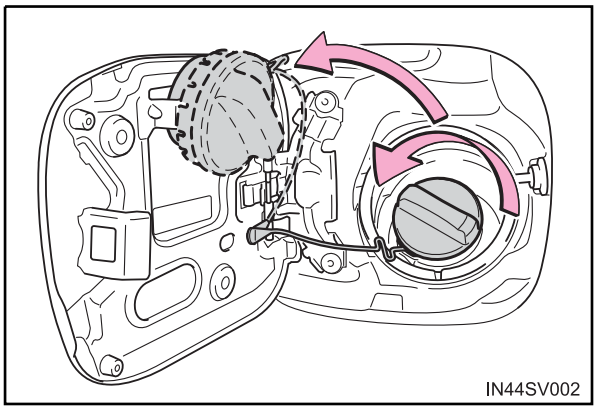
- Trong khi nạp, tránh để tràn nhiên liệu ra xe.
  Nếu không có thể sẽ gây ra hư hỏng cho xe, như làm cho hệ thống xả hoạt động bất thường hoặc làm hỏng các chi tiết của hệ thống nhiên liệu hoặc bề mặt sơn xe.
- Xe có hệ thống DPF: Hãy sử dụng loại nhiên liệu phù hợp. Nếu sử dụng nhiên liệu không phù hợp, khói trắng có thể sẽ xuất hiện liên tục ở đường ống xả trong khi tái tạo bộ lọc. (→P. 360)

Mở nắp bình nhiên liệu

1 Kéo lẫy để mở cửa nạp nhiên liệu.

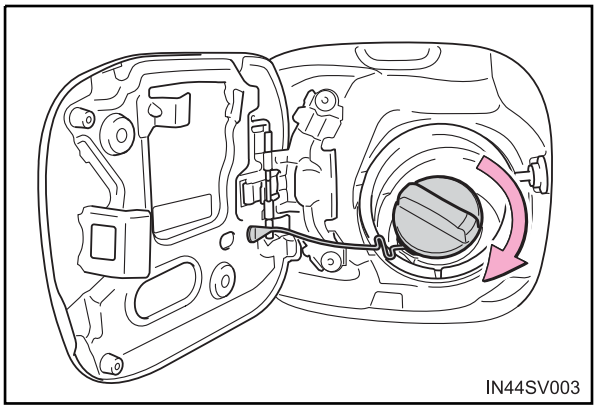


2 Vặn từ từ nắp bình nhiên liệu để mở và treo nắp bình lên mặt trong của cửa nạp nhiên liệu.



Đóng nắp bình nhiên liệu

Sau khi nạp nhiên liệu, hãy vặn nắp bình nhiên liệu cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách. Khi thả tay ra, nắp bình nhiên liệu sẽ xoay theo hướng ngược lại một chút.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi thay nắp bình nhiên liệu**

Chỉ sử dụng nắp bình nhiên liệu chính hiệu Toyota được thiết kế cho xe của bạn. Nếu không có thể gây ra hỏa hoạn hoặc những sự cố khác có thể dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota bao gồm các hệ thống hỗ trợ lái xe sau để nâng cao mức độ an toàn và những trải nghiệm lái xe tiện nghi:

Hệ thống hỗ trợ lái xe

u PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)

→P. 249

u Chức năng LDA (Cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)

→P. 260

u RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*

→P. 271

u Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa

→P. 277

⚠ CẢNH BÁO

n **Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota**

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota được thiết kế để sử dụng với giả định rằng người lái sẽ lái xe an toàn, và được thiết kế để giảm ảnh hưởng tới hành khách và xe trong trường hợp va chạm và hỗ trợ người lái trong các điều kiện lái xe thông thường.

Do hệ thống có một số hạn chế về mức độ phát hiện chính xác và tính năng hoạt động, không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

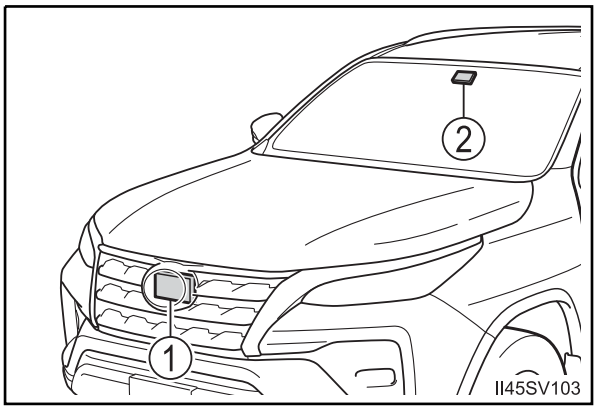
*: Nếu có

Các cảm biến

Có hai loại cảm biến, được đặt phía sau lưới tản nhiệt phía trước và kính chắn gió, được dùng để thu thập các thông tin cần thiết cho hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe.

① Cảm biến ra đa

② Camera phía trước



⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh làm cho cảm biến ra-đa bị lỗi**

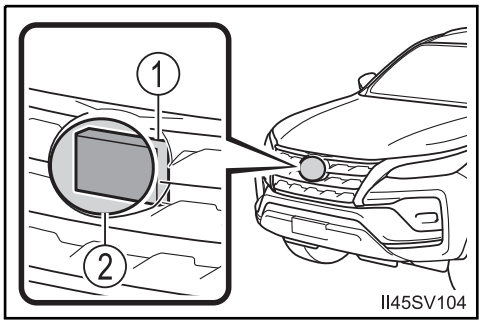
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không, cảm biến ra đa có thể sẽ không hoạt động chính xác, có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy giữ cảm biến ra đa và nắp che cảm biến rađa luôn sạch sẽ.

① Cảm biến ra đa

② Nắp che cảm biến rađa



Nếu phía trước của cảm biến ra đa và phía trước hoặc phía sau của nắp che cảm biến rađa bị bẩn hoặc bị nước chảy vào, bị tuyết phủ... hãy lau sạch chúng.

Hãy vệ sinh cảm biến ra đa và nắp nắp cảm biến ra đa bằng giẻ mềm để không gây ra các vết xước chúng.

- Không gắn các phụ kiện, miếng dán (kể cả miếng dán trong suốt) hoặc các vật khác lên cảm biến ra đa, nắp cảm biến rađa hoặc các vị trí xung quanh.
- Không để cảm biến ra đa hoặc các khu vực xung quanh bị va chạm mạnh

  Nếu cảm biến ra đa, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản trước chịu lực va chạm mạnh, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Không tháo rời cảm biến ra đa.
- Không sửa đổi hoặc sơn lên cảm biến ra đa, nắp che cảm biến ra đa.
- Trong các trường hợp sau, cần phải hiệu chỉnh cảm biến ra đa. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
  - Khi cảm biến ra đa hoặc lưới tản nhiệt phía trước được tháo ra và lắp lại hoặc được thay thế
  - Khi cản xe phía trước được thay thế

⚠ CẢNH BÁO

n **Tránh làm hỏng camera phía trước**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu camera hoạt động không chính xác, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

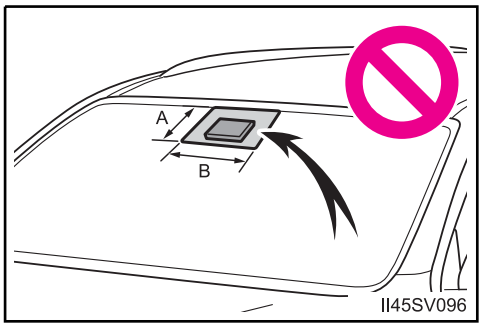
l Hãy giữ cho kính chắn gió luôn luôn sạch sẽ.

- Nếu kính chắn gió bị bẩn hoặc bị phủ một lớp dầu mỏng, bị đọng nước mưa, bị tuyết bao phủ... hãy vệ sinh kính chắn gió.
- Nếu phủ chất phủ kính lên kính chắn gió, cần sử dụng các cần gạt nước kính chắn gió để loại bỏ những giọt nước đọng, v.v... khỏi khu vực kính chắn gió ở phía trước của camera trước.
- Nếu mặt trong của kính chắn gió tại vị trí lắp camera trước bị bẩn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

l Không gắn các vật, như đề can, băng dính trong suốt lên phía ngoài của kính chắn gió ở phía trước của camera trước (phần in đậm trong hình vẽ)

A: Khoảng cách từ đỉnh của kính chắn gió đến mép dưới của cảm biến camera phía trước khoảng 1 cm.

B: Xấp xỉ 20 cm (cách mép trái và phải 10 cm tính từ tâm của camera phía trước)



l Nếu phần kính chắn gió phía trước của camera phía trước bị mờ hoặc che phủ bởi hơi nước hoặc băng giá, hãy sử dụng bộ sấy kính chắn gió để loại bỏ hơi nước hoặc băng giá. (→P. 432, 440)

l Nếu gạt nước không thể gạt được nước đọng trên kính chắn gió ở vị trí phía trước camera, hãy thay thanh tăng cứng và cao su gạt nước hoặc lưỡi gạt nước.

l Không được gắn bất cứ vật gì kính chắn gió.

⚠ CẢNH BÁO

- Hãy thay kính chắn gió nếu nó đã bị hỏng hoặc bị nứt.
  Sau khi thay kính chắn gió, trước hết hãy hiệu chỉnh camera phía trước. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Không được để dung dịch bắn lên camera phía trước.
- Không được để đèn chói chiếu vào camera phía trước.
- Không để camera phía trước bị bẩn hoặc bị hỏng.
  Khi lau phần bên trong của kính chắn gió, không để chất tẩy rửa tiếp xúc với ống kính của camera phía trước. Ngoài ra, không được chạm vào ống kính.
  Nếu ống kính bị bẩn hoặc bị hỏng, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.
- Không để camera phía trước bị va chạm mạnh.
- Không được thay đổi vị trí lắp hoặc hướng lắp của camera phía trước hoặc tháo nó ra.
- Không được tháo rời camera phía trước.
- Không sửa đổi bất kỳ chi tiết nào của xe xung quanh camera phía trước (gương chiếu hậu bên trong xe...) hoặc trần xe.
- Không gắn các vật có thể che khuất camera phía trước lên nắp capô, lưới tản phía nhiệt trước hoặc cản trước. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Nếu bạn đặt ván trượt hoặc các vật dài khác trên nóc xe, hãy đảm bảo rằng vật đó sẽ không che khuất camera phía trước.
- Không sửa đổi đèn pha hoặc các đèn khác của xe.

n Nếu thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Một hệ thống tạm thời không khả dụng hoặc có thể đã có lỗi trong hệ thống.

l Trong các trường hợp sau, hãy thực hiện các hoạt động chỉ ra trong bảng. Khi hệ thống trở về bình thường, thông điệp cảnh báo sẽ biến mất và hệ thống sẽ hoạt động.

Nếu cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

Tình huống	Hành động
Khi khu vực xung quanh camera bị che phủ bởi bụi bẩn, hơi nước hoặc băng giá,..., hoặc các vật thể lạ khác	Sử dụng cần gạt nước và chức năng A/C, vệ sinh bụi bẩn hoặc các tạp chất dính vào. (→P. 432, 440)
Khi nhiệt độ xung quanh camera phía trước nằm ngoài phạm vi hoạt động, như xe ở dưới trời nắng, hoặc khi nhiệt độ môi trường cực lạnh	Nếu camera phía trước nóng, như khi đỗ xe dưới trời nắng, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để giảm nhiệt độ xung quanh camera phía trước. Nếu sử dụng tấm chắn nắng khi xe được đỗ lại, tùy vào loại chắn nắng, ánh nắng mặt trời phản xạ từ bề mặt của tấm chắn nắng có thể làm cho nhiệt độ của camera phía trước trở nên rất cao.
	Nếu camera phía trước bị lạnh, như trường hợp xe được đỗ ở nơi cực lạnh, hãy sử dụng điều hòa không khí để tăng nhiệt độ xung quanh camera phía trước.
Khu vực phía trước của camera phía trước bị che khuất, như khi nắp capô đang để mở hoặc gắn miếng dán lên kính chắn gió ở phía trước của camera trước.	Hãy đóng nắp capô, bóc miếng dán,... để không bị che khuất.
Nếu thông điệp “Pre-Collision System Unavailable” được hiển thị.	Kiểm tra xem có vật thể lạ dính vào cảm biến ra đa và nắp che cảm biến không, nếu có hãy làm sạch chúng.

l Trong các trường hợp sau, nếu điều kiện hoạt động đã thay đổi (hoặc xe đã chạy được một lúc) và hệ thống đã xác định được điều kiện hoạt động bình thường, thì cảnh báo sẽ biến mất và hệ thống sẽ trở lại hoạt động bình thường.

Nếu cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

- Khi nhiệt độ xung quanh cảm biến ra-đa nằm ngoài phạm vi hoạt động, như xe ở dưới trời nắng hoặc khi ở môi trường cực lạnh
- Khi camera phía trước không thể phát hiện được các vật ở phía trước xe, như khi lái xe trong trời tối, có tuyết hoặc sương mù, hoặc ánh sáng quá chói chiếu vào camera phía trước
- Tùy vào các điều kiện ở xung quanh xe, ra đa có thể đánh giá rằng không thể nhận biết được chính xác môi trường xung quanh. Trong trường hợp đó, sẽ hiển thị thông báo “Hệ thống PCS không khả dụng”.

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm sử dụng cảm biến ra-đa và camera phía trước để phát hiện các vật thể (→P. 249) ở phía trước xe bạn. Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước với vật thể là cao, một cảnh báo sẽ hoạt động để báo cho người lái xe đưa ra thao tác kịp thời và áp suất phanh được tăng lên để giúp người lái tránh được va chạm. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước với vật thể là rất cao, các phanh sẽ tự động được nhấn để giúp tránh va chạm hoặc giảm lực tác động va chạm.

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm và có thể thay đổi thời điểm cảnh báo. (→P. 253)

Vật có thể phát hiện

Vùng	Vật có thể phát hiện	Khu vực/thị trường
A	Các xe	Indonesia, Campuchia, Philippines, Việt Nam, Myanmar, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

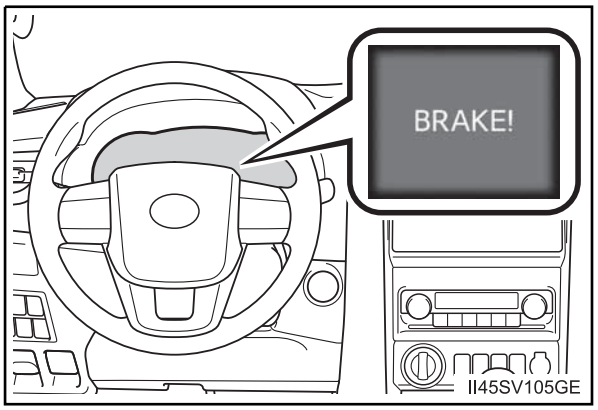
Các nước và khu vực cho mỗi khu vực được liệt kê trong bảng được tính đến tháng 8 năm 2024. Tuy nhiên, tùy vào thời điểm xe được bán, các quốc gia và khu vực của mỗi khu vực có thể khác nhau. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm chi tiết.

*: Nếu có

Các chức năng của hệ thống

n Cảnh báo tiền va chạm

Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước là cao, thì chuông báo sẽ kêu và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái có thao tác xử lý phù hợp.



n Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước là cao, thì hệ thống sẽ tạo ra lực phanh lớn hơn tỷ lệ với lực đạp phanh của người lái.

n Phanh tiền va chạm

Khi hệ thống xác định khả năng va chạm từ phía trước là rất cao, phanh sẽ tự động được gài để tránh va chạm hoặc giảm tác động của va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Hạn chế của hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

l Người lái chịu trách nhiệm lái xe an toàn. Luôn lái xe an toàn, hãy chú ý quan sát xung quanh.
Không được sử dụng hệ thống cảnh báo tiền va chạm mà sao nhãng hoạt động phanh dưới bất kỳ tình huống nào. Hệ thống này sẽ không tránh được va chạm hoặc giảm hư hỏng hoặc chấn thương trong mọi tình huống. Không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Mặc dù hệ thống này được thiết kế để tránh và giảm thiểu mức độ va chạm, hiệu quả sử dụng có thể khác nhau tùy vào các điều kiện khác nhau, do đó hệ thống có thể không đạt được mức hiệu quả giống nhau.
Hãy đọc kỹ các điều kiện sau. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống và luôn lái xe một cách cẩn thận.

- Những tình huống có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm: →P. 255
- Những điều kiện có thể làm hệ thống làm việc không chính xác: →P. 257

l Không tự ý kiểm tra hoạt động của hệ thống cảnh báo tiền va chạm. Tùy vào vật được dùng để thử (người nộm, thùng cát tông,…), hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác và dẫn đến tai nạn.

n **Phanh tiền va chạm**

l Khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, một lực phanh lớn sẽ được áp dụng.

l Nếu xe bị dừng bằng hoạt động của chức năng phanh tiền va chạm, thì hoạt động này sẽ bị hủy sau thời gian xấp xỉ 2 giây. Hãy đạp chắc bàn phanh khi cần.

l Chức năng phanh tiền va chạm có thể không hoạt động được nếu người lái thực hiện các hoạt động nhất định. Nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể ngăn chức năng phanh tiền va chạm khỏi hoạt động.

l Trong một vài tình huống, nếu chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, hoạt động của chức năng có thể bị hủy nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng và hệ thống xác định người lái đang có thao tác kịp thời.

l Nếu bàn đạp phanh đang được nhấn, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể làm trễ thời điểm hoạt động của chức năng phanh tiền va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

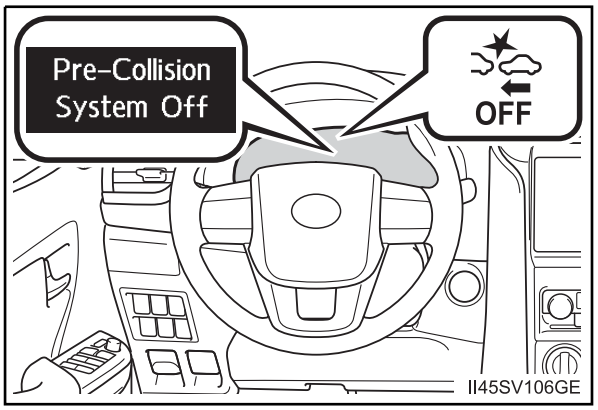
Trong những tình huống sau, hãy vô hiệu hóa hệ thống, vì nó có thể hoạt động không chính xác, các hiện tượng sau có thể xảy ra và gây nên tai nạn dẫn đến bị thương nặng hay tử vong:

- Khi xe đang được kéo
- Khi xe đang kéo một xe khác
- Khi vận chuyển xe trên xe tải, thuyền, tàu hỏa hoặc các phương tiện vận tải khác
- Khi xe được nâng trên cầu nâng với động cơ đang nổ máy và các bánh xe có thể quay tự do
- Khi kiểm tra xe bằng bệ thử phanh như bệ thử động lực học gầm xe hoặc máy đo tốc độ, hoặc khi sử dụng thiết bị kiểm tra cân bằng bánh xe gắn trên xe
- Khi cản trước hoặc lưới tản nhiệt phía trước bị va chạm mạnh do tai nạn hoặc một lý do nào khác
- Khi xe không thể chạy một cách ổn định được, như khi xe bị tai nạn hoặc bị trục trặc
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp
- Khi áp suất lốp không phù hợp
- Khi lốp xe bị mòn
- Khi lắp các lốp xe có kích thước khác với tiêu chuẩn
- Khi lắp thêm xích quấn lốp
- Khi sử dụng lốp dự phòng loại gọn hoặc sử dụng bộ vá lốp khẩn cấp
- Nếu thiết bị (cào tuyết, v.v…) có thể gây cản trở cho cảm biến ra-đa hoặc camera phía trước được lắp tạm vào xe

Thay đổi cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

n Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm trên  (→P. 115) của màn hình đa thông tin.

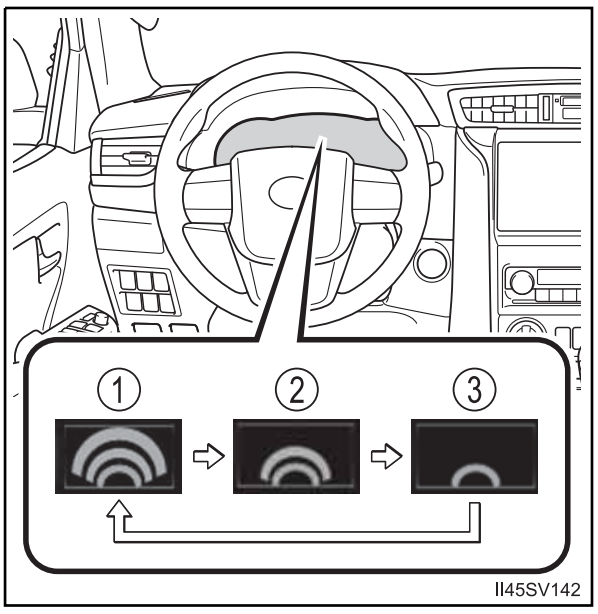


Khi hệ thống sẽ tự động được kích hoạt mỗi lần công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Nếu hệ thống đã được tắt, đèn cảnh báo hệ thống PCS sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm

Thời điểm cảnh báo va chạm có thể thay đổi được trên  (→P. 115) của màn hình đa thông tin.



Sẽ thực hiện được cài đặt thời điểm cảnh báo khi công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). Tuy nhiên, nếu hệ thống cảnh báo va chạm được tắt hoặc bật lên, thời điểm hoạt động sẽ trở về chế độ cài đặt mặc định (trung gian).

① Sớm

② Trung bình

Đây là cài đặt mặc định.

③ Muộn

n Các điều kiện hoạt động

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang bật và hệ thống xác định rằng nguy cơ xảy ra va chạm phía trước với vật thể được phát hiện là cao.

Mỗi chức năng hoạt động ở từng tốc độ sau

l Cảnh báo tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h

Trong khi chức năng cảnh báo tiền va chạm đang hoạt động, nếu đánh lái mạnh hoặc đột ngột, thì cảnh báo tiền va chạm có thể bị hủy.

l Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 30 đến 180 km/h	Xấp xỉ 30 đến 180 km/h

l Phanh tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h

Hệ thống có thể sẽ không hoạt động trong những tình huống sau:

l Khi ngắt kết nối điện cực của ắc quy sau đó nối lại và xe không được lái trong một khoảng thời gian nhất định

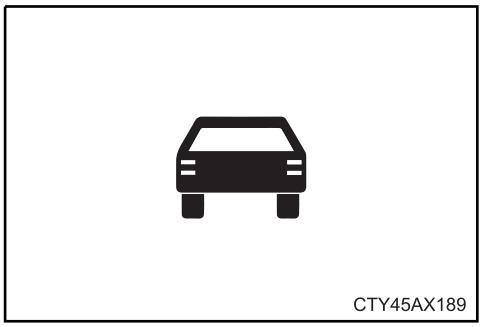
l Khi cần số đang ở vị trí R

n Chức năng phát hiện vật thể

Hệ thống sẽ phát hiện các vật thể dựa vào kích cỡ, hình dạng và chuyển động. Tuy nhiên, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được vật thể do cường độ sáng của khu vực xung quanh và chuyển động, tư thế và góc nghiêng của vật được phát hiện, làm cho hệ thống hoạt động không chính xác. (→P. 257)

Hình vẽ chỉ ra hình ảnh của các vật có thể phát hiện được.

▶ Vùng A



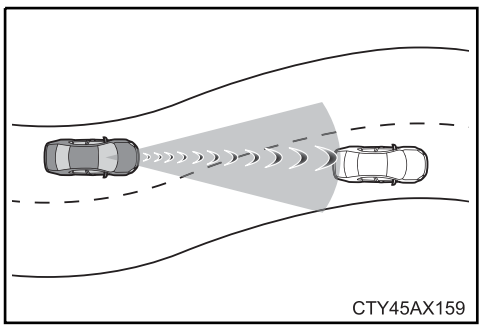
n Hủy phanh tiền va chạm

Nếu một trong những điều sau đây xảy ra khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, nó sẽ bị hủy:

- Khi đạp mạnh bàn đạp ga.
- Khi đánh lái gấp và đột ngột.

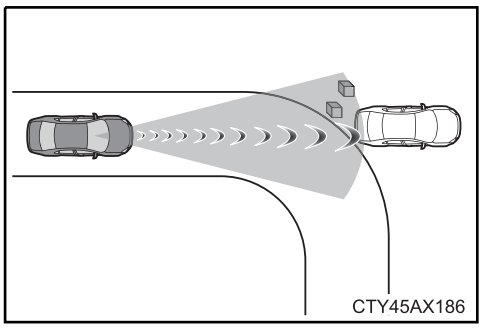
n Những tình huống có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

- Trong một số trường hợp sau, hệ thống có thể sẽ xác định rằng có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước xe và kích hoạt.
  - Khi vượt qua một vật thể,…
  - Khi chuyển làn trong khi đang vượt qua một vật thể được phát hiện, vv…
  - Khi đến gần một vật thể ở làn bên cạnh hoặc trên lề đường, như khi thay đổi hướng đi hoặc lái xe trên đường quanh co

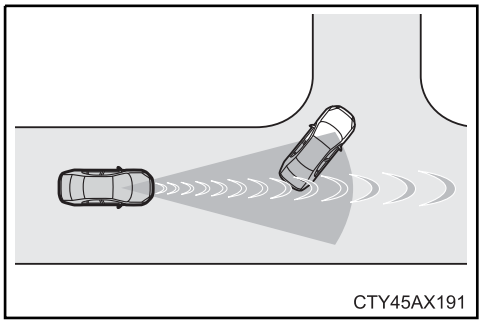


  - Khi tiến gần một vật thể quá nhanh…
  - Khi tiến lại gần các vật thể ở bên đường, như dải phân cách, các cột chỉ báo, cây hoặc bức tường

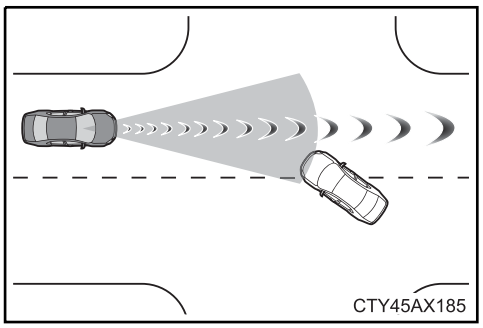
- Khi có vật thể nằm trên lề đường, ngay chỗ khúc cua



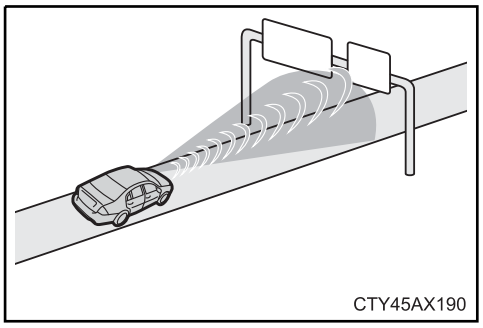
- Khi có hình vẽ hoặc vệt sơn ở phía trước xe bạn có thể khiến hệ thống phán đoán nhầm là vật thể có thể phát hiện.
- Khi xe phía trước bắn nước, tuyết, bùn… lên xe của bạn
- Khi vượt qua vật được phát hiện mà vật thể đó đang chuyển làn hoặc rẽ phải/rẽ trái



- Khi vượt qua một vật thể được phát hiện ở làn đường sắp tới đang dừng để chuẩn bị rẽ phải/trái

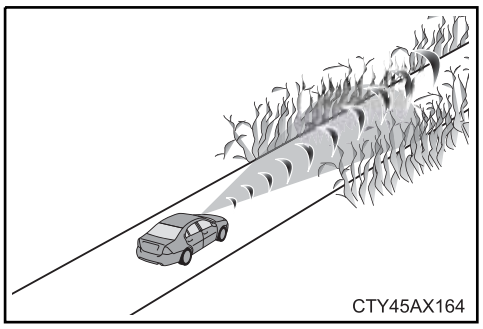


- Khi một vật thể được phát hiện đang tiến rất gần và dừng trước khi vào phần đường của xe bạn
- Khi phía trước của xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống, như khi lái xe trên đường có bề mặt nhấp nhô hoặc không bằng phẳng
- Khi lái xe trên đường bị che chắn, như khi đi qua hầm hoặc cầu sắt
- Khi có vật bằng kim loại (như nắp cống, tấm thép…), các bậc, hoặc các vật thể nhô lên ở phía trước xe bạn
- Khi lái xe phía dưới một vật thể (biển báo, biển quảng cáo…)



- Khi liên tục lại gần thanh chắn trạm thu phí điều khiển điện, thanh chắn khu vực đỗ xe, hoặc các thanh chắn khác có thể mở ra và đóng lại

- Khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động
- Khi lái xe qua hoặc phía dưới các vật có thể chạm vào xe, như đám cỏ dày, các cành cây hoặc các băng rôn

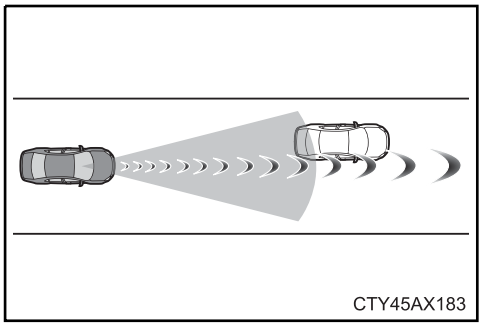


- Khi lái xe xuyên qua đám hơi nước hoặc khói
- Khi lái xe gần các vật có thể phản xạ sóng rađiô, như xe tải lớn hoặc hàng rào chắn
- Khi lái xe gần trạm phát sóng vô tuyến, trạm phát sóng ra điô, trạm điện hoặc các vị trí khác có phát ra sóng rađiô mạnh hoặc nhiễu điện

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

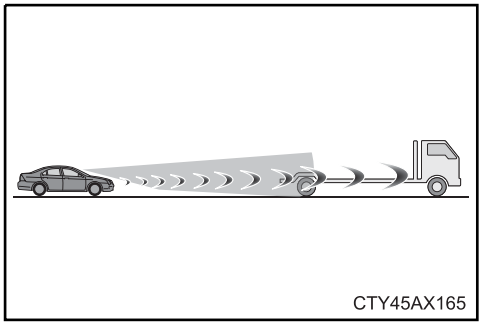
l Trong một vài trường hợp sau, cảm biến ra-đa và camera phía trước có thể không phát hiện được vật thể, làm cho hệ thống hoạt động không chính xác:

- Khi vật thể được phát hiện đang tiến gần đến xe bạn
- Khi xe bạn hoặc vật thể được phát hiện đang lắc
- Khi vật thể chuyển động đột ngột (như vào cua gấp, tăng hoặc giảm tốc)
- Khi xe bạn tiến nhanh đến vật thể có thể phát hiện
- Khi vật thể không thẳng hướng với xe bạn

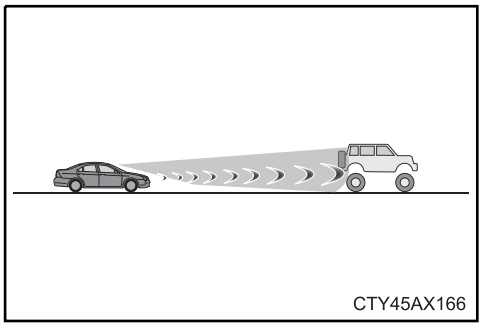


- Khi vật thể ở gần bức tường, hàng rào, dải phân cách, nắp cống, xe, tấm thép trên đường,…
- Khi vật thể ở phía dưới công trường xây dựng
- Khi một phần của vật thể bị che khuất một phần bởi vật thể như hành lý cỡ lớn, ô hoặc dải phân cách
- Khi có nhiều vật thể ở gần nhau
- Khi mặt trời hoặc các nguồn sáng khác chiếu trực tiếp lên vật thể
- Khi vật thể có hình màu trắng và nhìn trắng sáng
- Khi vật thể có màu gần giống hoặc độ sáng giống với môi trường xung quanh
- Khi vật thể đi ngang qua hoặc bất ngờ xuất hiện ở phía trước của xe bạn
- Khi xe phía trước bắn nước, tuyết, bùn… lên xe của bạn

- Khi có ánh sáng mạnh phía trước, như mặt trời hoặc ánh sáng đèn pha của xe khác chiếu trực tiếp vào camera phía trước
- Khi đến gần phía hông xe hoặc phía trước của xe phía trước
- Khi xe phía trước là xe đạp hoặc xe máy
- Nếu đầu xe là hẹp, như là xe di động cá nhân
- Khi xe phía trước có đuôi nhỏ, như xe tải không chất hàng
- Khi xe phía trước có đuôi thấp, như xe kéo sàn phẳng loại thấp

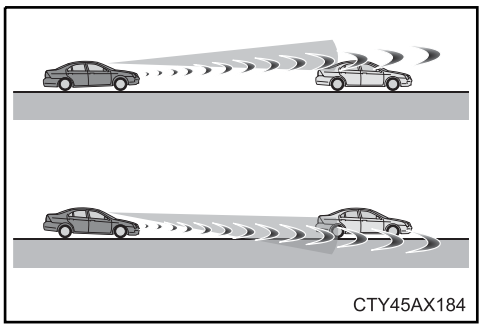

CTY45AX165

- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe quá lớn


CTY45AX166

- Khi xe phía trước chở theo hàng nhô ra khỏi cản sau của xe
- Khi xe phía trước có hình dạng bất thường, như xe kéo hoặc xe ba bánh
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như mưa lớn, sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Khi lái xe xuyên qua đám hơi nước hoặc khói
- Khi khu vực xung quanh tối, như khi hoàng hôn hoặc bình minh, hay vào ban đêm hoặc trong đường hầm, làm cho xe, vật thể có thể phát hiện xuất hiện gần giống với màu xung quanh
- Khi lái xe ở những khu vực có độ sáng môi trường thay đổi nhanh, như khi vào hoặc ra khỏi đường hầm
- Sau khi khởi động động cơ, xe không được lái sau một khoảng thời gian nhất định
- Trong khi rẽ trái/phải và trong vài giây sau khi rẽ trái/phải
- Khi lái xe trên một khúc cua hoặc trong vài giây sau khi lái xe trên khúc cua
- Khi xe đang bị trượt

- Khi phần phía trước của xe được nâng lên hoặc hạ xuống



- Khi bánh xe bị lệch
- Khi lưỡi gạt nước che khuất camera phía trước
- Khi lái xe ở tốc độ rất cao
- Khi lái xe trên đồi dốc
- Khi cảm biến ra-đa hoặc camera phía trước bị lệch

Trong một số tình huống sau, lực phanh có thể sẽ không đủ dẫn đến hệ thống hoạt động không chính xác:

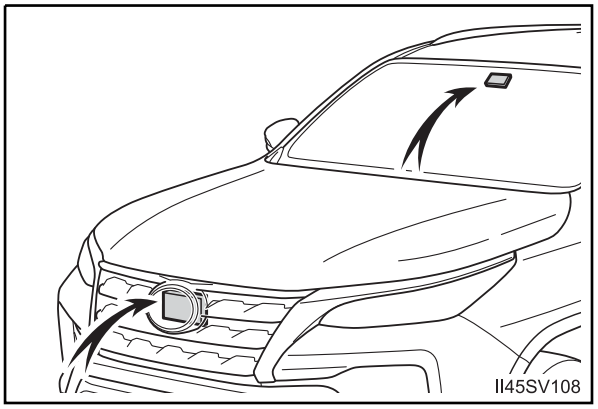
- Khi chức năng phanh không thể hoạt động hiệu quả, như khi hệ thống phanh bị quá lạnh, quá nóng hoặc bị ướt
- Khi xe không được bảo dưỡng đúng cách (các phanh hoặc lốp xe đã bị mòn quá mức, áp suất lốp không phù hợp…)
- Khi lái xe trên đường rải đá răm hoặc trên các bề mặt trơn trượt khác

LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)*

Khái quát chức năng

Khi lái xe trên đường có vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng), chức năng này sẽ cảnh báo cho người lái, khi xe có thể bị lệch ra khỏi làn hoặc hành trình* và hỗ trợ cho người lái bằng cách tác dụng lực phanh để giữ xe ở trong làn đường hoặc hành trình*.

Hệ thống LDA sẽ nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng) hoặc hành trình* bằng camera phía trước. Hơn nữa, nó phát hiện các xe phía trước bằng camera và ra đa phía trước.



*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,...

⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LDA**

- Không được quá phụ thuộc vào hệ thống LDA. LDA không phải là hệ thống tự động lái xe hoặc hệ thống giúp giảm mức độ tập trung vào khu vực phía trước xe của người lái. Người lái phải có trách nhiệm lái xe an toàn bằng cách luôn chú ý đến các điều kiện xung quanh và điều khiển vô lăng để điều chỉnh đúng đường đi. Ngoài ra, hãy nghỉ ngơi khi mệt mỏi, như khi lái xe trong một thời gian dài.
- Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Khi không sử dụng hệ thống LDA, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LDA.

*: Nếu có

⚠ CẢNH BÁO

n **Những điều kiện không thích hợp để sử dụng hệ thống LDA**

Trong các trường hợp sau, khi không sử dụng hệ thống, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LDA. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn, và dẫn đến bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi lái xe trên đường trơn trượt do trời mưa, tuyết rơi, đóng băng…
- Khi lái xe trên đường phủ tuyết.
- Khi khó nhận biết các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do trời mưa, tuyết, sương mù, cát, bụi…
- Khi lắp lốp dự phòng, xích quấn lốp…
- Khi lốp bị mòn quá nhiều hoặc khi áp suất lốp thấp.
- Khi xe đang kéo theo moóc (xe có móc kéo) hoặc trong khi kéo xe khẩn cấp.

n **Để tránh làm cho hệ thống LDA bị lỗi hoặc kích hoạt nhầm hệ thống**

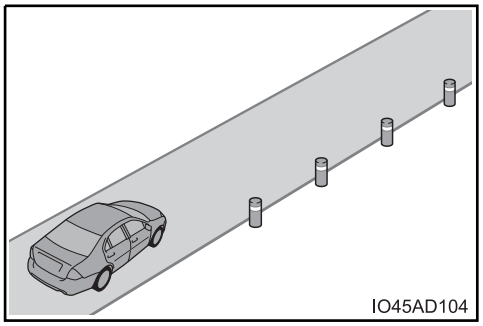
- Không chỉnh sửa đèn pha hoặc gắn các miếng dán… lên bề mặt của đèn.
- Không chỉnh sửa hệ thống treo… Nếu cần thay thế hệ thống treo, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Không được lắp hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp capô và lưới tản nhiệt . Đồng thời không được lắp thanh bảo vệ lưới tản nhiệt (thanh cản bò, thanh cản chuột túi...)
- Nếu cần sửa kính chắn gió, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

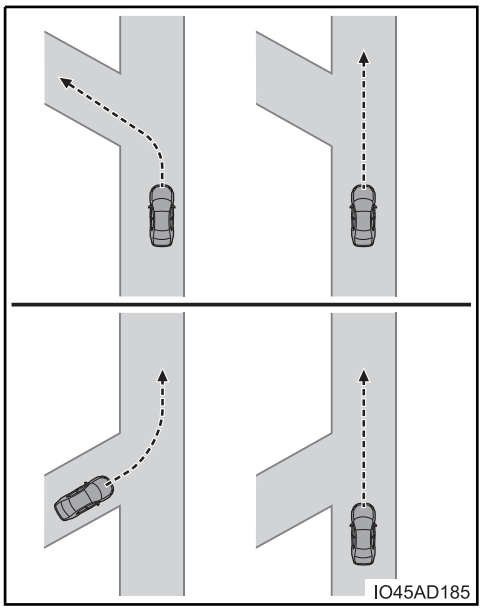
n Những điều kiện có thể làm cho hệ thống hoạt động không chính xác

Trong các tình huống sau, các chức năng không thể hoạt động chính xác và xe có thể lệch khỏi làn đường. Hãy lái xe an toàn bằng cách chú ý xung quanh xe và điều khiển vô lăng để lái xe, không được quá tin tưởng vào các chức năng.

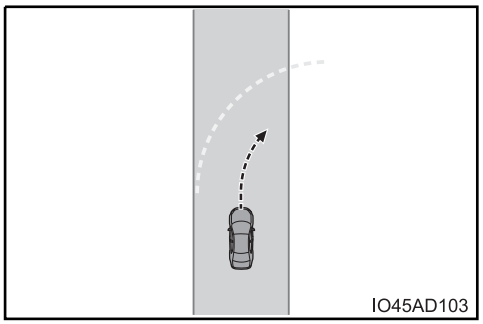
- Xe đang được lái quanh khúc cua gấp.
- Khi trên lề đường có các vật hoặc hình ảnh có thể gây nhầm lẫn với các vạch chỉ làn đường màu trắng (màu vàng) (dải phân cách, vỉa hè, các cột phản quang…)



- Xe đang được lái ở đường ngập nước, giao lộ,…



- Khi đường đang sửa có các vệt nhựa đường, các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng)…



- Khi có bóng râm trên đường chạy song song hoặc che khuất các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng).
- Khi lái xe trên đường không có các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng), như phía trước của thanh chắn hoặc trạm soát vé, hoặc giao lộ…

⚠ CẢNH BÁO

- Khi các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) là nét đứt, có đinh phản quang hoặc có đá trên đường.
- Khi không thể hoặc khó quan sát các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do cát, bụi…
- Khi lái xe trên đường phẳng và ướt do mưa, đọng nước ….
- Khi các vạch chỉ làn đường có màu vàng (khó nhận biết hơn vạch chỉ làn đường màu trắng).
- Khi vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) kẻ qua các gờ, bậc…
- Khi lái xe trên bề mặt đường bị chói, ví dụ như đường bằng bê tông.
- Nếu mép đường không rõ ràng hoặc không thẳng.
- Khi lái xe trên bề mặt chói do ánh sáng phản xạ…
- Khi lái xe ở khu vực mà ánh sáng bị thay đổi đột ngột, như khi vào hoặc ra khỏi đường hầm…
- Khi có ánh sáng từ đèn pha của các xe chạy phía trước, mặt trời… chiếu vào camera.
- Khi lái xe trên đường dốc.
- Khi lái xe trên đường bị nghiêng về phía bên phải hoặc bên trái, hoặc trên đường quanh co.
- Khi lái xe trên đường không bằng phẳng hoặc đường xấu.
- Khi làn đường rất hẹp hoặc rất rộng.
- Khi xe bị nghiêng nhiều do tải nặng hoặc áp suất lốp không chính xác.
- Khi khoảng cách với xe phía trước quá ngắn.
- Khi xe bị dịch chuyển lên xuống quá nhiều do điều kiện đường sá trong khi lái xe (đường xấu hoặc mấp mô).
- Khi lái xe trong đường hầm hoặc trong trời tối mà không bật đèn pha hoặc khi đèn pha bị mờ do kính đèn bị bám bẩn hoặc bị lệch.
- Khi gió tạt mạnh vào xe.
- Khi xe vừa mới chuyển làn hoặc băng qua giao lộ.
- Khi sử dụng lốp khác loại, khác nhà sản xuất, nhãn hiệu hoặc kiểu hoa lốp.
- Khi lắp các lốp xe có kích thước khác với tiêu chuẩn.
- Khi xe được trang bị lốp đi tuyết…

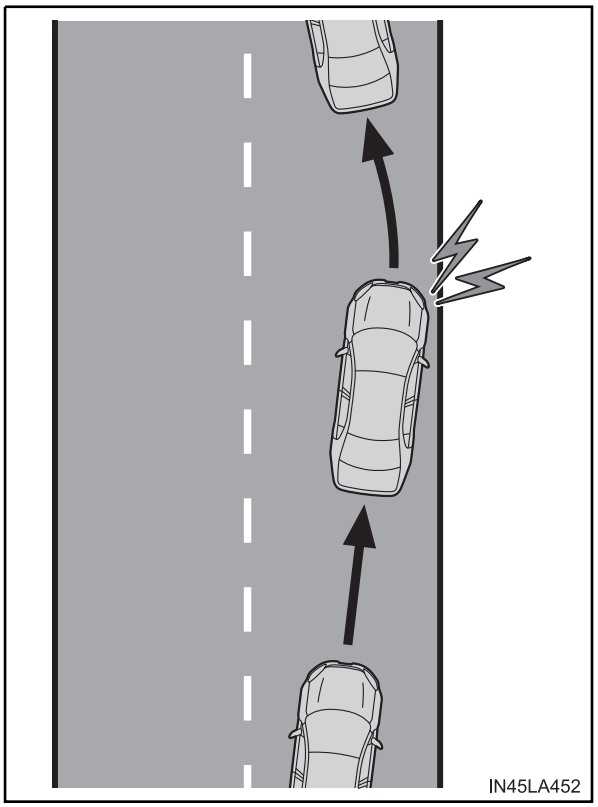
Các chức năng của hệ thống LDA

n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin, và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái.

Khi chuông báo kêu, hãy kiểm tra tình trạng đường xung quanh xe và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại vị trí giữa làn.

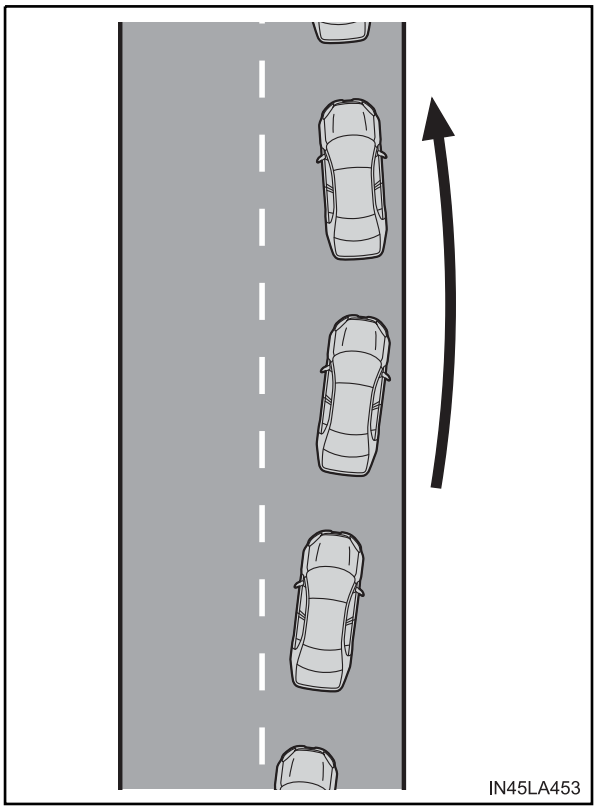
*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,...



n Chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe

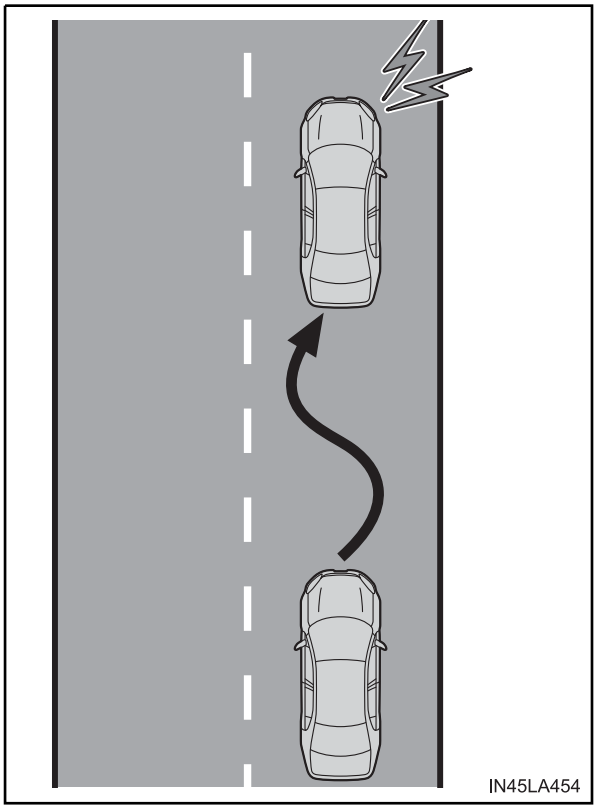
Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường của nó hoặc hành trình*, hệ thống sẽ hỗ trợ khi cần bằng cách tác dụng lực phanh trong một thời gian ngắn để giữ xe nằm trong làn đường.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,...



n Chức năng cảnh báo lắc xe

Khi xe bị lắc khi đi trong làn, chuông cảnh báo sẽ kêu và một thông điệp báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin để cảnh báo cho người lái.



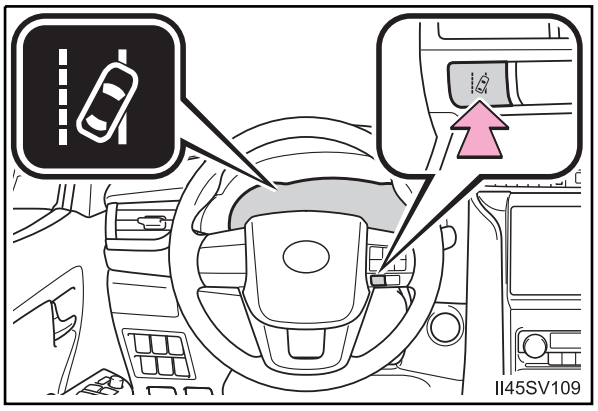
Bật hệ thống LDA

Ấn công tắc LDA để bật hệ thống LDA.

Đèn chỉ báo hệ thống LDA sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Ấn công tắc LDA một lần nữa để tắt hệ thống LDA.

Khi bật hoặc tắt hệ thống LDA, hoạt động của hệ thống LDA sẽ tiếp tục ở trạng thái tương tự trong lần khởi động động cơ tiếp theo.



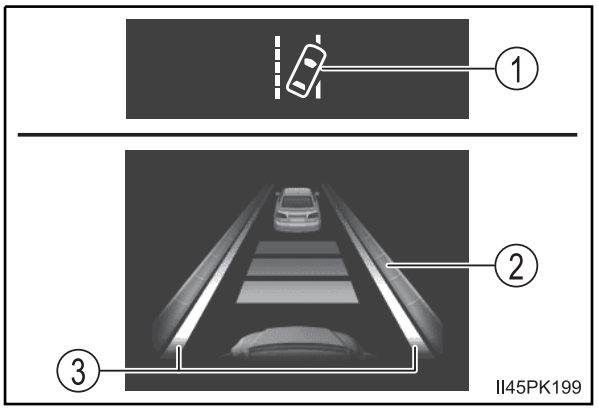
Chỉ báo trên màn hình đa thông tin

① Đèn chỉ báo LDA

Trạng thái sáng của đèn chỉ báo sẽ thông báo cho người lái về trạng thái hoạt động của hệ thống.

Sáng màu trắng:
Khi hệ thống LDA đang hoạt động.

Sáng màu xanh lá cây:
Chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe đang hoạt động.



Sáng màu vàng: Trục trặc hoặc bị treo tạm thời.

Nháy màu vàng: Chức năng cảnh báo lệch làn đang hoạt động.

② Màn hình hoạt động của chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe

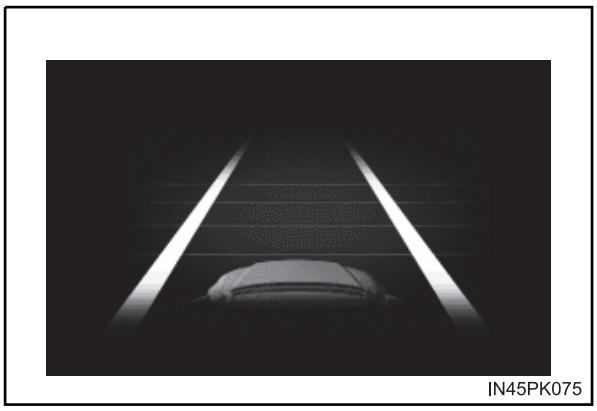
Hiển thị khi chuyển từ màn hình đa thông tin sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

Chỉ ra rằng chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe đang hoạt động.

③ Hiển thị chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Hiển thị khi chuyển từ màn hình đa thông tin sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu trắng



Cho biết rằng hệ thống đang phát hiện các vạch kẻ làn màu trắng (vàng)*. Khi xe bị lệch ra khỏi làn, vạch kẻ làn đường màu trắng bên phía xe bị lệch làn sẽ nháy màu vàng.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu đen



Chỉ báo rằng hệ thống không thể nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (vàng)* hoặc chức năng này đang tạm thời bị hủy.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,...

n Điều kiện hoạt động của chức năng

l Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- Hệ thống LDA đang bật.
- Tốc độ xe đạt từ 50 km/h trở lên.
- Hệ thống xác định các vạch kẻ làn màu trắng (màu vàng) hoặc hành trình*. (Khi xác định được vạch kẻ màu trắng [màu vàng]* chỉ ở một bên, hệ thống chỉ hoạt động cho một bên được nhận ra.)
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Không bật công tắc xi nhan.
- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P. 270)

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

l Chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn đường.

- Cài đặt “Yaw Assist” trong của màn hình đa thông tin ở “On” (→P. 111)
- Không tăng tốc hoặc giảm tốc xe trong một khoảng thời gian nhất định trở lên.
- Không xoay vô lăng với lực đủ để chuyển làn đường.
- Hệ thống ABS, VSC, TRC/A-TRC và PCS không hoạt động.
- TRC/A-TRC hoặc VSC không được tắt.

l Chức năng cảnh báo lắc xe

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- Cài đặt cho chức năng "C.báo lắc xe" trên của màn hình đa thông tin được đặt ở trạng thái "On" (→P. 111)
- Tốc độ xe đạt từ 50 km/h trở lên.
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P. 270)

n Hủy bỏ tạm thời các chức năng

Khi các điều kiện hoạt động không còn được thỏa mãn, chức năng có thể sẽ tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động được khôi phục thì chức năng cũng sẽ tự động được khôi phục lại. (→P. 268)

n Chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe

- Tùy vào tốc độ xe, tình trạng lệch làn, điều kiện đường…, người lái có thể không cảm nhận được chức năng đang hoạt động hoặc chức năng có thể không hoạt động.
- Chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe bị lấn át bởi hoạt động điều khiển vô lăng của người lái.
- Không được thử hoạt động của chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe.
- Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động từ khoang động cơ khi đạp phanh, khi chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe đang hoạt động. Âm thanh hoạt động đó không phải lỗi của hệ thống LDA.

n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

- Chuông cảnh báo có thể rất khó để nghe do các tiếng ồn bên ngoài, âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh…
- Nếu mép đường* không rõ ràng hoặc không thẳng, chức năng cảnh báo lệch làn có thể không hoạt động.
- Không được thử hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

n Chức năng cảnh báo lắc xe

Khi hệ thống xác định rằng xe đang bị rung lắc trong khi chức năng cảnh báo lắc xe đang hoạt động, thì chuông cảnh báo sẽ kêu và một cảnh báo cùng với một biểu tượng như trên hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để nhắc người lái về tình trạng đó.



Tùy thuộc vào tình trạng của xe và tình trạng đường sá mà chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.

n Thông điệp cảnh báo

Nếu thông điệp cảnh báo sau xuất hiện trên màn hình đa thông tin và đèn chỉ báo LDA bật sáng màu vàng, hãy làm theo quy trình xử lý tương ứng. Tương tự, nếu một thông điệp cảnh báo khác xuất hiện, hãy tuân theo các hướng dẫn xuất hiện trên màn hình.

- "LDA Malfunction Visit Your Dealer"

  Hệ thống có thể không hoạt động chính xác. Yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- "Lane Departure Alert Unavailable"

  - Hệ thống tạm thời bị hủy do có trục trặc trong cảm biến khác ngoài camera phía trước. Hãy tắt hệ thống LDA, chờ một lát, sau đó bật lại hệ thống LDA.
  - Hệ thống tạm thời không khả dụng vì xe rời khỏi làn hoặc hành trình* chỉ trong một thời gian ngắn. Chuyển công tắc động cơ đến vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), và sau đó bật lên vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

- "LDA không khả dụng ở tốc độ hiện tại"

  Không thể sử dụng được chức năng này do tốc độ xe vượt quá phạm vi hoạt động của LDA. Hãy lái xe chậm hơn.

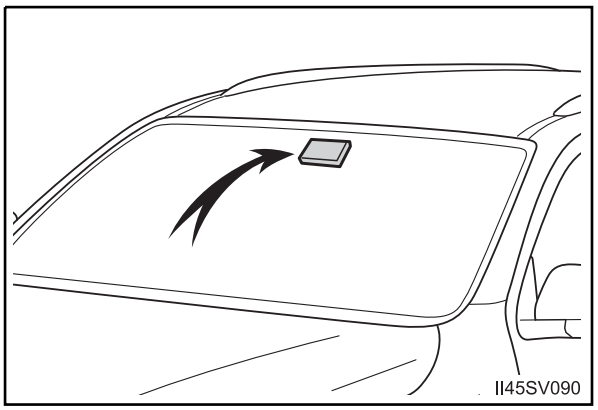
n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt chức năng. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 669)

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*

Khái quát chức năng

Hệ thống RSA nhận diện các biển báo giao thông cụ thể bằng camera trước và/hoặc hệ thống dẫn đường (khi có sẵn dữ liệu thông tin giới hạn tốc độ) để cung cấp thông tin cho người lái xe thông qua màn hình.



Nếu hệ thống đánh giá rằng xe đang chạy vượt quá tốc độ giới hạn, những hành động hạn chế đang thực hiện theo biển báo đã được phát hiện, nó sẽ cảnh báo cho lái xe biết bằng việc hiển thị trên màn hình cảnh báo và chuông báo.

⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống RSA**

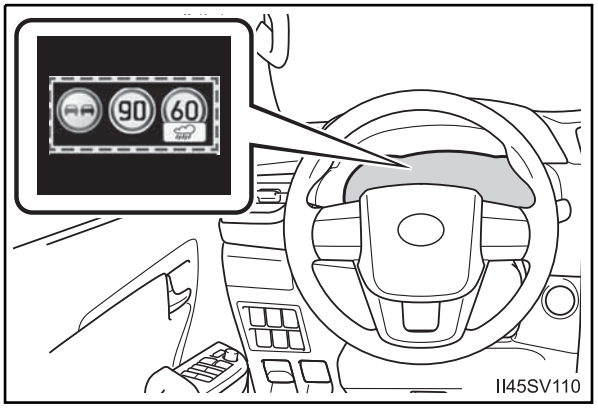
Không nên tin tưởng quá mức vào hệ thống RSA. RSA là một hệ thống hỗ trợ người lái bằng cách cung cấp các thông tin, nhưng nó không thể thay thế cho nhiệm vụ quan sát và nhận thức của người lái. Người lái phải có trách nhiệm lái xe an toàn bằng cách chú ý tới các quy định giao thông.

*: Nếu có

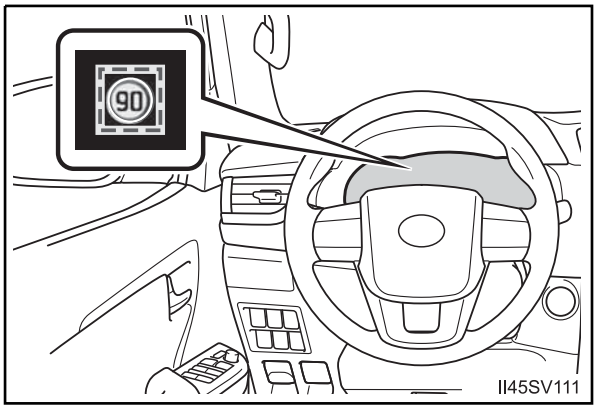
Chỉ báo trên màn hình đa thông tin

Khi camera phía trước nhận ra một dấu hiệu và/hoặc những thông tin của một biển báo giao thông có sẵn trong hệ thống dẫn đường, thì thông tin biển hiệu đó sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

l Khi chọn thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe, nó có thể hiển thị tối đa 3 biển hiệu giao thông. (→P. 111)



l Khi chọn một nhãn khác thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe, các loại biển báo sau đây sẽ được hiển thị. (→P. 111)



- Biển báo giới hạn tốc độ/ hết giới hạn tốc độ
- Biển thông tin liên quan đến giới hạn tốc độ (Đường dành cho ôtô, đường cao tốc, khu vực trong đô thị, khu vực dân cư)
- Biển hết lệnh cấm
- Biển cấm vào* (khi cần thông báo)
- Biển giới hạn tốc độ bổ sung (chỉ cho lối ra)

  Nếu hệ thống nhận ra các biển báo khác ngoài biển báo giới hạn tốc độ, thì chúng sẽ được hiển thị bên dưới biển báo giới hạn tốc độ hiện tại.

*: Xe có hệ thống dẫn đường

Các loại biển báo được hỗ trợ

Các loại biển báo giao thông sau đây, bao gồm cả biển điện tử và biển báo nháy sẽ được hiển thị.

Các biển báo không chính thức (không đảm bảo công ước Vienna) hoặc các biển giao thông mới được giới thiệu sẽ không được hiển thị.

l Biển báo giới hạn tốc độ*



Bắt đầu khu vực giới hạn tốc độ/Bắt đầu khu vực tốc độ tối đa



Kết thúc khu vực giới hạn tốc độ/Kết thúc khu vực tốc độ tối đa

*: Không hiển thị khi biển giới hạn tốc độ -- hoặc thông tin liên quan đến giới hạn tốc độ không khả dụng.

l Các thông tin liên quan tới giới hạn tốc độ*1, 2



Lối vào đường cao tốc



Kết thúc khu vực đô thị



Hết đường cao tốc



Bắt đầu vào khu vực đô thị



Làn đường dành cho ô tô



Kết thúc khu vực đô thị



Hết đường dành cho ôtô



Bắt đầu vào khu dân cư



Bắt đầu vào khu vực đô thị



Kết thúc khu dân cư

*1: Sẽ được hiển thị khi hệ thống nhận diện biển báo nhưng thông tin giới hạn tốc độ từ hệ thống dẫn đường không khả dụng

*2: Không hiển thị khi biển giới hạn tốc độ -- hoặc thông tin liên quan đến giới hạn tốc độ không khả dụng.

l Biển báo cấm vượt



Bắt đầu đoạn đường cấm vượt



Kết thúc đoạn đường cấm vượt

l Các biển báo giao thông khác



Đường cấm*



Dừng



Hết lệnh cấm

*: Xe có hệ thống dẫn đường

l Giới hạn tốc độ với dấu bổ sung*1



Ướt



Lối thoát bên phải *3



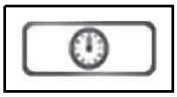
Mưa



Lối thoát bên trái *3



Băng đá



Thời gian



Có chỉ dẫn phụ *2

*1: Hiển thị đồng thời với giới hạn tốc độ

*2: Không nhận biết được các nội dung.

*3: Khi người lái không bật xi nhan khi đổi làn thì biển hiệu này sẽ không được hiển thị.

Chức năng thông báo

Trong các tình huống sau, hệ thống RSA sẽ thông báo cho người lái.

- Khi tốc độ xe vượt quá ngưỡng thông báo tốc độ của biển báo giới hạn tốc độ đã hiển thị, màn hình sẽ hiển thị nổi bật biển báo và chuông cảnh báo sẽ kêu.
- Khi hệ thống RSA nhận ra biển cấm đường và phát hiện thấy xe đang đi vào khu vực có biển cấm đường dựa vào thông tin từ bản đồ của hệ thống dẫn đường, thì tín hiệu đường cấm sẽ nhấp nháy và chuông cảnh báo sẽ kêu. (Xe có hệ thống dẫn đường)
- Nếu phát hiện thấy xe đang vượt một xe khác khi biển báo cấm vượt đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin, thì tín hiệu biển báo sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu.

Tùy vào tình huống, môi trường giao thông (hướng, tốc độ) có thể phát hiện sau và chức năng thông báo có thể hoạt động không chính xác.

---

n Quy trình cài đặt

Cài đặt cho chức năng "RSA" trên ⚙ của màn hình đa thông tin được đặt ở trạng thái "On".
(→P. 111)

n Chức năng tự động tắt biển báo của hệ thống RSA

Một hoặc một vài biển báo sẽ tự động tắt đi trong các tình huống sau đây.

- Không nhận ra biển báo nào trong khoảng cách nhất định.
- Chuyển sang đường khác do xe đã rẽ trái hoặc rẽ phải…

n Những tình huống có thể làm hệ thống không làm việc hoặc phát hiện sai

Trong các tình huống sau, hệ thống RSA sẽ không hoạt động được như bình thường và có thể không nhận biết được các biển báo, hiển thị sai biển báo… Tuy nhiên, đó là những hiện tượng bình thường.

- Camera phía trước bị lệch do bị lực tác động mạnh lên cảm biến...
- Bụi bẩn, tuyết, nhãn dán… dính trên kính chắn gió gần camera phía trước.
- Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chẳng hạn như mưa, sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Ánh sáng từ đèn của xe phía trước, mặt trời… chiếu vào camera phía trước.

- Biển bị bẩn, mờ, nghiêng hoặc bị cong.
- Sự tương phản của tín hiệu điện tử thấp.
- Khi một phần hoặc toàn bộ biển báo bị che khuất bởi lá cây, cột điện…
- Biển báo chỉ xuất hiện trước camera phía trước trong một thời gian rất ngắn.
- Khi hệ thống xác định sai tình huống lái xe (vào cua, chuyển làn…).
- Nếu biển không phù hợp cho làn đường hiện tại, nhưng biển áp dụng trực tiếp sau đường nhánh của đường quốc lộ hoặc làn đường lân cận chỉ trước khi nhập làn.
- Khi ở phía sau xe chạy phía trước có dán miếng dán.
- Khi hệ thống ghi nhận thấy một biển báo giống như một biển báo tương thích hệ thống.
- Biển báo tốc độ của đường phụ có thể sẽ được phát hiện và hiển thị (nếu nó nằm trong tầm quét của camera trước) trong khi xe đang đi trên đường chính.
- Biển báo tốc độ tại lối ra của vòng xuyến có thể sẽ được phát hiện và hiển thị (nếu nó nằm trong tầm quét của camera trước) trong khi di chuyển xung quanh vòng xuyến.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe.
- Khi độ sáng xung quanh xe không đủ hoặc bị thay đổi đột ngột.
- Khi hệ thống quét được một biển báo dành cho xe tải...
- Khi đang lái xe ở một quốc gia có chiều giao thông ngược lại.
- Khi dữ liệu bản đồ hệ thống dẫn đường đã lỗi thời.
- Khi hệ thống dẫn đường không hoạt động.
- Thông tin tốc độ được hiển thị trên đồng hồ táp lô, nó cũng được hiển thị trên hệ thống dẫn đường nhưng nội dung có thể khác nhau do hệ thống dẫn đường sử dụng dữ liệu trong bản đồ.

n Hiển thị biển báo giới hạn tốc độ

Nếu lần gần nhất công tắc động cơ được tắt đến vị trí “LOCK” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) khi biển hạn chế tốc độ được hiển thị trên màn hình đa thông tin, biển báo tương tự sẽ xuất hiện lại khi công tắc động cơ được chuyển đến vị trí “ON” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

n Nếu xuất hiện thông báo "RSA Malfunction Visit Your Dealer"

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n Tùy chọn

Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 669)

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

Khái quát chức năng

Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe phía trước, xe sẽ tự động tăng và giảm tốc để phù hợp với tốc độ của xe phía trước kể cả khi không đạp chân ga. Ở chế độ duy trì tốc độ cố định, xe sẽ chạy ở tốc độ cố định.

Sử dụng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa đường cao tốc.

- Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước (→P. 281)
- Chế độ điều khiển tốc độ ổn định (→P. 287)

Các thiết bị của hệ thống

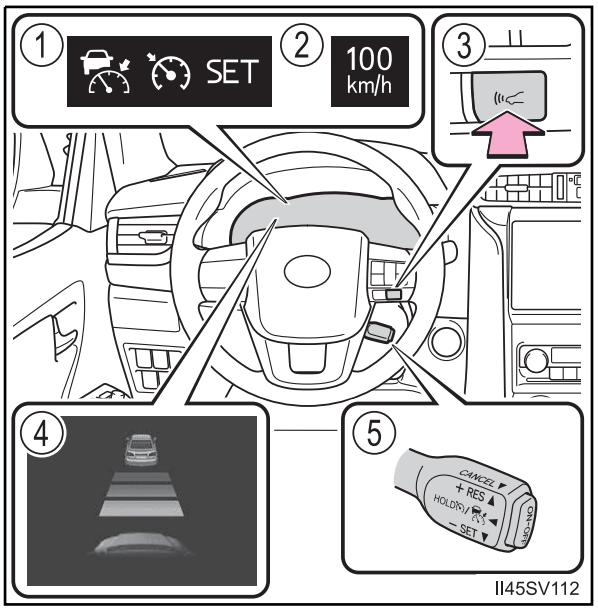
① Đèn chỉ báo

② Tốc độ đặt trước

③ Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước

④ Màn hình đa thông tin

⑤ Công tắc điều khiển chạy tự động



*: Nếu có

⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa**

l Lái xe an toàn là trách nhiệm của người lái. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống, và hãy lái xe an toàn bằng cách luôn luôn chú ý xung quanh bạn.

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ hỗ trợ người lái khi lái xe. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với việc hỗ trợ của hệ thống.
Hãy đọc kỹ các điều kiện hoạt động sau đây. Không được quá tin tưởng vào hệ thống này và luôn lái xe một cách cẩn thận.

- Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước:
→P. 291
- Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác: →P. 292

l Đặt tốc độ phù hợp tùy vào mức giới hạn tốc độ, mật độ giao thông, tình trạng đường sá, điều kiện thời tiết,... Người lái phải kiểm tra tốc độ đặt trước.

l Ngay cả khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống xác định xe phía trước có thể khác với tình trạng quan sát bởi người lái. Do đó, người lái luôn phải chú ý, đánh giá mức độ nguy hiểm của từng tình huống và lái xe an toàn. Tin tưởng vào hệ thống này hoặc coi hệ thống luôn đảm bảo an toàn khi lái có thể dẫn đến gây tai nạn, và có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy tắt hệ thống điều khiển chạy tự động bằng nút "ON/OFF" khi không sử dụng tới.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe**

Hãy tuân theo các lưu ý sau, bởi hệ thống có một số hạn chế của hệ thống trong việc hỗ trợ khi lái xe. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hỗ trợ người lái để đo khoảng cách sau
  Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa chỉ được dùng để giúp người lái xác định khoảng cách giữa xe và xe khác chạy phía trước. Hệ thống này không có chức năng hỗ trợ người lái khi họ lơ đễnh hoặc lái xe thiếu cẩn thận, và nó không hỗ trợ người lái tăng khả năng quan sát khi lái xe trong điều kiện tầm nhìn kém.
  Người lái vẫn phải hết sức chú ý tới các xe khác xung quanh.
- Hỗ trợ người lái phán đoán khoảng cách thích hợp
  Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ xác định xem khoảng khoảng cách giữa xe của bạn và xe chạy phía trước có nằm trong giới hạn đã đặt không. Ngoài ra nó không có khả năng thực hiện bất kỳ đánh giá nào khác. Do đó, người lái vẫn phải tuyệt đối tập trung và đánh giá xem có nguy hiểm nào tồn tại trong một tình huống bất kỳ.
- Hỗ trợ người lái điều khiển xe
  Chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa không bao gồm các chức năng phòng tránh hoặc ngăn ngừa va chạm với xe phía trước. Do đó, nếu có nguy cơ bị va chạm, người lái phải ngay lập tức trực tiếp điều khiển xe một cách phù hợp để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Những trường hợp không phù hợp để sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa trong một trong các trường hợp sau.

Nếu không có thể sẽ làm cho xe chạy ở tốc độ không phù hợp và có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

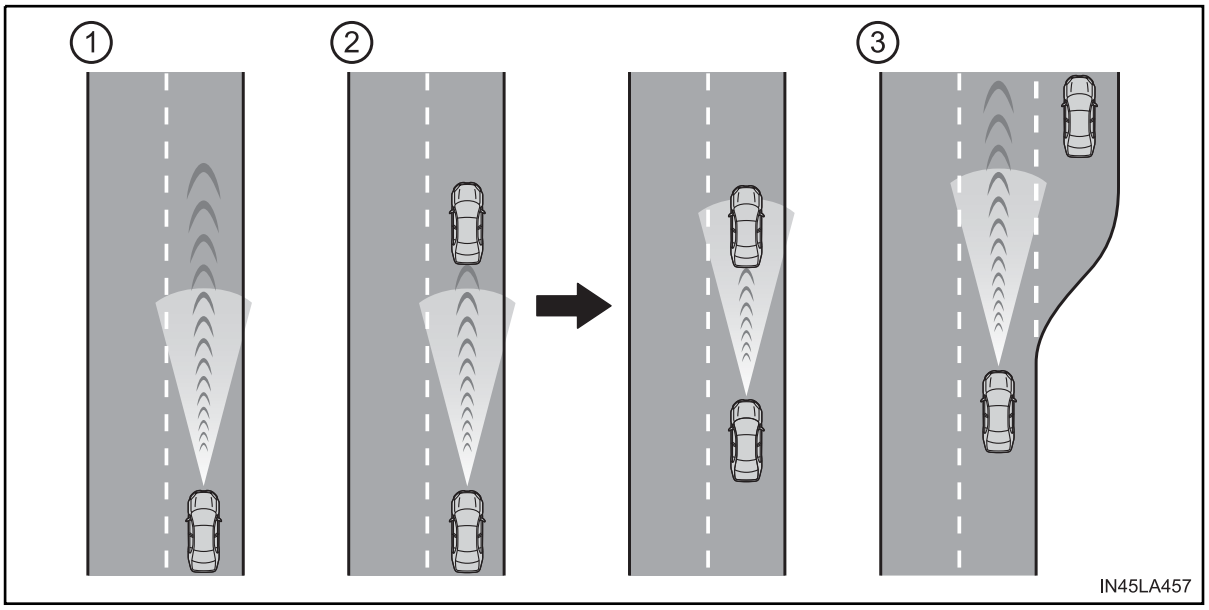
- Khi trên đường có nhiều người đi bộ và người đi xe đạp...
- Khi đường đông
- Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp
- Khi lái xe trên đường quanh co
- Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ
- Khi lái xe trên đường dốc đứng, hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

  Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.
- Tại các lối vào đường cao tốc
- Khi điều kiện thời tiết xấu có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của cảm biến (sương mù, tuyết rơi, bão cát, mưa lớn...)
- Khi trời mưa, tuyết… bám trên bề mặt phía trước của cảm biến ra đa và camera phía trước
- Khi tình trạng giao thông yêu cầu người lái thường xuyên phải tăng và giảm tốc
- Khi xe đang kéo theo moóc (xe có móc kéo) hoặc trong khi kéo xe khẩn cấp
- Khi thường xuyên nghe thấy tiếng chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác

Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ này sử dụng một cảm biến ra-đa để phát hiện các xe chạy phía trước cách xe bạn tối đa 100 m, xác định khoảng cách hiện tại với xe đang chạy phía trước và điều khiển duy trì khoảng cách phù hợp với xe chạy phía trước. Khoảng cách với xe chạy phía trước bạn cần có thể được cài đặt bằng cách vận hành công tắc điều khiển khoảng cách với xe chạy trước.

Khi lái xe xuống dốc, khoảng cách với xe sẽ ngắn hơn.



① Ví dụ khi lái xe ở tốc độ cố định

Khi không có xe chạy phía trước

Xe chạy ở tốc độ đặt trước của người lái.

② Ví dụ khi xe bám theo sau xe khác và xe giảm tốc

Khi xe phía trước chạy chậm hơn tốc độ đặt trước

Khi xe phát hiện thấy có xe chạy phía trước, hệ thống sẽ tự động giảm tốc độ xe. Khi cần giảm tốc độ nhiều hơn, hệ thống sẽ gài phanh (đèn phanh sáng lên ở thời điểm này). Hệ thống sẽ liên tục theo dõi tốc độ của xe chạy phía trước và điều khiển xe để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước theo cài đặt của người lái. Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ cảnh báo cho bạn biết rằng hệ thống không thể giảm tốc đủ để giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước.

Khi gạt cần điều khiển đèn xi nhan và xe đang di chuyển sang làn xe cho vượt ở tốc độ từ 80 km/h trở lên, xe sẽ tăng ga để giúp xe vượt xe đang chạy.

Hệ thống nhận biết làn cho vượt có thể được xác định bằng cách dựa vào vị trí của vô lăng của xe (vị trí người lái phía bên trái hoặc vị trí người lái bên phải.) Nếu lái xe ở khu vực làn cho vượt khác với điều kiện lái xe bình thường, xe có thể tăng ga khi cần điều khiển xi nhan được điều khiển về phía ngược lại với làn cho vượt (nghĩa là nếu bình thường lái xe ở những vùng mà làn cho lượt ở bên phải nhưng bạn đang lái xe ở vùng mà làn cho vượt ở bên trái, xe có thể tăng ga khi tín hiệu xi nhan bên phải được kích hoạt).

③ Ví dụ khi tăng tốc

Khi các xe phía trước đều chạy nhanh hơn tốc độ đặt trước

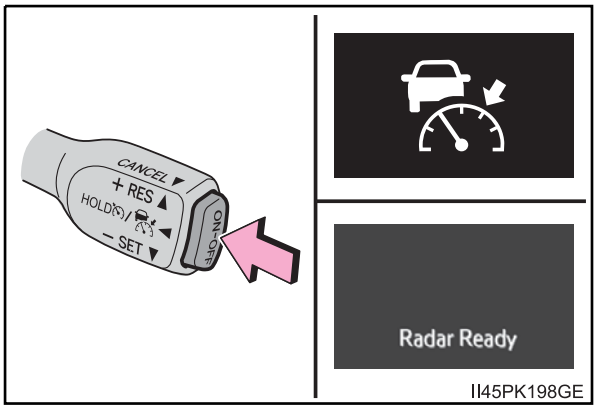
Hệ thống sẽ tăng tốc độ xe cho tới khi đạt được tốc độ đặt trước. Sau đó hệ thống sẽ trở về chạy tự động với tốc độ ổn định.

Cài đặt tốc độ xe (chế độ điều chỉnh khoảng cách với xe chạy phía trước)

1 Hãy ấn nút "ON-OFF" để kích hoạt hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa sẽ sáng lên và thông điệp sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Hãy ấn nút này một lần nữa để tắt hệ thống điều khiển chạy tự động.

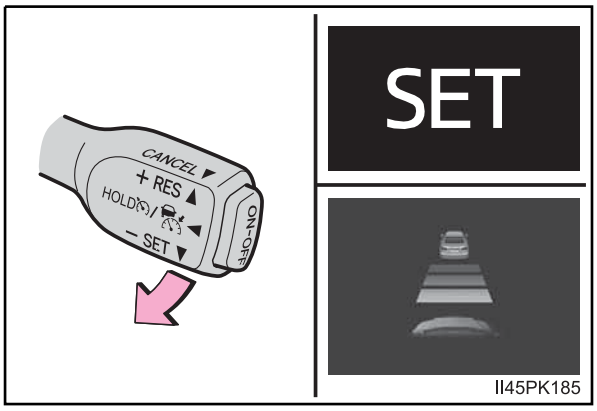
Nếu ấn và giữ công tắc "ON-OFF" trong vòng 1.5 giây hoặc lâu hơn, hệ thống sẽ bật chế độ điều khiển tốc độ cố định.
(→P. 287)



2 Tăng ga hoặc giảm ga bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và đẩy cần xuống để đặt tốc độ.

Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả cần điều khiển sẽ trở thành tốc độ cài đặt.



Điều chỉnh tốc độ đặt trước

l Điều chỉnh tốc độ đặt trước bằng cần

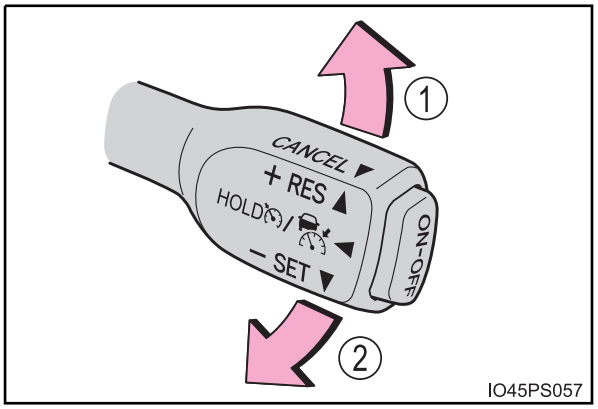
Để thay đổi tốc độ đặt trước, hãy sử dụng cần điều khiển để điều chỉnh cho tới khi tốc độ mong muốn được hiển thị.

① Tăng tốc độ

② Giảm tốc

Điều chỉnh nhỏ: Hãy gạt nhanh cần điều khiển theo hướng mong muốn.

Điều chỉnh lớn: Đẩy cần lên hoặc xuống để thay đổi tốc độ, và nhả cần ra khi đã đạt được tốc độ mong muốn.



Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt trước sẽ thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần gạt cần.

Điều chỉnh lớn: Tăng hoặc giảm mỗi 5 km/h với mỗi lần giữ cần.

Trong chế độ điều khiển xe ở tốc độ ổn định (→P. 287), tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt trước sẽ thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần gạt cần.

Điều chỉnh lớn: Tốc độ sẽ thay đổi liên tục khi giữ cần.

l Tăng tốc độ đặt trước bằng bàn đạp ga

1 Vận hành bàn đạp ga để tăng tới tốc độ xe mong muốn

2 Đẩy cần xuống

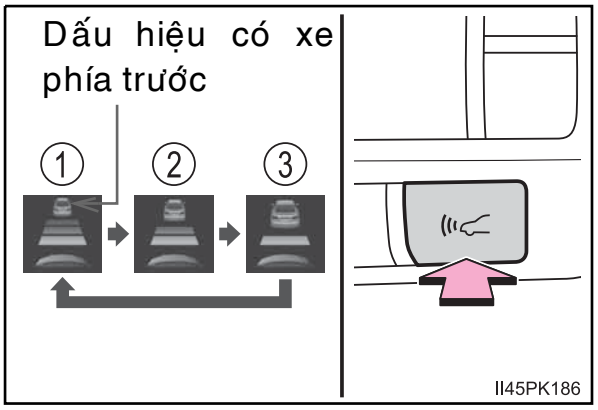
Thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Ấn công tắc này sẽ thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước như sau:

① Dài

② Trung bình

③ Ngắn

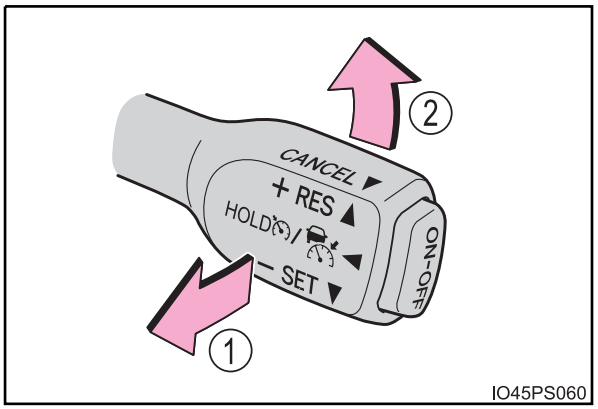


Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Hãy lựa chọn khoảng cách thiết lập theo bảng sau. Xin hãy lưu ý rằng khoảng cách này tương ứng với tốc độ chạy xe 80 km/h. Khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tăng lên/giảm xuống theo tốc độ của xe.

Chọn khoảng cách	Khoảng cách với xe chạy phía trước
Dài	Xấp xỉ 50 m
Trung bình	Xấp xỉ 40 m
Ngắn	Xấp xỉ 30 m

Hủy và khôi phục chức năng điều khiển tốc độ



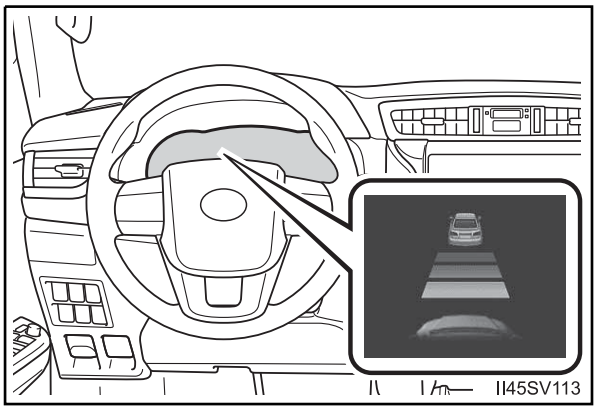
① Kéo cần về phía bạn để hủy điều khiển tốc độ.

Chức năng điều khiển tốc độ sẽ bị hủy khi đạp bàn đạp phanh.

② Chức năng điều khiển chạy tự động sẽ được khôi phục và tốc độ của xe sẽ trở lại tốc độ đặt trước khi đẩy cần điều khiển lên.

Tuy nhiên, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ không khôi phục khi tốc độ xe xấp xỉ từ 25 km/h trở xuống.

Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (Chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)



Khi xe của bạn tiến tới quá gần xe phía trước, và mức độ tự động giảm tốc của xe bằng hệ thống điều khiển chạy tự động là không đủ, màn hình sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Một ví dụ khác là khi một xe khác cắt ngang phía trước xe bạn trong khi bạn đang đi sau một xe khác. Hãy phanh xe để đảm bảo khoảng cách thích hợp với xe trước đó.

n Các cảnh báo có thể sẽ không xuất hiện khi

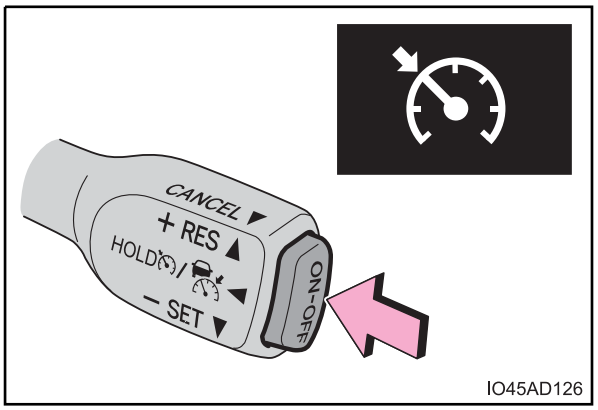
Trong các trường hợp sau, thông điệp cảnh báo sẽ không xuất hiện ngay cả khi khoảng cách với xe chạy phía trước là nhỏ.

- Khi tốc độ của xe chạy phía trước bằng hoặc lớn hơn tốc độ của xe bạn
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Ngay sau khi đặt tốc độ chạy tự động
- Khi nhấn bàn đạp ga

Chọn chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Ở chế độ điều khiển tốc độ cố định, xe sẽ duy trì tốc độ đặt trước mà không điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước. Chỉ chọn chế độ này khi chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước không hoạt động chính xác do có bụi bẩn bám vào cảm biến ra đa,...

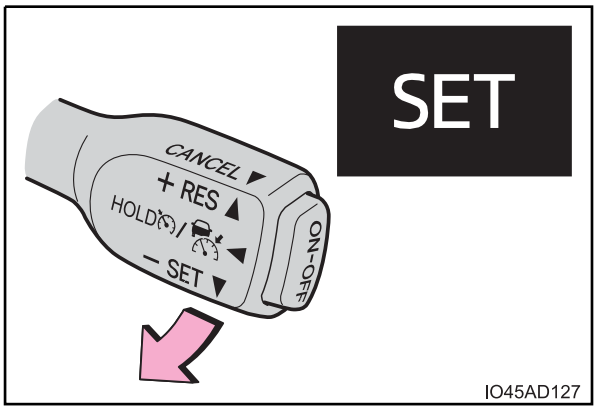
1 Để tắt hệ thống điều khiển chạy tự động, hãy ấn và giữ nút "ON-OFF" trong 1.5 giây trở lên.



Ngay sau khi ấn nút “ON-OFF”, đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ sáng. Sau đó, nó chuyển đến chỉ báo điều khiển chạy tự động.

Bạn chỉ có thể chuyển sang chế độ điều khiển ở tốc độ cố định khi chỉnh cần điều khiển với hệ thống điều khiển chạy tự động đã tắt.

2 Tăng ga hoặc giảm ga bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và đẩy cần xuống để đặt tốc độ.



Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả cần điều khiển sẽ trở thành tốc độ cài đặt.

Điều chỉnh cài đặt tốc độ: →P. 284

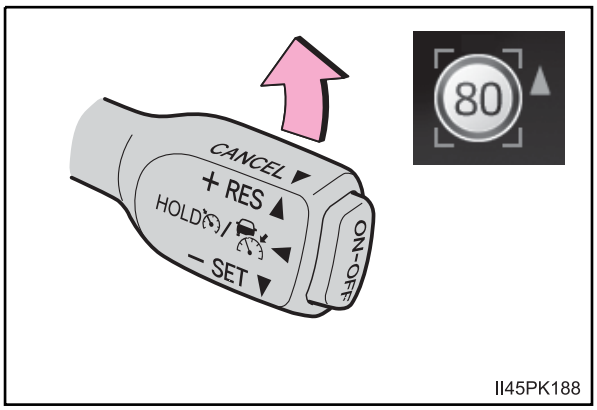
Hủy và khôi phục tốc độ đặt trước: →P. 286

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo (Xe có chức năng RSA)

Khi chức năng này được bật và hệ thống đang hoạt động ở chế độ duy trì khoảng cách với xe phía trước (→P. 281), khi phát hiện thấy biển báo giới hạn tốc độ, mức giới hạn tốc độ được phát hiện sẽ được hiển thị bằng mũi tên lên/xuống. Có thể tăng/giảm tốc độ cài đặt đến tốc độ giới hạn bằng cách đẩy cần lên trên hoặc xuống dưới.

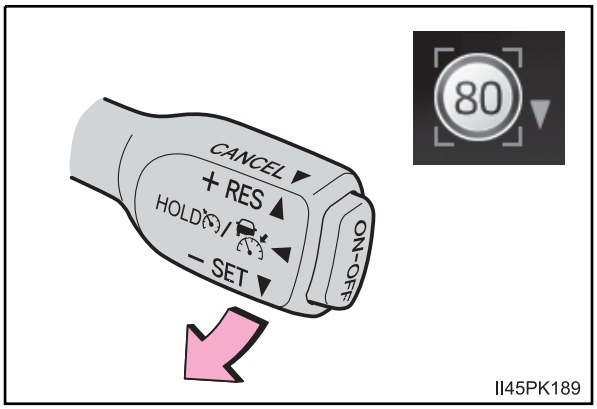
- Khi tốc độ cài đặt hiện tại thấp hơn giới hạn tốc độ được ghi nhận

  Đẩy cần lên trên



- Khi tốc độ cài đặt hiện tại cao hơn giới hạn tốc độ được ghi nhận

  Đẩy cần xuống



Bật/tắt điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo (xe có hệ thống RSA)

Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa và chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo trên  của màn hình đa thông tin. (→P. 111)

Khi điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với hỗ trợ nhận diện biển báo đang hoạt động, trong khi lái xe xuống dốc, tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã đặt.

Trong trường hợp này, tốc độ đặt trước sẽ được cảnh báo và chuông báo sẽ kêu để báo cho người lái biết.

n Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa có thể được cài đặt khi

- Khi cần số ở D. (Xe có hộp số tự động)
- Khi cần số ở số 2 hoặc số cao hơn. (Xe có hộp số thường)
- Tùy thuộc vào chế độ điều khiển, hạng mục này có thể đặt được ở các tốc độ sau.
  - Chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước: Xấp xỉ 30 km/h trở lên.
  - Chế độ điều khiển tốc độ ổn định: Xấp xỉ 30 km/h trở lên.

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

Xe có thể tăng tốc bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sau khi tăng tốc, tốc độ sẽ trở về mức đặt trước. Tuy nhiên, khi ở chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ xe sẽ giảm dưới tốc độ đặt trước để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước.

n Chọn số (xe có hộp số thường)

Hãy lựa chọn vị trí số phù hợp với tốc độ của xe. Nếu tốc độ động cơ quá cao hoặc quá thấp, sự điều khiển có thể bị hủy tự động.

n Tự động hủy chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ điều khiển theo khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau.

- Tốc độ xe thực tế giảm xuống dưới xấp xỉ 25 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- Khi hệ thống TRC hoặc hệ thống A-TRC được kích hoạt trong một khoảng thời gian.
- Khi hệ thống VSC, TRC/A-TRC được tắt.
- Khi cảm biến không hoạt động chính xác do nó bị che phủ.
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động.
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)
- Khi cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trong một khoảng thời gian nhất định. (Xe có hộp số thường)
- Xe 4WD*: Không hoàn thành được việc chuyển chế độ gài hộp số phụ trong 5 giây trong khi hệ thống điều khiển chạy tự động đang bật.

Nếu chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Tự động hủy chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Chế độ điều khiển tốc độ ổn định sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn xấp xỉ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước.
- Khi tốc độ thực tế của xe thấp hơn 30 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- Khi hệ thống TRC hoặc hệ thống A-TRC được kích hoạt trong một khoảng thời gian.
- Khi hệ thống VSC, TRC/A-TRC được tắt.
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động.
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)
- Khi cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trong một khoảng thời gian nhất định. (Xe có hộp số thường)
- Xe 4WD*: Không hoàn thành được việc chuyển chế độ gài hộp số phụ trong 5 giây trong khi hệ thống điều khiển chạy tự động đang bật.

Nếu chế độ giữ tốc độ ổn định tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo có thể không hoạt động chính xác khi

Do chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa và có chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông có thể sẽ không hoạt động chính xác trong những tình huống mà hệ thống RSA có thể không hoạt động hoặc phát hiện sai (→P. 275), khi sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo kiểm tra các tín hiệu biển báo giới hạn tốc độ được hiển thị.

Trong các tình huống sau, không thể thay đổi được tốc độ đã đặt tới giới hạn tốc độ được nhận biết bằng cách đẩy cần lên trên hoặc xuống dưới.

- Nếu thông tin về giới hạn tốc độ không khả dụng
- Khi giới hạn tốc độ được nhận diện bằng với tốc độ đã đặt
- Khi giới hạn tốc độ được nhận biết nằm ngoài phạm vi tốc độ mà hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có thể hoạt động

n Hoạt động của phanh

Có thể nghe thấy tiếng hoạt động của phanh và phản hồi của bàn đạp phanh có thể thay đổi, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

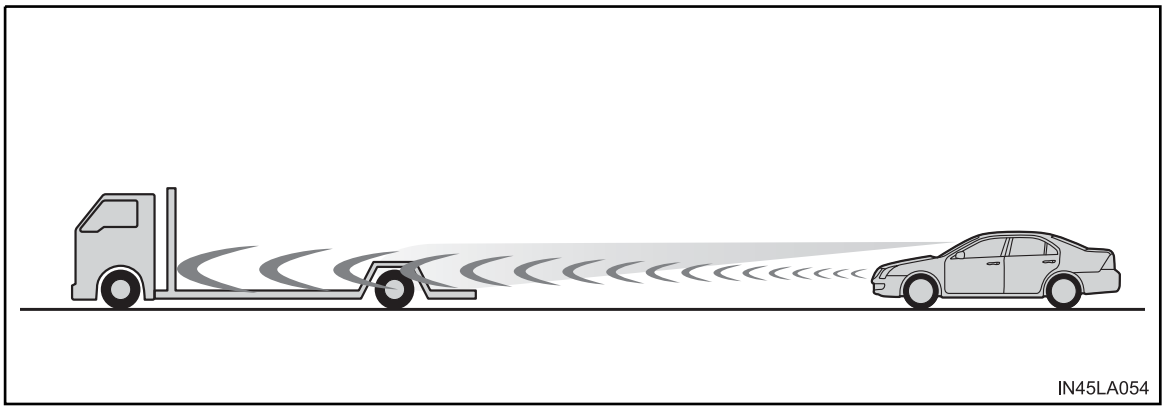
n Chuông báo và thông điệp cảnh báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa

Chuông báo và thông điệp cảnh báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặcchỉ ra rằngngười lái cần phải chú ý khi lái xe. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông báo và tuân theo các hướng dẫn. (→P. 247, 601)

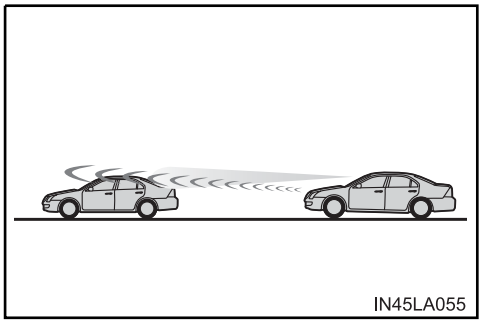
n Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước

Trong trường hợp sau đây và phụ thuộc vào các điều kiện, hãy nhấn bàn đạp phanh khi việc giảm tốc của hệ thống là không đủ hoặc nhấn bàn đạp ga khi cần tăng tốc.
Do cảm biến có thể sẽ không phát hiện chính xác được những loại xe này, cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ không được kích hoạt (→P. 286).

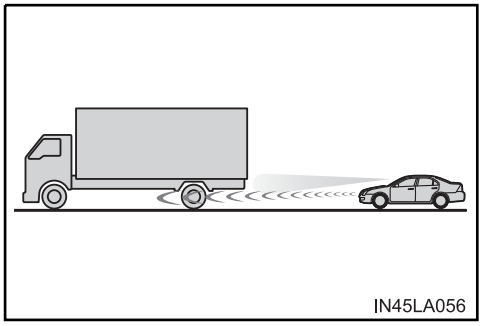
- Khi bị xe khác tạt đầu
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Nhiều xe không chạy cùng làn
- Khi xe phía trước có phần đuôi quá nhỏ (như xe kéo chạy không tải…)



- Khi gặp xe mô tô chạy cùng làn
- Khi các xe xung quanh làm bắn nước và tuyết lên cảm biến, và ảnh hưởng đến việc phát hiện của cảm biến
- Khi phần đầu xe bị nhấc lên (do chất tải nặng trong khoang để hành lý…)



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe cực lớn

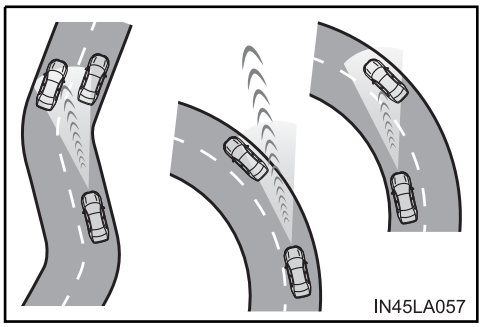


n Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác

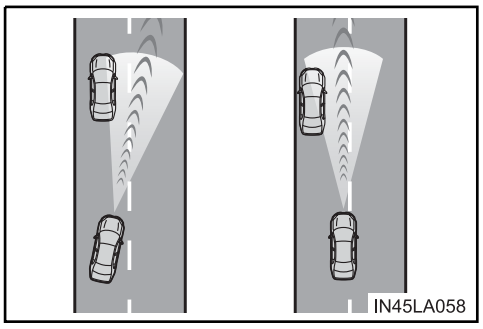
Trong các tình huống sau, hãy đạp phanh (hoặc đạp ga, tùy theo tình huống thực tế) khi cần thiết.

Do cảm biến có thể sẽ không xác định chính xác được xe phía trước, nên hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác.

- Khi vào cua hoặc khi làn đường hẹp



- Khi bạn điều khiển vô lăng hoặc vị trí của xe trong làn không được giữ ổn định



- Khi xe chạy phía trước giảm tốc đột ngột
- Khi lái xe trên đường bị che chắn, như khi đi qua hầm hoặc cầu
- Khi tốc độ xe đang giảm xuống tới tốc độ đặt trước sau khi xe được tăng tốc bằng cách đạp ga

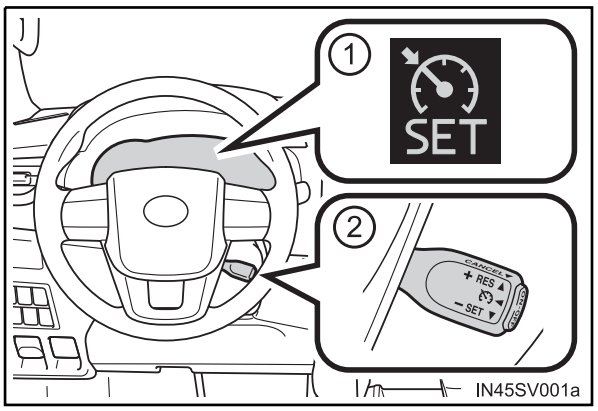
Hệ thống điều khiển chạy tự động*

Khái quát chức năng

Sử dụng chức năng điều khiển chạy tự động để duy trì tốc độ đặt trước của xe mà không cần phải đạp bàn đạp ga.

① Đèn chỉ báo

② Công tắc điều khiển chạy tự động

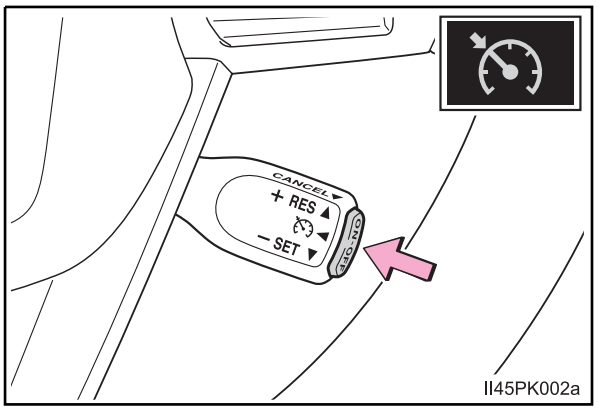


Cài đặt tốc độ xe

1 Hãy ấn nút "ON-OFF" để kích hoạt hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

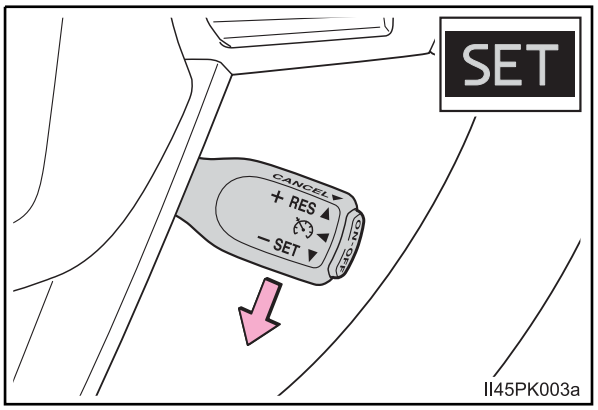
Hãy ấn nút này một lần nữa để tắt hệ thống điều khiển chạy tự động.



2 Tăng hoặc giảm tốc đến tốc độ mong muốn, đẩy cần điều khiển xuống để đặt tốc độ.

Đèn chỉ báo "SET" sẽ sáng lên.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả cần điều khiển sẽ trở thành tốc độ cài đặt.



*: Nếu có

Điều chỉnh tốc độ đặt trước

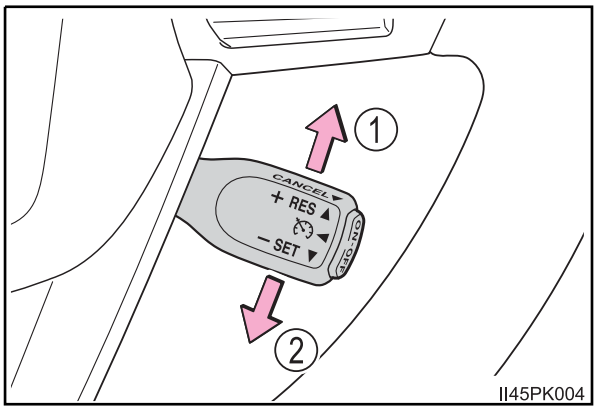
Để thay đổi tốc độ đã đặt, hãy điều chỉnh cần điều khiển cho đến khi đạt được tốc độ mong muốn.

① Tăng tốc độ

② Giảm tốc

Điều chỉnh nhỏ: Hãy gạt nhanh cần điều khiển theo hướng mong muốn.

Điều chỉnh lớn: Hãy giữ cần điều khiển theo hướng mong muốn.



Tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt trước sẽ thay đổi khoảng 1.6 km/h*1 hoặc 1.0 km/h*2 sau mỗi lần gạt cần điều chỉnh.

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt trước sẽ tăng hoặc giảm liên tục cho tới khi nhả cần điều khiển ra.

*1: Cho động cơ 1GR-FE

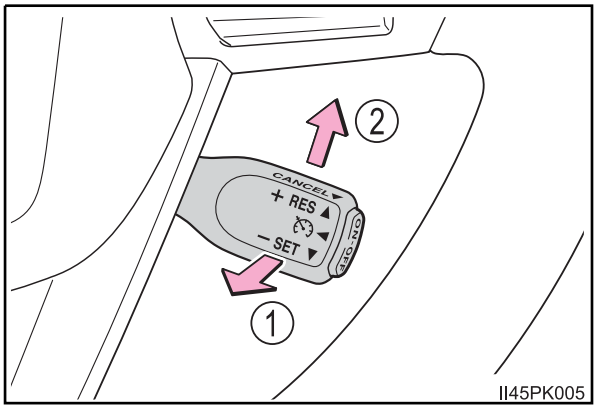
*2: Trừ động cơ 1GR-FE

Hủy và khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định

① Hãy kéo cần điều khiển về phía bạn để hủy chế độ điều khiển tốc độ ổn định.

Tốc độ thiết lập cũng sẽ bị hủy khi đạp phanh hoặc bàn đạp ly hợp (chỉ với hộp số thường).

② Đẩy cần để khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định



Bạn có thể khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định khi tốc độ xe lớn hơn 40 km/h*1 hoặc 30 km/h*2.

*1: Cho động cơ 1GR-FE

*2: Trừ động cơ 1GR-FE

n Có thể đặt hệ thống điều khiển chạy tự động khi

- Khi cần số đang ở vị trí D hoặc dải số 4 trở lên khi chọn chế độ S (xe có hộp số tự động)
- Khi đã chọn dải số 4 trở lên bằng công tắc chuyển số trên vô lăng. (xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)
- Khi tốc độ xe lớn hơn khoảng 40 km/h*1 hoặc 30 km/h*2.

*1: Cho động cơ 1GR-FE

*2: Trừ động cơ 1GR-FE

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

- Xe có thể tăng tốc bình thường. Sau khi tăng tốc, tốc độ đặt trước sẽ khôi phục.
- Ngay cả khi bạn chưa tắt chế độ điều khiển chạy tự động, bạn vẫn có thể tăng tốc độ đặt trước bằng cách tăng tốc xe tới tốc độ mong muốn, sau đó đẩy cần điều khiển xuống để đặt tốc độ mới.

n Tự động ngừng chế độ chạy tự động

Hệ thống điều khiển chạy tự động sẽ ngừng duy trì tốc độ của xe trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ thực tế của xe thấp hơn tốc độ đặt trước của xe khoảng 16 km/h.
  Lúc này, tốc độ đặt trước đã lưu trong bộ nhớ sẽ không được giữ lại.
- Khi tốc độ xe lớn hơn khoảng 40 km/h*1 hoặc 30 km/h*2.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- Xe 4WD*3: Không hoàn thành được việc chuyển chế độ gài hộp số phụ trong 5 giây trong khi hệ thống điều khiển chạy tự động đang bật.
- Khi hệ thống TRC hoặc hệ thống A-TRC được kích hoạt trong một khoảng thời gian.
- Khi hệ thống VSC, TRC/A-TRC được tắt.

*1: Cho động cơ 1GR-FE

*2: Trừ động cơ 1GR-FE

*3: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Nếu "Cruise Control Malfunction Visit Your Dealer" được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Hãy ấn nút "ON-OFF" một lần để tắt hệ thống, sau đó ấn nút này một lần nữa để kích hoạt lại hệ thống.
Nếu không thể đặt được tốc độ chạy tự động hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động ngừng làm việc ngay sau khi được kích hoạt, thì có thể đã có trục trặc trong hệ thống. Hãy để đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển chạy tự động**

Hãy tắt hệ thống điều khiển chạy tự động bằng nút "ON-OFF" khi không sử dụng tới.

n **Những điều kiện không thích hợp để sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động khi gặp một trong các trường hợp sau.
Nếu không có thể sẽ gây mất lái và dẫn đến tai nạn, gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Khi đường đông
- Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp
- Khi lái xe trên đường quanh co
- Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ
- Khi xe trên dốc nghiêng
  Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.
- Khi xe đang kéo theo moóc (xe có móc kéo) hoặc trong khi kéo xe khẩn cấp

Theo dõi điểm mù (BSM)*

Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa bên phía sau được lắp bên trong của cản sau trái và phải để hỗ trợ người lái xác nhận an toàn khi chuyển làn.

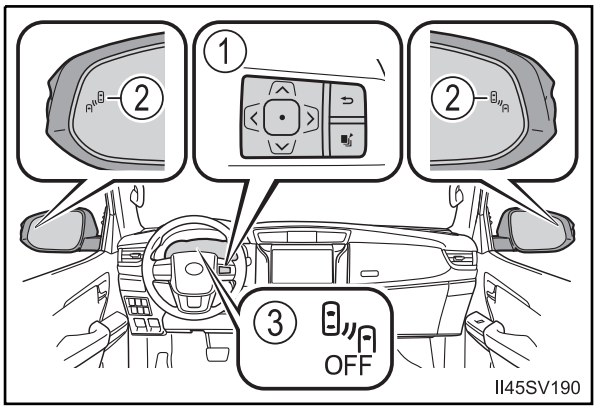
⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

- Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.
- Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống bổ sung giúp cảnh báo người lái rằng xe đang trong điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài hoặc xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau của điểm mù. Không quá phụ thuộc nhiều vào hệ thống này. Vì chức năng sẽ không thể phán đoán liệu có an toàn để chuyển làn, do đó việc quá phụ thuộc vào hệ thống có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
  Do hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng thực tế bằng mắt thường để đảm bảo an toàn.

*: Nếu có

Các chi tiết của hệ thống



① Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù.

② Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi đang lái xe:
Khi phát hiện có một xe trong điểm mù của gương chiếu hậu bên ngoài xe hoặc đang tiến nhanh từ phía sau vào điểm mù, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe ở phía phát hiện chướng ngại vật sẽ sáng. Nếu gạt công tắc đèn xi nhan phía được phát hiện, chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài sẽ nháy.

③ Đèn chỉ báo OFF hệ thống BSM

Sáng lên khi hệ thống theo dõi điểm mù bị vô hiệu hóa.

---

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Khi "BSM Unavailable See Owner's Manual" được hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Có thể đã có tuyết, bùn,… đang bám vào xung quanh các cảm biến trên cản xe sau. Hệ thống sẽ trở về hoạt động bình thường sau khi làm sạch tuyết, bùn.. khỏi cản xe. Ngoài ra, các cảm biến có thể không hoạt động bình thường nếu sử dụng trong môi trường với thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.

n **Khi xuất hiện cảnh báo "Lỗi hệ thống theo dõi điểm mù Hỏi ý kiến đại lý" trên màn hình đa thông tin**

Có thể đã có trục trặc đối với cảm biến ví dụ như bị lệch cảm biến. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota.

n **Tùy chọn**

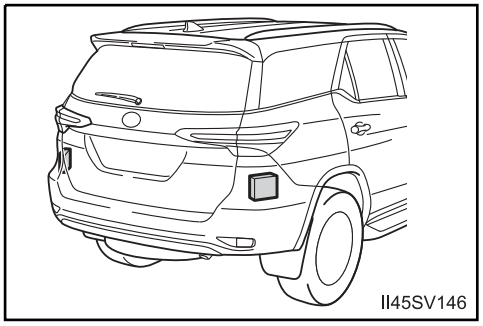
Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P. 668)

⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Cảm biến theo dõi điểm mù được lắp phía sau bên trái và bên phải của cản sau. Hãy tuân theo các chú ý sau để đảm bảo chức năng theo dõi điểm mù có thể hoạt động chính xác.

- Luôn giữ cho các cảm biến và các khu vực xung quanh cản sau luôn sạch.
  Nếu một cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng tuyết, chức năng BSM (theo dõi điểm mù) có thể sẽ không hoạt động và một thông điệp cảnh báo (→P. 298) sẽ được xuất hiện trên màn hình. Trong tình huống này, hãy lau sạch bụi hoặc làm sạch tuyết và lái xe với điều kiện hoạt động của chức năng BSM (→P. 302) trong khoảng 10 phút. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.



- Không gắn bất kỳ các phụ kiện nào hoặc các miếng dán (gồm cả băng dính trong suốt), băng dán nhôm...lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau.
- Không để cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị va chạm mạnh.
  Nếu cảm biến bị lệch vị trí dù chỉ một chút, hệ thống có thể bị lỗi và xe không được phát hiện chính xác.
  Trong những trường hợp sau, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
  - Cảm biến hoặc các khu vực xung quanh cảm biến đã chịu va chạm mạnh.
  - Nếu khu vực xung quanh cảm biến bị xước hoặc bị biến dạng, hoặc một phần của chúng bị rời ra.
- Không tháo rời cảm biến.
- Không sửa đổi cảm biến hoặc khu vực xung quanh trên cản sau của xe.
- Nếu cảm biến hoặc cản sau của xe cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy yêu cầu đại lý Toyota giúp bạn.
- Chỉ sơn lên cản sau của xe bằng các màu tiêu chuẩn của Toyota.

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù

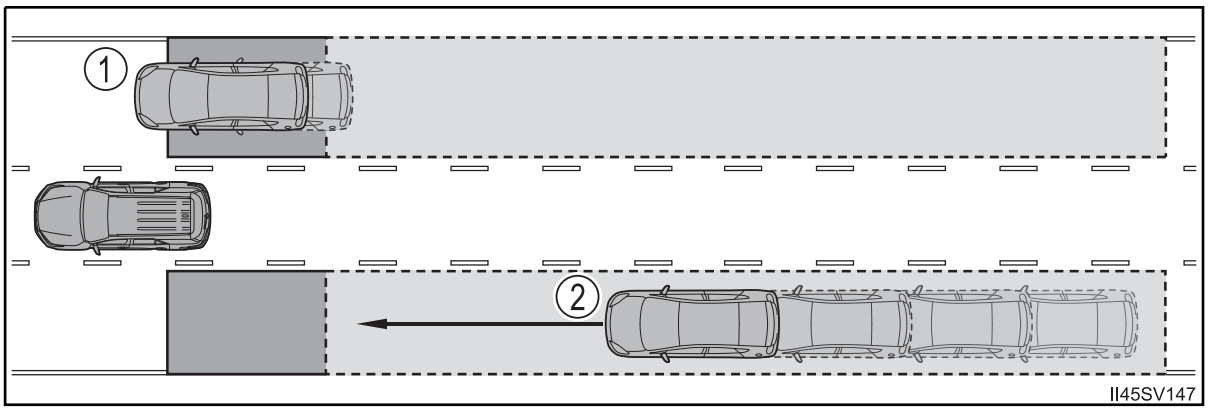
Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng theo dõi điểm mù trên của màn hình đa thông tin. (→P. 668)

Khi chức năng BSM bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo BSM OFF sẽ sáng. (Mỗi lần tắt công tắc động cơ sau khi đã chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), chức năng theo dõi điểm mù sẽ bị kích hoạt một cách tự động.)

Hoạt động theo dõi điểm mù

n Các vật thể có thể được phát hiện trong khi đang lái xe

Chức năng theo dõi điểm mù sử dụng cảm biến ra-đa phía sau để phát hiện những xe đang đi ở làn liền kề và nhắc cho người lái sự xuất hiện của các xe này thông qua các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài.

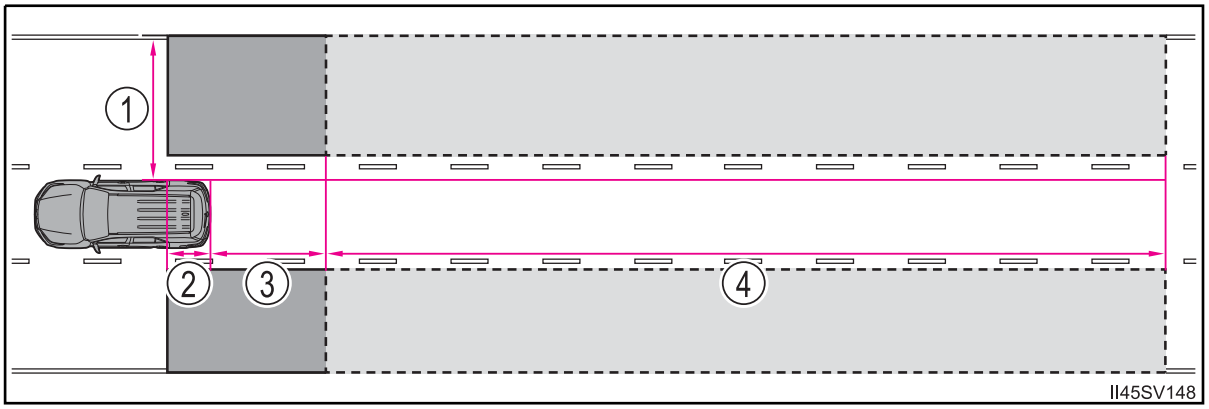


① Những xe đang đi trong khu vực mà không quan sát được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

② Các xe đến nhanh từ khu vực phía sau sẽ không nhìn thấy được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

n Phạm vi phát hiện trong khi lái xe

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Phạm vi của từng khu vực phát hiện là:

① Khoảng 0.5 m đến 3.5 m tính từ hông xe*1

② Khoảng 1 m về phía trước của cản sau

③ Khoảng 3 m tính từ cản sau

④ Cách cản sau khoảng 3 m đến 60 m*2

*1: Khu vực giữa hông xe và 0,5 m tính từ hông xe không thể phát hiện.

*2: Nếu mức độ chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe được phát hiện càng cao thì xe được phát hiện càng xa, và làm cho đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng lên hoặc nhấp nháy.

n **Chức năng theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi**

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Màn hình theo dõi điểm mù đã bật.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Tốc độ xe xấp xỉ 10 km/h trở lên (trong khi đang lái xe).

n **Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện được xe khi**

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện vị trí của xe trong khu vực phát hiện trong các trường hợp sau:

- Xe ở làn liền kề vượt xe bạn.
- Bạn từ từ vượt qua xe khác ở làn liền kề.
- Xe khác đi vào khu vực phát hiện khi xe đó chuyển làn.

n **Những tình huống mà Hệ thống Theo dõi Điểm mù không thể phát hiện được các xe (trong khi đang lái xe)**

Chức năng theo dõi điểm mù sẽ không thể phát hiện các xe và các vật thể khác sau đây (trong khi đang lái xe):

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đi ngược chiều
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Những xe sau đi cùng làn*
- Những xe đang chạy cách xe bạn 2 làn đường*
- Xe bạn vượt nhanh hoặc tạt đầu xe khác*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Những điều kiện sau đây hệ thống có thể hoạt động không chính xác

l Trong những tình huống sau đây, có thể không phát hiện chính xác được xe (trong khi đang lái xe):

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn đất, tuyết, băng giá, giấy dán… che phủ cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau của xe
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi hoặc sương mù
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi có sự chênh lệch tốc độ đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi sự chệnh lệch về tốc độ của xe bạn và xe khác đang thay đổi
- Khi xe đi vào vùng phát hiện và có cùng tốc độ với xe của bạn
- Do xe của bạn được khởi hành từ vị trí dừng, xe vẫn nằm trong phạm vi phát hiện
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi làn đường rộng hoặc khi lái xe trên lề đường, và ở làn liền kề đang chạy xa xe bạn.
- Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Ngay sau khi hệ thống theo dõi điểm mù được bật
- Khi đang kéo một xe khác

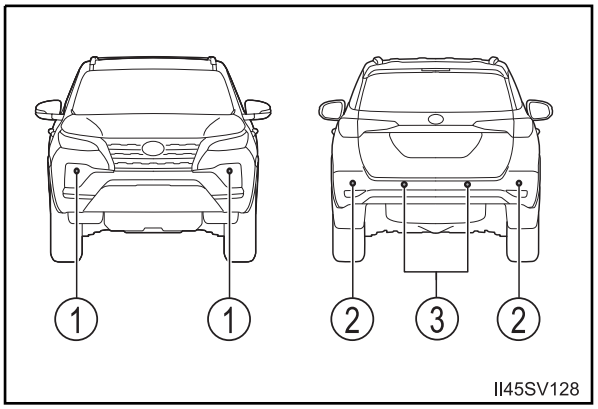
- Những trường hợp phát hiện khi không cần thiết có thể tăng lên (trong khi lái xe) trong các tình huống sau đây:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi khoảng cách giữa xe với dải phân cách, bức tường là ngắn
  - Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
  - Khi làn đường hẹp, hoặc khi lái xe trên lề đường, và một xe khác chạy trên một làn (ngoài làn liền kề) đi vào trong khu vực phát hiện
  - Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
  - Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
  - Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
  - Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
  - Khi đang kéo một xe khác

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

Khoảng cách từ xe bạn tới vật, như bức tường khi đỗ xe song song hoặc điều khiển xe vào trong gara, được đo bởi các cảm biến và được hiển thị trên màn hình đa thông tin và chuông báo. Luôn luôn kiểm tra khu vực xung quanh xe khi sử dụng hệ thống này.

Các loại cảm biến

① Các cảm biến góc phía trước
② Các cảm biến góc phía sau
③ Các cảm biến giữa phía sau

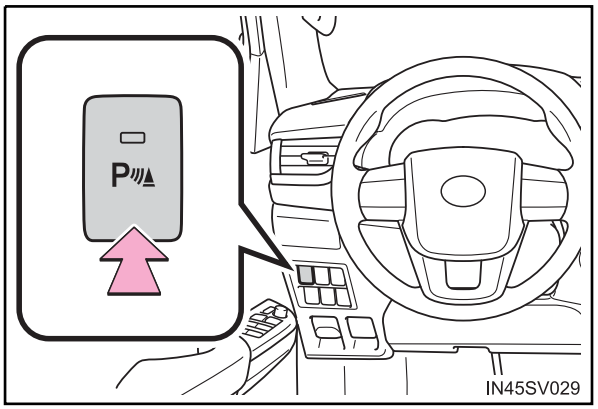


*: Nếu có

Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Bật/tắt công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Khi bật công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe, đèn chỉ báo sẽ sáng lên để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.



Màn hình

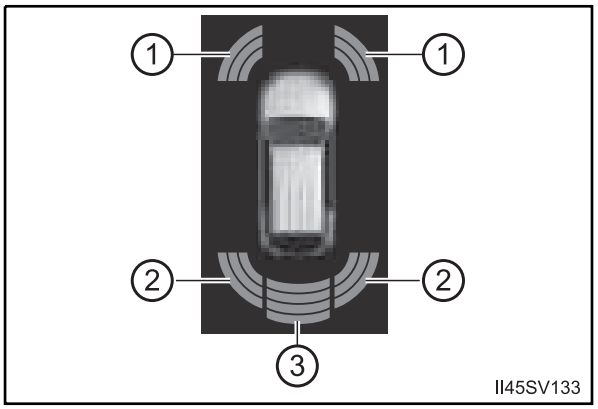
Khi các cảm biến phát hiện vật, các màn hình sau sẽ thông báo cho người lái về vị trí và khoảng cách của xe tới vật.

n Màn hình đa thông tin

① Hoạt động của cảm biến góc phía trước

② Hoạt động của cảm biến góc phía sau

③ Hoạt động của cảm biến giữa phía sau



Màn hình phát hiện của cảm biến, khoảng cách tới vật thể

n Hiển thị khoảng cách

Khi cảm biến phát hiện được vật, khoảng cách tương đối sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Màn hình đa thông tin*	Khoảng cách tới vật thể	
	Cảm biến góc phía trước	Cảm biến giữa phía sau và cảm biến góc phía sau
 (liên tục)	—	Chỉ cho cảm biến giữa phía sau: Từ 150 cm đến 70 cm
 (liên tục)	60 cm đến 45 cm	Cảm biến giữa phía sau: Từ 70 cm đến 60 cm Cảm biến góc phía sau: Từ 60 cm đến 45 cm
 (liên tục)	từ 45 cm đến 35 cm	Cảm biến giữa phía sau: Từ 60 cm đến 50 cm Cảm biến góc phía sau: Từ 45 cm đến 35 cm
 (nhấp nháy)	Nhỏ hơn 35 cm	Cảm biến giữa phía sau: Nhỏ hơn 50 cm Cảm biến góc phía sau: Nhỏ hơn 35 cm

*: Hình ảnh minh họa có thể sẽ khác so với thực tế. (→P. 306)

Hoạt động của chuông báo và khoảng cách tới vật thể

Chuông báo sẽ kêu khi các cảm biến đang hoạt động.

n Khi phát hiện được vật thể ở phía trước hoặc phía sau của xe

l Chuông báo sẽ kêu nhanh hơn khi xe tiến đến gần vật.
Khi xe tiến tới gần tới vật trong các khoảng sách sau đây, chuông sẽ kêu liên tục:
- Cảm biến giữa phía trước và cảm biến góc phía sau: Xấp xỉ 35 cm
- Cảm biến giữa phía sau: Xấp xỉ 50 cm

l Khi phát hiện thấy từ 2 vật trở lên, chuông báo sẽ ưu tiên thông báo vật ở gần nhất.

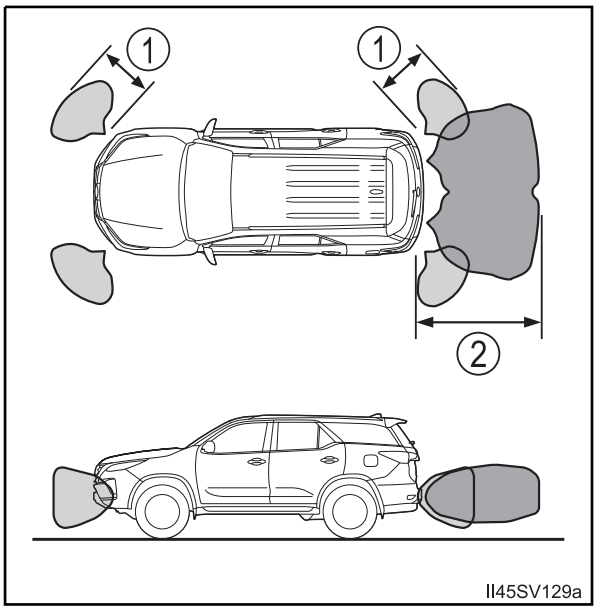
Khoảng cách phát hiện của các cảm biến

① Xấp xỉ 60 cm

② Xấp xỉ 150 cm

Hình minh họa này cho biết phạm vi phát hiện của các cảm biến. Lưu ý rằng các cảm biến có thể sẽ không phát hiện được những vật nằm quá gần với xe.

Phạm vi phát hiện của cảm biến có thể sẽ thay đổi theo hình dạng của vật thể.



n Có thể sử dụng các cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota khi

- Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Cảm biến góc phía trước
  - Cần chọn số không ở vị trí P.
  - Tốc độ xe đạt từ 10 km/h trở xuống.
- Các cảm biến góc phía sau và cảm biến giữa phía sau:

  Khi cần số đang ở vị trí R.

n Thông tin phát hiện của cảm biến

- Phạm vi phát hiện của cảm biến bị hạn chế đối với những khu vực quanh cản xe.
- Tùy thuộc vào hình dạng của vật và các yếu tố khác mà khoảng cách phát hiện có thể sẽ bị thu ngắn lại và hệ thống có thể sẽ không phát hiện được vật thể.
- Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được vật thể nếu nó nằm quá gần cảm biến.
- Hình ảnh được hiển thị trên màn hình có thể sẽ đáp ứng trễ một chút so với thực tế. Ngay cả khi tốc độ thấp, có khả năng vật thể sẽ xuất hiện trong phạm vi phát hiện của cảm biến, trước khi màn hình kịp phản ứng và chuông cảnh báo kêu.
- Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được những cột nhỏ hoặc những vật thấp hơn cảm biến khi xe tiến lại gần, kể cả khi hệ thống đã từng phát hiện ra chúng.
- Nếu bạn để âm lượng của hệ thống âm thanh quá cao hoặc tiếng ồn phát ra từ hệ thống điều hòa quá lớn thì có thể bạn sẽ khó nghe được tiếng kêu cảnh báo của hệ thống.

n Các vật thể mà hệ thống có thể không phát hiện chính xác

Hình dạng của một số vật thể sau có thể gây trở ngại cho cảm biến khi xác định chúng. Hãy đặc biệt chú ý tới các loại vật thể sau:

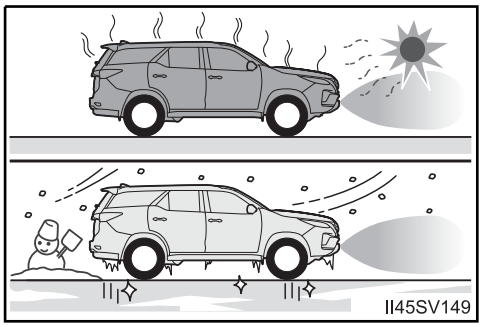
- Dây điện, hàng rào, dây thừng….
- Vải cốt tông, tuyết và các vật liệu khác có khả năng hấp thụ sóng âm thanh
- Những vật có cạnh sắc
- Các vật thể thấp
- Những vật cao có phần phía trên nhô ra bên ngoài về phía xe của bạn
- Vật chuyển động như xe người hoặc con vật

Hệ thống cũng có thể sẽ không xác định được người đi bộ nếu họ mặc một số loại quần áo nhất định.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Trong một số điều kiện của xe cũng như môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng tới khả năng phát hiện chính xác vật của cảm biến. Đặc biệt là trong các trường hợp được liệt kê dưới đây.

- Khi cảm biến bị dính bụi bẩn, tuyết hoặc bị đóng băng. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi được rửa sạch.)
- Khi cảm biến bị đóng băng. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi băng tan.)
  Trong điều kiện thời tiết cực lạnh, khi cảm biến bị đóng băng thì màn hình có thể sẽ hiển thị bất thường hoặc không phát hiện được vật.
- Khi cảm biến bị che phủ.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh



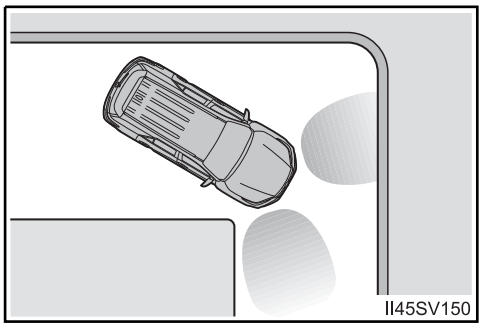
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi vật thể nằm quá gần cảm biến.
- Khi người đi bộ mặc quần áo hấp thụ sóng siêu âm (ví dụ như váy nhiều tầng).
- Khi các vật thể không vuông góc với mặt đất, vật không vuông góc với hướng di chuyển của xe, vật không bằng phẳng hoặc vật lồi lõm trong phạm vi phát hiện.
- Khi có gió tạt mạnh.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi không thể phát hiện được vật giữa xe và vật đã được phát hiện.
- Những vật như xe, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ đi cắt ngang phía trước xe hoặc nhảy ra từ hai bên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết.

- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.

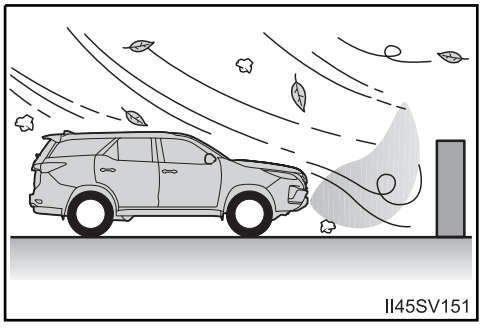
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Trong một số tình huống sau đây, hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

- Khi lái xe trên đường hẹp.

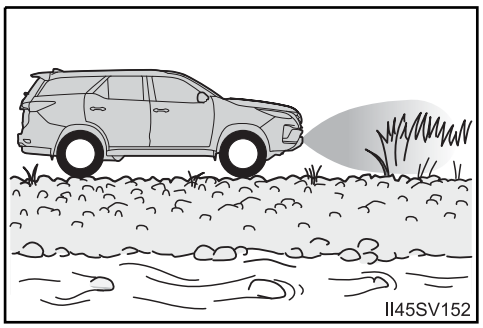


- Khi lái xe hướng đến băng rôn hoặc cờ phướn được treo thấp hoặc rào chắn (rào chắn đường sắt, trạm thu phí hoặc vào khu vực đỗ xe).
- Có ổ gà trên mặt đường.
- Khi lái xe trên một bề mặt tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước.
- Khi lái xe lên hoặc xuống dốc.
- Nếu cảm biến bị ướt do một lượng nước lớn tạt vào, như khi lái xe trên đường ngập nước.
- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi có gió tạt mạnh.



- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.

- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi xe tiến gần tới một vật thể cao hoặc lề đường cong.
- Lái xe đến gần các trụ (dầm sắt chữ H, vv...) trong ga ra đỗ xe nhiều tầng, công trường xây dựng, vv...
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.



- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.

n **Nếu "Vệ sinh Cảm biến Hỗ trợ Đỗ xe" hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Cảm biến có thể bị bẩn hoặc che phủ bởi băng hoặc tuyết. Trong trường hợp này, nếu loại bỏ băng tuyết ra khỏi cảm biến, hệ thống sẽ trở về bình thường.

Đồng thời, do cảm biến bị đóng băng ở nhiệt độ thấp, màn hình lỗi có thể hiển thị hoặc vật thể có thể không được phát hiện. Nếu băng đã tan, hệ thống sẽ trở về bình thường.

n **Nếu thông điệp "Parking Assist Malfunction Visit Your Dealer" được hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Tùy vào lỗi của cảm biến, thiết bị có thể không hoạt động bình thường. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu "Parking Assist Malfunction" được hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Nước có thể liên tục chảy lên bề mặt cảm biến, như khi trời mưa to. Khi hệ thống xác định là bình thường, thì hệ thống sẽ hoạt động bình thường.

n **Tùy chọn**

Có thể thay đổi các cài đặt âm lượng của tiếng kêu bíp.
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 669)

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Do hệ thống có một số hạn chế về độ chính xác của việc phát hiện và tính năng hoạt động, vì vậy không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới tình trạng lái xe mất an toàn và có thể gây tai nạn.

- Không được làm hỏng các cảm biến, luôn nhớ giữ nó sạch sẽ
- Không gắn các miếng dán hoặc thiết bị điện như đèn soi biển số (đặc biệt là kiểu đèn huỳnh quang), các đèn sương mù, cột ăng ten hoặc ăng ten gần cảm biến rađa.
- Không được để khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm mạnh. Nếu đã bị va chạm, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn. Nếu cản xe phía trước hoặc phía sau cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Không được chỉnh sửa hay tháo rời hoặc sơn lên các cảm biến
- Không được bọc đèn soi biển số.
- Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn.

n **Khi vô hiệu hóa chức năng**

Những tình huống sau có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

- Nếu không, sẽ xuất hiện các cảnh báo nói trên.
- Khi lắp các chi tiết của hệ thống treo (treo dưới…) không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota lên xe.

n **Các lưu ý khi rửa xe**

Không phun nước có áp suất cao hoặc hơi nước vào khu vực gắn cảm biến.

Nếu không có thể sẽ làm cho cảm biến bị trục trặc.

- Khi sử dụng nước áp lực cao để rửa xe, không được phun nước trực tiếp lên cảm biến, nếu không có thể gây trục trặc cảm biến.
- Nếu sử dụng hơi nước để rửa xe, không được phun trực tiếp hơi nước quá gần các cảm biến, nếu không sẽ làm trục trặc cảm biến.

CHÚ Ý

n **Khi sử dụng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Trong các trường hợp sau, hệ thống có thể không hoạt động chính xác do có lỗi trong cảm biến. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Khi màn hình hoạt động của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota nháy và chuông kêu trong khi không có vật thể nào ở gần.
- Khi khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm hoặc chịu va đập mạnh.
- Khi cản xe đã bị va chạm.
- Khi màn hình sáng liên tục nhưng không nghe thấy tiếng bíp

Chức năng RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau)*

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau BSM được lắp ở phía sau cản sau. Chức năng này để hỗ trợ cho người lái kiểm tra các khu vực xung quanh không dễ nhìn khi lùi xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Chức năng RCTA chỉ là một chức năng hỗ trợ để cảnh báo người lái rằng có một xe khác đang tiến đến gần từ phía sau bên phải hoặc bên trái.

Vì chức năng RCTA có thể không hoạt động chính xác trong một số điều kiện nhất định, việc xác nhận an toàn bằng cách quan sát là rất cần thiết.

Việc quá tin tưởng vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Các chi tiết của hệ thống

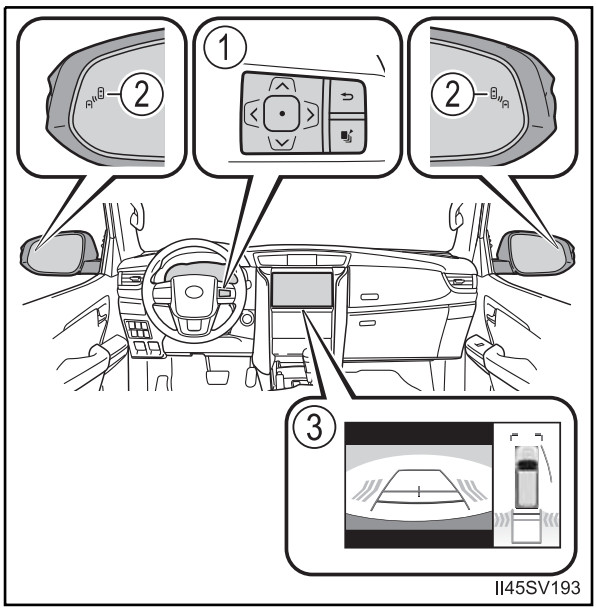
① Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/ tắt chức năng RCTA. Khi chức năng RCTA bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo RCTA OFF sẽ sáng.

② Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Nếu phát hiện thấy có một xe đang tiến đến gần phía sau xe từ bên trái hoặc bên phải, cả hai đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu.

③ Màn hình trung tâm



*: Nếu có

Khi phát hiện xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái, thì biểu tượng RCTA (→P. 317) cho phía được phát hiện sẽ được hiển thị trên màn hình trung tâm. Hình vẽ này hiển thị một ví dụ xe đang tiếp cận từ cả 2 bên hông xe.

Bật/ tắt chức năng RCTA

Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống RCTA trên ⚙ của màn hình đa thông tin. (→P. 668)

Khi chức năng RCTA bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo (→P. 103) RCTA OFF sẽ sáng. (Mỗi lần tắt công tắc động cơ sau khi đã chuyển đến vị trí “ON” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), chức năng theo dõi điểm mù sẽ bị kích hoạt một cách tự động.)

---

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Khi nghe chuông báo RCTA**

Bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông báo của chức năng RCTA do tiếng ồn bên ngoài, như khi bật hệ thống âm thanh với mức âm lượng quá lớn.

n **Khi cảnh báo "RCTA Unavailable" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Có thể đã có tuyết, bùn,… đang bám vào xung quanh các cảm biến trên cản xe sau. (→P. 299) lấy tuyết, bùn,… ra khỏi khu vực xung quang của cản xe, nó sẽ trở về trạng thái bình thường. Ngoài ra, cảm biến có thể bị hư hỏng nếu sử dụng trong môi trường với thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.

n **Khi cảnh báo "RCTA Malfunction Visit Your Dealer" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Có thể một cảm biến đã bị lỗi hoặc bị lệch. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức ở đại lý Toyota.

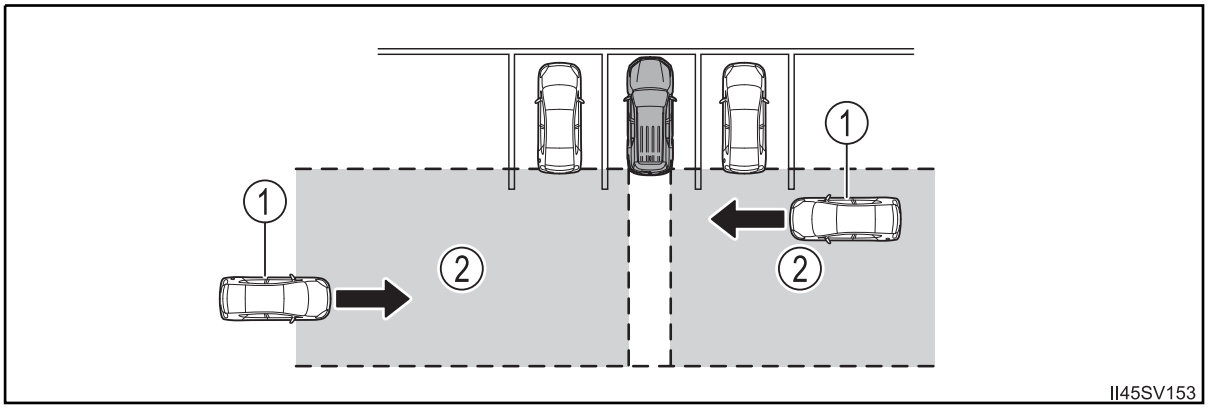
n **Các cảm biến ra-đa bên phía sau**

→P. 299

Chức năng RCTA

n Hoạt động của chức năng RCTA

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau để phát hiện các xe đang tiếp cận từ phía sau bên phải và bên trái của xe, và cảnh báo cho người lái biết sự xuất hiện của các xe đó bằng cách nháy các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài và làm kêu chuông báo.



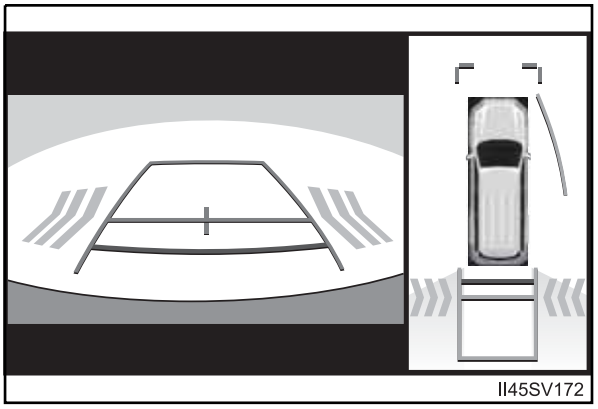
① Các xe đang tiếp cận

② Khu vực phát hiện xe khác đang tiếp cận

n Biểu tượng RCTA

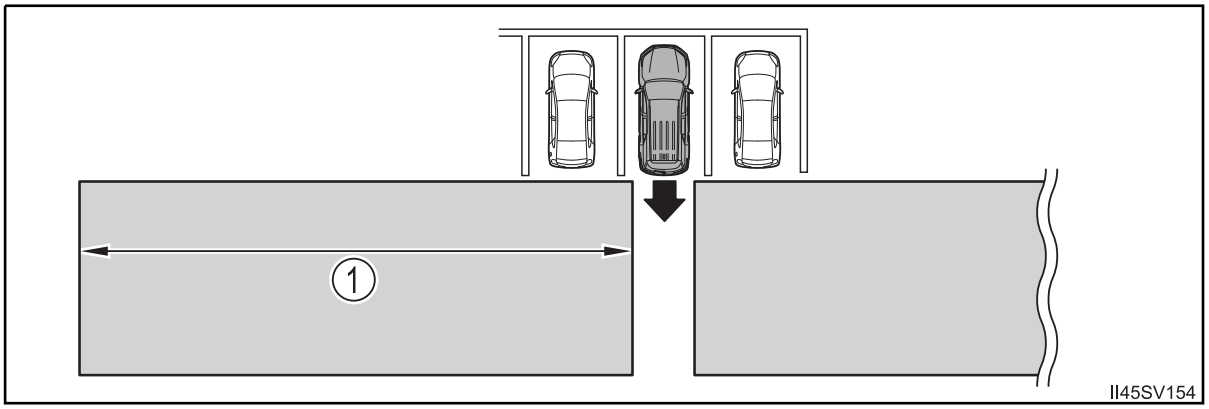
Khi phát hiện xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái, thì những thông tin sau sẽ được hiển thị trên màn hình trung tâm.

- Ví dụ (màn hình nhìn toàn cảnh): Có nhiều xe đang tiến gần đến xe bạn từ cả hai bên hông xe.



n Phạm vi phát hiện của chức năng RCTA

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Chuông có thể cảnh báo cho người lái rằng có xe khác chạy nhanh hơn đang tiếp cận từ xa.

Ví dụ:

Xe đang tiếp cận	Tốc độ	① Khoảng cách thông báo phù hợp
Nhanh	56 km/h	30 m
Chậm	8 km/h	4 m

n Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi

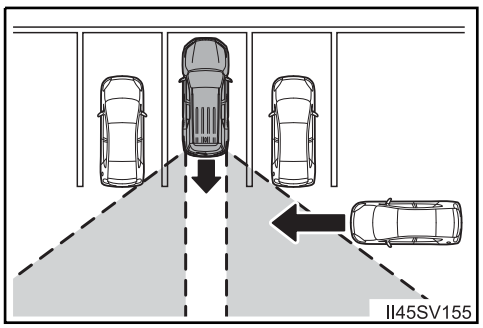
Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Chức năng RCTA đang bật.
- Khi cần số đang ở vị trí R.
- Khi tốc độ xe thấp hơn 15 km/h.
- Tốc độ của xe đang đến gần từ 8 km/h đến 56 km/h.

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

Chức năng RCTA này không được thiết kế để nhận diện các loại xe và/hoặc các vật thể sau:

- Các xe đang tiếp cận trực tiếp từ phía sau
- Xe lùi vào vị trí đỗ xe cạnh xe bạn
- Khi các cảm biến không thể phát hiện được các xe do có các chướng ngại vật



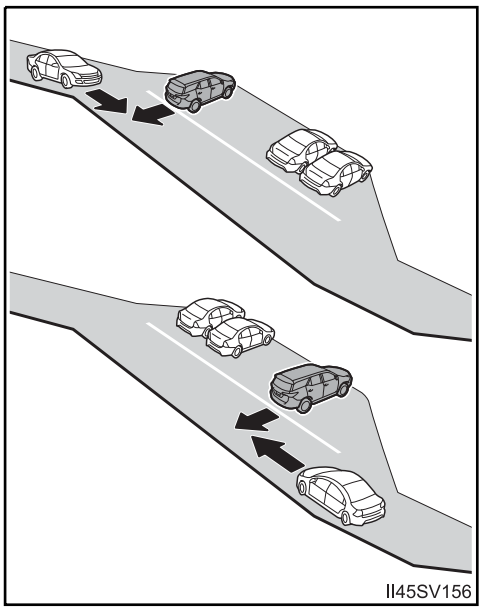
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đang chạy cách xa xe bạn
- Xe tiếp cận từ khoang đỗ xe cạnh xe bạn*
- Khoảng cách giữa cảm biến và xe đang tiếp cận là quá gần.

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

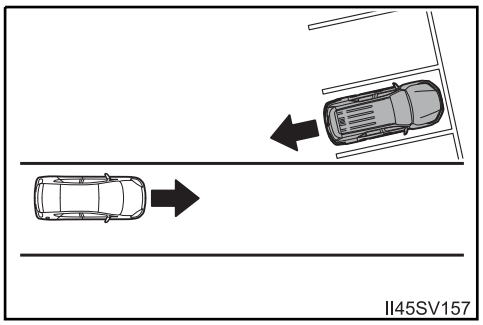
n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Chức năng RCTA có thể không phát hiện chính xác xe trong các điều kiện sau:

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi hoặc sương mù
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi có xe đang đến gần ở tốc độ cao
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi lùi xe trên dốc với độ dốc lớn

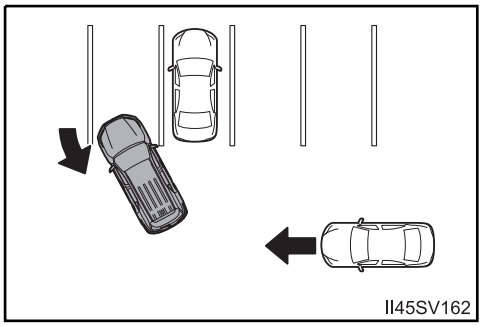


- Khi lùi xe ra khỏi khu vực đỗ có góc nhọn

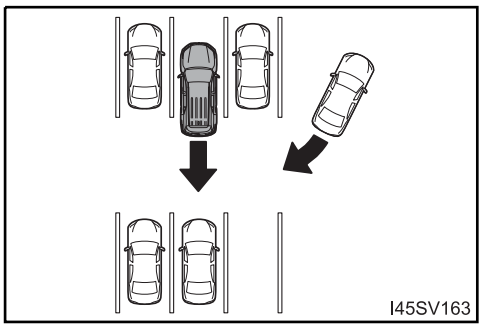


- Ngay sau khi bật chức năng RCTA
- Ngay sau khi động cơ khởi động với chức năng RCTA hoạt động
- Khi các cảm biến không thể phát hiện ra xe khác do vướng vật cản
- Khi kéo moóc
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh

- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Đánh lái rẽ khi đang lùi xe



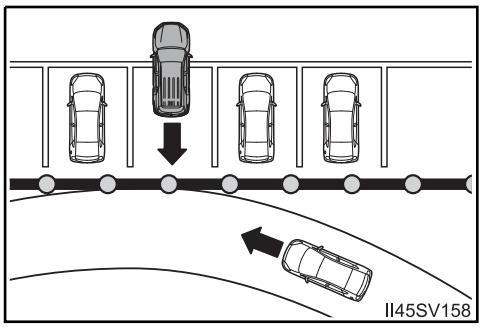
- Khi xe đang rẽ vào vùng phát hiện



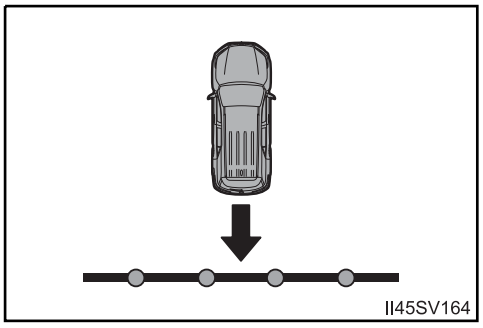
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Chức năng RCTA sẽ phát hiện xe hoặc/và vật trong các trường hợp sau khi không cần thiết:

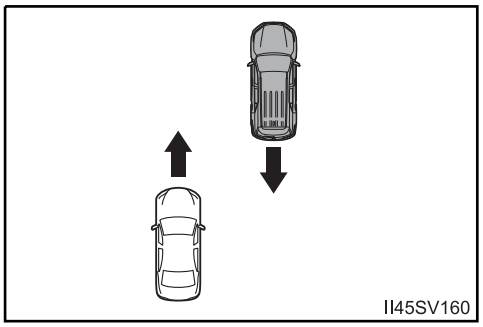
- Khi chỗ đỗ xe hướng ra đường và có các xe đang chạy trên đường



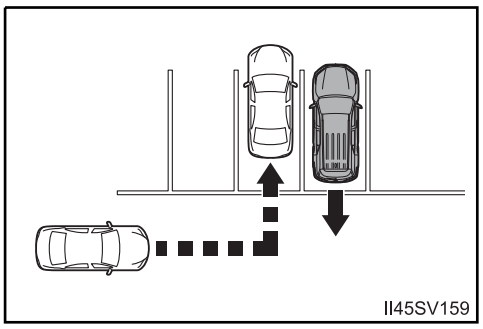
- Khi khoảng cách giữa xe của bạn và các vật thể, như hàng rào, bức tường, biển hiệu hoặc một xe khác đang đỗ… là những vật có thể phản xạ sóng điện từ về phía sau của xe là ngắn



- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi có xe khác vượt qua hông xe bạn



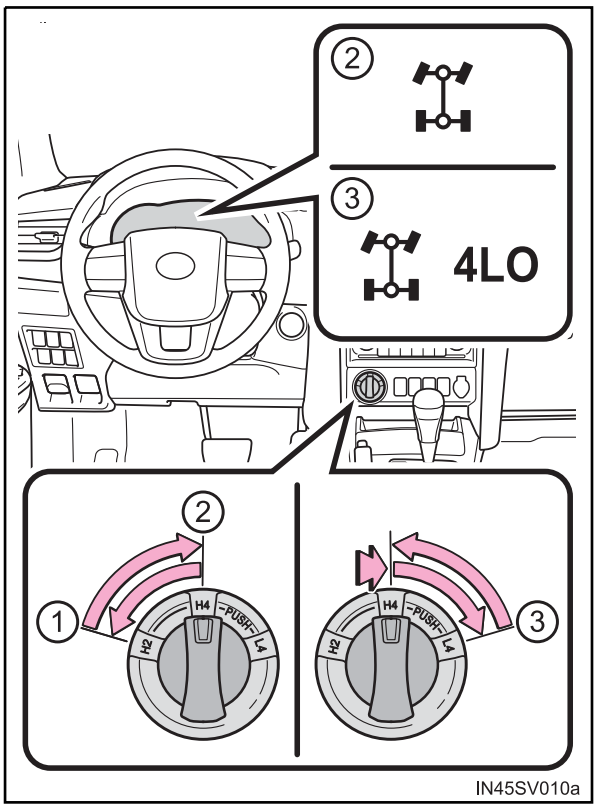
- Khi xe được phát hiện rẽ trong khi đang tiếp cận xe bạn



- Khi có những vật đang quay ở gần xe như quạt của điều hòa không khí.
- Khi nước tràn hoặc bắn vào cản sau của xe như vòi phun nước chữa cháy.
- Các vật di đang chuyển (lá cờ, khói của khí xả, giọt nước mưa lớn hoặc bóng tuyết, nước mưa trên mặt đường, vv...)
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và lan can, bức tường, vv..., khi đi vào vùng phát hiện là ngắn.
- Lưới và máng
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe

Hệ thống bốn bánh chủ động*

Sử dụng công tắc điều khiển dẫn động bánh trước để chọn chế độ hoạt động của hộp số phụ như sau.



① H2 (vị trí tốc độ cao, hai bánh chủ động)

Hãy sử dụng chế độ này khi lái xe bình thường trên đường cứng và khô ráo.-Chế độ này sẽ giúp tiết kiệm nhiên liệu, lái xe êm và ít bị mài mòn.

② H4 (vị trí tốc độ cao, bốn bánh chủ động)

Chỉ sử dụng chế độ này khi lái xe trên đường có thể bị trượt bánh, như khi lái xe địa hình phức tạp, trên đường đóng băng hoặc đường bị tuyết phủ. Vị trí này sẽ giúp tăng khả năng bám đường hơn so với chế độ hai bánh chủ động.

Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động sẽ sáng lên.

③ L4 (vị trí tốc độ thấp, bốn bánh chủ động)

Vị trí này sẽ cung cấp công suất và lực kéo lớn nhất. Hãy sử dụng vị trí L4 để leo dốc hoặc xuống dốc cao, lái xe trên địa hình phức tạp và khi tải nặng như lái xe trên cát, bùn hoặc tuyết phủ dày.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động và bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên.

Hệ thống A.D.D (Vi sai ngắt tự động) (nếu có)

Có thể gài hoặc nhả hệ thống A.D.D bằng thao tác điều khiển chuyển được miêu tả dưới đây.

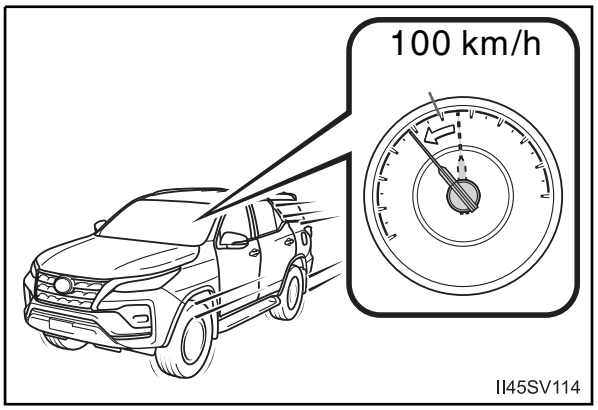
*: Nếu có

Chuyển giữa chế độ H2 và H4

n Chuyển từ chế độ H2 sang H4

1 Giảm tốc độ xe xuống dưới 100 km/h.

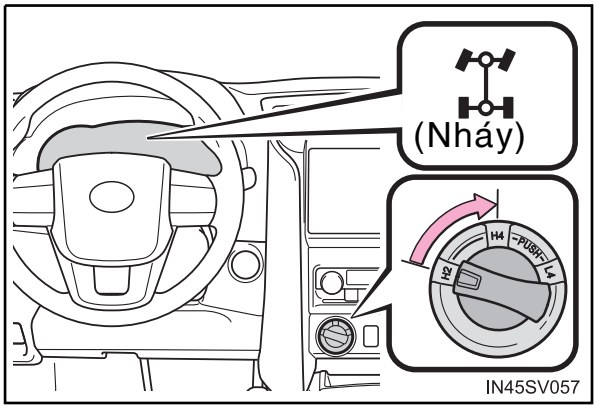
Sẽ không thể chuyển được chế độ của hộp số phụ khi tốc độ xe lớn hơn 100 km/h.



2 Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H4.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động sẽ nháy trong khi hệ thống đang chuyển chế độ.

Nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước khi tốc độ của xe lớn hơn 100 km/h, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động sẽ nháy và chuông sẽ kêu.



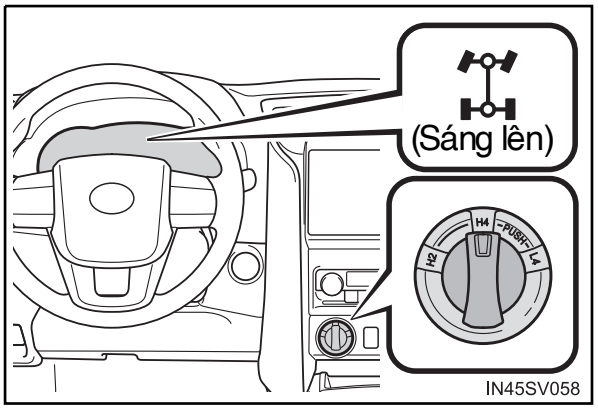
Giảm tốc độ xe xuống dưới 100 km/h, hoặc vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước về vị trí H2 và thử lại bước số 1 một lần nữa.

3 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động đã sáng lên.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động sẽ sáng lên khi hoàn thành quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ.

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động không ngừng nhấp nháy sau khi đã vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí H2 tới vị trí H4, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi giữ thẳng lái.

- Tăng tốc
- Giảm tốc



• Lùi xe

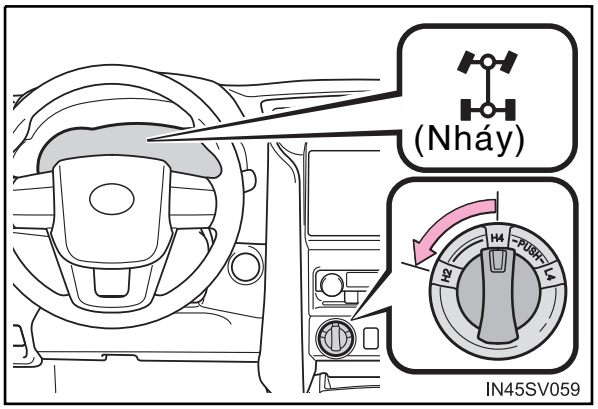
Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động có thể sẽ không ngừng nhấp nháy nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí H2 tới vị trí H4 trong khi xe đang dừng. Trong trường hợp đó, hãy thực hiện một trong các thao tác sau.

• Tiến xe
• Lùi xe

n Chuyển từ chế độ H4 sang H2

1 Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H2.

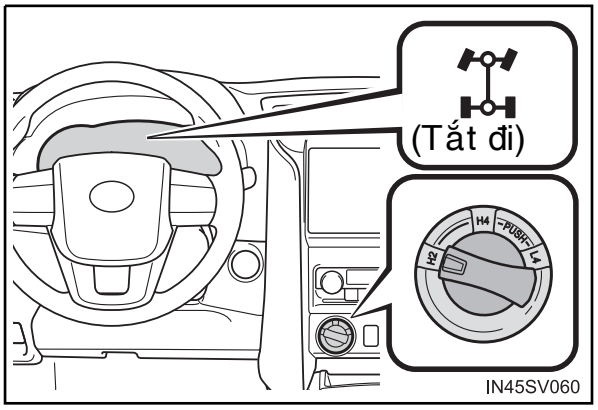
Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động sẽ nháy trong khi hệ thống đang chuyển chế độ.



2 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tắt đi.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động sẽ tắt đi khi hoàn thành quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ.

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động không ngừng nhấp nháy sau khi đã vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí H4 tới vị trí H2, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi giữ thẳng lái.



- Tăng tốc
- Giảm tốc
- Lùi xe

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động vẫn liên tục nhấp nháy, hãy thực hiện các thao tác trên trong khi đánh vô lăng sang phải và sang trái.

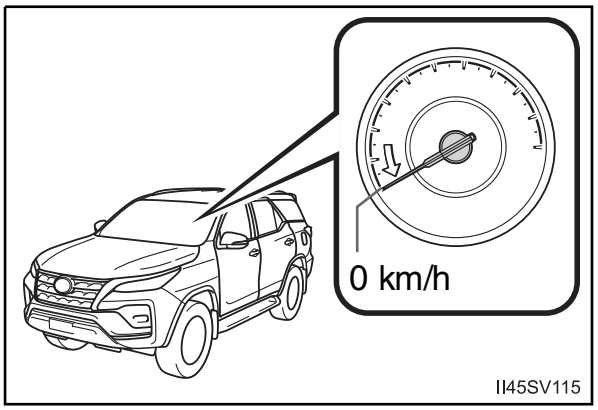
Thân xe và tay lái có thể bị rung. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu trục trặc.

Chuyển giữa chế độ H4 và L4 (hộp số tự động)

n Chuyển từ chế độ H4 sang L4

1 Dừng xe lại.

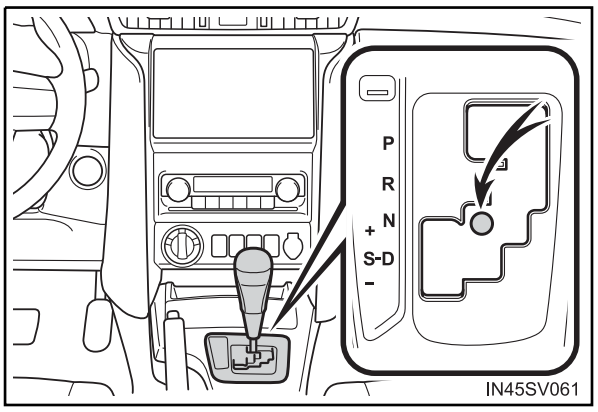
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



2 Chuyển cần số sang vị trí N.

Hãy giữ cần số ở vị trí N cho tới khi hoàn tất quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ (đèn chỉ báo sáng lên).

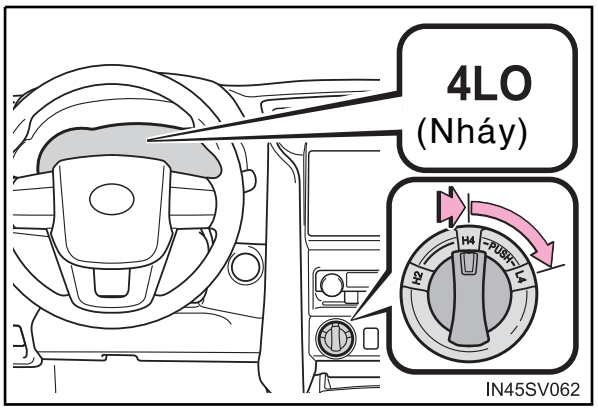
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu cần số nằm ngoài vị trí N.



3 Hãy ấn và vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến vị trí L4.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

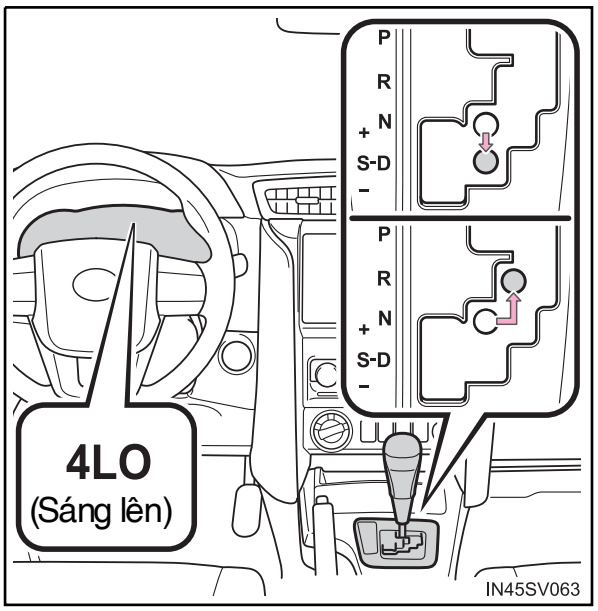
Nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu. Hãy vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước trở lại vị trí H4 và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.



Nếu chuyển cần số tới một vị trí bất kỳ ngoài vị trí N trong khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức chuyển cần số tới vị trí N và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã sáng lên.

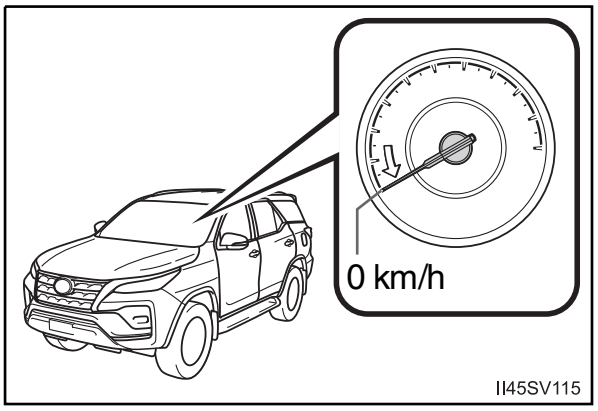
Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.
Chuyển cần số từ vị trí N tới vị trí D hoặc R để lái xe.



n Chuyển từ chế độ L4 sang H4

1 Dừng xe lại.

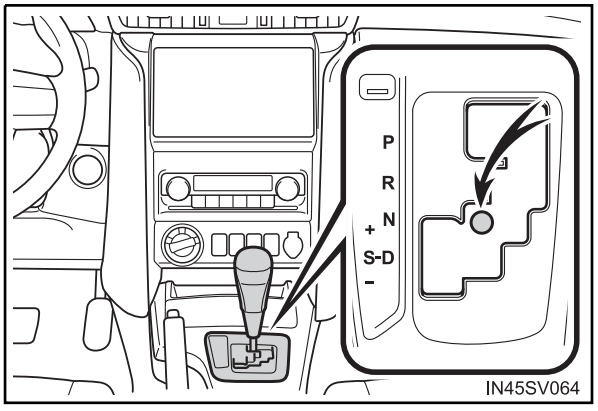
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



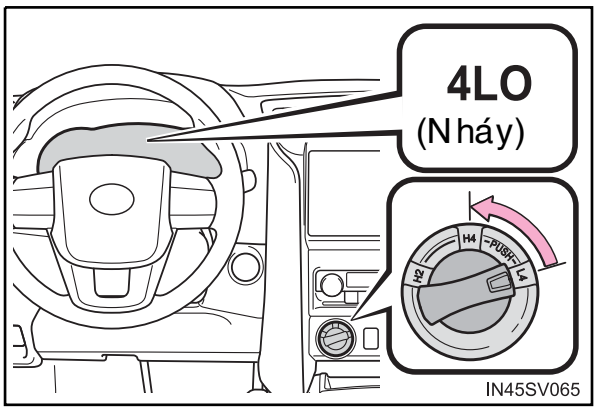
2 Chuyển cần số sang vị trí N.

Hãy giữ cần số ở vị trí N cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu cần số nằm ngoài vị trí N.



3 Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H4.

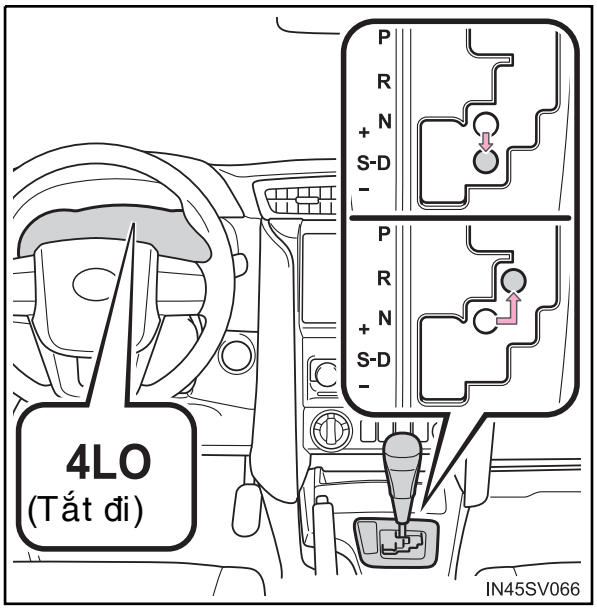


Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông kêu. Hãy vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước trở lại vị trí L4 và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

Nếu chuyển cần số tới một vị trí bất kỳ ngoài vị trí N trong khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức chuyển cần số tới vị trí N và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

4 Hãy kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã tắt đi.



Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ tắt đi khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất. Chuyển cần số từ vị trí N tới vị trí D hoặc R để lái xe.

⚠ CHÚ Ý

n **Chuyển giữa chế độ H4 và L4**

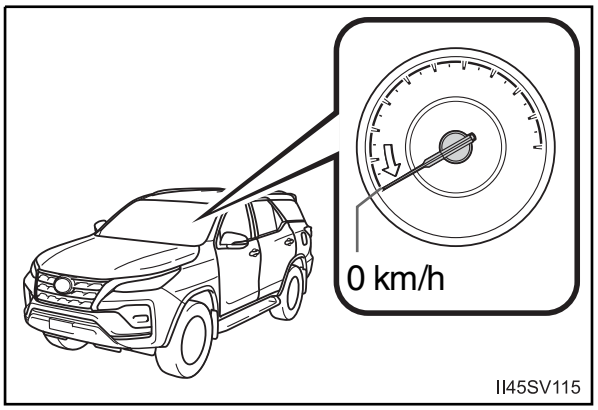
Không được chuyển cần số đến vị trị khác ngoài N hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.

Chuyển giữa chế độ H4 và L4 (hộp số thường)

n Chuyển từ chế độ H4 sang L4

1 Dừng xe lại.

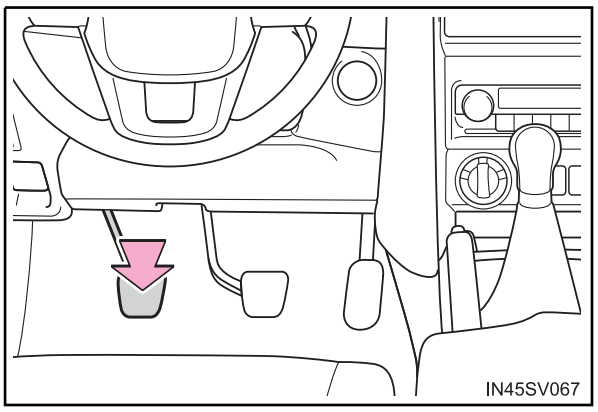
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



2 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

Hãy giữ bàn đạp ly hợp cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt đi).

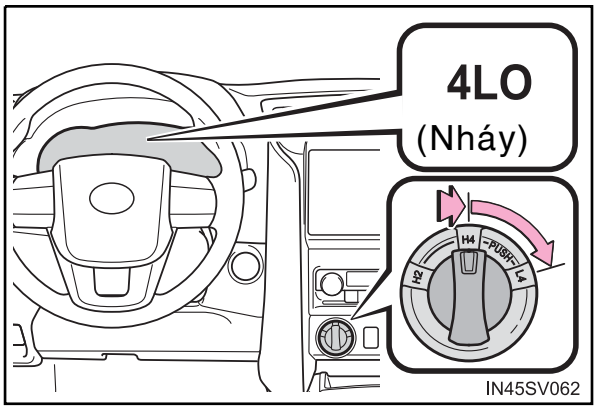
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu không đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp.



3 Hãy ấn và vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến vị trí L4.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu. Hãy vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước trở lại vị trí H4 và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

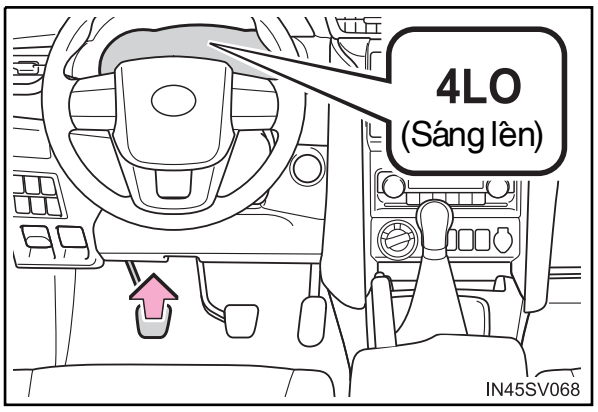


Nếu nhả bàn đạp ly hợp trong khi đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức đạp chắc bàn đạp ly hợp và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã sáng lên.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

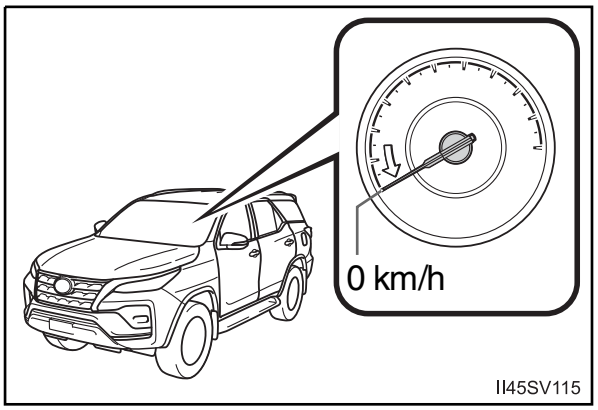
Nhả bàn đạp ly hợp để lái xe.



n Chuyển từ chế độ L4 sang H4

1 Dừng xe lại.

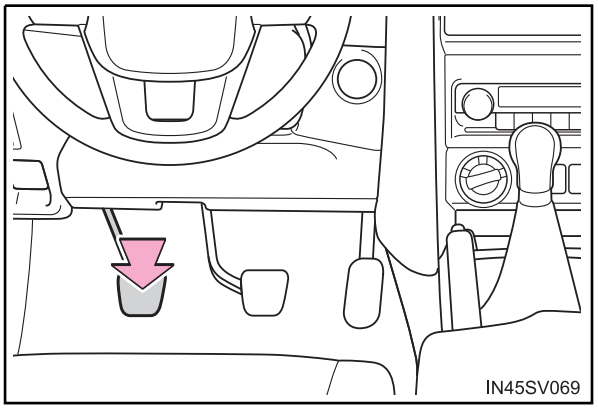
Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



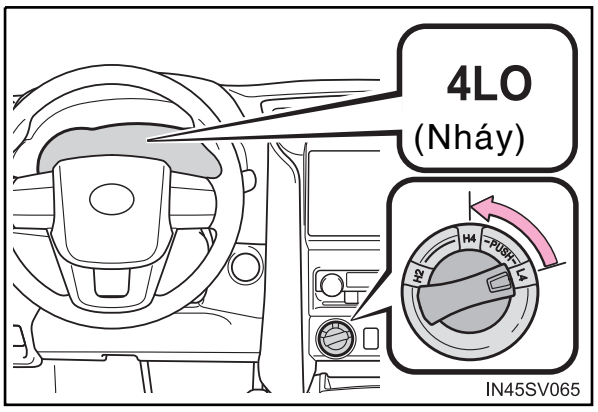
2 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

Hãy giữ bàn đạp ly hợp cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu không đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp.



3 Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H4.

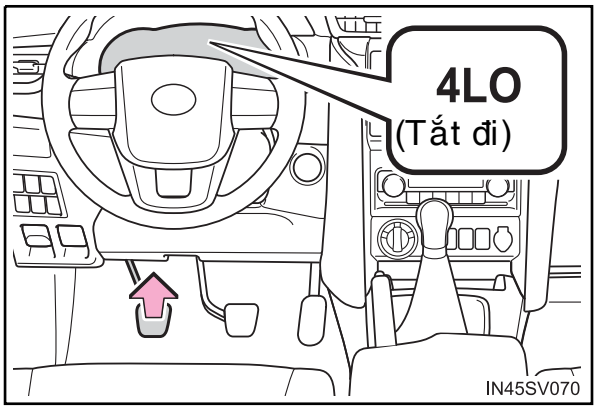


Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông kêu. Hãy vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước trở lại vị trí L4 và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

Nếu nhả bàn đạp ly hợp trong khi đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức đạp chắc bàn đạp ly hợp và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

4 Hãy kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã tắt đi.



Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ tắt đi khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.

Nhả bàn đạp ly hợp để lái xe.

⚠ CHÚ Ý

n **Chuyển giữa chế độ H4 và L4**

Không nhả bàn đạp ly hợp hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.

n Tần suất sử dụng bốn bánh chủ động

Bạn nên lái xe ở chế độ bốn bánh chủ động tối thiểu 16 km mỗi tháng. Việc này nhằm đảm bảo rằng các chi tiết của hệ thống dẫn động cầu trước được bôi trơn thường xuyên.

n Chuyển giữa chế độ H2 và H4

Nếu bạn gặp phải khó khăn khi chuyển số trong điều kiện thời tiết lạnh giá, hãy giảm tốc độ hoặc dừng xe và chuyển số lại.

n Chuyển đến L4

VSC sẽ tự động tắt.

n Khi lái xe trên đường rải đá khô hoặc trên đường cao tốc

Hãy sử dụng vị trí H2. Nếu lái xe ở vị trí H4 hoặc L4 trong một thời gian dài, chuông cảnh báo sẽ kêu và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, hãy làm theo các hướng dẫn của cảnh báo.

⚠ CẢNH BÁO

n Trong khi lái xe

- Không được chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí H2 tới vị trí H4 nếu bánh xe đang bị quay trơn. Hãy đợi cho bánh xe ngừng trượt hoặc quay tròn trước khi chuyển số.
- Khi lái xe trên đường cứng và khô ráo, hãy để hộp số ở vị trí H2. Nếu lái xe với hộp số ở vị trí H4 hoặc L4 trên đường cứng và khô ráo có thể gây rò rỉ dầu, bó máy, hoặc những trục trặc khác và có thể dẫn đến tai nạn. Ngoài ra còn có thể gây mòn lốp và tăng lượng tiêu thụ nhiên liệu.
- Tránh chuyển số đột ngột về vị trí H4 hoặc L4. Nếu đánh lái gấp, tốc độ chênh lệch khi quay vòng của bánh xe trước và sau sẽ có tác dụng như phanh và làm cho bạn khó điều khiển được xe.

Hệ thống khóa vi sai sau*

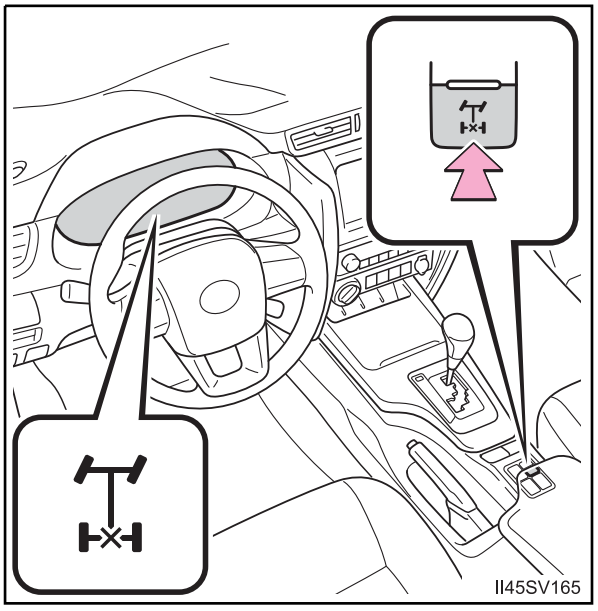
Hệ thống khóa vi sai sau chỉ được sử dụng khi bánh xe bị quay trơn do sa xuống rãnh hoặc khi lái xe trên mặt đường trơn trượt.

Hệ thống khóa vi sai sau sẽ phát huy tác dụng khi các bánh xe sau bị quay tròn.

Hãy ấn nút khóa vi sai sau để khóa cụm vi sai sau.

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên.

Để mở khóa vi sai sau, hãy ấn nút một lần nữa.

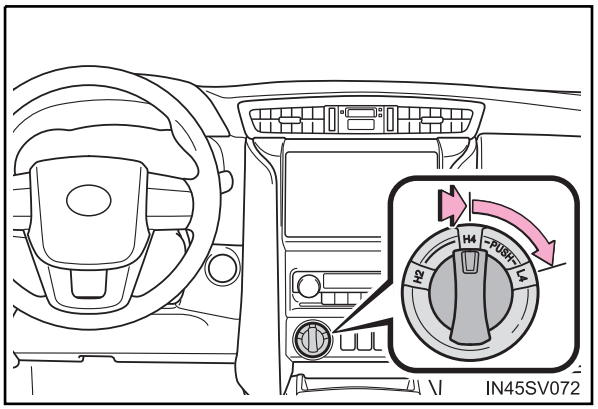


*: Nếu có

Sử dụng hệ thống khóa vi sai sau

1 Chỉ cho xe 4WD*: Trước khi sử dụng hệ thống khóa vi sai sau, hãy bật công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí L4 và thử lái xe đi.
(→P. 327, 330)

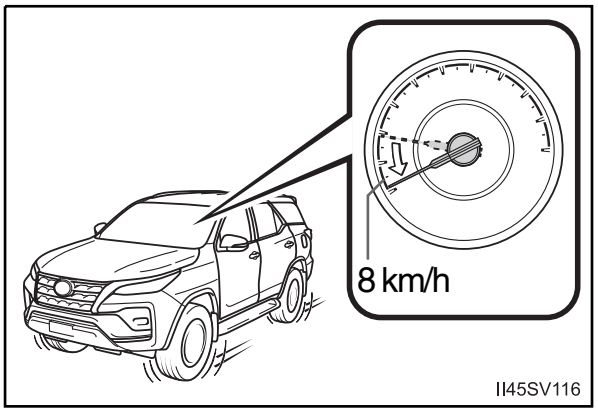
Nếu vẫn không được, hãy sử dụng thêm hệ thống khóa vi sai sau.



*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

2 Giảm tốc xuống dưới 8 km/h.

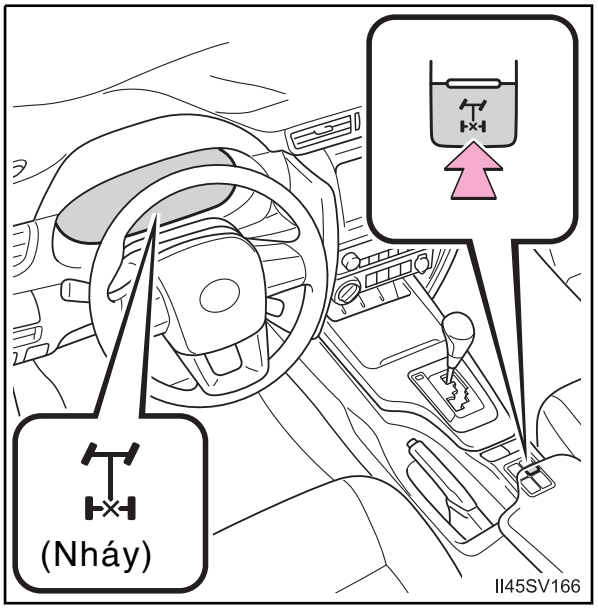
Hãy đảm bảo rằng các bánh xe không bị quay trơn.



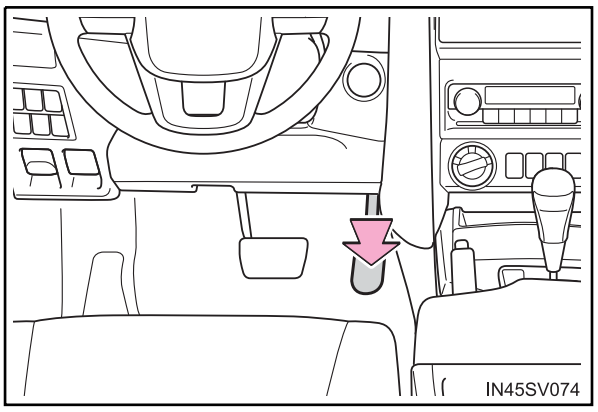
3 Ấn nút khóa vi sai sau.

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ nháy trong khi cụm vi sai sau đang bị khóa.

Nếu ấn công tắc khóa vi sai sau mà không thực hiện các bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ nháy ba lần và chuông sẽ kêu ba lần, và cụm vi sai sau sẽ không khóa được. Hãy làm lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.



4 Đạp nhẹ bàn đạp ga.

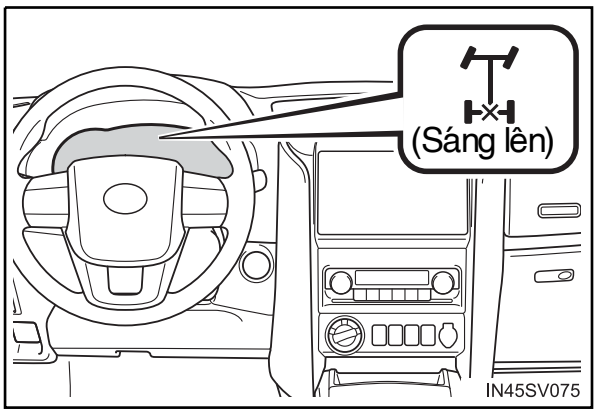


5 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên.

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên khi quá trình khóa cụm vi sai sau được hoàn thành.

Nếu đèn chỉ báo khóa vi sai sau vẫn tiếp tục không ngừng nhấp nháy sau khi ấn công tắc khóa vi sai sau, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi xoay vô lăng sang phải và sang trái.

- Tăng tốc
- Giảm tốc



Hãy mở khóa cho cụm vi sai sau ngay sau khi xe có thể di chuyển được. Để mở khóa vi sai sau, hãy ấn công tắc này một lần nữa.

n Khóa vi sai sau

Những hệ thống sau sẽ không hoạt động khi khóa vi sai sau.
Lúc này, đèn cảnh báo hệ thống ABS và đèn chỉ báo và đèn chỉ báo VSC OFF sáng hoặc thông báo "TRC turned off" được hiển thị trên màn hình đa thông tin là hoạt động bình thường.

- Hệ thống ABS
- Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp
- Hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC)
- Hệ thống TRC/A-TRC
- Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có)
- Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có)

n Mở khóa cho cụm vi sai sau

Nếu đèn chỉ báo khóa vi sai sau vẫn nháy kể cả sau khi đã mở khóa cụm vi sai sau, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái nhẹ sang cả 2 phía trong khi xe đang chạy.

n Tự động mở khóa cho hệ thống khóa vi sai sau

Hệ thống khóa vi sai sau cũng sẽ được mở khóa trong các trường hợp sau:

- Khi vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến vị trí H2 hoặc H4 (kiểu xe 4WD*)
- Khi chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK" hoặc "ACC" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ hoặc vị trí ACCESSORY (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Sau khi mở khóa vi sai sau

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo tắt đi.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Nếu không tuân thủ theo các lưu ý sau thì có thể sẽ gây ra tai nạn.

- Không sử dụng hệ thống khóa vi sai sau trừ khi bánh xe bị quay trơn do bị sa vào rãnh hoặc trên mặt đường trơn trượt hay nhấp nhô. Bạn sẽ phải đánh lái mạnh hơn và phải hết sức cẩn thận khi vào cua.
- Không khóa vi sai sau cho đến khi các bánh xe ngừng quay. Nếu không, xe có thể sẽ chuyển động theo hướng bất ngờ khi gài khóa vi sai, dẫn đến tai nạn. Việc này cũng có thể làm hỏng các chi tiết của cơ cấu khóa vi sai sau.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá 8 km/h khi đang khóa vi sai.
- Không tiếp tục lái xe khi đang bật công tắc khóa vi sai sau.

Hệ thống Dừng và Khởi động*

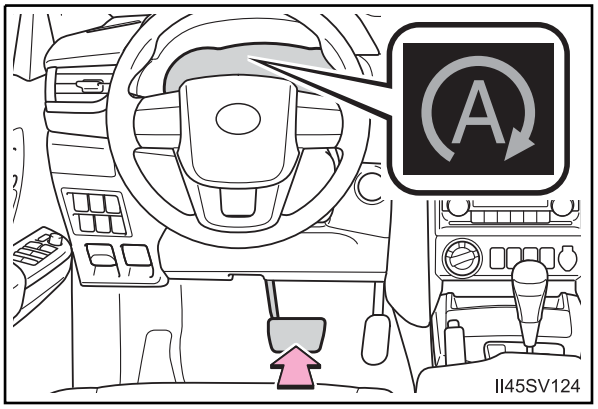
Hệ thống Dừng và Khởi động sẽ dừng và khởi động lại động cơ theo trạng thái hoạt động của bàn đạp phanh hoặc cần chuyển số khi dừng xe, như dừng nơi đèn đỏ, giao lộ,... để cải thiện tính kinh tế nhiên liệu và giảm ô nhiễm tiếng ồn gây ra bởi chạy không tải động cơ.

Sử dụng hệ thống dừng và khởi động

n Tắt động cơ

Trong khi lái xe với cần số ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh và dừng xe. Động cơ sẽ dừng tự động.

Khi động cơ dừng hoạt động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ sáng.



n Khởi động lại động cơ

Hãy nhả bàn đạp phanh. Động cơ sẽ khởi động tự động.

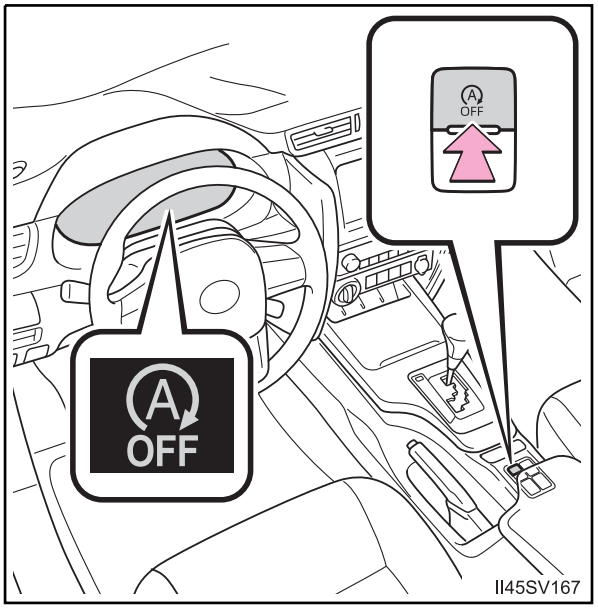
Khi động cơ khởi động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ tắt.

Vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động

Hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động để vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động động cơ.

Chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ sẽ sáng lên.

Ấn công tắc lần nữa sẽ bật hệ thống Dừng và Khởi động và chỉ báo hủy Dừng và Khởi động sẽ tắt.



*: Nếu có

n Tự động kích hoạt lại hệ thống Dừng và Khởi động

Nếu hệ thống Dừng và Khởi động bị vô hiệu hóa bằng công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động, hệ thống này vẫn sẽ tự động được kích hoạt lại ngay sau khi công tắc động cơ được tắt và sau đó khởi động động cơ.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi động cơ đã ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, xe đang đỗ trên dốc, khi nhả bàn đạp phanh, lực phanh sẽ tạm thời được duy trì để tránh làm cho xe bị trôi về phía sau cho tới khi động cơ được khởi động lại và tạo ra lực dẫn động. Khi lực dẫn động được tạo ra, lực phanh đã được duy trì sẽ tự động bị hủy.

- Chức năng này hoạt động trên cả bề mặt phẳng và bề mặt dốc nghiêng.
- Bạn có thể nghe thấy tiếng động từ hệ thống phanh, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.
- Phản hồi của bàn đạp phanh có thể sẽ thay đổi và gây ra tình trạng rung, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

---

n Các lưu ý khi sử dụng

- Nếu ấn công tắc động cơ trong khi động cơ đang dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, động cơ sẽ không thể khởi động lại được bởi chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng quy trình khởi động thông thường. (→P. 199, 202)
- Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, các ổ điện có thể sẽ tạm thời không sử dụng được, nhưng đó là hiện tượng bình thường.
- Việc tháo và lắp các thiết bị điện hoặc thiết bị không dây có thể ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Khi dừng xe trong thời gian dài, hãy chuyển công tắc động cơ đến OFF để tắt hoàn toàn động cơ.
- Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, điều khiển vô lăng tạm thời có cảm giác nặng.
- Chỉ cho xe 4WD*: Khi lái xe ở chế độ L4, hệ thống Dừng và Khởi động thông minh sẽ bị hủy vì hệ thống không thể hoạt động chính xác.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Các điều kiện hoạt động

l Hệ thống dừng và khởi động động cơ sẽ hoạt động khi tất cả các điều kiện sau được thỏa mãn:

- Xe đã được lái sau một khoảng thời gian nhất định.
- Khi bàn đạp phanh đã được đạp chắc.
- Khi cần số ở vị trí D.
- Khi người lái đã thắt đai an toàn.
- Cửa người lái đã đóng.
- Chế độ lái xe đã chọn là bình thường hoặc chế độ lái Eco.
- Khi bộ vi sai sau không khóa. (nếu có)
-  được tắt.
- Khi không đạp ga.
- Khi động cơ đã được hâm nóng đủ.
- Nhiệt độ bên ngoài từ -5°C trở lên.
- Nắp capô được đóng lại (→P. 342)

l Trong những tình huống sau đây, động cơ có thể không tắt được bằng hệ thống Dừng và Khởi động. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng của hệ thống Dừng và Khởi động.

- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Khi ắc quy được nạp điện định kỳ.
- Khi ắc quy không đủ điện trong một số trường hợp như xe được đỗ trong một thời gian dài và khả năng nạp điện của ắc quy bị giảm, tải điện lớn, nhiệt độ của ắc quy quá thấp hoặc ắc quy đã bị biến chất.
- Khi độ chân không của bộ trợ lực phanh là thấp.
- Khi thời gian trôi qua kể từ khi động cơ nổ máy là ngắn.
- Khi xe đang bị dừng thường xuyên, như khi đang đi trên đường bị tắc kẹt.
- Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ dầu hộp số quá thấp hoặc quá cao.
- Khi xe đang ở đỗ trên đường dốc đứng.
- Khi người lái điều khiển vô lăng.
- Khi xe đang vận hành ở khu vực có độ cao so với mực nước biển.
- Khi nhiệt độ nhiệt độ dung dịch ắc quy quá cao hoặc quá thấp.
- Sau khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ sẽ tự động khởi động lại nếu thỏa mãn bất kỳ một trong các điều kiện sau:
(Có thể cho động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)

- Hệ thống điều hòa đã được bật.
-  Khi bật công tắc
- Cần số được chuyển ra từ số D hoặc P.
- Cần số được chuyển ra khỏi vị trí P. (Khi động cơ được dừng bởi hệ thống Dừng và Khởi động khi cần số đang ở vị trí P.)
- Khi người lái đang không thắt đai an toàn.
- Khi cửa người lái mở ra.
- Thay đổi chế độ lái từ chế độ Normal hoặc chế độ Eco đến chế độ khác.
- Khi bộ vi sai sau được khóa. (nếu có)
- Khi ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ.
- Khi đang điều khiển vô lăng.
- Khi đạp bàn đạp ga.
- Khi xe bắt đầu bị trôi xuống dốc.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ có thể tự động khởi động lại nếu thỏa mãn các điều kiện sau:
(Có thể cho động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)

- Khi nhồi phanh hoặc đạp mạnh phanh.
- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Khi bật công tắc hệ thống điều hòa ( , vv.).
- Nếu dung tích ắc quy thấp.

n **Khi nắp capô bị mở ra**

l Nếu mở nắp capô trong khi động cơ đang tắt bởi hệ thống Dừng và Khởi động, thì động cơ sẽ chết máy và không thể khởi động lại được bằng chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ theo cách thông thường. (→P. 199, 202)

l Nếu bạn đóng nắp capô sau khi khởi động động cơ, hệ thống Dừng & Khởi động động cơ sẽ không hoạt động. Đóng nắp capô, tắt công tắc động cơ, đợi khoảng 30 giây trở lên sau đó khởi động lại động cơ.

n Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí trong khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ

Khi điều hòa đang ở chế độ tự động và động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, quạt điều hòa có thể hoạt động ở tốc độ thấp để tránh cho nhiệt độ trong xe tăng hoặc giảm xuống hoặc quạt có thể ngừng hoạt động.

Để ưu tiên tính năng hoạt động của hệ thống điều hòa khi xe được đỗ lại, vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động bằng cách ấn công tắc hủy Dừng và Khởi động động cơ.

- Nếu kính chắn gió bị mờ

  Hãy bật  của bộ sấy. (→P. 440)

  Nếu kính chắn gió thường xuyên bị bám sương, hãy ấn công tắc tắt hệ thống Dừng và Khởi động để tắt hệ thống này.

- Nếu có mùi lạ phát ra từ hệ thống điều hòa không khí
  Hãy ấn công tắc tắt hệ thống Dừng và Khởi động để vô hiệu hóa hệ thống.

n Thay đổi thời gian dừng không tải với hệ thống điều hòa không khí đang bật

Có thể thay đổi thời gian hoạt động của hệ thống Dừng & Khởi động bằng nút  của màn hình đa thông tin (→P. 668) khi hệ thống điều hòa đang bật. (Không thể thay đổi thời gian hệ thống Dừng và Khởi động sẽ hoạt động khi hệ thống điều hòa đang tắt.)

n Hiển thị trạng thái của hệ thống dừng và khởi động

→P. 118

n Các thông báo trên màn hình đa thông tin

Nếu các tình huống sau,  và một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

l Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ không thể tắt động cơ được

Thông điệp	Chi tiết/Hành động
 “Press Brake Harder to Activate"	Lực nhấn bàn đạp phanh không đủ mạnh. → **Nếu nhấn bàn đạp phanh mạnh hơn, thì hệ thống sẽ hoạt động.**
 "Non-Dedicated Battery"	Ắc quy đang sử dụng trên xe có thể không phải là loại ắc quy chuyên dụng cho hệ thống dừng và khởi động động cơ. → **Hệ thống dừng và khởi động động cơ sẽ không hoạt động. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
 "Battery charging"	• Ắc quy đang bị thiếu điện. → **Tạm thời không tắt máy để ưu tiên nạp điện cho ắc quy, nhưng nếu động cơ đã hoạt động được một thời gian ngắn, có thể tắt máy.** • Nạp mới lại có thể đang được diễn ra, chẳng hạn như khi ắc quy đang được nạp lại định kỳ, trong khoảng thời gian sau khi các cực ắc quy đã được ngắt và nối lại, trong khoảng thời gian sau khi thay ắc quy, v.v… → **Quá trình nạp ắc quy mới sẽ diễn ra trong khoảng một giờ, sau thời gian này hệ thống có thể hoạt động được.** • Động cơ có thể đã được khởi động với nắp ca pô để mở. → **Đóng nắp capô, tắt công tắc động cơ, đợi khoảng 30 giây trở lên sau đó khởi động lại động cơ.** Nếu thông báo xuất hiện liên tục (từ 60 phút trở lên), thì ắc quy có thể đã bị xuống cấp. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Thông điệp	Chi tiết/Hành động
 "Preparing to Operate"	• Khi lái xe ở những khu vực độ cao lớn so với mực nước biển. • Khi độ chân không của hệ thống trợ lực phanh thấp. → **Khi độ chân không của bộ trợ lực phanh đạt mức định trước, hệ thống sẽ được kích hoạt.**
 "For Climate Control"	• Sử dụng hệ thống điều hòa không khí khi nhiệt độ môi trường quá cao hay quá thấp. → **Nếu có chênh lệch giữa nhiệt độ đã đặt và nhiệt độ trong xe là nhỏ, thì hệ thống sẽ được kích hoạt.** •  được bật.

Khi động cơ tự động khởi động lại trong khi đang ngừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ

Thông điệp	Chi tiết/Hành động
 "Preparing to Operate"	Khi nhồi phanh hoặc đạp mạnh bàn đạp phanh. → **Hệ thống sẽ được kích hoạt sau khi động cơ chạy và độ chân không của bộ trợ lực phanh đạt mức định trước.**
 "For Climate Control"	• Hệ thống điều hòa không khí đã được bật hoặc đang được sử dụng. •  đang ở trạng thái bật.
 "Battery charging"	Điện ắc quy có thể thấp. → **Động cơ được khởi động lại để ưu tiên nạp điện cho ắc quy. Vận hành động cơ một lúc để khôi phục hệ thống.**

n **Khi chuông báo cũng kêu**

Nếu cửa người lái được mở ra trong khi động cơ được ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động với cần số ở vị trí D, thì chuông báo sẽ kêu và đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ nháy. Để tắt chuông báo, hãy đóng cửa của người lái.

n **Chức năng bảo vệ của hệ thống dừng và khởi động động cơ**

l Khi âm lượng hệ thống âm thanh quá lớn, thì âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh có thể đột ngột ngắt để giảm tiêu thụ ắc quy. Để tránh cho hệ thống âm thanh khỏi tắt đột ngột, hãy giữ cho âm lượng ở mức vừa phải. Nếu hệ thống âm thanh đã bị cắt nguồn, hãy tắt công tắc động cơ, đợi khoảng 3 giây trở lên sau đó bật công tắc động cơ sang chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON để bật lại hệ thống âm thanh.

l Không thể kích hoạt được hệ thống âm thanh nếu đã ngắt và nối lại cực ắc quy. Nếu gặp trường hợp này, hãy tắt công tắc động cơ OFF, sau đó lặp lại hoạt động sau đây 2 lần để bật hệ thống âm thanh như bình thường.

• Bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON và sau đó tắt.

n **Thay pin**

→P. 630

n **Khi đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ nháy liên tục**

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi hệ thống Dừng và Khởi động Hãy hỏi ý kiến đại lý" trên màn hình đa thông tin**

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

n **Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ đang hoạt động**

Hãy đảm bảo rằng tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ khi đỗ xe trong khu vực thông gió kém.
Nếu không thể tắt được, động cơ có thể sẽ tự động khởi động lại, làm cho khí xả tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn đến tử vong hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Không rời khỏi xe khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động động cơ (khi đèn chỉ báo của hệ thống Dừng và Khởi động đang bật).
  Nếu không tai nạn có thể xảy ra bởi chức năng tự động khởi động động cơ.
- Hãy đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần thiết, trong khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ (trong khi đèn chỉ báo của hệ thống dừng và khởi động động cơ đang bật).

n **Các lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp**

Khi lái xe trên địa hình phức tạp, như lái xe qua nước, hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ để vô hiệu hóa hệ thống tự động dừng và khởi động động cơ. Nếu không động cơ có thể sẽ không khởi động lại được.

CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Nếu có một trong các tình huống sau xuất hiện, thì hệ thống Dừng và Khởi động có thể không hoạt động chính xác. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn Toyota .

- Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn nháy mặc dù người lái đã thắt đai an toàn.
- Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn tắt mặc dù người lái đang không thắt đai an toàn.
- Mặc dù cửa người lái được đóng, thì đèn cảnh báo cửa mở sáng hoặc đèn trần sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí của cửa xe (DOOR).
- Mặc dù cửa người lái được mở ra, đèn cảnh báo cửa mở không sáng hoặc đèn trần không sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí DOOR.

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Để duy trì mức độ an toàn và hiệu năng khi lái xe, những hệ thống sau sẽ được tự động kích hoạt tương ứng với những điều kiện lái khác nhau. Tuy nhiên, hãy chú ý rằng những hệ thống này chỉ là những hệ thống hỗ trợ và không nên quá phụ thuộc vào chúng trong khi điều khiển xe.

u Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

Hệ thống này sẽ giúp tránh khóa cứng bánh xe khi đạp phanh gấp, hoặc khi nhấn phanh trên đường trơn trượt.

u Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Hệ thống này sẽ hỗ trợ tăng lực phanh sau khi đạp phanh khi nó phát hiện được tình huống cần phải dừng xe khẩn cấp

u VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe)

Hệ thống này sẽ giúp cho người lái kiểm soát được tình trạng trượt xe khi vào cua gấp hoặc đánh lái trên mặt đường trơn trượt

u Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có)

Hệ thống giúp người lái điều khiển rung lắc bằng cách tác dụng lực phanh một cách có chọn lọc lên từng bánh xe và giảm mô men của động cơ khi phát hiện rung lắc.

u Hệ thống TRC (Kiểm soát lực kéo) cho xe Pre Runner (Gầm cao) và vị trí H2 trên các xe 4WD* (nếu có)

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bánh dẫn động không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

u Hệ thống A-TRC (Kiểm soát lực kéo chủ động) cho vị trí H4 và L4 trên các xe 4WD* (nếu có)

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bốn bánh xe không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

u Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Giúp hạn chế chuyển động về phía sau của xe khi khởi hành lên dốc

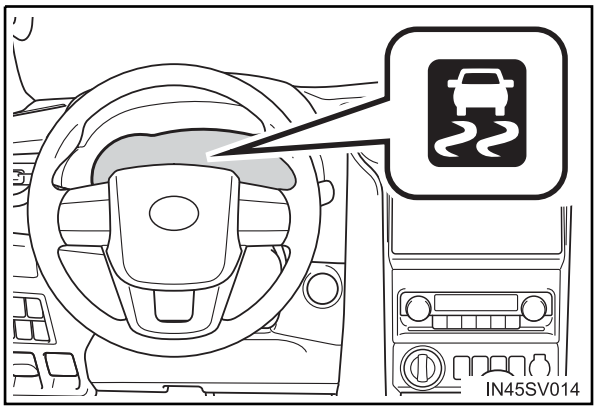
u Tín hiệu phanh khẩn cấp (nếu có)

Khi đạp phanh gấp, các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động nháy để cảnh báo cho xe chạy phía sau.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

Khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC/Kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động

Đèn chỉ báo trượt sẽ nháy trong khi các hệ thống TRC/A-TRC/VSC/Kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động.



Vô hiệu hóa hệ thống TRC/A-TRC

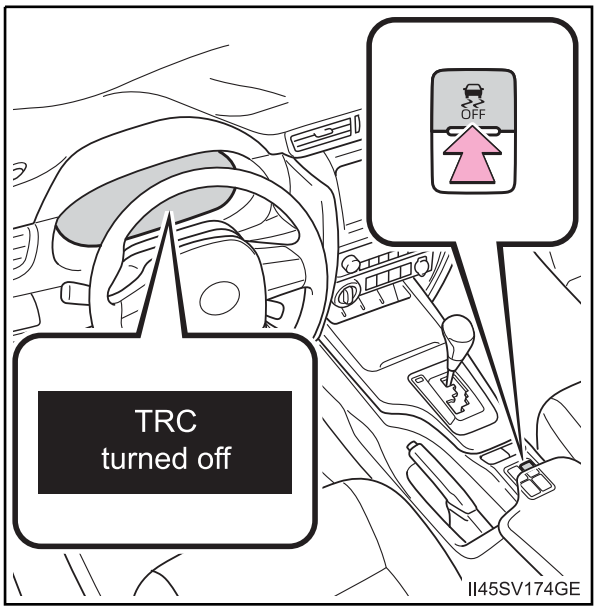
Nếu xe bị sa lầy trong tuyết hoặc bùn, hệ thống TRC/A-TRC có thể sẽ cắt giảm công suất từ động cơ đến các bánh xe. Việc ấn để tắt hệ thống có thể sẽ giúp bạn đưa xe thoát khỏi sa lầy một cách dễ dàng hơn.

▶ Xe không có hệ thống AUTO LSD:

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, hãy ấn và nhả nhanh công tắc .

"TRC turned off" sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn nút một lần nữa để bật lại hệ thống.

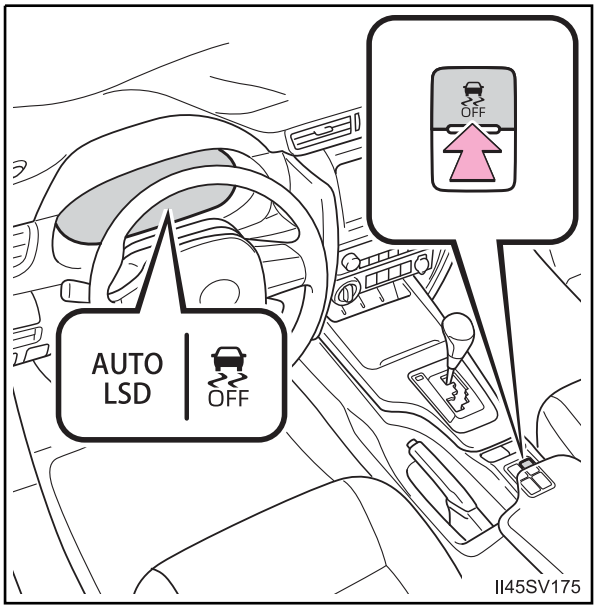


▶ Xe có hệ thống AUTO LSD:

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, hãy ấn và nhả nhanh công tắc . (Khi hệ thống AUTO LSD đã được bật.*1)

Đèn chỉ báo "AUTO LSD" va VSC OFF sẽ sáng lên.

Hãy ấn nút một lần nữa để bật lại hệ thống.



*1: Chỉ đối với xe Pre Runner (Gầm cao) và ở chế độ 2WD trên các xe 4WD*2

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc, hãy ấn và giữ từ 3 giây trở lên khi xe được đỗ lại.

Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên và "TRC turned off" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn nút một lần nữa để bật lại hệ thống.

n Khi một thông báo trên màn hinh đa thông tin chỉ ra rằng TRC/A-TRC đã bị vô hiệu hóa ngay cả khi chưa được ấn

Hệ thống TRC, A-TRC đã tạm thời bị vô hiệu hóa. Nếu thông báo vẫn xuất hiện, hãy liên lạc với Đại lý Toyota.

n Các điều kiện hoạt động của hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ hoạt động:

- Xe có hộp số tự động: Cần số ở vị trí khác P hoặc N (khi khởi hành tiến/lùi trên đường dốc lên)
  Xe có hộp số thường: Cần số ở vị trí khác R khi khởi hành tiến trên dốc, hoặc cần số ở vị trí R khi bắt đầu lùi trên dốc.
- Khi dừng xe
- Khi không đạp bàn đạp ga
- Khi phanh đỗ không được gài
- Công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

n Tự động tắt hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ tắt trong bất kỳ trường hợp sau:

- Xe có hộp số tự động: Cần số được chuyển đến P hoặc N
  Xe có hộp số thường: Cần số ở vị trí R khi lùi trên dốc lên, hoặc cần số ở vị trí khác R khi bắt đầu lùi trên dốc lên.
- Khi nhấn bàn đạp ga
- Người lái đạp giữ bàn đạp phanh và gài phanh đỗ
- Tối đa 2 giây sau khi nhả bàn đạp phanh
- Công tắc động cơ ở vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

n **Âm thanh và rung động gây ra bởi hệ thống ABS, hỗ trợ phanh, VSC, TRC/A-TRC và hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc**

l Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi đạp phanh nhiều lần lặp đi lặp lại, khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu khởi hành. Những tiếng động đó không phải là dấu hiệu hư hỏng của các hệ thống trên.

l Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi những hệ thống trên đang hoạt động. Những hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.

- Thân xe và tay lái có thể bị rung.
- Bạn có thấy nghe thấy tiếng mô tơ kêu sau khi dừng xe.
- Bàn đạp phanh có thể sẽ rung nhẹ sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.
- Bàn đạp phanh có thể sẽ bị tụt nhẹ xuống sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.

n **Kích hoạt tự động hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc**

Sau khi tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc, hệ thống sẽ tự động kích hoạt lại trong các trường hợp sau:

l Khi chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

l Nếu chỉ tắt hệ thống TRC/A-TRC, thì TRC/A-TRC sáng khi khi tốc độ xe tăng lên.
Nếu các hệ thống TRC và VSC và điều khiển trượt ngang đều đã được tắt, thì kể cả khi tăng tốc xe chúng cũng không tự động phục hồi tự động được.

n **Điều kiện hoạt động của chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp**

Khi thỏa mãn được các điều kiện sau, chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ hoạt động:

l Khi đèn nháy khẩn cấp tắt.

l Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn 55 km/h.

l Hệ thống sẽ phán đoán từ việc giảm tốc độ của xe và coi đây là hoạt động phanh khẩn cấp.

n **Tự động dừng kích hoạt chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp**

Chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ bị hủy trong bất kỳ trường hợp sau:

l Khi các đèn nháy khẩn cấp đang bật.

l Khi hệ thống phán đoán rằng xe đang giảm tốc và đây không phải là hoạt động phanh gấp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Hệ thống chống bó cứng phanh ABS sẽ không hoạt động hiệu quả khi**

- Khi khả năng bám đường của lốp không đạt tiêu chuẩn (ví dụ như khi sử dụng các lốp đã bị mòn quá mức trên đường phủ tuyết).
- Khi xe bị lướt trên mặt nước trong khi lái xe với tốc độ cao trên đường ướt và trơn trượt.

n **Quãng đường phanh khi hệ thống ABS được kích hoạt có thể sẽ lớn hơn so với điều kiện bình thường**

Hệ thống ABS không được thiết kế để giảm quãng đường phanh của xe. Hãy giữ khoảng cách an toàn với xe đi trước trong các tình huống sau:

- Khi lái xe trên đường đất, bùn hoặc bị tuyết phủ
- Khi lái xe có lắp xích quấn lốp
- Khi lái xe qua các đoạn đường gập ghềnh
- Khi lái xe trên đường có nhiều ổ gà hoặc trên đường không bằng phẳng

n **Hệ thống TRC/A-TRC/VSC có thể sẽ không làm việc hiệu quả khi**

Khi lái xe trên đường trơn trượt có thể sẽ không điều khiển được hướng lái của xe và lực bám kể cả khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC đang kích hoạt.
Hãy lái xe thật cẩn thận trong điều kiện xe có thể bị mất tính ổn định và khả năng bám đường.

n **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc không hoạt động hiệu quả khi**

- Không phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc. Hệ thống này có thể không hoạt động chính xác trên đường quá dốc và đường bị băng tuyết bao phủ.
- Không giống như phanh đỗ, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc không hỗ trợ dừng xe trong một thời gian dài. Không cố sử dụng hệ thống này để giữ xe trên dốc, bởi việc này có thể dẫn đến tai nạn.

n **Khi hệ thống TRC/VSC/kiểm soát lắc rơ moóc được kích hoạt**

Đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy. Hãy lái xe thật cẩn thận.
Tai nạn có thể xảy ra nếu bạn thiếu thận trọng khi lái xe. Hãy đặc biệt cẩn thận khi đèn chỉ báo nhấp nháy.

Kiểm soát rung lắc là một phần của hệ thống VSC và nó sẽ không hoạt động nếu hệ thống VSC tắt hoặc hệ thống có lỗi.

n **Khi tắt hệ thống TRC/hệ thống A-TRC/hệ thống VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc**

Hãy hết sức cẩn thận và lái xe ở tốc độ phù hợp với tình trạng mặt đường. Do các hệ thống này được sử dụng để đảm bảo sự ổn định và lực kéo phù hợp cho xe, do vậy chỉ tắt hệ thống TRC/hệ thống A-TRC/hệ thống VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc khi thật sự cần thiết.

⚠ CẢNH BÁO

n **Thay lốp**

Hãy đảm bảo rằng tất cả các lốp đều có cùng kích cỡ, nhãn hiệu, kiểu hoa lốp và tải trọng chung. Ngoài ra còn phải đảm bảo rằng các lốp đều đã được bơm tới áp suất tiêu chuẩn.

Hệ thống ABS, TRC/A-TRC, kiểm soát lắc rơ moóc và VSC sẽ không làm việc chính xác nếu các lốp trên xe là loại khác.
Hãy liên hệ với Đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết khi thay lốp hoặc vành xe.

n **Khi sửa chữa lốp xe và hệ thống treo**

Sử dụng các lốp hỏng hoặc chỉnh sửa hệ thống treo sẽ làm ảnh hưởng tới hệ thống hỗ trợ lái xe, và có thể làm cho hệ thống trục trặc.

n **Các lưu ý với hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc**

Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc sẽ không thể giảm lắc rơ moóc trong tất cả các trường hợp. Tùy thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện xe, rơ moóc, đường sá, điều kiện lái xe, mà hệ thống này có thể sẽ không hoạt động hiệu quả. Hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng rơ móc để biết cách kéo moóc chính xác.

n **Nếu rơ moóc bị lắc (xe có hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc)**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy nắm chắc vô lăng. Giữ thẳng lái.
  Không thử kiểm tra hệ thống kiểm soát rung lắc rơ moóc bằng cách đánh lái.
- Hãy bắt đầu nhả chân ga ngay lập tức nhưng nhả từ từ để giảm tốc độ.
  Không tăng tốc độ. Không gài phanh.

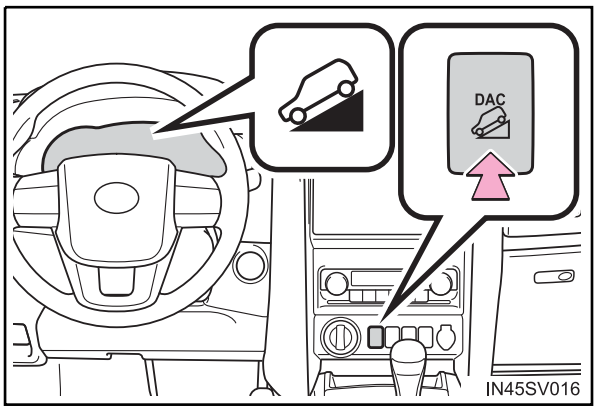
Nếu bạn không đánh lái hoặc phanh gấp, xe và rơ móc cần phải ở trạng thái ổn định.

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc*

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc có tác dụng giúp cho xe không bị chạy quá nhanh khi xuống dốc.
Hệ thống này sẽ hoạt động khi tốc độ xe dưới 30 km/h và hộp số phụ được chuyển đến chế độ L4 hoặc H4.

Hoạt động của hệ thống

Ấn công tắc "DAC". Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sáng và hệ thống sẽ hoạt động.



Khi hệ thống đang hoạt động, đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy, và đèn phanh/đèn phanh lắp cao sẽ được bật sáng. Sẽ xuất hiện chuông báo khi đang hoạt động. Đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

Tắt hệ thống

Ấn công tắc "DAC" khi hệ thống đang hoạt động. Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ nhấp nháy khi hệ thống từ từ ngừng hoạt động, và sẽ tắt hẳn khi hệ thống được tắt hoàn toàn.
Ấn công tắc "DAC" khi đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang nháy để khởi động lại hệ thống.

*: Nếu có

n **Lưu ý khi vận hành (xe có hộp số tự động)**

Hệ thống sẽ hoạt động khi cần số được đặt tại vị trí khác "P", tuy nhiên để đạt hiệu quả cao khi sử dụng hệ thống, bạn nên để cần số trong dải số thấp.

n **Hệ thống sẽ không hoạt động khi**

l Khi hộp số phụ đang ở chế độ H2.

l Bộ vi sai sau khóa. (nếu có)

n **Nếu đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc nhấp nháy**

l Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy và hệ thống sẽ không hoạt động:

- Khi hộp số phụ không ở chế độ L4 hoặc H4.
- Bộ vi sai sau khóa. (nếu có)
- Khi cần số ở vị trí P. (Xe có hộp số tự động)
- Khi người lái đạp phanh hoặc đạp ga.
- Khi tốc độ xe lớn hơn 30 km/h.
- Khi hệ thống phanh quá nhiệt.

l Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy để cảnh báo cho người lái, nhưng hệ thống vẫn hoạt động:

- Khi cần số ở vị trí N. (xe có hộp số tự động)
- Khi nhấn bàn đạp ly hợp (xe có hộp số thường)
- Khi tắt công tắc "DAC" trong khi hệ thống đang hoạt động.
  Hệ thống sẽ từ từ ngừng hoạt động. Đèn chỉ báo sẽ nháy trong khi hoạt động sau đó tắt đi khi hệ thống đã tắt hẳn.

n **Khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động liên tục**

Điều này có thể làm cho bộ chấp hành phanh bị quá nhiệt. Trong trường hợp này, hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ dừng hoạt động, một chuông báo và đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc bắt đầu nháy và thông điệp “TRC turned off” xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Hạn chế sử dụng hệ thống cho đến khi đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sáng và thông điệp cảnh báo tắt đi. (Có thể lái xe bình thường từ thời điểm này.)

n **Tiếng kêu và rung động bởi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc**

l Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu chuyển động. Những tiếng động đó không có nghĩa là hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc bị trục trặc.

l Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động. Những hiện tượng đó là bình thường.

- Thân xe và tay lái có thể bị rung.
- Có thể nghe thấy tiếng mô tơ phát ra sau khi dừng xe.

n Trục trặc hệ thống

Trong các trường hợp sau đây, hãy đem xe tới Đại lý Toyota của bạn để kiểm tra.

- Đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc không bật sáng khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc không bật sáng khi ấn công tắc "DAC".
- Nếu đèn chỉ báo trượt sáng lên.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi sử dụng hệ thống hỗ trợ điều khiển hỗ trợ xuống dốc

- Không được quá tin tưởng vào hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc. Hệ thống này không thể giúp mở rộng giới hạn tính năng của xe. Do vậy hãy luôn luôn kiểm tra thật kỹ càng điều kiện đường sá và an toàn lái xe.
- Xe có hộp số thường: Hãy lái xe ở số thấp. Lái xe ở số cao khi sử dụng hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc có thể sẽ làm cho động cơ bị chết máy, làm giảm hiệu quả phanh và khóa chặt bánh xe, dẫn tới tai nạn.
- Xe có hộp số thường: Trên đường dốc đứng, hãy sử dụng phanh động cơ hiệu quả. Nếu lái xe với cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trên đường dốc đứng, hệ thống phanh sẽ phải chịu tải nặng hơn và có thể sẽ không kiểm soát được tốc độ xe, dẫn tới tai nạn.

n Hệ thống có thể sẽ không hoạt động trên những điều kiện đường sá sau, và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng

- Các bề mặt trơn trượt như là đường bị ướt hoặc dính bùn đất
- Mặt đường bị đóng băng
- Những đường không được trải nhựa

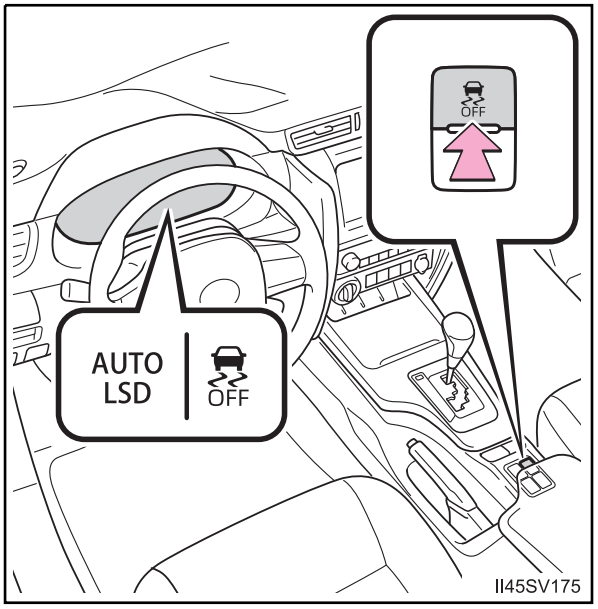
AUTO LSD*

Hệ thống AUTO LSD sẽ giúp tăng lực kéo bằng cách sử dụng hệ thống kiểm soát lực kéo để điều khiển công suất của động cơ và phanh khi một trong các bánh xe bắt đầu quay trơn. Hệ thống chỉ nên được sử dụng khi một trong các bánh xe bị trượt do bị lọt xuống mương hoặc trên các bề mặt gồ ghề.

Hoạt động của hệ thống

Có thể sử dụng hệ thống này trên xe Pre Runner (Gầm cao) và ở chế độ 2WD trên các xe 4WD*.

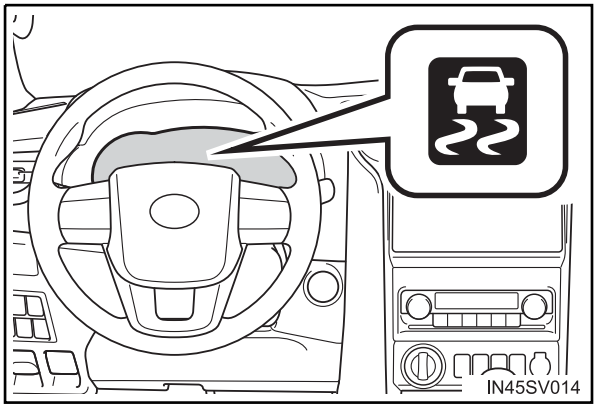
Để tắt hệ thống AUTO LSD, hãy ấn nhanh và nhả nút . Đèn chỉ báo "AUTO LSD" và đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên. Hãy ấn nút một lần nữa để tắt hệ thống.



*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

Khi hệ thống AUTO LSD đang hoạt động

Nếu bánh xe dẫn động bị quay trơn, đèn báo trượt sẽ nhấp nháy để cho biết hệ thống AUTO LSD đã kiểm soát chuyển động quay của bánh xe dẫn động.



*: Nếu có

n **Nếu tắt động cơ rồi khởi động lại**

Hệ thống AUTO LSD và các đèn chỉ báo sẽ tự động tắt đi.

n **Kích hoạt lại hệ thống VSC liên kết với tốc độ xe**

Khi bật hệ thống AUTO LSD, hệ thống VSC và TRC sẽ tự động được bật khi tốc độ xe tăng lên.

n **Nếu hệ thống phanh quá nóng**

Hệ thống sẽ ngừng hoạt động và chuông báo sẽ cảnh báo cho người lái. Lúc này, chỉ báo "AUTO LSD" sẽ nhấp nháy và thông báo "TRC turned off" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Dừng xe ở vị trí an toàn. (Đây không phải là trục trặc, bạn vẫn có thể tiếp tục lái xe bình thường.) Hệ thống sẽ được tự động phục hồi sau một thời gian ngắn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Nếu không, lực đánh lái sẽ phải lớn hơn rất nhiều và người lái sẽ phải hết sức cẩn thận khi vào cua.

- Hạn chế sử dụng hệ thống AUTO LSD, trừ trường hợp một trong các bánh xe truyền động bị quay trơn do lọt xuống mương hoặc lái xe trên mặt đường gồ ghề.
- Không lái xe với hệ thống AUTO LSD bật liên tục.

⚠ CHÚ Ý

n **Kích hoạt trong khi lái xe**

Không kích hoạt hệ thống AUTO LSD nếu bánh xe vẫn đang bị quay trơn. Hãy để bánh xe dừng quay trơn trước khi kích hoạt hệ thống này.

Hệ thống lọc bụi khí xả diesel (DPF)*

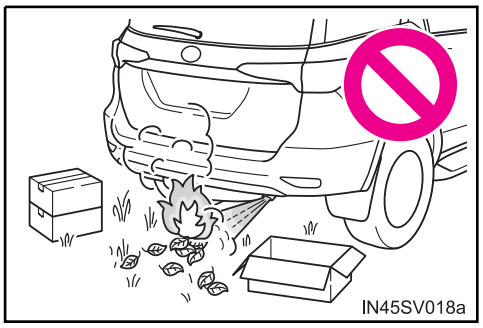
Khi lượng muội than tích tụ trong bộ lọc đến một ngưỡng nhất định, bộ lọc sẽ được tái tạo một cách tự động.

⚠ CẢNH BÁO

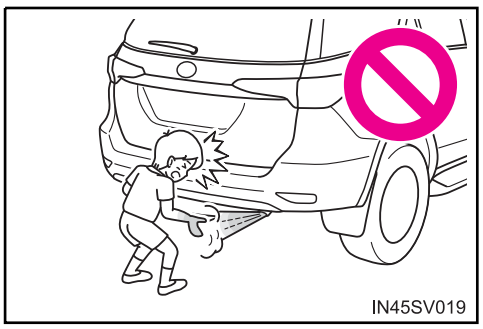
n **Trong khi tái tạo**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ gây ra các tổn thương do các ống xả và khí xả nóng có thể gây bỏng hoặc hỏa hoạn.

l Không đỗ xe tại các khu vực có các vật liệu dễ cháy, như bãi cỏ khô, gần ống xả.


IN45SV018a

l Hãy chắc chắn rằng không có người nào ở gần ống xả.


IN45SV019

l Không tiến hành tái tạo khi xe của bạn đang ở khu vực kín, chẳng hạn như trong gara.
l Không chạm vào đường ống xả và khí xả khi đang tái tạo.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng hệ thống DPF**

l Không lái xe quá lâu trong khi thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF “DPF đã đầy Hỏi ý kiến đại lý” đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo kêu (đèn chỉ báo hư hỏng sáng)
l Không sử dụng loại nhiên liệu khác với tiêu chuẩn
l Không sử dụng dầu động cơ khác với loại được khuyến nghị.
l Không chỉnh sửa đường ống xả

*: Nếu có

u Quy trình tái tạo

l Trong khi lái xe bình thường, bộ lọc tự động tái tạo lại sau mỗi vài trăm km*. Trong khi tái tạo, thông điệp cảnh báo hệ thống DPF "DPF đang phục hồi" sẽ được xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

l Khi lượng cặn được tích lũy đạt đến một mức nhất định, hệ thống có thể thực hiện tái tạo lại. (→P. 362)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

u Đặc điểm của hệ thống

Hệ thống DPF có những đặc điểm sau:

l Tốc độ chạy không tải sẽ tăng lên trong khi tái tạo

l Mùi của khí xả sẽ khác so với mùi của xe sử dụng động cơ diesel thông thường

l Khói trắng có thể sẽ thoát ra từ đường ống xả trong khi hệ thống đang tái tạo. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

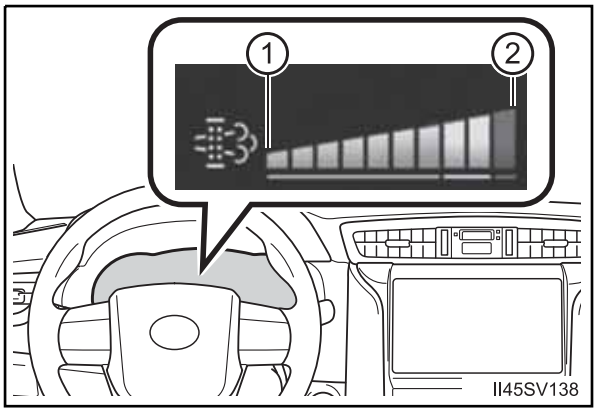
Trình trạng đóng cặn trong DPF

Lượng cặn tích lũy trong hệ thống DPF có thể xác định được trên màn hình đa thông tin.

Tình trạng đóng cặn trong DPF xuất hiện khi ấn công tắc hệ thống DPF và thông điệp cảnh báo được xuất hiện. Sử dụng tình trạng cặn DPF được hiển thị này để tham khảo.

① Thấp

② Đầy



Đèn cảnh báo lỗi trong hệ thống DPF

l Nếu thông điệp cảnh báo hệ thống DPF “DPF đã đầy Xem Hướng dẫn sử dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin, hãy làm theo quy trình dưới đây để tái tạo lại.

▶ Khi tái tạo lại bộ lọc trong khi lái xe

Để tái tạo bộ lọc, hãy thực hiện các phương pháp lái xe sau đây*1.

- Bằng cách lái xe một cách liên tục (ví dụ, lái xe ở tốc độ khoảng từ 60 km/h trong khoảng từ 20 đến 30 phút).
- Tránh lái xe với nhiều hành trình ngắn, hoặc lái xe liên tục quá dài (để động cơ hoạt động trong thời gian dài).

Kiểm tra xem động cơ đã được hâm nóng trước khi lái xe để tái tạo bộ lọc hay chưa. Nếu động cơ đã nguội, hãy hâm nóng động cơ bằng cách lái xe ở số thấp và tăng tốc độ động cơ.*2

Thông điệp cảnh báo sẽ biến mất trên màn hình đa thông tin khi quá trình tái tạo đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện lái xe như tắc đường, lượng muội than tích tụ sẽ tăng và thông điệp cảnh báo sẽ không biến mất trên màn hình đa thông tin. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất trên màn hình đa thông tin sau khi lái xe, hãy ấn công tắc hệ thống DPF để tái tạo bộ lọc bằng cách thủ công.

Sự tái tạo trong khi lái xe không thể thực hiện được khi xe hoạt động ở địa hình cao trên 4000 m so với mực nước biển.

*1: Khi lái xe, hãy để ý đến điều kiện thời tiết, đường sá, địa hình và điều kiện giao thông, và lái xe tuân theo luật giao thông.

*2: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể cần phải xuống số thấp cho đến khi tốc độ động cơ tăng lên tới 3000 vòng/phút. Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ khí xả thấp, quá trình tái tạo có thể sẽ diễn ra lâu hơn, hoặc không thể thực hiện được.

▶ Khi tái tạo lại bộ lọc bằng cách ấn công tắc hệ thống DPF

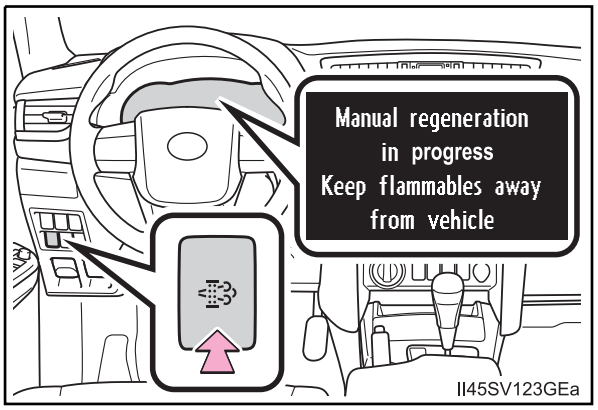
1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn.

2 Chuyển cần số về vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường) và gài chắc phanh đỗ.

Không tắt động cơ.
Ngoài ra, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy ở gần ống xả. (→P. 360)

Kiểm tra rằng động cơ đã được hâm nóng. Nếu động cơ đã nguội, hãy hâm nóng động cơ bằng cách đạp ga.*1

3 Ấn công tắc của hệ thống DPF.



Một thông điệp cảnh báo liên quan tới hệ thống DPF sẽ xuất hiện trên màn hình như trên hình minh họa và tốc độ không tải của động cơ sẽ tăng lên.

Quá trình tái tạo sẽ diễn ra trong khoảng từ 15 đến 40 phút.*2

Khi thông điệp cảnh báo hệ thống DPF biến mất trên màn hình đa thông tin, tốc độ chạy không tải của động cơ sẽ trở về bình thường.

Công tắc của hệ thống DPF có thể không hoạt động khi xe hoạt động ở địa hình cao trên 4000 m so với mực nước biển.

*1: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể người lái sẽ phải đạp chân ga cho tới khi tốc độ động cơ tăng lên tới 3000 vòng/phút. Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ khí xả thấp, quá trình tái tạo có thể sẽ diễn ra lâu hơn, hoặc không thực hiện được.

*2: Thời gian để tiến hành tái tạo sẽ phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Đồng thời, nếu tốc độ động cơ vẫn ở mức xấp xỉ 2000 vòng/phút trong 10 phút sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, nhiệt độ khí xả có thể quá thấp. Trong trường hợp này, hãy đạp ga để tăng tốc độ động cơ lên xấp xỉ 3000 vòng/phút.
Khi nhấn bàn đạp ga, phanh tái sinh sẽ dừng. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại quá trình tái tạo.

- Nếu thông điệp cảnh báo hệ thống DPF “Cần phục hồi toàn bộ DPF bằng tay Xem Hướng dẫn sử dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin, hãy ấn công tắc DPF để tái tạo lại. (→P. 362)
- Nếu thông điệp cảnh báo hệ thống DPF “DPF đã đầy Hỏi ý kiến đại lý” xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo kêu (đèn chỉ báo lỗi bật sáng), hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra ngay lập tức.

---

n Tái tạo bằng công tắc của hệ thống DPF

- Sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, hệ thống sẽ ngừng tái tạo nếu bạn đạp chân ga hoặc ly hợp (xe có hộp số thường). Nếu quá trình tái tạo của hệ thống bị dừng lại, hãy khởi động lại quá trình này càng sớm càng tốt.
- Sau khi quá trình tái tạo được hoàn tất, hãy tăng tốc động cơ vài lần để làm sạch hệ thống xả.

n Đèn cảnh báo hệ thống DPF

Trong các điều kiện lái xe sau, thông điệp cảnh báo liên quan tới hệ thống DPF có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin sớm hơn bình thường.*

- Chỉ khi lái xe ở tốc độ thấp (chẳng hạn như 20 km/h trở xuống)
- Nếu bật và tắt động cơ thường xuyên (nếu động cơ không làm việc trong hơn 10 phút liên tục)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

⚠ CHÚ Ý

n Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng (chuông cảnh báo)

Nếu bạn tiếp tục lái xe trong khi thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF xuất hiện trên màn hình đa thông tin, thì đèn chỉ báo lỗi sẽ sáng lên. Lúc này, xe của bạn có thể bị hư hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông

Hãy tiến hành chuẩn bị và kiểm tra cần thiết trước khi lái xe trong mùa đông. Luôn luôn lái xe theo cách phù hợp với điều kiện thời tiết chung.

Chuẩn bị cho lái xe vào mùa đông

- Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ chung bên ngoài xe.
  - Dầu động cơ
  - Nước làm mát động cơ
  - Nước rửa kính
- Hãy yêu cầu kỹ thuật viên kiểm tra tình trạng của ắc quy.
- Lắp đặt lốp đi tuyết cho cả bốn bánh xe hoặc mua một bộ xích quấn lốp cho các lốp sau.

  Đảm bảo rằng tất cả các lốp có cùng kích thước, cùng nhà sản xuất và kích cỡ của xích quấn lốp phù hợp với kích cỡ của lốp.

Trước khi lái xe

Tùy theo tình hình thực tế, hãy thực hiện các biện pháp xử lý sau tùy vào điều kiện lái xe:

- Không cố dùng sức để mở các cửa sổ hoặc cho di chuyển cần gạt kính đã bị đóng băng. Hãy đổ nước ấm lên vùng bị đóng băng để làm tan băng. Hãy gạt nước ngay sau đó để tránh cho nước không bị đóng băng lại.
- Để đảm bảo hệ thống quạt làm việc tốt theo mùa, hãy dọn hết tuyết bị đọng trong đường ống thông hơi nằm ở phía trước của kính chắn gió.
- Kiểm tra và bóc hết lớp băng hoặc tuyết đọng trên các đèn bên ngoài xe, gương chiếu hậu bên ngoài xe, các cửa sổ, nóc xe, khung gầm, xung quanh các lốp xe hoặc phanh.
- Hãy gạt hết tuyết hoặc bùn dính dưới đế giày trước khi vào xe.

Khi lái xe

Từ từ tăng tốc xe, giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước và lái xe ở tốc độ thấp phù hợp với điều kiện mặt đường.

Khi đỗ xe (trong mùa đông hoặc ở khu vực lạnh giá)

- Đỗ xe và chuyển cần số về vị trí P (với xe có hộp số tự động) hoặc vị trí 1 hay R (với xe có hộp số thường) và không gài phanh đỗ. Phanh đỗ có thể bị đóng băng và không nhả ra được. Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chèn các bánh xe. Nếu không có thể sẽ rất nguy hiểm do xe có thể bất ngờ dịch chuyển và dẫn tới tai nạn.
- Xe có hộp số tự động: Nếu đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy đảm bảo rằng cần số không bị trượt ra khỏi vị trí P*.

*: Cần số sẽ bị khóa lại nếu vẫn cố gắng chuyển số từ số P đến các vị trí số khác mà không nhấn bàn đạp phanh. Nếu có thể chuyển được cần số ra khỏi vị trí P, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Lựa chọn xích quấn lốp

Sử dụng xích quấn lốp phù hợp với kích thước lốp cần gắn.
Mỗi cỡ xích chỉ được sử dụng cho một cỡ lốp.

Các quy định về việc sử dụng xích quấn lốp

Các rất nhiều các quy định khác nhau khi sử dụng xích quấn lốp ở các quốc gia và trên các loại đường khác nhau. Hãy tìm hiểu và kiểm tra kỹ các quy định tại địa phương trước khi lắp xích quấn lốp.

n Lắp xích quấn lốp

Hãy tuân theo các chú ý sau khi lắp đặt và tháo xích quấn lốp:

- Hãy lắp đặt và tháo xích quấn lốp ở vị trí an toàn.
- Hãy lắp xích quấn lốp vào các lốp sau. Không lắp xích quấn lốp vào các lốp trước.
- Hãy lắp xích quấn lốp trên các lốp sau càng chặt càng tốt. Hãy xiết chặt lại xích sau khi lái xe từ 0.5 đến 1.0 km.
- Hãy lắp xích quấn lốp theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lái xe có lắp lốp đi tuyết**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể sẽ gây mất lái dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy sử dụng các loại lốp có kích thước tiêu chuẩn.
- Hãy đảm bảo duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của đường hoặc tốc độ giới hạn tiêu chuẩn của lốp khi sử dụng lốp đi tuyết.
- Hãy lắp tất cả các bánh xe bằng lốp đi tuyết, không phải chỉ với một vài lốp.

n **Lái xe với xích quấn lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không, có thể dẫn tới tình trạng lái xe không an toàn có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của xích quấn lốp đã được lắp đặt hoặc không quá 50km/h, tùy theo chỉ số nào thấp hơn.
- Tránh lái xe trên đường gồ ghề hoặc qua các ổ gà.
- Tránh tăng tốc và đánh lái đột ngột, cũng như tránh phanh gấp và xuống số do có thể làm lực phanh động cơ bị thay đổi đột ngột.
- Hãy giảm tốc độ trước khi vào cua để đảm bảo khả năng điều khiển xe.
- Không được sử dụng hệ thống LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe). (Nếu có)

⚠ CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc một cửa hàng bán lốp có uy tín sửa chữa hoặc thay lốp đi tuyết.
Bởi việc tháo và lắp các lốp đi tuyết có ảnh hưởng đến hoạt động của van cảm biến áp suất lốp.

n **Lắp lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Van cảm biến áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác khi lắp xích quấn lốp.

Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco

Để cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2, hãy đặc biệt chú ý tới các điểm sau:

u Sử dụng chế độ lái Eco

Khi sử dụng chế độ lái Eco, mômen tương ứng với lực đạp ga sẽ được tạo ra êm dịu hơn so với ở điều kiện lái xe bình thường. Đồng thời, công suất của hệ thống điều hòa không khí (làm mát/sưởi ấm) sẽ được giảm thiểu, để cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu. (→P. 211, 219)

u Sử dụng đèn chỉ báo lái Eco

Có thể lái tiết kiệm nhiên liệu bằng cách lái xe sao cho đèn chỉ báo lái Eco sáng và thanh hiển thị của đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu xuất hiện trên màn hình đa thông tin nằm trong vùng lái tiết kiệm nhiên liệu. (→P. 105)

u Sử dụng bàn đạp phanh/bàn đạp ga

Hãy lái xe từ tốn. Tránh tăng tốc và giảm tốc đột ngột. Tăng tốc và giảm tốc từ từ sẽ giúp giảm mức tiêu hao nhiên liệu hơn.

u Khi phanh xe

Hãy quan sát phía trước và xung quanh xe và ước tính khoảng cách phanh. Nhả sớm bàn đạp ga và tiếp tục chạy xe. Hãy sử dụng bàn đạp phanh để điều chỉnh vị trí dừng. Hãy đạp nhẹ bàn đạp phanh.

u Độ trễ

Việc tăng tốc hoặc giảm tốc liên tục cũng như đợi đèn giao thông quá lâu sẽ tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hãy kiểm tra các bản tin giao thông trước khi lái xe và tránh đường tắc càng nhiều càng tốt.

u Lái xe trên đường cao tốc

Hãy kiểm soát tốc độ và duy trì ở một tốc độ ổn định. Ngoài ra, trước khi dừng xe ở trạm thu phí hoặc các trường hợp tương tự, hãy nhả bàn đạp ga và đạp nhẹ bàn đạp phanh.

u Điều hoà không khí

Chỉ sử dụng hệ thống điều hòa khi cần. Việc này sẽ giúp giảm lượng nhiên liệu tiêu hao.

Vào mùa hè: Khi nhiệt độ bên ngoài cao, hãy sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe. Việc này giảm tình trạng quá tải cho hệ thống điều hòa và giảm lượng tiêu hao nhiên liệu.

Trong mùa đông: Chỉ bật công tắc A/C (nếu có) khi cần cả chức năng sưởi ấm và hút ẩm, và nếu chỉ cần chức năng sưởi ấm, hãy tắt nút A/C. Bật công tắc A/C khi không cần thiết sẽ làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu.

u Dừng chạy không tải

- Tránh để động cơ chạy không tải khi không cần thiết. Hãy tắt máy khi đỗ xe để giảm lượng nhiên liệu tiêu hao, ngay cả trong một thời gian ngắn.
- Ngoại trừ trong một số điều kiện thời tiết khắc nghiệt, như trong điều kiện nhiệt độ bên ngoài quá thấp, thì việc hâm nóng động cơ trước khi lái xe là không cần thiết. Trong điều kiện khác không tải, sẽ hiệu quả hơn nếu lái xe để hâm nóng từng phần, đồng thời tránh tăng tốc độ động cơ không cần thiết và tăng hoặc giảm tốc bất ngờ.
- Hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có) sẽ giúp tiết kiệm nhiên liệu. (→P. 339)
- Hãy thực hiện các biện pháp sau để duy trì hiệu quả của các chức năng, không chạy không tải khi không cần thiết.
  - Vệ sinh hệ thống kiểm soát khí xả (nếu có)
  - Thời gian chạy không tải trước khi tắt động cơ có turbo tăng áp (nếu có) (→P. 184)

u Hành lý

Mang theo hành lý nặng sẽ dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Tránh mang hành lý không cần thiết. Lắp giá để hành lý quá lớn trên trần xe cũng làm tiêu hao nhiều nhiên liệu.

u Bảo dưỡng định kỳ

- l Hãy đảm bảo việc duy trì áp suất lốp phù hợp. Áp suất lốp không chính xác có thể dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hơn nữa, vì lốp đi tuyết có thể gây ra lực ma sát lớn, nếu sử dụng nó trên đường khô sẽ làm tiêu hao nhiên liệu nhiều. Hãy sử dụng lốp phù hợp đối với từng mùa và điều kiện đường sá.
- l Hãy sử dụng dầu và các dung dịch có chất lượng tốt, bởi việc này có ảnh hưởng đến lượng nhiên liệu tiêu hao và tuổi thọ của xe. Do đó, hãy kiểm tra dầu và dung dịch định kỳ.
(→P. 490)

Hệ thống âm thanh 5

5-1. Các thao tác cơ bản

Các kiểu hệ thống âm thanh 372

Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng ...374

Cổng USB/cổng AUX 376

5-2. Sử dụng hệ thống âm thanh

Sử dụng tối ưu hệ thống âm thanh 377

5-3. Sử dụng radiô

Sử dụng radiô 379

5-4. Phát nhạc trên đĩa CD và Đĩa MP3/WMA/AAC

Sử dụng đầu đĩa CD 382

5-5. Sử dụng các thiết bị ngoại vi

Nghe nhạc trên trình phát nhạc iPod..... 390

Nghe nhạc trong USB..... 396

Sử dụng cổng AUX..... 402

5-6. Sử dụng thiết bị Bluetooth®

Hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth® 403

Sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng..... 408

Đăng ký thiết bị® 409

5-7. Danh mục "SETUP"

Sử dụng menu “SETUP” (Menu “Bluetooth”)..... 410

Sử dụng menu “SETUP” (menu “TEL”)..... 414

5-8. Âm thanh Bluetooth®

Sử dụng máy nghe nhạc Bluetooth® 419

5-9. Điện thoại Bluetooth®

Thực hiện cuộc gọi điện thoại..... 421

Nhận một cuộc gọi điện thoại..... 422

Nói chuyện trên điện thoại..... 423

5-10. Bluetooth®

Bluetooth® 425

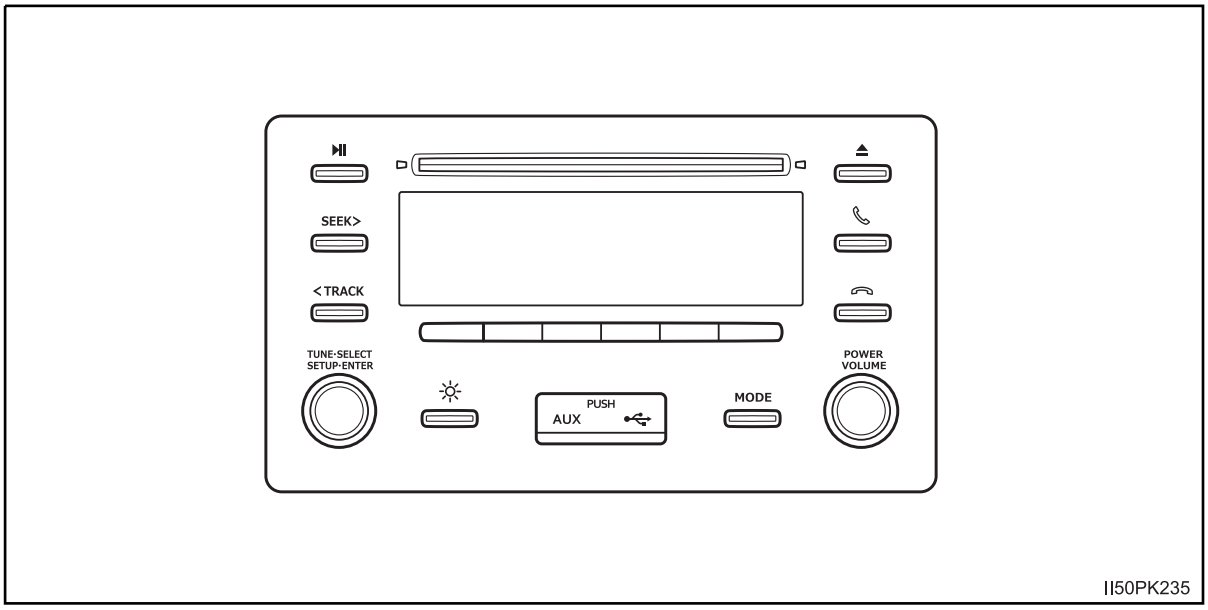
Các kiểu hệ thống âm thanh*

▶ Xe có hệ thống dẫn đường hoặc hệ thống đa phương tiện

Hãy tham khảo sách “Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện” hoặc sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

▶ Xe không có hệ thống dẫn đường hoặc hệ thống đa phương tiện

Đầu đĩa CD cùng với đài AM/FM



n **Sử dụng điện thoại di động**

Các loa của hệ thống âm thanh trên xe có thể sẽ bị nhiễu khi sử dụng điện thoại di động bên trong hoặc gần với xe khi hệ thống âm thanh đang hoạt động.

n **Nhãn hiệu và thương hiệu đăng ký bản quyền**

Tên công ty và tên sản phẩm liên quan đến hệ thống âm thanh là những nhãn hiệu đã được đăng ký bản quyền tương ứng của công ty.

*: Nếu có

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi động cơ không nổ máy, không nên để hệ thống âm thanh làm việc quá lâu nếu không cần thiết.

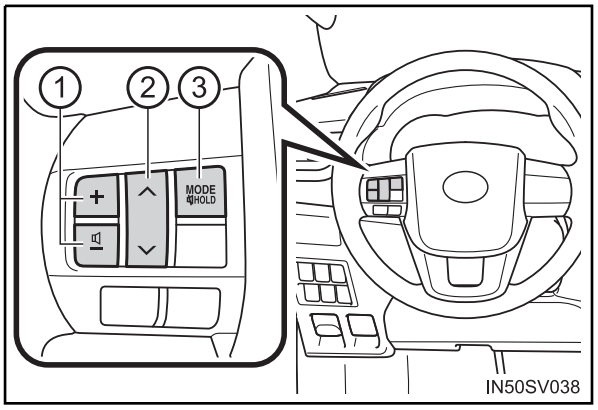
n **Để tránh làm hỏng hệ thống âm thanh**

Hãy cẩn thận không để rớt đồ uống hoặc các dung dịch khác vào hệ thống âm thanh.

Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống âm thanh bằng các nút điều khiển trên vô lăng.
Thao tác điều khiển có thể sẽ khác nhau, tùy vào hệ thống âm thanh. Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo sách Hướng dẫn sử dụng đi kèm hệ thống âm thanh hoặc sách sử dụng hệ thống dẫn đường.

Xe không có hệ thống âm thanh: →P. 477



① Âm lượng
- Ấn nút: Tăng/giảm âm lượng
- Ấn và giữ: Tăng/giảm âm lượng một cách liên tục

② Chế độ radiô:
- Ấn nút: Chọn một đài phát đã được lưu kênh từ trước.
- Hãy ấn và giữ cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp: Tìm kiếm lên/xuống

Chế độ nghe nhạc trên đĩa CD, MP3/WMA/AAC, iPod, USB hoặc Bluetooth®:
- Ấn nút: Chọn một bản nhạc/file nhạc
- Hãy ấn và giữ cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp: Chọn một thư mục hoặc album

③ Nút "MODE"
- Ấn nút: Bật nút nguồn, lựa chọn nguồn phát
- Hãy ấn và giữ cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp:

Chế độ radiô hoặc AUX: Tắt tiếng

Chế độ nghe nhạc trên đĩa CD, MP3/WMA/AAC, iPod, USB hoặc Bluetooth®: Tạm dừng thao tác hiện tại.

Để hủy chế độ tắt tiếng hoặc tạm dừng, hãy ấn và giữ nút này một lần nữa.

---

n **Thay đổi nguồn phát**

Hãy ấn vào nút "MODE" khi hệ thống âm thanh đã được bật. Chế độ nguồn phát sẽ thay đổi như sau sau mỗi lần ấn nút này. Nếu một chế độ nào đó không sử dụng được, chế độ đó sẽ được bỏ qua.

Chế độ AM→FM→CD→iPod hoặc USB→Âm thanh Bluetooth®→AUX

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Hãy hết sức cẩn thận khi sử dụng các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng khi đang lái xe.

Cổng USB/cổng AUX

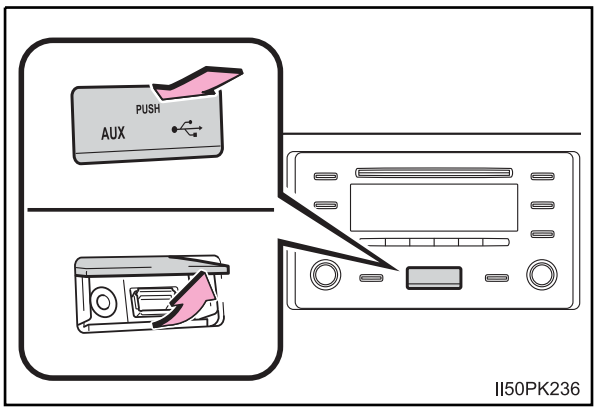
Hãy nối trình phát nhạc iPod, bộ nhớ USB hoặc máy nghe nhạc cầm tay vào cổng AUX/USB như mô tả dưới đây. Hãy ấn nút "MODE" để lựa chọn chế độ "iPod", "USB" hoặc "AUX".

Kết nối bằng cổng AUX/cổng USB

n iPod

Mở nắp che và kết nối iPod bằng cáp nối của iPod.

Bật nguồn của iPod nếu nó chưa được bật.



n Bộ nhớ USB

Mở nắp che và kết nối bộ nhớ USB.

Hãy bật nguồn của bộ nhớ USB nếu nó chưa được bật.

n Máy nghe nhạc cầm tay

Mở nắp và kết nối máy nghe nhạc cầm tay bằng cáp AUX.

Hãy bật nguồn cho máy nghe nhạc cầm tay nếu nó chưa được bật.

n Cổng AUX

Cổng AUX chỉ hỗ trợ cho cắm cáp âm thanh.

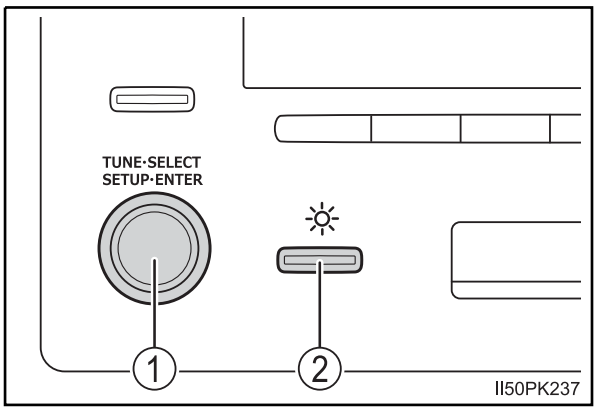
⚠ CẢNH BÁO

n Trong khi lái xe

Không kết nối hoặc điều khiển thiết bị khi đang lái xe.

Sử dụng tối ưu hệ thống âm thanh

Có thể điều chỉnh chất lượng âm thanh, cân bằng âm lượng cài đặt ASL và chọn chế độ ban ngày.



① Núm "TUNE SELECT"

Ấn: Hiển thị menu “SETUP”/ Chọn chế độ

Hãy vặn: Thay đổi các cài đặt sau

- “Cài đặt âm thanh” →P. 377
- “RADIO" →P. 379
- “Bluetooth” →P.410
- “TEL" →P. 414

② Nút chế độ ban ngày

Chế độ ban ngày

Khi bật đèn pha, màn hình sẽ mờ.

Tuy nhiên, màn hình có thể chuyển tới chế độ ban ngày bằng cách chọn chế độ ban ngày.

Khi bật đèn pha, màn hình vẫn sẽ ở chế độ ban ngày cho đến khi bạn chọn thêm một lần nữa.

Sử dụng chức năng điều khiển âm thanh

n Thay đổi chế độ chất lượng âm thanh

1 Ấn núm “TUNE SELECT”.

2 Xoay núm để chọn mục "Cài đặt âm thanh".

3 Ấn núm này.

4 Xoay núm để chọn chế độ mong muốn.

Có thể chọn chế độ "BASS", "TREBLE", "FADER", "BALANCE" hoặc "ASL".

5 Ấn núm này.

n Điều chỉnh chất lượng âm thanh

Xoay núm “TUNE SELECT” để điều chỉnh mức độ.

Chế độ chất lượng âm thanh	Chế độ được hiển thị	Mức	Xoay sang trái	Xoay sang phải
Âm trầm*	"BASS"	Từ -5 đến 5	Thấp	Cao
Âm bổng*	"TREBLE"	Từ -5 đến 5		
Cân bằng âm lượng phía trước/sau	"FADER"	R7 đến F7	Chuyển về phía sau	Chuyển về phía trước
Cân bằng âm lượng trái/ phải	"BALANCE"	Từ L7 đến R7	Chuyển sang trái	Chuyển sang phải

*: Mức chất lượng âm thanh được điều chỉnh một cách độc lập cho từng chế độ nghe nhạc.

Hãy ấn vào núm hoặc nút ▭ (BACK) để trở về menu cài đặt hệ thống âm thanh.

n Điều chỉnh cân bằng âm thanh tự động (ASL)

Khi đã chọn chức năng ASL, hãy vặn nút “TUNE SELECT” để thay đổi mức cân bằng âm thanh ASL.

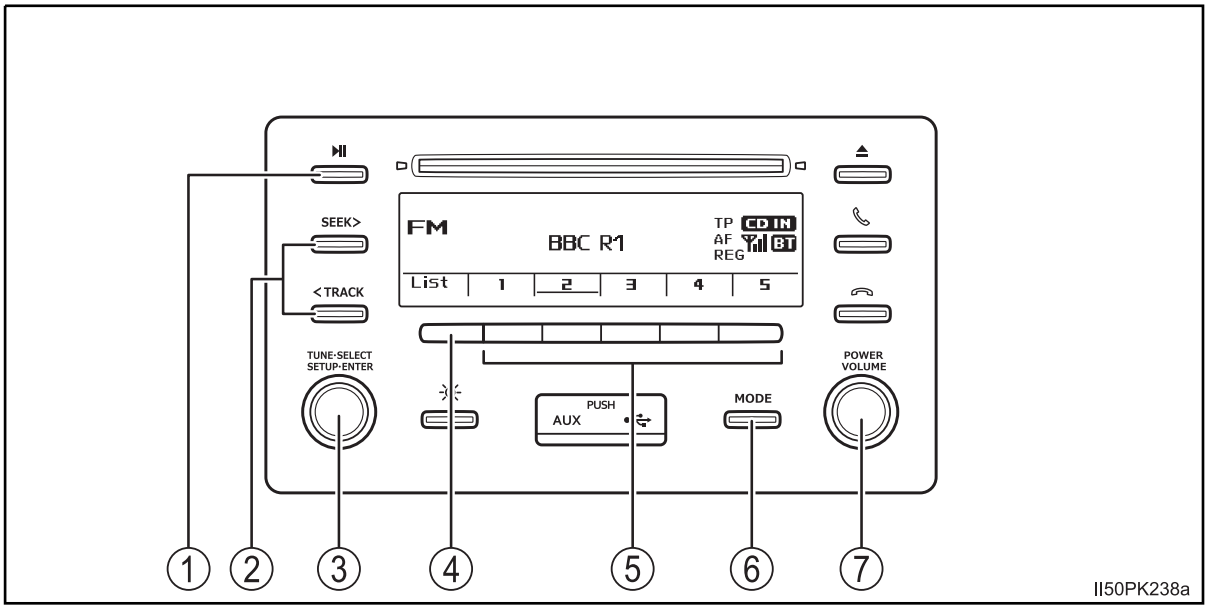
Có thể chọn “LOW”, “MID”, “HIGH” hoặc “OFF”.

Chức năng ASL sẽ tự động điều chỉnh âm lượng và chất lượng âm thanh theo tốc độ xe.

Hãy ấn vào núm hoặc nút ▭ (BACK) để trở về menu cài đặt hệ thống âm thanh.

Sử dụng radiô

Hãy ấn nút "MODE" cho tới khi xuất hiện chữ "AM" hoặc "FM".



① Nút tắt tiếng

② Nút dò tần số

③ Núm "TUNE SELECT"

Ấn: Nút cài đặt chế độ AF/Mã vùng/chế độ TA

Hãy xoay: Điều chỉnh tần số/chọn danh sách đài phát (chỉ cho chế độ FM)

④ Nút hiển thị danh sách đài phát (chỉ với chế độ FM)

⑤ Nút chọn đài phát

⑥ Nút chọn chế độ AM/FM

⑦ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

Đặt các đài phát

1 Tìm đài phát bằng cách xoay núm “TUNE SELECT”, hoặc ấn “SEEK >” hoặc nút “< TRACK”.

2 Hãy ấn và giữ một nút chọn đài phát ▭ mà bạn muốn đặt cho đến khi nghe thấy một tiếng bíp.

Sử dụng danh sách đài phát

n Cập nhật danh sách các đài phát

1 Ấn nút ▭ (LIST)

Danh sách các đài phát sẽ được hiển thị.

2 Ấn nút ▭ (UPDATE) để cập nhật danh sách các đài phát.

Chữ “Update” sẽ xuất hiện trong quá trình tìm kiếm, bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp sau khi tìm kiếm và sau đó danh sách các đài phát có thể thu được sẽ được hiển thị trên màn hình.

Để hủy quá trình cập nhật, hãy ấn nút ▭ (BACK).

n Chọn một đài phát từ danh sách các đài phát

1 Ấn nút ▭ (LIST).

Danh sách các đài phát sẽ được hiển thị.

2 Xoay núm “TUNE SELECT” để chọn một đài.

Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

3 Ấn núm để điều chỉnh đài phát.

RDS (Hệ thống dữ liệu radiô)

Tính năng này cho phép hệ thống radiô trên xe có thể thu được các đài phát.

n Nghe đài phát từ cùng một mạng

1 Ấn núm “TUNE SELECT”.

2 Xoay núm tới vị trí "RADIO" và ấn núm.

3 Xoay núm để chọn chế độ mong muốn: "FM AF" hoặc "Region code".

4 Hãy ấn vào núm để chọn "ON" hoặc "OFF".

Chế độ "FM AF ON":
Hệ thống sẽ chọn một trong số những đài phát của cùng một mạng có sóng mạnh.

Chế độ "Region code ON":
Hệ thống sẽ chọn một trong số những đài phát của cùng một mạng có sóng mạnh và phát những chương trình giống nhau.

n Thông tin giao thông

1. Ấn núm “TUNE SELECT”.
2. Xoay núm tới vị trí "RADIO" và ấn núm.
3. Vặn núm tới chế độ "FM TA".
4. Hãy ấn vào núm để chọn "ON" hoặc "OFF".

Chế độ TP:

Hệ thống sẽ tự động chuyển tới thông tin giao thông khi thu nhận được tín hiệu thông tin giao thông.

Khi chương trình thông tin giao thông kết thúc, đài phát sẽ quay trở lại phát chương trình trước đó.

Chế độ TA:

Hệ thống sẽ tự động chuyển sang phát các thông tin về giao thông khi thu được đài phát có tín hiệu thông tin giao thông. Ở chế độ FM, hệ thống sẽ tắt tiếng trừ khi đang phát các thông tin về giao thông.

Khi chương trình thông tin giao thông kết thúc, đài phát sẽ quay trở lại phát chương trình trước đó.

---

n Hệ thống EON (dành cho chức năng thông tin giao thông)

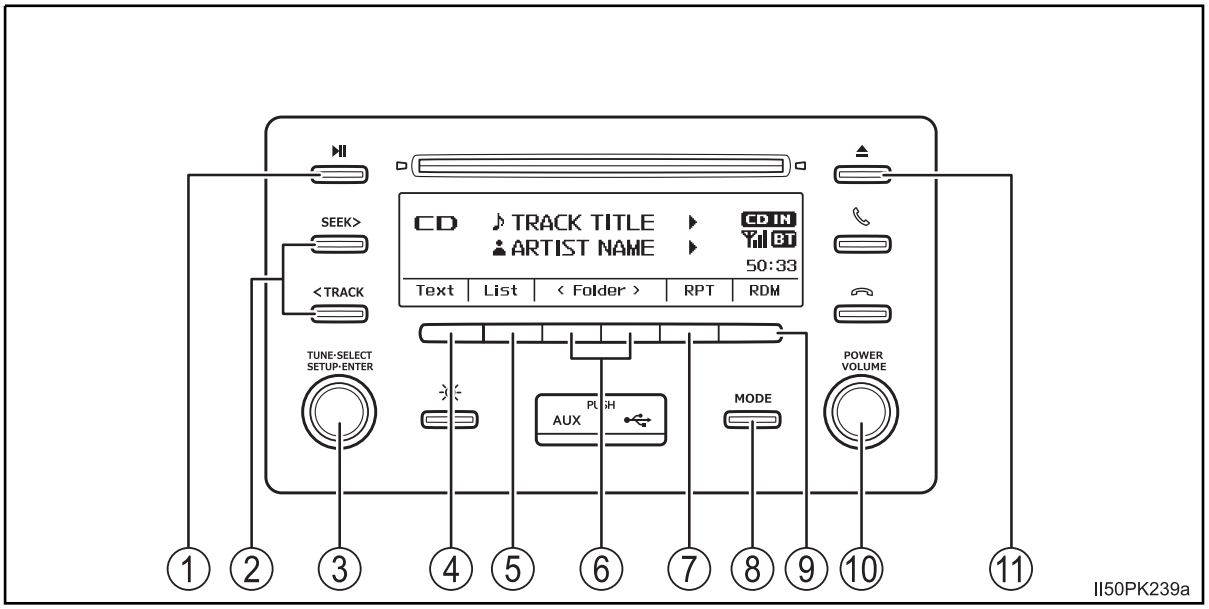
Nếu đài phát RDS (với dữ liệu EON) mà bạn đang nghe không phát chương trình thông tin về tình hình giao thông và hệ thống âm thanh đang để ở chế độ TA (thông báo về giao thông), hệ thống sẽ tự động chuyển sang một đài phát khác có phát chương trình thông tin về giao thông trong danh sách của hệ thống EON AF khi chương trình đó bắt đầu được phát.

n Độ nhạy khi thu tín hiệu

Việc liên tục duy trì khả năng thu tín hiệu rađiô một cách hoàn hảo là rất khó khăn do sự thay đổi vị trí liên tục của ăng ten thu sóng, do mức sóng tín hiệu thay đổi và do ảnh hưởng của ngoại cảnh, ví dụ như gần xe lửa, các thiết bị phát sóng…

Sử dụng đầu đĩa CD

Nạp đĩa hoặc ấn nút "MODE" (đĩa CD đã có sẵn ở trong ổ đĩa) để bắt đầu nghe đĩa CD.



① Tạm dừng/Phát lại

② Nút chọn một bản nhạc, tua tiến hoặc tua lùi

③ Núm "TUNE SELECT"

Chọn một bản nhạc/file nhạc

④ Nút hiển thị nội dung chữ

⑤ Nút hiển thị danh sách các bản nhạc/thư mục

⑥ Chọn một thư mục (nghe đĩa MP3/WMA/AAC)

⑦ Phát lặp lại

⑧ Nút thay đổi nguồn âm thanh/phát nhạc

⑨ Nút phát ngẫu nhiên hoặc nút quay lại

⑩ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

⑪ Nút nhả đĩa

Tải đĩa CD hoặc MP3/WMA/AAC

Nhét đĩa vào.

Nhả đĩa CD hoặc MP3/WMA/AAC

Ấn nút nhả đĩa và lấy đĩa ra.

Sử dụng đầu đĩa CD

n Chọn một bản nhạc

Xoay núm "TUNE SELECT" hoặc ấn vào "SEEK >" hoặc "< TRACK" để chuyển lên hoặc xuống cho đến khi số của bài hát muốn nghe xuất hiện.

n Chọn một bản nhạc từ danh sách các bản nhạc

1. Ấn nút ▭ (LIST).

   Danh sách các bản nhạc sẽ được hiển thị.

2. Xoay và ấn núm "TUNE SELECT" để chọn một bản nhạc.

   Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

n Tua tới và tua lùi các bản nhạc

Hãy ấn và giữ nút "SEEK >" hoặc "< TRACK" cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

n Chế độ phát ngẫu nhiên

Ấn nút ▭ (RDM).

Để hủy chức năng này, hãy ấn nút ▭ (RDM) một lần nữa.

n Phát lặp lại

Ấn nút ▭ (RPT).

Để hủy chức năng này, hãy ấn nút ▭ (RPT) một lần nữa.

n Thay đổi nội dung hiển thị của màn hình

Ấn nút ▭ (TEXT) để hiển thị hoặc ẩn tên đĩa CD.

Nếu còn nội dung chữ chưa được hiển thị hết, ký hiệu ▶ sẽ xuất hiện.

Hãy ấn và giữ nút ▭ (TEXT) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp để để hiển thị nội dung chữ còn lại.

Phát lại đĩa CD hoặc MP3/WMA/AAC

n Chọn nhiều thư mục

Ấn nút ▭ (<FOLDER) hay nút ▭ (FOLDER>) để chọn thư mục mong muốn.

n Chọn một thư mục và một file từ danh sách các thư mục

1 Ấn nút ▭ (LIST).

Danh sách các thư mục sẽ được hiển thị.

2 Xoay và ấn núm để chọn một thư mục và một file.

Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

n Trở về thư mục đầu tiên

Hãy ấn và giữ nút ▭ (<FOLDER) cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

n Chọn một file

Xoay núm "TUNE SELECT" hoặc ấn vào "SEEK >" hoặc "< TRACK" để chuyển lên hoặc xuống để chọn được file mong muốn.

n Đi đến file tiếp theo hoặc trở về file trước đó

Hãy ấn và giữ nút "SEEK >" hoặc "< TRACK" cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

n Chế độ phát ngẫu nhiên

Việc ấn nút ▭ (RDM) sẽ thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát ngẫu nhiên một thư mục→Phát ngẫu nhiên một đĩa→Tắt

n Phát lặp lại

Việc ấn nút ▭ (RPT) để thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát lặp lại một file→Phát lặp lại một thư mục*→Tắt

*: Chế độ này không khả dụng khi đang chọn chế độ phát nhạc ngẫu nhiên (RDM)

n Thay đổi nội dung hiển thị của màn hình

Ấn nút ▭ (TEXT) để hiển thị hoặc ẩn tên album.

Nếu còn nội dung chữ chưa được hiển thị hết, ký hiệu ▶ sẽ xuất hiện.

Hãy ấn và giữ nút ▭ (TEXT) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp để để hiển thị nội dung chữ còn lại.

n Màn hình

Tùy theo nội dung đã được ghi, có những ký tự có thể không hiển thị chính xác hoặc có thể sẽ không hiển thị hết được.

n Các thông điệp báo lỗi

Nếu xuất hiện một trong các thông báo lỗi sau, hãy tham khảo thông tin trong bảng sau và tìm cách khắc phục phù hợp. Nếu vẫn không xử lý được, hãy mang xe tới đại lý Toyota.

Thông điệp	Nguyên nhân/Biện pháp khắc phục
"CD CHECK"	Đĩa có thể bị bẩn, hỏng hoặc cho vào ngược mặt. Hãy lau đĩa hoặc cho đĩa vào đúng mặt.
"ERROR 3"	Đã có trục trặc bên trong hệ thống. Hãy nhả đĩa ra.
"ERROR 4"	Lỗi quá dòng xuất hiện. Tắt công tắc động cơ.
"WAIT"	Chỉ ra rằng hệ thống đã ngừng hoạt động do nhiệt độ bên trong đầu đĩa quá cao. Hãy đợi một lát, sau đó ấn nút "MODE". Nếu đầu đĩa vẫn không hoạt động, hãy liên hệ với đại lý Toyota để yêu cầu sửa chữa.
"NO SUPPORT"	Chỉ ra rằng file MP3, WMA hoặc AAC không có trong đĩa CD.

n Những loại đĩa có thể sử dụng được

Đầu đĩa có thể phát được những loại đĩa có nhãn như sau.
Đầu đĩa có thể sẽ không phát được một số loại đĩa do định dạng của đĩa hoặc các đặc điểm của đĩa hoặc do đĩa bị xước, bẩn hoặc đĩa bị xuống cấp.



Đầu đĩa có thể sẽ không phát được những đĩa CD có tính năng chống sao chép.

n Chức năng an toàn của đầu đĩa CD

Để bảo vệ các thiết bị bên trong đầu đĩa, đầu đĩa sẽ tự động dừng phát nhạc khi phát hiện ra lỗi trong khi đang hoạt động.

n Nếu để đĩa CD bên trong đầu đĩa hoặc ở cửa nạp đĩa trong một thời gian dài

Đĩa CD có thể sẽ bị hỏng hoặc bị lỗi.

n Vệ sinh mắt đọc

Không sử dụng chất tẩy rửa kính để vệ sinh mắt đọc. Nếu không có thể sẽ làm hỏng đầu đĩa.

n File MP3, WMA và AAC

MP3 (MPEG Audio Layer 3) là một định dạng nén âm thanh tiêu chuẩn.

Những bản nhạc sau khi được nén theo định dạng MP3 có kích cỡ chỉ bằng 1/10 kích cỡ ban đầu.

WMA là một định dạng nén âm thanh do Microsoft phát triển.

Dữ liệu âm thanh nén dạng này có kích thước còn nhỏ hơn cả định dạng MP3.

AAC là tên viết tắt của cụm từ "Advanced Audio Coding" và nó là một tiêu chuẩn công nghệ nén dữ liệu âm thanh sử dụng trên chuẩn MPEG2 và MPEG4.

Đầu đĩa chỉ có thể đọc được một số file MP3, WMA và ACC cũng như chỉ tương thích với một số loại đĩa/thiết bị dùng để ghi đĩa.

l Các tiêu chuẩn tương thích của file MP3

- Các tiêu chuẩn tương thích
  MP3 (MPEG1 LAYER3, MPEG2 LSF LAYER3)
- Tần số lấy mẫu tương thích
  MPEG1 LAYER3: 32, 44.1, 48 (kHz)

  MPEG2 LSF LAYER3: 16, 22.05, 24 (kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích (tương thích với VBR)
  MPEG1 LAYER3: 32—320 (kbps)

  MPEG2 LSF LAYER3: 8—160 (kbps)
- Các chế độ phân kênh tương thích: stereo, joint stereo, kênh đôi và mônô

l Các tiêu chuẩn tương thích của file WMA

- Các tiêu chuẩn tương thích
  WMA Phiên bản 7, 8, 9 (9.1/9.2)
- Tần số lấy mẫu tương thích
  32, 44.1, 48 (kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích (chỉ tương thích với chế độ phát 2 kênh)
  Phiên bản 7, 8: CBR 48-192 (kbps)

  Phiên bản 9 (9.1/9.2): CBR 48-320 (kbps)

l Các tiêu chuẩn tương thích của file AAC

- Các tiêu chuẩn tương thích
  MPEG4/AAC-LC
- Tần số lấy mẫu tương thích
  11.025/12/16/22.05/24/32/44.1/48 (kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích (tương thích với VBR)
  8-320 (kbps)
- Các chế độ phân kênh tương thích
  1 kênh, 2 kênh (kênh đôi không được hỗ trợ)

Các loại đĩa có thể tương thích

Các file có thể sử dụng như MP3, WMA và AAC phát nhạc trong đĩa CD-ROM, CD-R và CD-RW.

Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào trạng thái của đĩa CD-ROM, CD-R hoặc CD-RW mà đầu đĩa có thể sẽ không phát được đĩa. Nếu đĩa nhạc bị xước hoặc bị dính dấu vân tay thì đầu đĩa có thể sẽ không phát được đĩa hoặc bị nhảy bài.

Các định dạng đĩa tương thích

Có thể dùng được các loại định dạng đĩa sau.

- Các định dạng đĩa:
  CD-ROM Mode 1 và Mode 2
  CD-ROM XA Mode 2, Form 1 và Form 2
- Các định dạng file:
  ISO9660 Level 1, Level 2, (Romeo, Joliet)
  UDF (2.01)

Nếu bạn ghi nhạc MP3, WMA và AAC theo những chuẩn khác với những chuẩn được liệt ở kê thì đầu đĩa có thể sẽ không phát nhạc chính xác, và tên của bản nhạc và tên thư mục cũng không được hiển thị một cách chính xác.

Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn và giới hạn khác như:

- Số lượng cấp thư mục tối đa: 8 cấp (bao gồm cả thư mục gốc)
- Số lượng ký tự tối đa của tên thư mục/tên file: 32 ký tự
- Số lượng thư mục tối đa: 192 (bao gồm cả thư mục gốc)
- Số lượng file nhạc tối đa trong đĩa: 255

Tên file

Đầu đĩa chỉ có thể phát những bản nhạc được ghi lại dưới dạng MP3/WMA/AAC và có đuôi .mp3, .wma hoặc .m4a.

Ghi nhiều lần

Hệ thống âm thanh trên xe tương thích với loại đĩa được ghi nhiều lần, do đó đầu đĩa có thể phát được các đĩa có cả file nhạc MP3, WMA và AAC. Tuy nhiên, đầu đĩa chỉ phát được những nội dung được ghi lần đầu tiên.

Nhãn ID3, WMA và AAC

Bạn có thể gắn thẻ ID3 vào các file MP3, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ...

Hệ thống tương thích với tiêu chuẩn ID3 phiên bản 1.0, 1.1 và nhãn ID3 phiên bản 2.2, 2.3. (Số lượng ký tự tùy thuộc vào phiên bản ID3 1.0 và 1.1)

Bạn có thể gắn nhãn WMA vào các file WMA, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ, giống như nhãn ID3.

Bạn có thể gắn nhãn AAC vào các file AAC, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ, giống như nhãn ID3.

Phát nhạc MP3, WMA và AAC

Để đĩa nhạc có chứa các file MP3, WMA hoặc AAC, tất cả các file trong đĩa sẽ được kiểm tra sơ bộ trước. Sau khi việc kiểm tra sơ bộ kết thúc, bản nhạc MP3, WMA hoặc AAC đầu tiên sẽ được phát. Để việc kiểm tra sơ bộ các bản nhạc được hoàn thành nhanh chóng, chúng tôi khuyên bạn không nên ghi những dữ liệu khác ngoài những bản nhạc MP3, WMA hoặc AAC hoặc tạo ra những thư mục không cần thiết.

Với những đĩa có cả dữ liệu nhạc và nhạc MP3 hoặc WMA, đầu đĩa chỉ có thể phát dữ liệu nhạc.

Đuôi file

Nếu bạn gán đuôi .mp3, .wma và .m4a cho những file không phải là file MP3, WMA và ACC, đầu đĩa sẽ coi đó là các file MP3, WMA và ACC. Khi đó có thể sẽ gây ra tiếng động lớn và làm hỏng các loa.

Phát nhạc

- Để phát nhạc MP3 với chất lượng ổn định, chúng tôi khuyên các bạn nên ghi nhạc với tốc độ truyền dữ liệu cố định ở mức 128kbps và tần số lấy mẫu cố định ở mức 44.1kHz.
- Đầu đĩa có thể sẽ không đọc được một số đĩa CD-ROM, CD-R hoặc CD-RW tùy thuộc vào đặc tính của loại đĩa đó.
- Hiện tại trên thị trường có rất nhiều phần mềm miễn phí và những mã phần mềm mã hóa khác cho file MP3, WMA và AAC, và tùy thuộc vào trạng thái của mã hóa và của định dạng file mà chất lượng bản nhạc phát ra có thể sẽ bị kém hoặc gây ra ồn nhiễu khi phát nhạc. Trong một số trường hợp, đầu đĩa còn có thể không phát được các bản nhạc đó.
- Khi trong đĩa còn có các file dữ liệu khác ngoài các file nhạc MP3, WMA hoặc AAC, thì đầu đĩa có thể sẽ mất thêm nhiều thời gian để đọc đĩa và trong một số trường hợp, đầu đĩa có thể sẽ không thể phát đĩa nhạc đó được.
- Microsoft, Windows và Windows Media là các thương hiệu đã được đăng ký bản quyền của tập đoàn Microsoft ở Mỹ và ở các nước khác.
- Sản phẩm này được bảo vệ bởi quyền sở hữu trí tuệ nhất định của Tập đoàn Microsoft.
  Sử dụng hoặc phân phối của công nghệ như bên ngoài của sản phẩm này mà không có giấy phép từ Microsoft sẽ bị cấm.

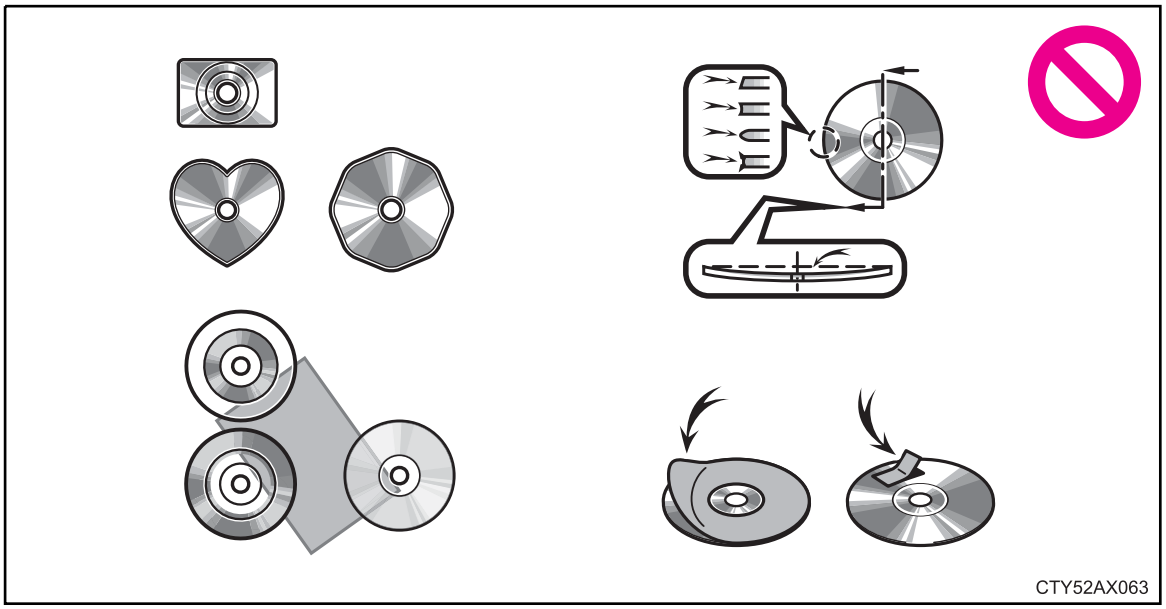
CHÚ Ý

n **Những kiểu đĩa và bộ đổi đĩa không thể sử dụng được**

Không sử dụng các loại đĩa sau.

Không dùng các đĩa có đường kính 8cm, đĩa 2 lớp hoặc đĩa có thể in được.

Nếu không, có thể làm đầu đọc và/hoặc làm chức năng nạp/nhả đĩa bị trục trặc.



- Đĩa CD có đường kính lớn hơn hoặc nhỏ hơn 12 cm
- Đĩa kém chất lượng hoặc đĩa đã bị biến dạng
- Đĩa có vùng ghi dữ liệu trong suốt hoặc lờ mờ
- Đĩa có dán băng keo, băng dính hoặc các nhãn CD-R trên bề mặt đĩa hoặc đĩa đã bị bong nhãn

n **Lưu ý đối với đầu đĩa**

Nếu không tuân thủ theo những lưu ý sau có thể sẽ dẫn tới những hư hỏng nghiêm trọng cho đĩa và đầu đọc.

- Không nhét các đồ vật khác, ngoài đĩa nhạc vào cửa nạp đĩa.
- Không tra dầu bôi trơn vào đầu đọc.
- Không để đĩa tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
- Không tháo bất kỳ chi tiết nào của đầu đĩa.

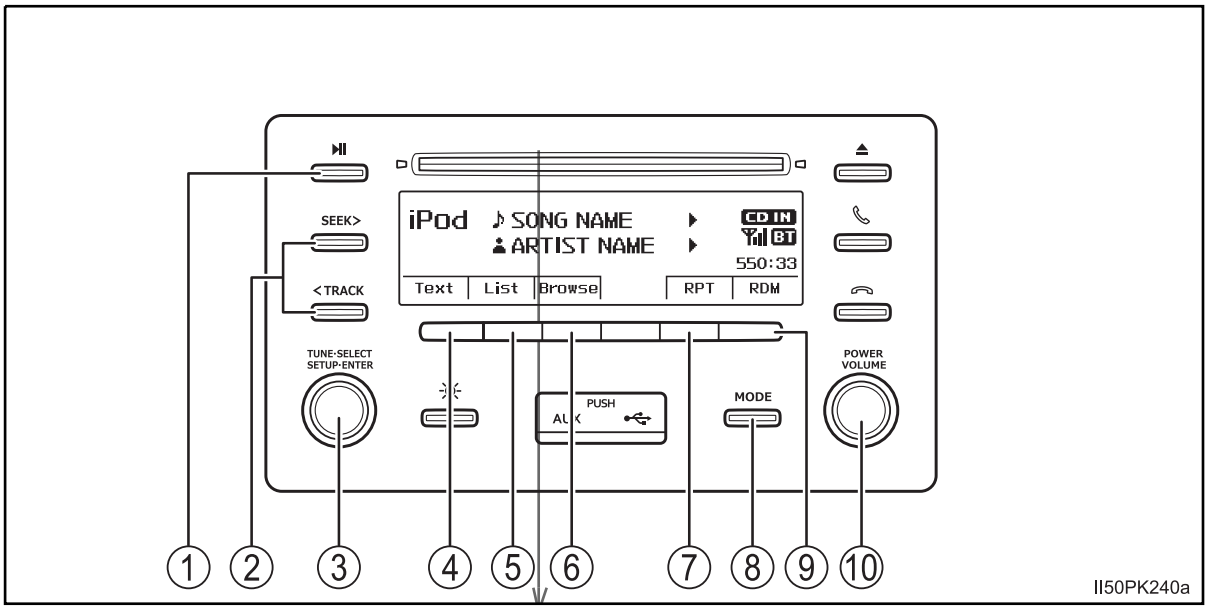
Nghe nhạc trên trình phát nhạc iPod

Bạn có thể kết nối trình phát nhạc iPod với hệ thống âm thanh để nghe nhạc bằng các loa trên xe. Hãy ấn nút "MODE" cho tới khi xuất hiện chữ "iPod".

Kết nối với iPod

→P. 376

Bảng điều khiển



① Tạm dừng/Phát lại

② Nút chọn một bài hát, tua tiến hoặc tua lùi

③ Núm "TUNE SELECT"

Ấn: Hiển thị danh sách thư mục hiện tại

Xoay: Chọn một menu/bài hát trên iPod

④ Nút hiển thị nội dung chữ

⑤ Hiển thị danh sách bài hát

⑥ Hiển thị chế độ phát

⑦ Phát lặp lại

⑧ Nút thay đổi nguồn âm thanh/phát nhạc

⑨ Nút phát ngẫu nhiên hoặc nút quay lại

⑩ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

Chọn chế độ phát

1 Ấn nút ▭ (BROWSE) để chọn chế độ phát nhạc iPod.

2 Vặn núm "TUNE SELECT" theo chiều kim đồng hồ để thay đổi chế độ phát nhạc theo thứ tự sau: "Playlists" → "Artists" → "Albums" → "Songs" → "Genres" → "Composers" → "Radio" → "Audiobooks" → "Podcasts" → "iTunes U"

3 Hãy ấn núm để chọn chế độ phát nhạc mong muốn.

n Danh mục chế độ phát

Chế độ phát	Lựa chọn thứ 1	Lựa chọn thứ 2	Lựa chọn thứ 3	Lựa chọn thứ 4
"Playlists"	Chọn danh sách phát nhạc	Chọn các bài hát	-	-
"Nghệ sỹ"	Chọn ca sỹ	Chọn một album	Chọn các bài hát	-
"Albums"	Chọn một album	Chọn các bài hát	-	-
"Songs"	Chọn các bài hát	-	-	-
"Genres"	Chọn thể loại nhạc	Chọn ca sỹ	Chọn một album	Chọn các bài hát
"Composers"	Chọn nhạc sĩ	Chọn một album	Chọn các bài hát	-
"Radio"	Đài phát	-	-	-
"Sách nói"	Chọn danh sách nhạc	Chọn chương	-	-
"Podcasts"	Chương trình	Chọn phần/ chương	-	-
"iTunes U"	Courses	Chọn phần/ chương	-	-

n Chọn một danh sách

1. Xoay núm “TUNE SELECT” để hiển thị danh sách lựa chọn đầu tiên.
2. Hãy ấn núm để chọn một hạng mục cần chọn và hiển thị danh sách lựa chọn thứ hai.
3. Hãy thực hiện lại quy trình tương tự để chọn hạng mục mong muốn.

Để trở lại danh sách lựa chọn từ trước, hãy ấn nút ▭ (BACK).

Ấn nút ▭ (PLAY) để phát một lựa chọn mong muốn hoặc ấn vào núm khi nó đang ở lựa chọn trước đó.

Lựa chọn các bài hát

Xoay núm “TUNE SELECT” hoặc ấn vào “SEEK >” hoặc “< TRACK” để chuyển bài hát mong muốn.

Chọn một bài hát từ một danh sách các bài hát

1. Ấn nút ▭ (LIST).

   Danh sách các các bài hát sẽ được hiển thị.
2. Xoay núm “TUNE SELECT” để chọn một bài hát.
3. Hãy ấn núm để phát bài hát.

   Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

Đi đến bản nhạc tiếp theo hoặc trở về bài hát trước đó

Hãy ấn và giữ nút “SEEK >” hoặc “< TRACK” cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

Phát lặp lại

Việc ấn ▭ (RPT) thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát lặp lại bản nhạc → Phát lặp lại Album * → Tắt.

*: Chế độ lặp lại album có thể không hiển thị tùy vào loại thiết bị iPod.

Chế độ phát ngẫu nhiên

Việc ấn nút ▭ (RDM) sẽ thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát lặp lại bản nhạc → Phát lặp lại Album → Tắt.

Thay đổi nội dung hiển thị của màn hình

Ấn nút ▭ (TEXT) để hiển thị hoặc ẩn tên album.

Nếu còn nội dung chữ chưa được hiển thị hết, ký hiệu ▶ sẽ xuất hiện.

Hãy ấn và giữ nút ▭ (TEXT) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp để để hiển thị nội dung chữ còn lại.

n Thông tin về trình phát nhạc iPod

Made for iPhone | iPod

- Sử dụng sản phẩm thương hiệu có nhãn Made for Apple có nghĩa là thiết bị đó được thiết kế để có thể kết nối với sản phẩm của Apple, và nó thỏa mãn các tiêu chuẩn của Apple.
- Apple không chịu trách nhiệm về hoạt động của các thiết bị này hoặc khả năng tương thích với các tiêu chuẩn an toàn. Xin hãy lưu ý rằng khi sử dụng các thiết bị này với sản phẩm của Apple có thể sẽ ảnh hưởng tới tính năng điều khiển từ xa.
- iPhone, iPod, iPod touch, và iPod nano là những thương hiệu của hãng Apple đã được đăng ký tại Mỹ và một số quốc gia khác.

n Các chức năng của iPod

- Khi kết nối iPod và chọn chế độ nguồn phát là iPod, iPod sẽ tiếp tục phát nhạc từ vị trí mà nó đang dừng trước đó.
- Tùy vào kiểu trình phát nhạc iPod được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không khả dụng. Bạn có thể khắc phục một số lỗi bằng cách rút máy nghe nhạc ra rồi cắm lại.
- Khi đã kết nối với hệ thống, bạn sẽ không thể điều khiển trình phát nhạc iPod bằng các nút điều khiển của trình phát nhạc iPod được. Hãy điều khiển trình phát nhạc iPod bằng các nút điều khiển trên hệ thống âm thanh của xe.

n Các lỗi của iPod

Để khắc phục hầu hết các lỗi khi sử dụng iPod, hãy tháo iPod ra khỏi xe và thử khởi động lại.
Để biết cách khởi động lại iPod, hãy xem lại hướng dẫn sử dụng iPod.

n Màn hình

→P. 385

n Các thông điệp báo lỗi

Nếu xuất hiện một trong các thông báo lỗi sau, hãy tham khảo thông tin trong bảng sau và tìm cách khắc phục phù hợp. Nếu vẫn không xử lý được, hãy mang xe tới đại lý Toyota.

Thông điệp	Nguyên nhân/Biện pháp khắc phục
“iPod ERROR”	Chỉ ra rằng hệ thống không thể đọc dữ liệu trong trình phát nhạc iPod.
"ERROR 3"	Chỉ ra rằng đĩa CD có thể đang bị lỗi.
"ERROR 4"	Chỉ ra rằng hệ thống đã bị quá dòng.
"ERROR 5"	Chỉ ra rằng trình phát nhạc iPod đã bị lỗi kết nối.
"ERROR 6"	Chỉ ra rằng hệ thống đã xảy ra lỗi xác thực.
"NO SONGS"	Chỉ ra rằng trong trình phát nhạc iPod không có dữ liệu âm nhạc nào.
“NO PLAYLISTS”	Chỉ ra rằng hệ thống không tìm được bài hát phù hợp nào trong danh sách phát nhạc đã chọn.
"UPDATE YOUR iPod"	Chỉ ra rằng phiên bản trình phát nhạc iPod đang sử dụng không tương thích với hệ thống âm thanh trên xe. Hãy nâng cấp lên phiên bản phần mềm của trình phát nhạc iPod mới nhất.

n Các model tương thích với hệ thống

Các thiết bị sau có thể sử dụng được với hệ thống này.

l Các phiên bản

- iPhone 7
- iPhone 7 Plus
- iPhone SE
- iPhone 6s
- iPhone 6s Plus
- iPhone 6
- iPhone 6 Plus
- iPhone 5s
- iPhone 5c
- iPhone 5
- iPhone 4s
- iPod touch (thế hệ thứ 6)
- iPod touch (thế hệ thứ 5)
- iPod nano (thế hệ thứ 7)

Hệ thống này chỉ hỗ trợ phát nhạc.

Tùy thuộc vào sự khác biệt giữa các model và phiên bản phần mềm… một số model dưới đây có thể không tương thích với hệ thống.

⚠ CẢNH BÁO

n Trong khi lái xe

Không được kết nối hoặc điều khiển iPod khi lái xe. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng iPod

l Không để trình phát nhạc iPod trong xe, nhiệt độ trong xe có thể sẽ tăng lên cao, làm hỏng máy nghe nhạc.

l Không tác dụng lực không cần thiết hoặc ấn iPod xuống khi nó đã được kết nối bởi bạn có thể sẽ làm hỏng iPod hoặc cực nối của nó.

l Không được nhét các vật lạ vào cổng kết nối do nó có thể sẽ làm hỏng iPod hoặc cực nối của nó.

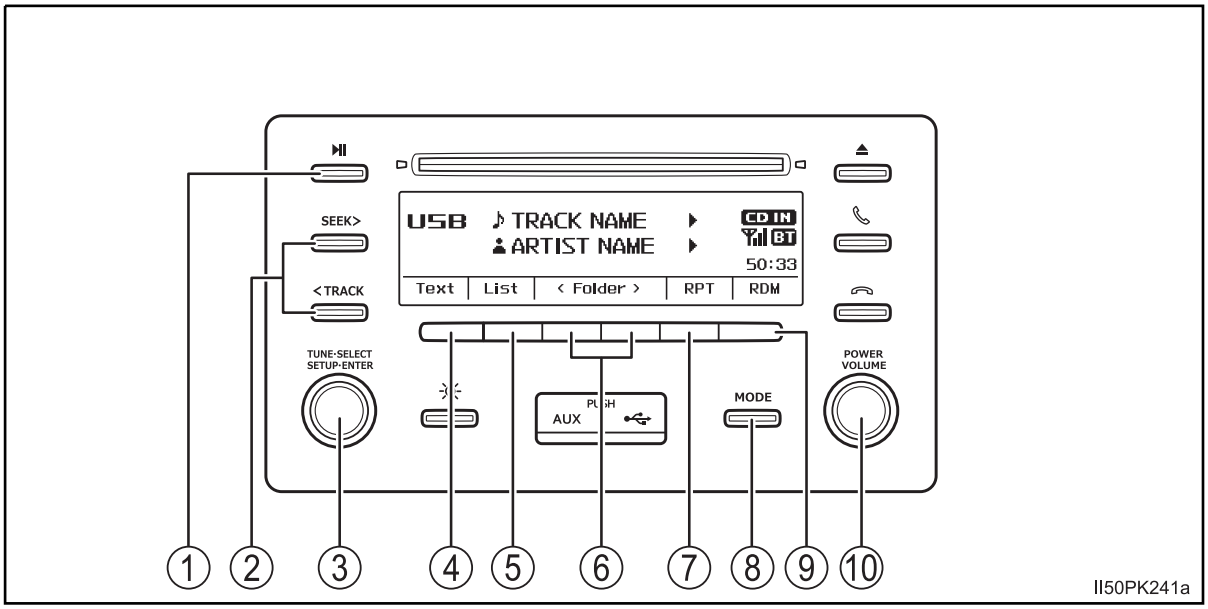
Nghe nhạc trong bộ nhớ USB

Kết nối cổng USB để nghe nhạc bằng các loa của xe. Hãy ấn nút "MODE" cho tới khi xuất hiện "USB".

Kết nối bộ nhớ USB

→P. 376

Bảng điều khiển



① Tạm dừng/Phát lại

② Nút chọn file, tua tiến hoặc tua lùi

③ Núm "TUNE SELECT"

Chọn một file

④ Nút hiển thị nội dung chữ

⑤ Nút hiển thị danh sách thư mục

⑥ Chọn một thư mục

⑦ Phát lặp lại

⑧ Nút thay đổi nguồn âm thanh/phát nhạc

⑨ Nút phát ngẫu nhiên hoặc nút quay lại

⑩ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

Sử dụng USB

n Chọn nhiều thư mục

Ấn nút ▭ (<FOLDER) hay nút ▭ (FOLDER>) để chọn thư mục mong muốn.

n Chọn một thư mục và một file từ danh sách các thư mục

1 Ấn nút ▭ (LIST).

Danh sách các thư mục sẽ được hiển thị.

2 Xoay và ấn núm để chọn một thư mục và một file.

Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

n Trở về thư mục đầu tiên

Hãy ấn và giữ nút ▭ (<FOLDER) cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

n Chọn một file

Xoay núm "TUNE SELECT" hoặc ấn vào "SEEK >" hoặc "< TRACK" để chuyển lên hoặc xuống để chọn được file mong muốn.

n Đi đến file tiếp theo hoặc trở về file trước đó

Hãy ấn và giữ nút "SEEK >" hoặc "< TRACK" cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

n Chế độ phát ngẫu nhiên

Việc ấn nút ▭ (RDM) sẽ thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát ngẫu nhiên một thư mục→Phát ngẫu nhiên tất cả các thư mục→Tắt

n Phát lặp lại

Việc ấn nút ▭ (RPT) để thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát lặp lại một file→Phát lặp lại một thư mục*→Tắt

*: Chế độ này không khả dụng khi đang chọn chế độ phát nhạc ngẫu nhiên (RDM)

n Thay đổi nội dung hiển thị của màn hình

Ấn nút ▭ (TEXT) để hiển thị hoặc ẩn tên album.

Nếu còn nội dung chữ chưa được hiển thị hết, ký hiệu ▶ sẽ xuất hiện.

Hãy ấn và giữ nút ▭ (TEXT) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp để để hiển thị nội dung chữ còn lại.

n Chức năng của USB

- Tùy theo loại USB được kết nối với hệ thống mà thiết bị có thể không hoạt động hoặc một số chức năng có thể sẽ không khả dụng. Nếu hệ thống không hoạt động hoặc hoạt động không chính xác do bị trục trặc (như chọn sai các thông số hệ thống), hãy rút USB ra rồi cắm lại, có thể hệ thống sẽ lại làm việc bình thường.
- Nếu USB vẫn không hoạt động sau khi rút ra rồi cắm lại, hãy định dạng (format) lại cho USB.

n Màn hình

→P. 385

n Các thông điệp báo lỗi

Nếu xuất hiện một trong các thông báo lỗi sau, hãy tham khảo thông tin trong bảng sau và tìm cách khắc phục phù hợp. Nếu vẫn không xử lý được, hãy mang xe tới đại lý Toyota.

Thông điệp	Nguyên nhân/Biện pháp khắc phục
“USB ERROR"	Chỉ ra rằng hệ thống không thể đọc dữ liệu trong USB hoặc thiết bị được kết nối với USB không hỗ trợ.
"ERROR 3"	Chỉ ra rằng USB có thể đã trục trặc.
"ERROR 4"	Chỉ ra rằng hệ thống đã bị quá dòng.
"ERROR 5"	Thông báo này chỉ ra rằng đã xảy ra lỗi kết nối USB, lỗi phiên bản cũ hoặc bị treo khi cắm USB (lỗi liệt kê).
"NO MUSIC"	Chỉ ra rằng không có file MP3/WMA/AAC nào trong USB.
“Hubs are not supported”	Chỉ ra rằng lỗi kết nối trung tâm xuất hiện.

n Bộ nhớ USB

l Các thiết bị tương thích

Có thể sử dụng bộ nhớ USB để phát nhạc MP3, WMA và AAC.

l Các định dạng tương thích

Các định dạng thiết bị tương thích có thể được sử dụng:

- Định dạng liên lạc của bộ nhớ USB: USB2.0 FS (12 mbps)
- Các định dạng file: FAT16/32 (Windows)
- Giao thức tương thích: Lưu trữ dung lượng lớn

Nếu bạn ghi nhạc MP3, WMA và AAC theo những chuẩn khác với những chuẩn được liệt ở kê thì đầu đĩa có thể sẽ không phát nhạc chính xác, và tên của bản nhạc và tên thư mục cũng không được hiển thị một cách chính xác.

Các hạng mục liên quan tới các tiêu chuẩn và giới hạn khác như sau:

- Số lượng cấp thư mục tối đa: 8 cấp (bao gồm cả thư mục gốc)
- Số lượng thư mục tối đa: 3000 (bao gồm cả thư mục gốc)
- Số lượng file tối đa trong thiết bị: 9999
- Số lượng file tối đa trong mỗi thư mục: 255

l File MP3, WMA và AAC

MP3 (MPEG Audio Layer 3) là một định dạng nén âm thanh tiêu chuẩn.

Những bản nhạc sau khi được nén theo định dạng MP3 có kích cỡ chỉ bằng 1/10 kích cỡ ban đầu.

WMA là một định dạng nén âm thanh do Microsoft phát triển.

Dữ liệu âm thanh nén dạng này có kích thước còn nhỏ hơn cả định dạng MP3.

AAC là tên viết tắt của cụm từ "Advanced Audio Coding" và nó là một tiêu chuẩn công nghệ nén dữ liệu âm thanh sử dụng trên chuẩn MPEG2 và MPEG4.

Đầu đĩa chỉ có thể đọc được một số file MP3, WMA và ACC cũng như chỉ tương thích với một số loại đĩa/thiết bị dùng để ghi đĩa.

l Các tiêu chuẩn tương thích của file MP3

- Các tiêu chuẩn tương thích
  MP3 (MPEG1 LAYER3, MPEG2 LSF LAYER3)
- Tần số lấy mẫu tương thích
  MPEG1 LAYER3: 32, 44.1, 48 (kHz)
  MPEG2 LSF LAYER3: 16, 22.05, 24 (kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích (tương thích với VBR)
  MPEG1 LAYER3: 32-320 (kbps)
  MPEG2 LSF LAYER3: 8-160 (kbps)
- Các chế độ phân kênh tương thích: stereo, joint stereo, kênh đôi và mônô

l Các tiêu chuẩn tương thích của file WMA

- Tiêu chuẩn tương thích với
  phiên bản WMA 7, 8, 9 (9.1/9.2)
- Tần số lấy mẫu tương thích
  32, 44.1, 48 (kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích (chỉ tương thích với chế độ phát 2 kênh)
  Phiên bản 7, 8: CBR 48-192 (kbps)
  Phiên bản 9 (9.1/9.2): CBR 48-320 (kbps)

l Các tiêu chuẩn tương thích của file AAC

- Tiêu chuẩn tương thích với
  MPEG4/AAC-LC
- Tần số lấy mẫu tương thích
  11.025/12/16/22.05/24/32/44.1/48(kHz)
- Tốc độ truyền dữ liệu tương thích
  (tương thích với VBR) 8-320(kbps)
- Các chế độ kênh tương thích
  1 kênh, 2 kênh (kênh đôi không được hỗ trợ)

l Tên file

Đầu đĩa chỉ có thể phát những bản nhạc được ghi lại dưới dạng MP3/WMA/AAC và có đuôi .mp3, .wma hoặc .m4a.

l Nhãn ID3, WMA và AAC

Bạn có thể gắn thẻ ID3 vào các file MP3, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ...

Hệ thống tương thích với phiên bản ID3 1.0, 1.1 và phiên bản 2.2, 2.3, nhãn ID3. Số ký tự dựa vào ID3 phiên bản 1.0 và 1.1.)

Bạn có thể gắn nhãn WMA vào các file WMA, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ, giống như nhãn ID3.

Bạn có thể gắn nhãn AAC vào các file AAC, thẻ này giúp lưu tên bản nhạc và tên ca sỹ, giống như nhãn ID3.

l Phát nhạc MP3, WMA và AAC

- Khi cắm thiết bị có các file nhạc MP3, AAC hoặc WMA với hệ thống âm thanh trên xe, tất cả các file trong USB sẽ được kiểm tra trước. Sau khi việc kiểm tra sơ bộ kết thúc, bản nhạc MP3, AAC hoặc WMA đầu tiên sẽ được phát. Để quá trình kiểm tra file diễn ra nhanh, chúng tôi khuyên bạn không nên lưu những dữ liệu khác ngoài các file nhạc MP3, AAC hay WMA hoặc tạo ra những thư mục thừa trong USB.
- Khi cắm USB vào hệ thống và chuyển nguồn phát sang chế độ USB, hệ thống sẽ phát file nhạc đầu tiên trong thư mục đầu tiên của USB. Khi rút USB ra rồi cắm lại (với nội dung bên trong USB không bị thay đổi), hệ thống sẽ tiếp tục phát nhạc từ lúc bị ngắt ra.

l Đuôi file

Nếu bạn gán đuôi .mp3, .wma và .m4a cho những file không phải là file MP3, WMA và AAC, các file đó không được phát (bỏ qua).

l Phát nhạc

- Để phát nhạc MP3 với chất lượng âm thanh ổn định, chúng tôi khuyên bạn nên ghi file với tốc độ truyền dữ liệu cố định với mức tối thiểu là 128 kbps và tần số lấy mẫu 44.1 kHz.
- Hiện tại trên thị trường có rất nhiều phần mềm miễn phí và những mã phần mềm mã hóa khác cho file MP3, WMA và AAC, và tùy thuộc vào trạng thái của mã hóa và của định dạng file mà chất lượng bản nhạc phát ra có thể sẽ bị kém hoặc gây ra ồn nhiễu khi phát nhạc. Trong một số trường hợp, đầu đĩa còn có thể không phát được các bản nhạc đó.
- Microsoft, Windows và Windows Media là các thương hiệu đã được đăng ký bản quyền của tập đoàn Microsoft ở Mỹ và ở các nước khác.

⚠ CẢNH BÁO

n **Trong khi lái xe**

Không kết nối USB hoặc điều khiển hệ thống âm thanh khi lái xe. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng bộ nhớ USB**

l Không cất USB ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể tăng cao và làm hỏng USB.

l Không được ấn hoặc tác dụng lực không cần thiết USB xuống khi đã cắm USB vào hệ thống, nếu không có thể sẽ làm hỏng USB hoặc cực nối của USB.

l Không cắm dị vật vào cổng USB, nếu không có thể sẽ làm hỏng USB hoặc cực nối của USB.

Sử dụng cổng AUX

Cổng này dùng để kết nối máy nghe nhạc cầm tay và nghe nhạc bằng các loa của xe. Hãy ấn nút "MODE" cho tới khi xuất hiện "AUX".

Kết nối với máy nghe nhạc cầm tay

→P. 376

n **Điều khiển máy nghe nhạc cầm tay được kết nối với hệ thống âm thanh**

Bạn có thể điều chỉnh mức âm lượng bằng các nút điều khiển của hệ thống âm thanh trên xe. Với các điều chỉnh khác, bạn phải điều khiển trực tiếp trên máy nghe nhạc cầm tay.

n **Khi sử dụng thiết bị nghe nhạc cầm tay được nối với ổ điện**

Ồn nhiễu có thể sẽ xuất hiện khi phát nhạc. Hãy dùng nguồn điện của thiết bị nghe nhạc cầm tay.

Hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth®

Có thể sử dụng những chức năng sau bằng kết nối không dây Bluetooth®.

u Âm thanh Bluetooth®

Hệ thống âm thanh Bluetooth® cho phép bạn nghe nhạc được phát trên máy nghe nhạc kỹ thuật số cầm tay (máy nghe nhạc cầm tay) trên hệ thống loa của xe thông qua kết nối không dây.

Hệ thống âm thanh trên xe có hỗ trợ tính năng Bluetooth®, là hệ thống cho phép truyền dữ liệu với máy nghe nhạc cầm tay mà không cần dây cáp nối. Nếu máy nghe nhạc cầm tay của bạn không hỗ trợ tính năng Bluetooth®, hệ thống âm thanh Bluetooth® sẽ không làm việc.

u Điện thoại Bluetooth® (hệ thống điện thoại rảnh tay)

Hệ thống này có hỗ trợ tính năng Bluetooth®, cho phép bạn thực hiện cuộc gọi hoặc nhận cuộc gọi mà không cần sử dụng cáp để nối giữa điện thoại di động và hệ thống và bạn không cần phải thao tác trên điện thoại di động.

Quy trình đăng ký/kết nối thiết bị

1. Đăng ký thiết bị Bluetooth® để sử dụng với hệ thống âm thanh của xe (→P. 409)

2. Chọn thiết bị Bluetooth® để sử dụng (→P. 410)

3. Đặt kết nối tự động với thiết bị (→P. 412)

4. Kiểm tra tình trạng kết nối Bluetooth® (→P. 405)

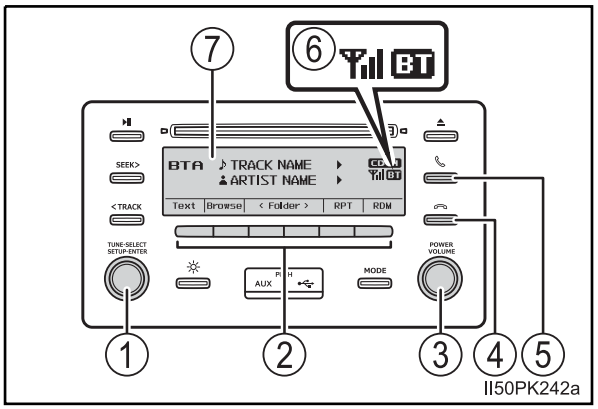
Để sử dụng hệ thống âm thanh

5. Sử dụng âm thanh Bluetooth® (→P. 419)

Để sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay

5. Sử dụng điện thoại Bluetooth® (→P. 421)

Điện thoại/Âm thanh



① Núm "TUNE SELECT"

Hiển thị menu cài đặt hoặc lựa chọn các hạng mục, như một menu và nhập số

Xoay: Chọn một hạng mục

Ấn: Nhập hạng mục đã chọn

② Nút chức năng

③ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh (trừ chế độ điện đàm rảnh tay: quay số, nhận cuộc gọi và đàm thoại)

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

④ Nút gác máy

Tắt hệ thống điện đàm rảnh tay/kết thúc cuộc gọi/từ chối cuộc gọi

⑤ Nút nhấc máy

Bật hệ thống điện thoại rảnh tay/bắt đầu cuộc gọi

⑥ Tình trạng kết nối Bluetooth®

Nếu chữ "BT" không xuất hiện, âm thanh/điện thoại Bluetooth® sẽ không sử dụng được.

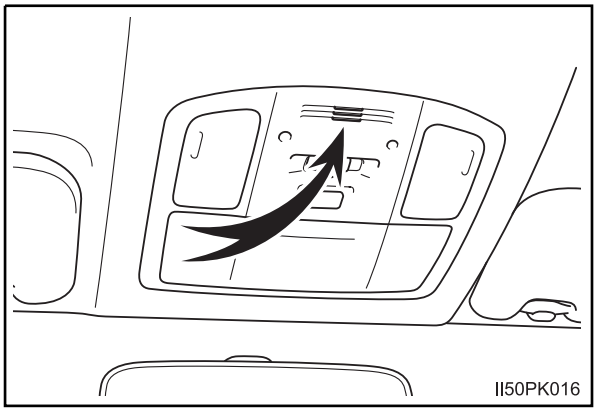
⑦ Màn hình

Hiển thị các thông báo, tên, số, vv...

Micrô

Bạn có thể sử dụng micrô của xe để nói chuyện trên điện thoại.

Âm thanh ở đầu đây bên kia sẽ được phát ra thông qua các loa trên xe.



Để sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay, bạn phải đăng ký điện thoại Bluetooth® với hệ thống. (→P. 409)

Danh sách các menu của hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth®

Để vào một menu, ấn nút “TUNE SELECT” và đi vào menu bằng cách sử dụng núm.

▶ Menu “Bluetooth®”

Lớp danh mục thứ nhất	Lớp danh mục thứ hai	Lớp danh mục thứ ba	Hướng dẫn chi tiết
“Bluetooth”	"Pairing"	-	Đăng ký một thiết bị Bluetooth® (→P. 409)
	"List Phone"	-	Liệt kê các điện thoại di động đã được đăng ký (→P. 410)
	"List Audios"	-	Liệt kê các máy nghe nhạc cầm tay đã được đăng ký (→P. 411)
	"Passkey"	-	Thay đổi mật khẩu (→P. 412)
	"BT power"	-	Bật hoặc tắt chức năng tự động kết nối của thiết bị (→P. 412)
	“Bluetooth info"	“Tên thiết bị” “Device address”	Hiển thị trạng thái của thiết bị (→P. 412)
	"Display setting"	-	Bật hoặc tắt màn hình xác nhận tự động kết nối (→P. 413)
	"Reset"	-	Khởi tạo cho các cài đặt (→P. 413)

▶ Menu “TEL”

Lớp danh mục thứ nhất	Lớp danh mục thứ hai	Lớp danh mục thứ ba	Hướng dẫn chi tiết
“TEL"	"Phonebook"	"Auto transfer"	Cài đặt bật/tắt chức năng tự động truyền dữ liệu liên lạc/lịch sử cuộc gọi (→P. 414)
		"Add contacts"	Bổ sung thêm số điện thoại mới (→P. 414)
		“Delete contacts"*	Xóa một số đã lưu trong danh bạ điện thoại (→P. 414)
		"Sort contacts"	Sắp xếp các dữ liệu liên lạc theo họ hoặc tên của liên lạc (→P. 415)
		“Transfer history"	Chuyển lịch sử cuộc gọi (→P. 415)
		“Delete call history"*	Xóa một số điện thoại được lưu trong lịch sử cuộc gọi (→P. 415)
	“Favourites"	“Add favourites"	Thêm liên lạc mới vào danh sách liên lạc. (→P. 416)
		“Delete favourites"	Xóa liên lạc trong danh sách liên lạc. (→P. 417)
	"HF sound setting"	"Call volume"	Cài đặt âm lượng cuộc gọi (→P. 417)
		"Ringtone volume"	Cài đặt âm lượng của nhạc chuông (→P. 417)
		"Ringtone"	Đặt chuông điện thoại (→P. 418)

*: Với các điện thoại Bluetooth® tương thích PBAP, chức năng này khả dụng khi "Tự động chuyển" được đặt ở tắt.

n **Chức năng của hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth®**

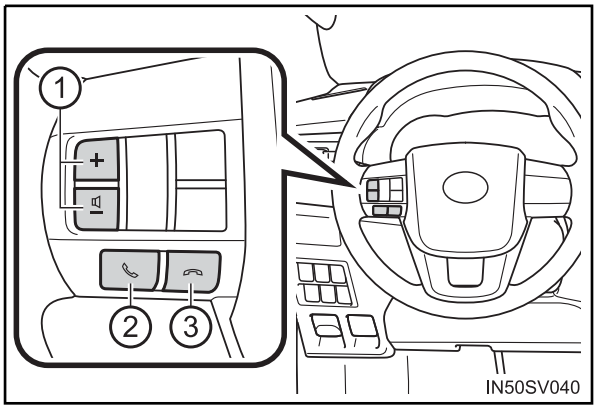
Tùy thuộc vào thiết bị Bluetooth®, một số chức năng có thể sẽ không khả dụng.

Sử dụng các công tắc điều khiển trên vô lăng

Có thể sử dụng các công tắc trên vô lăng để điều khiển điện thoại di động hoặc máy nghe nhạc cầm tay đã được kết nối.

Xe không có hệ thống âm thanh: →P. 477

Sử dụng điện thoại Bluetooth® bằng các công tắc điều khiển trên vô lăng



① Nút điều chỉnh âm lượng
- Ấn phía "+" để tăng âm lượng.
- Ấn phía "-" để giảm âm lượng.

② Nút nhấc máy
Bật hệ thống điện thoại rảnh tay/bắt đầu cuộc gọi

③ Nút gác máy
Tắt hệ thống điện đàm rảnh tay/kết thúc cuộc gọi/từ chối cuộc gọi

Đăng ký một thiết bị Bluetooth®

Trước khi dùng hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth® , bạn sẽ phải đăng ký thiết bị Bluetooth® với hệ thống. Bạn có thể đăng ký đến 5 thiết bị Bluetooth®.

Cách đăng ký một thiết bị Bluetooth®

1 Hãy ấn vào núm “TUNE SELECT” và chọn mục “Bluetooth” băng cách sử dụng núm.

2 Hãy ấn vào núm và chọn "Pairing" bằng cách sử dụng núm.

Một mật khẩu sẽ được hiển thị.

3 Các thiết bị Bluetooth® không tương tích với SSP (Secure Simple Pairing): Nhập mã vào thiết bị.

Các thiết bị Bluetooth® tương tích với SSP (Secure Simple Pairing): Hãy chọn “Có” để đăng ký thiết bị. Tùy thuộc vào kiểu thiết bị, mà nó có thể được đăng ký một cách tự động.

Nếu thiết bị Bluetooth® có cả chức năng phát nhạc và điện thoại di động, cả hai chức năng sẽ được đăng ký đồng thời. Khi xóa thiết bị, cả hai chức năng sẽ được xóa đồng thời.

Nếu ấn nút nhấc máy và đi đến chế độ “TEL” khi không có điện thoại nào được đăng ký, màn hình đăng ký sẽ tự động hiển thị.

Sử dụng menu “SETUP” (Menu “Bluetooth”)

Đăng ký một thiết bị Bluetooth® với hệ thống để cho phép hệ thống hoạt động. Các thiết bị đã đăng ký có thể sử dụng những chức năng sau: Để vào một menu cài đặt, ấn vào núm “TUNE SELECT” và chọn “Bluetooth®” bằng cách sử dụng núm.

Đăng ký một thiết bị Bluetooth®

Chọn “Pairing” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”, và thực hiện quy trình đăng ký một thiết bị. (→P. 409)

Liệt kê các điện thoại di động đã được đăng ký

Chọn “List Phone” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”. Danh sách các điện thoại di động đã được đăng ký với hệ thống sẽ được hiển thị.

l Kết nối điện thoại di động đã đăng ký với hệ thống âm thanh

1. Chọn tên của điện thoại di động cần kết nối bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn "Select" bằng cách sử dụng núm.

l Xóa điện thoại di động đã được đăng ký

1. Chọn tên của điện thoại di động cần xóa bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn nút "Delete" bằng cách sử dụng núm.
3. Ấn nút ▭ (YES).

l Ngắt kết nối giữa điện thoại di động đã đăng ký với hệ thống âm thanh

1. Chọn tên của điện thoại di động cần kết nối lại bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn "Disconnect" bằng cách sử dụng núm.
3. Ấn nút ▭ (YES).

Liệt kê các máy nghe nhạc cầm tay đã được đăng ký

Chọn “List audio” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”. Danh sách các máy nghe nhạc cầm tay đã được đăng ký sẽ được hiển thị.

l Kết nối máy nghe nhạc cầm tay đã đăng ký với hệ thống âm thanh

1 Chọn tên của máy nghe nhạc cầm tay cần kết nối bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn "Select" bằng cách sử dụng núm.

l Xóa máy nghe nhạc cầm tay đã đăng ký

1 Chọn tên của máy nghe nhạc cầm tay cần xóa bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn nút "Delete" bằng cách sử dụng núm.

3 Ấn nút ▭ (YES).

l Ngắt kết nối giữa thiết bị di động đã đăng ký với hệ thống âm thanh

1 Chọn tên của máy nghe nhạc cầm tay cần kết nối lại bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn "Disconnect" bằng cách sử dụng núm.

3 Ấn nút ▭ (YES).

l Chọn phương pháp kết nối

1 Chọn tên của máy nghe nhạc cầm tay mong muốn bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn "Phương pháp kết nối" bằng cách sử dụng núm.

3 Chọn nút "From vehicle" hoặc "From audio" bằng cách sử dụng núm.

Thay đổi mật khẩu

1 Chọn “Passkey” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn mật khẩu có từ 4 đến 8 ký tự bằng cách sử dụng núm.

Hãy nhập từng ký tự một.

3 Khi toàn bộ mã số đăng ký đã được nhập vào như một từ khóa, hãy ấn nút ▭ (ENTER).

Nếu mật khẩu có 8 ký tự thì không cần thiết phải ấn nút ▭ (ENTER).

Bật hoặc tắt chức năng tự động kết nối của thiết bị

Nếu bật chế độ "BT power", thiết bị đã đăng ký sẽ được tự động kết nối khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ACC" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ ACCESSORY (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Chọn “BT power ON” hoặc “BT power OFF” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

Hiển thị trạng thái của thiết bị

Chọn “Bluetooth info” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

- Hiển thị tên thiết bị

  Chọn “Tên thiết bị” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

- Hiển thị địa chỉ của thiết bị

  Chọn “Device address” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

Bật hoặc tắt màn hình xác nhận tự động kết nối

Nếu bật chế độ "Display setting", trạng thái kết nối của thiết bị di động sẽ tự động được hiển thị khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ACC" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ ACCESSORY (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Chọn “Display setting ON” hoặc “Display setting OFF” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

Khởi tạo

Chọn “Initialize” hoặc “Reset” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

l Khởi tạo các cài đặt âm thanh HF

Chọn mục “Cài đặt âm thanh HF” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và ấn nút ▭ (YES).

Để biết chi tiết về “Cài đặt âm thanh HF”: →P. 417

l Khởi tạo thông tin thiết bị

Chọn mục “Car device info” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và ấn nút ▭ (YES).

Tự động kết nối một thiết bị di động, màn hình xác nhận kết nối tự động và mật khẩu sẽ được khởi tạo.

l Khởi tạo cho các cài đặt

Chọn mục “All initialize” hoặc “Reset all” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và ấn nút ▭ (YES).

Sử dụng menu “SETUP” (menu “TEL”)

Để vào một menu cài đặt, ấn vào núm “TUNE SELECT” và chọn “TEL” bằng cách sử dụng núm.

Cài đặt chuyển tiếp lịch sử/liên lạc tự động

Chức năng tự động chuyển tiếp chỉ khả dụng cho các điện thoại Bluetooth® tương thích với PBAP.

1 Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn “Auto transfer ON” hoặc “Auto transfer OFF” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

Khi bật chức năng này, các dữ liệu liên lạc và lịch sử cuộc gọi của điện thoại sẽ tự động chuyển.

Bổ sung thêm số điện thoại mới

Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và chọn mục “Add contacts” bằng cách sử dụng núm.

- Chuyển tất cả dữ liệu liên lạc từ điện thoại di động

  Chọn mục “Overwrite all” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và ấn ▭ (YES).

- Chuyển một dữ liệu liên lạc từ điện thoại di động

  Chọn mục “Add one contact” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và ấn nút ▭ (YES).

Xóa một số điện thoại đã đăng ký

1 Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn “Delete contacts” bằng cách sử dụng núm.

3 Hãy chọn tất cả các số điện thoại mong muốn và ấn nút ▭ (YES).

Để xóa tất cả các số điện thoại đã đăng ký, hãy ấn nút ▭ (ALL) và sau đó ấn nút ▭ (YES).

Ấn nút ▭ (A-Z) để hiển thị các tên đã đăng ký theo thứ tự bảng chữ cái.

Thay đổi thứ tự sắp xếp của số danh bạ

1 Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn “Sắp xếp liên lạc” bằng cách sử dụng núm.

3 Chọn “Sort by first” hoặc “Sort by last” bằng cách sử dụng núm.

Chuyển lịch sử cuộc gọi

Chức năng này chỉ có trên những điện thoại Bluetooth® tương thích với PBAP.

1 Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn mục “Transfer history” bằng cách sử dụng núm và ấn ▭ (YES).

Xóa lịch sử cuộc gọi

Chọn “Phonebook” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT” và chọn mục “Delete call history” bằng cách sử dụng núm.

l Xoá lịch sử cuộc gọi đi

1 Chọn “Outgoing calls” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Hãy chọn tất cả các số điện thoại mong muốn và ấn nút ▭ (YES).

Để xóa tất cả các dữ liệu lịch sử cuộc gọi đi, hãy ấn nút ▭ (ALL) và sau đó ấn nút ▭ (YES).

l Xoá lịch sử cuộc gọi đến

1 Chọn “Incoming calls” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Hãy chọn tất cả các số điện thoại mong muốn và ấn nút ▭ (YES).

Để xóa hết tất cả dữ liệu cuộc gọi đến, hãy ấn nút ▭ (ALL) và sau đó ấn nút ▭ (YES).

l Xoá lịch sử cuộc gọi nhỡ

1 Chọn “Missed calls” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Hãy chọn tất cả các số điện thoại mong muốn và ấn nút ▭ (YES).

Để xóa hết tất cả dữ liệu cuộc gọi nhỡ, hãy ấn nút ▭ (ALL) và sau đó ấn nút ▭ (YES).

l Xóa một số từ tất cả các lịch sử cuộc gọi (Gọi đi, Gọi đến và Gọi nhỡ)

1 Chọn “All calls” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Hãy chọn tất cả các số điện thoại mong muốn và ấn nút ▭ (YES).

Để xóa hết tất cả dữ liệu cuộc gọi, hãy ấn nút ▭ (ALL) và sau đó ấn nút ▭ (YES).

Đăng ký các liên lạc ưa thích

Có thể đăng ký tối đa 15 dữ liệu liên lạc vào danh sách thường xuyên liên lạc.

n Đăng ký các liên lạc trong chế độ “SETUP”

1 Ấn núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn nút “TEL” bằng cách sử dụng núm.

3 Chọn nút “Favourites” bằng cách sử dụng núm.

4 Chọn “Add favorites” bằng cách sử dụng núm.

Ấn nút ▭ (A-Z) để hiển thị các tên đã đăng ký theo thứ tự bảng chữ cái.

5 Chọn liên lạc mong muốn bằng cách sử dụng núm.

n Đăng ký các liên lạc trong chế độ “TEL”

1 Ấn nút gác máy

2 Chọn “Phonebook”, “All calls”, “Missed calls”, “Incoming calls” hoặc “Outgoing calls” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

3 Chọn một liên lạc mong muốn bằng cách sử dụng núm.

4 Ấn ▭ (Add favorites).

l Khi 15 liên lạc đã được đăng ký vào danh sách thường xuyên liên lạc, thì một dữ liệu liên lạc cũ sẽ bị thay thế bởi dữ liệu liên lạc mới.

1 Chọn liên lạc cần thay thế bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn ▭ (YES) khi màn hình xác nhận xuất hiện.

Xóa số thường liên lạc

n Xóa các liên lạc trong chế độ “SETUP”

1. Ấn núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn nút “TEL” bằng cách sử dụng núm.
3. Chọn “Yêu thích” bằng cách sử dụng núm.
4. Chọn “Delete favorites” bằng cách sử dụng núm.
5. Chọn liên lạc mong muốn bằng cách sử dụng núm.

   Bạn có thể chọn tất cả các liên lạc bằng cách chọn ▭ (ALL).
6. Chọn ▭ (YES) khi màn hình xác nhận xuất hiện.

n Xóa các liên lạc trong chế độ “TEL”

1. Ấn nút gác máy
2. Chọn “Yêu thích” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
3. Chọn liên lạc mong muốn bằng cách sử dụng núm
4. Ấn ▭ (Delete favorites).
5. Chọn ▭ (YES) khi màn hình xác nhận xuất hiện.

Cài đặt âm lượng cuộc gọi

1. Chọn “HF sound setting” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn “Call volume” bằng cách sử dụng núm.
3. Thay đổi âm lượng cuộc gọi.

   Để giảm âm lượng: Hãy xoay núm ngược chiều kim đồng hồ.
   Để tăng âm lượng: Hãy xoay núm theo chiều kim đồng hồ.

   Để đặt âm lượng, hãy ấn nút ▭ (BACK).

Cài đặt âm lượng của nhạc chuông

1. Chọn “HF sound setting” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.
2. Chọn “Ringtone volume” bằng cách sử dụng núm.
3. Thay đổi âm lượng của nhạc chuông.

   Để giảm âm lượng: Hãy xoay núm ngược chiều kim đồng hồ.
   Để tăng âm lượng: Hãy xoay núm theo chiều kim đồng hồ.

   Để đặt âm lượng, hãy ấn nút ▭ (BACK).

Cài đặt chuông điện thoại

1 Chọn “HF sound setting” bằng cách sử dụng núm “TUNE SELECT”.

2 Chọn “Ringtone” bằng cách sử dụng núm.

3 Sử dụng núm để chọn nhạc chuông (1 - 3 hoặc "From phone"). Để đặt chọn nhạc chuông, hãy ấn nút ▭ (BACK).

---

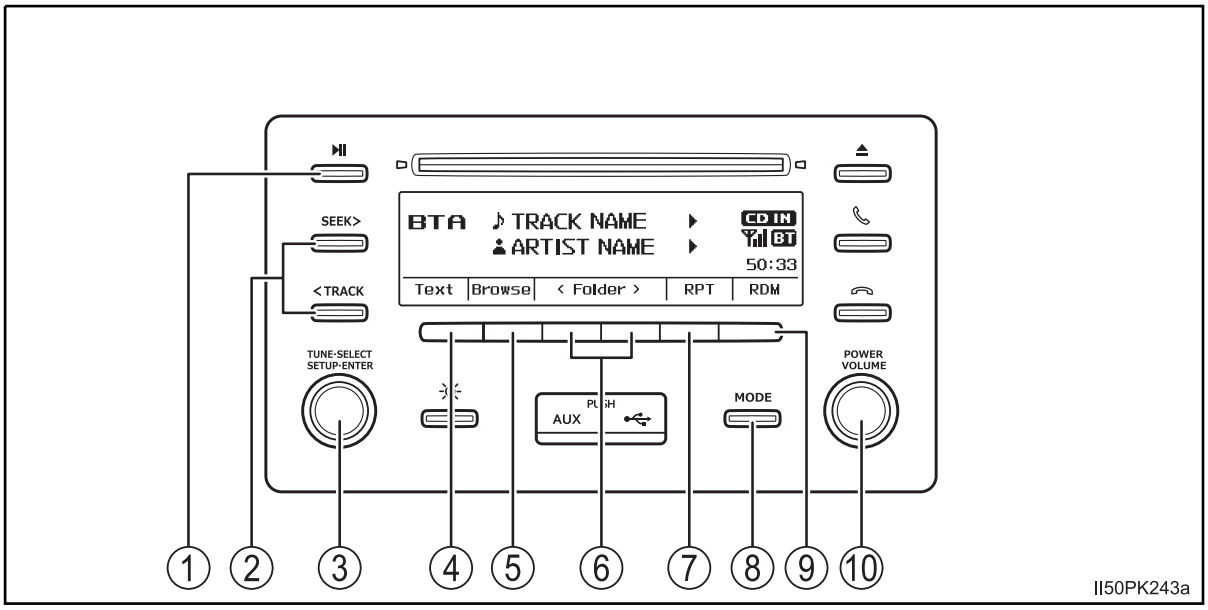
n **Phone number**
Có thể lưu tối đa 5000 tên liên lạc (tối đa 1000 tên trên một thiết bị).

n **Lịch sử cuộc gọi**
Có thể lưu được tối đa 10 số trong mỗi bộ nhớ cuộc gọi đến, cuộc gọi đi và cuộc gọi nhỡ.

n **Giới hạn số lượng ký tự của số điện thoại**
Chỉ có thể đăng ký số điện thoại có tối đa 24 ký tự vào hệ thống.

n **Chức năng của hệ thống điện thoại Bluetooth®**
Một số chức năng sẽ không khả dụng trong khi lái xe.

Sử dụng máy nghe nhạc cầm tay có tính năng Bluetooth®



① Tạm dừng/Phát lại

② Nút chọn một bản nhạc, tua tiến hoặc tua lùi

③ Núm "TUNE SELECT"

Ấn: Hiển thị danh sách thư mục hiện tại

Xoay: Chọn một hạng mục

④ Nút hiển thị nội dung chữ

⑤ Hiển thị chế độ phát

⑥ Chọn một thư mục

⑦ Phát lặp lại

⑧ Nút thay đổi nguồn âm thanh/phát nhạc

⑨ Nút phát ngẫu nhiên hoặc nút quay lại

⑩ Núm "POWER VOLUME"

Ấn: Bật hoặc tắt hệ thống âm thanh

Xoay: Điều chỉnh âm lượng

Chọn một album

Ấn nút ▭ (<FOLDER) hay nút ▭ (FOLDER>) để lựa chọn một album cần nghe.

Chọn một bản nhạc

Xoay núm "TUNE SELECT" hoặc ấn vào nút "SEEK >" hoặc "< TRACK" để chuyển lên hoặc xuống.

Tua tới và tua lùi các bản nhạc

Hãy ấn và giữ nút "SEEK >" hoặc "< TRACK" cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng bíp.

Phát lặp lại

Việc ấn ▭ (RPT) thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát lặp lại một bản nhạc→Phát lặp lại một Album→Tắt.

Chế độ phát ngẫu nhiên

Việc ấn nút ▭ (RDM) sẽ thay đổi chế độ theo thứ tự sau: Phát ngẫu nhiên một album→Phát ngẫu nhiên tất cả các bài hát→Tắt.

Chọn chế độ phát

1. Ấn ▭ (BROWSE). Danh sách đang phát sẽ được hiển thị.
2. Xoay núm "TUNE SELECT" để hiển thị danh sách thư mục/ danh sách file.
3. Ấn núm để chọn hạng mục mong muốn.
4. Lặp lại quy trình tương tự để chọn hạng mục mong muốn.

Để quay trở về màn hình trước đó, ấn nút ▭ (BACK).

Thay đổi nội dung hiển thị của màn hình

Ấn nút ▭ (TEXT) để hiển thị hoặc ẩn tên album.

Nếu còn nội dung chữ chưa được hiển thị hết, ký hiệu ▶ sẽ xuất hiện.

Hãy ấn và giữ nút ▭ (TEXT) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp để để hiển thị nội dung chữ còn lại.

---

n **Chức năng của hệ thống âm thanh Bluetooth®**

Tùy theo loại máy nghe nhạc cầm tay được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể sẽ không khả dụng.

n **Màn hình**

→P. 385

Thực hiện cuộc gọi điện thoại

Để vào chế độ "TEL", hãy ấn vào nút gác máy.

Gọi điện từ danh bạ

1 Chọn "Phonebook" bằng cách sử dụng núm "TUNE SELECT".

2 Chọn tên mong muốn bằng cách sử dụng núm và ấn nút gác máy.

Ấn nút ▭ (A-Z) để hiển thị các tên đã đăng ký theo thứ tự bảng chữ cái.

Gọi điện từ danh sách ưa thích

1 Chọn "Yêu thích" bằng cách sử dụng núm "TUNE SELECT".

2 Chọn tên mong muốn bằng cách sử dụng núm và ấn nút gác máy.

Gọi điện bằng cách nhập số

1 Chọn "Dial by number" bằng cách sử dụng núm "TUNE SELECT".

2 Nhập số điện thoại và ấn nút nhấc máy.

Gọi điện từ lịch sử cuộc gọi

1 Chọn "All calls", "Missed calls", "Incoming calls" hoặc "Outgoing calls" bằng cách sử dụng núm "TUNE SELECT".

2 Chọn số mong muốn bằng cách sử dụng núm và ấn nút gác máy.

Có thể thực hiện các công việc sau:

- Đăng ký một số thành số thường liên lạc

  →P. 416

- Xóa một số đã chọn

  Ấn nút ▭ (DELETE) và ấn nút ▭ (YES).

Nhận một cuộc gọi

Trả lời điện thoại

Ấn nút nhấc máy.

Từ chối cuộc gọi

Ấn nút gác máy.

Nhận cuộc gọi khác trong khi đang đàm thoại

Ấn nút nhấc máy.

Ấn lại nút nhấc máy để quay lại cuộc gọi trước đó.

Điều chỉnh âm lượng của nhạc chuông trong khi nhận một cuộc gọi

Để giảm âm lượng: Xoay núm “POWER VOLUME” ngược chiều kim đồng hồ.

Để tăng âm lượng: Xoay núm “POWER VOLUME” cùng chiều kim đồng hồ.

Nói chuyện trên điện thoại

Chuyển cuộc gọi

Bạn có thể chuyển một cuộc gọi giữa điện thoại di động và hệ thống trong khi quay số, khi nhận cuộc gọi đến hoặc trong khi đàm thoại. Hãy sử dụng một trong các cách sau để chuyển cuộc gọi:

a. Sử dụng điện thoại di động.

Hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại di động để biết cách sử dụng.

b. Ấn nút ▭ (TEL).*

*: Thao tác này chỉ có tác dụng khi cần chuyển một cuộc gọi từ điện thoại di động sang hệ thống trong khi đang trong một cuộc gọi.

Tắt tiếng

Ấn nút ▭ (MUTE).

Ấn ▭(UNMUTE) để bật tiếng.

Nhập số

Những thao tác này sẽ bị vô hiệu hóa khi đang lái xe.

1. Ấn nút ▭ ("0-9")
2. Xoay núm “TUNE SELECT” để chọn số mong muốn.
3. Ấn núm để chọn số mong muốn.
4. Ấn ▭ (SEND) để chuyển tiếng.

Việc ấn ▭ (BACK) sẽ lưu số và trở về màn hình trước đó.

Việc ấn ▭ (EXIT) hoặc (”Wait”) sẽ xóa số và trở về màn hình “Enter a number”.

▶ Số điện thoại có chứa ký tự "p"

Khi ký tự "p" được gọi trong cuộc gọi đi, trước khi các số sau được gọi tự động, bạn sẽ phải chờ 2 giây.

▶ Số điện thoại có chứa ký tự "w"

Khi ký tự “w” được quay số gọi đi, bạn cần đi đến ấn lại ▭ (SEND) để quay các số sau đây.

Có thể thực hiện được thao tác này khi đang lái xe.

Điều chỉnh âm lượng gọi đi

Có thể điều chỉnh âm lượng của bạn mà đầu dây bên kia có thể nghe từ loa của họ.

1 Ấn ▭(Send vol)

2 Xoay núm “TUNE SELECT” để điều chỉnh âm lượng. (-5 đến +5)

Cài đặt âm lượng cuộc gọi

Để giảm âm lượng: Xoay núm “POWER VOLUME” ngược chiều kim đồng hồ.

Để tăng âm lượng: Xoay núm “POWER VOLUME” cùng chiều kim đồng hồ.

---

n **Khi nói chuyện trên điện thoại**

- Không nói đồng thời với đầu dây bên kia.
- Hãy giữ âm lượng của đầu gọi đến ở mức thấp. Nếu không, sẽ làm tăng tiếng dội âm.

n **Điều chỉnh âm lượng tự động**

Khi tốc độ xe đạt từ 80 km/h trở lên, mức âm lượng sẽ tự động được tăng lên. Âm lượng sẽ trở về mức thiết lập trước đó khi tốc độ xe giảm xuống còn từ 70 km/h trở xuống.

n **Các chức năng điện thoại**

Tùy thuộc vào kiểu điện thoại, một số chức năng sẽ không khả dụng.

n **Những tình huống mà hệ thống có thể sẽ không nhận diện được giọng nói của bạn**

- Khi lái xe trên đường mấp mô
- Khi lái xe ở tốc độ cao
- Khi luồng khí thổi ra từ các cửa gió hướng vào micrô
- Khi quạt gió điều hòa phát ra tiếng ồn lớn

Bluetooth®

n Khi sử dụng hệ thống âm thanh/điện thoại Bluetooth®

l Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không hoạt động đúng chức năng.

- Khi máy nghe nhạc cầm tay không hỗ trợ Bluetooth®
- Khi điện thoại di động nằm ngoài phạm vi hoạt động của hệ thống
- Thiết bị Bluetooth® đã tắt nguồn
- Thiết bị Bluetooth® có pin yếu
- Thiết bị Bluetooth® không được kết nối với hệ thống
- Thiết bị Bluetooth® đang nằm ở dưới ghế hoặc nằm trong ngăn đựng găng tay hoặc hộp dầm hoặc đang bị che khuất hoặc tiếp xúc với các đồ vật bằng kim loại

l Quá trình kết nối có thể sẽ bị trễ nếu tiến hành kết nối trong khi âm thanh Bluetooth® đang hoạt động.

l Tuỳ thuộc vào loại máy nghe nhạc cầm tay được kết nối với hệ thống mà hoạt động điều khiển có thể sẽ hơi khác một chút và một số chức năng có thể sẽ không khả dụng.

l Hệ thống này không đảm bảo hoạt động cho tất cả các thiết bị Bluetooth® .

n Khi bán lại xe

Hãy tiến hành khởi tạo cho hệ thống để tránh bị lộ các thông tin cá nhân. (→P. 413)

n Thông tin về Bluetooth®

Bluetooth là một thương hiệu đã được đăng ký của Bluetooth SIG. Inc.



n Các model tương thích với hệ thống

Hệ thống âm thanh Bluetooth® sẽ hỗ trợ các thiết bị máy nghe nhạc cầm tay có thông số kỹ thuật như sau

- Thông số kỹ thuật Bluetooth®:
  Phiên bản 1.1 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 4.1)
- Định dạng
  - Phiên bản A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) 1.0 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 1.3)
    Đây là định dạng để truyền dữ liệu âm thanh stereo hoặc âm thanh chất lượng cao tới hệ thống âm thanh.
  - AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) 1.0 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 1.6)
    Đây là định dạng để cho phép điều khiển từ xa với thiết bị nghe nhìn.

    Tuy nhiên, một số tính năng có thể bị giới hạn bởi đặc tính của máy nghe nhạc cầm tay đã kết nối.

    Hệ thống điện đàm rảnh tay sẽ hỗ trợ những điện thoại di động với các đặc tính kỹ thuật sau.
- Thông số kỹ thuật Bluetooth®: Phiên bản 2.0 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 4.1 + EDR trở lên)
- Định dạng
  - Phiên bản HFP (Hands-Free Profile) 1.0 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 1.7)
    Đây là định dạng cho phép sử dụng chức năng điều khiển rảnh tay trên điện thoại di động. Nó có chức năng nhận và thực hiện cuộc gọi.
  - OPP (Object Push Profile) Phiên bản 1.1 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 1.2)
    Đây là định dạng để chuyển đổi dữ liệu danh bạ điện thoại. Khi điện thoại di động Bluetooth® tương thích với cả tính năng PBAP và OPP, thì không thể sử dụng được tính năng OPP.
  - Phiên bản PBAP (Phone Book Access Profile) Từ 1.0 trở lên (Khuyên dùng: Phiên bản 1.2)
    Đây là định dạng để chuyển đổi dữ liệu danh bạ điện thoại.

⚠ CẢNH BÁO

n **Trong khi lái xe**

Không điều khiển máy nghe nhạc cầm tay, điện thoại di động hoặc kết nối một thiết bị với hệ thống Bluetooth® .

n **Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử**

- Hệ thống âm thanh trên xe của bạn được trang bị ăng ten Bluetooth® . Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim phải giữ khoảng cách với các ăng ten Bluetooth® . Sóng radiô có thể ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị này.
- Trước khi sử dụng các thiết bị Bluetooth® , người sử dụng các thiết bị điện tử y khoa ngoài máy điều hòa nhịp tim và máy khử rung tim cần phải hỏi ý kiến nhà sản xuất để biết thêm thông tin về hoạt động của các thiết bị này, dưới ảnh hưởng của sóng radiô. Sóng radiô có thể sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị đó.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi rời khỏi xe**

Không để máy nghe nhạc cầm tay hoặc điện thoại di động ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể tăng cao và làm hỏng máy nghe nhạc cầm tay hoặc điện thoại di động.

Trang bị nội thất 6

6-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước 430

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước ...437

Hệ thống làm mát phía sau kiểu thường 445

Hệ thống làm mát phía sau kiểu tự động 447

Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió cho ghế 449

6-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe.....452

- Công tắc chính điều khiển đèn cá nhân/đèn nội thất 453
- Đèn cá nhân/đèn nội thất 453
- Đèn nội thất.....454

6-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ.....456

- Ngăn đựng găng tay...457
- Hộp dầm.....457
- Ngăn để cốc.....458
- Ngăn để chai.....460
- Hộp đựng đồ vặt.....461

Đặc điểm của khoang hành lý.....464

6-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

Các trang bị nội thất khác466

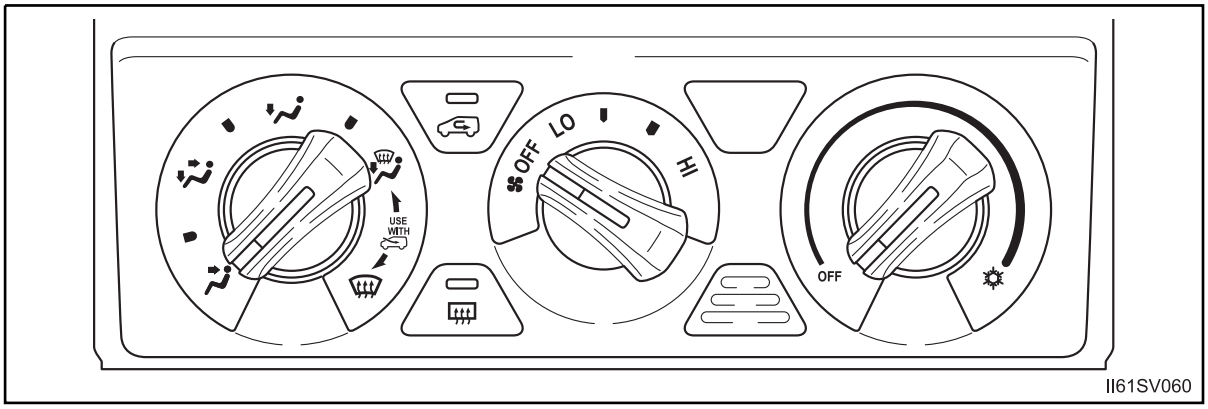
- Tấm chắn nắng 466
- Gương trang điểm.....466
- Đồng hồ.....467
- Ổ điện.....468
- Các cổng sạc USB kiểu C 472
- Móc treo túi để đồ 474
- Tựa tay.....474
- Móc treo áo khoác.....475
- Tay nắm.....476

Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng ..477

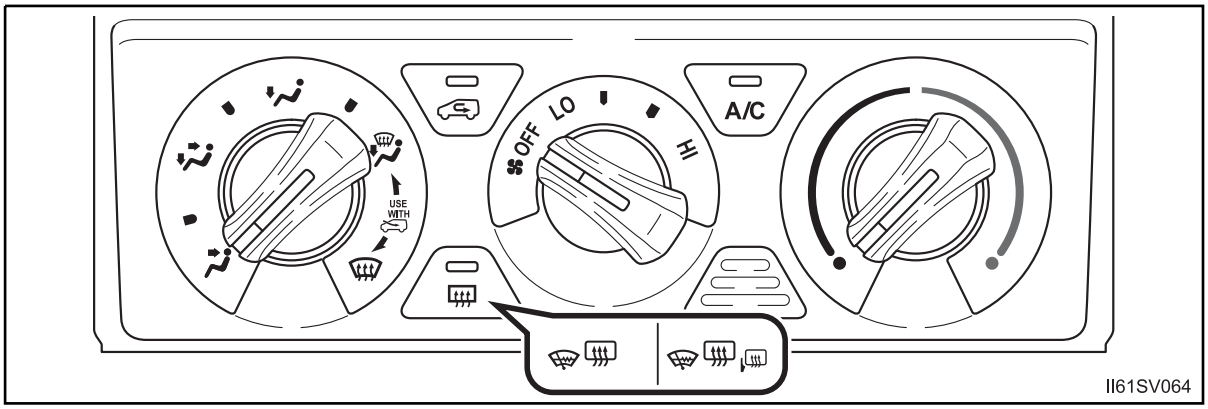
Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước*

Điều khiển điều hòa

▶ Xe không có bộ sưởi



▶ Xe có bộ sưởi



*: Nếu có

Điều chỉnh các cài đặt

n Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt

Hãy xoay  cùng chiều kim đồng hồ (tăng tốc độ) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (giảm tốc độ).

Hãy xoay núm về vị trí "OFF" để tắt quạt.

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

▶ Xe không có bộ sưởi

Hãy xoay núm  cùng chiều kim đồng hồ (làm mát)

▶ Xe có bộ sưởi

Hãy xoay  cùng chiều kim đồng hồ (làm ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát).

Nếu không ấn , hệ thống sẽ thổi không khí ở nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

n Thay đổi chế độ luồng khí thổi

Hãy xoay núm  đến vị trí phù hợp.

Bạn có thể chọn các vị trí ở giữa các vị trí chọn cửa gió để điều chỉnh một cách chính xác hơn.

Các chức năng khác

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút  .

Khi ấn nút này, chế độ sẽ chuyển từ chế độ lấy khí ngoài (đèn chỉ báo tắt) sang chế độ tuần hoàn khí trong xe (đèn chỉ báo bật) và ngược lại.

n Sấy kính chắn gió

1 Hãy xoay núm  tới vị trí  .

Đặt  sang chế độ lấy khí ngoài nếu đang sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe.

2 Hãy thực hiện các thao tác điều chỉnh sau nếu muốn:

- Để điều chỉnh tốc độ quạt, hãy vặn núm  .
- Để điều chỉnh cài đặt nhiệt độ, hãy xoay núm  (xe không có bộ sưởi) hoặc  (xe có bộ sưởi).
- Nếu chức năng hút ẩm không hoạt động, hãy ấn nút  (nếu có) để bật chức năng hút ẩm.

Để sấy kính chắn gió và kính cửa bên trong xe nhanh hơn, hãy bật chế độ luồng khí và tăng nhiệt độ lên.

n Sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có)

Bộ sấy kính được sử dụng để làm trong kính cửa hậu và có tác dụng sấy khô nước mưa, hơi nước đọng trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Ấn  (xe có bộ sấy kính hậu và các bộ sấy gương chiếu hậu phía ngoài [nếu có]  (xe có bộ sấy kính hậu và chống đóng băng cần gạt nước kính hậu) hoặc  (xe có bộ sấy kính hậu, bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài và chống đóng băng cần gạt nước kính hậu).

Đèn chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên khi các bộ sấy kính đang hoạt động.

Bộ sấy sẽ tự động tắt đi sau khoảng 15 phút hoạt động.

n Bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có)

Tính năng này giúp cho kính chắn gió và gạt nước không bị đóng băng.

Hãy ấn  hoặc .

Chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên khi bật bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió.

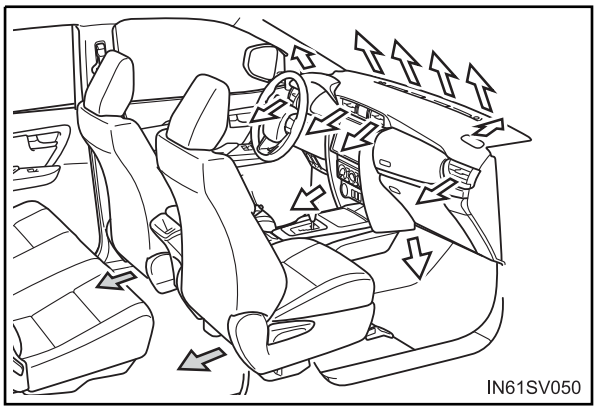
Bộ chống đóng băng cần gạt kính chắn gió sẽ tự động tắt đi sau khoảng 15 phút.

Các cửa gió

n Vị trí của các cửa gió

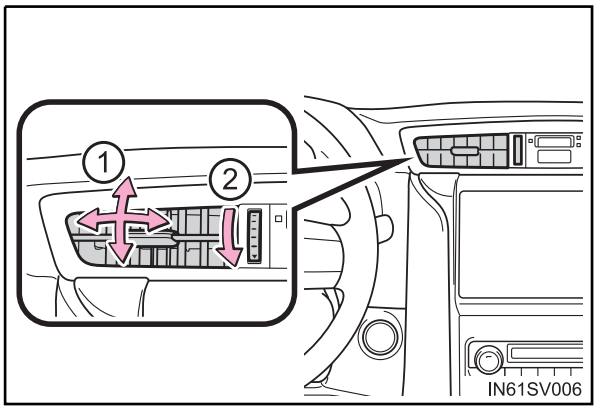
Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí được chọn.

⇦ : Trên một số kiểu xe

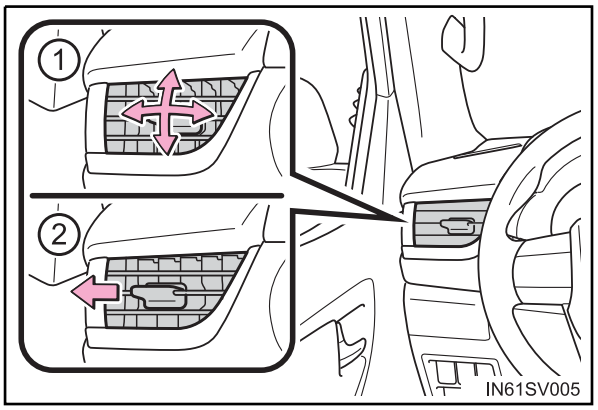


n Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

▶ Các cửa gió trung tâm



▶ Các cửa gió bên



① Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

② Đóng các cửa gió.

n Làm trong kính cửa sổ

- Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe tăng lên cao.

  Hãy bật công tắc  (nếu có) để hút ẩm cho không khí thổi qua các cửa gió và giúp làm trong kính chắn gió tốt hơn.

- Nếu bạn tắt công tắc  (nếu có), các cửa sổ có thể sẽ dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

Chúng tôi khuyên bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh cho bụi bẩn không bị lọt vào bên trong xe và giúp làm mát xe nhanh khi nhiệt độ ngoài xe là cao.

n Khi nhiệt độ bên ngoài giảm xuống gần 0°C (xe có bộ sưởi)

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không làm việc kể cả khi bạn ấn công tắc .

n Thông gió và mùi điều hòa

- Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.
- Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các chớp thông gió.
- Để giảm mùi của hệ thống điều hòa:
  Bạn nên để hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí từ bên ngoài xe trước khi tắt động cơ.

n Bộ lọc điều hòa

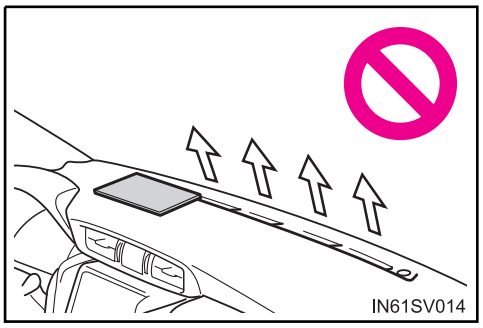
→P. 550

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương**

l Không đặt công tắc  tới vị trí  khi hệ thống làm mát đang hoạt động trong điều kiện thời tiết cực kỳ ẩm ướt. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa bên trong và bên ngoài kính chắn gió sẽ làm cho bề mặt bên ngoài kính chắn gió bị mờ, gây cản trở tầm nhìn của bạn.

l Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa thổi gió.
Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



n **Để tránh bị bỏng**

l Xe có các bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe: Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu khi đang bật bộ sấy gương chiếu hậu.

l Xe có bộ chống đóng băng cần gạt nước rửa kính chắn gió: Không chạm vào phần dưới của kính chắn gió hoặc phần phía bên của các trụ trước khi bộ chống đóng băng cần gạt nước rửa kính chắn gió bật.

⚠ CHÚ Ý

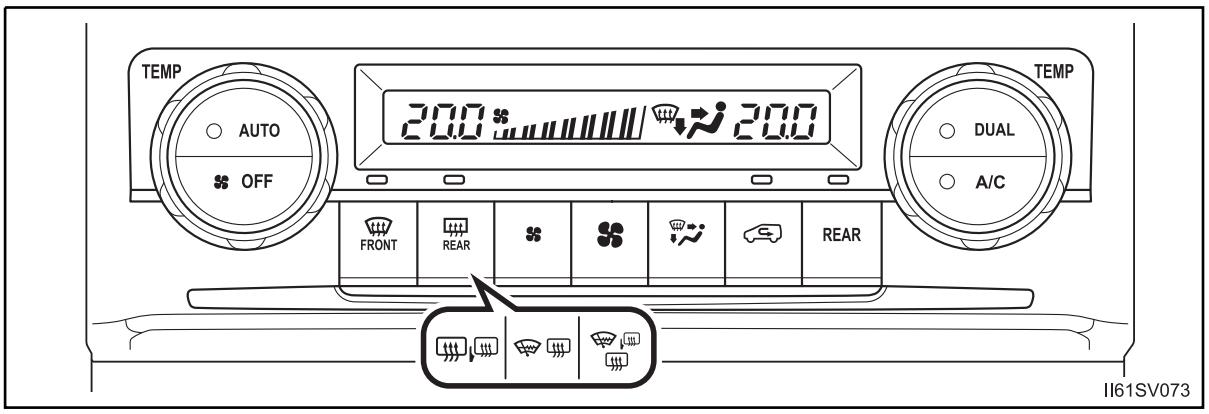
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật hệ thống điều hòa lâu quá mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước*

Luồng khí thổi ra và tốc độ quạt sẽ tự động điều chỉnh theo cài đặt nhiệt độ.

Điều khiển điều hòa



Hình minh họa này là cho xe tay lái thuận. Một số nút sẽ ở vị trí ngược lại trên xe tay lái nghịch.

n Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt

Ấn nút để tăng tốc độ quạt và để giảm tốc độ quạt.

Ấn nút để tắt quạt.

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

Hãy xoay cùng chiều kim đồng hồ (làm ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát).

Nếu không ấn , hệ thống sẽ thổi không khí ở nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

*: Nếu có

n Thay đổi chế độ luồng khí thổi

Hãy ấn nút  để thay đổi cửa thổi gió.

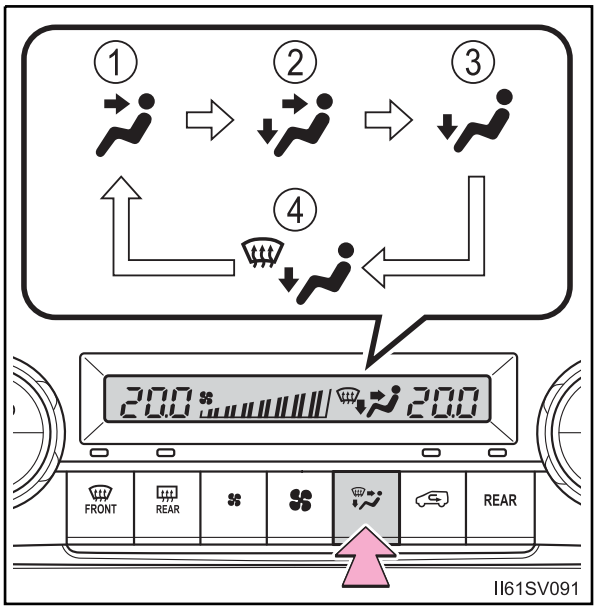
Luồng khí thổi ra sẽ thay đổi mỗi lần ấn nút.

① Luồng khí thổi lên phần thân trên.

② Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân.

③ Luồng khí thổi chủ yếu vào chân.

④ Luồng khí thổi vào chân và bộ sấy kính chắn gió hoạt động.



Sử dụng chế độ tự động

1 Ấn nút .

Chức năng hút ẩm sẽ bắt đầu hoạt động. Hệ thống sẽ tự động chọn cửa thổi gió và tự động điều chỉnh tốc độ quạt theo nhiệt độ thiết lập.

2 Hãy xoay núm  theo chiều kim đồng hồ (làm ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát) để điều chỉnh nhiệt độ.

3 Ấn nút .

Chức năng hút ẩm và làm mát sẽ chuyển giữa chế độ bật và tắt mỗi khi ấn nút .

Chỉ báo  sáng khi chức năng được bật.

Để ngừng chế độ tự động, hãy ấn nút .

n Đèn chỉ báo chế độ tự động

Nếu bạn tiến hành điều chỉnh tốc độ quạt hoặc chế độ luồng khí thổi, chỉ báo chế độ tự động sẽ tắt đi. Tuy nhiên, chế độ tự động cho các chức năng khác vẫn được duy trì.

n Điều chỉnh nhiệt độ trên ghế người lái và ghế hành khách phía trước một cách độc lập (chế độ "DUAL")

Để bật chế độ “DUAL”, tiến hành theo một trong các hoạt động sau:

- Ấn nút 

.
- Hãy xoay núm 

theo chiều kim đồng hồ (làm ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát) để điều chỉnh nhiệt độ.

  Đèn chỉ báo 

sáng lên khi bật chế độ “DUAL”.

Các chức năng khác

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút  .

Khi ấn nút này, chế độ sẽ chuyển từ chế độ lấy khí ngoài (đèn chỉ báo tắt) sang chế độ tuần hoàn khí trong xe (đèn chỉ báo bật) và ngược lại.

n Sấy kính chắn gió

Ấn nút  .

Chức năng hút ẩm sẽ hoạt động và tốc độ quạt sẽ tăng lên.

Hãy bật  sang chế độ lấy gió ngoài nếu đang sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe. (Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển.)
Để sấy kính chắn gió và kính cửa bên trong xe dễ dàng hơn, hãy điều chỉnh luồng khí và tăng nhiệt độ lên.

Để trở về chế độ trước đó, hãy ấn nút  một lần nữa khi kính chắn gió đang được sấy.

Đèn chỉ báo  sáng khi chức năng làm tan sương kính chắn gió được bật.

n Sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có)

Bộ sấy kính được sử dụng để làm trong kính cửa hậu và có tác dụng sấy khô nước mưa, hơi nước đọng trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Ấn nút  (xe có bộ sấy kính cửa hậu),  (xe có bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu phía ngoài),  (xe có bộ sấy kính cửa hậu và bộ chống đóng băng cần gạt nước kính cửa hậu) hoặc  (xe có bộ sấy kính cửa hậu, bộ sấy gương chiếu hậu phía ngoài và bộ chống đóng băng cần gạt nước kính cửa hậu).

Đèn chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên khi các bộ sấy kính đang hoạt động.

Bộ sấy sẽ tự động tắt sau khoảng từ 15 đến 60 phút.

n Bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có)

Tính năng này giúp cho kính chắn gió và gạt nước không bị đóng băng.

Hãy ấn  hoặc .

Chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên khi bật bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió.

Bộ chống đóng băng cần gạt nước rửa kính sẽ tự động tắt đi sau khoảng từ 15 đến 60 phút.

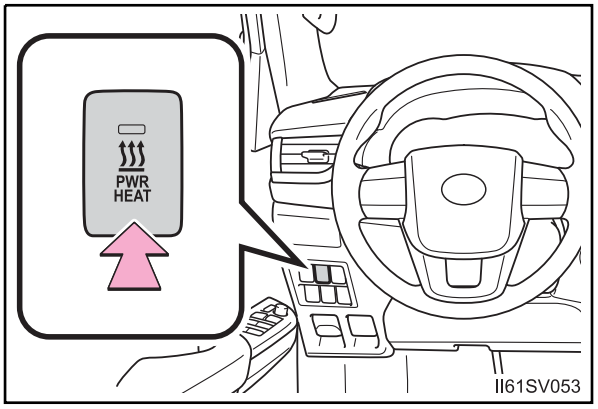
n Bộ sưởi tăng cường (nếu có)

Tính năng này giúp sưởi ấm nhanh nước làm mát động cơ, tăng tốc độ sưởi ấm khoang xe trong điều kiện thời tiết lạnh và giữ cho khoang xe luôn ấm áp.

Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi tăng cường.

Đèn chỉ báo trên công tắc sẽ sáng lên khi các bộ sưởi tăng cường được bật.

Nếu bạn không tắt công tắc, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng lên mỗi khi khởi động động cơ.

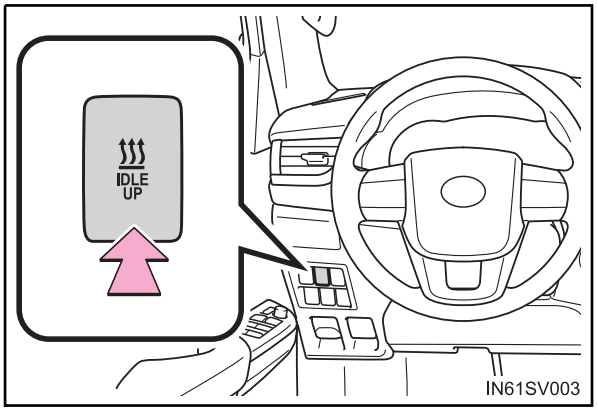


n Chức năng bù không tải khi sưởi (nếu có)

Chức năng này được sử dụng để làm nóng nước làm mát động cơ, tăng tốc độ sưởi ấm khoang xe trong điều kiện thời tiết cực lạnh và giữ cho cabin luôn ấm áp kể cả khi đỗ xe.

Hãy ấn nút này để bật/tắt chức năng bù không tải khi bật bộ sưởi.

Nếu bạn không tắt công tắc, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng lên mỗi khi khởi động động cơ.

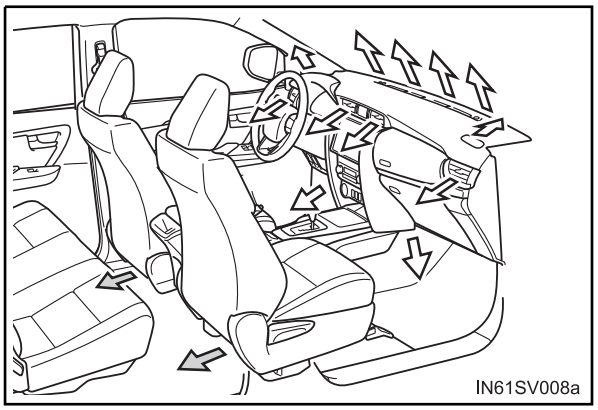


Các cửa gió

n Vị trí của các cửa gió

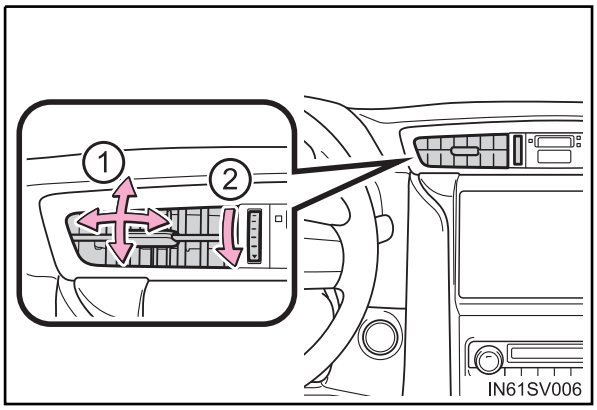
Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí được chọn.

⇦ : Trên một số kiểu xe

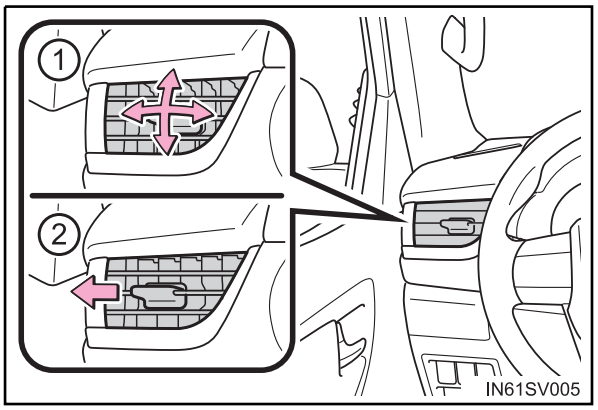


n Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

▶ Các cửa gió trung tâm



▶ Các cửa gió bên



① Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

② Đóng các cửa gió.

n Sử dụng chế độ tự động

Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ và điều kiện môi trường.

Do đó, quạt có thể dừng lại một lúc cho tới khi đủ khí ấm hoặc mát để thổi ra sau khi ấn nút .

n Làm trong kính cửa sổ

- Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe tăng lên cao.

  Hãy bật công tắc  để hút ẩm cho không khí thổi qua các cửa gió và giúp làm trong kính chắn gió tốt hơn.

- Nếu bạn tắt công tắc , các cửa sổ có thể dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

- Chúng tôi khuyên bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh cho bụi bẩn không bị lọt vào bên trong xe và giúp làm mát xe nhanh khi nhiệt độ ngoài xe là cao.
- Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài xe/ tuần hoàn khí bên trong theo nhiệt độ cài đặt hoặc nhiệt độ bên trong xe.

n Sử dụng hệ thống điều hòa ở chế độ lái Eco

- Ở chế độ lái Eco, hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh như sau để ưu tiên khả năng tiết kiệm nhiên liệu:
  - Tốc độ động cơ và hoạt động của máy nén sẽ được điều khiển để hạn chế công suất sưởi ấm/làm mát
  - Tốc độ quạt được hạn chế khi chọn chế độ tự động
- Để cải thiện tính năng của điều hòa không khí, hãy thực hiện các thao tác sau.
  - Điều chỉnh tốc độ quạt
  - Tắt chế độ lái Eco
  - Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

n Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống gần 0°C

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không làm việc kể cả khi bạn ấn công tắc .

n Thông gió và mùi điều hòa

- Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.
- Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các chớp thông gió.
- Để giảm mùi của hệ thống điều hòa:
  - Bạn nên để hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí từ bên ngoài xe trước khi tắt động cơ.
  - Trên một số kiểu xe: Thời gian quạt bắt đầu quay có thể sẽ bị trễ một chút ngay sau khi chuyển hệ thống điều hòa không khí sang chế độ hoạt động tự động.

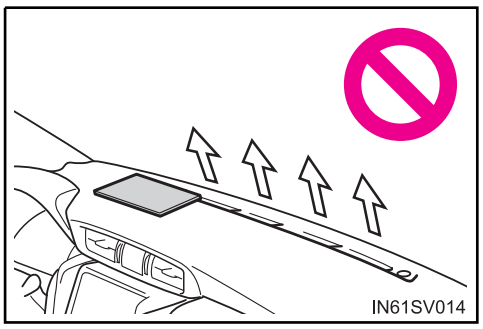
n Bộ lọc điều hòa

→P. 550

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương

- Không sử dụng nút  khi hệ thống làm mát đang hoạt động trong điều kiện thời tiết cực kỳ ẩm ướt. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa bên trong và bên ngoài kính chắn gió sẽ làm cho bề mặt bên ngoài kính chắn gió bị mờ, gây cản trở tầm nhìn của bạn.
- Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa thổi gió.
  Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



n Để tránh bị bỏng

- Xe có các bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe: Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu khi đang bật bộ sấy gương chiếu hậu.
- Xe có bộ chống đóng băng cần gạt nước rửa kính chắn gió: Không chạm vào phần dưới của kính chắn gió hoặc phần phía bên của các trụ trước khi bộ chống đóng băng cần gạt nước rửa kính chắn gió bật.

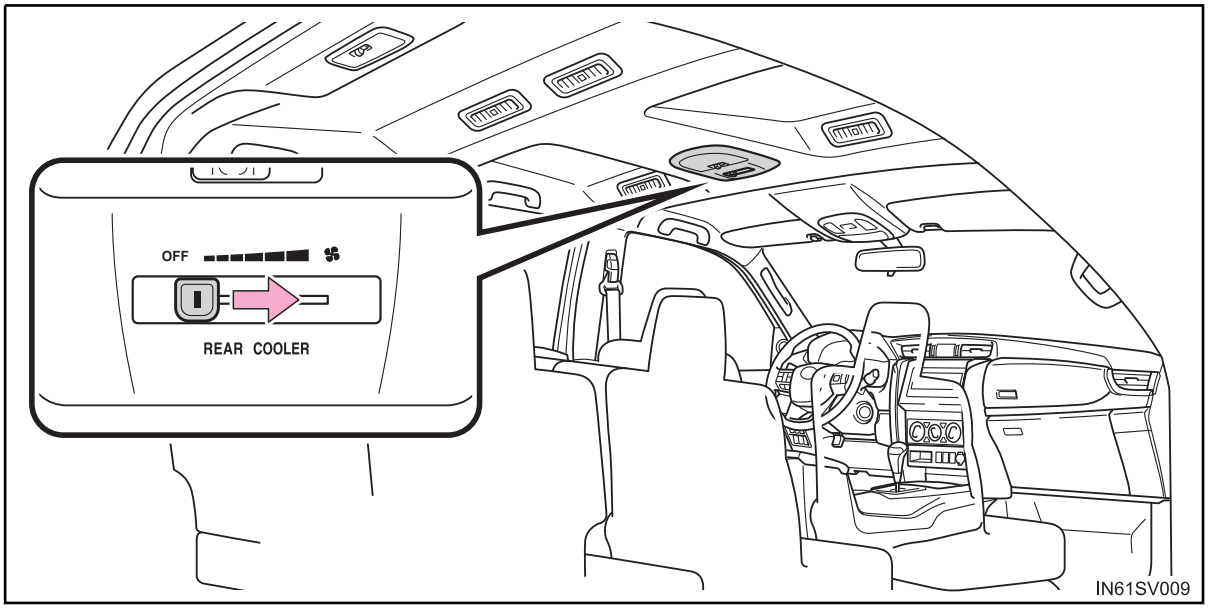
⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không bật hệ thống điều hòa lâu quá mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

Hệ thống làm mát phía sau kiểu thường*

Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt



Để điều chỉnh tốc độ quạt, hãy trượt núm điều chỉnh tốc độ quạt về phía bên phải (tăng tốc độ) hoặc về phía bên trái (giảm tốc độ).

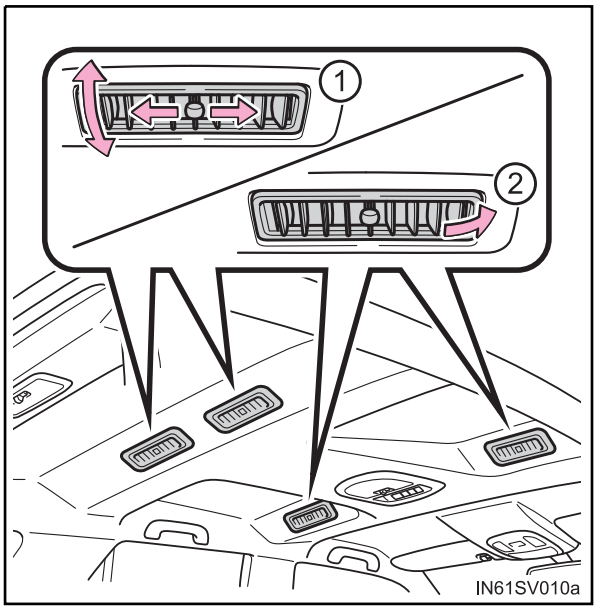
Trượt lẫy điều chỉnh về vị trí "OFF" để tắt quạt.

*: Nếu có

Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

① Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

② Vặn núm hết cỡ về phía bên phải để đóng cửa thổi gió.



CHÚ Ý

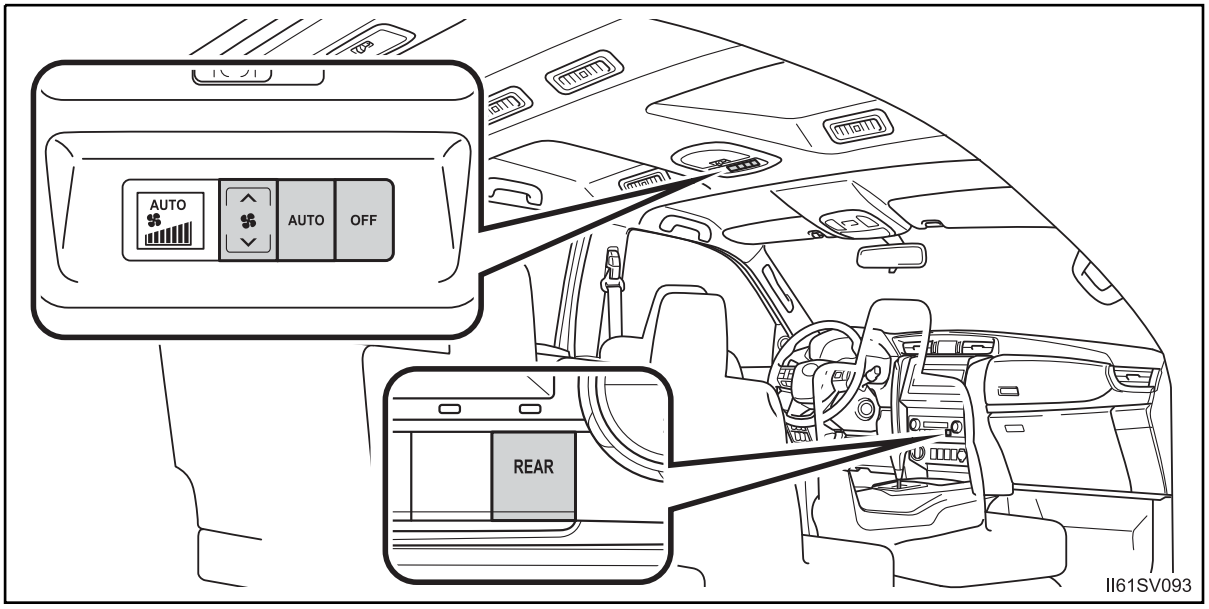
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật hệ thống làm mát phía sau quá lâu khi động cơ đang không hoạt động.

Hệ thống làm mát phía sau kiểu tự động*

Tốc độ quạt sẽ tự động được điều chỉnh theo nhiệt độ thiết lập của hệ thống điều hòa không khí phía trước.

Điều khiển điều hòa



n Sử dụng bộ làm mát phía sau

Ấn nút [REAR] trên bảng điều khiển của hệ thống điều hòa không khí, hoặc ấn nút [AUTO], hoặc ấn vào phía "" hoặc phía "∨" trên nút [▲/▼] trên bảng điều khiển của hệ thống làm mát phía sau.

n Điều chỉnh tốc độ quạt

Hãy ấn vào phía "" trên nút [▲/▼] để tăng tốc độ quạt gió và ấn vào phía "∨" để giảm tốc độ quạt.

Ấn nút [OFF] để tắt quạt.

*: Nếu có

Sử dụng chế độ tự động

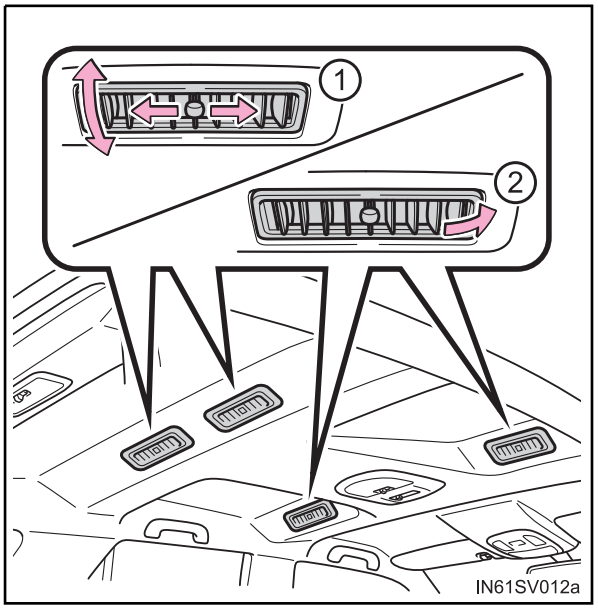
Ấn nút AUTO (Chữ "AUTO" sẽ xuất hiện trên màn hình).

Để ngừng chế độ tự động, hãy ấn nút OFF .

Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

① Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

② Vặn núm hết cỡ về phía bên phải để đóng cửa thổi gió.



CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật hệ thống làm mát phía sau quá lâu khi động cơ đang không hoạt động.

Bộ sưởi vô lăng*/bộ sưởi ghế*/bộ thông gió cho ghế*

Bộ sưởi vô lăng và các bộ sưởi ghế sẽ sấy các tay nắm bên của vô lăng và các ghế. Các bộ thông gió ghế sẽ đảm bảo sự thông thoáng bằng cách thổi khí từ ghế ra.

CẢNH BÁO

- Hãy cẩn thận để tránh bị thương nếu một trong số các đối tượng sau tiếp xúc với vô lăng và ghế khi bộ sưởi đang bật:
  - Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, người già, người ốm và người khuyết tật
  - Người có làn da nhạy cảm
  - Người bị ốm, mệt mỏi
  - Những người đã sử dụng rượu bia hoặc thuốc gây buồn ngủ (thuốc ngủ, thuốc cảm…)
- Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh bị bỏng hoặc quá nhiệt:
  - Không được dùng bất kỳ vật gì để che phủ lên ghế khi sử dụng bộ sưởi ghế.
  - Không sử dụng bộ sưởi ghế khi không cần thiết.

CHÚ Ý

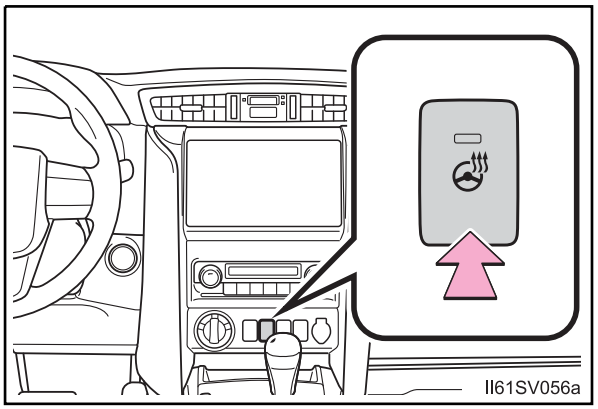
- Không để các vật nặng có bề mặt gồ ghề lên ghế và không để các vật sắc nhọn (kim, đinh...) đâm vào ghế.
- Để tránh làm hết điện của ắc quy, không sử dụng các chức năng này khi động cơ tắt máy.

*: Nếu có

Bộ sưởi vô lăng

Bật/tắt bộ sưởi vô lăng

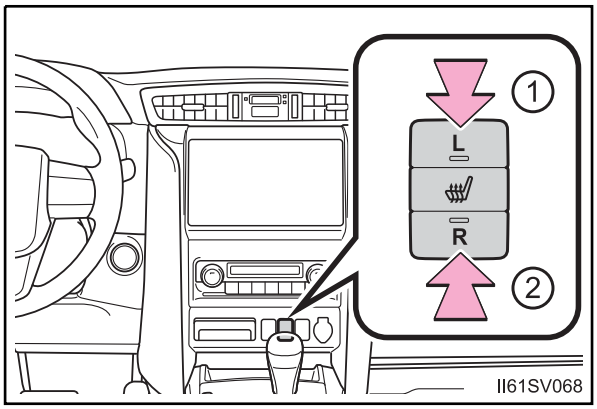
Đèn chỉ báo sẽ sáng lên khi bộ sưởi đang hoạt động.



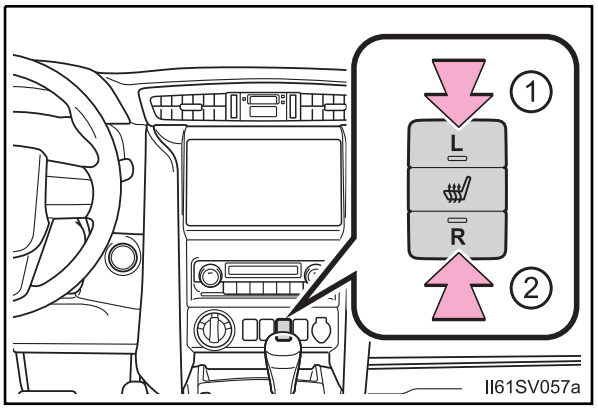
Bộ sưởi vô lăng có thể sử dụng được khi khi công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Bộ sưởi ghế

▶ Xe Pre Runner (Gầm cao)*



▶ Xe 4WD*



Những hình minh họa dành cho xe tay lái thuận. Một số nút sẽ ở vị trí ngược lại trên xe tay lái nghịch.

① Bật bộ sưởi ghế trước bên trái

Đèn chỉ báo sẽ sáng lên.

② Bật bộ sưởi ghế trước bên phải

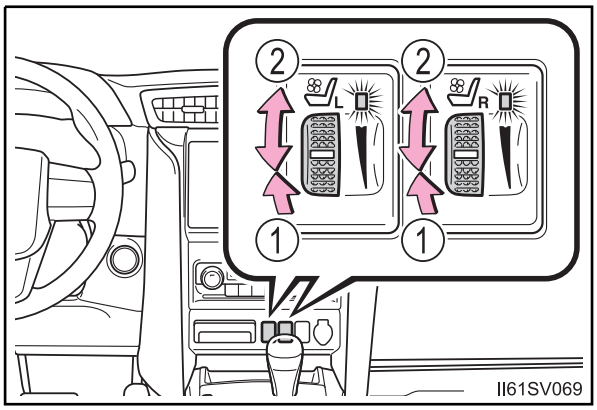
Đèn chỉ báo sẽ sáng lên.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

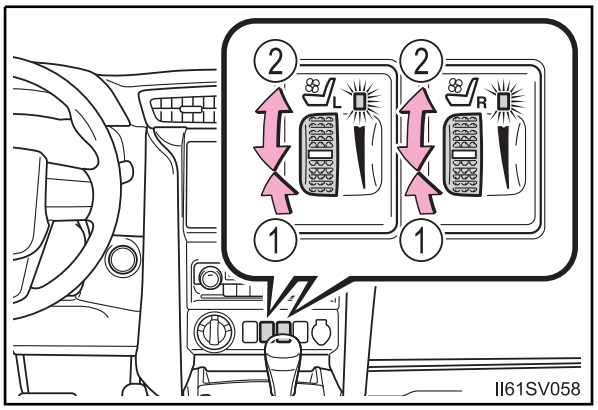
- Có thể sử dụng bộ sưởi ghế khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Khi không sử dụng, hãy ấn công tắc bộ sưởi ghế để tắt bộ sưởi ghế. Đèn chỉ báo sẽ tắt đi.

Bộ thông gió cho ghế

▶ Xe Pre Runner (Gầm cao)*



▶ Xe 4WD*



① Bật bộ thông gió ghế

Đèn chỉ báo sẽ sáng lên.

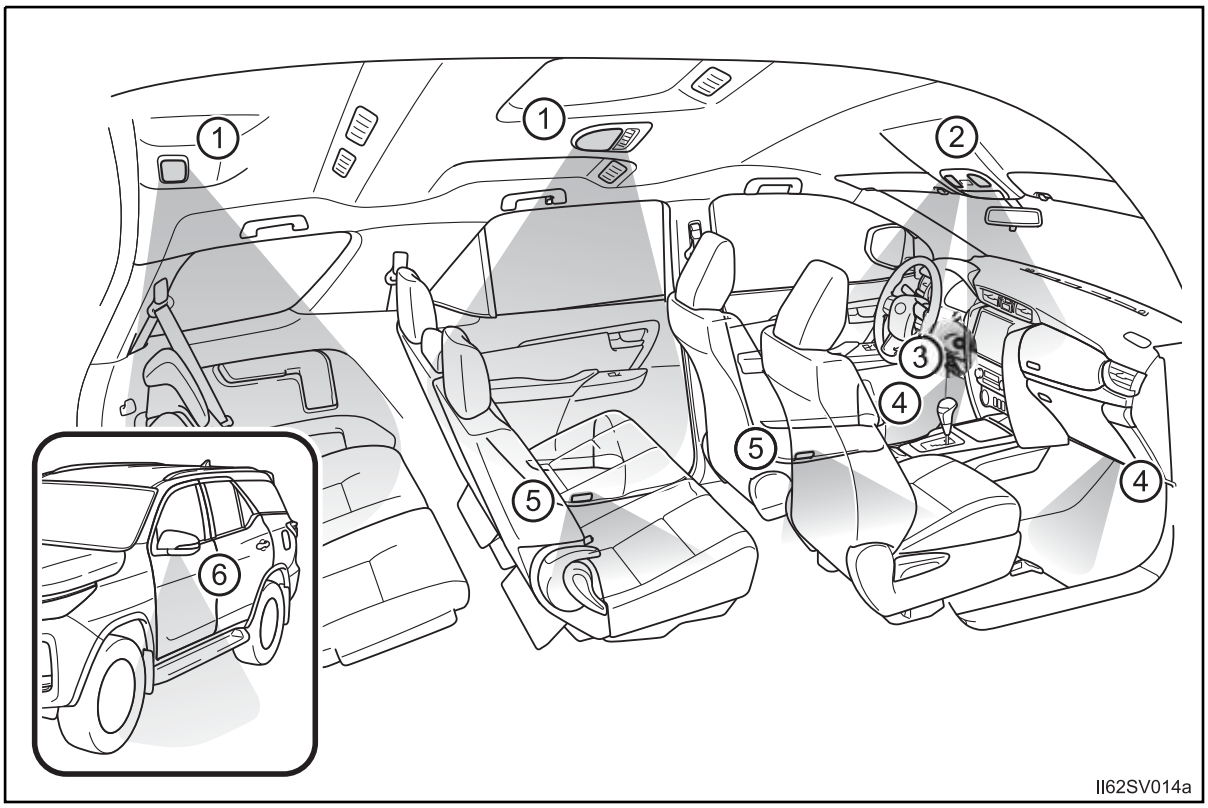
② Điều chỉnh tốc độ quạt

Có thể thay đổi tốc độ quạt theo 3 mức độ.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

- Có thể sử dụng bộ thông gió ghế khi công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
- Khi đặt tốc độ quạt của bộ thông gió cho ghế ở mức cao nhất, tốc độ quạt có thể sẽ tăng cao hơn theo tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí.

Danh sách các đèn trong xe



① Đèn nội thất (→P. 454)

② Đèn cá nhân/đèn nội thất (→P. 453)

③ Đèn chiếu sáng công tắc động cơ

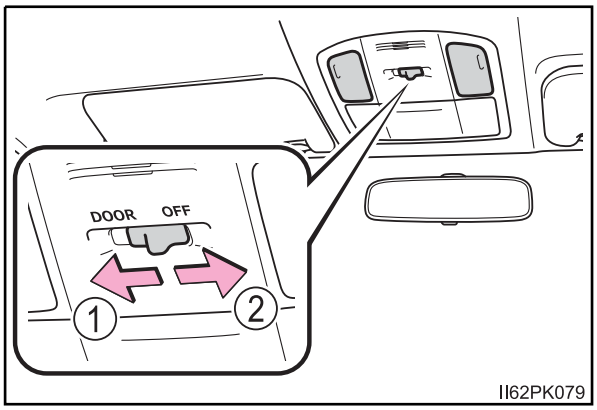
④ Đèn soi chân (nếu có)

⑤ Đèn cửa xe (nếu có)

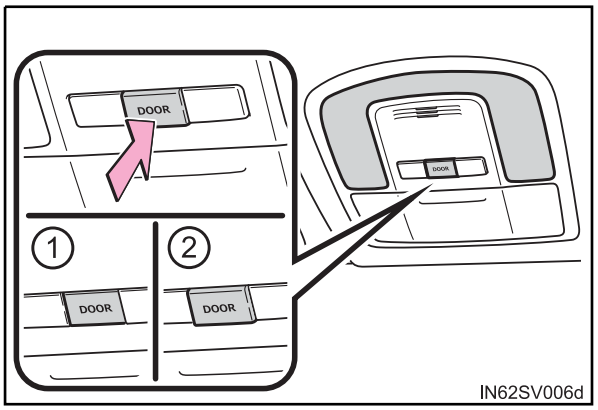
⑥ Đèn soi chân bên ngoài xe (nếu có)

Công tắc chính điều khiển đèn cá nhân/đèn nội thất

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



① Vị trí liên kết với cửa xe

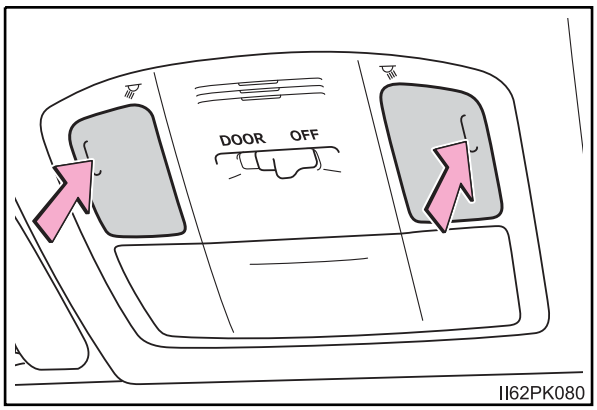
Đèn cá nhân/đèn trong xe sẽ sáng lên khi mở cửa xe. Đèn sẽ tắt đi khi cửa đóng lại.

② Tắt

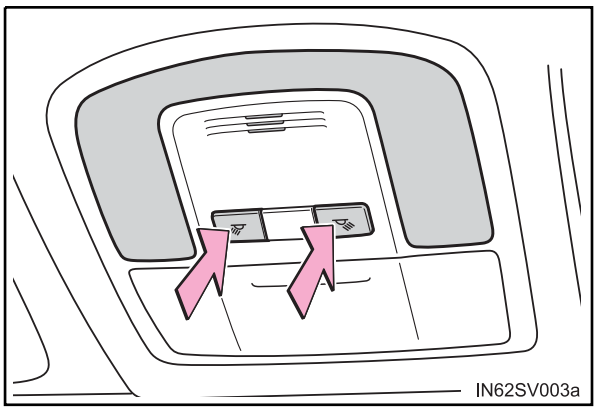
Bạn có thể bật/tắt đèn cá nhân/đèn trong xe một cách độc lập.

Đèn cá nhân/đèn nội thất

▶ Kiểu A



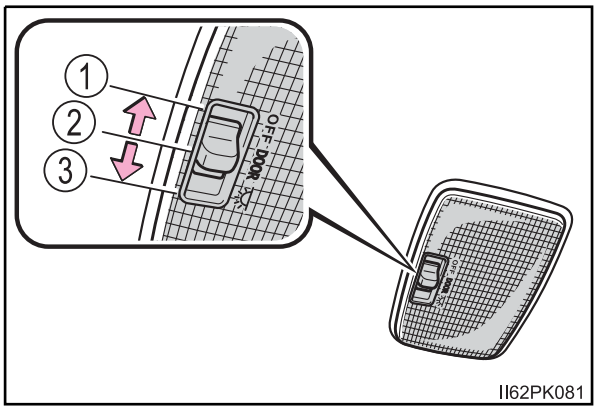
▶ Kiểu B



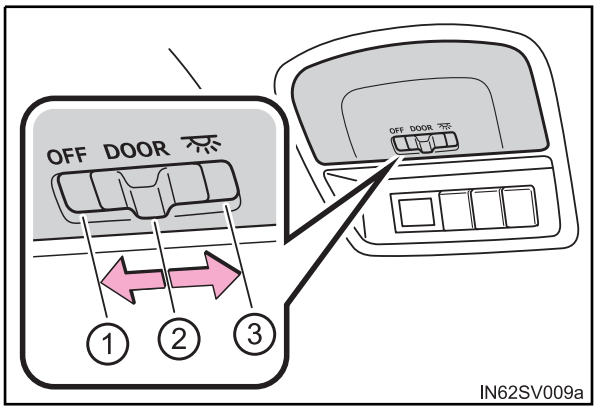
Bật/tắt đèn

Đèn nội thất

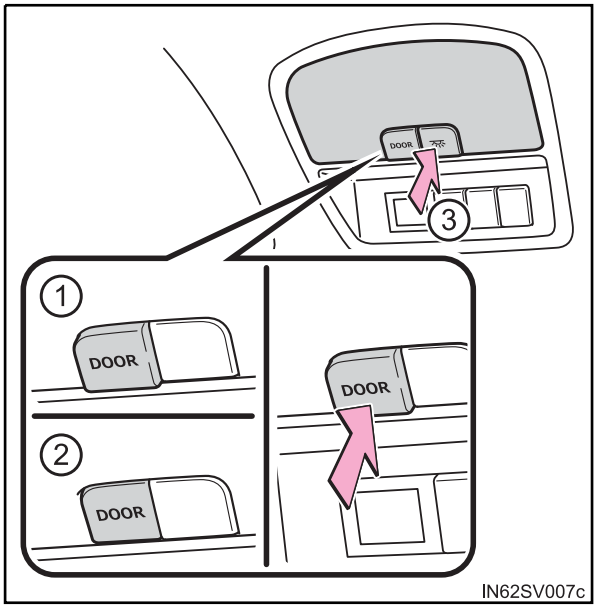
▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



▶ Kiểu C



① Tắt

② Vị trí liên kết với cửa xe

Đèn trần sẽ sáng lên khi mở cửa xe. Các đèn sẽ tắt đi khi đóng cửa lại.

③ Bật

- Hệ thống chiếu sáng lối vào:

  ▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

  Các đèn sẽ tự động bật/tắt theo vị trí của công tắc động cơ, trạng thái khóa/mở khóa của cửa xe, và trạng thái đóng/mở của cửa xe.

  ▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

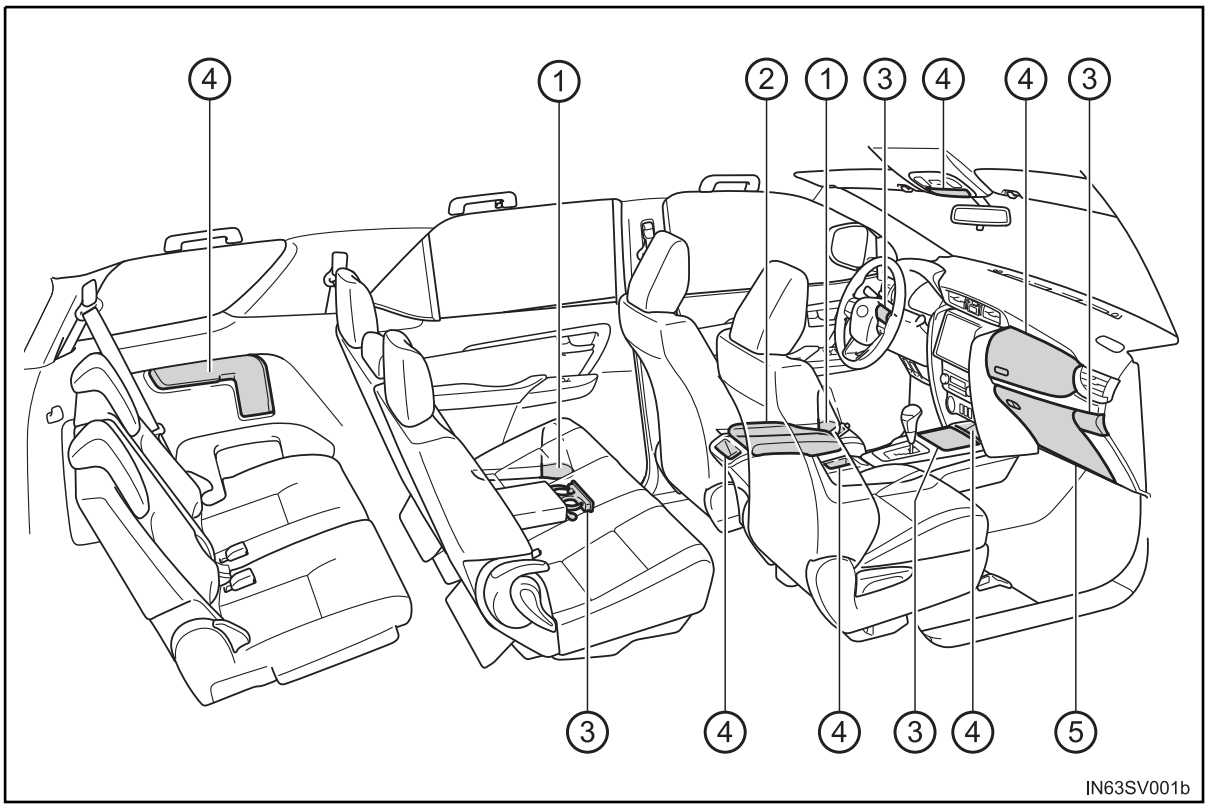
  Các đèn sẽ tự động bật/tắt theo chế độ của công tắc động cơ, trạng thái khóa/mở khóa của cửa xe, và trạng thái đóng/mở của cửa xe.

- Nếu các đèn sau vẫn bật khi chuyển công tắc động cơ tới vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), thì chúng sẽ tự động tắt đi sau khoảng 20 phút:
  - Đèn cá nhân/đèn nội thất
  - Đèn nội thất
  - Đèn chiếu sáng công tắc động cơ

⚠ CHÚ Ý

Để tránh làm hết điện của ắc quy, không bật các đèn quá lâu khi động cơ đang không hoạt động.

Danh sách các ngăn đựng đồ



① Ngăn để chai (→P. 460)

② Hộp dầm (→P. 457)

③ Ngăn để cốc (nếu có) (→P. 458)

④ Các ngăn đựng đồ vặt (nếu có) (→P. 461)

⑤ Ngăn đựng găng tay (→P. 457)

⚠ CẢNH BÁO

- Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt ở trong ngăn đựng đồ, khi nhiệt độ trong cabin tăng cao, có thể gây ra những vấn đề sau:
  - Kính mắt có thể bị biến dạng do nhiệt độ cao hoặc bị nứt nếu bị các đồ vật khác đè phải.
  - Bật lửa hoặc các bình xịt có thể bị nổ. Nếu bị các đồ vật khác đè phải, bật lửa có thể sẽ bắt lửa hoặc bình xịt có thể xì khí và gây ra hỏa hoạn.
- Khi lái xe hoặc khi không sử dụng các ngăn đựng đồ, hãy đóng các ngăn đựng đồ lại.

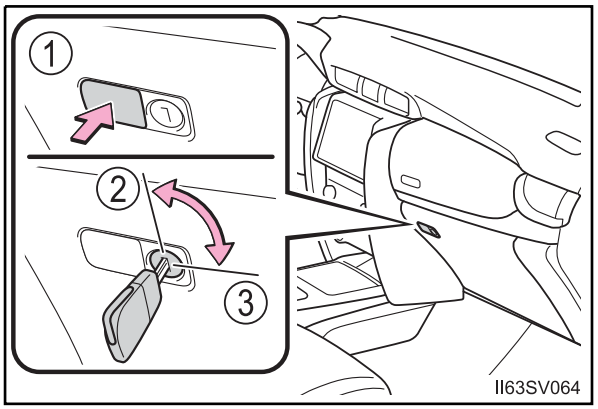
  Khi phanh gấp hoặc đánh lái gấp, hành khách có thể sẽ bị va phải nắp hộp hoặc các đồ vật để trong hộp có thể sẽ văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

Ngăn đựng găng tay

① Mở nắp (ấn nút)

② Mở khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

③ Khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

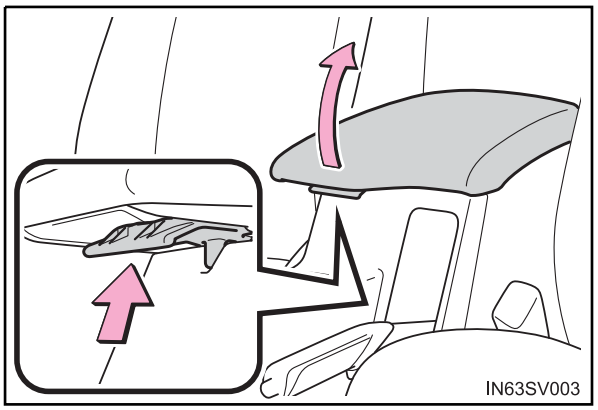


- Đèn chiếu sáng ngăn đựng găng tay

  Đèn chiếu sáng ngăn đựng găng tay sẽ sáng lên khi các đèn hậu đang bật.

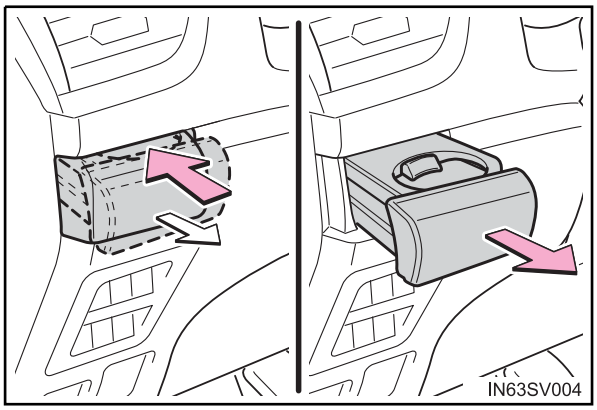
Hộp dầm

Hãy nhấc nắp hộp dầm lên trong khi kéo lẫy lên để nhả khóa nắp hộp dầm.



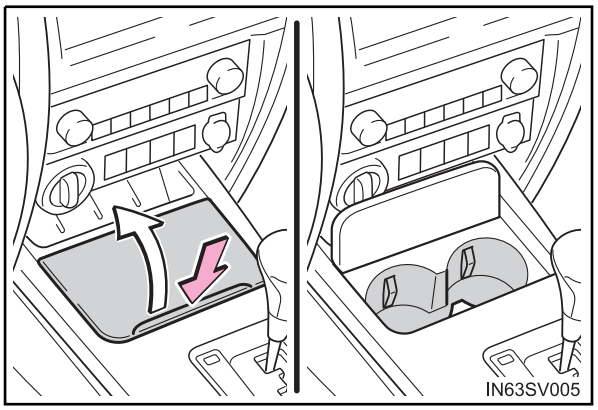
Ngăn để cốc

▶ Kiểu A



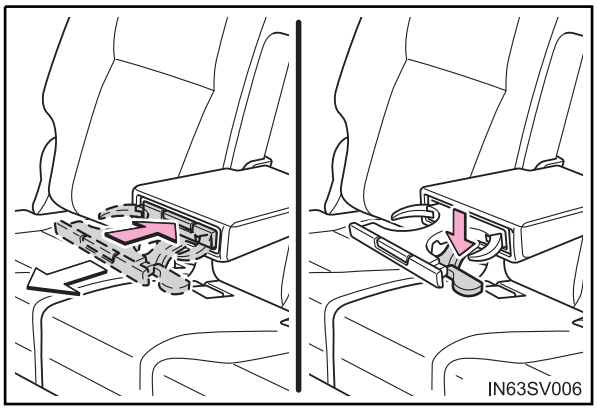
Hãy ấn và kéo giá để cốc ra.

▶ Kiểu B (nếu có)



Hãy ấn và nhả nắp ngăn để cốc.

▶ Kiểu C



Hãy kéo tựa tay xuống, ấn và nhả ngăn để cốc phía sau trên tựa tay.

⚠ CẢNH BÁO

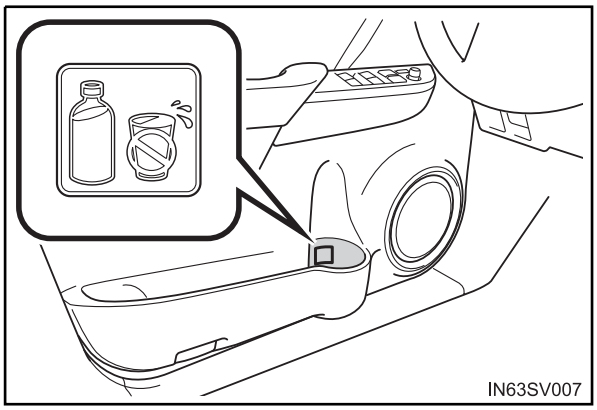
Không nên đặt bất cứ thứ gì ngoài cốc hoặc lon nước trong ngăn để cốc.
Ngay cả khi đã đóng nắp, không được để các đồ vật khác trong ngăn để cốc.
Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp, vào cua gấp và dẫn tới chấn thương. Nếu cần thiết, hãy đậy nắp cho cốc đựng nước nóng để tránh bị bỏng.

CHÚ Ý

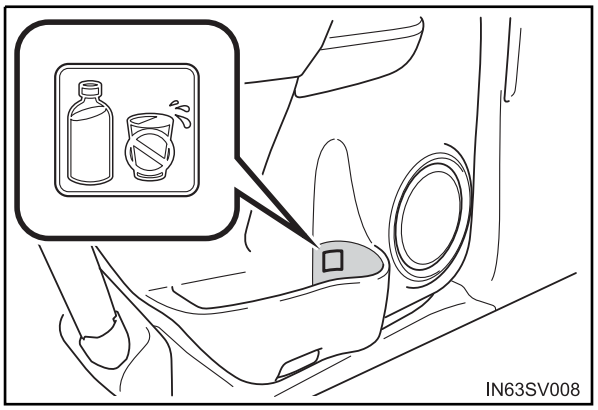
Để tránh làm hỏng ngăn để cốc phía sau, hãy thu gọn ngăn để cốc lại trước khi cất tựa tay.

Ngăn để chai

▶ Cửa trước



▶ Cửa sau



Khi sử dụng ngăn để chai:

- Khi để chai trong ngăn, hãy đóng nắp chai lại.
- Ngăn để chai có thể sẽ không giữ được một số loại chai do kích thước và hình dạng của chai.

⚠ CẢNH BÁO

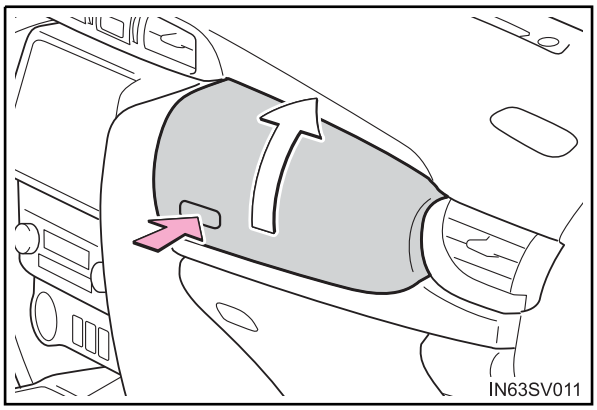
Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài các chai đựng trong ngăn để chai.
Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương.

⚠ CHÚ Ý

Không để các chai mở nắp hoặc cốc giấy và cốc thủy tinh có chứa chất lỏng trong ngăn đựng chai. Nước đựng trong cốc/chai có thể sẽ văng ra ngoài hoặc cốc/chai thủy tinh có thể sẽ bị vỡ.

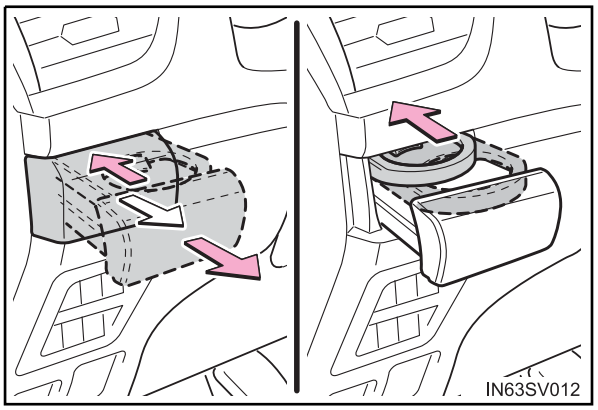
Hộp đựng đồ vặt

▶ Kiểu A



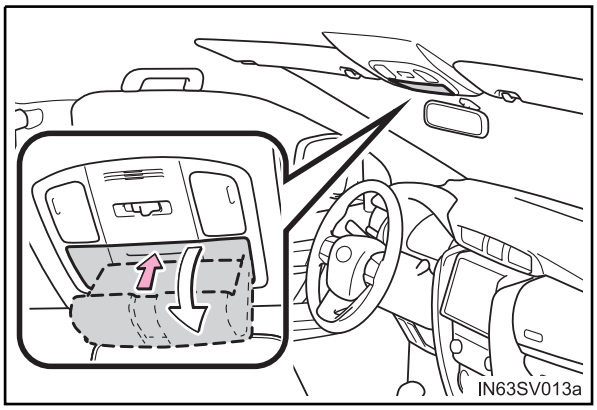
Hãy ấn nút này.

▶ Kiểu B



Hãy ấn và kéo ngăn để cốc ra và ấn khay để cốc vào.

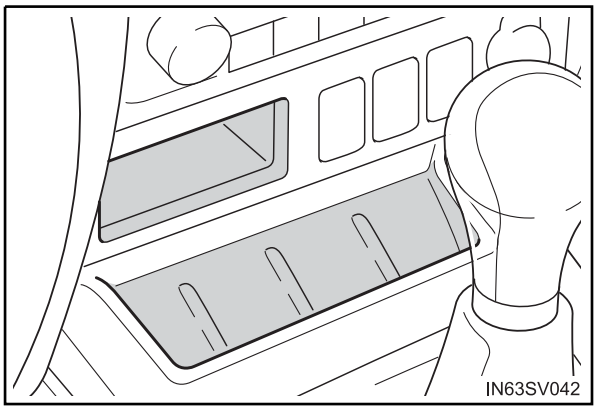
▶ Kiểu C



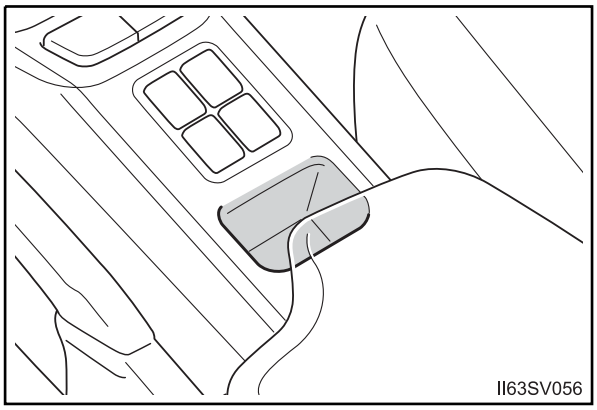
Ấn vào nắp hộp.

Hộp đựng đồ vặt rất hữu dụng để cất tạm kính râm và những đồ vật nhỏ.

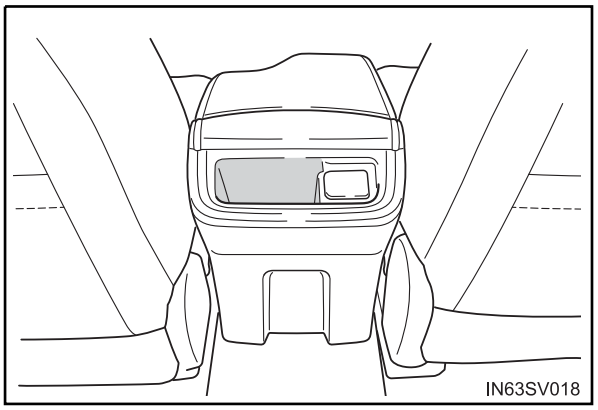
▶ Kiểu D* (nếu có)



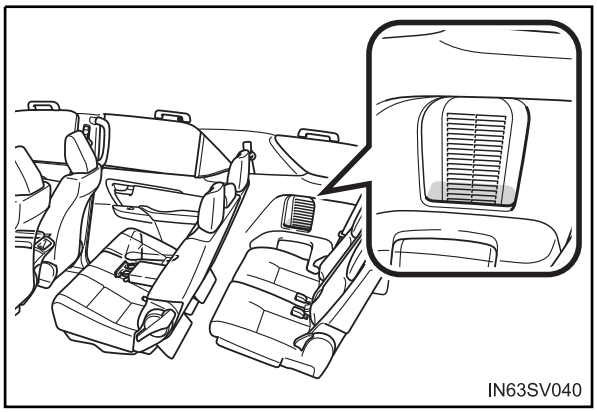
▶ Kiểu E (nếu có)



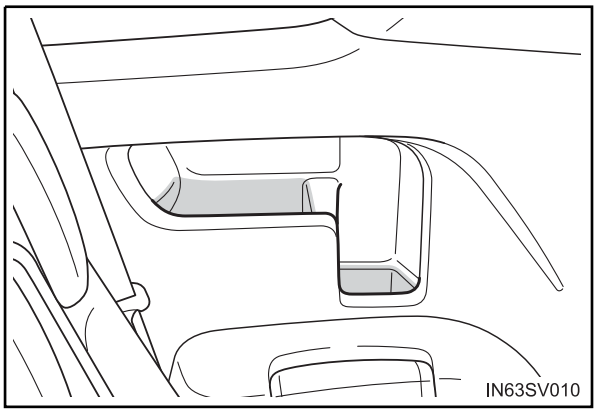
▶ Kiểu F



▶ Kiểu G



▶ Kiểu H



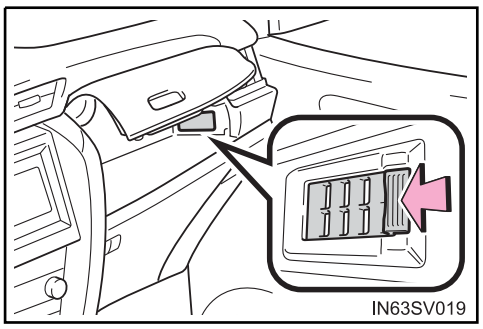
*: Hình dạng của các ngăn chứa đồ vặt có thể sẽ thay đổi theo cấp độ xe...

- Chức năng điều chỉnh nhiệt độ liên kết với hệ thống điều hòa không khí (kiểu A) (nếu có):

  Bằng cách thổi không khí từ hệ thống điều hòa không khí vào ngăn chứa đồ vặt, mà có thể giữ cho các lon đựng đồ uống... nóng hoặc lạnh. Tuy nhiên, do nhiệt độ bên trong ngăn chứa đồ vặt sẽ bằng với nhiệt độ của không khí thổi ra từ hệ thống điều hòa, nên sẽ không thể tạo ra nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh được. Khi độ ẩm không khí cao, hãy cẩn thận với các đồ vật bên trong ngăn đựng đồ vặt do có thể sẽ bị đọng nước.

- Sử dụng chức năng điều chỉnh nhiệt độ liên kết với hệ thống điều hòa không khí (kiểu A) (nếu có):

1 Mở nắp che bên trong ngăn đựng đồ vặt.
Để cho phép nhiều không khí thổi vào trong ngăn đựng đồ ăn vặt, hãy đóng cửa gió phía hành khách lại. (→P. 434, 442)



2 Bật hệ thống điều hòa không khí, và sử dụng núm  hoặc  để chọn chế độ  hoặc  . (→P. 431, 438)

3 Điều chỉnh nhiệt độ. (→P. 431, 437)

- Khi sử dụng thông thường (kiểu A) (nếu có):

  Hãy đóng nắp dẫn khí vào bên trong ngăn đựng đồ vặt.

- Những đồ vật không nên để trong ngăn đựng đồ vặt (kiểu A) (nếu có):
  - Các đồ uống để trong hộp đựng hở

- Những đồ vật dễ vỡ, đồ bị ôi thiu hoặc các thức ăn nặng mùi

⚠ CẢNH BÁO

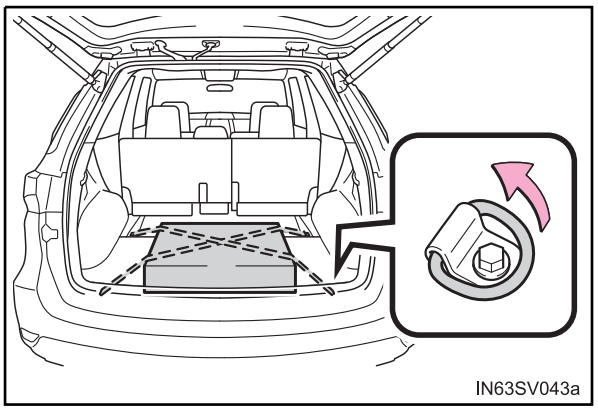
- Khi sử dụng ngăn đựng đồ vặt thì không sử dụng ngăn đựng cốc.
  Nếu để cốc, can đựng đồ uống hoặc chai nước bên trong ngăn đựng đồ vặt, chúng có thể sẽ bị văng ra khỏi ngăn khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương (kiểu B).
- Không được để vật nặng quá 0.2 kg trong ngăn.
  Nếu không có thể sẽ làm cho ngăn chứa đồ vặt mở ra và các đồ vật bên trong sẽ rơi ra, dẫn đến tai nạn.

Đặc điểm của khoang để hành lý

Thanh bắt móc (nếu có)

Nâng móc lên để sử dụng.

Móc cố định hành lý được dùng cố định các hàng hóa.



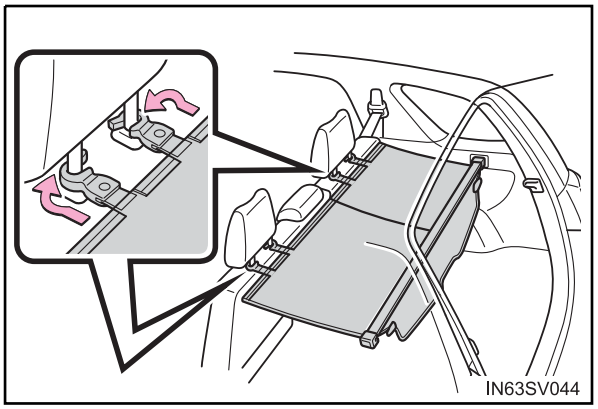
⚠ CẢNH BÁO

Để tránh tai nạn, luôn luôn trả móc cố định hàng lý về vị trí cất gọn của chúng khi không sử dụng.

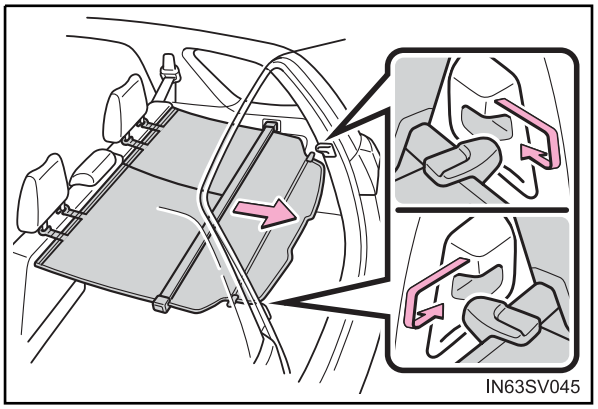
Tấm che hành lý (nếu có)

n Lắp tấm che hành lý

1 Gài các móc vào tựa đầu trên ghế sau.



2 Hãy kéo tấm che khoang hành lý ra và móc nó vào các móc hãm.

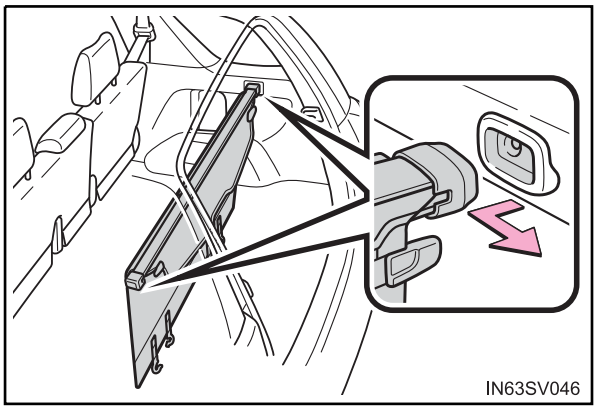


n Tháo tấm che hành lý

Có thể tháo tấm che hành lý bằng cách thực hiện theo quy trình sau.

Hãy thu tấm che lại và nhả cả hai đầu, sau đó nhấc nó ra.

Sau khi tháo tấm che hành lý, hãy đặt nó ở vị trí nào đó ngoài khoang hành khách.



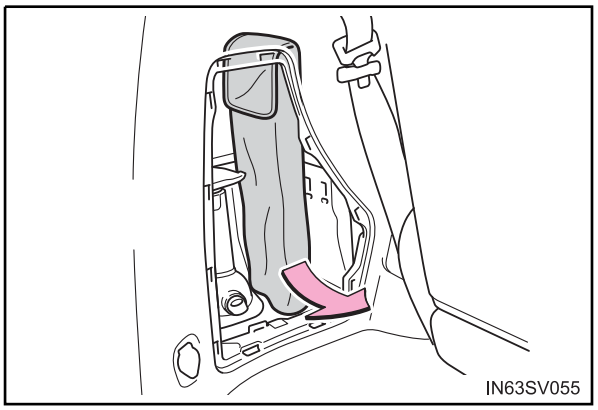
⚠ CẢNH BÁO

Không để trẻ trèo lên tấm che hành lý. Nếu trẻ trèo lên tấm che có thể làm hỏng tấm che, và trẻ có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Biển tín hiệu cảnh báo (nếu có)

1 Lấy túi đựng dụng cụ ra. (→P. 610)

2 Lấy biển tín hiệu cảnh báo ra.

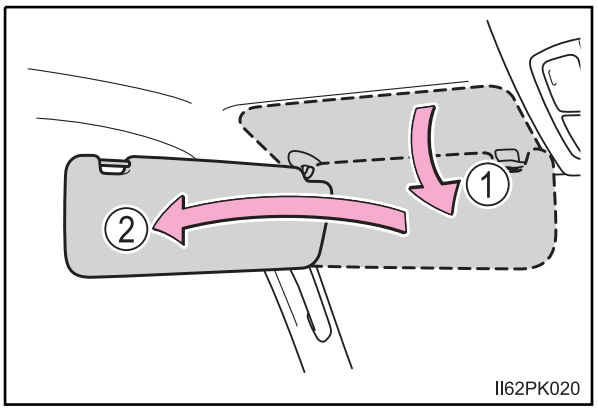


Các trang bị nội thất khác

Tấm chắn nắng

① Để chắn nắng ở phía trước, hãy lật tấm chắn nắng xuống.

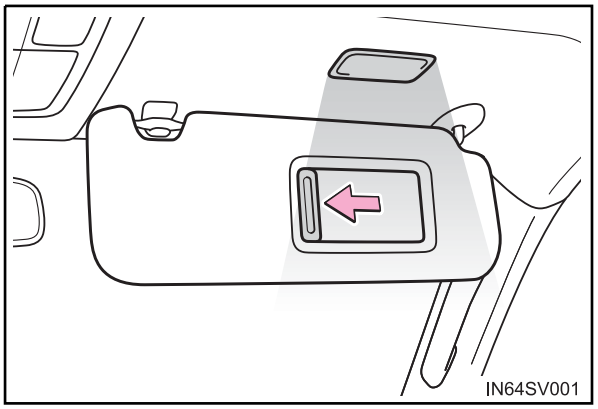
② Để chắn nắng ở phía bên, hãy lật tấm chắn nắng xuống, tháo móc và xoay tấm chắn nắng sang phía bên.



Gương trang điểm (nếu có)

Hãy trượt nắp che gương để mở gương.

Xe có đèn trang điểm: Đèn sẽ bật sáng khi nắp che gương được mở ra.



- Xe có đèn trang điểm: Nếu đèn trang điểm vẫn sáng khoảng 20 phút khi tắt công tắc động cơ tới vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), thì đèn sẽ tự động tắt đi.

Đồng hồ

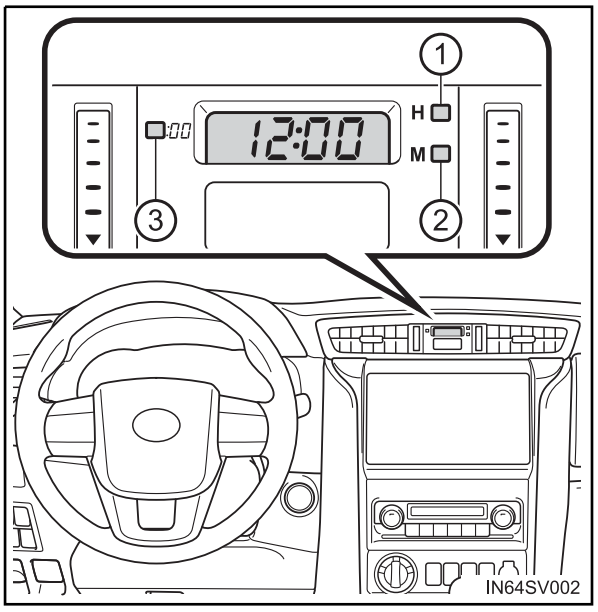
Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ báo giờ bằng các ấn các nút sau.

① Điều chỉnh số giờ

② Điều chỉnh số phút

③ Làm tròn tới số giờ gần nhất*

*: Ví dụ Từ 1:00 đến 1:29 → 1:00
Từ 1:30 đến 1:59 → 2:00



- Đồng hồ báo giờ sẽ được hiển thị khi:
  - ▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh
    Công tắc động cơ ở vị trí "ACC" hoặc "ON".
  - ▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh
    Công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON.
- Khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy:
  Đồng hồ báo giờ sẽ tự động được đặt về 1:00.

Ổ điện

Ổ điện trên xe có thể được sử dụng cho các thiết bị sau:

Ổ điện một chiều 12 V:

▶ Bảng táp lô

Hãy sử dụng nguồn điện cấp điện cho các thiết bị điện dùng dòng một chiều nhỏ hơn 12V/10 A (công suất tiêu thụ điện 120W).

Khi sử dụng ổ cắm điện và cổng sạc USB kiểu C (→P. 472), chắc chắn rằng tổng công suất của tất cả các thiết bị điện được nối với ổ cắm điện và cổng sạc USB kiểu C trên xe nhỏ hơn 120 W.

▶ Bảng táp lô và phía sau hộp dầm

Hãy sử dụng nguồn điện cấp điện cho các thiết bị điện dùng dòng một chiều nhỏ hơn 12V/10 A (công suất tiêu thụ điện 120W).
Khi sử dụng các thiết bị điện, hãy đảm bảo rằng tổng công suất của tất cả các thiết bị điện được nối với ổ điện trên xe nhỏ hơn 120 W.

▶ Khoang hành lý

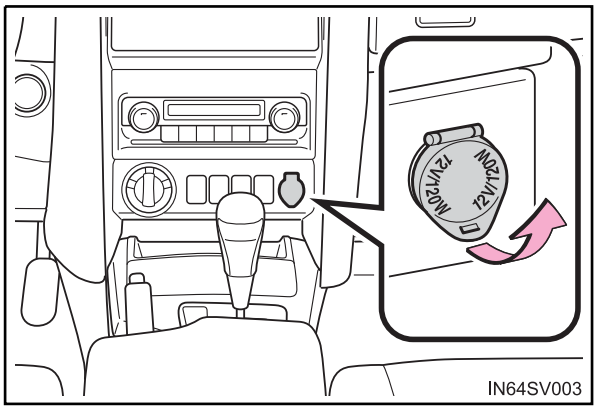
Hãy sử dụng nguồn điện cấp điện cho các thiết bị điện dùng dòng một chiều nhỏ hơn 12V/10 A (công suất tiêu thụ điện 120W).

Ổ điện xoay chiều 220 V (nếu có):
Sử dụng thiết bị có công suất nhỏ hơn 100 W.

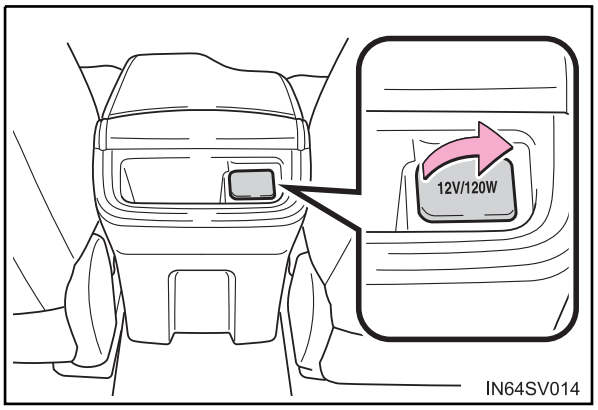
n Ổ điện một chiều 12 V

Mở nắp che.

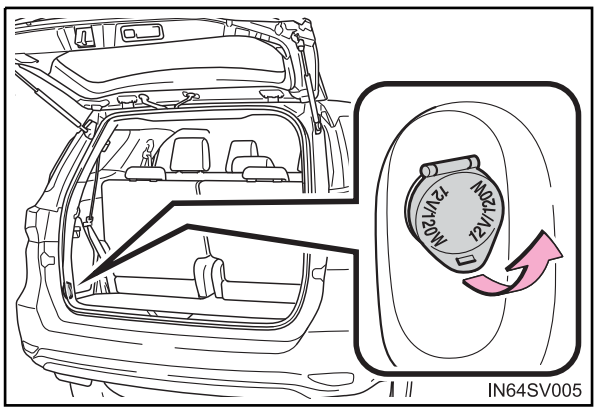
▶ Bảng táp lô



▶ Ở phía sau hộp dầm (nếu có)



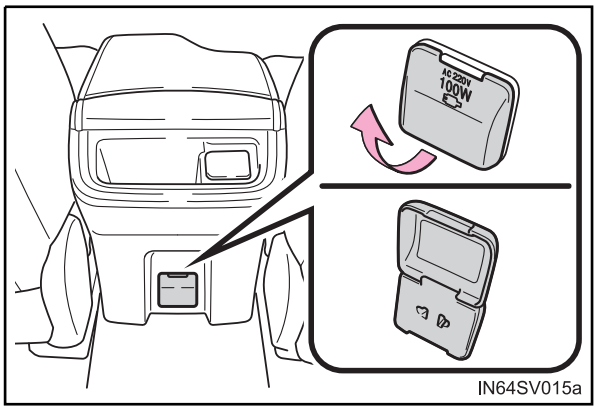
▶ Khoang hành lý



n Ổ điện xoay chiều 220 V (nếu có)

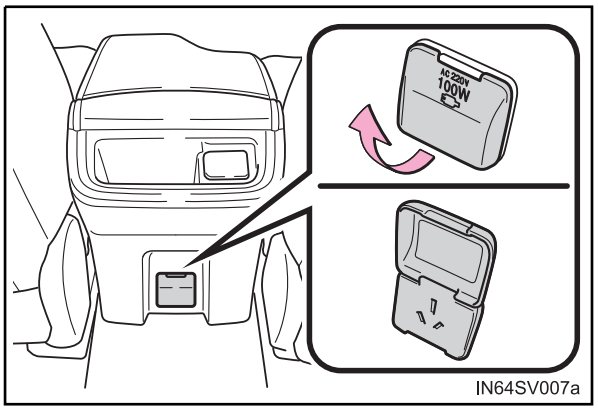
Mở nắp che.

▶ Kiểu A



IN64SV015a

▶ Kiểu B



IN64SV007a

l Có thể sử dụng ổ điện khi:

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Ổ điện một chiều 12 V: Công tắc động cơ ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

Ổ điện xoay chiều 220 V: Công tắc động cơ ở vị trí "ON".

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Dòng điện một chiều 12 V: Công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON.

Dòng điện xoay chiều 220 V: Công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON.

l Khi công tắc động cơ tắt:

Ngắt kết nối các thiết bị điện có chức năng sạc như pin của điện thoại di động.
Nếu các thiết bị nói trên vẫn được kết nối, thì công tắc động cơ không thể tắt bình thường được.

l Xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ: Khi động cơ được khởi động lại sau khi tắt đi bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ, các ổ điện có thể sẽ tạm thời không hoạt động, nhưng đó là hiện tượng bình thường.

⚠ CHÚ Ý

- Để tránh làm hỏng các ổ điện, hãy đóng nắp che ổ cắm khi không sử dụng ổ điện.
  Nếu chất lỏng hoặc dị vật lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra tình trạng ngắn mạch.
- Để tránh làm cháy cầu chì:

  ▶ Ổ điện một chiều 12 V

  Không sử dụng các phụ kiện có điện áp trên 12 V và cường độ dòng trên 10 A.

  ▶ Ổ điện xoay chiều 220 V

  Không sử dụng các thiết bị dùng điện áp xoay chiều 220 V với công suất lớn hơn 100 W.

  Nếu sử dụng các thiết bị dùng điện áp xoay chiều 220 V với công suất lớn hơn 100 W, mạch bảo vệ sẽ cắt nguồn cấp.
- Để cho ắc quy khỏi bị phóng hết điện, không được sử dụng ổ điện lâu hơn mức cần thiết khi động cơ không hoạt động.
- Những thiết bị điện sử dụng dòng xoay chiều 220 V sau đây có thể sẽ không hoạt động chính xác mặc dù công suất của chúng nhỏ hơn 100 W:
  - Những thiết bị có công suất cực đại ban đầu cao
  - Những thiết bị đo lường phải xử lý các dữ liệu chính xác
  - Những thiết bị yêu cầu cấp nguồn cực kỳ ổn định

Các cổng sạc USB kiểu C (nếu có)

Các cổng sạc USB kiểu C được dùng để cấp dòng điện với cường độ 3.0 A ở điện áp 5V (công suất 15W) cho các thiết bị ngoại vi.

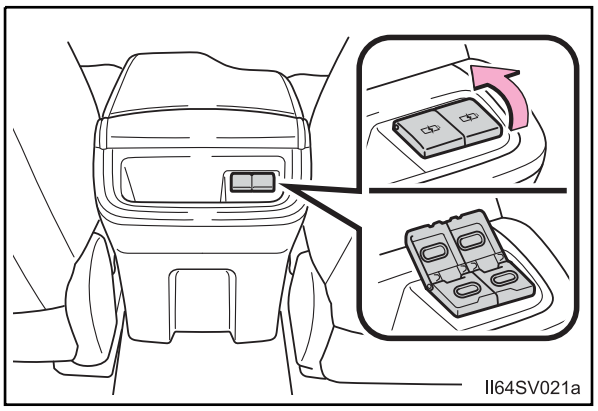
Chỉ có thể sử dụng các cổng USB kiểu C để sạc điện. Chúng không được thiết kế cho truyền dữ liệu và mục đích khác.

Tùy vào loại thiết bị bên ngoài, nó có thể không hoạt động bình thường được. Hãy tham khảo tài liệu đi kèm với thiết bị trước khi sử dụng cổng sạc USB kiểu C.

Khi sử dụng các cổng sạc USB kiểu C và ổ cắm điện (bảng táp lô) (→P. 468), chắc chắn rằng tổng công suất của tất cả các thiết bị sử dụng cổng sạc USB kiểu C và ổ cắm điện là nhỏ hơn 120 W.

n Sử dụng cổng USB kiểu C

Mở nắp che.



n **Có thể sử dụng các cổng USB kiểu C khi**

Công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON.

n **Cổng sạc USB kiểu C có thể hoạt động không chính xác trong những trường hợp sau**

- Nếu kết nối thiết bị có dòng lớn hơn 3.0 A ở điện áp 5 V được nối vào (công suất 15 W)
- Nếu thiết bị được thiết kế để nối với máy tính cá nhân, như USB.
- Nếu thiết bị ngoại vi được kết nối đang tắt (tùy vào thiết bị)
- Nếu nhiệt độ trong xe là cao, như khi đỗ xe dưới trời nắng

n **Khái quát về thiết bị kết nối ngoại vi**

Tùy vào thiết bị ngoại vi, thi thoảng quá trình sạc điện có thể bị treo và sau đó khởi động lại. Điều này không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng các cổng sạc USB kiểu C**

- Không được nhét các dị vật vào cổng USB.
- Không được để bắn nước hay chất lỏng vào các cổng.
- Khi không sử dụng cổng sạc USB kiểu C, hãy đóng các nắp. Không để chất lỏng hoặc vật gì khác lọt vào cổng, có thể sẽ gây ra chập mạch.
- Không tác dụng lực quá mạnh hoặc va đập vào cổng sạc USB kiểu C.
- Không được tháo hoặc sửa chữa cổng sạc USB.

n **Để tránh làm hỏng các thiết bị ngoại vi**

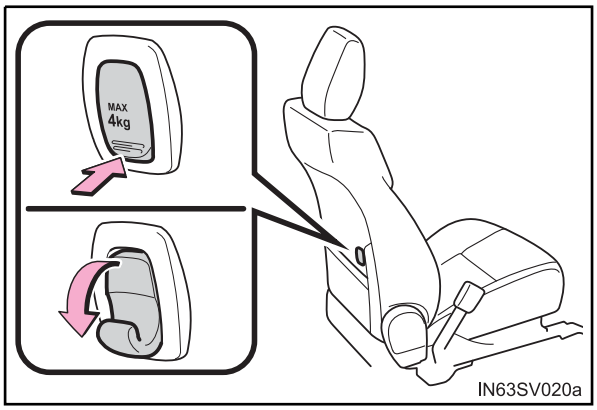
- Không được để các thiết bị ngoại vi ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể sẽ rất cao, và làm hỏng các thiết bị ngoại vi.
- Không ấn hoặc tác dụng lực quá mạnh lên các thiết bị hoặc dây cáp của các thiết bị ngoại vi trong khi chúng đang kết nối.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

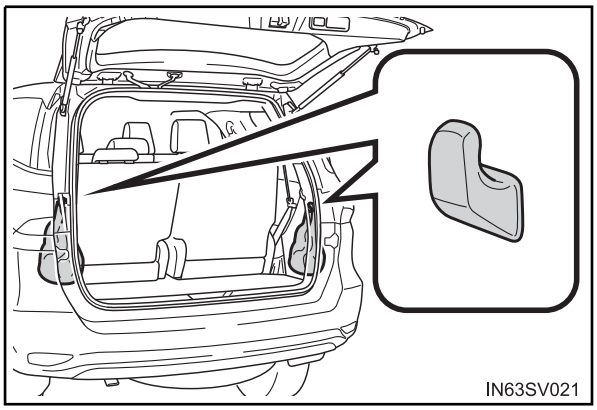
Không được sử dụng các cổng sạc USB kiểu C trong thời gian dài khi động cơ tắt máy.

Móc treo túi để đồ

▶ Kiểu A (nếu có)



▶ Kiểu B



⚠ CẢNH BÁO

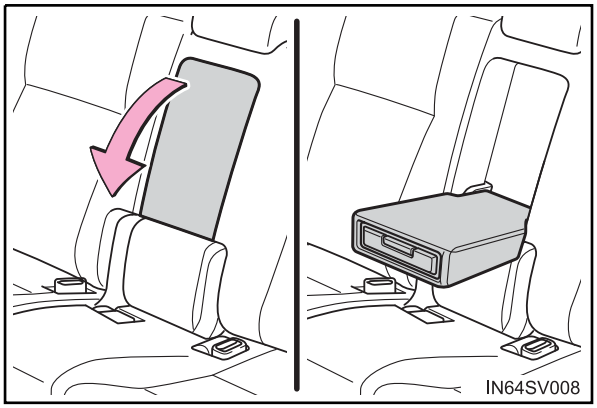
Hãy trả các móc về vị trí ban đầu khi không sử dụng (kiểu A).

⚠ CHÚ Ý

Không được treo những đồ vật nặng hơn 4 kg trên móc treo đồ.

Tựa tay

Hãy hạ tựa tay xuống khi sử dụng.

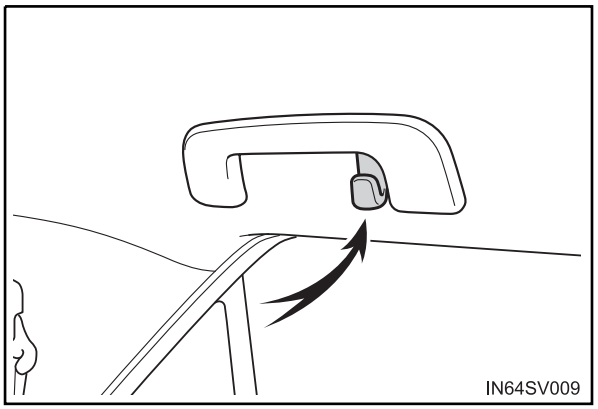


⚠ CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng tựa tay, không tác dụng lực quá mạnh lên tựa tay.

Móc treo áo khoác (nếu có)

Trên tay nắm của hàng ghế thứ hai có gắn móc treo áo khoác



⚠ CẢNH BÁO

Xe có hệ thống túi khí rèm: Không treo móc treo áo hoặc vật sắc nhọn lên móc treo. Nếu túi khí rèm nổ, những vật này có thể bị bắn văng ra, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

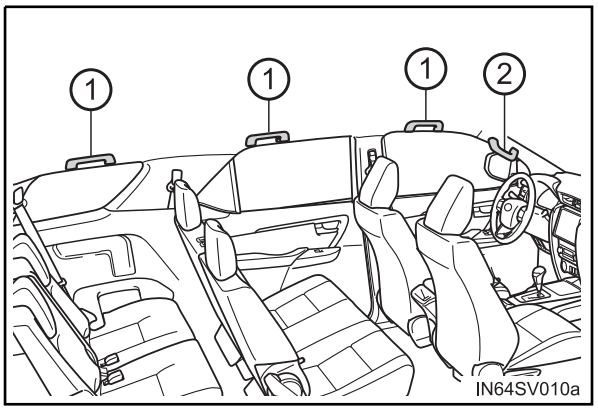
Tay nắm

Tay nắm (kiểu A) được sử dụng để hỗ trợ hành khách khi ngồi trên ghế.

Tay nắm (kiểu B) được sử dụng khi ra hoặc vào xe và các mục đích khác.

① Tay nắm (kiểu A) (nếu có)

② Tay nắm (kiểu B)



⚠ CẢNH BÁO

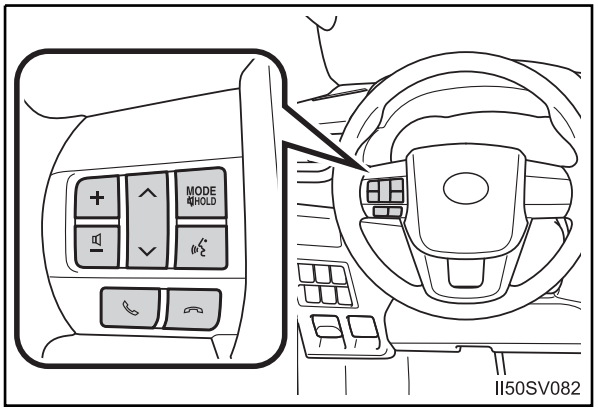
Không sử dụng tay nắm (kiểu A) khi ra hoặc vào xe hoặc đứng dậy.

⚠ CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng tay nắm, không treo các vật nặng hoặc tác dụng lực quá lớn lên tay nắm.

Sử dụng các nút điều khiển âm thanh trên vô lăng

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống âm thanh (điều chỉnh âm lượng, radiô, đầu CD...) bằng các nút điều khiển trên vô lăng.
Việc điều khiển có thể hiển thị khác nhau tùy vào từng hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường. Để biết thông tin chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường.



⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**
Hãy hết sức cẩn thận khi sử dụng các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng khi đang lái xe.

Bảo dưỡng và chăm sóc xe 7

7-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe
Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 480
Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe 484
7-2. Bảo dưỡng
Các yêu cầu bảo dưỡng . 487
Lịch bảo dưỡng 490
7-3. Tự bảo dưỡng
Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 504
Nắp capô 507
Khoang động cơ 509
Lốp xe 537
Áp suất lốp 546
Vành xe 548
Bộ lọc điều hòa/ lưới lọc khí nạp 550
Pin điều khiển từ xa/ chìa khóa điện tử 553
Kiểm tra và thay cầu chì . 557
Bóng đèn 561

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe

Hãy thực hiện các bước sau để bảo vệ và duy trì xe ở tình trạng tốt nhất:

- Hãy tiến hành rửa xe từ trên xuống dưới, phun nước vào thân xe, vành và gầm xe để rửa trôi toàn bộ bụi và bẩn.
- Hãy rửa sạch thân xe bằng một miếng mút hoặc vải mềm.
- Để rửa những vết bẩn khó lau chùi, hãy sử dụng xà phòng và rửa lại thật kỹ bằng nước.
- Lau sạch nước còn đọng trên xe.
- Hãy đánh bóng xe khi khả năng chống đọng nước của lớp sơn bề mặt bị kém đi.

  Nếu nước không đọng lại thành hạt trên một bề mặt phẳng, hãy đánh bóng bằng xi khi thân xe đã nguội.

---

n **Khi rửa xe ở trạm rửa xe tự động**

- Hãy gập các gương lại và tắt cửa hậu điều khiển điện (nếu có) trước khi rửa xe. Hãy bắt đầu rửa từ phía trước của xe. Hãy nhớ mở gương ra trước khi lái xe.
- Các chổi rửa được sử dụng trong các trạm rửa xe tự động có thể sẽ làm xước thân xe, các bộ phận (vành xe,...) và làm hỏng lớp sơn của xe.
- Không nên rửa cánh hướng gió phía sau xe ở trạm rửa xe tự động, bởi nguy cơ hỏng xe cao hơn.

n **Rửa xe bằng vòi rửa cao áp**

Vì nước có thể lọt vào trong khoang hành khách, không được đưa vòi rửa đến gần các khe hở quanh các cửa hoặc xung quanh cửa sổ, hoặc không phun nước liên tục vào những khu vực này.

n Vành và các ốp bánh xe

- Hãy loại bỏ ngay các chất bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính.
- Hãy rửa sạch chất tẩy rửa bằng nước ngay sau khi sử dụng.
- Để lớp sơn khỏi bị hư hỏng, hãy tuân theo các chú ý sau.
  - Không sử dụng chất tẩy có chứa a-xít và kiềm có tính ăn mòn mạnh
  - Không được dùng bàn chải cứng
  - Không được dùng chất tẩy rửa để rửa các bánh xe khi chúng đang nóng, ví dụ sau khi lái xe trên một đoạn đường dài dưới thời tiết nóng.

n Các má phanh và càng phanh

Gỉ sét có thể hình thành nếu xe được đỗ trong thời gian dài không sử dụng với má phanh và các rôto phanh bị ướt, sẽ gây dính phanh. Trước khi đỗ xe sau khi rửa, hãy lái xe chậm và nhấn phanh vài lần để làm khô phanh.

n Cản xe

Không cọ rửa bằng chất tẩy rửa có tính ăn mòn.

n Các vị trí được mạ

Nếu không tẩy sạch được chất bẩn, hãy làm sạch các bộ phận sau:

- Sử dụng giẻ mềm được nhúng dung dịch 5% chất tẩy trung tính và nước để làm sạch bụi bẩn.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.
- Để làm sạch vết bám dầu, hãy dùng khăn thấm cồn hoặc sản phẩm tương đương.

n Các càng phanh được sơn (nếu có)

- Khi sử dụng chất tẩy, hãy sử dụng chất tẩy trung tính.

  Không sử dụng bàn chải cứng hoặc chất tẩy rửa ăn mòn khi chúng sẽ làm hỏng sơn.
- Không sử dụng chất tẩy rửa cho các càng phanh khi chúng đang nóng.
- Hãy rửa sạch chất tẩy rửa bằng nước ngay sau khi sử dụng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi rửa xe**

Không xịt nước vào trong khoang động cơ. Nếu không có thể sẽ làm cho các thiết bị điện bị chập cháy.

n **Lưu ý liên quan tới đường ống xả**

Khí xả sẽ làm cho ống xả trở nên khá nóng.

Khi rửa xe, hãy cẩn thận không chạm vào ống xả cho tới khi nó đã đủ nguội, nếu chạm vào ống xả nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

n **Các lưu ý liên quan đến vị trí ở phía trên cản sau**

Nếu lớp sơn của cản sau bị sứt mẻ hoặc trầy xước, các hệ thống sau có thể hoạt động không chính xác. Nếu điều này xảy ra, hãy tham khảo ý kiến của Đại lý Toyota.

- Hệ thống BSM (nếu có)
- Hệ thống RCTA (nếu có)

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh cho lớp sơn xe khỏi bị biến màu và gây ăn mòn trên thân xe và các chi tiết của xe (như vành nhôm...)**

l Hãy rửa xe ngay lập tức trong các trường hợp sau:

- Sau khi lái xe gần khu vực bờ biển
- Sau khi lái xe trên đường có nhiều muối
- Khi nhựa đường hoặc nhựa cây bám trên lớp sơn xe
- Khi bề mặt sơn xe bị dính xác côn trùng, phân côn trùng hoặc phân chim
- Sau khi lái xe ở vùng có nhiều khói, hơi dầu, bụi quặng, bụi kim loại hoặc hóa chất
- Khi xe bạn quá bẩn do bụi và bùn
- Khi các dung dịch lỏng như benzen hoặc xăng bị đổ lên lớp sơn của xe

l Khi lớp sơn xe bị xước hay bong tróc, hãy sửa chữa ngay lập tức.

l Để tránh cho vành xe khỏi bị ăn mòn, hãy loại bỏ bụi bẩn và để ở nơi khô ráo khi lưu kho các vành xe.

n **Vệ sinh đèn chiếu sáng bên ngoài xe**

l Hãy lau rửa cẩn thận. Không sử dụng chất tẩy rửa hữu cơ hoặc cọ rửa đèn bằng bàn chải cứng.
Nếu không có thể sẽ làm hỏng bề mặt đèn.

l Không bôi xi đánh bóng lên bề mặt của đèn.
Xi đánh bóng có thể sẽ làm hỏng mặt kính của đèn.

⚠ CHÚ Ý

n Khi rửa xe bằng vòi rửa áp suất cao

- Xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota:
  Khi rửa xe, không phun nước rửa áp suất cao trực tiếp lên camera hoặc khu vực xung quanh. Phun nước áp lực cao có thể làm cho thiết bị không hoạt động bình thường.
  Không được phun nước trực tiếp lên vùng có ra đa được lắp ở phía sau biểu tượng. Nếu không, có thể gây hỏng thiết bị.
- Không để đầu vòi phun quá gần các chi tiết bằng cao su (cao su hoặc nắp nhựa), các giắc nối hoặc các chi tiết sau. Các chi tiết đó có thể sẽ bị hư hỏng khi tiếp xúc với nước có áp suất cao.
  - Các chi tiết liên quan đến truyền lực
  - Các chi tiết của hệ thống lái
  - Các chi tiết của hệ thống treo
  - Các chi tiết của hệ thống phanh
- Hãy giữ vòi rửa cách thân xe ít nhất 30 cm. Nếu không, phần chi tiết bằng nhựa như nẹp và cản xe có thể bị biến dạng và bị hư hỏng. Ngoài ra, không được phun nước liên tục vào một vị trí quá lâu.
- Không được phun nước liên tục vào phần phía dưới của kính chắn gió. Nếu nước lọt vào đường khí vào của hệ thống điều hòa nằm ở phần phía dưới của kính chắn gió, hệ thống điều hòa có thể hoạt động không chính xác.
- Không được rửa phía dưới xe bằng thiết bị rửa áp suất cao.

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe

Những quy trình sau sẽ giúp bảo vệ và giữ cho nội thất của xe bạn luôn ở tình trạng tốt nhất:

Bảo vệ nội thất xe

- Sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn. Lau sạch bề mặt bị bám bẩn bằng giẻ mềm có thấm nước ấm.
- Nếu không thể vệ sinh sạch bụi bẩn, hãy lau bằng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
- Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

Vệ sinh các chi tiết bọc da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Lau sạch các vết bẩn khó chùi bằng giẻ mềm có thấm dung dịch tẩy rửa pha loãng.

  Hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng với nồng độ vào khoảng 5% nồng độ chất tẩy rửa trung tính dành cho len.
- Vắt sạch nước khỏi giẻ và cẩn thận lau sạch hết chất tẩy rửa còn đọng lại.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để lau sạch hết lớp nước còn đọng lại. Để các chi tiết bọc da khô tự nhiên trong bóng râm và ở vị trí thông thoáng.

Vệ sinh các chi tiết giả da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Hãy lau bằng giẻ có chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
- Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

n Chăm sóc các chi tiết bọc da

Chúng tôi khuyên bạn nên cho vệ sinh nội thất xe tối thiểu một năm hai lần để duy trì chất lượng của nội thất xe.

n Làm sạch những khu vực làm bằng da hoặc da tổng hợp với bề mặt màu trắng

Những khu vực làm bằng da hoặc da tổng hợp với bề mặt màu trắng được xử lý bằng cách làm sạch bụi dễ dàng. Tuy nhiên, Toyota khuyến nghị bạn hãy thường xuyên vệ sinh bề mặt, vì nó có thể dễ bám bẩn.

n Lau chùi tấm lót sàn xe

Có rất nhiều loại chất tẩy rửa tạo bọt được bán trên thị trường. Hãy sử dụng một miếng mút hoặc bàn chải để dấp bọt. Hãy chải thảm theo các đường tròn. Không sử dụng nước. Lau sạch các bề mặt bẩn và để nó khô. Hãy giữ cho tấm lót sàn xe càng khô ráo càng tốt.

n Đai an toàn

Hãy vệ sinh đai an toàn bằng giẻ mềm hoặc miếng mút có thấm xà phòng loãng và nước ấm. Đồng thời hãy tiến hành kiểm tra định kỳ để xem đai có bị sờn, tước sợi hay bị đứt không.

⚠ CẢNH BÁO

n Tránh để nước xâm nhập vào xe

- Không phun hoặc làm tràn nước vào xe.
  Nếu không có thể sẽ làm các chi tiết điện của xe bị hư hỏng hoặc cháy chập.
- Không để các chi tiết của hệ thống túi khí SRS hoặc dây điện ở bên trong xe bị ướt. (→P. 44)
  Nếu hệ thống điện bị trục trặc có thể sẽ làm nổ túi khí hoặc túi khí hoạt động không chính xác, dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n Vệ sinh nội thất xe (đặc biệt với bảng táp lô)

Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không bảng táp lô có thể sẽ phản xạ ánh sáng lên kính chắn gió, làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Dung môi tẩy rửa**

l Không sử dụng các loại chất tẩy sau, do chúng có thể sẽ làm mất màu của các chi tiết nội thất xe hoặc làm hỏng bề mặt sơn xe:

- Những vị trí ngoài ghế xe: Các dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng, kiềm hoặc các dung dịch axít, thuốc nhuộm và chất tẩy trắng
- Ghế ngồi: Các dung dịch kiềm hoặc dung dịch axít như xăng thơm, benzen hoặc cồn

l Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không lớp sơn của các chi tiết nội thất xe hay bảng táp lô có thể sẽ bị hỏng.

n **Để tránh làm hỏng bề mặt của chi tiết bọc da**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh làm biến chất và làm hỏng các bề mặt của chi tiết bọc da:

l Hãy lau sạch bụi bẩn bám trên bề mặt da ngay.

l Không để xe trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong một thời gian dài. Hãy đỗ xe ở những vị trí râm mát, đặc biệt là trong mùa hè.

l Không để những đồ vật được làm bằng chất dẻo, nhựa hoặc các đồ vật có chứa sáp trên bề mặt da, do chúng có thể sẽ dính vào bề mặt da nếu như nhiệt độ trong xe tăng lên cao.

n **Nước trên sàn xe**

Không được rửa sàn xe bằng nước.
Các thiết bị trên xe, như hệ thống âm thanh, có thể sẽ bị hỏng nếu như nước ngấm vào các chi tiết điện phía trên hoặc phía dưới sàn xe. Nước có thể làm cho thân xe bị gỉ sét.

n **Khi vệ sinh mặt bên trong của kính chắn gió (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)**

Không để dung dịch rửa kính tiếp xúc với kính. Đồng thời không chạm vào kính. (→P. 243)

n **Vệ sinh mặt trong của kính cửa hậu**

l Không sử dụng chất tẩy rửa kính để vệ sinh kính cửa phía sau, do nó có thể sẽ làm hỏng dây sấy kính trên cửa sau. Hãy sử dụng giẻ mềm có thấm nước ấm để lau sạch cửa sổ. Hãy lau cửa sổ theo phương song song với dây sấy.

l Hãy cẩn thận để tránh làm xước hoặc làm hỏng các dây sấy.

Các yêu cầu bảo dưỡng

Để đảm bảo lái xe tiết kiệm và an toàn, tiến hành kiểm tra hàng ngày và bảo dưỡng định kỳ là việc làm hết sức cần thiết. Toyota khuyến nghị hãy thực hiện các công việc bảo dưỡng sau:

Lịch bảo dưỡng

l Nên thực hiện việc bảo dưỡng xe sau một quá trình sử dụng xe theo lịch bảo dưỡng.

Chu kỳ bảo dưỡng được xác định dựa trên thời gian sử dụng xe hoặc quãng đường đi được của xe trên đồng hồ công tơ mét, tùy theo điều kiện nào đến trước, được thể hiện trong lịch bảo dưỡng của xe.

Các công việc bảo dưỡng ở kì bảo dưỡng gần nhất nên được thực hiện ở các chu kỳ bảo dưỡng tương tự tiếp theo.

l Nên bảo dưỡng xe ở đâu?

Tốt nhất là bạn nên mang xe tới đại lý Toyota để bảo dưỡng cũng như thực hiện những công việc kiểm tra và sửa chữa khác.

Các kỹ thuật viên của Toyota là những chuyên gia được đào tạo kỹ càng. Họ thường xuyên được cập nhật những thông tin bảo dưỡng mới nhất thông qua các bản tin kỹ thuật, những bí quyết bảo dưỡng bổ ích và những chương trình đào tạo ngay trong nội bộ đại lý. Họ đã được đào tạo kỹ càng trên xe Toyota trước khi phục vụ xe của bạn.

Các đại lý Toyota đã đầu tư rất nhiều tiền của để mua sắm các dụng cụ và các thiết bị bảo dưỡng đặc biệt của Toyota. Việc này sẽ giúp cho việc bảo dưỡng xe của bạn sẽ hiệu quả hơn với chi phí thấp hơn.

Bộ phận dịch vụ của đại lý Toyota sẽ thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng định kỳ cho xe bạn một cách tin cậy và kinh tế nhất.

Bạn nên yêu cầu các kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra kỹ các ống dẫn bằng cao su (sử dụng trong hệ thống sưởi và làm mát, hệ thống phanh và nhiên liệu) theo lịch bảo dưỡng của Toyota.

Hãy hết sức chú ý kiểm tra các ống dẫn cao su khi bảo dưỡng xe. Hãy thay thế hoặc sửa chữa ngay bất kỳ ống dẫn cao su đã bị hỏng. Hãy chú ý rằng các ống dẫn cao su sẽ bị lão hoá theo thời gian dẫn đến bị cứng, phồng lên hoặc nứt vỡ.

Tự bảo dưỡng

Tự bảo dưỡng là gì?

Bạn có thể tự bảo dưỡng nhiều hạng mục nếu bạn có một chút kiến thức về kỹ thuật và các dụng cụ sửa chữa ô tô cơ bản. Hãy làm theo những chỉ dẫn sau để tiến hành tự bảo dưỡng cho xe của bạn.

Tuy nhiên, có một số hạng mục bảo dưỡng đòi hỏi phải có những kỹ năng và dụng cụ đặc biệt để có thể thực hiện được. Những kỹ thuật viên có trình độ là những người có thể thực hiện tốt nhất các công việc đó. Kể cả khi bạn là một thợ cơ khí có nhiều kinh nghiệm, chúng tôi cũng khuyên bạn nên sửa chữa và bảo dưỡng xe tại đại lý Toyota, đồng thời họ cũng sẽ ghi lại lịch sử bảo dưỡng của xe bạn. Những ghi chép này có thể sẽ có ích khi bạn cần sử dụng tới dịch vụ bảo hành cho xe.

---

n **Xe của bạn có cần phải sửa chữa không?**

Hãy chú ý tới sự thay đổi tính năng làm việc của xe và âm thanh phát ra và quan sát các hiện tượng để sớm phát hiện các bất thường trên xe. Một số dấu hiệu quan trọng như:

- Động cơ bị bỏ máy, có hiện tượng rung và giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Tiếng ồn lạ phát ra từ động cơ
- Có dung dịch bị rò rỉ dưới gầm xe (Tuy nhiên, nước nhỏ ra từ điều hòa nhiệt độ sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường)
- Có tiếng động bất thường phát ra từ hệ thống xả (đó có thể là dấu hiệu của tình trạng rò rỉ khí cácbon môônxít rất độc hại. Hãy mở tất cả các cửa sổ khi lái xe và kiểm tra hệ thống khí xả ngay lập tức.)
- Lốp có vẻ bị non, rít mạnh khi vào cua, lốp mòn không đều
- Xe bị lệch về một phía khi lái thẳng trên đường bằng phẳng
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới chuyển động của hệ thống treo
- Phanh mất hiệu quả, cảm giác chân phanh hoặc bàn đạp ly hợp quá nhẹ, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe, xe bị lạng về một phía khi phanh
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ liên tục cao hơn bình thường

Nếu bạn phát hiện ra một trong các dấu hiệu trên, hãy đem xe tới đại lý Toyota càng sớm càng tốt vì có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu bảo dưỡng xe không đúng cách**

Bảo dưỡng xe không đúng cách có thể sẽ làm cho xe bị hỏng nghiêm trọng dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Các lưu ý khi làm việc với ắc quy**

Các cực, điện cực của ắc quy và các phụ kiện liên quan có chứa chì và hợp chất của chì, những chất này có thể gây tổn thương cho não người. Hãy rửa tay sau khi thao tác (→P. 520)

Lịch bảo dưỡng

Hãy tiến hành bảo dưỡng theo lịch sau:

Các yêu cầu bảo dưỡng

Bạn nên bảo dưỡng xe theo lịch bảo dưỡng định kỳ. (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng" [→P. 491].)

Nếu bạn thường xuyên phải lái xe dưới một trong các điều kiện đặc biệt dưới đây, thì một số hạng mục bảo dưỡng sẽ cần phải được thực hiện thường xuyên hơn (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng bổ sung" [→P. 497].)

A. Điều kiện đường sá	B. Điều kiện lái xe
1. Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước. 2. Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường có tỷ lệ trải nhựa thấp, hoặc có nhiều bụi bốc lên từ mặt đường và không khí thì rất khô.) 3. Hoạt động trên đường có rải muối. 4. Chỉ với động cơ diesel: Thường xuyên hoạt động ở địa hình cao trên 2000 m so với mực nước biển.	1. Xe chịu tải quá nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe…) 2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.) 3. Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng. 4. Lái xe với tốc độ cao (từ 80% tốc độ tối đa của xe trở lên) trong hơn 2 giờ liên tục.

Lịch bảo dưỡng

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
CÁC CHI TIẾT CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ											
1	Khe hở xu páp (Động cơ 1GR-FE)									I	96
2	Đai dẫn động										
	Động cơ xăng			I		I		I		I	24
	Động cơ diesel		Kiểm tra lần đầu sau 100,000 km hoặc 72 tháng, sau 100,000 km thì cứ 20,000 km hoặc 12 tháng sẽ kiểm tra một lần								
3	Dầu động cơ										
	Động cơ xăng		R	R	R	R	R	R	R	R	12
	Động cơ diesel		Thay sau mỗi 5,000 km								6
4	Lọc dầu động cơ		R	R	R	R	R	R	R	R	12
5	Hệ thống làm mát và sưởi ấm <<Xem chú ý 1.>>					I				I	24
6	Nước làm mát động cơ (bao gồm nước làm mát của bộ làm mát trung gian) <<Xem chú ý 2.>>					I				I	-
7	Các ống mềm của bộ làm mát dầu động cơ và cút nối (Động cơ 1GR-FE) <<Xem chú ý 1.>>					I				I	24

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT									SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
CÁC CHI TIẾT CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ											
8	Đường ống xả và tai treo ống xả			I		I		I		I	12
HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA											
9	Bugi (động cơ xăng)										
	Động cơ 1GR-FE					R				R	48
	Động cơ 2TR-FE	Thay sau mỗi 100,000 km									-
10	Ắc quy		I	I	I	I	I	I	I	I	12
HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ											
11	Bộ lắng đọng nước (động cơ diesel)		I	I	I	I	I	I	I	I	12
12	Bộ lọc nhiên liệu (động cơ xăng)									R	96
13	Bộ lọc gió (bao gồm bộ lọc gió sơ bộ, nếu có)										
	Động cơ xăng			I		R		I		R	I: 24 R: 48
	Động cơ diesel	Kiểm tra sau mỗi 5,000 km Thay thế sau mỗi 30,000 km									I: 6 R: 36

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ											
14	Khói diesel (động cơ diesel)					I				I	48
15	Nắp bình nhiên liệu, ống nhiên liệu, cút nối và van điều khiển bay hơi nhiên liệu (nếu có) <<Xem chú ý 1.>>					I				I	24
16	Bộ lọc than hoạt tính (động cơ xăng)					I				I	24
GẦM VÀ THÂN XE											
17	Bàn đạp phanh và phanh đỗ		I	I	I	I	I	I	I	I	6
18	Các guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh đỗ và trống phanh)			I		I		I		I	12
19	Các má phanh và đĩa phanh		I	I	I	I	I	I	I	I	6
20	Dầu phanh		I	I	I	R	I	I	I	R	I: 6 R: 24
21	Dầu ly hợp		I	I	I	I	I	I	I	I	6
22	Các đường ống dẫn của hệ thống phanh			I		I		I		I	12

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
GẦM VÀ THÂN XE											
23	Bơm chân không cho bộ trợ lực phanh (động cơ Diesel)										
		Kiểm tra sau mỗi 200,000 km									
24	Dầu trợ lực lái		I	I	I	I	I	I	I	I	6

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
		x1000 miles	6	12	18	24	30	36	42	48	
GẦM VÀ THÂN XE											
25	Vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái		I		I		I		I		12
26	Mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 3 và 4.>>	L	L	L	L	L	L	L	L		6
27	Bu lông của trục các đăng	T	T	T	T	T	T	T	T		6
28	Các cao su chắn bụi bán trục (xe 4WD*)		I		I		I		I		24
29	Các khớp cầu và cao su chắn bụi của hệ thống treo	I	I	I	I	I	I	I	I		6
30	Dầu hộp số tự động				I				I		24
31	Đường ống dẫn của bộ làm mát dầu hộp số tự động và cút nối				I				I		24
32	Dầu hộp số thường				I				I		48
33	Dầu hộp số phụ (xe 4WD*)				I				I		48
34	Dầu vi sai trước (xe 4WD*)		I		R		I		R		I: 12 R: 48
35	Dầu vi sai sau		I		R		I		R		I: 12 R: 48

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

Hoạt động bảo dưỡng: I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần
R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn
L = Bôi trơn
T = Xiết đến mômen xiết tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
		x1000 miles	6	12	18	24	30	36	42	48	
GẦM VÀ THÂN XE											
36	Hệ thống treo trước và sau			I		I		I		I	12
37	Lốp và áp suất lốp		I	I	I	I	I	I	I	I	6
38	Các đèn, còi, gạt nước và nước rửa kính		I	I	I	I	I	I	I	I	6
39	Bộ lọc điều hòa kiểu có chức năng lọc vi bụi			R		R		R		R	-
40	Lượng ga điều hòa			I		I		I		I	12

CHÚ Ý:

1. Kiểm tra sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng, sau đó kiểm tra sau mỗi 20,000 km hoặc 12 tháng.
2. Thay lần đầu sau mỗi 160,000 km, sau đó thay sau mỗi 80,000 km.
3. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.
4. Chỉ với các khớp nối được bôi trơn bằng mỡ.

Lịch bảo dưỡng bổ sung

Hãy tham khảo bảng dưới đây để biết các hạng mục phải được bảo dưỡng thường xuyên hơn khi xe hoạt động dưới các điều kiện đặc biệt. (Để biết thông tin khái quát về bảo dưỡng xe, hãy xem mục "Các yêu cầu bảo dưỡng"
[→P. 490].)

A-1: Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước.	
❑ Kiểm tra*1 guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Mỡ bôi trơn càng cắt ly hợp	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Kiểm tra*1 đường ống dẫn của hệ thống phanh	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD*2)	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
❑ Kiểm tra*1 vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Kiểm tra*1 cao su chắn bụi bán trục (xe 4WD*2)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng
❑ Kiểm tra*1 hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Siết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

*1: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường có tỷ lệ trải nhựa thấp, hoặc có nhiều bụi bốc lên từ mặt đường và không khí thì rất khô.)	
❑ Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
❑ Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra* hoặc thay bộ lọc gió (bao gồm cả việc kiểm tra bộ lọc gió sơ bộ, nếu có)	▶ Động cơ 1GR-FE I: Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng R: Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng ▶ Động cơ 2TR-FE I: Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng R: Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng ▶ Các động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV I: Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng R: Sau mỗi 30,000 km hoặc 36 tháng

*: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường có tỷ lệ trải nhựa thấp, hoặc có nhiều bụi bốc lên từ mặt đường và không khí thì rất khô.)	
❑ Kiểm tra*1 guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD*2)	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
❑ Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Thay thế bộ lọc điều hòa không khí hòa (kiểu có chức năng vi lọc bụi)	Sau mỗi 15,000 km
A-3: Hoạt động trên đường có rải muối.	
❑ Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
A-4: Chỉ cho động cơ diesel: Thường xuyên hoạt động ở địa hình cao trên 2,000 m so với mực nước biển.	
❑ Thay dầu động cơ	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng

*1: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

B-1: Xe chịu tải quá nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe…)	
❑ Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
❑ Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra* guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỡ)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Thay dầu hộp số thường	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng

*: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

B-1: Xe chịu tải quá nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe…)	
❑ Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
❑ Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD*2)	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
❑ Thay dầu vi sai trước (xe 4WD*2)	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
❑ Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
❑ Kiểm tra*1 hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Siết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
B-2: Liên tục di chuyển trên quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.)	
❑ Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
❑ Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

*1: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

B-3: Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng.	
❑ Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
❑ Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra* guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
❑ Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
❑ Kiểm tra* hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng

*: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

B-4: Lái xe với tốc độ cao (từ 80% tốc độ tối đa của xe trở lên) trong hơn 2 giờ liên tục.	
❑ Thay dầu hộp số thường	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
❑ Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
❑ Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD*2)	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
❑ Thay dầu vi sai trước (xe 4WD*2)	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
❑ Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng

*1: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

CHÚ Ý:

1. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.
2. Chỉ với các khớp nối được bôi trơn bằng mỡ.
3. Các bu lông bắt ghế và bu lông bắt hệ thống treo.

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng

Nếu bạn tự bảo dưỡng, hãy tuân theo các quy trình chuẩn được mô tả trong các phần sau.

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Tình trạng ắc quy (→P. 520)	• Nước ấm • Baking soda • Mỡ bôi trơn • Cờ lê thường (để tháo lắp bu lông kẹp cực ắc quy) • Nước cất
Nước làm mát động cơ/bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P. 517)	• "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao "Nước làm mát siêu bền của Toyota" là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước làm mát)
Mức dầu động cơ (→P. 513)	• "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương • Giẻ lau hoặc giấy lau • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm dầu động cơ)
Cầu chì (→P. 557)	• Các cầu chì có cùng cường độ dòng với các cầu chì nguyên bản
Bóng đèn (→P. 561)	• Bóng đèn có cùng ký hiệu và công suất với bóng đèn nguyên bản • Tô vít 4 cạnh • Tô vít đầu dẹt • Cờ lê
Két nước, giàn nóng điều hòa và bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P. 519)	—
Áp suất lốp (→P. 546)	• Đồng hồ đo áp suất lốp • Nguồn cấp khí nén
Nước rửa kính (→P. 526)	• Nước hoặc nước rửa kính có chứa chất chống đóng băng (để sử dụng trong mùa đông) • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước hoặc nước rửa kính)

⚠ CẢNH BÁO

Trong khoang động cơ có rất nhiều chi tiết cơ khí và dung dịch, chúng có thể đang rất nóng hoặc có thể chuyển động bất ngờ hay có khả năng dẫn điện. Hãy tuân theo những lưu ý sau để đề phòng nguy cơ bị tai nạn dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

n **Khi làm việc trong khoang động cơ**

- Hãy giữ tay, quần áo và các dụng cụ cách xa quạt làm mát và các đai dẫn động của động cơ.
- Hãy cẩn trọng không chạm vào động cơ, két nước, đường ống xả… ngay sau khi lái xe do chúng có thể sẽ rất nóng. Dầu bôi trơn và các dung dịch khác cũng có thể rất nóng.
- Không để các vật liệu dễ cháy, như vải hoặc giấy trong khoang động cơ.
- Không hút thuốc hoặc gây ra tia lửa điện hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy. Hơi ắc quy hoặc nhiên liệu rất dễ cháy.
- Hãy hết sức thận trọng khi làm việc cùng với ắc quy. Bởi axit trong ắc quy rất độc và có khả năng ăn mòn mạnh.
- Dầu phanh có thể ăn mòn da tay hoặc làm tổn hại tới mắt bạn cũng như làm hỏng lớp sơn xe. Nếu dầu phanh bắn vào da hoặc mắt bạn, hãy rửa sạch vùng bị dính dầu bằng nước sạch ngay lập tức.
  Nếu bạn vẫn cảm thấy khó chịu, hãy tới bác sỹ để khám.

n **Khi làm việc gần quạt làm mát hoặc lưới che két nước (xe có quạt làm mát chạy bằng điện)**

Hãy đảm bảo rằng công tắc động cơ đã tắt. Với công tắc động cơ ở vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc ở chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), quạt làm mát có thể tự động quay nếu hệ thống điều hòa đang bật và/hoặc nhiệt độ nước làm mát tăng cao. (→P. 519)

n **Kính bảo hộ lao động**

Sử dụng kính bảo hộ để bảo vệ mắt bạn khỏi bị các mạt kim loại, các dung dịch... văng hoặc rớt vào.

CHÚ Ý

n **Khi tháo bộ lọc gió**

Nếu lái xe khi đã tháo bộ lọc gió có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn nghiêm trọng do những chất bẩn có trong không khí.

n **Nếu mức dung dịch quá thấp hoặc quá cao**

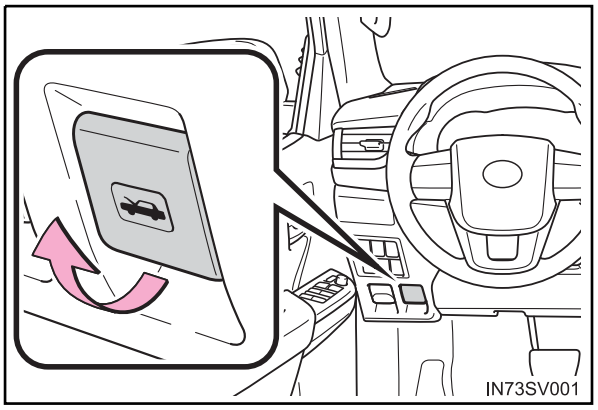
Nếu mức dầu phanh giảm nhẹ do má phanh bị mòn hoặc nếu mức dầu phanh trong bộ tích năng cao là bình thường.
Nếu thường xuyên phải bổ sung thêm dung dịch thì có thể là hệ thống đó đang bị lỗi nghiêm trọng.

Nắp capô

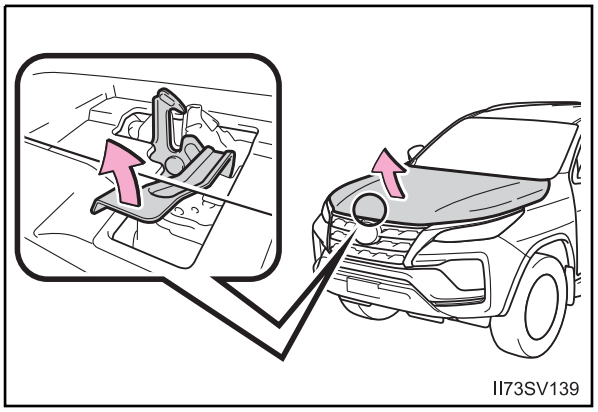
Nhả khóa ở trong xe để mở nắp capô.

1 Kéo lẫy nhả khóa nắp capô.

Nắp capô sẽ bật lên một chút.

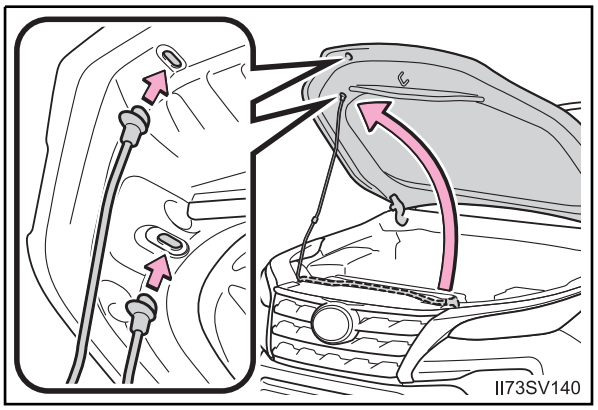


2 Đẩy lẫy khóa phụ của nắp capô lên và nâng nắp capô lên.



3 Giữ nắp capô ở vị trí mở bằng cách gài thanh chống vào khe gắn trên nắp capô.

Sử dụng các rãnh phía trên để mở nắp ca pô hoặc sử dụng các rãnh phía dưới khi nắp capô cần được mở rộng hơn.



⚠ CẢNH BÁO

n **Kiểm tra trước khi khởi hành**

Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng nắp capô đã được đóng chặt và khóa chắc chắn.
Nếu nắp capô chưa được khóa chắc chắn, nó có thể sẽ bị mở ra trong khi xe chạy và gây ra tai nạn, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi gài thanh chống vào rãnh**

Đảm bảo rằng thanh chống đã giữ nắp capô chắc chắn, không để nắp capô rơi vào đầu hoặc người bạn.

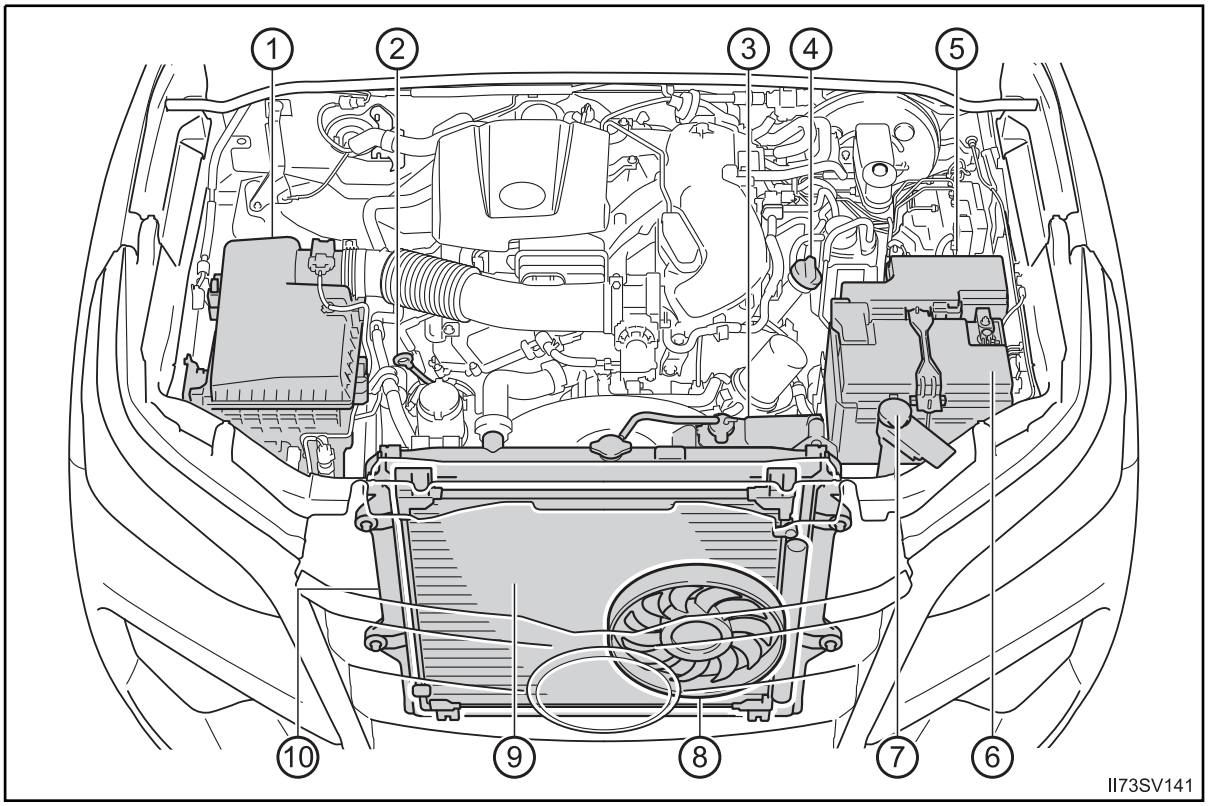
⚠ CHÚ Ý

n **Khi đóng nắp capô**

Hãy đảm bảo rằng bạn đã cố định thanh chống vào kẹp trước khi đóng nắp capô. Nếu bạn đóng nắp capô trong khi vẫn dựng thanh chống có thể sẽ làm cong nắp capô.

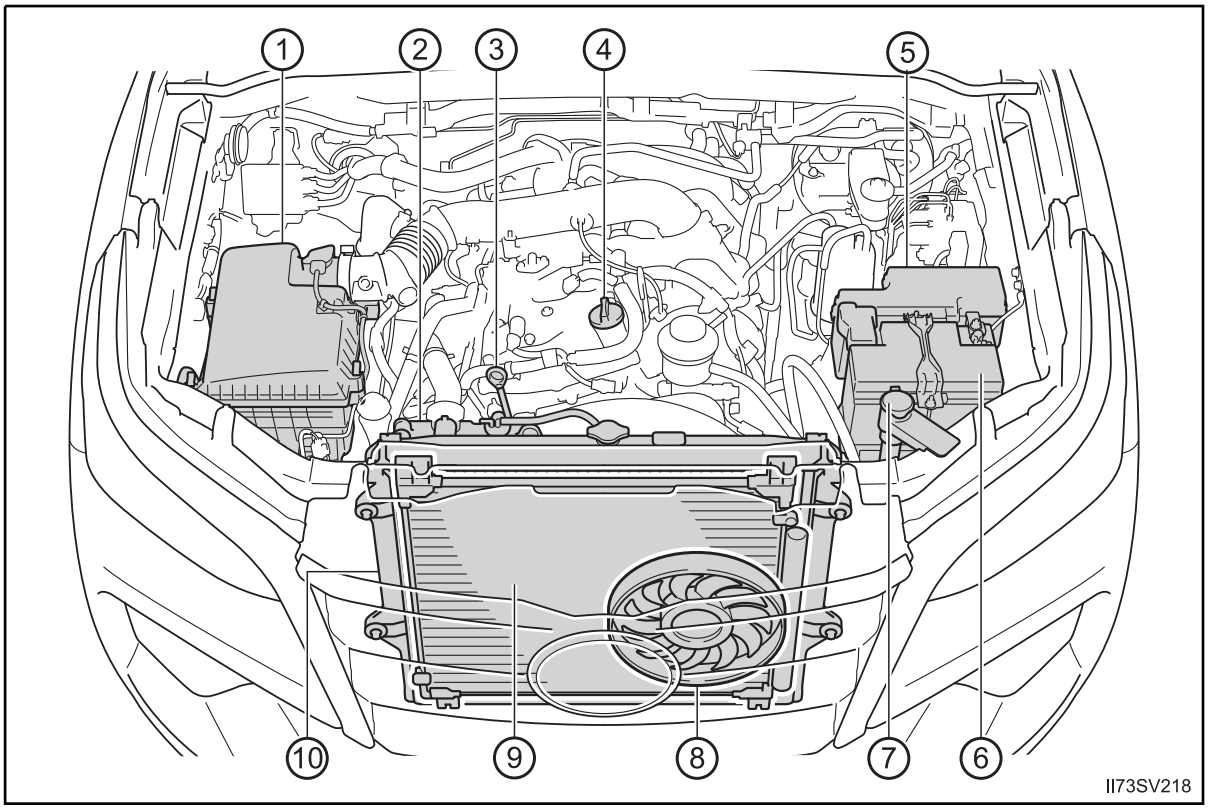
Khoang động cơ

▶ Động cơ 1GR-FE



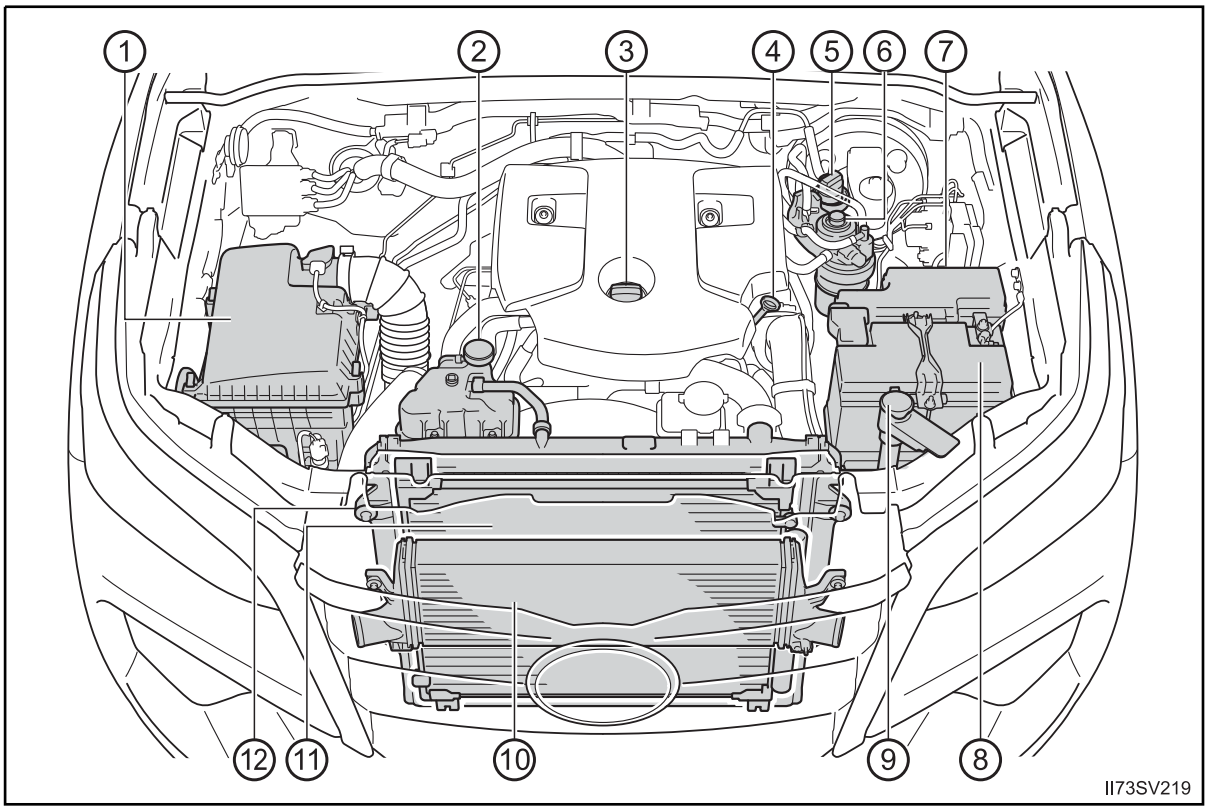
① Bộ lọc gió (→P. 527)
② Que thăm dầu động cơ (→P. 513)
③ Bình chứa nước làm mát động cơ (→P. 517)
④ Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P. 515)
⑤ Hộp cầu chì (→P. 557)
⑥ Ắc quy (→P. 520)
⑦ Bình chứa nước rửa kính (→P. 526)
⑧ Quạt làm mát (nếu có)
⑨ Giàn nóng điều hòa (→P. 519)
⑩ Két nước (→P. 519)

▶ Động cơ 2TR-FE



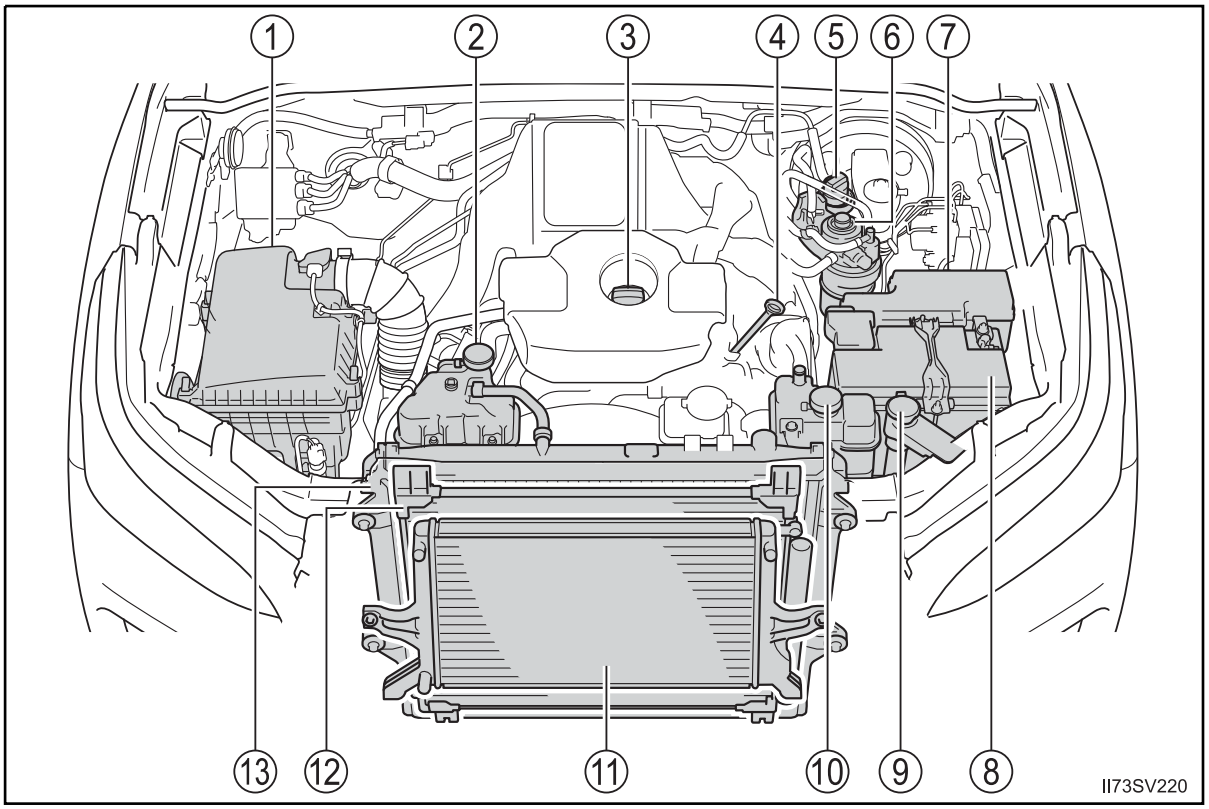
① Bộ lọc gió (→P. 527)
② Bình chứa nước làm mát động cơ (→P. 517)
③ Que thăm dầu động cơ (→P. 513)
④ Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P. 515)
⑤ Hộp cầu chì (→P. 557)
⑥ Ắc quy (→P. 520)
⑦ Bình chứa nước rửa kính (→P. 526)
⑧ Quạt làm mát (nếu có)
⑨ Giàn nóng điều hòa (→P. 519)
⑩ Két nước (→P. 519)

▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (xe không có bộ làm mát trung gian)



① Bộ lọc gió (→P. 527)
② Bình chứa nước làm mát động cơ (→P. 517)
③ Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P. 515)
④ Que thăm dầu động cơ (→P. 513)
⑤ Nắp bình nhiên liệu AdBlue™ (nếu có) (→P. 530)
⑥ Bộ lọc nhiên liệu (→P. 529, 636)
⑦ Hộp cầu chì (→P. 557)
⑧ Ắc quy (→P. 520)
⑨ Bình chứa nước rửa kính (→P. 526)
⑩ Bộ làm mát trung gian (→P. 519)
⑪ Giàn nóng điều hòa (→P. 519)
⑫ Két nước (→P. 519)

▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (xe có bộ làm mát trung gian)



① Bộ lọc gió (→P. 527)
② Bình chứa nước làm mát động cơ (→P. 517)
③ Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P. 515)
④ Que thăm dầu động cơ (→P. 513)
⑤ Nắp bình đựng dung dịch AdBlue™ (→P. 530)
⑥ Bộ lọc nhiên liệu (→P. 529, 636)
⑦ Hộp cầu chì (→P. 557)
⑧ Ắc quy (→P. 520)
⑨ Bình chứa nước rửa kính (→P. 526)
⑩ Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (→P. 518)
⑪ Két nước làm mát trung gian (→P. 519)
⑫ Giàn nóng điều hòa (→P. 519)
⑬ Két nước (→P. 519)

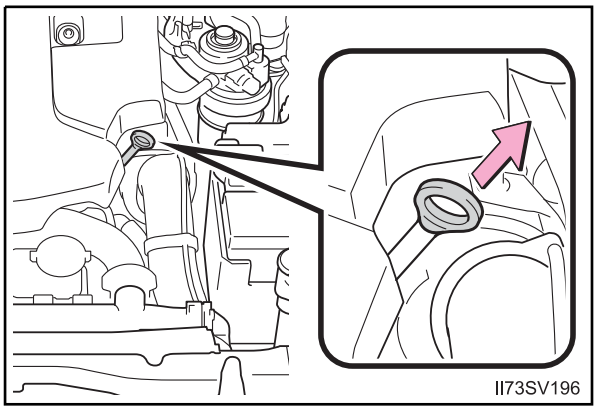
Kiểm tra dầu động cơ

Hâm nóng động cơ tới nhiệt độ làm việc rồi tắt máy, sau đó hãy sử dụng que thăm dầu để xác định mức dầu trong động cơ.

1 Đỗ xe trên một mặt nền phẳng. Sau khi hâm nóng động cơ và tắt máy, đợi khoảng hơn 5 phút để dầu chảy về đáy của động cơ.

2 Lau sạch cát và bụi bám trên que thăm dầu.

3 Đỡ giẻ ở phía dưới que thăm dầu và rút que thăm dầu ra.

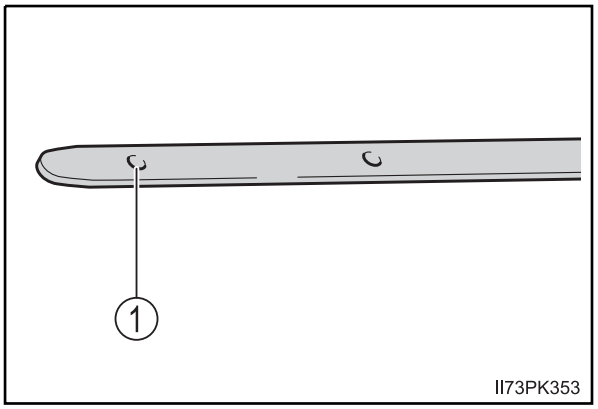


4 Lau sạch que thăm dầu.

Hãy đảm bảo rằng không có cát hoặc bụi dính trên gioăng chữ O và miệng ống dẫn hướng que thăm dầu.
Hãy thay mới gioăng chữ O nếu nó bị hỏng.

5 Cắm que thăm dầu xuống hết cỡ.

6 Hãy kê một miếng giẻ ở bên dưới, kéo que thăm dầu ra và kiểm tra xem mức dầu có nằm cao hơn dấu mức dầu thấp hay không.



① Dấu mức dầu thấp

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

7 Lau sạch rồi cắm hết cỡ que thăm dầu trở lại.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng nghiêm trọng động cơ**
Thường xuyên kiểm tra mức dầu động cơ theo đúng quy cách.

n Mức tiêu hao dầu động cơ

Dầu động cơ sẽ tiêu hao một lượng nhất định trong khi lái. Trong các trường hợp sau, mức tiêu hao dầu có thể tăng và cần phải bổ sung dầu động cơ giữa các kỳ bảo dưỡng dầu.

- Khi động cơ còn mới, chẳng hạn như sau khi mua xe hoặc sau khi thay động cơ
- Khi sử dụng dầu chất lượng thấp hoặc dầu có độ nhớt không phù hợp
- Khi lái xe với tốc độ động cơ cao hoặc trong điều kiện tải nặng, khi kéo rơ moóc (xe có móc kéo) hoặc lái xe trong khi tăng tốc hoặc giảm tốc thường xuyên
- Khi để động cơ chạy không tải trong một thời gian dài hoặc khi lái xe liên tục trong điều kiện đường đông

n Mức dầu động cơ tăng lên

Nếu thường xuyên lái xe trong điều kiện động cơ chưa được hâm nóng, hơi ẩm được gây ra do đọng sương bên trong động cơ hoặc nhiên liệu chưa cháy sẽ trộn vào dầu động cơ, dẫn đến mức dầu động cơ tăng lên.

Ví dụ, động cơ sẽ khó được hâm nóng trong các tình huống sau.

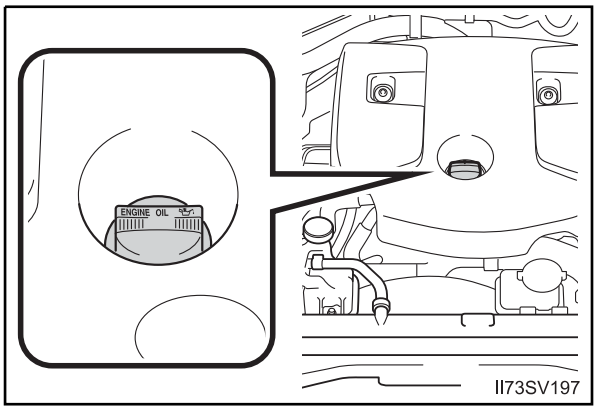
- Khi lái xe trên những quãng đường ngắn
- Khi lái xe ở tốc độ thấp
- Khi nhiệt độ bên ngoài thấp

Khi kiểm tra dầu động cơ, chắc chắn rằng động cơ đã được hâm nóng. Nếu mức dầu động cơ cao hơn dấu mức dầu cao, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Bổ sung dầu động cơ

n Bổ sung dầu động cơ

Nếu mức dầu động cơ thấp hơn hoặc gần chạm tới dấu mức dầu thấp, hãy bổ sung thêm dầu động cơ cùng loại với dầu đang được sử dụng.



Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết trước khi bổ sung dầu động cơ.

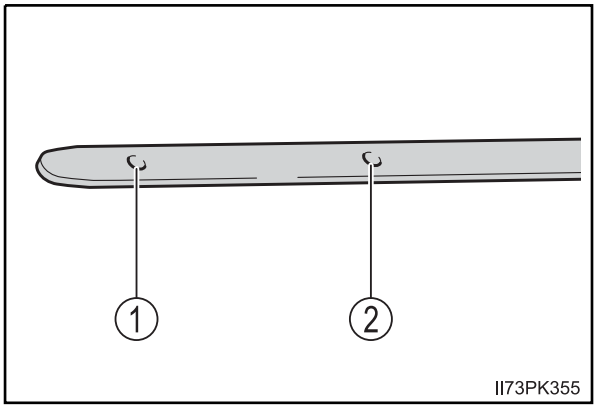
Chọn dầu động cơ	→P. 646
Lượng dầu (Dấu mức dầu thấp → Dấu mức giới hạn trên)	1.5 L
Các hạng mục	Phễu rót dầu sạch

1 Loại bỏ hết bụi bẩn ra khỏi nắp lỗ nạp dầu động cơ.

2 Tháo nắp lỗ đổ dầu động cơ bằng cách xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ.

3 Bổ sung dầu động cơ thật từ từ, kiểm tra que thăm dầu.

Đảm bảo rằng mức dầu không vượt quá dấu mức dầu cao và nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao.



① Dấu mức dầu thấp

② Dấu mức dầu cao

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

4 Lắp nắp lỗ nạp dầu bằng cách vặn nắp theo chiều kim đồng hồ.

⚠ CẢNH BÁO

n **Dầu động cơ đã qua sử dụng**

- Dầu động cơ đã qua sử dụng có chứa rất nhiều chất ô nhiễm rất độc hại, có thể gây bệnh viêm da hoặc ung thư da. Vì vậy cần phải chú ý tránh tiếp xúc lâu và liên tục với dầu động cơ. Hãy chú ý bảo vệ da bạn bằng cách rửa tay thật kỹ với xà phòng và nước.
- Hãy tiêu hủy dầu động cơ và lọc dầu tại nơi an toàn và theo cách thức phù hợp. Không được đổ dầu động cơ đã qua sử dụng và lọc dầu xuống rãnh thoát nước, xuống cống hoặc đổ ra đất. Hãy liên hệ với đại lý Toyota, trạm dịch vụ hoặc kho phụ tùng để có thêm thông tin liên quan tới việc tái chế hoặc tiêu hủy dầu động cơ.
- Không để dầu động cơ đã qua sử dụng trong tầm với của trẻ nhỏ.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi thay dầu động cơ**

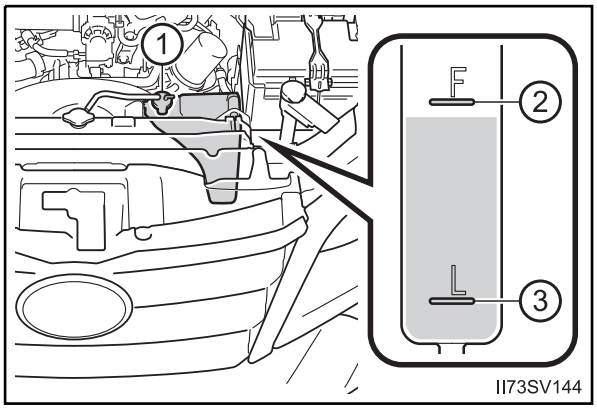
- Hãy thận trọng không để dầu động cơ tràn ra các thiết bị của xe.
- Tránh đổ dầu quá đầy nếu không động cơ có thể sẽ bị hỏng.
- Kiểm tra mức dầu động cơ bằng que thăm dầu mỗi khi bổ sung dầu cho xe.
- Đảm bảo rằng nắp lỗ đổ dầu đã được vặn chặt đúng cách.

Nước làm mát

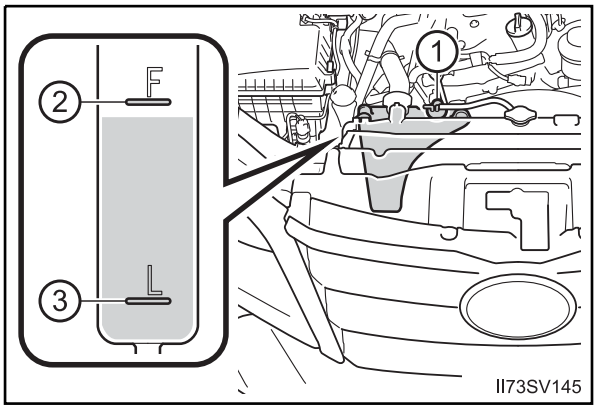
Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.

n Bình chứa nước làm mát động cơ

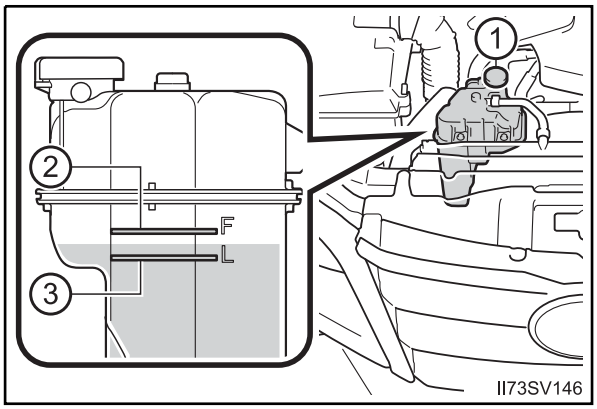
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV



① Nắp bình chứa nước làm mát

② Vạch "F"

③ Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F".
(→P. 632)

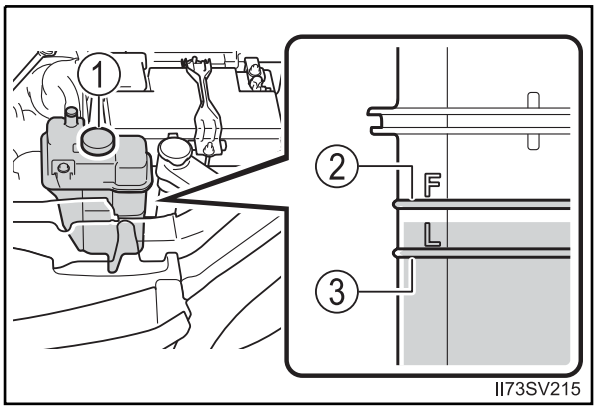
n Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có)

① Nắp bình chứa nước làm mát

② Vạch "F"

③ Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P. 632)



n Lựa chọn nước làm mát

Chỉ sử dụng "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axít hữu cơ tuổi thọ cao.

"Nước làm mát siêu bền của Toyota" là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. (Nhiệt độ tối thiểu: -35°C)°

Để biết thêm thông tin chi tiết về nước làm mát động cơ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Nếu mức nước làm mát bị hao hụt trong một thời gian ngắn sau khi đã được nạp đầy

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát két nước, ống dẫn, nắp két nước, bình chứa, nắp bộ làm mát trung gian (nếu có), nút xả và bơm nước. Nếu bạn không tìm thấy điểm rò rỉ, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra nắp két nước và kiểm tra rò rỉ trong hệ thống làm mát.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi động cơ đang nóng

Không được tháo nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa nước làm mát hoặc nắp bình chứa bộ làm mát trung gian (nếu có).
Nước làm mát có thể đang ở áp suất cao, nếu mở nắp két nước, nước nóng có thể sẽ phun ra gây ra bỏng hoặc những tổn thương khác.

CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát**

Nước làm mát không chỉ đơn giản là nước hoặc chất chống đóng băng. Việc sử dụng hỗn hợp phù hợp giữa nước và chất chống đóng băng sẽ cung cấp khả năng bôi trơn, chống ăn mòn và làm mát hiệu quả. Hãy đọc kỹ nhãn hiệu của nước làm mát hoặc chất chống đóng băng.

n **Nếu bạn làm tràn nước làm mát**

Hãy rửa sạch bằng nước để tránh làm hỏng các thiết bị hoặc lớp sơn xe.

n **Lưu ý về chất lượng của nước làm mát**

Không dùng sai loại nước làm mát. Nếu không, hệ thống làm mát động cơ có thể bị hỏng.

Két nước, giàn nóng điều hòa và két nước bộ làm mát trung gian/bộ làm mát trung gian (nếu có)

Kiểm tra két nước, giàn nóng và bộ làm mát trung gian/két nước của bộ làm mát trung gian và làm sạch các vật lạ bám trên chúng. Nếu một trong các chi tiết trên quá bẩn hoặc nếu bạn không rõ lắm về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không chạm vào két nước, giàn nóng điều hoà hoặc bộ làm mát trung gian/ chúng có thể đang nóng và có thể sẽ làm bạn bị bỏng.

Ắc quy

Hãy kiểm tra ắc quy như sau.

n Các ký hiệu cảnh báo

Ý nghĩa của các ký hiệu cảnh báo trên nắp ắc quy như sau:

	Không hút thuốc, không gây tia lửa điện, không bật lửa		Khí gây nổ
 hoặc 	Đeo kính bảo hộ	 hoặc 	Hướng dẫn khi thao tác
 hoặc 	Không để trẻ nhỏ tới gần	 hoặc 	Axít ắc quy
	Không bị ngắn mạch		Không bị hỏng điện cực

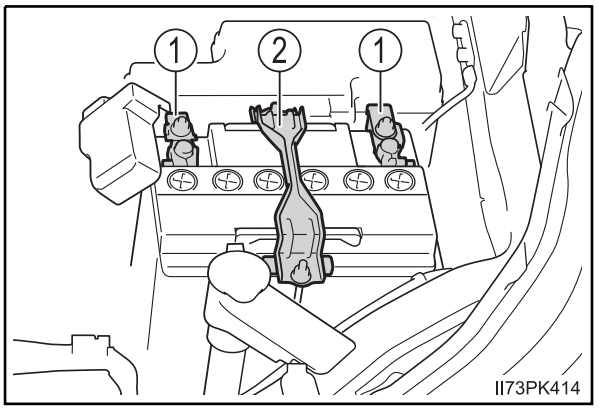
Thiết kế và số lượng các biểu tượng lưu ý có thể khác nhau tùy vào từng kiểu ắc quy. Kiểm tra ắc quy trên xe.

n Bên ngoài của ắc quy

Hãy chắc chắn rằng các cực của ắc quy không bị ăn mòn và các chỗ nối không bị lỏng, nứt hoặc lỏng kẹp.

① Các điện cực

② Kẹp giữ



n Kiểm tra tình trạng ắc quy (xe có chỉ báo ắc quy)

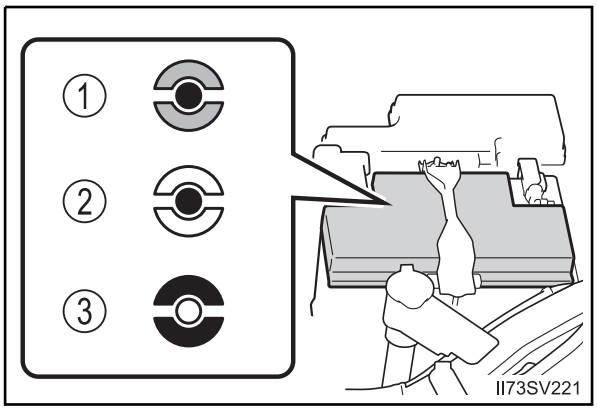
Kiểm tra tình trạng ắc quy theo màu của chỉ báo.

① Màu xanh da trời: Tình trạng tốt

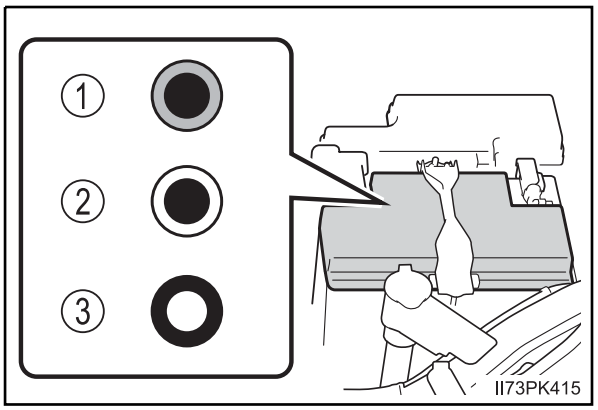
② Màu trắng: Nạp lại ắc quy. Yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

③ Đỏ: Không hoạt động chính xác. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra ắc quy giúp bạn.

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



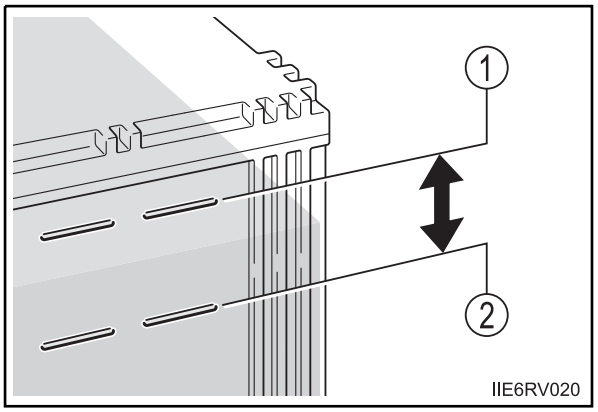
n Kiểm tra dung dịch ắc quy (xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng)

Nếu có các vạch chỉ báo ở phía bên của ắc quy:
Kiểm tra rằng mức dung dịch đang nằm giữa vạch cao và vạch thấp.

① Vạch cao

② Vạch thấp

Nếu mức dung dịch nằm dưới hoặc ngang bằng vạch thấp, hãy bổ sung thêm nước cất.

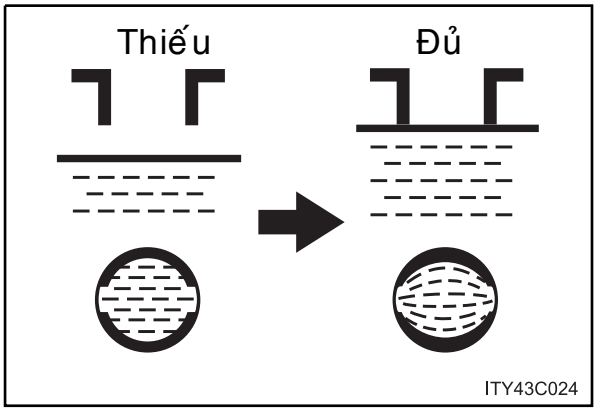


Nếu không có các vạch chỉ báo ở phía bên của ắc quy:
Hãy kiểm tra mức dung dịch ắc quy như sau.

1 Tháo nút thông hơi.

2 Hãy kiểm tra mức dung dịch ắc quy bằng cách nhìn trực tiếp vào các ngăn.

Nếu mức dung dịch ắc quy thấp, hãy bổ sung thêm nước cất.



3 Đậy lại nút thông hơi, đóng nó một cách chắc chắn.

n Bổ sung nước cất (xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng)

1 Tháo nút thông hơi.

2 Bổ sung nước cất.

3 Đậy lại nút thông hơi, đóng nó một cách chắc chắn.

n Trước khi nạp lại ắc quy

Khi nạp, ắc quy sẽ sinh ra khí hyđrô rất dễ bắt cháy và nổ. Do vậy, trước khi nạp lại, hãy tuân theo các lưu ý sau:

- Nếu tiến hành nạp khi ắc quy vẫn lắp ở trên xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã ngắt cáp âm ắc quy.
- Đảm bảo rằng công tắc nguồn của máy nạp ắc quy đã được tắt khi tháo hoặc nối cáp nạp vào ắc quy.

n Sau khi nạp/nối lại ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

▶ Xe có hộp số tự động

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.
- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY. Động cơ có thể không khởi động được với công tắc động cơ đang tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, công tắc động cơ sẽ trở về trạng thái hoạt động của nó trước khi tháo ắc quy. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy hết sức cẩn thận khi nối ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động được động cơ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

▶ Xe có hộp số thường

Động cơ có thể sẽ không khởi động được. Hãy tuân theo các quy trình sau để khởi tạo cho hệ thống.

1 Nhấn bàn đạp phanh với cần số đang ở vị trí N.

2 Mở và đóng một cửa bất kỳ.

3 Khởi động lại động cơ.

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.
- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY. Động cơ có thể không khởi động được với công tắc động cơ đang tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, công tắc động cơ sẽ trở về trạng thái hoạt động của nó trước khi tháo ắc quy. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy hết sức cẩn thận khi nối ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động được động cơ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Nếu biểu tượng ắc quy xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hệ thống nạp điện của xe đang bị trục trặc.
Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các hóa chất có trong ắc quy**

Ắc quy có chứa axit sunfuric rất độc hại và có khả năng ăn mòn rất mạnh và ắc quy có thể sinh ra khí hyđrô rất dễ cháy và nổ. Để giảm nguy cơ bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, hãy tuân theo các chú ý sau khi ở gần hoặc làm việc với ắc quy:

- Không để các dụng cụ chạm vào các điện cực ắc quy làm sinh ra tia lửa điện.
- Không được hút thuốc hoặc bật diêm gần ắc quy.
- Tránh để dung dịch axit bắn vào mắt, da hoặc quần áo.
- Không hít hay nuốt dung dịch điện phân.
- Luôn đeo kính bảo hộ lao động khi làm việc gần ắc quy.
- Không để trẻ em tới gần ắc quy.

n **Địa điểm an toàn để nạp ắc quy**

Hãy nạp ắc quy tại một địa điểm thông thoáng. Không nạp ắc quy trong nhà để xe hoặc phòng kín không đủ thông thoáng.

n **Cách nạp điện cho ắc quy (xe có ắc quy kiểu không cần bảo dưỡng)**

Chỉ tiến hành nạp chậm (cường độ dòng nạp từ 5 A trở xuống). Nếu nạp quá nhanh, ắc quy có thể bị nổ.

n **Các biện pháp khẩn cấp liên quan tới dung dịch điện phân của ắc quy**

- Nếu dung dịch điện phân bắn vào mắt bạn
  Hãy rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút và đi kiểm tra y tế ngay lập tức. Nếu có thể, bạn hãy liên tục dấp nước vào mắt bằng một miếng gạc hoặc tấm vải khi đang trên đường đến cơ sở y tế gần nhất.
- Nếu dung dịch điện phân bắn vào da bạn
  Hãy rửa kỹ phần da bị dính axit. Nếu cảm thấy đau hoặc bỏng rát, hãy đi khám ngay.
- Nếu dung dịch điện phân bắn vào quần áo bạn
  Dung dịch điện phân có thể sẽ ngấm qua quần áo vào tới da bạn. Hãy cởi ngay quần áo ra và hãy làm theo các bước trên nếu cần thiết.
- Nếu bạn vô tình nuốt phải dung dịch điện phân
  Hãy uống thật nhiều nước hoặc sữa. Hãy đi bác sĩ khám ngay lập tức.
- Khi thiếu dung dịch ắc quy
  Không sử dụng ắc quy khi dung dịch ắc quy đang bị cạn. Nếu không ắc quy có thể sẽ bị nổ.

n **Khi tháo ắc quy**

Không tháo cực âm (-) ra khỏi xe. Nếu tháo cực âm (-) ra thì nó có thể chạm vào cực dương (+), có thể dẫn đến ngắn mạch và gây ra tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi nạp lại ắc quy**

Không được nạp ắc quy khi động cơ đang làm việc. Đồng thời, phải đảm bảo tắt hết tất cả các trang bị phụ trên xe.

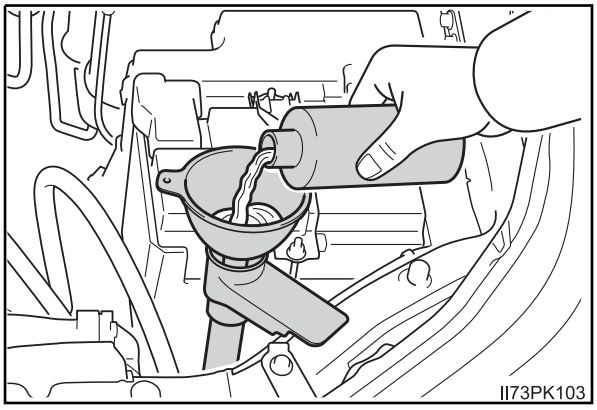
n **Khi bổ sung nước cất (xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng)**

Tránh đổ quá đầy nước cất. Nước tràn ra trong quá trình nạp ắc quy có thể gây ăn mòn xe.

Nước rửa kính

Hãy bổ sung nước rửa kính trong các trường hợp sau:

- Bộ phun nước rửa kính không làm việc
- Thông điệp cảnh báo hiển thị trên màn hình đa thông tin (nếu có).



CẢNH BÁO

n **Khi bổ sung thêm nước rửa kính**

Không bổ sung nước rửa kính khi động cơ đang nóng hoặc đang nổ máy, do nước rửa kính có chứa cồn và có thể sẽ bắt lửa nếu như nó bị tràn ra động cơ.

CHÚ Ý

n **Không sử dụng dung dịch nào khác ngoài nước rửa kính**

Không sử dụng nước xà phòng hoặc dung dịch chống đóng băng của nước làm mát động cơ để làm nước rửa kính.
Nếu không bề mặt sơn xe bị hằn thành các vạch cũng như hỏng bơm, dẫn đến nước rửa kính không phun lên được.

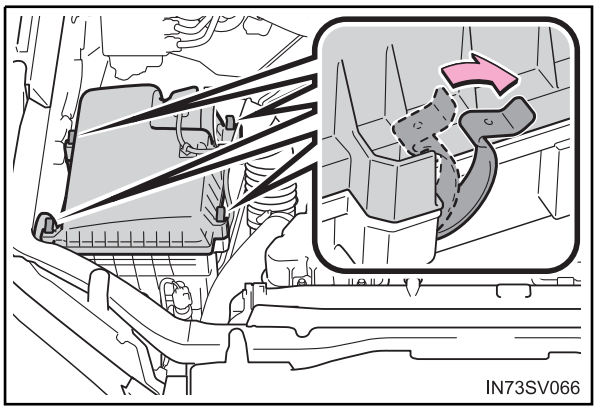
n **Dung dịch nước rửa kính**

Hãy pha loãng nước rửa kính với một lượng nước cần thiết.
Hãy tham khảo nhiệt độ đóng băng được in trên chai đựng nước rửa kính.

Bộ lọc gió

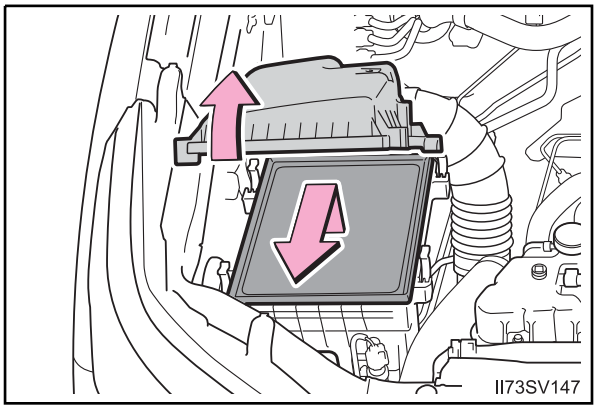
Hãy kiểm tra bộ lọc gió như sau:

1 Nhả 4 kẹp.

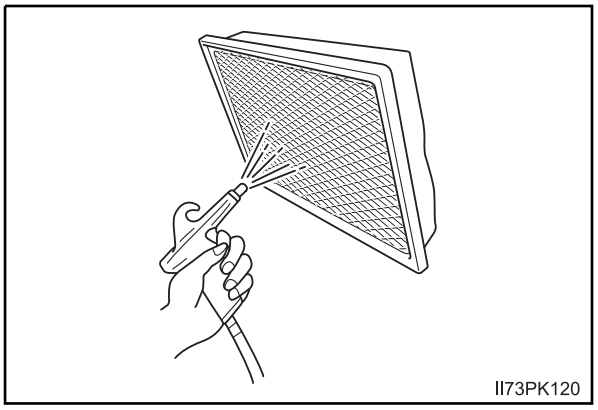


2 Nhấc nắp của bộ lọc gió lên và lấy bộ lọc ra.

Kiểm tra bề mặt ngoài của bộ lọc, và thay thế phin lọc nếu như nó quá bẩn.



3 Nếu lọc gió chỉ hơi bẩn một chút, hãy thổi sạch bụi bẩn ra khỏi lọc gió từ phía mặt trên của bộ lọc bằng khí nén.



⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh hít phải bụi**

Hãy đeo khẩu trang khi sử dụng khí nén để thổi bụi trên bộ lọc gió.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng động cơ**

Không được lái xe với bộ lọc gió đã bị tháo ra. Nếu không, có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn quá mức.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống điều hòa**

Không vệ sinh lọc gió bằng nước.

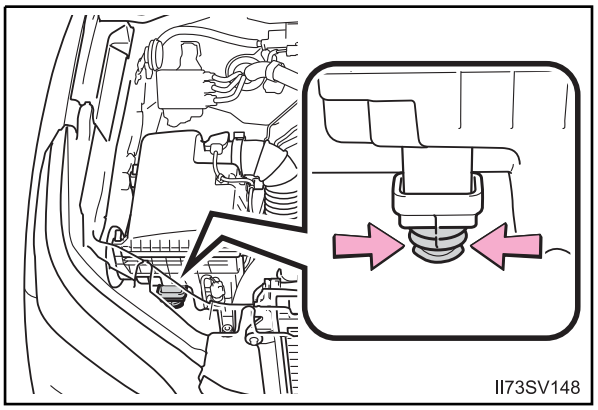
n **Khi đóng nắp capô**

Hãy lắp lại nắp che lọc gió một cách chắc chắn trước khi đóng nắp ca pô. Nếu không nắp ca pô có thể sẽ vướng vào nắp của bộ lọc gió và làm hỏng nắp của bộ lọc gió.

Van xả bụi (trừ động cơ 2TR-FE)

Hãy bóp đầu cao su để xả hết bụi bẩn ra khỏi van xả bụi nếu nó đã bị bẩn.

Tùy thuộc vào từng loại động cơ mà hình dạng của van này có thể sẽ không giống như trên hình minh họa.



⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng động cơ**

Không khởi động động cơ khi đã tháo van xả bụi ra. Nếu không, có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn quá mức.

Bộ lọc nhiên liệu (chỉ với động cơ diesel)

Bạn có thể tự xả nước trong bộ lọc nhiên liệu. Tuy nhiên, vì việc này rất khó, chúng tôi khuyến nghị hãy yêu cầu đại lý Toyota xả nước trong bộ lọc nhiên liệu giúp bạn. Ngay cả khi bạn quyết định sẽ tự xả nước, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

Bạn sẽ phải tiến hành xả nước trong bộ lọc nhiên liệu khi thông báo "WATER ACCUMULATION IN FUEL FILTER SEE OWNER'S MANUAL"/"Water accumulation in fuel filter See owner's manual" xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo kêu.

1 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Tắt công tắc động cơ.

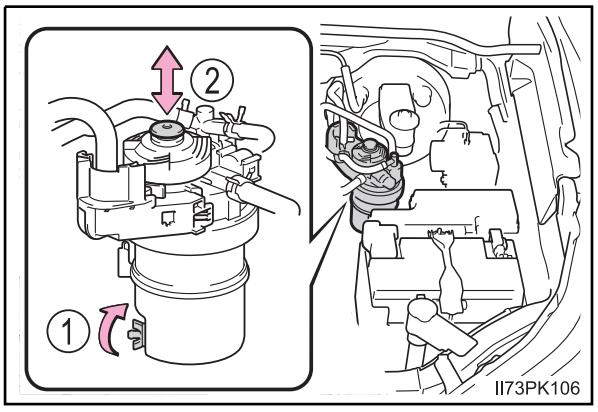
2 Hãy để một khay đựng nhỏ ở dưới nút xả hoặc ống xả nước để hứng nước xả ra.

3 Tiến hành xả nước như trong hình vẽ.

① Vặn nút xả nước ngược chiều kim đồng hồ từ 2 đến 2.5 vòng.

Nếu nới lỏng nút xả quá mức sẽ làm cho nước bị trào ra xung quanh nút xả.

② Tiến hành bơm mồi cho tới khi nhiên liệu bắt đầu chảy ra.



4 Sau khi xả, hãy dùng tay vặn lại nút xả nước.

AdBlue™ (nếu có)

AdBlue™ được sử dụng để làm giảm lượng khí NOx (nitơ ôxít) có trong khí xả. Hãy tuân thủ theo những chú ý sau liên quan tới dung dịch AdBlue™.

- Dung dịch AdBlue™ sẽ bị tiêu hao dần trong quá trình lái xe.
- Khi AdBlue™ bị hết, động cơ không thể khởi động lại được.
- Khi cần nạp dung dịch AdBlue™, hãy yêu cầu đại lý Toyota nạp giúp bạn.

Có thể phạm pháp khi sử dụng xe mà không sử dụng bất kỳ chất phụ gia theo yêu cầu để giảm nồng độ khí thải.

n Quãng đường xe có thể chạy được

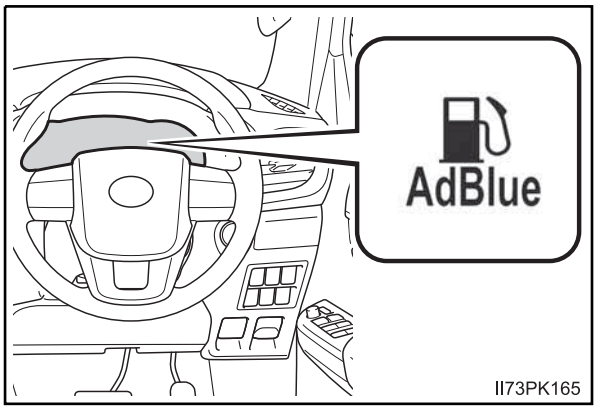
Lượng dung dịch AdBlue™ tiêu thụ trong khi lái xe sẽ phụ thuộc vào điều kiện lái xe và môi trường lái xe. Khi mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ tăng lên, quãng đường xe có thể đi được cho đến khi cần phải bổ sung dung dịch AdBlue™ sẽ giảm xuống.

Quãng đường xe có thể chạy được		
Ngắn*1 ⟷ Dài		
[Lái xe với mức tải lớn] • Khi xe bạn đang ké rơ moóc (xe có móc kéo) • Khi đạp mạnh bàn đạp ga • Khi lái xe trên những con dốc dài • Khi hệ thống DPF đang hoạt động	[Lái bình thường]*2	[Lái xe với mức tải nhỏ] • Khi lái xe trên những quãng đường ngắn • Khi tắc đường

*1: Khi xe được sử dụng ở độ cao lớn và nhiệt độ thấp, mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ sẽ tăng lên.

*2: Trong điều kiện lái xe bình thường, mỗi 900 km sử dụng hết 1.0 L dung dịch AdBlue™. Tương tự, sau khi đổ đầy, xe có thể chạy được khoảng 9,000 km, thì hết lượng dung dịch AdBlue™.

n Đèn cảnh báo AdBlue™ và thông điệp cảnh báo



Khi mức dung dịch AdBlue™ thấp, đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp sẽ sáng lên và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (→P. 532)

Khi quãng đường xe có thể chạy được dựa trên số dung dịch AdBlue™ còn lại vào khoảng 2,400 km, đèn cảnh báo mức AdBlue™ thấp sẽ sáng và một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi bạn tự bổ sung dung dịch AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp, hãy đảm bảo tuân thủ theo quy trình bổ sung tiêu chuẩn. (→P. 533)

n Thông điệp cảnh báo

Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy tuân theo các hướng dẫn để xử lý.

Thông điệp cảnh báo	Chi tiết/Hành động
"Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue Ở 2400 km Tham khảo Hướng dẫn sử dụng"*1	**Khi cần nạp AdBlue™** →**Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.**
"AdBlue level Low No start in 800 km Top up AdBlue See Owner's Manual"*1, 2	**Khi cần nạp AdBlue™** **Nếu vượt quá quãng đường hiển thị, thì động cơ không thể khởi động lại được.** →**Xe nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota ngay lập tức.**
"AdBlue empty Unable to Restart Engine Fill up AdBlue See Owner's Manual"*2	**Khi cần nạp AdBlue™** →**Nếu động cơ bị tắt, không thể khởi động lại được.** **Không tắt động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn ngay lập tức và yêu cầu nạp đầy dung dịch AdBlue™.**

*1: Chỉ số quãng đường có thể đi được chỉ có tính chất tham khảo. Chỉ số quãng đường có thể đi được có thể sẽ khác với thực tế tùy thuộc vào phương pháp nạp dung dịch, các điều kiện lái xe và môi trường lái xe. (→P. 530)

*2: Đèn cảnh báo chính sáng và chuông cảnh báo sẽ kêu tương ứng với thông điệp cảnh báo.

n Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Lượng AdBlue™ còn lại trong bình được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P. 113)

⚠ CHÚ Ý

n Khi mức AdBlue™ thấp

Khi dung dịch AdBlue™ cạn, động cơ sẽ không khởi động lại được. Hãy chắc chắn đã nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota trước khi dung dịch cạn hoàn toàn.

n Nạp AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp

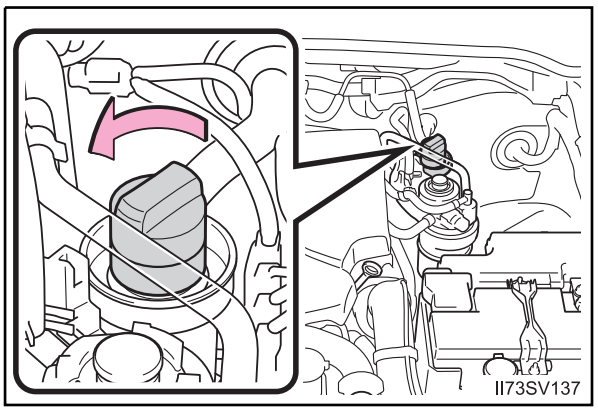
Khi không thể khởi động lại được động cơ do bị hết dung dịch AdBlue™, hãy bổ sung từ khoảng 5.0 L dung dịch AdBlue™ trở lên sẽ cho phép khởi động lại động cơ.

Thực hiện các quy trình sau để bổ sung dung dịch AdBlue™. (Bình chứa dung dịch AdBlue™ có dung tích 10.1 L.)

▶ Nạp vào bằng thiết bị nạp

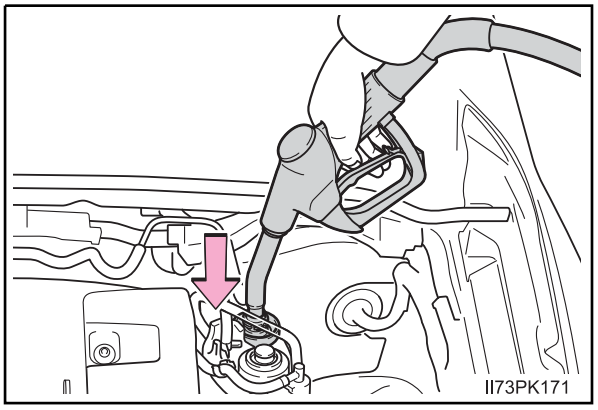
1 Đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ, và mở nắp capô. (→P. 507)

2 Mở nắp bình AdBlue™.



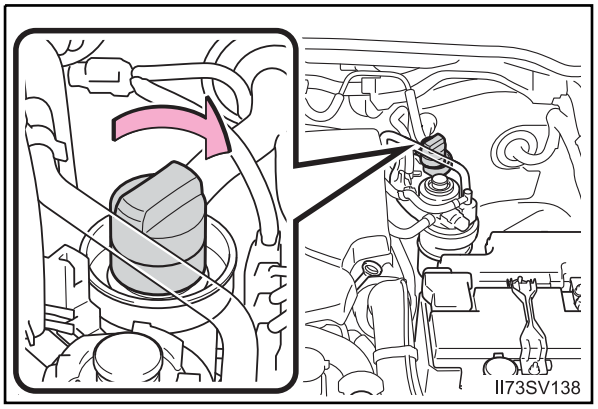
3 Cắm vòi và nạp AdBlue™.

Hãy nạp từ từ dung dịch AdBlue™ để không bị tràn ra ngoài.



4 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



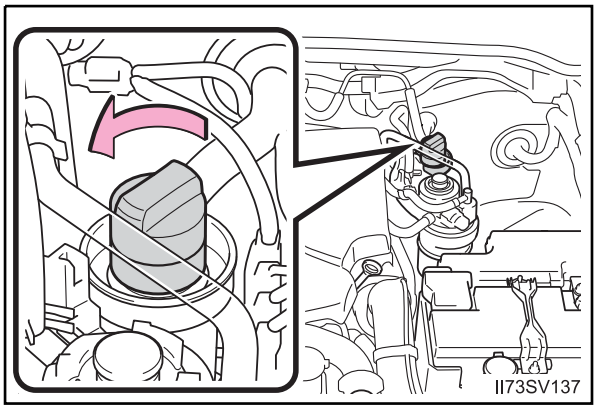
5 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.

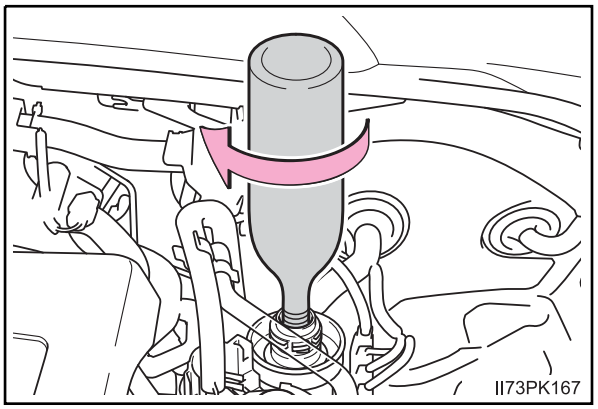
▶ Nạp dung dịch bằng chai

1 Đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ, và mở nắp capô. (→P. 507)

2 Mở nắp bình AdBlue™.

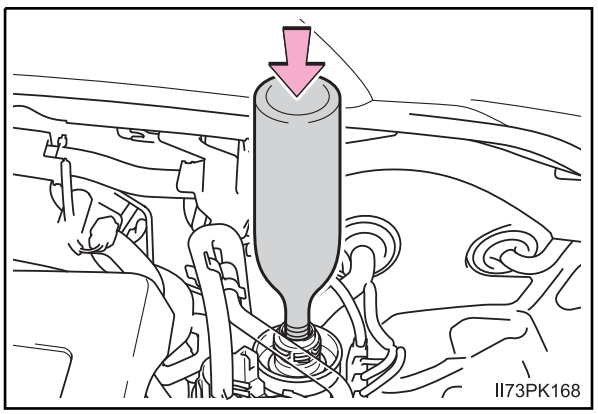


3 Cho chai AdBlue™ và xiết chặt chai hoàn toàn.



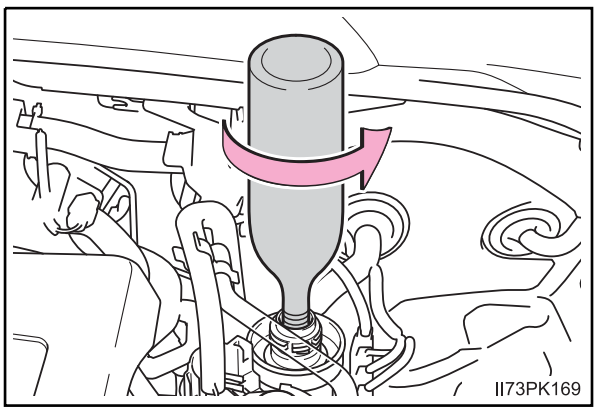
4 Ấn chai xuống

AdBlue™ sẽ bắt đầu được nạp vào. Nạp AdBlue™ một cách chậm rãi để đảm bảo nó không tràn ra ngoài. Không được tháo chai trước khi nó hết hoàn toàn.



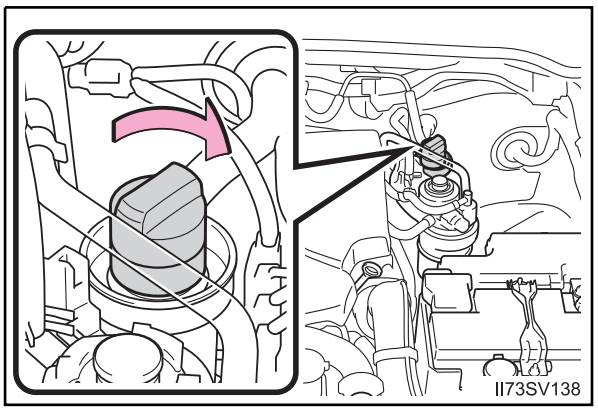
5 Xác nhận rằng không còn AdBlue™ trong chai, và tháo nó ra.

Lặp lại các bước từ 3 đến 5 cho đến khi đổ dung dịch AdBlue™ đạt mức xấp xỉ từ 5.0 L trở lên.



6 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



7 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Cách nạp có thể hơi khác so với hình ảnh minh họa.

Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.

---

n **Nạp dung dịch AdBlue™**

- Sử dụng dung dịch AdBlue™ (đáp ứng tiêu chuẩn ISO 22241-1). AdBlue™ là nhãn hiệu của liên hiệp công nghiệp ôtô Đức (VDA).
- Trước chạy xe trong một thời gian dài mà ở khu vực đó không thể nạp AdBlue™, hãy xin tư vấn Đại lý của Toyota.

n **Khi nạp AdBlue™**

Sau khi nạp AdBlue™, động cơ có thể cần thời gian khởi động hơn vài giây so với khi bình thường.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi nạp AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau.
Nếu không, nó có thể sẽ làm hỏng các phụ tùng xe, lớp sơn xe...

- Không được sử dụng dung dịch urê nào khác ngoài AdBlue™.
- Nếu chất AdBlue™ dính vào bất kỳ lớp sơn nào trên xe, ngay lập tức rửa sạch bằng nước và lau khô.
- Nếu dung dịch AdBlue™ bị đổ ra khoang động cơ, ngay lập tức lau sạch nó bằng khăn ướt.

n **Khi nạp chất AdBlue™ với thiết bị nạp chuyên dụng**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau đây để tránh làm cho dung dịch AdBlue™ bị tràn ra khỏi bình đựng dung dịch AdBlue™:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm vào trong lỗ nạp AdBlue™.
- Hãy ngừng nạp dung dịch sau khi vòi tự động ngắt.
- Không bơm đầy tới miệng bình AdBlue™.

n **Khi cất các bình chứa AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau.
Nếu không, nó sẽ làm hỏng các phụ tùng, lớp sơn xe... và làm thay đổi thành phần hóa học của dung dịch AdBlue™, có thể gây ra các mùi khó chịu.

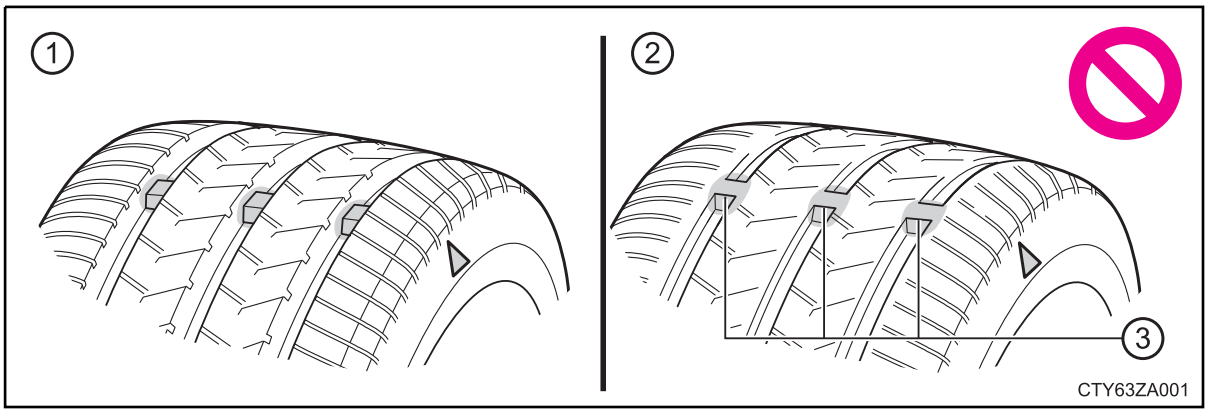
- Không được để chai AdBlue™ ở trong xe.
- Hãy bắt chặt nắp chai AdBlue™ và để nó ở vị trí mát, khô, thoáng khí, không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Lốp xe

Hãy thay thế hoặc đảo lốp theo lịch bảo dưỡng và theo độ mòn của lốp xe.

Kiểm tra lốp xe

Hãy kiểm tra bề mặt của lốp xem có các vạch báo mòn lốp xe hay không. Hãy kiểm tra các lốp có mòn đều không, ví dụ lốp bị mòn nghiêm trọng ở một bên lốp.
Hãy kiểm tra tình trạng của lốp dự phòng và áp suất lốp nếu chưa đảo lốp.



① Hoa lốp mới

② Hoa lốp mòn

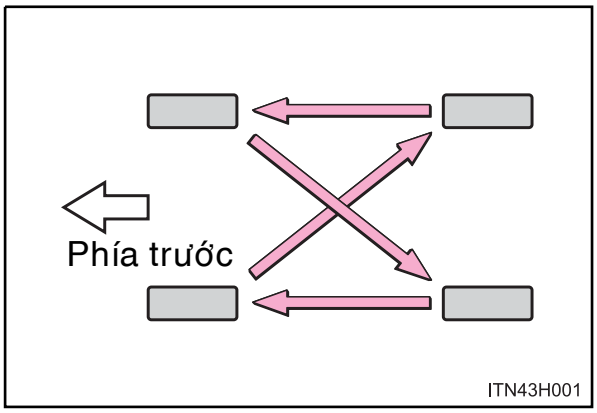
③ Vạch báo mòn lốp xe

Vị trí của vạch báo mòn lốp xe được chỉ ra bởi ký hiệu "TWI" hoặc dấu "Δ"... được đúc trên thành bên của lốp.
Hãy thay lốp nếu vạch báo mòn lốp xuất hiện trên lốp.

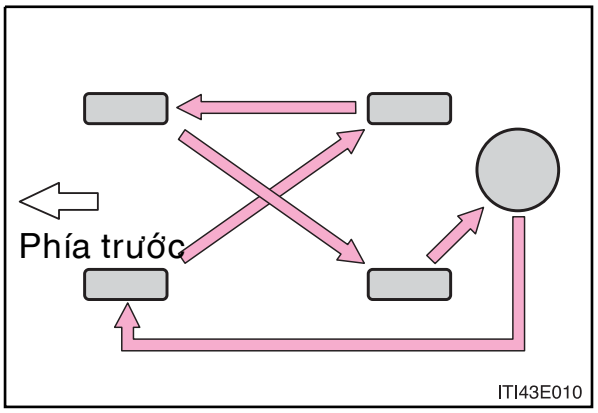
Đảo lốp

Hãy đảo lốp theo thứ tự như trên hình vẽ.

▶ Xe có lốp dự phòng khác loại với các lốp dùng trên xe



▶ Xe có lốp dự phòng cùng loại với các lốp dùng trên xe



Để các lốp được mòn đều và giúp kéo dài tuổi thọ của lốp, chúng tôi khuyên bạn nên đảo lốp sau mỗi 10,000 km.

Sau khi đảo lốp, hãy tiến hành khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (các xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp, hệ thống này sử dụng các van cảm biến để phát hiện tình trạng áp suất lốp thấp trước khi có vấn đề phát sinh.

Nếu áp suất lốp thấp hơn mức định trước, đèn cảnh báo sẽ cảnh báo người lái. (→P. 596)

u Lắp van cảm biến áp suất lốp

Khi thay mới vành xe hoặc lốp xe, cần phải lắp van cảm biến.

Khi lắp van cảm biến áp suất lốp mới, sẽ phải tiến hành đăng ký mã ID mới với ECU cảnh báo áp suất lốp và hệ thống cảnh báo áp suất lốp cần được khởi tạo. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID của van cảm biến áp suất lốp giúp bạn. (→P. 541)

u Khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ cần được khởi tạo trong các trường hợp sau:**

- Khi áp suất lốp thay đổi, như khi thay tốc độ hành trình hoặc tải trọng.
- Khi cần thay đổi áp suất lốp như khi thay đổi kích cỡ lốp.
- Khi đảo lốp.

Khi khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp, áp suất lốp hiện tại sẽ được đặt làm mức áp suất tiêu chuẩn.

n Cách khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp

1 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy đỗ xe ở vị trí an toàn và chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy đỗ xe ở vị trí an toàn và tắt công tắc động cơ.

Sẽ không thể thực hiện được quy trình khởi tạo khi xe đang chạy.

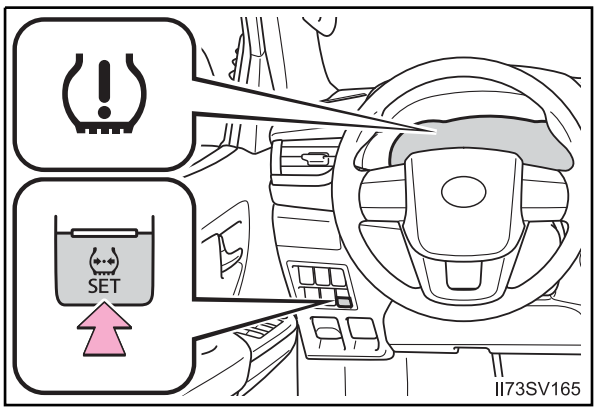
2 Điều chỉnh áp suất lốp về mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi nguội. (→P. 663)

Hãy đảm bảo việc điều chỉnh áp suất lốp đến mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi lốp nguội. Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ hoạt động dựa trên mức áp suất này.

3 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Bật công tắc động cơ lên vị trí "ON".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON.

4 Hãy ấn và giữ vào công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp cho đến khi đèn cảnh báo áp suất lốp nháy chậm 3 lần.



5 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy đợi khoảng vài phút với công tắc động cơ ở vị trí "ON" sau đó chuyển công tắc động cơ về vị trí "ACC" hoặc "LOCK".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy đợi khoảng vài phút với công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON, sau đó tắt công tắc động cơ.

U Đăng ký mã ID

Van cảm biến áp suất lốp được cung cấp một mã ID riêng. Khi thay van cảm biến áp suất lốp, bạn cần đăng ký mã ID. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID giúp bạn.

n Thời điểm thay lốp

Nên thay lốp khi:

- Vạch báo mòn lốp xe xuất hiện trên lốp.
- Lốp xe đã bị hư hỏng như bị rách, rạn, nứt sâu tới mức làm lộ lớp gân vải hoặc lớp bị phồng lên cho thấy đã có hư hỏng bên trong lốp
- Lốp thường xuyên bị hết hơi hoặc không thể sửa chữa triệt để được do kích thước hay vị trí của vết cắt hoặc các hư hỏng khác

Nếu bạn không chắc chắn lắm, hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.

n Thay vành và lốp xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Nếu mã ID của van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký, hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác. Sau khi lái xe khoảng 10 phút, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy khoảng 1 phút, sau đó sẽ sáng lên để thông báo lỗi trong hệ thống.

n Tuổi thọ của lốp

Bạn nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra các lốp xe đã sản xuất trên 6 năm, kể cả khi chúng ít khi hoặc chưa được dùng tới, cũng như chưa thấy có hư hỏng gì cả.

n Kiểm tra áp suất lốp hàng ngày (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không thay thế cho việc kiểm tra áp suất lốp hàng ngày. Hãy xem việc kiểm tra áp suất lốp như là một phần của công việc kiểm tra xe hàng ngày.

n Khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Khởi tạo cho hệ thống với áp suất lốp được điều chỉnh đến mức tiêu chuẩn.

n Nếu chiều cao hoa lốp của lốp đi tuyết chỉ còn 4mm trở xuống

Hiệu quả đi tuyết của lốp sẽ bị mất.

n Nếu bạn vô tình ấn nút đặt lại cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Nếu quá trình khởi tạo được thực hiện, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến ngưỡng tiêu chuẩn và khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác trong trường hợp sau (Xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

l Trong các trường hợp sau, hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.

- Khi sử dụng vành xe không chính hiệu của Toyota.
- Khi lốp được thay không phải lốp OE (lốp được trang bị ban đầu của xe).
- Khi lốp được thay thế không có kích cỡ như tiêu chuẩn.
- Trang bị xích quấn lốp…
- Khi lắp lớp cách nhiệt lên kính có thể làm ảnh hưởng đến tín hiệu sóng radiô.
- Khi có nhiều tuyết hoặc băng đọng trên xe, đặc biệt là phần xung quanh bánh xe hoặc hốc bánh xe.
- Khi áp suất lốp quá cao so với tiêu chuẩn.
- Khi các lốp không được trang bị van cảm biến áp suất lốp.
- Khi mã ID trên van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký trên ECU cảnh báo áp suất lốp.
- Khi bánh xe dự phòng được đặt ở vị trí làm việc nhận tín hiệu thu sóng radiô kém.
- Khi có vật thể bằng kim loại lớn được đặt gần bánh xe dự phòng sẽ làm nhiễu sóng.

l Một số tính năng có thể bị ảnh hưởng trong các trường hợp sau.

- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo radiô di động, điện thoại di động, điện thoại không dây hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác

l Khi đỗ xe, thời gian để bật hoặc tắt cảnh báo có thể sẽ bị kéo dài.

l Khi áp suất lốp giảm đi nhanh chóng, chẳng hạn như khi bị nổ lốp, thì chức năng cảnh báo sẽ không hoạt động chính xác.

n Hoạt động khởi tạo (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

- Hãy tiến hành khởi tạo sau khi điều chỉnh áp suất lốp.
  Hãy đảm bảo lốp xe đang nguội trước khi tiến hành khởi tạo hoặc điều chỉnh áp suất lốp.
- Nếu bạn vô tình tắt công tắc động cơ về vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) trong khi khởi tạo, thì không cần thiết phải ấn lại nút đặt lại do quy trình khởi tạo sẽ tự động được khởi động lại khi bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ tới chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) lần tiếp theo.
- Nếu bạn vô tình ấn vào công tắc đặt lại khi khởi tạo là không cần thiết, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn khi lốp đã nguội và tiến hành khởi tạo một lần nữa.

n Khi khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp không thành công (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Quá trình khởi tạo có thể hoàn thành trong ít phút. Tuy nhiên, trong các trường hợp sau, các cài đặt có thể không được ghi lại và hệ thống sẽ không hoạt động chính xác. Nếu bạn đã cố lưu lại các cài đặt hệ thống áp suất lốp nhiều lần nhưng chưa thành công, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Khi điều chỉnh công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không nháy 3 lần.
- Sau khi lái xe một lúc từ khi hoàn thành quy trình khởi tạo, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng liên tục sau khi nháy khoảng 1 phút.

n Hoạt động cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ thay đổi theo như các điều kiện khi tiến hành khởi tạo. Hệ thống có thể sẽ cảnh báo ngay cả khi áp suất lốp vẫn chưa xuống thấp, hoặc khi áp suất lốp cao hơn mức áp suất lốp khi tiến hành khởi tạo cho hệ thống.

n Đăng ký các mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp*)

Có thể đăng ký được các mã ID của van cảm biến áp suất lốp cho 2 bộ bánh.

Bạn không cần đăng ký mã ID khi thay lốp thường bằng lốp đi tuyết, nếu mã ID cho lốp thường và lốp đi tuyết đã được đăng ký trước đó.

Để biết thêm thông tin về việc thay đổi các mã ID, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

*: Xe có mã kiểu xe là chữ W (Hãy xem mục “Kiểm tra kiểu xe của bạn” nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. [→P. 13])

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra hoặc thay lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn.
Nếu không có thể gây hư hỏng cho các chi tiết của hệ thống truyền lực, cũng như các đặc tính sử dụng, dẫn đến nguy hiểm, có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không sử dụng lẫn các lốp có nhãn hiệu, chủng loại, kiểu và dạng hoa lốp khác nhau.
  Ngoài ra, không dùng lẫn các lốp có độ mòn khác nhau quá nhiều.
- Không được sử dụng các lốp có kích cỡ khác với yêu cầu của Toyota.
- Không sử dụng lẫn các lốp có kết cấu khác nhau (bố ngang, bố chéo hay bố dọc).
- Không được sử dụng lẫn giữa các lốp đi trong mùa hè, lốp đi tuyết hoặc lốp sử dụng cho tất cả các mùa.
- Không sử dụng lại các lốp đã được dùng trên xe khác.
  Không sử dụng lại các lốp mà bạn không biết nó đã từng được sử dụng như thế nào.

n **Khi khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Không ấn công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp mà không điều chỉnh áp suất lốp đến ngưỡng tiêu chuẩn. Nếu không, đèn cảnh báo áp suất lốp có thể không sáng ngay cả khi áp suất lốp thấp, hoặc đèn sáng lên khi áp suất lốp đang bình thường.

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay thế lốp xe, vành xe, van cảm biến áp suất lốp và nắp van (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

- Khi tháo hoặc lắp các bánh xe, lốp xe, các van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến áp suất lốp có thể bị hỏng nếu không thao tác đúng cách.
- Hãy đảm bảo việc lắp nắp van. Nếu không lắp nắp van, nước có thể xâm nhập vào van cảm biến áp suất lốp và van cảm biến áp suất lốp có thể bị kẹt.
- Khi thay nắp van mới, không sử dụng nắp van nào khác ngoài nắp van tiêu chuẩn. Nếu không, nắp van có thể bị kẹt.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Sau khi sử dụng keo, hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế hoặc sửa chữa lốp. (→P. 539)

n **Khi lái xe trên đường gồ ghề**

Hãy cẩn thận khi lái xe trên đường trơn trượt hoặc có nhiều ổ gà.
Khi lái xe trên những điều kiện như vậy sẽ làm mất áp suất của lốp, làm giảm khả năng tải của lốp. Ngoài ra lái xe trên các đường gồ ghề cũng có thể làm bản thân lốp bị hư hỏng, cũng như làm hỏng vành và thân xe.

n **Nếu áp suất lốp thấp trong khi lái xe**

Không tiếp tục lái xe, nếu không lốp và/hoặc bánh xe có thể sẽ bị hỏng nặng.

Áp suất lốp

Hãy đảm bảo duy trì áp suất phù hợp của lốp. Nên kiểm tra áp suất lốp ít nhất một tháng một lần. Tuy nhiên, Toyota khuyến nghị cứ hai tuần bạn nên cho kiểm tra áp suất lốp một lần. (→P. 663)

n Những hậu quả khi chạy xe với áp suất lốp không phù hợp

Lái xe với áp suất lốp không phù hợp có thể sẽ gây ra những hậu quả sau:

- Tăng mức tiêu hao nhiên liệu
- Giảm tính tiện nghi trên xe và tính năng điều khiển kém
- Giảm tuổi thọ của lốp do mòn lốp
- Làm giảm độ an toàn
- Làm hỏng hệ thống truyền lực

Nếu một lốp nào đó thường xuyên phải bơm lại, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Hướng dẫn kiểm tra áp suất lốp

Khi kiểm tra áp suất lốp, hãy tuân theo các hướng dẫn sau:

- Chỉ kiểm tra áp suất khi lốp đã nguội.
  Nếu xe bạn đã được đỗ lại ít nhất 3 tiếng và quãng đường xe chạy là không quá 1.5 km, thì bạn có thể đo được chính xác áp suất của lốp xe.
- Luôn sử dụng đồng hồ để đo áp suất.
  Sẽ rất khó để phán đoán xem áp suất lốp phù hợp chưa bằng cách quan sát.
- Sẽ là bình thường nếu áp suất lốp cao hơn sau khi lái xe do nhiệt được sinh ra trong lốp. Không giảm áp suất lốp ngay sau khi lái xe.
- Trọng lượng của người ngồi và hàng hóa phải được phân bổ sao cho xe được cân bằng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Duy trì áp suất lốp chuẩn là yêu cầu quan trọng để đảm bảo hoạt động an toàn của lốp**

Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn.
Nếu không, các tình trạng sau sẽ có thể xuất hiện và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong:

- Lốp bị mòn nhiều
- Lốp mòn không đều
- Khó điều khiển xe
- Có thể dẫn tới nổ lốp do lốp xe bị quá nhiệt
- Rò khí giữa lốp và vành
- Vành bị biến dạng và/hoặc hỏng lốp
- Lốp xe rất dễ bị hư hỏng khi lái xe (do đường xấu, do các chỗ nối bị giãn, do các cạnh sắc trên đường...)

⚠ CHÚ Ý

n **Khi kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp**

Hãy chú ý lắp lại nắp van khí của lốp.
Nếu nắp van chưa được lắp, bụi bẩn và hơi ẩm có thể lọt vào bên trong van, gây ra rò khí, dẫn đến giảm áp suất lốp.

Vành xe

Nếu một vành xe đã bị cong, nứt hoặc bị ăn mòn nặng, thì vành xe đó nên được thay thế. Nếu không lốp xe có thể sẽ bị long ra khỏi vành và dẫn đến mất lái.

Chọn loại vành xe

Khi thay thế vành xe, hãy đặc biệt chú ý chọn loại vành xe có cùng tải trọng, đường kính, chiều rộng và khoảng cách bù với vành xe cũ.*.
Hãy yêu cầu đại lý Toyota thay vành xe giúp bạn.

*: Thuật ngữ hay dùng là "offset".

Chúng tôi khuyên bạn không nên sử dụng:

- Các vành xe không cùng kích cỡ hoặc chủng loại
- Các vành xe đã qua sử dụng
- Các vành xe bị cong đã được nắn lại

Các chú ý với vành nhôm (nếu có)

- Chỉ sử dụng các đai ốc lốp của Toyota và cờ lê được thiết kế riêng cho vành nhôm.
- Khi đảo lốp, sửa chữa hoặc thay lốp, hãy kiểm tra các đai ốc lốp để đảm bảo chúng vẫn được bắt chặt sau khi đi được 1600km.
- Hãy cẩn thận không làm hỏng các vành nhôm khi sử dụng xích quấn lốp.
- Chỉ sử dụng đối trọng cân bằng chính hiệu của Toyota hoặc loại tương đương và búa nhựa hoặc búa cao su khi cân bằng bánh xe.

---

n **Khi thay vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Vành xe được trang bị các van cảm biến áp suất lốp, chúng cho phép hệ thống đưa ra những cảnh báo kịp thời trong trường hợp áp suất lốp thấp. Khi thay vành xe, van cảm biến áp suất lốp cần được lắp lại. (→P. 539)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi thay vành xe**

l Không sử dụng các vành xe có kích cỡ khác với các tiêu chuẩn được ghi trong cuốn hướng dẫn sử dụng này, nếu không có thể sẽ dẫn tới bị mất lái.

l Không được sử dụng lốp có săm để khắc phục tình trạng vành xe bị hở bởi loại vành này được thiết kế riêng cho loại lốp không săm. Nếu không có thể sẽ gây ra tai nạn, dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp đai ốc lốp**

l Hãy đảm bảo rằng phía đầu côn của đai ốc lốp hướng vào phía trong khi lắp ốc lốp. (→P. 616) Nếu bạn lắp đai ốc lốp với phía mặt côn hướng ra ngoài có thể sẽ làm vỡ bánh xe và có thể làm cho bánh xe bị tuột ra khi lái xe, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không bao giờ được bôi dầu hoặc mỡ lên trên bulông hoặc đai ốc lốp. Dầu và mỡ có thể làm cho đai ốc lốp bị siết quá chặt, dẫn đến làm hỏng bu lông hoặc vành xe. Hơn nữa, dầu mỡ có thể làm đai ốc lốp bị lỏng và làm bánh xe rơi ra, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy lau sạch dầu, mỡ ra khỏi các bu lông hoặc đai ốc lốp khi lắp.

n **Không sử dụng các vành hỏng**

Không sử dụng các vành bị nứt hoặc biến dạng.
Nếu không có thể làm lốp bị rò rỉ khí trong khi lái xe và dẫn đến tai nạn.

⚠ CHÚ Ý

n **Thay van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

l Do việc sửa hoặc thay lốp có thể ảnh hưởng đến van cảm biến áp suất lốp, hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ có uy tín sửa chữa lốp giúp bạn. Ngoài ra, hãy mua van cảm biến áp suất lốp tại đại lý Toyota để đảm bảo nguồn gốc sản phẩm.

l Hãy đảm bảo rằng xe của bạn sử dụng vành xe chính hiệu Toyota. Van cảm biến áp suất lốp có thể không làm việc chính xác với các vành không chính hiệu.

Bộ lọc điều hòa không khí/lưới lọc khí*

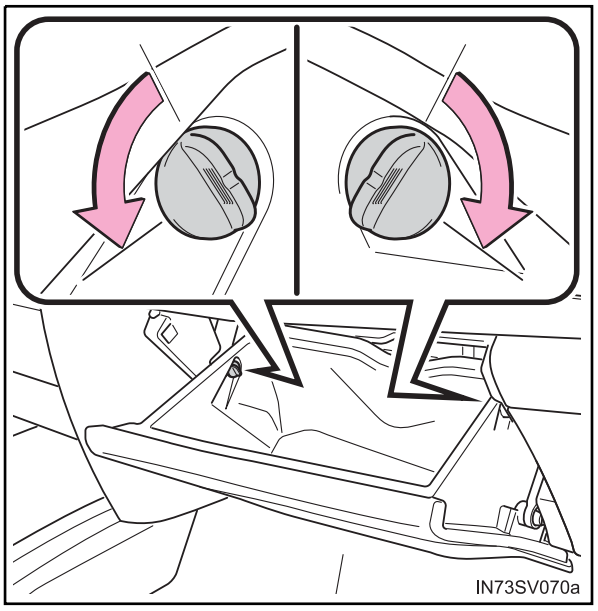
Cần phải thường xuyên vệ sinh (xe có lưới lọc không khí) hoặc thay thế (xe có bộ lọc điều hòa không khí) bộ lọc điều hòa không khí/lưới lọc khí để đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống điều hòa không khí.

Phương pháp tháo

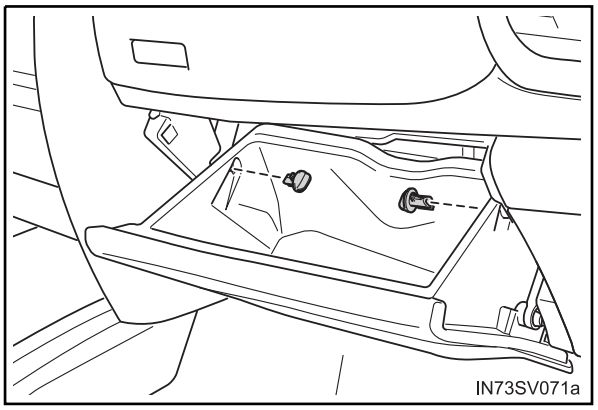
n Bộ lọc điều hòa

1 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK".
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy tắt công tắc động cơ.

2 Mở ngăn đựng găng tay. Xoay các vấu hãm như trong hình minh họa.

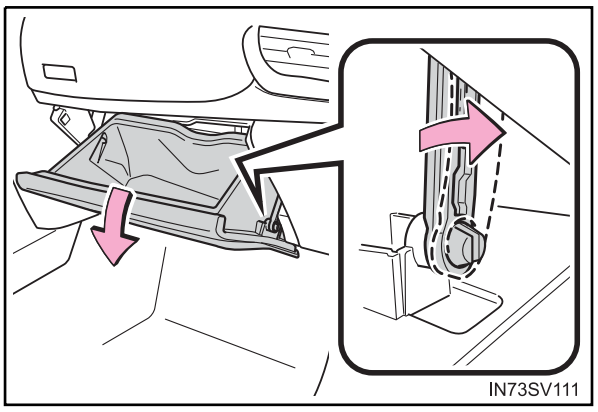

IN73SV070a

3 Kéo các vấu hãm ra.

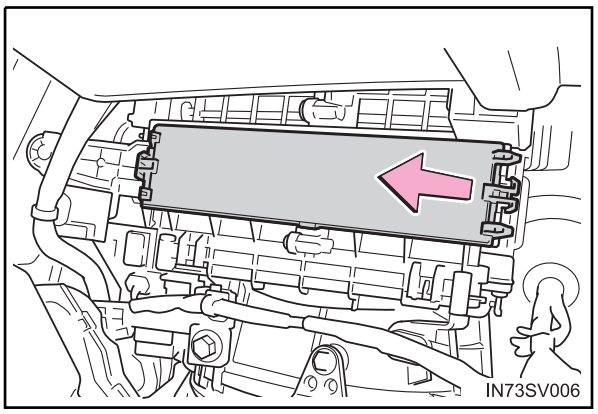

IN73SV071a

*: Nếu có

4 Kéo thanh hãm ra như trong hình minh họa, sau đó tháo ngăn đựng găng tay ra.

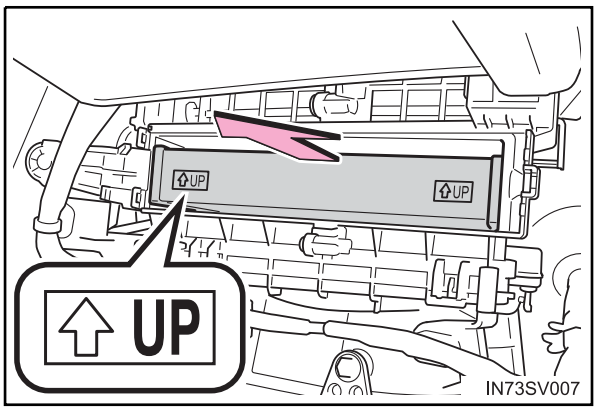


5 Tháo nắp bộ lọc.



6 Tháo bộ lọc điều hòa ra và thay bộ lọc mới.

Dấu "↑UP" trên bộ lọc phải được đặt hướng lên trên.



Phương pháp vệ sinh (xe có lưới lọc gió)

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Hãy quan sát lưới lọc gió xem có bị hư hỏng không, sau đó hút sạch bụi bẩn trên lưới bằng máy hút bụi nếu cần thiết.

---

n **Chu kỳ thay thế (xe có bộ lọc điều hòa không khí)**

Hãy kiểm tra và thay bộ lọc điều hoà theo lịch bảo dưỡng. Có thể bạn sẽ phải cho thay bộ lọc điều hòa sớm hơn khi xe chạy ở những khu vực nhiều bụi bẩn hoặc có mật độ lưu thông cao. (→P. 490)

n **Nếu khí thổi ra từ cửa gió bị suy giảm đáng kể**

Bộ lọc có thể đã bị tắc. Hãy kiểm tra bộ lọc và thay thế chúng nếu cần thiết.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi sử dụng hệ thống điều hòa**

Hãy đảm bảo rằng bộ lọc đã được lắp lại.
Sử dụng hệ thống điều hòa với bộ lọc đã tháo ra sẽ có thể làm hỏng hệ thống điều hòa.

Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử*

Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện.

Bạn sẽ cần sử dụng đến những hạng mục sau:

- Tô vít đầu dẹt
- Tô vít đầu dẹt loại nhỏ
- Pin Lithium

  Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR1620

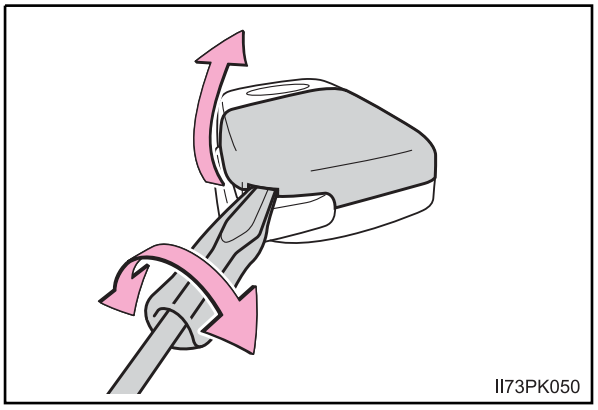
  Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR2032

Thay pin

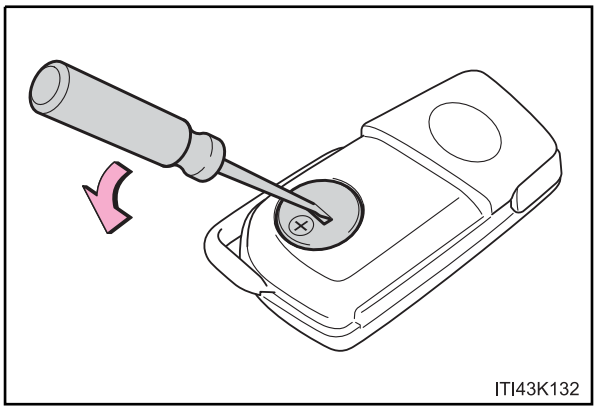
▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

1 Tháo nắp che.

Để tránh làm hỏng chìa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



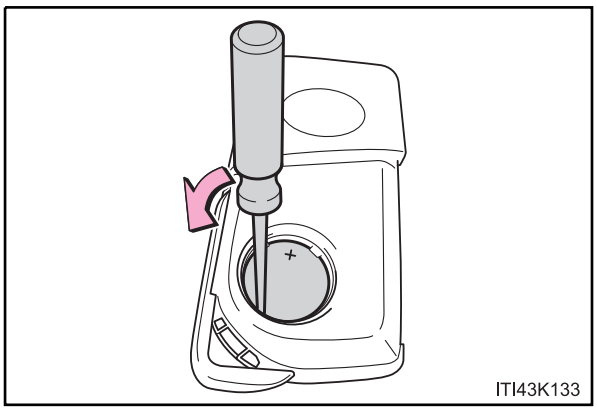
2 Tháo nắp che pin.



*: Nếu có

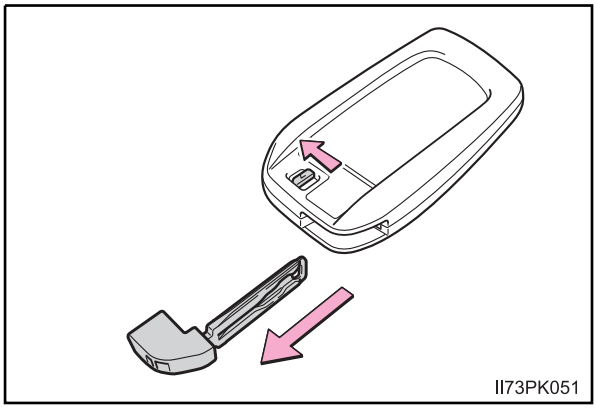
3 Tháo pin đã bị hết điện ra.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng lên trên.



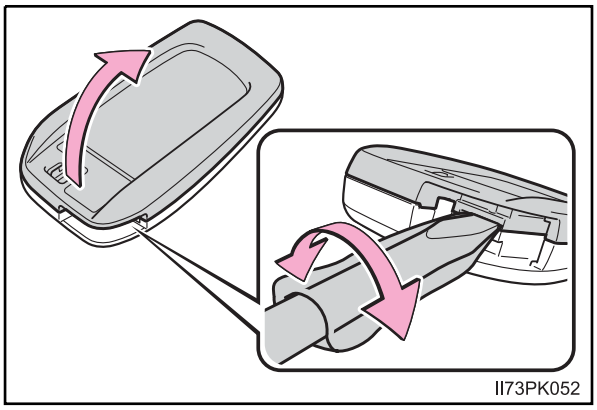
▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

1 Rút chìa khóa cơ ra.



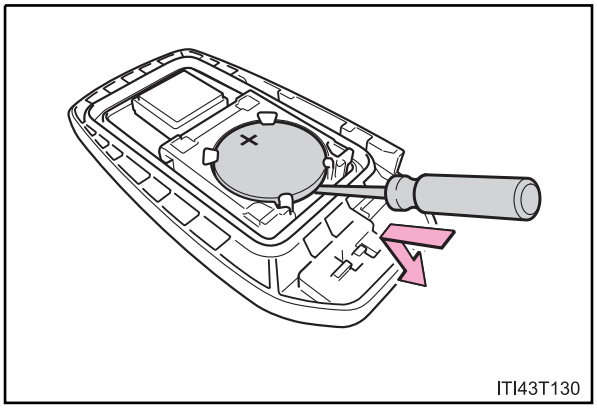
2 Tháo nắp che.

Để tránh làm hỏng chìa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



3 Tháo pin đã bị hết điện ra.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng lên trên.



n Sử dụng pin Lithium

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR1620
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR2032

- Bạn có thể mua pin tại đại lý Toyota, các cửa hàng đồng hồ hoặc cửa hàng bán máy ảnh.
- Hãy sử dụng loại pin theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Quy trình tiêu hủy pin cũng phải được tiến hành theo quy định của địa phương.

n Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

Những hiện tượng sau sẽ có thể xuất hiện:

- Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) và hệ thống điều khiển từ xa sẽ không hoạt động chính xác.
- Phạm vi điều khiển sẽ bị thu hẹp lại.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý đối với ắc quy

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được nuốt pin. Nếu không, có thể sẽ gây bỏng.
- Pin kiểu đồng xu hoặc kiểu nút được sử dụng trong chìa khóa điện tử. Nếu nuốt phải pin, pin có thể gây bỏng hóa chất nghiêm trọng trong ít nhất 2 giờ, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Hãy để pin mới hoặc pin đã tháo ra khỏi tầm tay của trẻ em.
- Nếu không thể đóng nắp chắc chắn, không được sử dụng chìa khóa điện tử và cất chìa khóa ở nơi mà trẻ em không thể với tới được, sau đó liên hệ với đại lý của Toyota.
- Nếu vô tình nuốt phải pin hoặc để pin lọt vào trong cơ thể người, hãy đi khám bác sỹ ngay lập tức.

n Để tránh gây nổ ắc quy hoặc rò rỉ dung dịch hoặc khí có thể gây cháy

- Hãy thay pin mới cùng loại. Nếu sử dụng sai loại pin, có thể gây nổ.
- Không được để pin ở những nơi có áp suất rất thấp do độ cao hoặc nhiệt độ rất cao.
- Không được đốt, đập vỡ hoặc cắt pin.

CHÚ Ý

n **Để hệ thống làm việc bình thường sau khi thay pin**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn:

- Luôn luôn giữ tay khô ráo khi làm việc.
  Hơi ẩm có thể làm cho pin bị han rỉ.
- Không chạm vào hoặc thay đổi vị trí của các chi tiết bên trong điều khiển từ xa.
- Không được bẻ cong các điện cực pin.

Kiểm tra và thay cầu chì

Nếu một trong các thiết bị điện không làm việc thì có thể đã có một cầu chì nào đó bị cháy. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì nếu cần thiết.

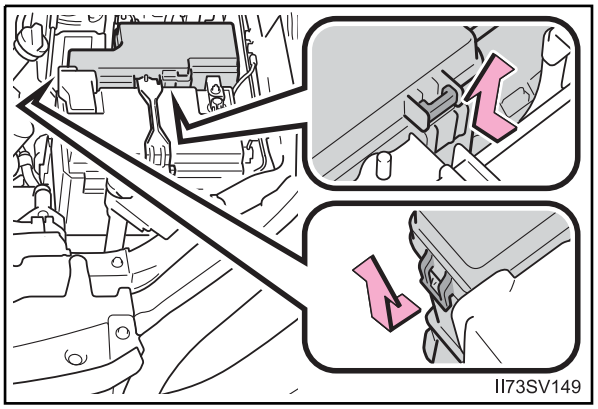
1 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí "LOCK".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
Hãy tắt công tắc động cơ.

2 Mở nắp hộp cầu chì.

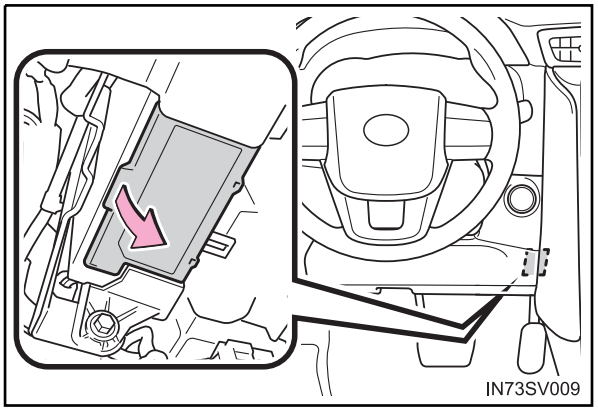
▶ Trong khoang động cơ

Hãy kéo tai hãm ra và kéo móc hãm rồi tháo nắp hộp cầu chì.



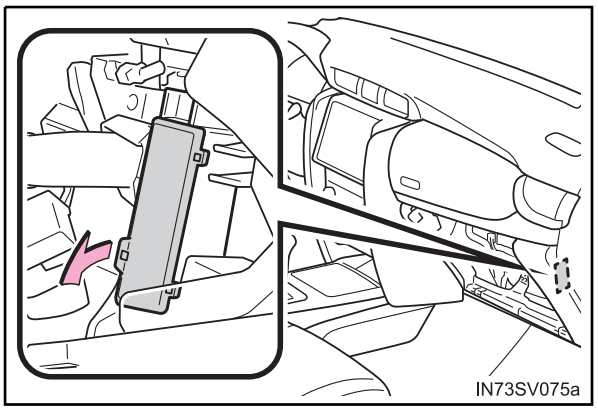
▶ Phía dưới bảng táp lô

Tháo nắp che.



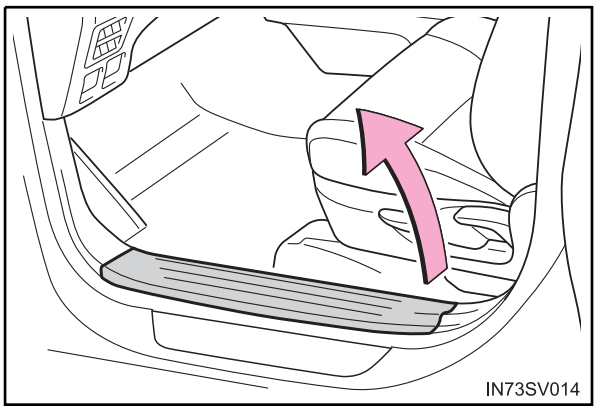
▶ Phía sau bảng táp lô

Tháo ngăn đựng găng tay (→P. 550), và tháo nắp che.

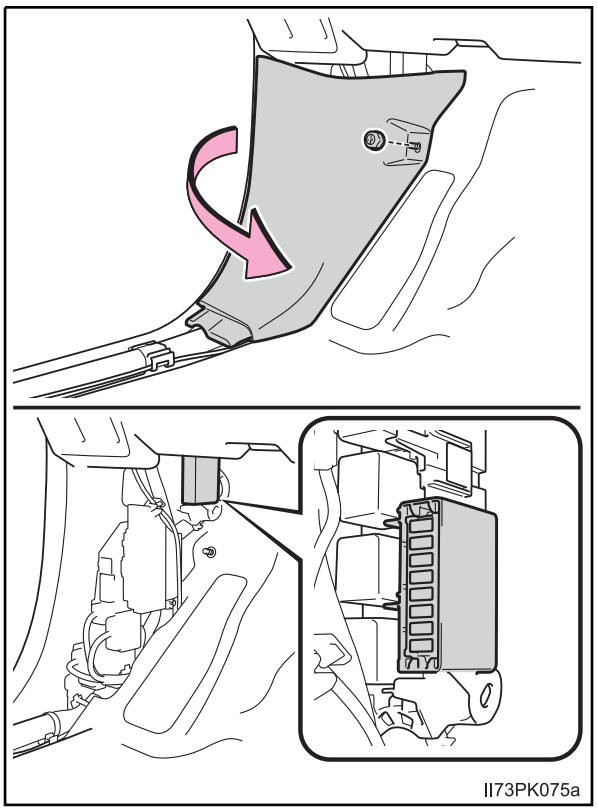


▶ Phía sau tấm ốp bên của tấm vách ngăn

Tháo tấm ốp bậu cửa phía người lái.

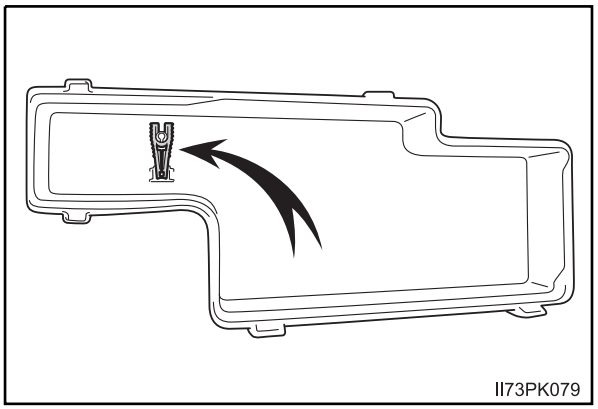


Tháo đai ốc và tháo tấm ốp bên của tấm vách ngăn.



3 Tháo cầu chì.

Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.



4 Hãy kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không.

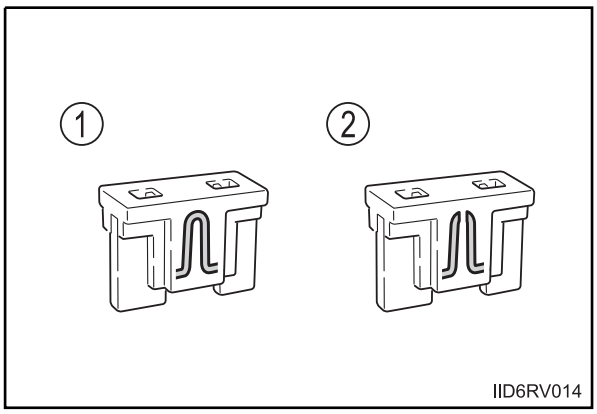
① Cầu chì bình thường

② Cầu chì bị cháy

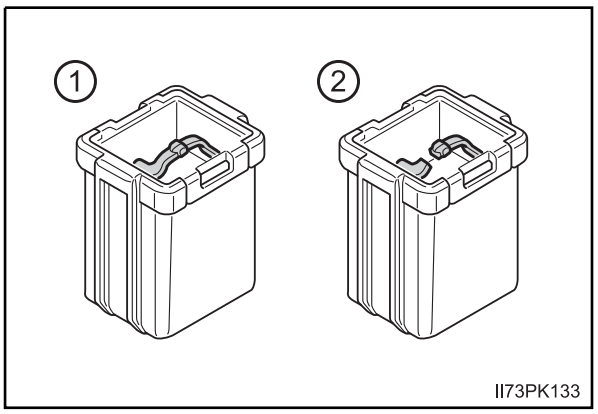
Kiểu A, B, C và D:
Hãy thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì mới có cường độ dòng phù hợp.
Bạn có thể tìm thấy chỉ số dòng của cầu chì trên nắp hộp cầu chì.

Kiểu E:
Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

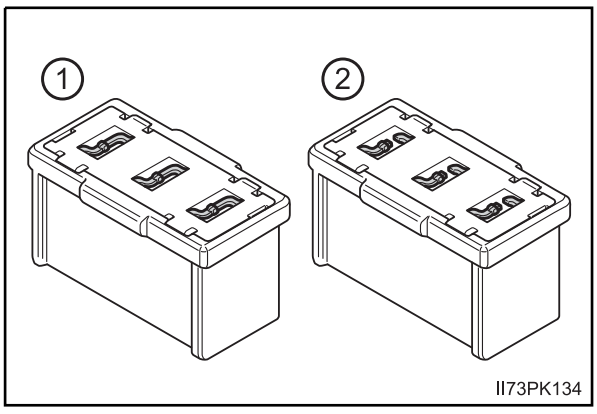
▶ Kiểu A



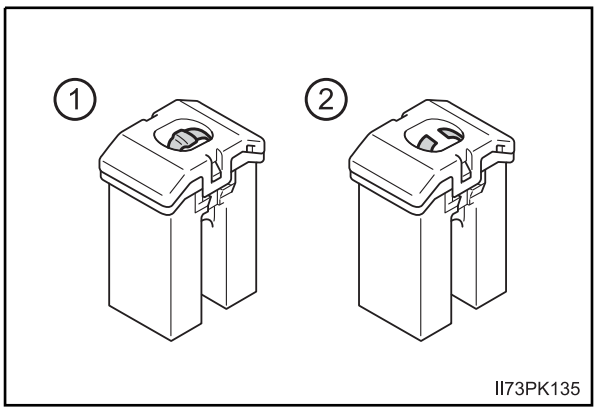
▶ Kiểu B



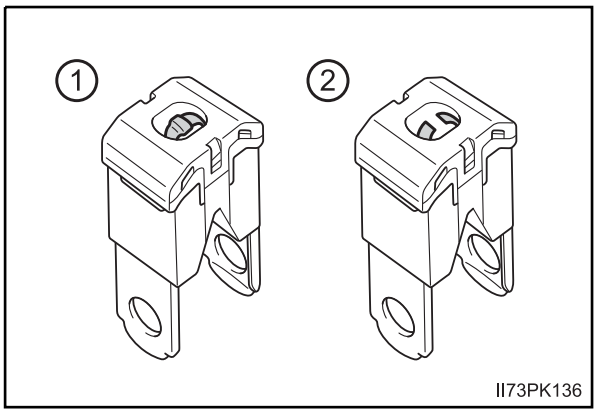
▶ Kiểu C



▶ Kiểu D



▶ Kiểu E



n **Sau khi thay cầu chì**

- Nếu các đèn không sáng sau khi thay cầu chì, thì có thể một bóng đèn nào đó cần phải thay thế. (→P. 561)
- Nếu cầu chì lại bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu mạch điện bị quá tải**

Các cầu chì được thiết kế để bị cháy để bảo vệ các dây điện bên trong khỏi bị hỏng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng hệ thống và gây ra cháy xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể hư hỏng cho xe, dẫn đến hỏa hoạn hoặc bị thương.

- Không bao giờ sử dụng cầu chì có cường độ dòng lớn hơn quy định, hoặc sử dụng các vật khác thay cho cầu chì.
- Luôn luôn sử dụng cầu chì chính hiệu của Toyota hoặc tương đương. Không bao giờ được thay thế cầu chì bằng dây điện, kể cả trong trường hợp thay tạm.
- Không sửa đổi các cầu chì hoặc hộp cầu chì.

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi thay cầu chì**

Hãy xác định nguyên nhân hư hỏng và tiến hành sửa chữa tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

Bóng đèn

Bạn có thể tự thay thế một số loại bóng đèn sau. Tùy thuộc vào loại bóng đèn mà thao tác có thể sẽ khó khăn hoặc đơn giản. Để tránh làm hỏng các thiết bị, chúng tôi khuyên bạn nên cho thay bóng đèn ở đại lý Toyota.

Chuẩn bị để thay thế bóng đèn

Kiểm tra công suất của bóng đèn cần thay. (→P. 664)

Vị trí bóng đèn

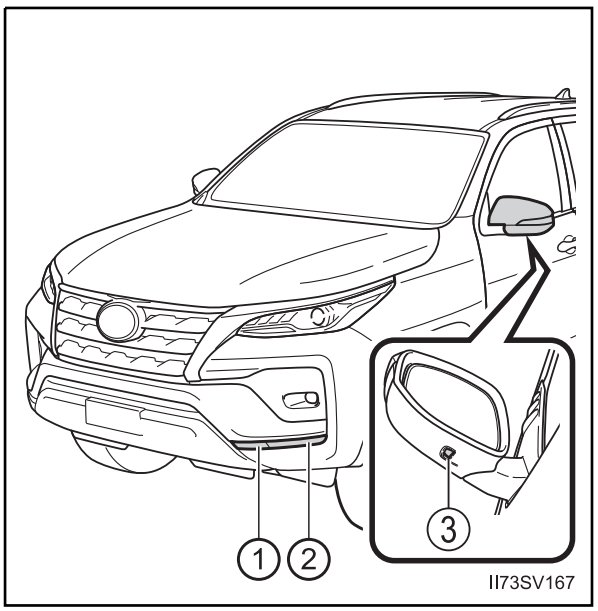
Thiết kế và vị trí của các đèn bên ngoài có thể sẽ thay đổi theo cấp độ của xe, vv...

n **Phía trước**

① Đèn vị trí phía trước (kiểu bóng) (nếu có)

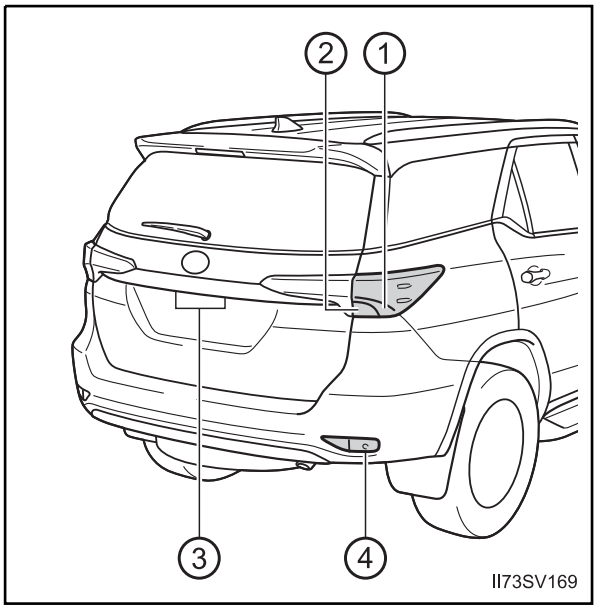
② Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng) (nếu có)

③ Đèn soi chân phía ngoài xe (nếu có)

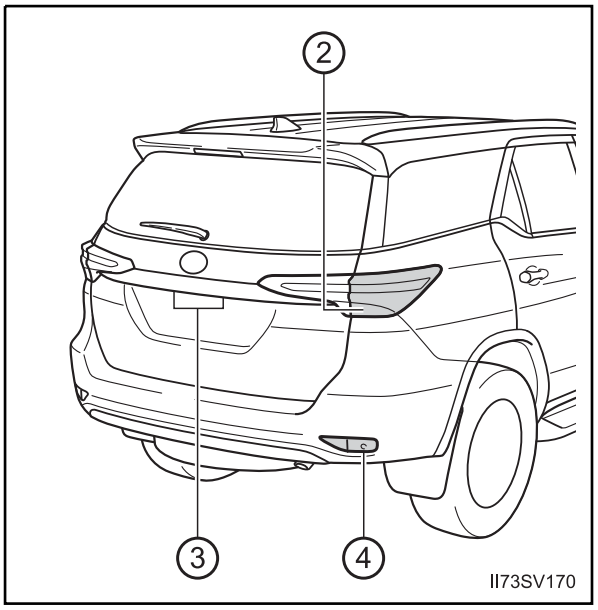


n Phía sau

▶ Không có đèn xi nhan sau kiểu đèn LED



▶ Có đèn xi nhan sau kiểu đèn LED

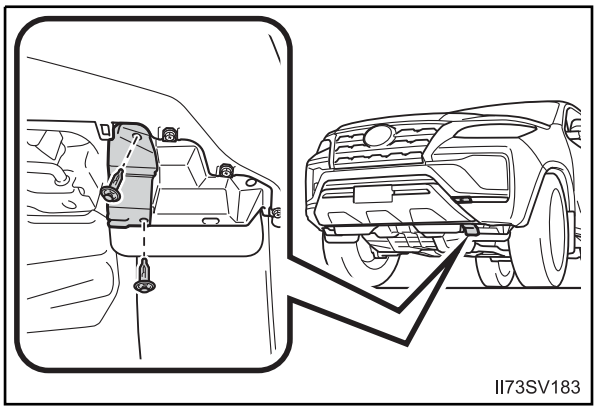


① Đèn xi nhan phía sau (nếu có)
② Đèn lùi
③ Đèn soi biển số
④ Đèn sương mù phía sau (nếu có)

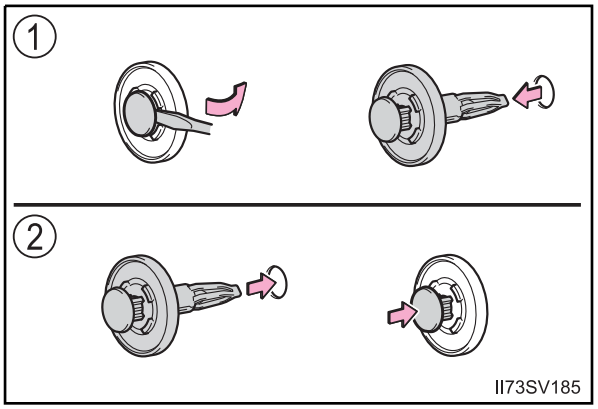
Thay bóng đèn

n Đèn vị trí phía trước (kiểu bóng) (nếu có)

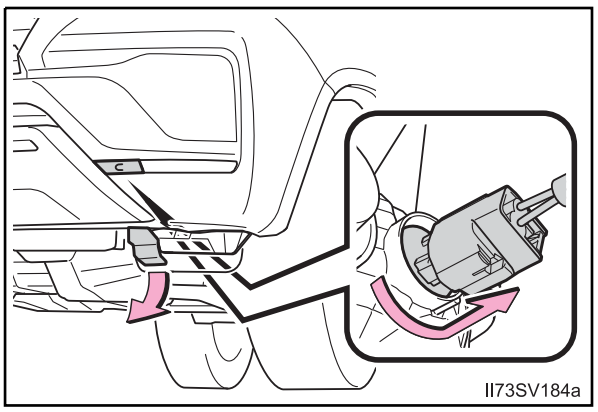
1 Tháo các kẹp.



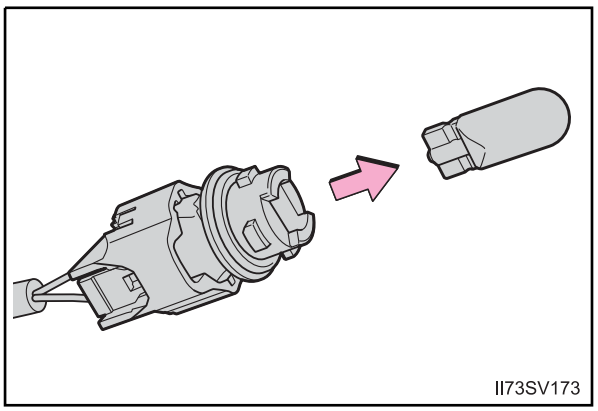
① Tháo kẹp
② Lắp kẹp



2 Kéo nắp xuống và vặn đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



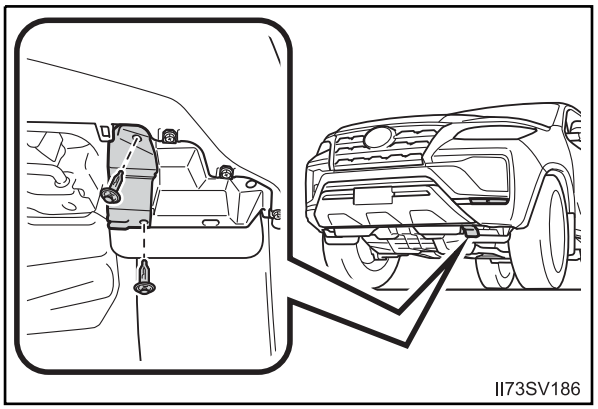
3 Tháo bóng đèn.



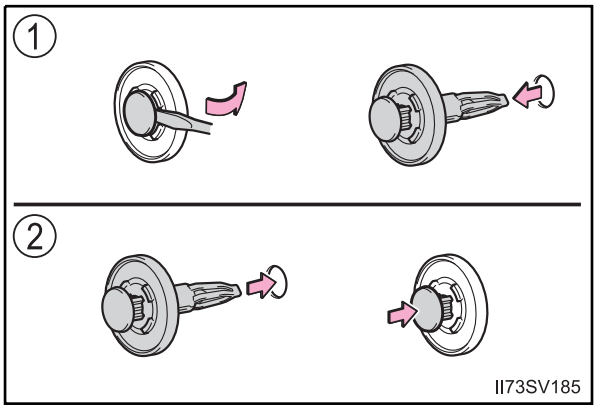
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng) (nếu có)

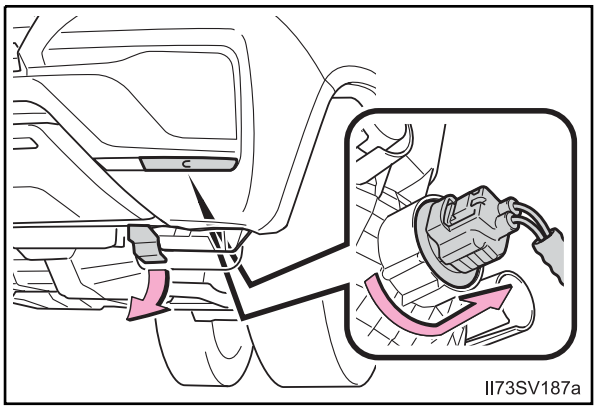
1 Tháo các kẹp.



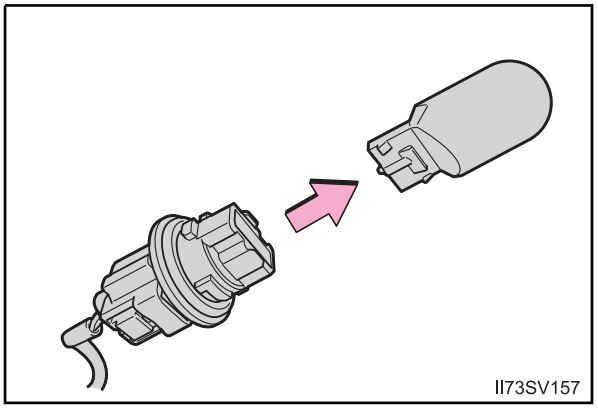
① Tháo kẹp
② Lắp kẹp



2 Kéo nắp xuống và vặn đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



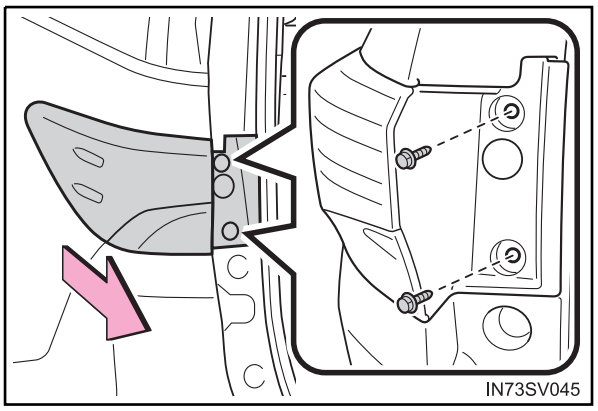
3 Tháo bóng đèn.



4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Các đèn xi nhan phía sau và đèn lùi (không có đèn xi nhan sau kiểu đèn LED)

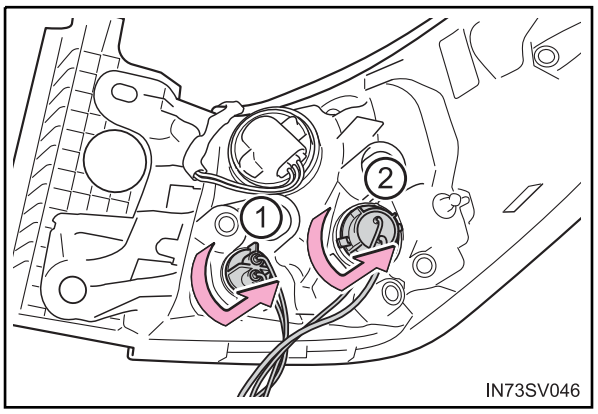
1 Tháo các bu lông bắt và tháo cụm đèn ra.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.

① Đèn lùi

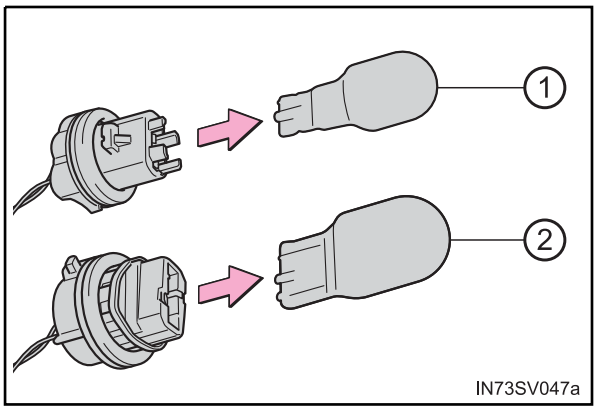
② Đèn xi nhan sau



3 Tháo bóng đèn.

① Đèn lùi

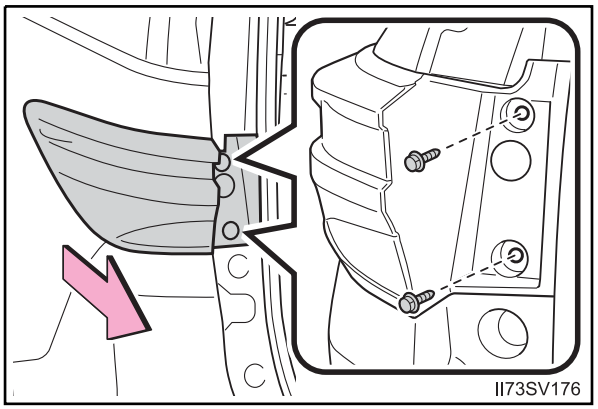
② Đèn xi nhan sau



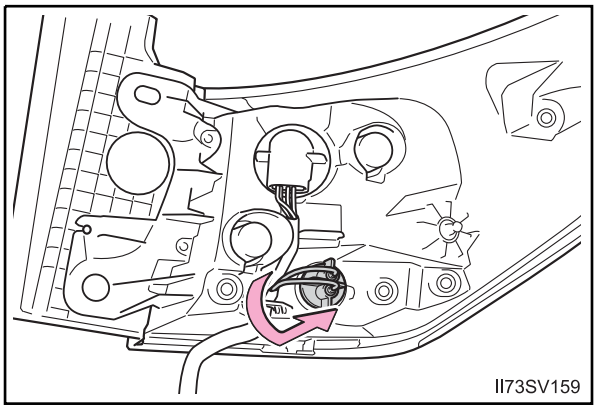
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Đèn lùi (có đèn xi nhan sau kiểu đèn LED)

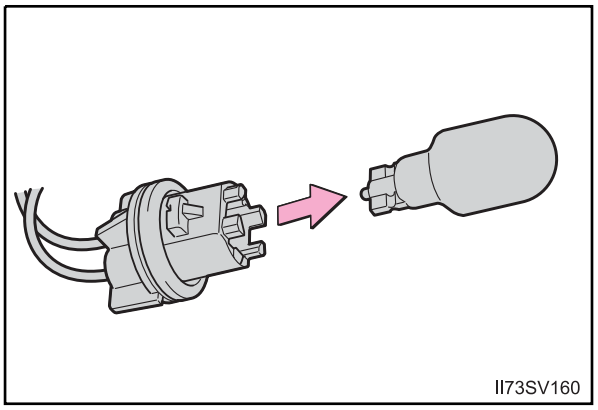
1 Tháo các bu lông bắt và tháo cụm đèn ra.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



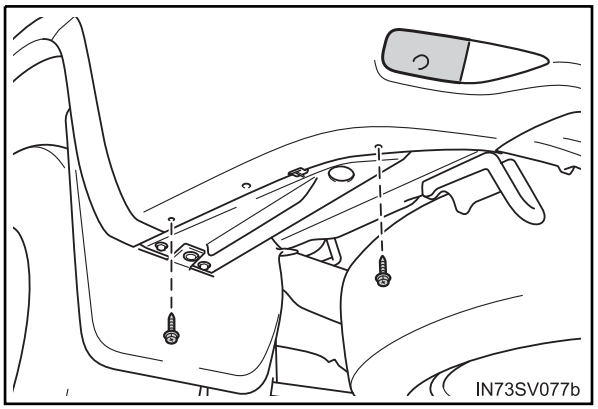
3 Tháo bóng đèn.



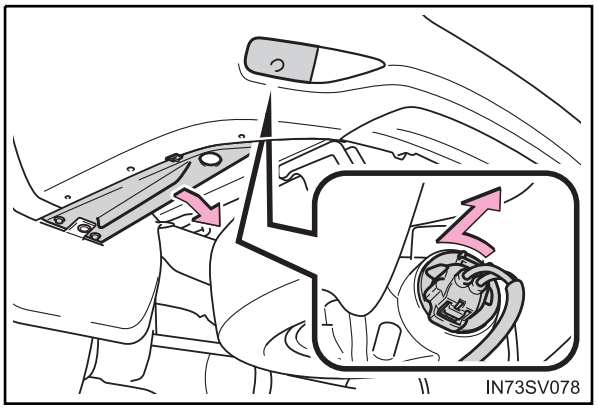
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Đèn sương mù phía sau (nếu có)

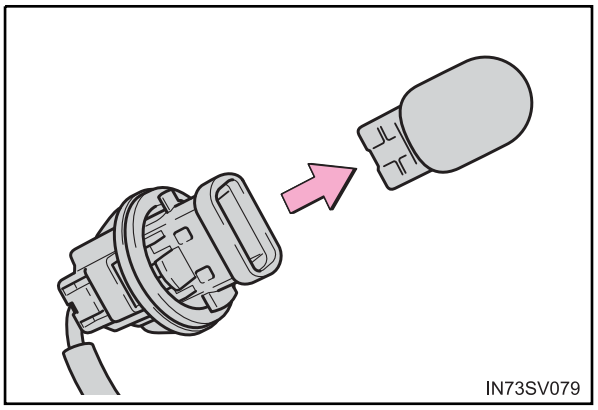
1 Tháo các vít.



2 Tháo một phần phía dưới tấm che và vặn đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



3 Tháo bóng đèn.

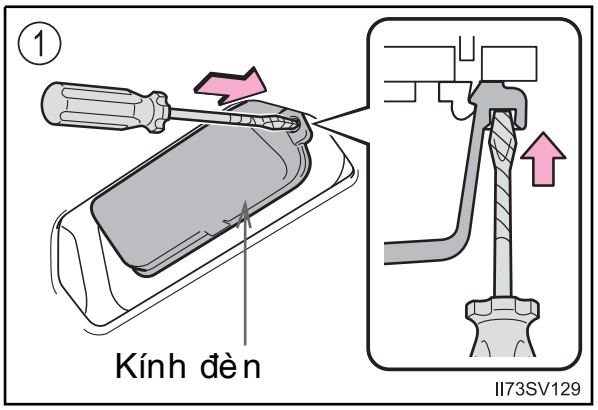


4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Đèn soi biển số

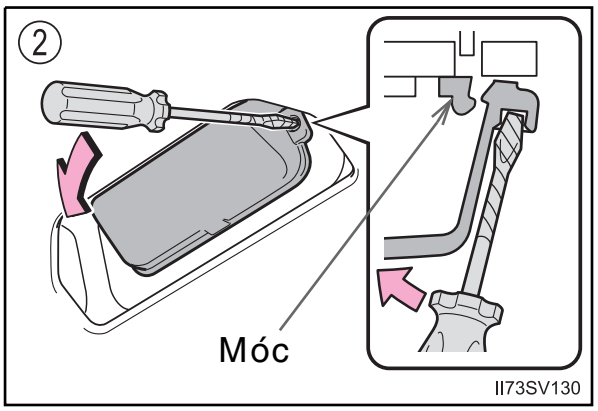
1 Tháo kính đèn.

① Cắm một tô vít đầu dẹt nhỏ vào một trong hai lỗ bên phải hoặc bên trái của kính đèn.

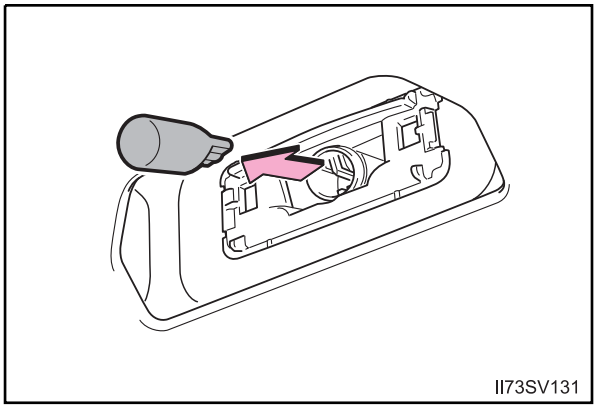


② Ấn tô vít ra hai bên theo hướng của mũi tên trên hình vẽ, nhả khớp móc, và sau đó tháo kính đèn.

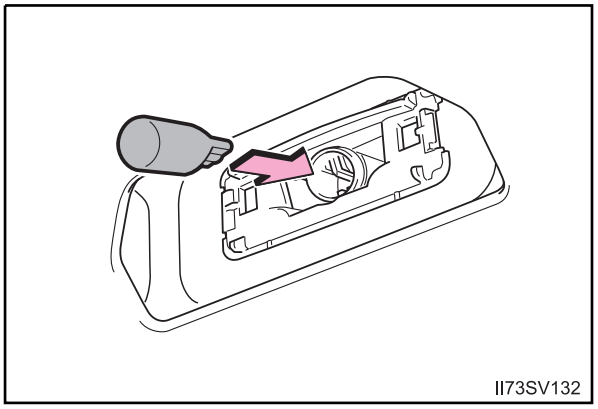
Để tránh làm hỏng xe, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



2 Tháo bóng đèn.



3 Lắp một bóng đèn mới.

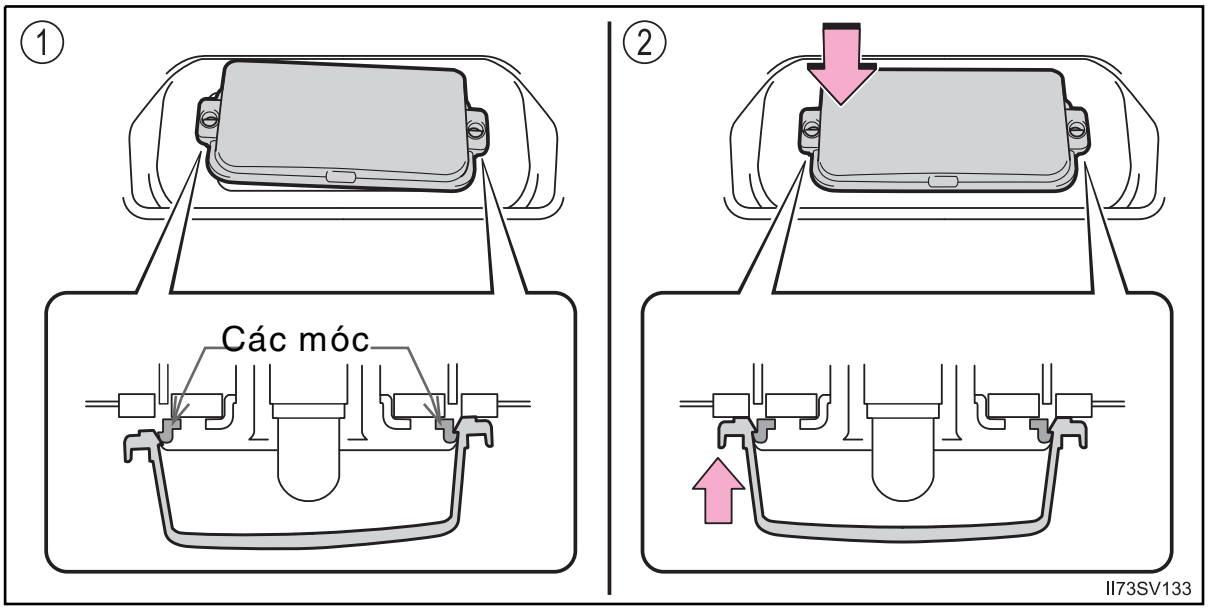


4 Lắp các kính đèn.

① Cố định các kính đèn vào các móc hoặc bên phải hoặc bên trái.

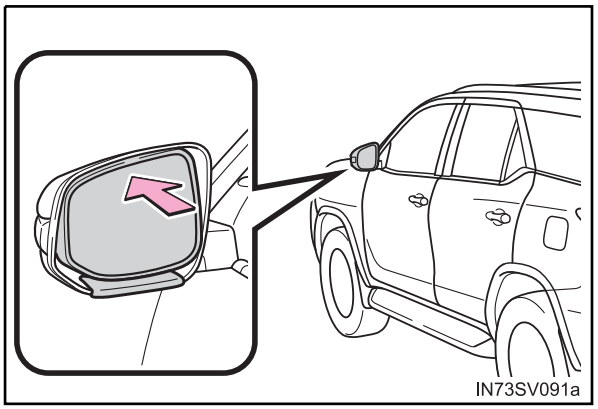
② Hãy ấn kính đèn vào đúng vị trí.

Sau khi lắp, xác nhận rằng kính đèn đã được lắp chính xác bằng cách kéo nhẹ.



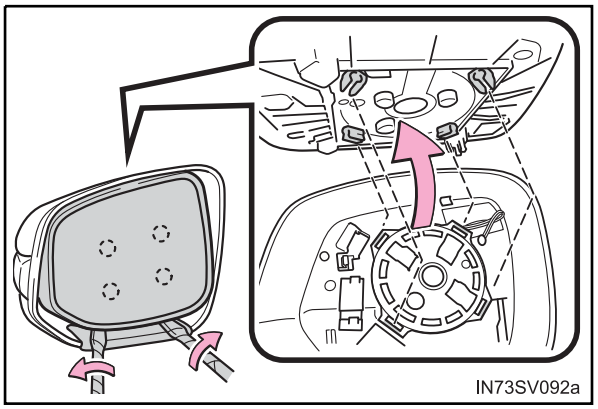
n Đèn soi chân bên ngoài xe (nếu có)

1 Hãy ấn vào mép trên của gương chiếu hậu bên ngoài xe để nghiêng mặt gương lên trên, dán băng dính bảo vệ vào phần phía dưới của nắp che gương.

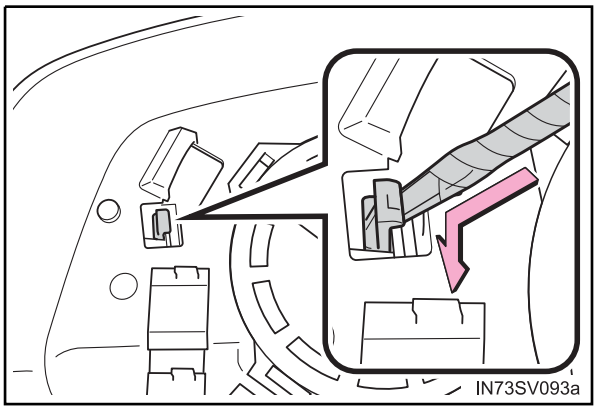


2 Sử dụng 2 tô vít đầu dẹt có bọc băng dính ở đầu, và tháo các tai hãm phía sau gương.

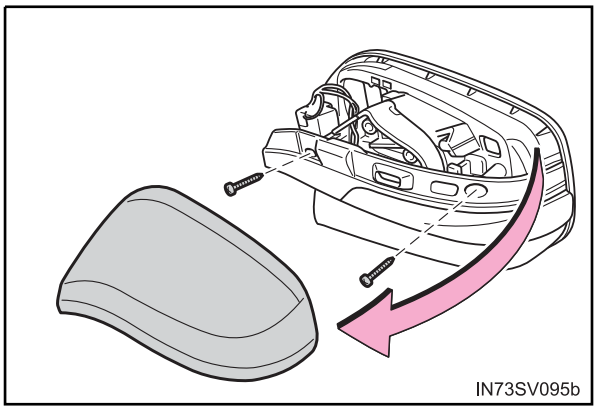
Hãy nạy gương về phía bạn, và nhả khớp 2 tai hãm đồng thời.
Hãy thao tác thật cẩn thận để không làm rơi mặt gương.



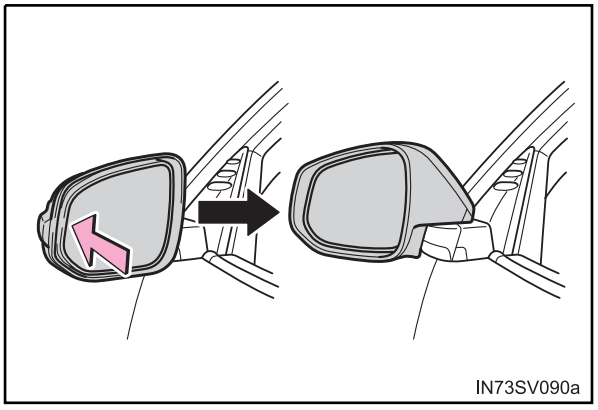
3 Nhả tai hãm như trên hình minh họa.



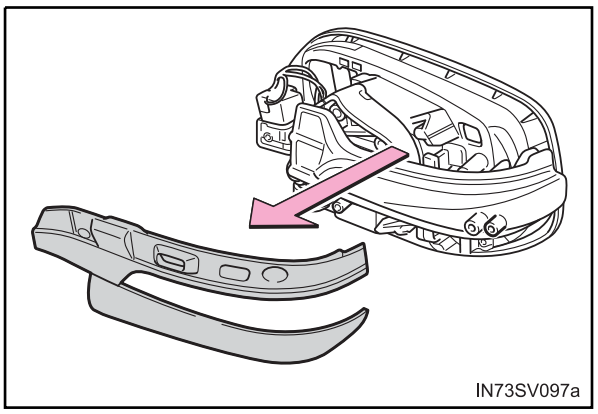
4 Tháo nắp che phía trên của gương và tháo các vít.



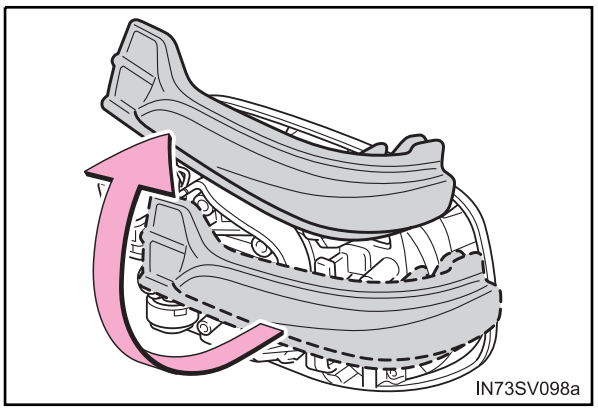
5 Gập gương về phía trước.



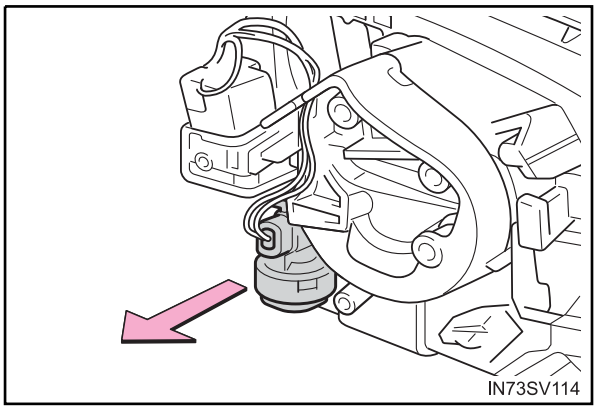
6 Tháo nắp che phía dưới.



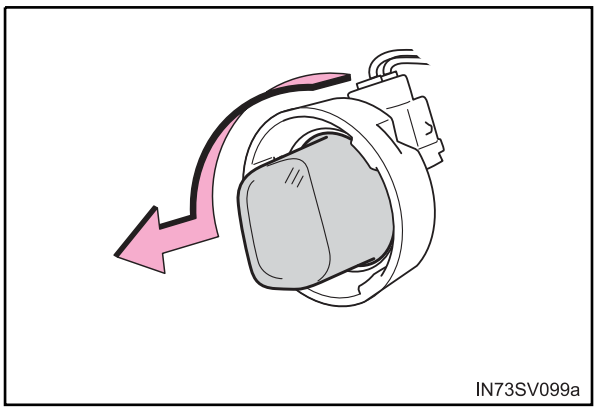
7 Tháo kính đèn xi nhan bên.



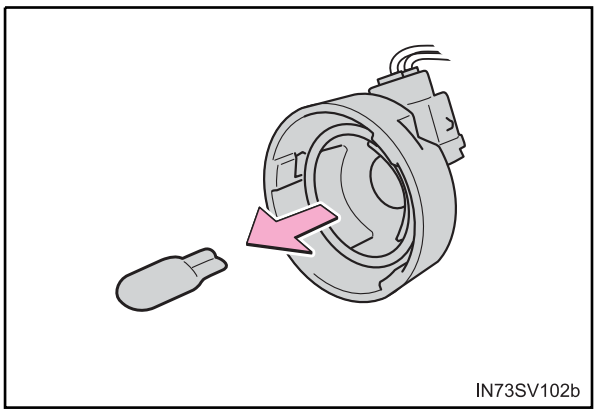
8 Tháo đui đèn.



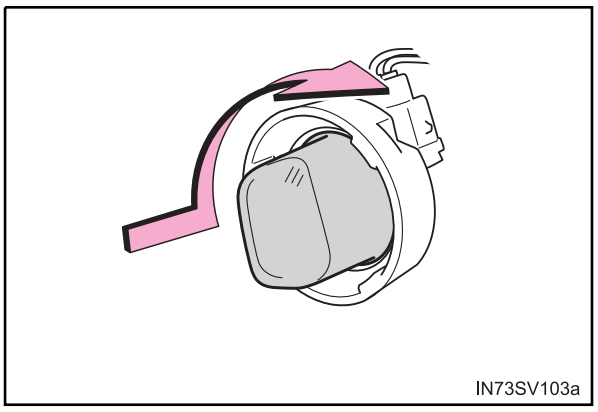
9 Xoay nắp che ngược chiều kim đồng hồ rồi tháo ra.



10 Tháo bóng đèn.

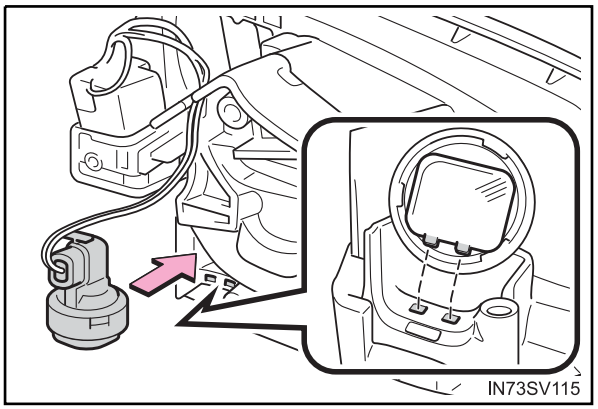


11 Sau khi lắp bóng đèn mới, hãy xoay nắp theo chiều kim đồng hồ.



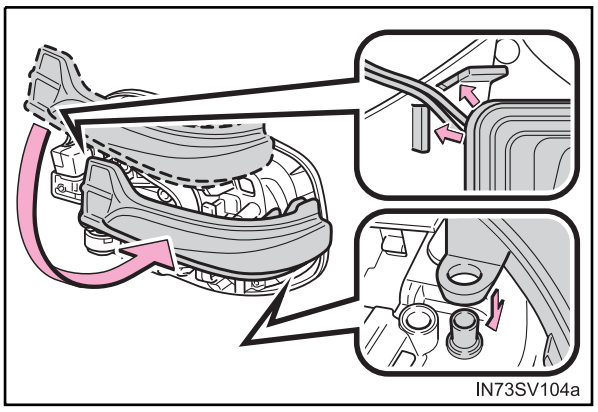
12 Lắp đui đèn.

Hãy gài hai vấu hãm (phía bên trái) hoặc một vấu hãm (phía bên phải) vào các lỗ.

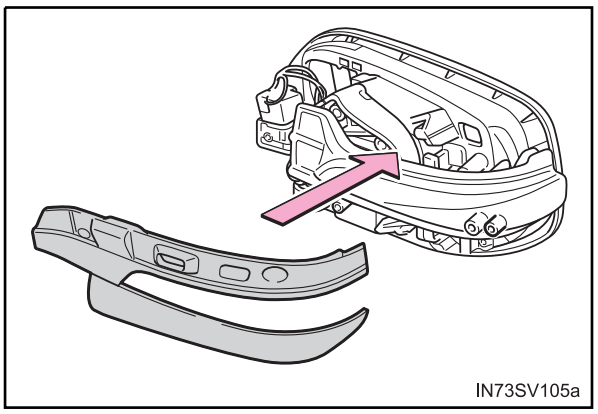


13 Lắp kính đèn xi nhan bên.

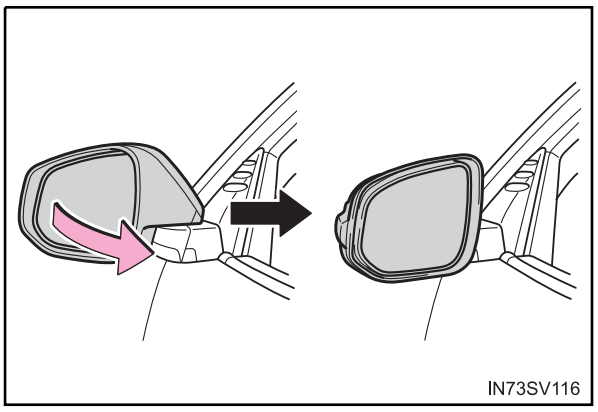
Hãy lắp phần nhô lên vào lỗ trên kính đèn và gióng thẳng phần góc của kính đèn với tấm định vị như trên hình minh họa.



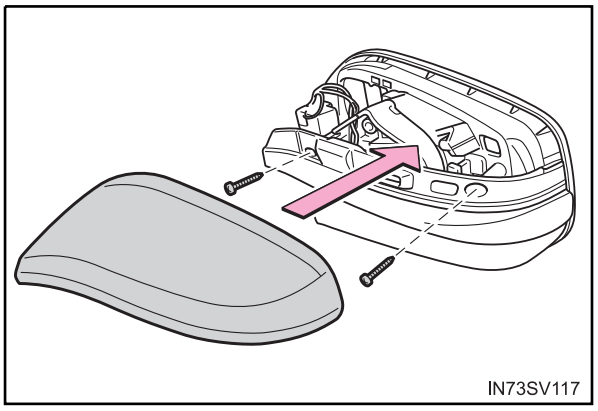
14 Lắp nắp che phía dưới.



15 Trả gương về vị trí ban đầu.



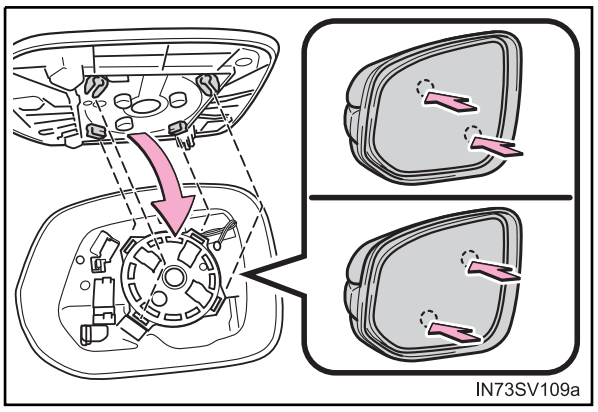
16 Lắp các vít và nắp che phía trên.



17 Gióng thẳng các tai hãm và cố định gương bằng cách ấn lên từng cặp tai hãm đối diện theo đường chéo theo thứ tự.

Hãy đảm bảo gài các tai hãm theo đúng thứ tự như trong hình vẽ và ấn gương vào cho đến khi nghe thấy một tiếng tách.

Nếu bạn không nghe thấy tiếng tách thì không được cố ấn các tai hãm. Hãy tháo gương ra và kiểm tra xem các tai hãm đã gióng thẳng chưa.



n Thay các bóng đèn sau

Nếu một trong các bóng đèn dưới đây bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota thay bóng đèn giúp bạn.

- l Đèn pha
- l Đèn chiếu sáng ban ngày
- l Đèn vị trí phía trước/đèn xi nhan trước (kiểu đèn LED)
- l Đèn xi nhan bên
- l Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- l Đèn hậu
- l Đèn hậu và đèn hông xe
- l Đèn phanh
- l Đèn xi nhan sau kiểu đèn LED
- l Đèn phanh trên cao

---

n Đèn LED

Các đèn gồm có một số đèn LED. Nếu một bóng đèn LED bất kỳ bị cháy, hãy mang xe đến đại lý Toyota để thay đèn khác.

- l Đèn pha
- l Đèn chiếu sáng ban ngày
- l Đèn vị trí phía trước/đèn xi nhan trước (kiểu đèn LED)
- l Đèn xi nhan bên
- l Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- l Đèn hậu
- l Đèn hậu và đèn hông xe

- Đèn phanh
- Đèn xi nhan sau kiểu đèn LED
- Đèn phanh trên cao

Khi có nước đọng bên trong kính đèn

Nếu hơi nước chỉ đọng tạm thời bên trong kính đèn pha thì đó cũng là hiện tượng bình thường. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để có thêm thông tin khi gặp các tình trạng sau:

- Khi có giọt nước lớn đọng lại bên trong kính đèn.
- Nước đọng lại bên trong đèn pha.

⚠ CẢNH BÁO

Thay bóng đèn

- Hãy tắt đèn. Không thay bóng đèn ngay sau khi tắt đèn.
  Bóng đèn có thể rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.
- Không chạm vào phần vỏ kính của bóng đèn bằng tay trần. Khi bắt buộc phải giữ vào phần kính của bóng đèn, hãy sử dụng và giữ bằng một khăn khô sạch để tránh hơi ẩm và dầu dính lên bóng đèn.
  Nếu bóng đèn bị trầy xước hoặc bị đánh rơi, nó có thể sẽ bị cháy hoặc vỡ.
- Hãy lắp chắc chắn các bóng đèn và các chi tiết đi kèm để đảm bảo rằng bóng đèn đã được lắp một cách chắc chắn. Nếu không có thể sẽ gây ra hư hỏng do nhiệt độ cao, hỏa hoạn hoặc do nước lọt vào các chi tiết của đèn pha. Nó có thể sẽ làm hỏng đèn pha hoặc gây ra tình trạng ngưng tụ hơi nước bên trong kính đèn.
- Không cố sửa chữa hoặc tháo các bóng đèn, giắc nối, mạch điện hoặc các chi tiết liên quan. Nếu không có thể dẫn tới bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong do điện giật.

Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn

- Hãy đảm bảo rằng các bóng đèn đã được gài hết cỡ và được khóa chắc lại.
- Hãy kiểm tra công suất của bóng đèn trước khi lắp để tránh gây ra hỏng hóc.

⚠ CHÚ Ý

Khi thay các bóng đèn soi chân phía ngoài

Nếu cửa sổ phía trước gây cản trở tới thao tác thay thế của bạn, hãy mở cửa sổ phía bạn đang làm việc để có đủ không gian thao tác. Nếu tiếp tục làm việc trong không gian chật hẹp có thể làm xước xe.

Khi phát sinh sự cố 8

8-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....578

Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....579

Nếu xe bị ngập nước hoặc đang ở trên đường nước đang dâng lên 581

8-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo 583

Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.... 589

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng) . 590

Bình cứu hỏa 591

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu... 593

Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo..... 601

Nếu xe bị xịt lốp..... 607

Nếu động cơ không khởi động được..... 621

Nếu chìa khóa điện tử hoạt động không chính xác (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)..... 623

Nếu ắc quy bị hết điện ... 626

Nếu xe quá nhiệt..... 632

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel). 636

Nếu xe bị sa lầy..... 637

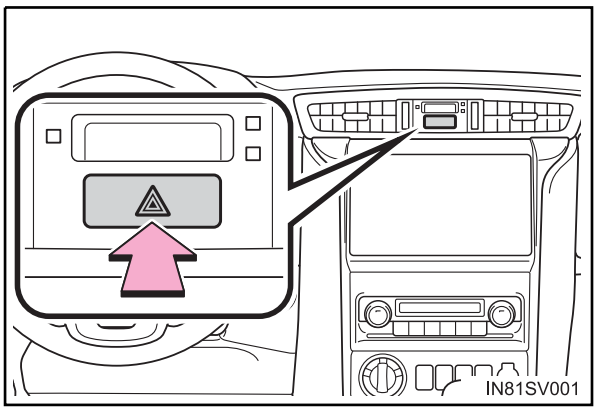
Đèn nháy khẩn cấp

Các đèn nháy khẩn cấp được sử dụng để cảnh báo các lái xe khác khi xe bạn đang dừng trên đường do hư hỏng...

Hãy ấn công tắc này.

Tất cả các đèn xi nhan sẽ nháy.

Để tắt đèn nháy khẩn cấp, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



n **Đèn nháy khẩn cấp**

Ắc quy có thể sẽ bị hết điện nếu bạn bật đèn nháy khẩn cấp trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp

Chỉ trong trường hợp khẩn cấp, khi không thể dừng xe theo cách thông thường, hãy dừng xe theo quy trình sau:

1 Bình tĩnh đặt cả hai chân lên bàn đạp phanh và đạp mạnh bàn đạp phanh xuống.

Không nhấp phanh nhiều lần vì nó sẽ làm tăng lực đạp phanh cần thiết để giảm tốc độ xe.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

▶ Nếu chuyển được cần số đến vị trí N

3 Sau khi giảm tốc, hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

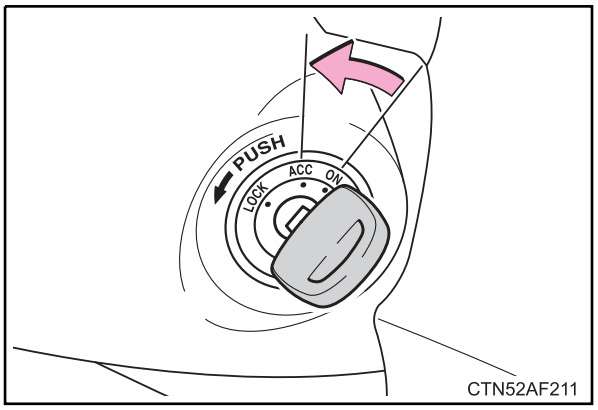
4 Tắt động cơ.

▶ Nếu không chuyển được cần số đến vị trí N

3 Hãy đạp bàn đạp phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt.

4 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

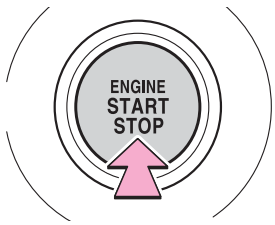
Tắt động cơ bằng cách chuyển công tắc động cơ về vị trí "ACC".



CTN52AF211

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Để tắt máy, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong 2 giây trở lên hoặc ấn nhanh 3 lần trở lên.



Ấn và giữ công tắc nguồn trong 2 giây trở lên hoặc ấn nhanh 3 lần trở lên

IIE7RV009

5 Hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu cần phải tắt động cơ trong khi lái xe**

- Hệ thống trợ lực lái và trợ lực phanh sẽ bị mất, dẫn đến lực đạp phanh và lực quay vô lăng sẽ nặng hơn. Hãy giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt trước khi tắt động cơ.
- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, nếu không vô lăng sẽ bị khóa lại.

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên

Xe này không được thiết kế để lái trên đường bị ngập nước sâu. Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Sẽ rất nguy hiểm khi vẫn ngồi trên xe, nếu biết trước rằng xe sẽ bị ngập nước hoặc sẽ bị trôi xe. Hãy bình tĩnh và tuân theo hướng dẫn sau.

- Nếu trường hợp có thể mở được cửa, hãy mở cửa và rời khỏi xe.
- Nếu trường hợp không có thể mở được cửa, hãy mở cửa sổ bằng cách sử dụng công tắc cửa sổ điện và ra khỏi xe qua đường cửa sổ.
- Nếu có thể mở được cửa sổ, hãy rời khỏi xe qua cửa sổ.
- Nếu không mở được cửa và cửa sổ do nước đang dâng cao, hãy bình tĩnh, đợi cho đến khi mực nước bên trong xe dâng lên đến mức áp lực nước bên trong xe bằng áp lực nước bên ngoài xe rồi mới mở cửa xe, sau khi đợi nước tràn vào xe rồi mới thoát ra ngoài.

  Khi mực nước bên ngoài cao hơn một nửa chiều cao của cửa xe, thì sẽ không thể mở cửa từ bên trong xe do áp lực của nước.

---

n **Nếu mức nước vượt quá chiều cao sàn xe**

Nếu mức nước vượt quá sàn xe, theo thời gian các thiết bị điện sẽ bị hỏng, và không thể điều khiển được cửa sổ điện, động cơ sẽ dừng hoạt động và xe có thể không di chuyển được.

n **Sử dụng búa thoát hiểm khẩn cấp***

Kính nhiều lớp được sử dụng cho kính chắn gió trên xe.

Kính nhiều lớp này không thể đập vỡ được bằng búa thoát hiểm*.

Kính nhiều lớp được sử dụng cho các cửa sổ trên xe.

*: Hãy liên hệ với Đại lý Toyota hoặc nhà sản xuất phụ kiện để tìm hiểu thêm thông tin về búa thoát hiểm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Nếu không, xe có thể bị hư hỏng và không thể lái đi được, cũng như có thể bị ngập nước và bị trôi xe, dẫn đến tử vong.

Nếu xe cần được kéo

Nếu xe bạn cần được kéo, chúng tôi khuyến nghị nên yêu cầu đại lý Toyota hoặc dịch vụ cứu hộ, sử dụng xe tải có giá nâng bánh hoặc xe tải sàn phẳng để kéo.
Hãy sử dụng hệ thống cáp kéo đảm bảo an toàn, phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

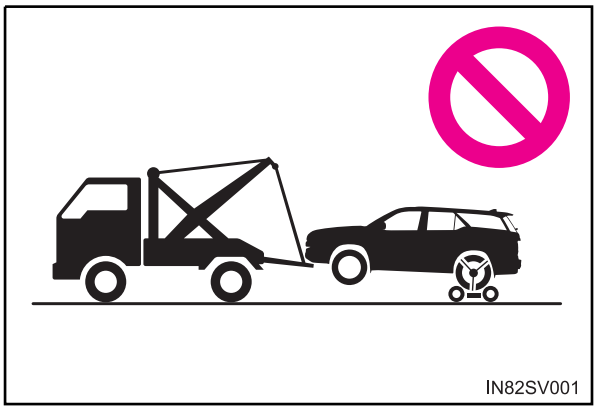
Những trường hợp cần liên hệ với đại lý trước khi kéo xe

Những triệu chứng sau báo hiệu đã có sự cố trong hộp số của xe bạn. Hãy liên hệ với đại lý Toyota trước khi tiến hành kéo xe.

- Khi động cơ đang hoạt động, nhưng xe không di chuyển được.
- Khi có tiếng ồn bất thường phát ra từ xe.

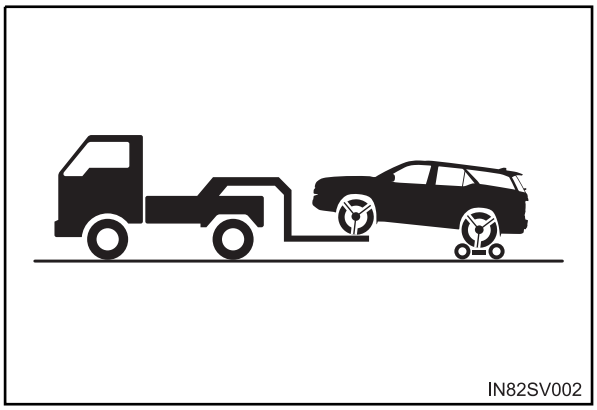
Kéo xe bằng xe kéo có móc treo

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo để tránh làm hỏng thân xe.



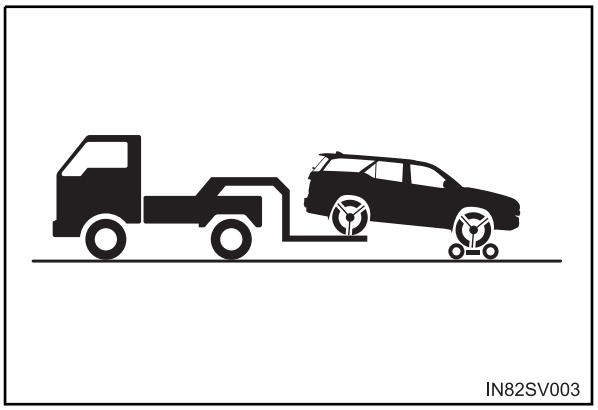
Kéo bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe

▶ Kéo từ phía trước



Sử dụng con lăn để đỡ dưới các bánh sau.

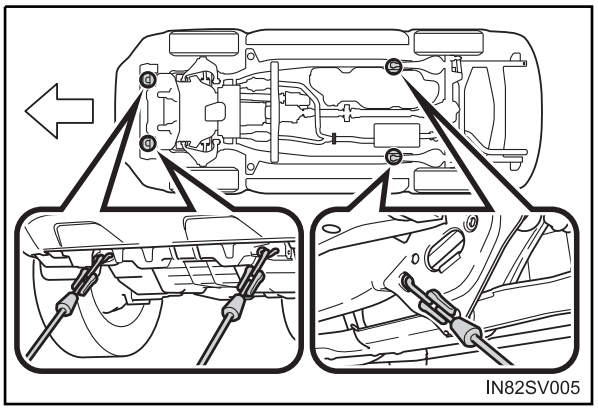
▶ Kéo từ phía sau



Sử dụng con lăn để đỡ phía dưới các bánh trước.

Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo

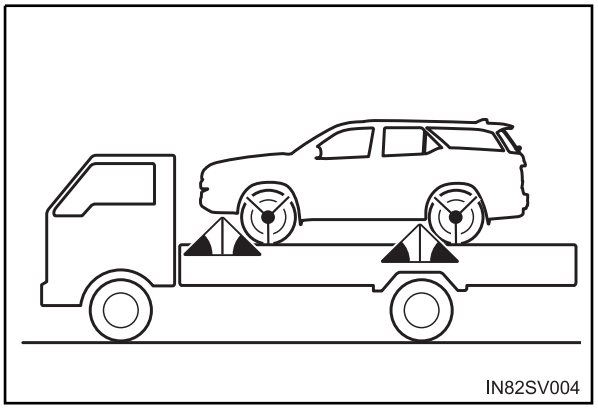
Nếu vận chuyển xe bằng xe tải sàn phẳng, thì nó phải được cố định chắc chắn tại những vị trí như trên hình vẽ.



Nếu bạn sử dụng xích hoặc cáp để cố định xe thì góc nghiêng của cáp hoặc xích so với sàn phải là 45°.

Không buộc xe chặt quá mức hoặc xe sẽ có thể bị hư hỏng.

Nếu bạn không thể buộc xe bằng phương pháp trên, hãy dùng đai buộc lốp xe.



Kéo xe khẩn cấp

Trong trường hợp khẩn cấp mà không có dịch vụ cứu hộ, bạn có thể tạm thời cho kéo xe bằng dây cáp hoặc xích bằng cách gắn vào móc kéo xe khẩn cấp. Chỉ kéo xe theo cách này trên mặt đường cứng với một quãng đường dưới 80 km và tốc độ kéo không quá 30 km/h.

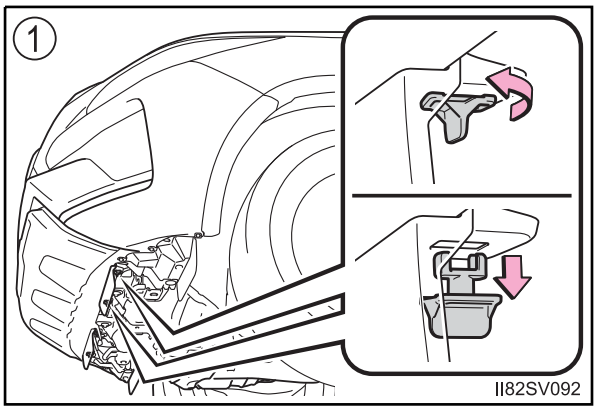
Người lái phải ở bên trong xe để điều khiển vô lăng và điều khiển phanh. Các bánh xe, hệ thống truyền lực, cầu xe, hệ thống lái và hệ thống phanh phải ở tình trạng tốt.

Với xe có hộp số tự động, chỉ được sử dụng các móc kéo xe phía trước.

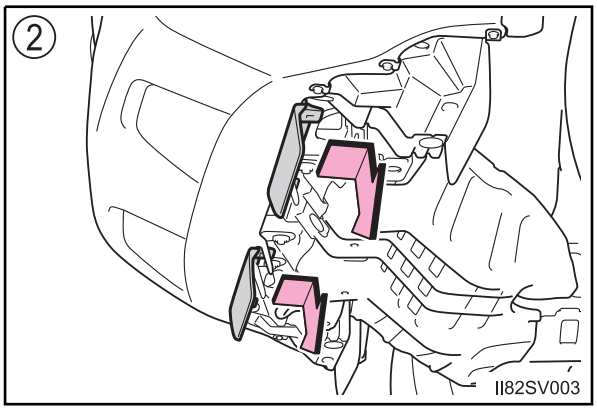
Quy trình kéo xe khẩn cấp

1 Xe có cánh gió phía trước: Hãy tháo các cánh gió phía trước.

① Hãy xoay và kéo các kẹp ra.



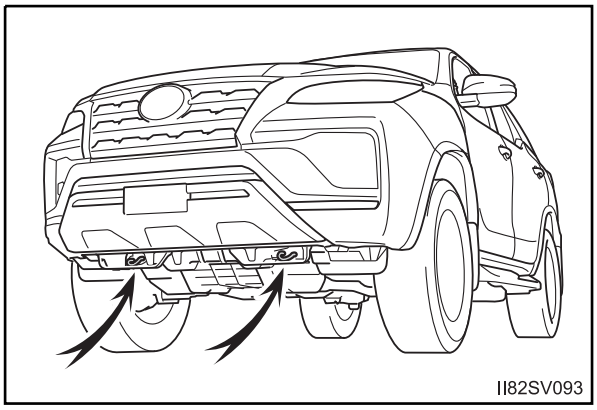
② Hãy lựa các cánh gió phía trước theo hướng mũi tên, sau đó tháo chúng ra.



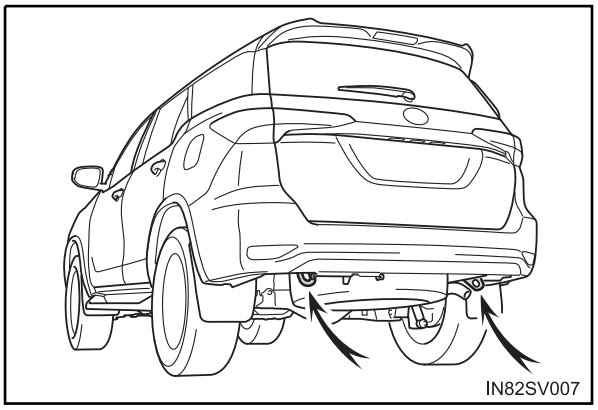
2 Gắn chắc các dây cáp hoặc xích với móc kéo.

Hãy cẩn thận để tránh làm hỏng thân xe.

▶ Phía trước



▶ Phía sau



3 Vào xe đang được kéo và khởi động động cơ.

Nếu động cơ chưa được khởi động, hãy bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ:
Trước khi kéo xe, hãy tắt công tắc động cơ một lần sau đó khởi động động cơ.

4 Xe 4WD*: Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H2.

(→P. 323)

5 Hãy chuyển cần số đến vị trí N và nhả phanh đỗ.

Khi không chuyển được cần số (xe có hộp số tự động):
→P. 216

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

---

n **Khi kéo xe**

Khi động cơ không hoạt động, hệ thống trợ lực phanh và trợ lực lái cũng sẽ không hoạt động, vì vậy các thao tác phanh và lái sẽ thực hiện khó khăn hơn bình thường.

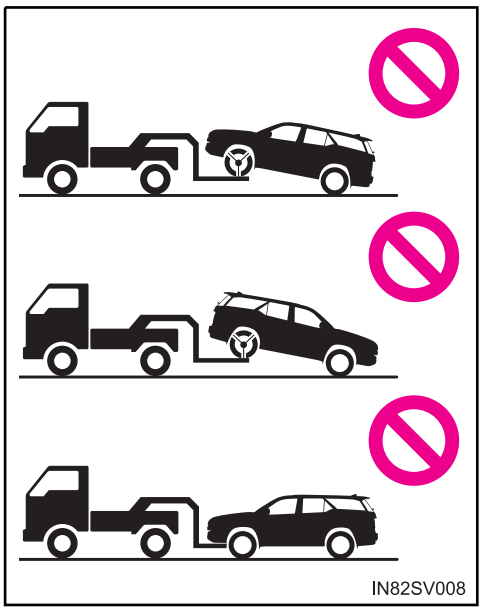
⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi kéo xe**

Xe Pre Runner (Gầm cao)*:
Hãy vận chuyển xe với cả 4 bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất. Nếu kéo xe với các bánh tiếp đất, hệ thống truyền lực hoặc các chi tiết liên quan có thể bị hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra do thay đổi hướng chạy của xe.

Xe 4WD*:
Hãy vận chuyển xe với cả 4 bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất. Nếu kéo xe với các bánh xe vẫn tiếp xúc với mặt đất, hệ thống truyền lực hoặc các chi tiết liên quan có thể sẽ bị hỏng, và xe có thể bị văng ra khỏi xe tải.



*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n **Khi kéo xe**

- Khi kéo xe bằng cáp hoặc xích, tránh khởi hành đột ngột… và tác dụng lực quá mạnh lên móc kéo, cáp hoặc xích. Các móc kéo, cáp hoặc xích có thể bị hỏng, đứt và va vào người, dẫn đến tai nạn nghiêm trọng.
- Xe có chức năng khóa vô lăng: Không chuyển công tắc động cơ đến vị trí "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). Nếu không vô lăng sẽ bị khóa lại và không thể điều khiển xe được.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe**

- Không kéo xe từ phía sau khi công tắc động cơ đang ở vị trí “LOCK” hoặc khi đã rút chìa khóa ra (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). Cơ cấu khóa vô lăng (nếu có) không đủ chắc chắn để giữ cho các bánh trước hướng thẳng.
- Khi nâng xe lên, hãy đảm bảo khoảng sáng gầm xe ở đầu đối diện với đầu được nâng lên. Nếu khoảng sáng gầm xe không đủ, xe có thể sẽ bị hư hỏng trong khi kéo.

n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo có móc treo**

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo, kể cả từ phía trước hoặc phía sau.

n **Để tránh làm hỏng xe trong khi kéo xe khẩn cấp**

Không cố định cáp hoặc xích vào các chi tiết của hệ thống treo.

n **Khi kéo xe có hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có)**

Nếu cần phải kéo xe với cả bốn bánh tiếp xúc với mặt đất, hãy tiến hành quy trình sau trước khi kéo xe để bảo vệ hệ thống.
Tắt công tắc động cơ và sau đó khởi động động cơ hoặc bật công tắc động cơ đến vị trí “ON” (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

Nếu có điều gì đó bất thường

Nếu bạn phát hiện ra một trong các triệu chứng sau, thì rất có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa. Hãy liên lạc với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

Những triệu chứng có thể quan sát được

- Có dung dịch rò rỉ dưới gầm xe.
  (Nhưng nước rỉ ra từ hệ thống điều hòa sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường.)
- Lốp xe bị xịt hoặc mòn không đều
- Kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ liên lục chỉ báo cao hơn mức bình thường.

Những triệu chứng có thể nghe thấy được

- Tiếng khí xả khác thường
- Lốp xe rít lên khi vào cua
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới hệ thống treo
- Tiếng gõ hoặc tiếng ồn khác có liên quan tới động cơ

Các triệu chứng khi lái xe

- Bỏ máy, động cơ rung hoặc giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi phanh
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi lái xe trên đường phẳng
- Hiệu quả phanh giảm, có cảm giác hẫng, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng)

Để giảm thiểu nguy cơ bị rò rỉ nhiên liệu khi động cơ bỏ máy hoặc khi túi khí nổ do va chạm, hệ thống cắt bơm nhiên liệu sẽ ngừng cấp nhiên liệu tới động cơ.

Hãy thực hiện theo quy trình sau để khởi động lại động cơ sau khi hệ thống cắt bơm nhiên liệu đã được kích hoạt.

1. Hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí "ACC" hoặc "LOCK" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chuyển công tắc động cơ về chế độ ACCESSORY hoặc tắt công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).
2. Khởi động lại động cơ.

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi khởi động động cơ**

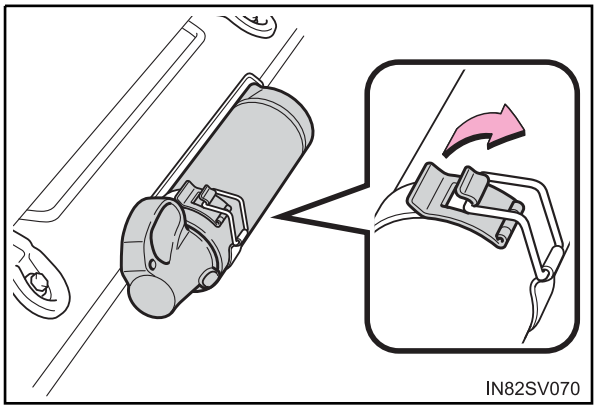
Hãy kiểm tra phía dưới gầm xe.
Nếu bạn phát hiện ra có nhiên liệu rò rỉ, hệ thống nhiên liệu đã bị hư hỏng và cần phải sửa chữa. Không được khởi động lại động cơ.

Bình cứu hỏa*

Bình cứu hỏa được gắn phía dưới ghế hành khách phía trước.
Bình cứu hỏa được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp như khi bị cháy xe.
Để biết cách sử dụng bình cứu hỏa, hãy đọc kỹ nhãn của bình cứu hỏa.

Lấy bình cứu hỏa ra

Tháo đai giữ bình và lấy bình cứu hỏa ra.



Hình dạng thực tế của bình cứu hỏa, đai giữ bình và quy trình lấy bình ra có thể sẽ không giống với trên hình minh họa.

n **Sau khi sử dụng bình cứu hỏa**

Hãy cất bình vào đúng vị trí ban đầu một cách chắc chắn. Hãy thay bình mới càng sớm càng tốt.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi không sử dụng bình cứu hỏa**

Hãy cố định bình cứu hỏa ở đúng vị trí một cách chắc chắn. Nếu không, nó có thể văng ra ngoài trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm.

*: Nếu có

CHÚ Ý

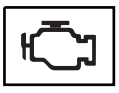
n **Bình cứu hỏa**

- Không được sử dụng lại bình cứu hỏa.
  Hãy thay bình cứu hỏa mới càng sớm càng tốt sau khi sử dụng.
- Hãy sử dụng bình cứu hỏa chính hiệu của Toyota khi thay thế.
  Nếu sử dụng bình cứu hỏa không chính hiệu, có thể sẽ không đảm bảo cố định được bình một cách chính xác và bình cứu hỏa có thể sẽ bị tuột ra.

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu

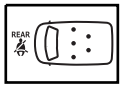
Hãy bình tĩnh thực hiện các thao tác sau nếu một trong các đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy. Nếu một đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, nhưng sau đó tắt đi, thì đó có thể không phải là dấu hiệu hư hỏng của hệ thống. Tuy nhiên, nếu tình trạng này vẫn xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Danh sách đèn cảnh báo và chuông cảnh báo

Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
	**Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)** Cho biết rằng: • Mức dầu phanh thấp • Hệ thống phanh bị trục trặc • Áp suất chân không trong bình chân không thấp (động cơ diesel) → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.**
 (Nhấp nháy hoặc sáng)	**Đèn chỉ báo lỗi (chuông cảnh báo)** Nếu đèn cảnh báo này sáng lên hoặc nhấp nháy, nó cho biết các tình trạng sau: • Hệ thống điều khiển động cơ điện tử bị lỗi. • Hệ thống điều khiển bướm ga điện tử bị lỗi. • Hư hỏng trong hệ thống hộp số tự động điều khiển điện tử. (nếu có) • Áp suất tăng áp của turbo tăng áp tăng cao bất thường.*1 (động cơ diesel) • Hệ thống DPF bị lỗi. (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
	**Đèn cảnh báo túi khí** Thông báo có lỗi trong: • Hệ thống túi khí; hoặc • Hệ thống căng đai khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
	**Đèn cảnh báo ABS** Thông báo có lỗi trong: • Hệ thống ABS hoặc • Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
	**Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực(chuông cảnh báo)(nếu có)** Thông báo có lỗi trong hệ thống lái trợ lực điện → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
	**Đèn chỉ báo trượt** Thông báo có lỗi trong: • Hệ thống VSC; • Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có); • Hệ thống TRC/A-TRC; • Hệ thống AUTO LSD (nếu có); • Hệ thống điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc; hoặc • Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Đèn này sẽ nháy khi một trong các hệ thống trên (trừ hệ thống điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc) đang hoạt động.
 (Nháy)	**Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp (nếu có)** Chỉ ra rằng đã có lỗi trong hệ thống bốn bánh chủ động khi đèn nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
 (Nháy)	**Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (nếu có)** Chỉ ra rằng hệ thống khóa vi sai sau đã bị lỗi khi đèn này nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
 (Nhấp nháy hoặc sáng)	**Đèn cảnh báo PCS (nếu có)** Khi chuông báo kêu đồng thời. Chỉ ra có trục trặc xảy ra trong PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm). → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi chuông không kêu: PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) tạm thời không khả dụng, có thể cần đến hoạt động hiệu chỉnh. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P. 247, 601)** Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng.
 (Màu vàng)	**Đèn chỉ báo LDA (chuông cảnh báo) (nếu có)** Chỉ ra rằng có trục trặc trong LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P. 270)**
	**Đèn chỉ báo OFF hệ thống BSM (chuông cảnh báo) (nếu có)** Chỉ ra có trục trặc trong chức năng BSM (theo dõi điểm mù) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Chỉ ra rằng cản sau xung quanh cảm biến ra-đa bị che phủ bởi bụi bẩn… (→P. 299) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P. 298, 601)**
 (Nháy)	**Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA (chuông cảnh báo) (nếu có)** Chỉ ra một hư hỏng trong chức năng RCTA (cảnh báo có phương tiện cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo có phương tiện cắt ngang phía sau) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Chỉ ra rằng cản sau xung quanh cảm biến ra-đa bị che phủ bởi bụi bẩn… (→P. 299) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P. 316)**
 (Nhấp nháy hoặc sáng)	**Đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (chuông cảnh báo)*2** Cảnh báo người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn → **Thắt đai an toàn.**

Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
 (Nhấp nháy hoặc sáng) hoặc  (Nhấp nháy hoặc sáng)	**Đèn nhắc thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía sau (chuông cảnh báo)*4 (nếu có)** Cảnh báo các hành khách phía sau thắt đai an toàn → **Thắt đai an toàn.**
	**Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp** Thông báo mức nhiên liệu còn lại khoảng 12.0 L trở xuống → **Hãy nạp nhiên liệu cho xe.**
 (Nhấp nháy hoặc sáng)	**Đèn cảnh báo chính (chuông cảnh báo)** Chuông báo sẽ kêu và đèn cảnh báo sẽ sáng lên và nhấp nháy để chỉ ra rằng hệ thống cảnh báo chính đã phát hiện lỗi. → **P. 601**
 (Nháy)	**Đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có)** Chỉ ra rằng hệ thống dừng và khởi động động cơ đã bị lỗi khi đèn này nhấp nháy (Chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ sẽ sáng lên khi tắt hệ thống này: →P. 339) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**
	**Đèn chỉ báo phanh đỗ (chuông cảnh báo)*5** Nhắc nhở người lái nhả phanh đỗ. → **Nhả phanh đỗ.**
	**Đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp (nếu có)** Chỉ ra rằng động cơ không thể khởi động lại được do mức dung dịch AdBlue™ thấp. → **Hãy nạp lại AdBlue™ tại Đại lý Toyota.**
	**Đèn cảnh báo áp suất lốp (nếu có)** Khi đèn cảnh báo sáng lên: Áp suất lốp đang thấp do • Các nguyên nhân tự nhiên (→P. 599) • Lốp bị xịt hơi (→P. 607) → **Hãy điều chỉnh áp suất lốp về mức tiêu chuẩn.** **Đèn này sẽ tắt đi sau vài phút. Trong trường hợp đèn không tắt đi ngay cả khi đã điều chỉnh áp suất lốp, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi đèn sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút: Có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp (→P. 599) → **Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
AUTO LSD (Nháy)	**Chỉ báo AUTO LSD (nếu có)** Chỉ ra rằng hệ thống đang tạm thời không khả dụng, do hệ thống phanh quá nóng. → **P. 359**

*1: Hãy giảm tốc độ cho tới khi đèn này tắt đi.

*2: Chuông nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn sẽ kêu để cảnh báo người lái và hành khách phía trước rằng đai an toàn chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian nhất định sau khi xe đạt đến tốc độ nhất định.

*3: Chuông nhắc nhở hành khách phía sau thắt đai an toàn kêu để báo cho hành khách phía sau biết rằng đai chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian, sau khi đai an toàn được thắt và chưa được thắt và xe đạt đến tốc độ nhất định.

*4: Chuông cảnh báo gài phanh đỗ sẽ kêu nếu tốc độ xe đạt từ 5 km/h trở lên.

n Cảm biến phát hiện hành khách, chuông cảnh báo và nhắc nhở thắt đai an toàn

- Nếu hành lý được đặt trên ghế hành khách, một cảm biến phát hiện hành khách phía trước hoặc cảm biến phát hiện hành khách phía sau (nếu có) có thể làm đèn cảnh báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu ngay cả khi hành khách không ngồi trên ghế.
- Nếu đặt tấm đệm lót ghế lên ghế, cảm biến sẽ không xác định được là có người ngồi trên ghế hay không và đèn cảnh báo có thể không làm việc chính xác được.

n Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi lái xe

Với một số kiểu xe, đèn chỉ báo lỗi có thể sáng nếu bình nhiên liệu cạn hẳn. Nếu bình nhiên liệu cạn, hãy nạp lại nhiên liệu ngay lập tức. Đèn chỉ báo lỗi có thể tắt sau vài hành trình.

Nếu đèn chỉ báo không tắt, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n Khi đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (nếu có)

Hãy thực hiện các quy trình sau nếu nhiệt độ lốp xe đã giảm tới nhiệt độ phù hợp.

- Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh đến mức phù hợp.
- Nếu đèn cảnh báo không tắt ngay sau vài phút, hãy kiểm tra xem áp suất lốp có nằm trong tiêu chuẩn hay không và tiến hành khởi tạo.

Đèn cảnh báo sẽ lại sáng lên nếu thực hiện các thao tác trên mà không đợi cho nhiệt độ của lốp hạ xuống mức cần thiết.

n **Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng lên do các nguyên nhân tự nhiên (nếu có)**

Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng do các nguyên nhân như lốp bị non hơi tự nhiên hoặc thay đổi áp suất lốp do nhiệt độ. Trong trường hợp này, đèn cảnh báo sẽ tắt sau khi điều chỉnh lại áp suất lốp (sau một vài phút).

n **Khi thay lốp dự phòng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng nếu như áp suất của lốp dự phòng thấp. Nếu lốp bị xịt hơi, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không tắt ngay cả khi thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng.

n **Các tình huống có thể khiến cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp hoạt động không chính xác (nếu có)**

→P. 542

n **Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng liên tục sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút (nếu có)**

Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp thường sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút khi bật công tắc động cơ, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Chuông cảnh báo**

Trong một số trường hợp, bạn có thể sẽ không nghe thấy tiếng chuông báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá to.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông cảnh báo kêu khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Nếu đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống phanh đều sáng lên**

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và liên hệ ngay với đại lý Toyota. Xe của bạn sẽ trở nên rất mất ổn định khi phanh và hệ thống ABS có thể đã bị hỏng, có thể dẫn tới bị tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn càng sớm càng tốt. Hãy điều chỉnh áp suất lốp ngay lập tức.
- Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp, lốp xe có thể đã bị xịt hơi. Hãy kiểm tra các lốp. Nếu lốp bị xịt hơi, hãy thay bằng lốp dự phòng và sửa lốp bị thủng tại đại lý Toyota gần nhất.
- Tránh đánh lái đột ngột và phanh gấp. Nếu lốp xe bị xịt hơi, bạn có thể mất khả năng kiểm soát vô lăng hoặc phanh.

n **Nếu xe bị nổ lốp hoặc áp suất lốp giảm đột ngột (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không được kích hoạt ngay lập tức.

⚠ CHÚ Ý

n **Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi áp suất tăng áp của turbo tăng áp cao bất thường (động cơ diesel)**

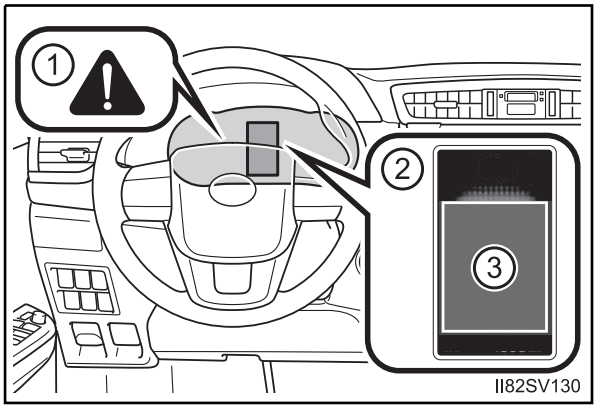
Không lái xe ở tốc độ cao hoặc rồ ga động cơ kể cả khi đèn báo đã tắt đi.

n **Để đảm bảo hệ thống cảnh báo áp suất lốp hoạt động bình thường (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Không lắp các lốp khác loại hoặc khác nhà sản xuất, nếu không hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.

Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị

Màn hình đa thông tin sẽ cho biết các cảnh báo lỗi của hệ thống, thông báo về các thao tác sử dụng sai và cho biết xe cần bảo dưỡng. Khi xuất hiện một thông báo, hãy làm theo các hướng dẫn của thông báo đó.



① Đèn cảnh báo chính

Đèn cảnh báo chính sẽ sáng hoặc nhấp nháy để chỉ ra rằng đang xuất hiện một thông báo trên màn hình đa thông tin.

② Màn hình đa thông tin

③ Cách xử lý

Hãy làm theo các hướng dẫn trên màn hình đa thông tin.

Nếu có bất kỳ thông điệp cảnh báo nào xuất hiện lại sau khi thực hiện quy trình sau, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Các thông báo và cảnh báo

Các đèn cảnh báo và chuông cảnh báo sẽ hoạt động như sau tùy vào nội dung của thông báo. Nếu một thông báo yêu cầu phải kiểm tra xe, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

	Đèn cảnh báo hệ thống	Chuông cảnh báo*	Nội dung cảnh báo
Sáng lên	Sáng lên	Kêu	Chỉ ra một tình huống quan trọng, như khi một hệ thống liên quan đến khả năng điều khiển xe đã bị lỗi hoặc cảnh báo nguy hiểm có thể xuất hiện do chưa thực hiện đúng quy trình chuẩn.
Sáng lên	—	Kêu	
—	Sáng lên hoặc nhấp nháy	Kêu	Chỉ ra một tình huống quan trọng, như hệ thống đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin có thể đã bị lỗi
Nhấp nháy	—	Kêu	Chỉ ra về một tình huống, như khi có thể dẫn tới hư hỏng xe hoặc bị nguy hiểm
Sáng lên	—	Không kêu	Chỉ ra về một tình huống, như khi có lỗi trong các thiết bị điện, tình trạng của các thiết bị điện hoặc thông báo nhu cầu bảo dưỡng
Nhấp nháy	—	Không kêu	Chỉ ra về một tình huống, như khi thao tác không chính xác hoặc chỉ ra cách thao tác chính xác

Trong vài tình huống, hoạt động của đèn cảnh báo và chuông cảnh báo có thể khác. Trong trường hợp này, hãy làm theo các hướng dẫn của thông báo đó.

*: Chuông báo sẽ kêu khi một thông điệp xuất hiện lần đầu trên màn hình đa thông tin.

n Các thông điệp cảnh báo

Những thông điệp cảnh báo được giải thích dưới đây có thể khác với thông điệp thực tế tùy theo các điều kiện hoạt động và các thông số kỹ thuật của xe.

n Nếu xuất hiện một thông báo về một thao tác

- Nếu thông báo về thao tác với công tắc động cơ xuất hiện
  Hướng dẫn hoạt động của công tắc động cơ sẽ xuất hiện khi người lái thực hiện quy trình khởi động động cơ hoặc thao tác với công tắc động cơ không chính xác. Hãy làm theo các hướng trên màn hình đa thông tin để thao tác lại với công tắc động cơ.
- Nếu thông báo về thao tác cần số xuất hiện
  Để tránh thao tác sai với cần số hoặc xe di chuyển bất ngờ, một thông báo yêu cầu thao tác với cần chuyển số có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, hãy làm theo hướng dẫn và chuyển cần số.
- Nếu thông báo hoặc hình ảnh về tình trạng mở/đóng của chi tiết cần bảo dưỡng hoặc thay thế xuất hiện
  Hãy xác nhận trạng thái của chi tiết được đề cập trên màn hình đa thông tin hoặc đèn cảnh báo, sau đó thực hiện thao tác xử lý tương ứng như đóng lại cửa chưa được đóng chặt hoặc bổ sung vật tư tiêu hao.

n Nếu có  xuất hiện

Mức dầu động cơ là quá thấp. (Thông báo này có thể sẽ xuất hiện nếu bạn dừng xe trên đường dốc. Hãy di chuyển xe tới vị trí bằng phẳng và kiểm tra xem thông báo này có biến mất không.)
Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.

n Nếu thông điệp "Nhấn bàn đạp ga và phanh đồng thời" xuất hiện

Người lái đang đạp đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
(→P. 183)
Nhả bàn đạp ga và nhấn bàn đạp phanh.

n Nếu thông điệp "Windshield washer fluid low" xuất hiện

Mức nước rửa kính thấp.

Hãy bổ sung nước rửa kính. (→P. 526)

n **Nếu thông báo "Differential oil temp high Shift to 2WD mode Cooling time required" hoặc "Differential oil temp high Cooling time required" xuất hiện**

Nhiệt độ dầu vi sai quá cao.
Xoay công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí H2, và giảm tốc độ xe hoặc dừng xe ở vị trí an toàn. (→P. 323)

n **Nếu thông điệp "Over 120km/h" xuất hiện**

Tốc độ xe đã đạt từ 120 km/h trở lên. Lúc này, chuông báo cũng kêu. Chuông báo sẽ ngừng kêu sau 6 giây hoặc nếu bạn giảm tốc xuống dưới 120 km/h.
Hãy giảm tốc tốc độ xe.

n **Nếu thông điệp “Mức dầu động cơ thấp Bổ sung hoặc thay thế” xuất hiện**

Mức dầu động cơ thấp. Hãy kiểm tra mức dầu động cơ và bổ sung nếu cần. (→P. 515) Thông điệp cảnh báo này có thể xuất hiện nếu xe được đỗ trên đường dốc. Lái xe đến địa điểm bằng phẳng và kiểm tra xem thông điệp có tắt không.

n **Nếu thông báo “Power turned off to save battery” xuất hiện**

Xe đã được tắt nguồn nhờ chức năng tắt nguồn tự động.
Khi khởi động động cơ trong lần tiếp theo, hãy tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Thay bộ lọc nhiên liệu"**

Cần phải thay thế bộ lọc nhiên liệu.

Nếu động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel sinh học có tỷ lệ FAME (B5) lớn hơn 5%, thì kỳ thay thế bộ lọc nhiên liệu sẽ ngắn hơn.

n **Nếu thông điệp “Cần phục hồi toàn bộ DPF bằng tay Xem Hướng dẫn sử dụng” xuất hiện**

Lượng muội than tích tụ trong bộ lọc cần được tái tạo. (→P. 362)

n **Nếu thông điệp “Đang tiến hành Phục hồi DPF” xuất hiện**

Sự tái tạo đang thực hiện tự động bởi hệ thống DPF.
(→P. 361)

n Nếu thông điệp chỉ ra có trục trặc camera phía trước được hiển thị

Những hệ thống sau có thể sẽ bị treo cho tới khi lỗi hiển thị trên thông báo được khắc phục xong. (→P. 247, 593)

- l PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*
- l LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)*
- l RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*
- l Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

*: Nếu có

n Nếu xuất hiện thông điệp chỉ ra có trục trặc với cảm biến ra đa

Những hệ thống sau có thể sẽ bị treo cho tới khi lỗi hiển thị trên thông báo được khắc phục xong. (→P. 247, 593)

- l PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*
- l LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)*
- l Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

*: Nếu có

n Nếu thông điệp “See owner’s manual” xuất hiện

- l Nếu các thông báo sau xuất hiện, hãy làm theo các hướng dẫn tương ứng.
  - "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng" (→P. 632)
  - “BSM Unavailable" (→P. 298)
  - “Transmission fluid temp high" (→P. 217)
  - “Water accumulation in fuel filter” (→P. 529)
  - “Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue Ở 2400 km" (→P. 532)
  - “AdBlue level Low No start in 800 km Top up AdBlue" (→P. 532)
  - “AdBlue empty Unable to Restart Engine Fill up AdBlue" (→P. 532)
  - “DPF full" (→P. 362)
  - “Front Camera Temporarily Unavailable" (→P. 247)
- l Nếu thông điệp “Lỗi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh” xuất hiện, điều này có nghĩa là đã có trục trặc.
  Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- l Nếu xuất hiện thông báo “Low Braking Power Stop in a Safe Place”, có thể xe đã bị lỗi.
  Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu vẫn tiếp tục lái xe.
- l Nếu thông điệp sau đây xuất hiện, thì có thể có lỗi trong hệ thống. Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.
  - “Charging System Malfunction Stop in a Safe Place"
  - "Áp suất dầu thấp Dừng lại ở vị trí an toàn"

n **Nếu thông điệp “Radar Cruise Control Temporarily Unavailable See Owner’s Manual” xuất hiện**

Hệ thống điều khiển chạy tự động có ra-đa hỗ trợ bị treo một cách tạm thời hoặc cho khi vấn đề trên thông báo được xử lý. (nguyên nhân và phương pháp xử lý:
→P. 247)

n **Nếu thông điệp “Điều khiển hành trình nhờ rađa kg khả dụng” xuất hiện**

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa tạm thời không thể hoạt động được. Hãy sử dụng hệ thống này khi nó có thể hoạt động trở lại.

n **Nếu thông báo "Visit Your Dealer” xuất hiện**

Các hệ thống hoặc chi tiết được hiển thị trên màn hình đa thông tin đã bị lỗi.
Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra ngay xe giúp bạn.

n **Chuông cảnh báo**

Trong một số trường hợp, bạn có thể sẽ không nghe thấy tiếng chuông báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá to.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông cảnh báo kêu khi một cảnh báo xuất hiện**

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi xuất hiện cảnh báo mức dầu động cơ thấp**

Tiếp tục cho động cơ hoạt động khi mức dầu động cơ thấp sẽ làm hỏng động cơ.

n **Nếu “Tích tụ nước trong bộ lọc nhiên liệu Tham khảo Hướng dẫn sử dụng” được hiển thị**

Không tiếp tục lái xe nếu xuất hiện thông báo trên. Nếu tiếp tục lái xe khi nước đang tích tụ trong bộ lọc nhiên liệu có thể làm hỏng bơm nhiên liệu.

Nếu xe bị xịt lốp

Xe được trang bị lốp dự phòng. Hãy thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng.

Để biết thêm thông tin chi tiết về lốp: →P. 537

⚠ CẢNH BÁO

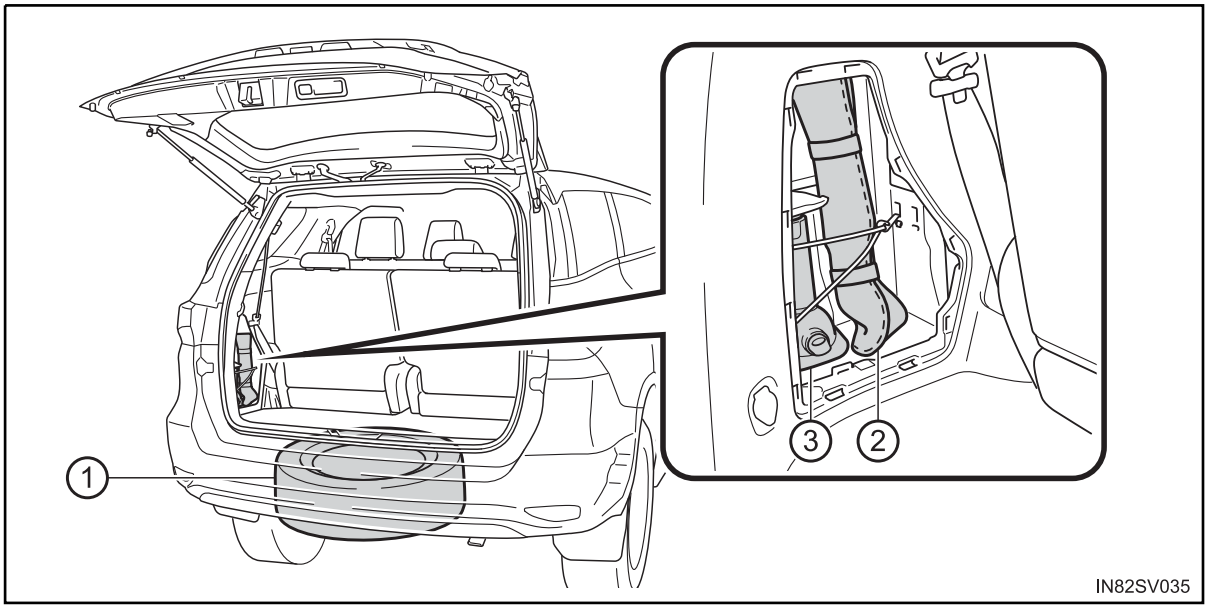
n **Nếu xe bị xịt lốp**

Không được tiếp tục lái xe với lốp bị xịt.
Lái xe với lốp xịt kể cả chỉ trên một đoạn đường ngắn cũng có thể sẽ làm cho lốp xe và vành xe bị hỏng nặng tới mức không sửa chữa được.

Trước khi kích xe lên

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn, trên bề mặt cứng và phẳng.
- Gài phanh đỗ.
- Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí R (hộp số thường).
- Tắt động cơ.
- Bật các đèn nháy khẩn cấp. (→P. 578)

Vị trí của lốp dự phòng, kích và các dụng cụ



① Lốp dự phòng

② Túi dụng cụ

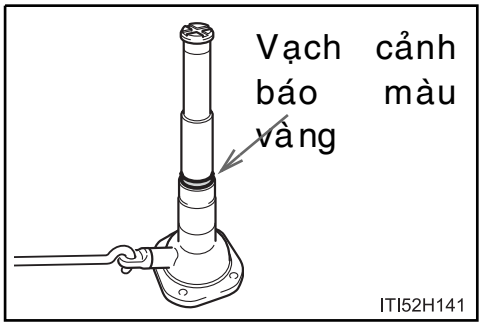
③ Kích

⚠ CẢNH BÁO

n **Sử dụng kích lốp**

Sử dụng kích không đúng cách có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng do xe bất ngờ rơi khỏi kích.

- Không được sử dụng kích vào mục đích nào khác ngoài việc dùng để thay lốp hoặc để lắp và tháo xích quấn lốp.
- Chỉ dùng kích của chính xe bị xịt lốp để thay lốp bị xịt.
  Không dùng kích này trên bất kỳ xe nào khác và cũng không được sử dụng kích của xe khác trên xe này.
- Hãy đảm bảo rằng kích có thể dịch chuyển bình thường.
- Luôn luôn kiểm tra rằng kích đã được đặt đúng vào vị trí kích trên xe.
- Không để bất kỳ phần cơ thể nào dưới xe đang được đỡ bởi kích.
- Không được khởi động hoặc để động cơ chạy khi xe đang được đỡ bởi kích.
- Không nâng xe lên khi đang có người bên trong xe.
- Khi đang nâng xe lên, không được để vật gì bên trên hoặc bên dưới kích.
- Không được nâng xe lên cao quá mức cần thiết để thay thế lốp.
- Không được tiếp tục kích xe lên khi vạch cảnh báo màu vàng xuất hiện.



- Nếu cần thiết, hãy sử dụng giá đỡ để kê dưới gầm xe.

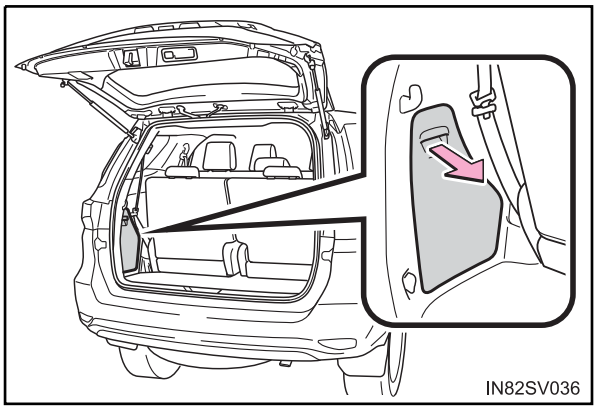
Hãy hết sức chú ý khi hạ xe xuống để đảm bảo không làm bị thương người đang làm việc trên hoặc gần xe.

n **Sử dụng tay quay kích**

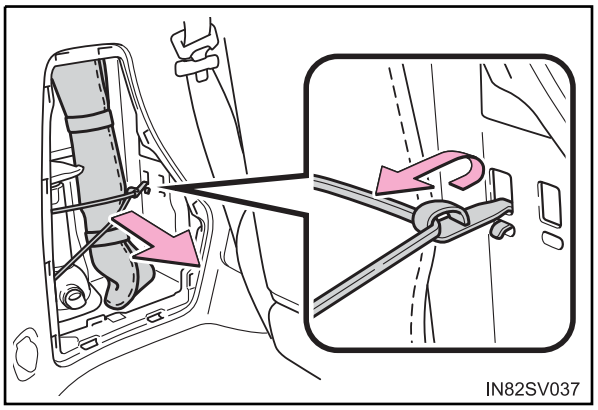
Hãy cắm đầu vuông vào một cách chắc chắn cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách để tránh làm phần tay nối dài bị bất ngờ tuột ra.

Lấy kích và túi dụng cụ ra

1 Tháo nắp che.



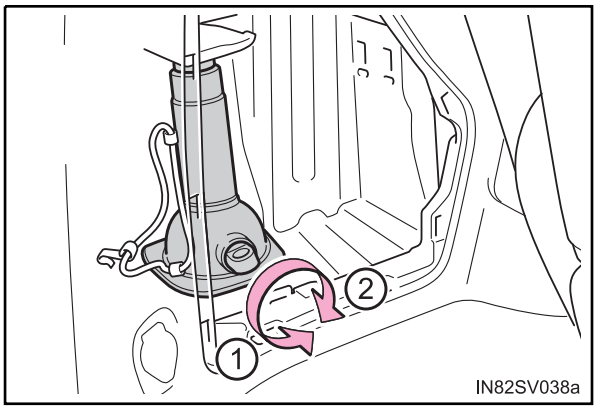
2 Nhả móc hãm và lấy túi đựng dụng cụ ra.



3 Lấy kích ra.

① Để nới lỏng kích

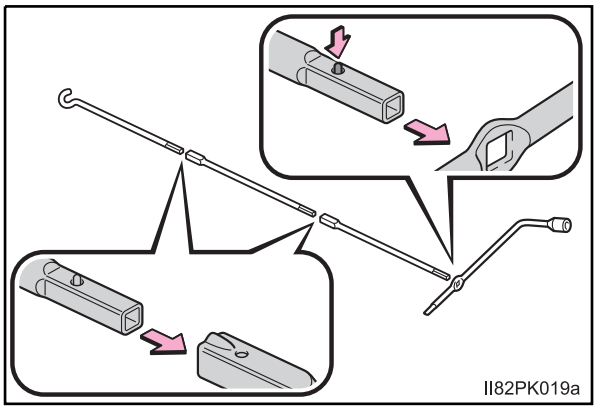
② Để cố định kích



Lấy lốp dự phòng ra

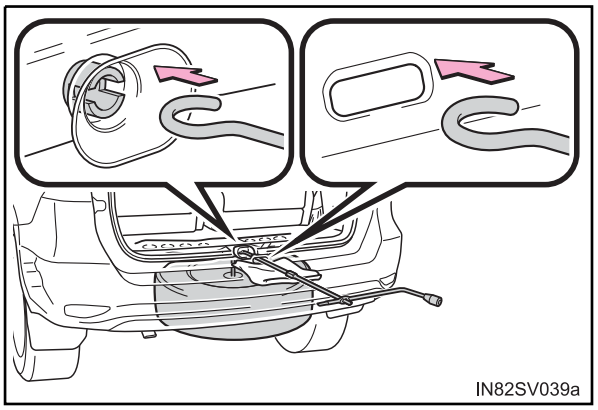
1 Nối đầu tay nối kích, tay quay kích kéo dài và cờ lê đai ốc lốp.

Để lắp tay quay kích kéo dài và cờ lê tháo ốc lốp, hãy ấn phần lồi lên vào tay quay kích kéo dài.

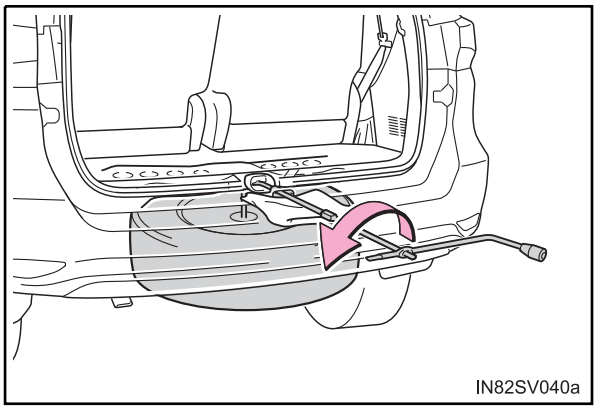


2 Cắm đầu tay quay kích vào vít hạ lốp.

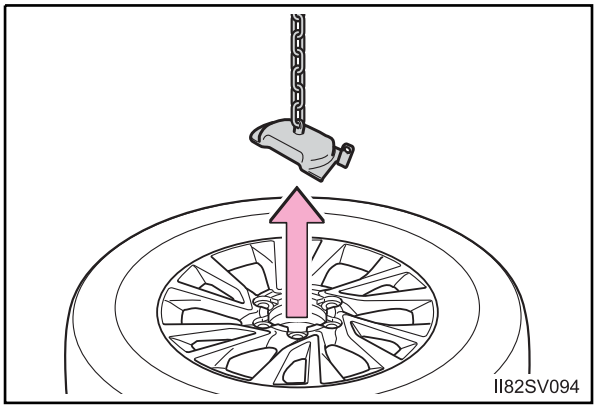
Hãy một miếng đặt giẻ mềm ở phía dưới tay quay kích nối dài để bảo vệ cản xe.



3 Hạ hẳn bánh xe dự phòng xuống đất.

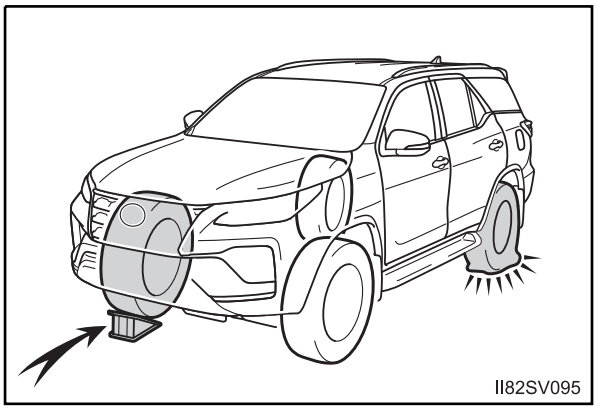


4 Tháo giá bắt lốp và kéo lốp dự phòng ra.



Thay lốp bị xịt hơi

1 Chèn các lốp xe

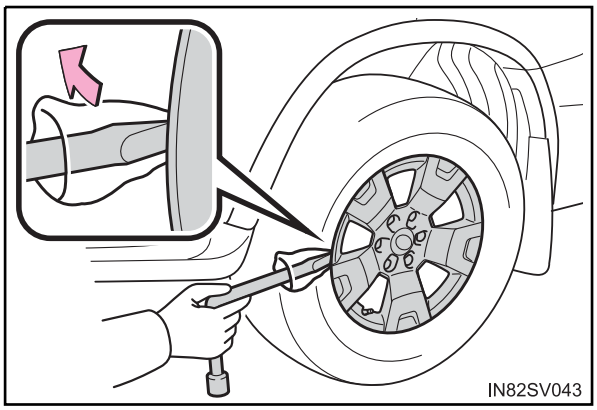


Lốp bị xịt hơi		Vị trí chèn bánh xe
Phía trước	Bên trái	Phía sau lốp sau bên phải
	Bên phải	Phía sau lốp sau bên trái
Phía sau	Bên trái	Phía trước lốp trước bên phải
	Bên phải	Phía trước lốp trước bên trái

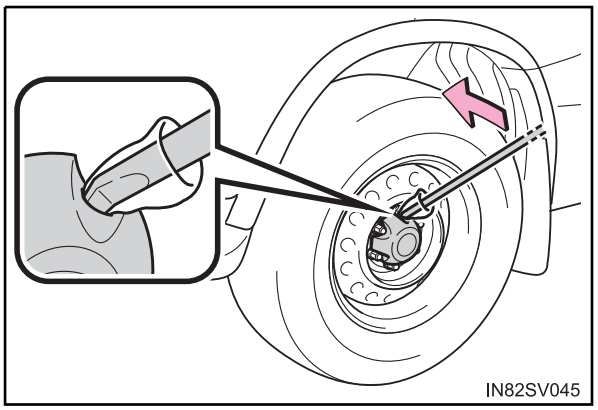
2 Sử dụng đầu dẹt của cờ lê đai ốc lốp để nạy nắp chụp bánh xe ra như trên hình minh họa.

Để bảo vệ nắp chụp bánh xe, hãy lót một miếng giẻ giữa cờ lê đai ốc lốp và nắp chụp bánh xe.

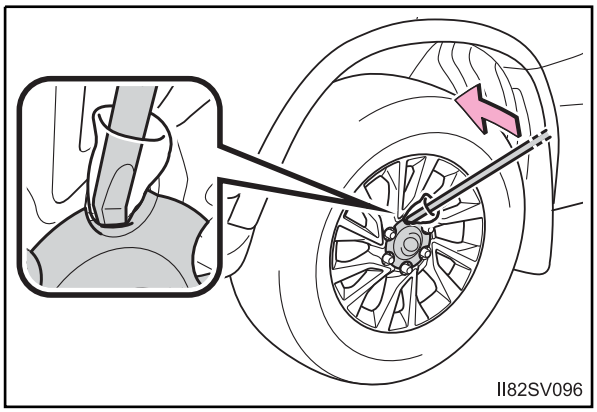
▶ Kiểu A



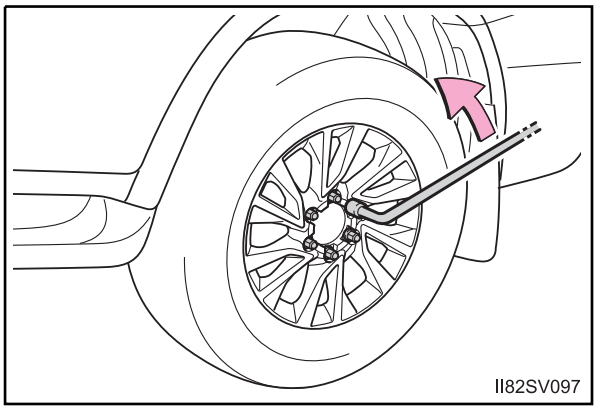
▶ Kiểu B



▶ Kiểu C



3 Nới lỏng nhẹ các đai ốc lốp (một vòng).

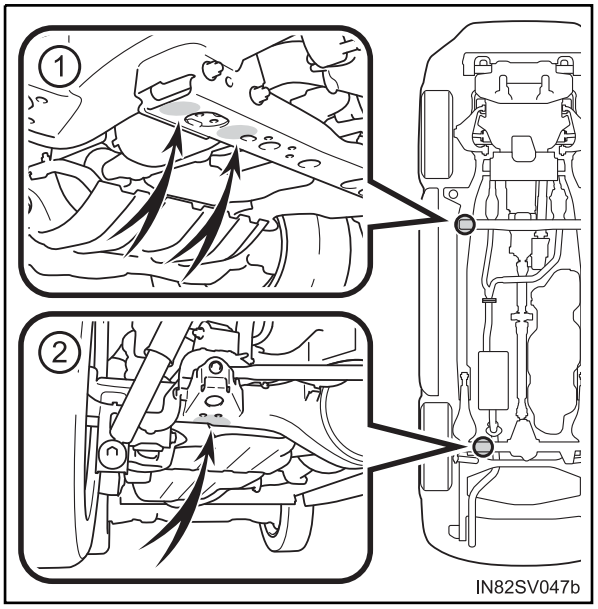


4 Lắp tay quay kích. (→P. 611)

5 Đặt kích tại vị trí như trong hình minh họa.

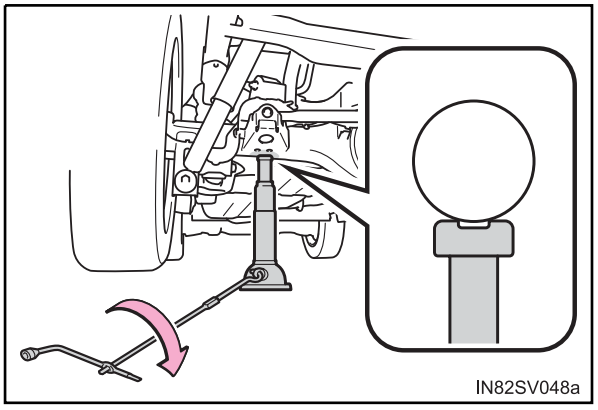
① Phía trước
Phía dưới dầm ngang

② Phía sau
Phía dưới vỏ cầu sau



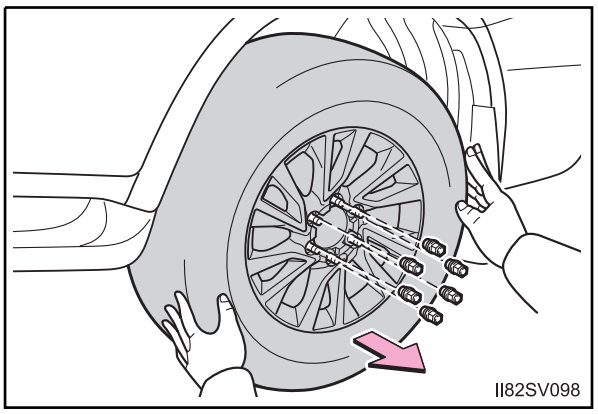
6 Hãy nâng xe lên cho tới khi bánh xe hơi nhấc lên khỏi mặt đất.

Khi đặt kích phía dưới vỏ cầu xe, hãy đảm bảo rằng các rãnh trên mặt đỡ của kích khớp với vỏ cầu sau.



7 Tháo tất cả các đai ốc lốp và tháo lốp.

Khi đặt bánh xe xuống đất, hãy đặt sao cho mặt ngoài của bánh xe được hướng lên trên nhằm tránh làm xước bề mặt vành xe.



⚠ CẢNH BÁO

n **Thay lốp bị xịt hơi**

l Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ bị chấn thương nghiêm trọng:

- Hạ hoàn toàn lốp dự phòng xuống đất trước khi kéo nó ra khỏi xe.
- Không cố tháo nắp chụp bánh xe bằng tay. Hãy cẩn thận khi thao tác với nắp chụp bánh xe để tránh bị thương.
- Không chạm vào đĩa phanh hoặc khu vực xung quanh phanh ngay sau khi lái xe.
  Sau khi lái xe, các đĩa phanh và khu vực xung quanh của hệ thống phanh sẽ rất nóng. Bạn có thể sẽ bị bỏng nếu chạm tay trần, chân hoặc các phần cơ thể khác vào các vị trí đó khi thay lốp…

l Nếu không tuân theo các lưu ý trên có thể làm cho các đai ốc lốp bị lỏng và bánh xe có thể sẽ bị rơi ra, dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Sau khi thay lốp, hãy kiểm tra mô men xiết bằng càng sớm càng tốt.
  Lực xiết đai ốc lốp: 105 N m
- Không gắn tấm ốp vành xe đã bị hỏng nặng do nó có thể sẽ bị văng ra ngoài khi xe đang di chuyển.
- Khi lắp lốp, chỉ sử dụng đai ốc lốp được thiết kế đặc biệt cho loại lốp đó.
- Nếu bu lông moay ơ, đai ốc hoặc các lỗ bu lông của vành xe bị nứt hoặc biến dạng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Khi lắp đai ốc lốp, hãy đảm bảo rằng đầu vát của đai ốc lốp hướng về phía trong khi lắp đai ốc lốp.

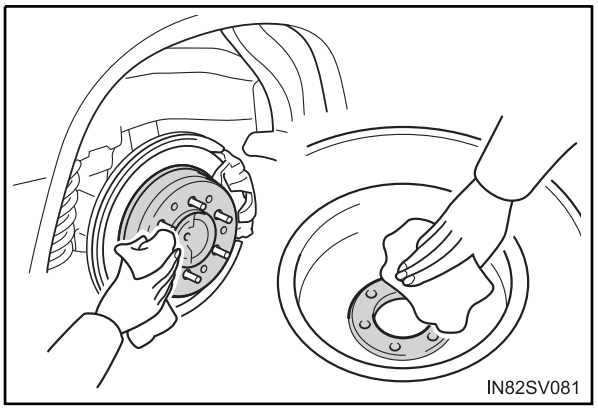
n **Thay lốp bị xịt hơi cho xe có cửa hậu điều khiển điện (nếu có)**

Trong trường hợp thay lốp, chắc chắn phải vô hiệu hóa hệ thống cửa hậu điều khiển điện (→P. 142). Nếu không, có thể sẽ làm cho cửa hậu bất ngờ hoạt động nếu bạn vô tình chạm vào công tắc cửa hậu điều khiển điện, tay bạn có thể bị kẹp và chấn thương.

Lắp lốp dự phòng

1 Lau sạch toàn bộ bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành và moay ơ.

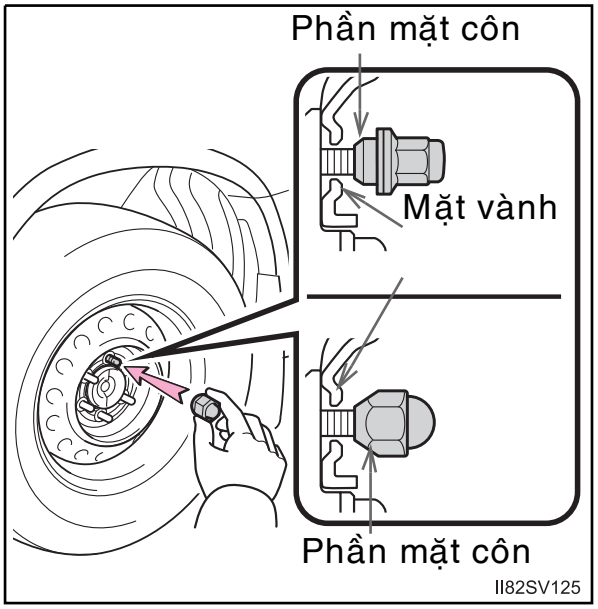
Nếu có bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành xe, thì các đai ốc lốp có thể sẽ bị lỏng ra khi xe chuyển động, và lốp có thể bị rơi ra khỏi xe.


IN82SV081

2 Lắp bánh xe lên và dùng tay lắp lại tất cả các ốc lốp với lực xiết đều nhau.

▶ Vành thép

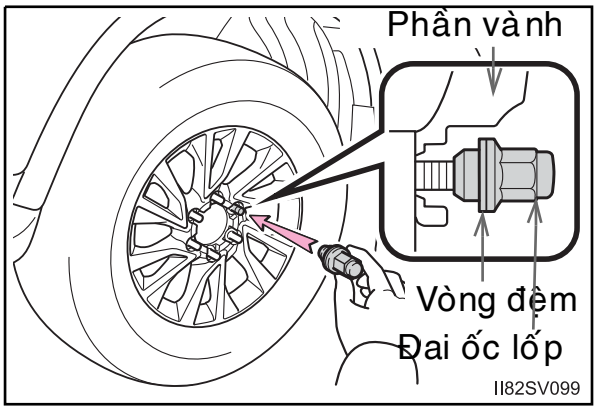
Xiết các đai ốc lốp cho tới khi phần côn của đai ốc tiếp xúc với mặt vành.



II82SV125

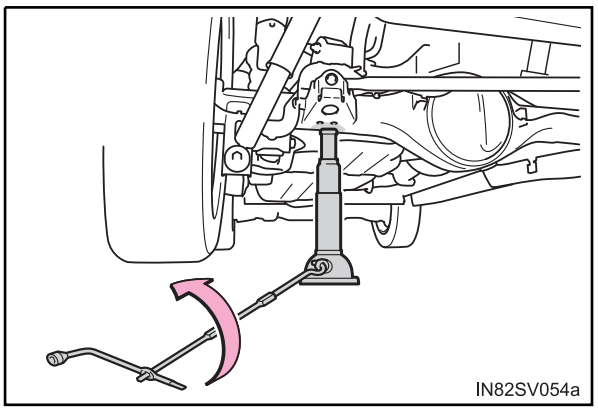
▶ Vành nhôm

Hãy siết các đai ốc lốp cho tới khi phần mặt côn của đai ốc tiếp xúc với phần vành xe.



II82SV099

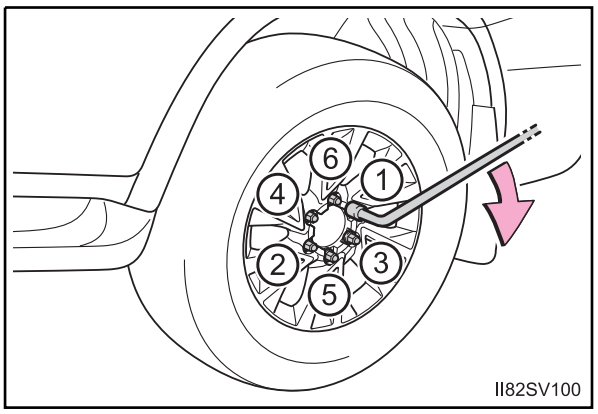
3 Hạ xe xuống.



4 Xiết chặt hoàn toàn các đai ốc lốp từ hai tới ba lần theo thứ tự như trên hình vẽ bằng cờ lê bắt ốc lốp.

Mômen xiết:

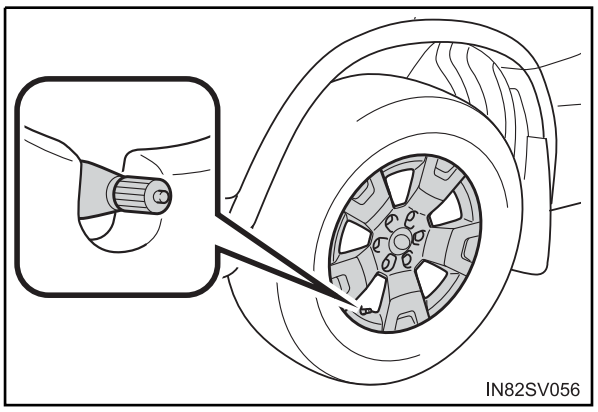
105 Nm



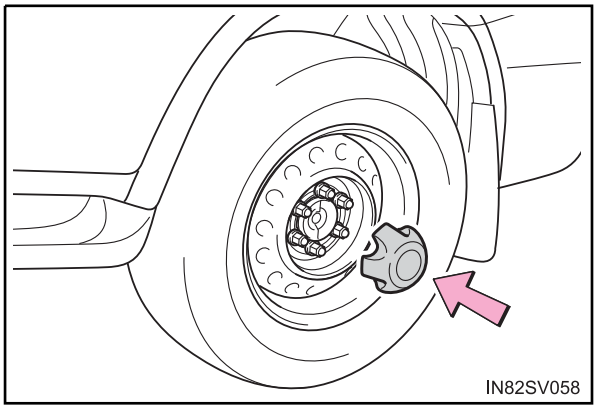
5 Xe có lốp dự phòng cùng loại với các lốp dùng trên xe: Lắp lại nắp chụp bánh xe.

▶ Kiểu A

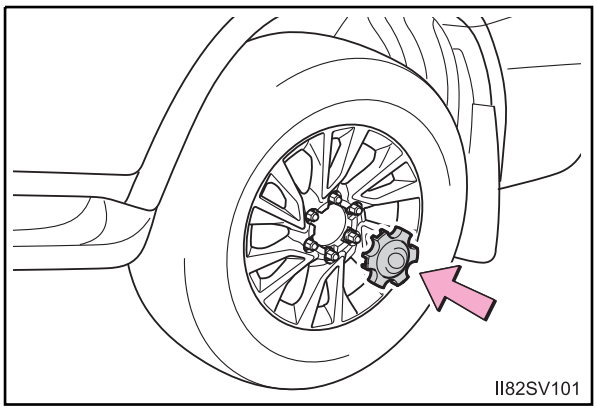
Gióng thẳng rãnh vát của nắp chụp bánh xe với thân van lốp như trong hình vẽ.



▶ Kiểu B



▶ Kiểu C



⚠ CẢNH BÁO

n **Cất lốp bị xịt hơi**

Nếu không tuân thủ theo các bước sau để cất lốp bị xịt hơi thì có thể sẽ làm hỏng giá bắt lốp dự phòng và làm mất lốp, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

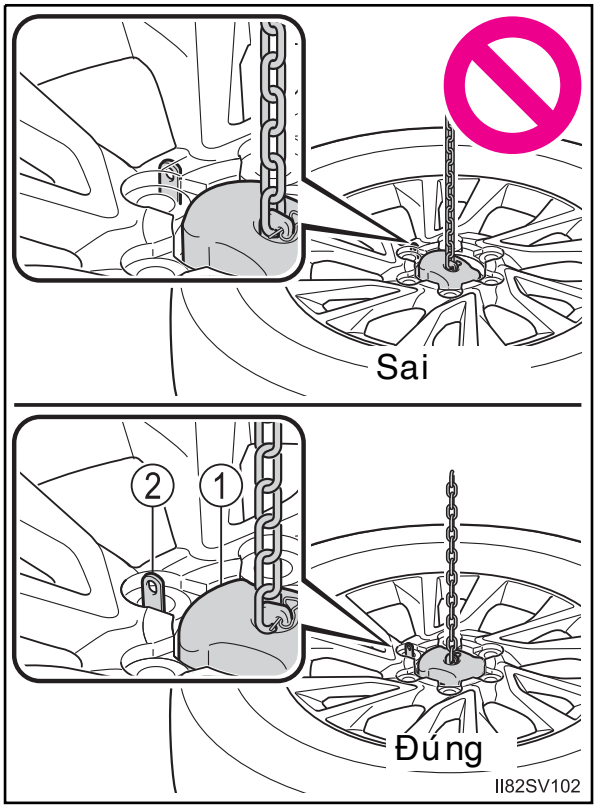
Cất lốp bị xịt hơi, kích và tất cả các dụng cụ

1 Hãy đặt nằm lốp xuống đất với thân van hướng lên trên và lắp giá bắt lốp dự phòng, gài vấu hãm vào lỗ của đai ốc lốp. Xoay tay quay kích nối dài theo chiều kim đồng hồ để cuốn xích lại.

Sau đó, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng vấu hãm đã nằm trong lỗ của đai ốc lốp và giá bắt lốp dự phòng đã nằm ở tâm của moay ơ bánh xe.

① Giá bắt lốp

② Vấu hãm

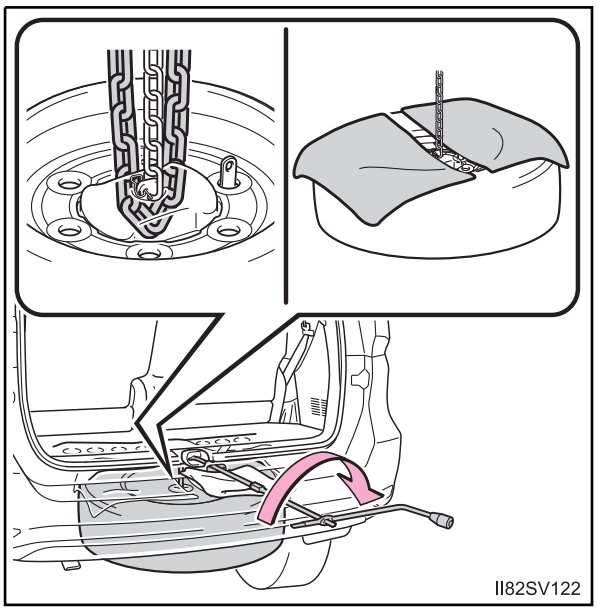


2 Nâng lốp lên.

Để bảo vệ nắp chụp bánh xe, hãy lót một miếng giẻ giữa cờ lê và nắp chụp bánh xe.

Trong khi kéo lốp lên, hãy cố định lốp dưới gầm xe, hãy đảm bảo rằng lốp xe được nhấc thẳng lên và không bị vướng vào các chi tiết xung quanh để tránh làm cho lốp bị văng về phía trước khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp.

Sau khi nâng lốp lên nửa chừng, hãy kiểm tra rằng bạn có thể luồn xích treo lốp vào lỗ lốp, để cất gọn phù hợp.



Mômen xiết:

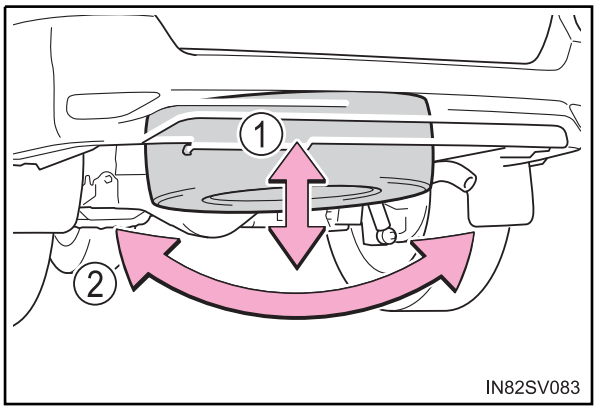
37 N.m

3 Hãy xác nhận rằng lốp xe đã được cố định chắc chắn sau khi xiết:

① Đẩy và kéo lốp

② Thử xoay lốp

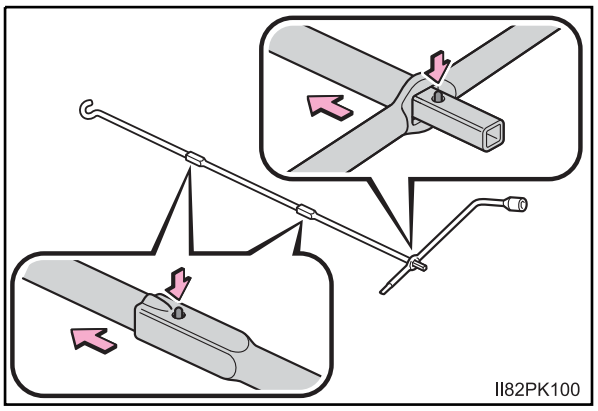
Hãy kiểm tra bằng cách quan sát để đảm bảo rằng lốp xe không bị vướng vào các chi tiết xung quanh.



Nếu lốp xe bị lỏng hoặc bị lệch, hãy làm lại bước số 2 và bước số 3.

4 Hãy làm lại bước số 3 mỗi khi điều chỉnh hoặc hạ lốp xuống.

5 Hãy ấn phần lồi lên trên tay quay kích và tháo đầu tay quay kích, tay quay kích nối dài và cờ lê đai ốc lốp ra.



6 Hãy cất túi dụng cụ và kích một cách chắc chắn.

n **Lốp bị xịt hơi**

Vá hoặc thay thế lốp bị xịt càng sớm càng tốt.

Khi cất lốp được vá hoặc được sửa chữa trên giá đỡ, hãy bóc giẻ bảo vệ mặt vành.

⚠ CẢNH BÁO

n **Sau khi sử dụng các dụng cụ và kích**

Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng tất cả các dụng cụ và kích đã được cố định chắc chắn để tránh bị chấn thương khi xe bị va chạm hay phanh gấp.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi cất lốp bị xịt hơi**

Hãy đảm bảo rằng không có vật nào giữa lốp và gầm xe (trừ giẻ được sử dụng khi cất lốp bị xịt).

n **Khi lắp tay quay kích nối dài**

Hãy ấn đầu nối hình vuông vào cho tới khi nghe thấy một tiếng tách. Nếu không tay nối dài có thể sẽ bị tuột ra và làm hỏng lớp sơn hay thân xe.

n **Khi thay các lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi tháo hoặc lắp các vành xe, lốp hoặc van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến có thể bị hỏng nếu thao tác không chính xác.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế lốp. (→P. 539)

Nếu động cơ không khởi động được

Nếu động cơ không khởi động được ngay cả khi đã thực hiện đúng các quy trình khởi động chuẩn (→P. 199, 202), hãy xem xét từng trường hợp sau:

Nếu động cơ không khởi động được kể cả khi mô tơ khởi động vẫn làm việc bình thường.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Không đủ nhiên liệu trong bình nhiên liệu.
  Động cơ xăng: Hãy nạp nhiên liệu
  Động cơ diesel: →P. 636
- Động cơ có thể đã bị sặc xăng.
  Hãy thử khởi động lại động cơ một lần nữa theo quy trình chuẩn. (→P. 199, 202)
- Có thể đã có trục trặc trong hệ thống mã hóa khóa động cơ. (→P. 90)

Môtơ máy khởi động quay chậm, đèn chiếu sáng trong xe và đèn pha bị tối hoặc còi xe không kêu hay kêu bé.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P. 626)
- Cáp nối ắc quy bị lỏng hoặc bị ăn mòn.

Môtơ máy khởi động không quay (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hệ thống khởi động động cơ có thể đã bị trục trặc về điện như mạch điện bị hở hoặc cầu chì bị cháy. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể sử dụng các biện pháp tình thế để khởi động động cơ. (→P. 622)

Mô tơ máy khởi động không quay, đèn chiếu sáng trong xe và đèn pha không sáng hoặc còi xe không kêu.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Một hoặc cả hai cực của ắc quy có thể đã bị ngắt kết nối.
- Ắc quy bị hết điện. (→P. 626)
- Có thể có trục trặc bên trong hệ thống khóa vô lăng.
  (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và xe có hệ thống khóa vô lăng)

  Hãy liên hệ với đại lý Toyota nếu bạn không thể xử lý được sự cố hoặc nếu bạn không nắm rõ quy trình sửa chữa đó.

Chức năng khởi động khẩn cấp (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nếu động cơ không khởi động được, bạn có thể dùng quy trình sau đây để khởi động động cơ nếu công tắc động cơ vẫn hoạt động bình thường.

1. Gài phanh đỗ.
2. Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).
3. Chuyển công tắc động cơ sang chế độ ACCESSORY.
4. Ấn và giữ công tắc động cơ trong khoảng 15 giây trong khi đạp chắc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường).

Ngay cả khi khởi động động cơ bằng cách bước nêu trên, hệ thống vẫn có thể có trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Nếu chìa khóa điện tử hoạt động không chính xác (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nếu liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe bị gián đoạn (→P. 154) hoặc không thể dùng được chìa khóa điện tử do pin của chìa khóa bị hết điện, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa sẽ không thể sử dụng được. Trong các trường hợp như vậy, bạn vẫn có thể mở các cửa hoặc khởi động động cơ bằng cách làm theo quy trình sau.

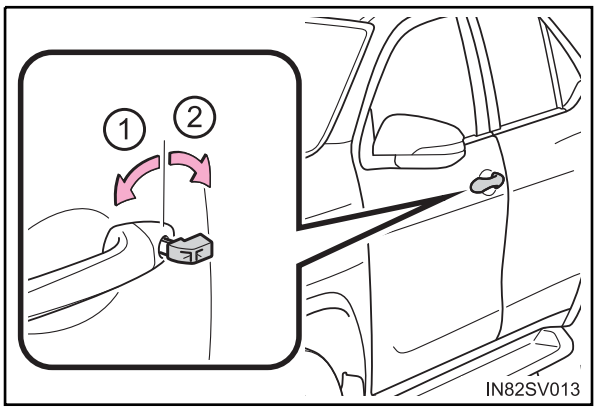
Khóa và mở khóa các cửa

Sử dụng chìa khóa cơ (→P. 128) để thực hiện các thao tác sau:

① Khóa tất cả các cửa

② Mở khóa tất cả các cửa

Xe có hệ thống khóa kép: Xoay chìa khóa về phía sau để mở khóa cửa người lái. Xoay chìa khóa một lần nữa trong vòng 3 giây sẽ mở khóa các cửa khác.

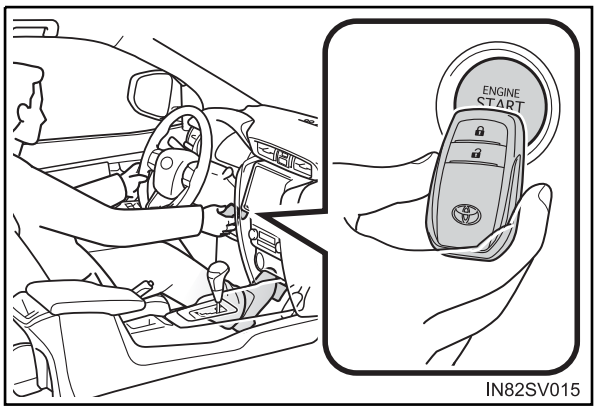


Khởi động động cơ

▶ Hộp số tự động

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đã ở vị trí P và đạp bàn đạp phanh.

2 Chạm mặt sau của nút khóa và nút mở khóa trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.



Khi chìa khóa điện tử được phát hiện, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ được chuyển sang chế độ IGNITION ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn, công tắc động cơ sẽ chuyển sang chế độ ACCESSORY.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

Một thông báo hướng dẫn cách khởi động động cơ sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

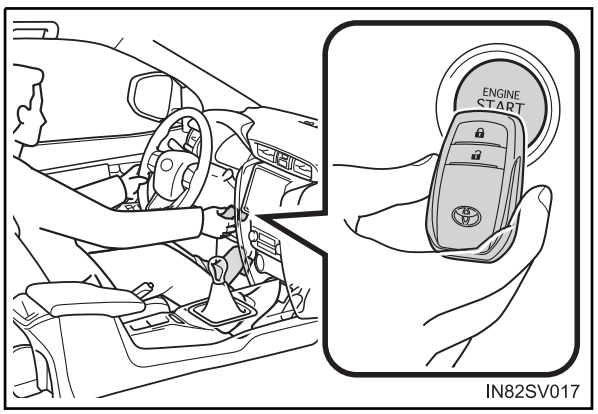
4 Ấn công tắc động cơ.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

▶ Hộp số thường

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đang ở vị trí N và đạp chắc bàn đạp ly hợp.

2 Chạm mặt sau của nút khóa và nút mở khóa trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.



Khi chìa khóa điện tử được phát hiện, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ được chuyển sang chế độ IGNITION ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn, công tắc động cơ sẽ chuyển sang chế độ ACCESSORY.

3 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

Một thông báo hướng dẫn cách khởi động động cơ sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

4 Ấn công tắc động cơ.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

---

n **Tắt động cơ**

Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường) và ấn công tắc động cơ như bình thường để tắt động cơ.

n **Thay pin chìa khóa**

Vì quy trình xử lý trên chỉ là giải pháp tạm thời, hãy thay pin của chìa khóa điện tử ngay khi nó bị hết điện. (→P. 553)

n **Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ**

Hãy nhả bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp ly hợp (hộp số thường) và ấn công tắc động cơ ở bước số 3 ở trên.

Động cơ sẽ không khởi động và các chế độ của công tắc động cơ sẽ thay đổi sau mỗi lần ấn công tắc động cơ. (→P. 204)

n **Khi chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác**

- Hãy đảm bảo rằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh chưa bị vô hiệu hóa bằng chức năng tùy chọn. Nếu nó đã bị vô hiệu hóa, hãy kích hoạt lại.
  (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P. 668)
- Hãy kiểm tra xem chế độ tiết kiệm pin có được đặt không. Nếu đã đặt, hãy hủy chức năng này.
  (→P. 152)

Nếu ắc quy bị hết điện

Có thể sử dụng quy trình sau để khởi động động cơ nếu ắc quy đã bị hết điện.
Bạn có thể gọi cho đại lý Toyota hoặc xưởng sửa chữa có uy tín để yêu cầu giúp đỡ.

Nếu bạn có một bộ cáp nối điện ngoài (hoặc ắc quy tăng cường) và có sẵn một xe thứ 2 với ắc quy 12 V, bạn có thể khởi động bằng cách nối điện ngoài theo các bước sau.

1 Mở nắp capô. (→P. 507)

2 Hãy lắp cáp nối điện ngoài theo quy trình sau:

① Nối kẹp cực dương của cáp nối điện ngoài vào cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

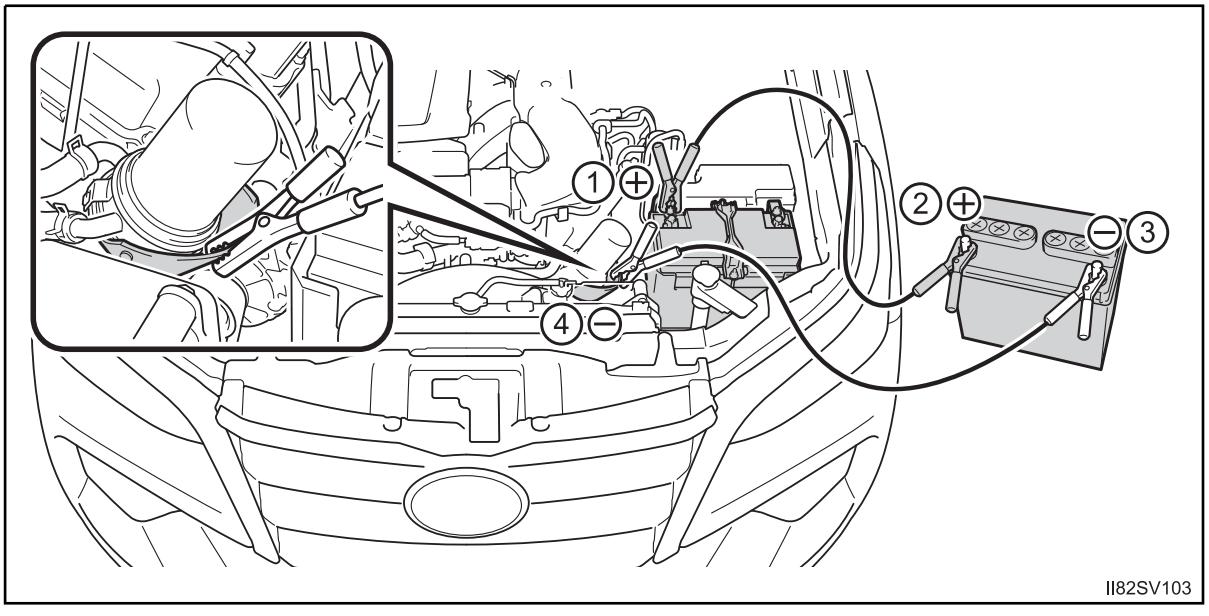
② Nối đầu còn lại của kẹp cực dương vào cực dương (+) của ắc quy trên xe thứ hai.

③ Nối kẹp cực âm ắc quy với cực âm (-) của ắc quy trên xe thứ hai.

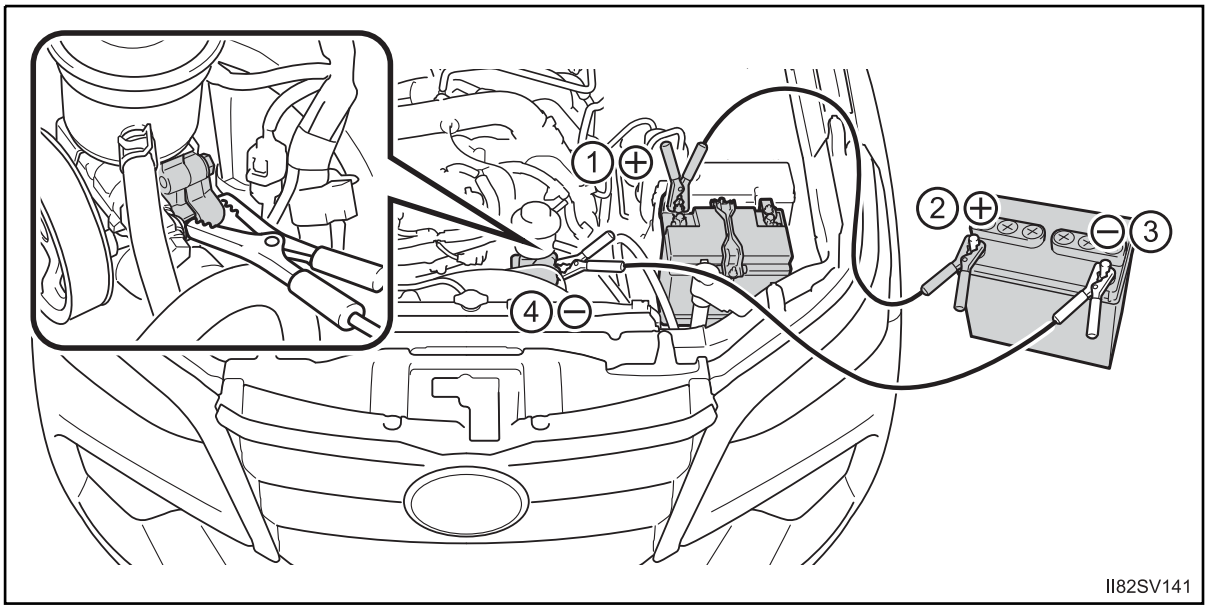
④ Nối kẹp ở một đầu của cáp âm với điểm bằng kim loại như trong hình vẽ.

Sử dụng cáp nối điện ngoài có thể tiếp cận được các cực và điểm nối.

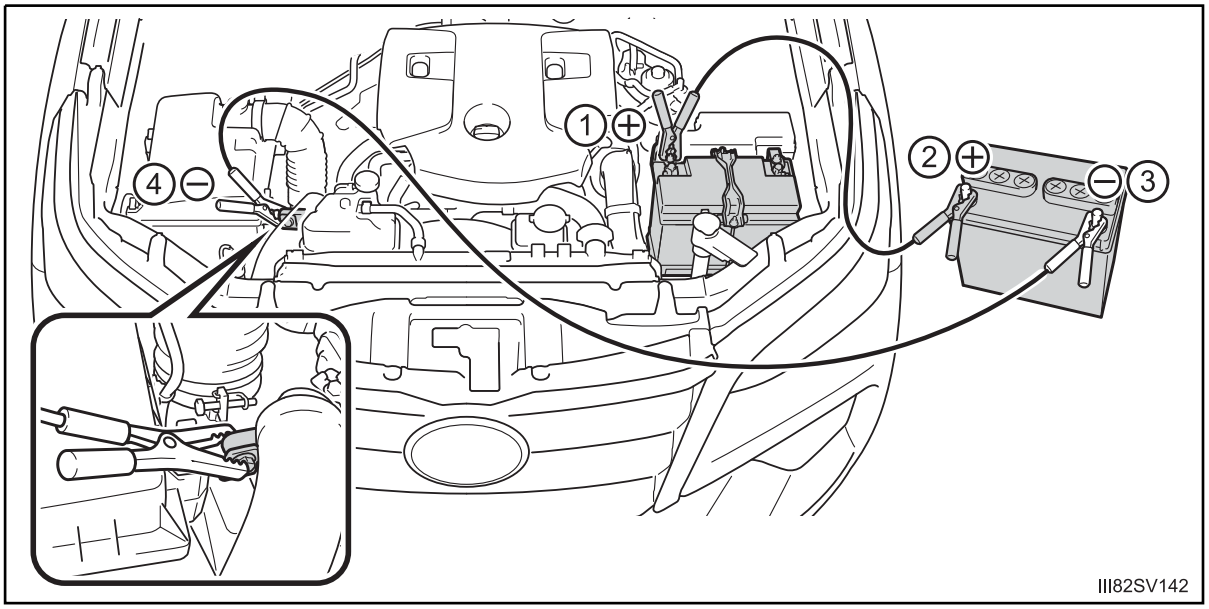
▶ Động cơ 1GR-FE



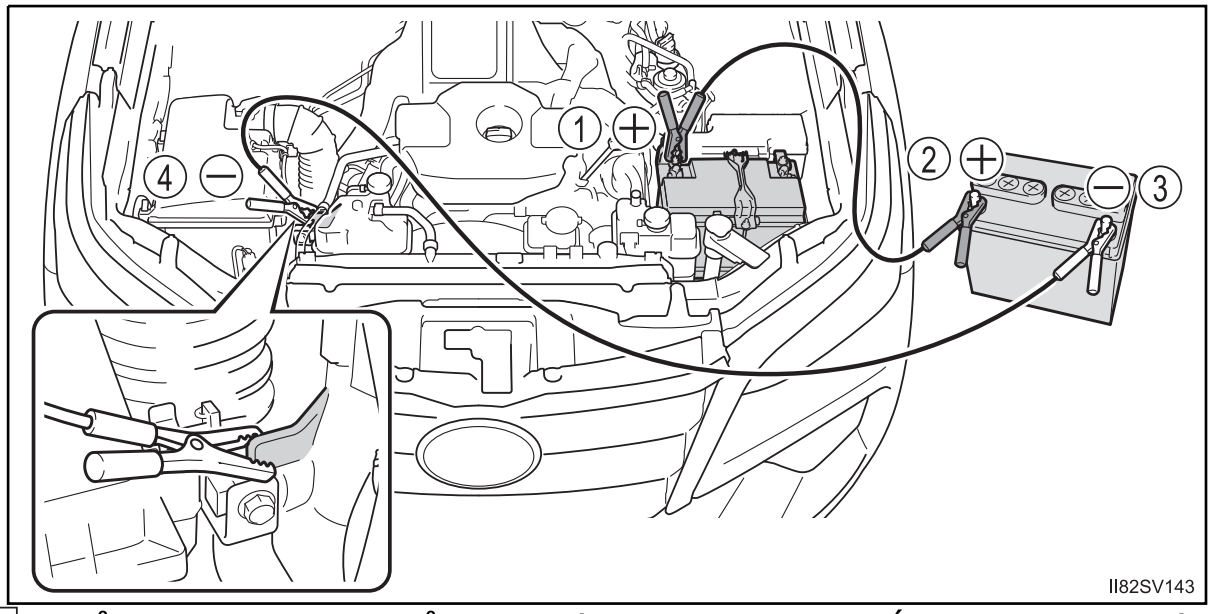
▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (xe không có bộ làm mát trung gian)



▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (xe có bộ làm mát trung gian)



3 Khởi động động cơ của xe thứ hai. Tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó trong khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy trên xe của bạn.

4 Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc xe có hộp số thường: Mở và đóng một cửa bất kỳ với công tắc động cơ tắt.

5 Duy trì tốc độ động cơ của xe thứ hai và khởi động động cơ của xe bạn bằng cách bật công tắc động cơ tới vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ tới chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

6 Khi động cơ của xe bạn đã khởi động được, hãy tháo các cáp nối điện ngoài theo trình tự ngược lại với các bước nối cáp ở trên.

Khi động cơ đã khởi động được, hãy đem xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

---

n **Khởi động động cơ khi ắc quy đã bị hết điện (xe có hộp số tự động)**

Không thể đẩy khởi động được loại động cơ này.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

- Hãy tắt các đèn pha và hệ thống âm thanh trong khi động cơ đã tắt. (Xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ: Trừ khi động cơ đã được tắt bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ)
- Hãy tắt toàn bộ các trang thiết bị điện không cần thiết khi động cơ chạy ở tốc độ thấp trong một thời gian dài, ví dụ như khi bị tắc đường.

n Khi ắc quy bị ngắt kết nối hoặc bị hết điện

- Những thông tin được lưu trong ECU sẽ bị xóa. Khi ắc quy bị hết điện, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Cửa sổ điện có thể sẽ không đóng lại một cách bình thường được. Trong trường hợp này, hãy khởi tạo cho các cửa sổ điện. (→P. 177)
- Cửa hậu điều khiển điện (nếu có) phải được khởi tạo. (→P. 145)
  Nếu tháo ắc quy hoặc ắc quy bị hết điện trong khi cửa hậu đang đóng, thì không cần phải tiến hành khởi tạo.
- Nếu cần khởi tạo màn hình góc nhìn toàn cảnh (nếu có), tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện" hoặc sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và hệ thống đa phương tiện".

n Nạp ắc quy

Năng lượng điện được tích trong ắc quy sẽ hết dần ngay cả khi bạn không sử dụng xe, do hiện tượng phóng điện tự nhiên và do tình trạng tiêu thụ điện của một số thiết bị điện trên xe. Nếu xe của bạn không sử dụng trong một thời gian dài, ắc quy có thể hết điện và động cơ không khởi động được. (Ắc quy sẽ tự động được nạp lại trong quá trình lái xe.)

n Khi nạp lại hoặc thay ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể mở khóa cửa xe bằng chức năng mở khóa và khởi động thông minh khi ắc quy bị hết điện. Hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa hoặc mở khóa cửa.
- Động cơ có thể sẽ không khởi động ngay lần đầu tiên sau khi nạp lại ắc quy được, sau đó bạn có thể khởi động bình thường được. Đó là hiện tượng bình thường.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại trên xe. Khi nối lại ắc quy, hệ thống sẽ chuyển về chế độ trước khi ắc quy hết điện. Trước khi ngắt ắc quy, hãy tắt công tắc động cơ.
  Nếu bạn không chắc về chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy hết điện, hãy đặc biệt thận trọng khi nối lại ắc quy.
- Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Sau khi tháo và nối lại các cực của ắc quy hoặc sau khi thay thế ắc quy, hệ thống Dừng và Khởi động có thể sẽ không tự động tắt động cơ trong khoảng 60 phút.

n Khi thay ắc quy

- Hãy sử dụng ắc quy tuân theo tiêu chuẩn Châu Âu. (nếu có)
- Hãy sử dụng ắc quy có cùng kích cỡ với ắc quy trước đó và dung lượng ắc quy tương đương 20 HR trở lên.
  - Nếu sử dụng ắc quy khác cỡ, ắc quy sẽ không thể cố định chính xác được.
  - Nếu sử dụng ắc quy có dung lượng 20 HR thấp, ngay cả khi không sử dụng xe trong một thời gian ngắn thì bình cũng có thể sẽ bị hết điện và không khởi động được động cơ.
- Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Sử dụng ắc quy chính hiệu được thiết kế chuyên cho hệ thống Dừng và Khởi động hoặc ắc quy chính hiệu tương đương. Nếu sử dụng ắc quy không tương thích, chức năng của hệ thống Dừng và Khởi động có thể bị hạn chế để bảo vệ ắc quy. Đồng thời, công suất của bình sẽ bị suy giảm và động cơ có thể sẽ không khởi động được. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo ý kiến đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi tháo các cực của ắc quy

Luôn tháo cực âm (-) trước. Nếu cực dương (+) chạm vào các chi tiết kim loại ở khu vực xung quanh khi tháo cực dương (+), có thể sẽ làm xuất hiện tia lửa điện, dẫn đến hỏa hoạn, điện giật và dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Để tránh làm cháy hoặc nổ ắc quy

Hãy tuân theo các chú ý sau để tránh xảy ra tai nạn do khí thoát ra từ ắc quy có thể bị bắt lửa:

- Hãy đảm bảo rằng các cáp nối điện ngoài đã được nối vào đúng điện cực và chúng không được chạm vào các điện cực khác.
- Không để đầu còn lại của cáp nối điện ngoài nối vào cực dương (+) chạm vào các chi tiết khác hoặc bề mặt kim loại các như giá bắt hoặc bề mặt kim loại không phủ sơn.
- Không để kẹp dương (+) và kẹp âm (-) của cáp nối điện ngoài chạm vào nhau.
- Không hút thuốc, bật diêm, bật lửa hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý đối với ắc quy

Trong ắc quy có chứa các dung dịch axit độc hại và có khả năng ăn mòn mạnh, đồng thời trong ắc quy còn có các chi tiết làm bằng chì và dung dịch của chì. Do vậy hãy tuân theo các chú ý sau khi làm việc với ắc quy:

- Khi làm việc với ắc quy, luôn luôn phải đeo kính bảo hộ và phải thận trọng không để dung dịch điện phân (axit) dính vào da, quần áo hoặc thân xe.
- Không để nghiêng ắc quy.
- Nếu chẳng may để dung dịch ắc quy dính vào da hay mắt, ngay lập tức rửa sạch vùng bị dính axít bằng nước và đi kiểm tra y tế ngay. Hãy dùng một miếng mút hay vải ướt đắp lên vùng bị tổn thương cho tới khi có các biện pháp xử lý y tế khác.
- Luôn luôn nhớ rửa tay sau khi làm việc với các giá đựng ắc quy, các điện cực và các chi tiết khác có liên quan tới ắc quy.
- Không để trẻ nhỏ tới gần ắc quy.

n Khi thay ắc quy

- Khi các nút thông hơi và các nút chỉ báo nằm quá gần giá giữ ắc quy, dung dịch ắc quy (axit sulfuric) có thể sẽ bị rò rỉ.
- Để biết thông tin liên quan tới việc thay ắc quy, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Để tránh làm hỏng xe (xe có hộp số thường)

Không được đẩy hoặc kéo để khởi động xe bạn, do bộ trung hòa khí xả 3 thành phần hoặc bộ trung hòa khí xả có thể sẽ bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn.

⚠ CHÚ Ý

n Khi làm việc với dây cáp nối điện ngoài

Khi nối cáp nối ngoài, hãy đảm bảo rằng chúng sẽ không bị vướng vào quạt làm mát hoặc dây đai dẫn động.

n Khi kết nối các cáp nối điện ngoài

Chắc chắn phải kết nối các cáp nối điện ngoài với các cực và các điểm nối chỉ định. Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện tử hoặc làm hỏng chúng.

Nếu xe quá nhiệt

Các dấu hiệu sau có thể cho thấy rằng xe của bạn đang bị quá nhiệt.

- Kim của đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ (→P. 107) chỉ vào vùng màu đỏ hoặc động cơ bị giảm công suất. (Ví dụ: không thể tăng được tốc độ xe.)
- Thông báo "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng" được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Hơi nước thoát ra ở dưới nắp capô.

Các quy trình hiệu chỉnh

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt hệ thống điều hòa không khí, sau đó tắt động cơ.

2 Nếu có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên sau khi hơi nước giảm đi.

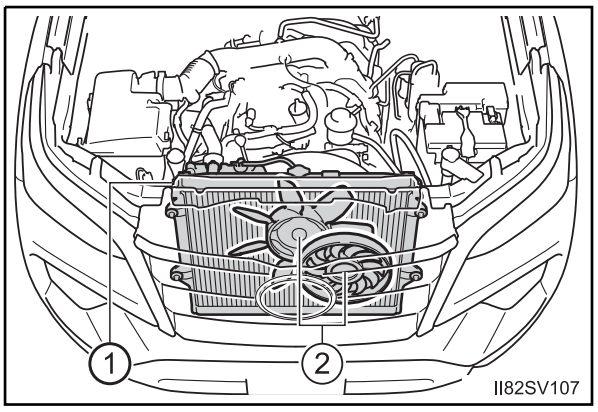
Nếu không có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên.

3 Sau khi động cơ đã đủ nguội, hãy kiểm tra các ống dẫn và két nước xem có bị rò rỉ ở đâu không.

① Két nước

② Quạt làm mát

Nếu có lượng lớn nước làm mát bị rò rỉ, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

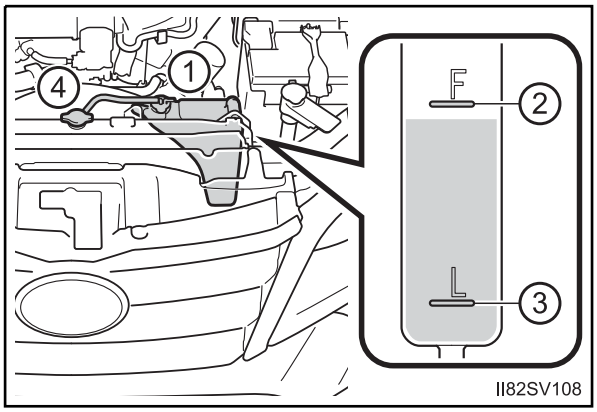


4 Mức nước làm mát phải nằm giữa vạch thấp "L" và vạch cao "F" trên bình chứa.

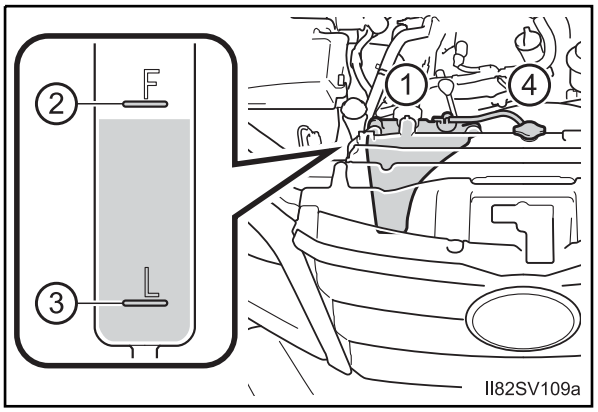
① Bình chứa nước làm mát
② Vạch "F"
③ Vạch "L"
④ Nắp két nước (nếu có)

▶ Nước làm mát động cơ

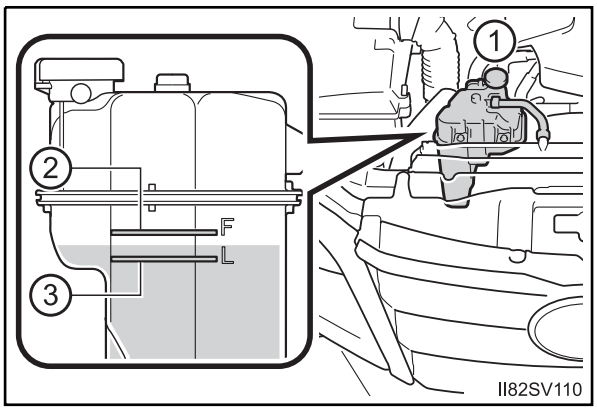
Động cơ 1GR-FE:



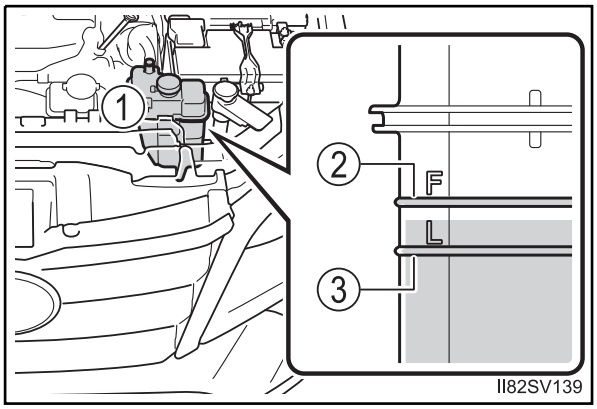
Động cơ 2TR-FE:



Động cơ 1GD-FTV và động cơ 2GD-FTV:



▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)

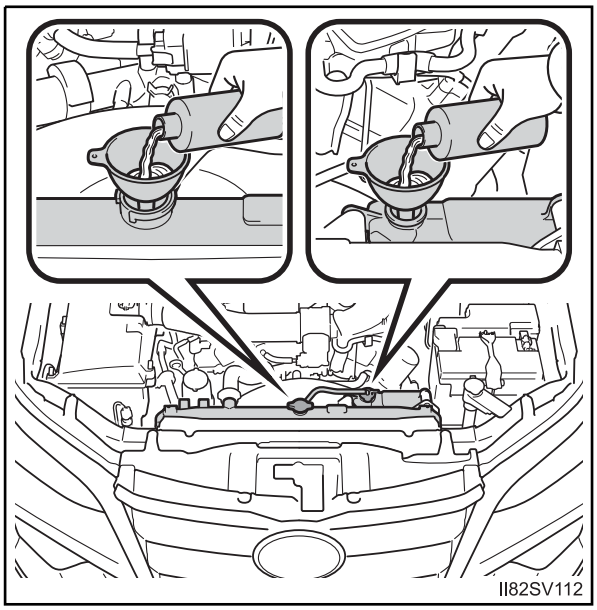


5 Hãy bổ sung thêm nước làm mát động cơ khi cần. (→P. 655)

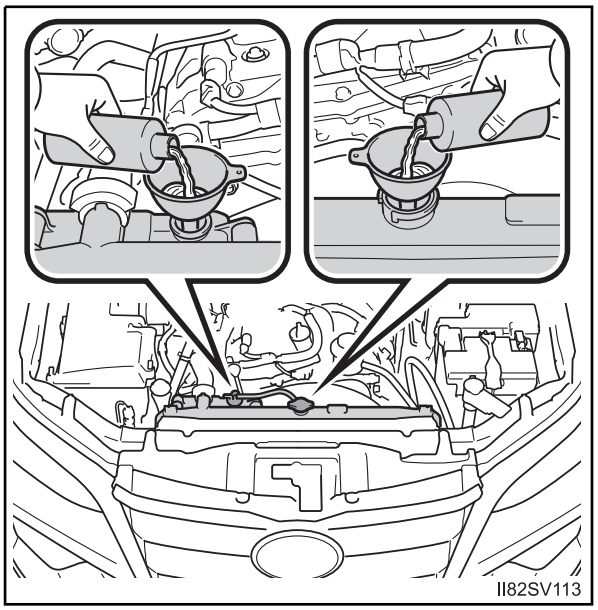
Trong trường hợp khẩn cấp khi không thể có được nước làm mát, thì có thể dùng nước thường như một giải pháp tình thế.

▶ Nước làm mát động cơ

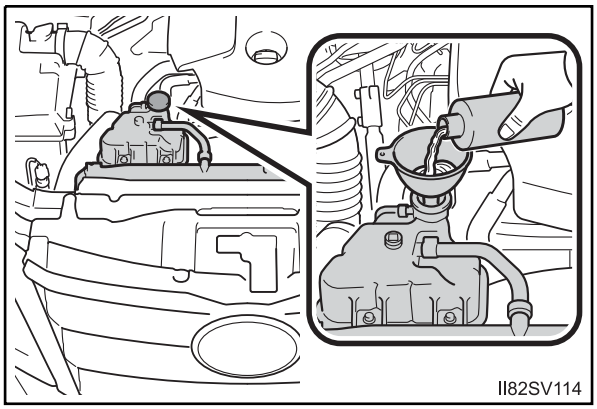
Động cơ 1GR-FE:



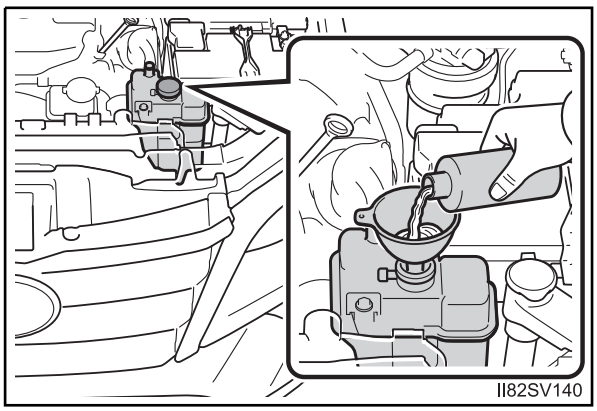
Động cơ 2TR-FE:



Động cơ 1GD-FTV và động cơ 2GD-FTV:



▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)



6 Khởi động động cơ và bật hệ thống điều hòa để kiểm tra xem quạt làm mát có quay không và kiểm tra xem nước làm mát có bị rò rỉ ở két nước hoặc đường ống hay không.

Xe có quạt làm mát: Các quạt sẽ quay khi bật hệ thống điều hòa ngay sau khi khởi động nguội. Hãy xác nhận rằng các quạt đang quay bằng cách kiểm tra tiếng kêu của quạt và luồng gió. Nếu khó kiểm tra, hãy bật và tắt hệ thống điều hòa nhiều lần. (Quạt có thể không quay ở nhiệt độ đóng băng.)

7 Nếu quạt không hoạt động:

Hãy tắt máy ngay lập tức và liên hệ với đại lý Toyota.

Nếu quạt đang quay:

Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota gần nhất.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra các chi tiết dưới nắp capô**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau.
Nếu không có thể gây chấn thương nghiêm trọng như bỏng.

- Nếu hơi nước vẫn còn bay ra từ dưới nắp capô, thì không được mở nắp ca pô cho đến khi hơi nước giảm hẳn. Khoang động cơ có thể đang rất nóng.
- Hãy giữ tay và quần áo (đặc biệt là cà vạt và khăn quàng) tránh xa các cánh quạt và các đai dẫn động khi động cơ đang làm việc. Nếu không, tay hoặc quần áo có thể bị kẹp, gây ra chấn thương nghiêm trọng.
- Không được nới lỏng nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa nước làm mát hoặc nắp bộ làm mát trung gian khi động cơ (nếu cơ) và két nước đang nóng. Hơi nước có nhiệt độ cao hoặc nước làm mát bị phun ra.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát động cơ**

Hãy bổ sung từ từ nước làm mát sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu đổ nước làm mát quá nhanh vào động cơ đang nóng thì có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống làm mát**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

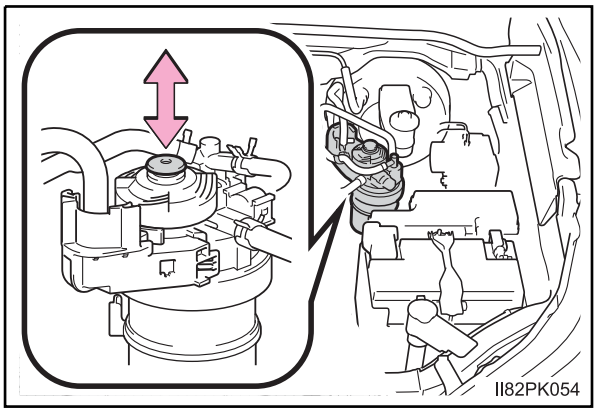
- Tránh để các tạp chất (cát hoặc bụi..) lẫn vào nước làm mát.
- Không sử dụng nước làm mát có pha lẫn tạp chất.

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel)

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy:

1 Hãy nạp lại nhiên liệu.

2 Để xả khí cho hệ thống nhiên liệu, hãy tiến hành bơm mồi bằng tay cho tới khi cảm thấy có lực cản.



3 Khởi động động cơ. (→P. 199, 202)

Nếu động cơ vẫn không khởi động được sau khi đã thực hiện theo các bước trên, hãy đợi khoảng 10 giây và thử lại bước số 2 và bước số 3. Nếu động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Sau khi khởi động động cơ, hãy đạp nhẹ bàn đạp ga cho tới khi động cơ chạy êm.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi khởi động lại động cơ**

- Không quay khởi động động cơ trước khi nạp lại nhiên liệu và tiến hành bơm mồi. Nếu không có thể sẽ làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu.
- Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.

Nếu xe bị sa lầy

Hãy thực hiện các quy trình sau nếu bánh xe của bạn bị quay trơn do không bám đường hoặc xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết:

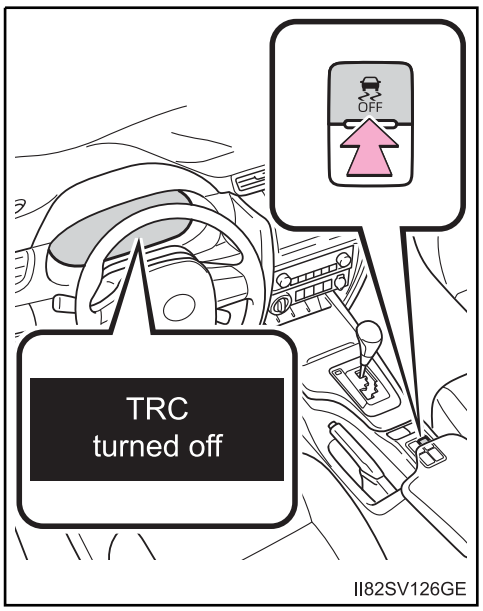
1. Hãy tắt động cơ. Gài phanh đỗ và chuyển cần số về vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).
2. Dọn sạch bùn, tuyết, hoặc cát bám xung quanh bánh bị sa lầy.
3. Chèn gỗ, đá hoặc những vật liệu khác vào dưới các lốp xe để tăng lực bám.
4. Khởi động lại động cơ.
5. Xe có hệ thống khóa vi sai sau: Hãy khóa vi sai sau. (→P. 334)
6. Chuyển cần số tới vị trí D hoặc R (hộp số tự động) hoặc vị trí 1 hay R (hộp số thường) và từ từ đạp bàn đạp ga để đưa xe thoát khỏi sa lầy.

---

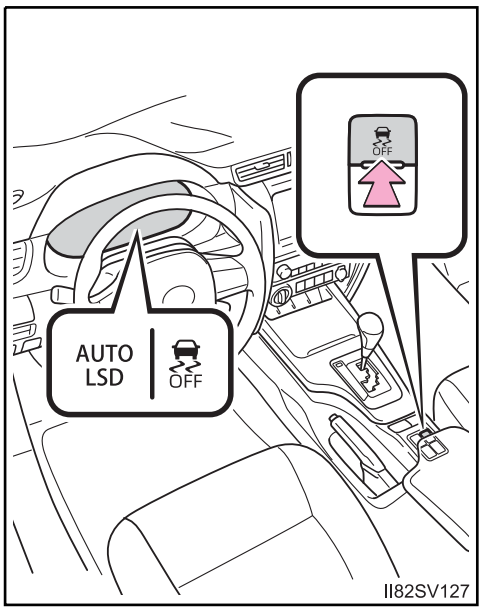
n **Khi khó đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Ấn nút  để tắt hệ thống TRC/A-TRC.

▶ Xe không có hệ thống AUTO LSD:



▶ Xe có hệ thống AUTO LSD:



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi cố gắng đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Nếu bạn dùng cách giật xe về đằng trước và đằng sau để đưa xe thoát khỏi sa lầy thì hãy đảm bảo rằng các khu vực xung quanh không bị vướng các vật thể, để tránh bị va chạm với người, vật hoặc các xe khác. Xe có thể sẽ bất ngờ bị nhào tới hoặc lùi khi nó thoát ra khỏi sa lầy. Do vậy hãy đặc biệt cẩn thận.

n **Khi chuyển cần số**

Với xe được trang bị hộp số tự động, hãy cẩn thận không chuyển cần số khi đang đạp ga.
Nếu không có thể sẽ làm cho xe bị tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng hộp số và các thiết bị khác**

- Tránh để bánh xe quay trơn và tránh đạp ga quá mức.
- Nếu xe vẫn bị sa lầy sau khi đã thực hiện các quy trình trên, xe của bạn có thể sẽ cần sử dụng tới dịch vụ cứu hộ để thoát ra.
- Xe có hộp số tự động: Khi xuất hiện cảnh báo liên quan tới nhiệt độ dầu hộp số tự động trong khi cố đưa xe thoát khỏi sa lầy, hãy nhả chân ga và đợi cho tới khi cảnh báo biến mất. Nếu không, hộp số có thể sẽ bị hỏng. (→P. 217)

Thông số kỹ thuật 9

9-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…)... 640

Thông tin về nhiên liệu... 665

9-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân..... 668

9-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo..... 676

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu...)

Kích thước

Chiều dài tổng thể	4,795 mm
Chiều rộng tổng thể	1,855 mm
Chiều cao tổng thể*	1,835 mm
Chiều dài cơ sở	2,750 mm
Khoảng cách bánh trước	1,540 mm
Khoảng cách bánh sau	1,555 mm

*: Xe không tải

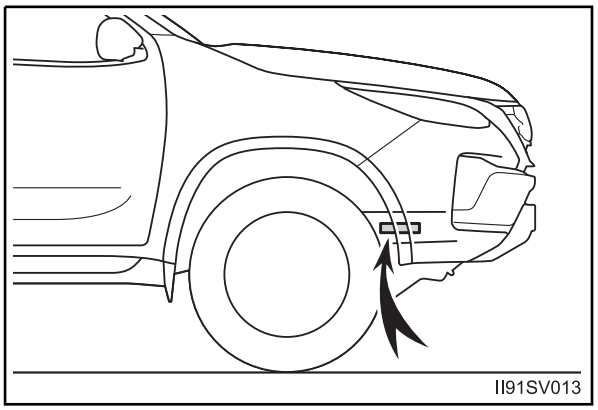
Nhận dạng xe

n Số nhận dạng xe (VIN)

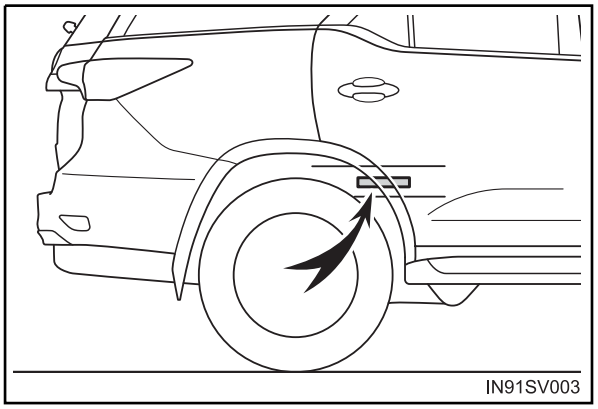
Số nhận dạng xe (số VIN) là dấu hiệu nhận biết hợp pháp cho xe của bạn. Đây là số hiệu nhận biết chính cho xe Toyota. Nó được dùng để đăng ký xe.

Không được che, sơn, hàn, khoan hoặc tháo số nhận diện xe (VIN).

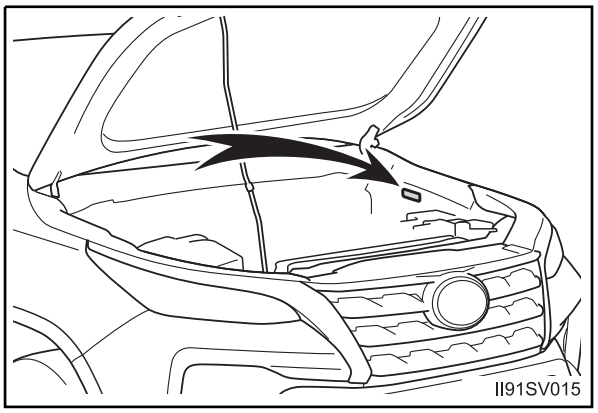
Số này được dập trên khung xe phía trước bên phải.



Số này được dập trên khung xe phía sau bên phải.



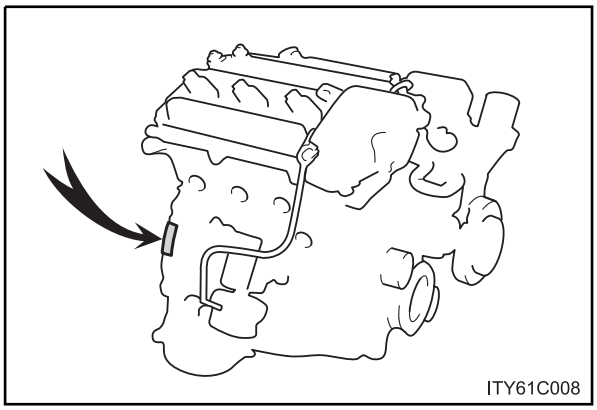
Số này cũng được in trên nhãn của nhà sản xuất.



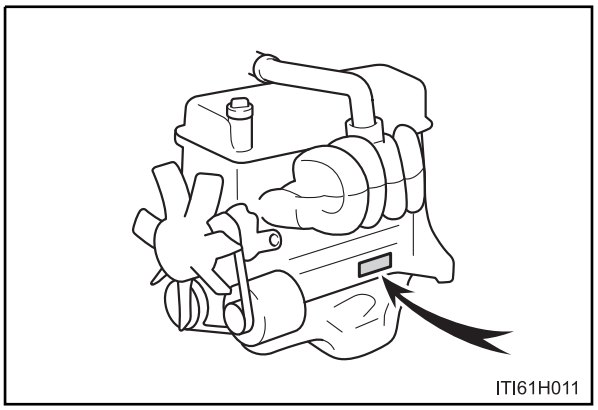
n Số máy

Số máy được dập trên thân động cơ như trên hình vẽ.

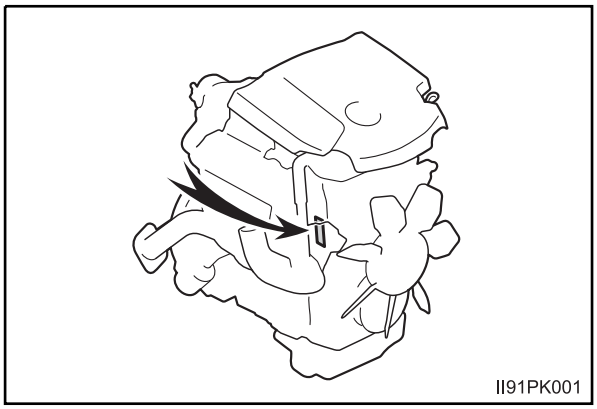
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV



Động cơ

▶ Động cơ 1GR-FE

Kiểu động cơ	1GR-FE
Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 kỳ, 6 xylanh bố trí hình chữ V
Đường kính và hành trình pittông	94.0 × 95.0 mm
Dung tích xylanh	3,956 cm^3
Khe hở xu páp (Động cơ nguội)	Xu páp nạp: 0.15 — 0.25 mm Xu páp xả: 0.29 — 0.39 mm
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh

▶ Động cơ 2TR-FE

Kiểu động cơ	2TR-FE
Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 kỳ, 4 xylanh thẳng hàng
Đường kính và hành trình pittông	95.0 × 95.0 mm
Dung tích xylanh	2,694 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh

▶ Động cơ 1GD-FTV

Kiểu động cơ	1GD-FTV
Loại động cơ	Động cơ diesel 4 kỳ, 4 xi-lanh thẳng hàng (có turbo tăng áp)
Đường kính và hành trình pittông	92.0 × 103.6 mm
Dung tích xylanh	2,755 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh

▶ Động cơ 2GD-FTV

Kiểu động cơ	2GD-FTV
Loại động cơ	Động cơ diesel 4 kỳ, 4 xi-lanh thẳng hàng (có turbo tăng áp)
Đường kính và hành trình pittông	92.0 × 90.0 mm
Dung tích xylanh	2,393 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh

*1: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...*2

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

Nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

Loại nhiên liệu		Chỉ sử dụng xăng không pha chì
Chỉ số Ốc tan	Động cơ 1GR-FE	95 trở lên
	Động cơ 2TR-FE	91 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)		80 L

▶ Động cơ diesel

Loại nhiên liệu	Xe không có hệ thống DPF: Chỉ nhiên liệu dầu diesel Xe có hệ thống DPF: Dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh từ 10 ppm trở xuống
Chỉ số Xê tan	48 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	80 L

Hệ thống bôi trơn

▶ Động cơ 1GR-FE

Dung tích dầu (Xả và nạp lại - Tham khảo*)	
Có thay lọc dầu	5.5 L
Không thay lọc dầu	5.2 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P. 515). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

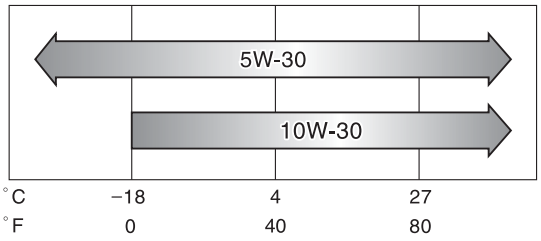
Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

5W-30 và 10W-30:
Dầu động cơ API cấp độ SL “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN “Resource-Conserving” hoặc SN PLUS “Resource-Conserving” hoặc SP “Resource-Conserving”; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.



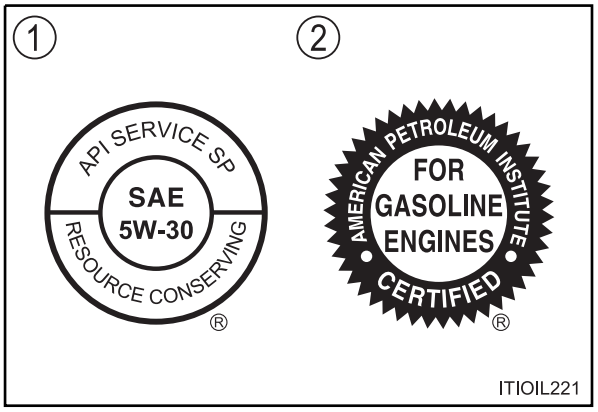
Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo ITIOIL229

Độ nhớt của dầu (5W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 5W ghi trên nhãn độ nhớt 5W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 5W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



① Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 5W-30" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

② Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

▶ Động cơ 2TR-FE

Dung tích dầu (Xả hết và đổ đầy — tham khảo*)	
Có thay lọc dầu	5.6 L
Không thay lọc dầu	5.3 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P. 515). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

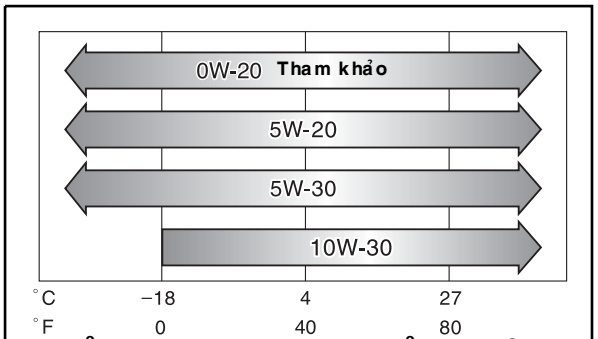
Cấp độ dầu:

0W-20, 5W-20, 5W-30 và 10W-30:
Dầu động cơ API cấp độ SL “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN “Resource-Conserving” hoặc SN PLUS “Resource-Conserving” hoặc SP “Resource-Conserving”; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 0W-20, 5W-20 hoặc 5W-30.



Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo ITIOIL253

Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.
- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

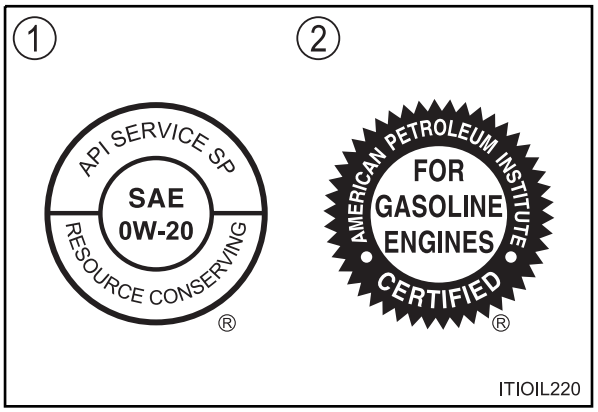
Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.

① Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 0W-20" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.



② Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

n Chọn dầu động cơ

Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" đã được Toyota phê chuẩn hay loại tương đương nhằm đáp ứng các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt.

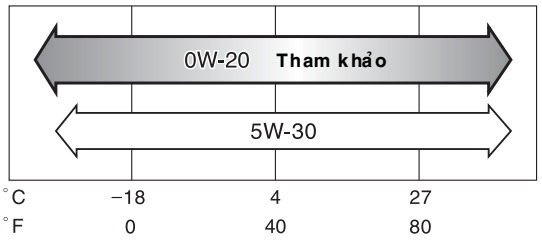
Cấp độ dầu:

0W-20 và 5W-30:
Dầu động cơ API cấp độ SM “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN “Resource-Conserving” hoặc SN PLUS “Resource-Conserving” hoặc SP “Resource-Conserving”; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu không có loại dầu có độ nhớt SAE 0W-20 thì có thể sử dụng loại dầu có độ nhớt SAE 5W-30. Tuy nhiên, nên thay bằng loại dầu có độ nhớt SAE 0W-20 trong lần thay dầu tiếp theo.



Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo ITIOIL244

Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.
- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

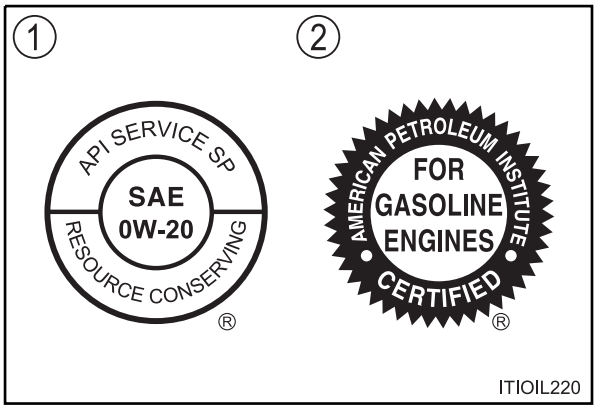
Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.

① Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 0W-20" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.



ITIOIL220

② Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (trừ xe theo tiêu chuẩn EURO V và VI*1)

Dung tích dầu (Xả và nạp lại - Tham khảo*2)	
Có thay lọc dầu	▶Kiểu A*3 7.5 L ▶Kiểu B*3 7.1 L
Không thay lọc dầu	▶Kiểu A*3 7.0 L ▶Kiểu B*3 6.6 L

*1: EURO V và VI là những tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota

*2: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P. 515). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

*3: Hãy xem mục “Cách xác định loại động cơ” để kiểm tra loại động cơ trên xe bạn. (→P. 654)

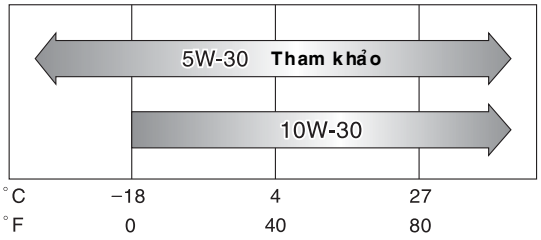
n Chọn dầu động cơ

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:API CF-4, CF hoặc ACEA B3, B4, B5 hoặc JASO DL-0

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 5W-30 là sự lựa chọn tốt nhất đảm bảo khả năng tiết kiệm nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.
Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.

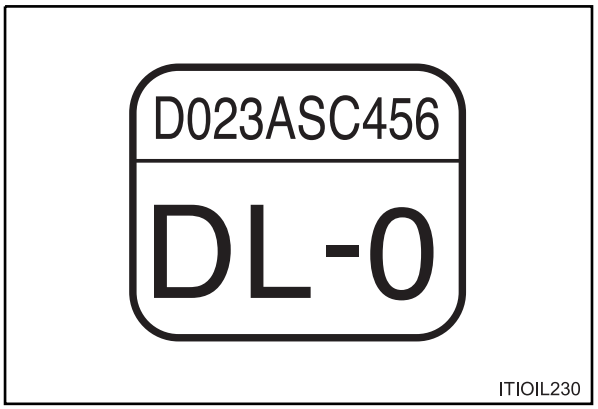


Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

ITIOIL258a

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:

Nhãn DL-0 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



Độ nhớt của dầu (5W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 5W ghi trên nhãn độ nhớt 5W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 5W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

▶ Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV (cho kiểu xe EURO V và VI*1)

Dung tích dầu (Xả và nạp lại - Tham khảo*2)	
Có thay lọc dầu	▶Kiểu A*3 7.5 L ▶Kiểu B*3 7.1 L
Không thay lọc dầu	▶Kiểu A*3 7.0 L ▶Kiểu B*3 6.6 L

*1: EURO V và VI là những tiêu chuẩn về khí xả. Nếu bạn không rõ là xe bạn đạt tiêu chuẩn khí xả loại nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota

*2: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P. 515). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

*3: Hãy xem mục “Cách xác định loại động cơ” để kiểm tra loại động cơ trên xe bạn.
(→P. 654)

n Chọn dầu động cơ

Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" đã được Toyota phê chuẩn hay loại tương đương nhằm đáp ứng các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt.

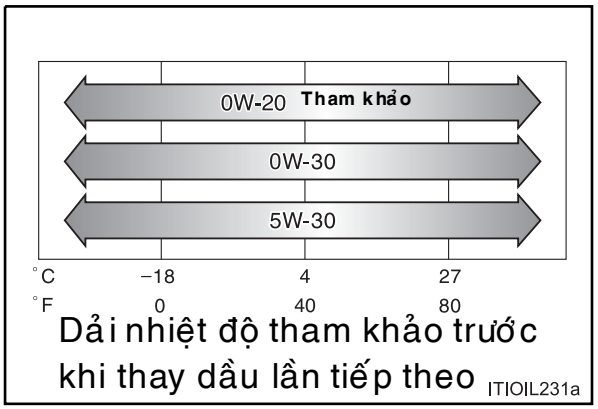
Cấp độ dầu:
0W-20: ACEA C5
0W-30 và 5W-30: ACEA C2 hoặc JASO DL-1

CHÚ Ý

Sử dụng dầu động cơ khác ngoài ACEA C5, C2 hoặc JASO DL-1 có thể gây hỏng bộ trung hòa khí xả.

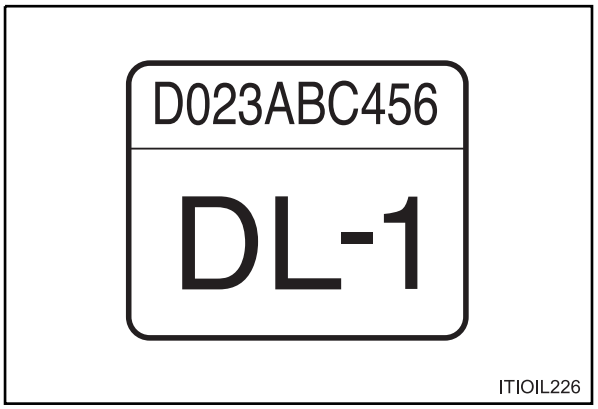
Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.



Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo ITIOIL231a

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:
Nhãn DL-1 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



ITIOIL226

Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.
- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

n Cách xác định loại động cơ

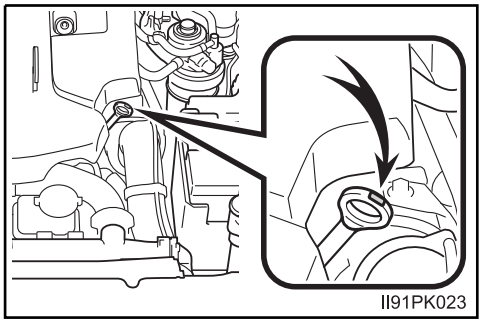
Kiểm tra màu đánh dấu của thước thăm dầu của động cơ sẽ khác nhau tùy theo loại động cơ.

▶ Kiểu A

Các màu đánh dấu khác màu hồng hoặc không màu.

▶ Kiểu B

Các màu đánh dấu là màu hồng.


II91PK023

Hệ thống làm mát

<table>
<tr><td rowspan="5">Dung tích nước làm mát động cơ</td><td colspan="3">Động cơ 1GR-FE</td><td>9.8 L</td></tr>
<tr><td colspan="3">Động cơ 2TR-FE</td><td>▶Xe có hộp số tự động
8.1 L
▶Xe có hộp số thường
7.8 L</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Động cơ 1GD-FTV và 2GD-FTV</td><td colspan="2">Trừ các xe theo tiêu chuẩn EURO IV, V và VI*1</td><td>▶Xe có hộp số tự động
8.1 L*2
8.8 L*3
▶Xe có hộp số thường
8.2 L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cho các xe theo tiêu chuẩn EURO IV, V và VI*1</td><td>Xe không có bộ sưởi</td><td>▶Xe có hộp số tự động
7.9 L*2
8.6 L*3
▶Xe có hộp số thường
8.1 L</td></tr>
<tr><td>Xe có bộ sưởi</td><td>▶Xe có hộp số tự động
8.6 L*2, 5
9.3 L*3, 5
9.9 L*6
▶Xe có hộp số thường
8.7 L</td></tr>
<tr><td colspan="4">Dung tích nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có)</td><td>2.95 L</td></tr>
<tr><td colspan="4">Loại nước làm mát</td><td>Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau:
• "Nước làm mát siêu bền của Toyota"
• Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao
Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.</td></tr>
</table>

*1: EURO IV, V và VI là các tiêu chuẩn khí xả. Nếu bạn chưa biết rõ xe bạn ở tiêu chuẩn khí xả nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota.

*2: Xe có kiểu két nước A*4

*3: Xe có kiểu két nước B*4

*4: Hãy xem mục “Cách xác định kiểu két nước” để kiểm tra kiểu két nước trên xe bạn. (→P. 656)

*5: Xe không có bộ sưởi tăng cường

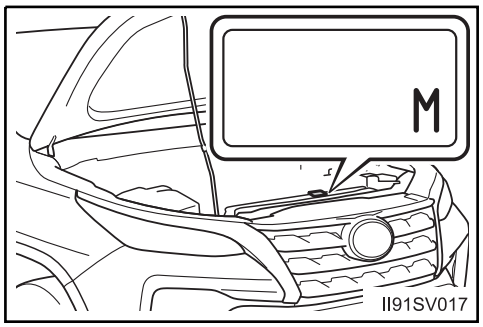
*6: Xe có bộ sưởi tăng cường

---

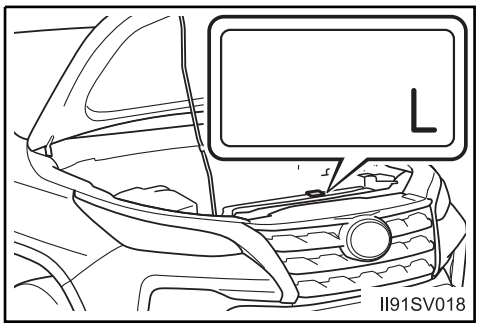
n **Cách xác định kiểu két nước**

Kiểm tra rằng dấu nhận dạng két nước là khác nhau tùy vào kiểu két nước.

▶ Xe có kiểu két nước A



▶ Xe có kiểu két nước B



Hệ thống đánh lửa (động cơ xăng)

Bugi Nhà sản xuất	▶Động cơ 1GR-FE DENSO K20HR-U11 NGK LFR6C11 ▶Động cơ 2TR-FE DENSO FK20HR-A8
Khe hở bugi	▶Động cơ 1GR-FE 1.1 mm ▶Động cơ 2TR-FE 0.8 mm

⚠ CHÚ Ý

n **Bugi đầu Iridium (động cơ 2TR-FE)**
Chỉ sử dụng bugi có đầu hợp kim Iriđium. Không điều chỉnh khe hở của bugi.

Hệ thống điện

▶ Các xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng

Ắc quy Tỉ trọng riêng của dung dịch điện phân của ắc quy ở 20°C:	1.25 trở lên Nếu tỷ trọng riêng thấp hơn giá trị tiêu chuẩn, hãy nạp ắc quy.
Tốc độ nạp	Tối đa 5 A

▶ Các xe có ắc quy kiểu không cần bảo dưỡng

Ắc quy Điện áp tại 20°C:	12.3 V trở lên Nếu điện áp nhỏ hơn tiêu chuẩn, hãy nạp lại ắc quy. (Sau khi nạp ắc quy, hãy bật công tắc đèn pha chiếu xa trong 30 giây với công tắc động cơ ở vị trí "LOCK" [xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh] hoặc công tắc động cơ ở trạng thái tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và tắt đèn pha.)
Tốc độ nạp	Tối đa 5 A

Hộp số tự động

Dung tích dầu*	Động cơ 2TR-FE	8.5 L
	Động cơ 1GR-FE, 1GD-FTV và 2GD-FTV	9.5 L
Loại dầu		Dầu hộp số tự động chính hiệu của Toyota loại WS

*: Dung tích dầu chỉ là giá trị tham khảo.
Nếu cần phải thay dầu hộp số tự động, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Loại dầu hộp số tự động**

Sử dụng dầu hộp số khác với loại dầu nói trên có thể gây ra tiếng kêu hoạt động hoặc rung giật bất thường, hoặc làm hỏng hộp số của xe bạn.

Hộp số thường

Dung tích dầu	Kiểu hộp số 5 cấp tốc độ	Xe Pre Runner (Gầm cao)*	2.6 L
		Xe 4WD*	2.2 L
	Kiểu hộp số 6 cấp tốc độ	Xe Pre Runner (Gầm cao)*	2.7 L
		Xe 4WD*	2.5 L
Loại dầu			Dầu hộp số thường chính hiệu Toyota API GL-3 (GL-4) hoặc tương đương
Độ nhớt khuyên dùng			SAE 75W-90

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

⚠ CHÚ Ý

n **Dầu hộp số thường**

Tùy vào đặc tính của loại dầu được sử dụng cho từng điều kiện hoạt động khác nhau, âm thanh khi chạy không tải, cảm giác chuyển số hoặc mức tiêu hao nhiên liệu có thể khác nhau hoặc bị ảnh hưởng. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng "Dầu hộp số thường chính hiệu của Toyota" để đạt hiệu suất tối ưu.

Hộp số phụ (xe 4WD*1)

Dung tích dầu	1.0 L
Loại dầu*2	Dầu hộp số phụ chính hiệu Toyota loại LF hoặc tương đương
Độ nhớt khuyên dùng	SAE 75W

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

*2: Xe của bạn đã được nạp "Dầu hộp số phụ chính hiệu của Toyota loại LF" tại nhà máy. Hãy sử dụng "Dầu hộp số phụ chính hiệu của Toyota loại LF" hoặc loại tương đương thỏa mãn được thông số nói trên. Hãy liên lạc với đại lý Toyota để biết thêm chi tiết.

Vi sai

Dung tích dầu	Phía trước (xe 4WD*1)		1.60 L
	Phía sau	Xe không có hệ thống khóa vi sai sau	3.50 L*3 2.75 L*4
		Xe có hệ thống khóa vi sai sau	3.50 L
Loại dầu*2 và độ nhớt khuyên dùng			Dầu vi sai chính hiệu của Toyota loại LT 75W-85 GL-5 hoặc tương đương

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

*2: Xe của bạn đã được nạp "Dầu vi sai chính hiệu Toyota" tại nhà máy. Hãy sử dụng "Dầu vi sai chính hiệu Toyota" hoặc loại dầu có chất lượng tương đương để đảm bảo các thông số kể trên. Hãy liên lạc với đại lý Toyota để biết thêm chi tiết.

*3: Trừ kiểu xe TGN166R-SDTHKD, TGN166L-SDTSKU và TGN166L-SUTSKU*5

*4: Cho kiểu xe TGN166R-SDTHKD, TGN166L-SDTSKU và TGN166L-SUTSKU*5

*5: Mã kiểu xe được in trên nhãn của nhà sản xuất. (→P. 641)

Ly hợp (xe có hộp số thường)

Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	5 — 15 mm
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No.116 DOT 3 hoặc SAE J1704 hoặc FMVSS No.116 DOT 4

Hệ thống phanh

Chiều cao bàn đạp phanh*1	89 mm
Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	1.0 — 6.0 mm
Hành trình của cần phanh đỗ*2	8 — 10 tiếng tách
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No.116 DOT 3 hoặc SAE J1704 hoặc FMVSS No.116 DOT 4

*1: Độ cao tối thiểu của bàn đạp phanh khi đạp phanh với lực 490N trong khi động cơ đang hoạt động.

*2: Hành trình của cần phanh đỗ khi kéo với lực 200 N

Bôi trơn gầm xe

Trục các đăng	Phía trước (xe 4WD*1)	Trục chữ thập	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2
		Khớp trượt	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium disunphua môlípđen, NLGI No.2 hoặc mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No.2
	Phía sau	Trục chữ thập*2	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

*2: Chỉ với các khớp nối được bôi trơn bằng mỡ

Hệ thống lái

Độ rơ của vô lăng	Nhỏ hơn 30 mm
Kiểu dầu trợ lực lái	Automatic transmission fluid DEXRON® II or III

Lốp và vành xe

▶ Loại lốp 17 inch

Cỡ lốp	265/65R17 112S
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	200 kPa
Cỡ vành	17 × 7 1/2J
Lực xiết đai ốc lốp	105 Nm

▶ Loại lốp 18 inch

Cỡ lốp	265/60R18 110H
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	2.0 kgf/cm^2*1 2.2 kgf/cm^2*2
Cỡ vành	18 × 7 1/2J
Lực xiết đai ốc lốp	105 Nm

*1: Trừ các kiểu xe có mã thị trường T*3

*2: Cho kiểu xe có mã thị trường T*3

*3: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n **Khi kéo xe bằng rơ moóc (xe có bộ móc kéo)**

Bơm thêm 0.2 kgf/cm^2 để đạt áp suất lốp tiêu chuẩn, và lái xe ở tốc độ dưới 100 km/h.

Bóng đèn

	Bóng đèn	W	Loại động cơ
Bên ngoài xe	Đèn vị trí phía trước (kiểu bóng)*	5	A
	Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)*	21	B
	Các đèn xi nhan phía sau (không có đèn xi nhan sau kiểu đèn LED)	21	B
	Đèn sương mù phía sau*	21	A
	Các đèn lùi	16	A
	Đèn soi biển số	5	A
	Đèn soi chân phía ngoài xe*	5	A
Bên trong xe	Đèn nội thất (kiểu A và kiểu B: →P. 454)	8	C
	Đèn cá nhân/đèn nội thất (kiểu A: →P. 453)	5	A
	Đèn trang điểm*	8	A
	Đèn cửa xe*	5	A

A: Bóng đèn đui hình nêm (trong suốt)

B: Bóng đèn đui hình nêm (màu hổ phách)

C: Bóng đèn đui kép

*: Nếu có

Thông tin về nhiên liệu

u Động cơ xăng

▶ Động cơ 1GR-FE

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì.
Để tối ưu hóa công suất của động cơ, hãy chọn xăng không pha chì có chỉ số ốc tan từ 95 trở lên.
Nếu không thể mua được loại xăng cao cấp, bạn có thể tạm thời sử dụng xăng không chì với chỉ số ốc tan từ 91 trở lên. Trong trường hợp này, hiệu suất động cơ có thể giảm.

▶ Động cơ 2TR-FE

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì.
Để tối ưu hóa công suất động cơ, hãy sử dụng xăng không pha chì có trị số ốc tan đạt tối thiểu từ 91 trở lên.

u Động cơ diesel

Xe không có hệ thống DPF:
Chỉ được sử dụng dầu diesel có chỉ số xê tan từ 48 trở lên.

Xe có hệ thống DPF:
Bạn phải sử dụng dầu diesel có chứa lượng lưu huỳnh từ 10 ppm trở xuống có chỉ số xê tan từ 48 trở lên.

n Sử dụng xăng pha ethanon cho động cơ xăng

Loại động cơ này có thể sử dụng xăng pha ethanon với hàm lượng ethanon tối đa 10%. Hãy đảm bảo rằng xăng pha ethanon được sử dụng có chỉ số ốc tan phù hợp với các thông số ở trên.

n Nếu bạn dự định sử dụng xe ở nước khác (xe có hệ thống DPF)

Có thể bạn sẽ không tìm được loại dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp phù hợp với xe, do vậy hãy xác nhận loại nhiên liệu này với nhà phân phối xe trước.

n Nếu động cơ phát ra tiếng gõ

- Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.
- Xe của bạn có thể sẽ phát ra tiếng gõ máy nhẹ trong thời gian ngắn khi tăng tốc hoặc leo lên đồi dốc. Triệu chứng này là hoàn toàn bình thường và bạn không cần phải bận tâm về điều đó.

⚠ CHÚ Ý

n Chú ý về chất lượng xăng

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Không được sử dụng động cơ có phụ gia kim loại, ví dụ như mangan, sắt hoặc chì, nếu không, có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống kiểm soát khí xả.
- Không được sử dụng các chất phụ gia bằng kim loại được bán trên thị trường.
- Không sử dụng xăng pha methanol như xăng M15, M85, M100. Sử dụng xăng pha methanol có thể sẽ làm hỏng động cơ.

CHÚ Ý

n **Chú ý về chất lượng dầu diesel**

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Xe có hệ thống DPF: Không sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh lớn hơn 10 ppm. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao có thể sẽ làm hỏng động cơ.
- Không nên sử dụng loại nhiên liệu FAME (Fatty Acid Methyl Ester) được bán dưới tên gọi “B40” hoặc “B100” và loại nhiên liệu có một lượng lớn chất FAME, nếu không hệ thống nhiên liệu có thể bị hỏng. Xe của bạn có thể sử dụng nhiên liệu diesel pha với tối đa 5% biodiesel FAME (B5). Nếu động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel sinh học có tỷ lệ FAME (B5) lớn hơn 5%, thì kỳ thay thế bộ lọc nhiên liệu sẽ ngắn hơn. Chỉ nên tiến hành nạp nhiên liệu từ một nguồn nhiên liệu đảm bảo các thông số kỹ thuật và chất lượng. Nếu bạn vẫn chưa nắm rõ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Xe của bạn có rất nhiều tính năng điện tử có thể tùy chọn theo ý muốn của bạn. Có thể thay đổi cài đặt các tính năng này bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin, hệ thống dẫn đường/đa phương tiện kiểu A*, hoặc tại đại lý Toyota.

Việc thay đổi cài đặt cho một số chức năng sẽ làm cho chức năng khác thay đổi theo. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin.

*: Hãy xem mục “Cách xác định kiểu hệ thống đa phương tiện” để kiểm tra hệ thống đa phương tiện trên xe bạn. (→P. 675)

Tùy chọn các đặc tính trên xe

n Thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin

1. Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn biểu tượng trong khi xe đang đỗ lại, sau đó ấn nút ⊙ để hiển thị màn hình chế độ tùy chọn cá nhân.
2. Chọn hạng mục cần tùy chọn cá nhân, sau đó ấn nút ⊙.
3. Chọn cài đặt cần tùy chọn cá nhân, sau đó ấn nút ⊙.

Để trở về màn hình trước đó hoặc thoát khỏi chế độ tùy chọn cá nhân, hãy ấn nút ⮌.

n Thay đổi bằng hệ thống dẫn đường hoặc hệ thống đa phương tiện kiểu A

1. Ấn nút “MENU” để khi xe đang được đỗ lại.
2. Chọn mục "Cài đặt".
3. Chọn ”Xe”.
4. Chọn “TOYOTA park assist”.

Tính năng tùy chọn cá nhân

① Có thể thay đổi các cài đặt bằng hệ thống dẫn đường hoặc hệ thống đa phương tiện kiểu A

② Những cài đặt có thể thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin.

③ Những cài đặt có thể thay đổi bởi đại lý Toyota

Diễn giải: O = Khả dụng, – = Không khả dụng

n **Các đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình đa thông tin (→P. 111)**

Chức năng*1	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Ngôn ngữ*2	Vietnamese	Tiếng Đức	–	O	–
		Tiếng Pháp			
		Tiếng Tây Ban Nha			
		Tiếng Ý			
		Tiếng Nga			
		Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ			
		Tiếng Ukraina			
		Tiếng Thái			
		Tiếng Bồ Đào Nha			
		Tiếng Indonesia			
		Tiếng Ả Rập			
		Tiếng Đài Loan			
Đơn vị đo*2	km (L/100 km)	km (km/L)	–	O	–
Đèn chỉ báo lái Eco	Bật (Tự chiếu sáng)	Tắt	–	O	–
Cài đặt cho công tắc	Thông tin lái xe 1	Màn hình trạng thái cần đặt*3	–	O	–

Chức năng*1		Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Thông tin lái 1		Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại	*4	–	O	–
		Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình		–	O	–
Thông tin lái 2		Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu	*4	–	O	–
		Tốc độ trung bình		–	O	–
Màn hình pop-up*5		Bật	Tắt	–	O	–
Màu nền*2, 5		Màu 1	Màu 1 đến màu 4	–	O	–
Mức tiết kiệm khi lái Eco	So sánh mức tiêu hao nhiên liệu	10.0	*6	–	O	–
	Giá nhiên liệu	150	*6	–	O	–
	Tiền tệ*2	 (Không có đơn vị tiền tệ)	฿ (Baht)	–	O	–
			Rp (Rupiah)			
			$ (Peso)			
			R$ (Real)			
			R (Rand)			
			€ (Euro)			
			₹ (Rupee)			

*1: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P. 111

*2: Tùy theo từng quốc gia mà các hạng mục cài đặt mặc định và cài đặt tùy chọn cá nhân có thể sẽ hiển thị khác nhau.

*3: Một số màn hình trạng thái sẽ không đăng ký được (sẽ được thông báo trên màn hình đa thông tin).

*4: Những hạng mục đã được tùy chọn cá nhân gồm có các hạng mục sau trừ các hạng mục thiết lập mặc định: mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại (dạng thanh), mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại (dạng giá trị), mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động), mức tiết kiệm nhiên liệu (sau khi đặt lại), mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi nạp nhiên liệu), tốc độ trung bình (sau khi đặt lại), tốc độ trung bình (sau khi khởi động), thời gian (sau khi đặt lại), thời gian (sau khi khởi động), khoảng cách (phạm vi), khoảng cách (sau khi khởi động), màn hình trống.

*5: Nếu có

*6: Các cài đặt có thể thay đổi bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

n PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*1 (→P. 249)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*2	Bật, Tắt	–	O	–
Độ nhạy (điều chỉnh thời điểm cảnh báo)	Sớm, Trung bình, Muộn	–	O	–

*1: Nếu có

*2: Khi hệ thống sẽ tự động được kích hoạt mỗi lần công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

n LDA (Cảnh báo lệch làn có chức năng hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe)* (→P. 260)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe	Bật, Tắt	–	O	–
Độ nhạy của cảnh báo	Tiêu chuẩn, Cao	–	O	–
Chức năng cảnh báo lắc xe	Bật, Tắt	–	O	–
Độ nhạy cảnh báo lắc xe	Cao, Tiêu chuẩn, Thấp	–	O	–

*: Nếu có

n RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*1 (→P. 271)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*2	Bật, Tắt	–	O	–
Phương pháp thông báo vượt quá tốc độ*3	Chỉ hiển thị, Hiển thị và chuông báo, không có thông báo	–	O	–
Phương pháp thông báo cấm vượt	Chỉ hiển thị, Hiển thị và chuông báo, không có thông báo	–	O	–
Phương pháp cảnh báo khác (thông báo cấm đường)*4	Chỉ hiển thị, Hiển thị và chuông báo, không có thông báo	–	O	–
Mức thông báo vượt quá tốc độ	2 km/h (1 mph), 5 km/h (3 mph), 10 km/h (5 mph)	–	O	–

*1: Nếu có

*2: Khi hệ thống sẽ tự động được kích hoạt mỗi lần công tắc động cơ được chuyển đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc đến chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

*3: Nếu vượt quá giới hạn tốc độ được đánh dấu bổ sung, chuông cảnh báo sẽ không hoạt động.

*4: Xe có hệ thống dẫn đường

n Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa và có hỗ trợ nhận diện biển báo* (→P. 288)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa có hỗ trợ nhận diện biển báo	Bật, Tắt	–	O	–

*: Nếu có

n Theo dõi điểm mù (BSM)* (→P. 297)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)	Bật	Tắt	–	O	–
Độ sáng đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài	Sáng	Mờ	–	O	–
Thời điểm cảnh báo sự xuất hiện của xe đang đến gần (độ nhạy)	Trung bình	Sớm	–	O	–
		Muộn			
		Chỉ khi xe được phát hiện trong điểm mù			

*: Nếu có

n RCTA (Chức năng cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau)* (→P. 315)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Chức năng RCTA (Cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau)	Bật	Tắt	–	O	–

*: Nếu có

n Hệ thống Dừng và Khởi động* (→P. 339)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Dừng không tải	Tiêu chuẩn	Kéo dài	–	O	–

*: Nếu có

n Cửa hậu điều khiển điện* (→P. 138)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Cửa hậu điều khiển điện	Bật	Tắt	–	O	O

*: Nếu có

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*1 (→P. 305)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Khoảng cách phát hiện của cảm biến giữa phía sau*2	Dài	Ngắn	O	–	O
Âm lượng chuông báo	Mức 2	Mức 1 đến 3	O	–	O

*1: Nếu có

*2: Trừ các dòng xe có mã thị trường X*3

*3: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P. 13)

n Khóa cửa (→P. 132)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ*1	Bật	Tắt	–	–	O*2
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái*1	Tắt	Bật	–	–	O*2

*1: Nếu có

*2: Có thể thay đổi được cài đặt bằng tay (→P. 136) hoặc tại Đại lý Toyota

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh* (→P. 151)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh	Bật	Tắt	–	–	O
Tín hiệu hoạt động (chuông báo)*	Mức 5	Tắt	–	–	O
		Từ 1 đến 7			

*: Nếu có

n Hệ thống điều khiển đèn tự động* (→P. 228)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Độ nhạy của cảm biến đèn	0	Từ -2 đến 2	–	–	O

*: Nếu có

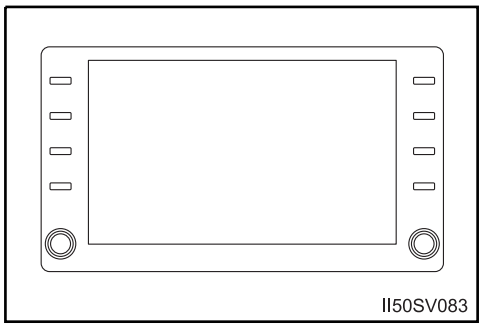
n Công tắc xi nhan (→P. 226)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	①	②	③
Số lần nháy của đèn xi nhan	3	4	–	–	O
		5			
		6			
		7			
		Tắt			

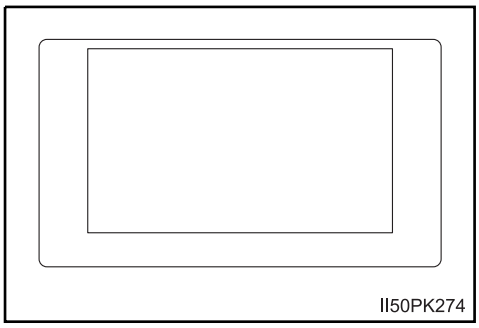
n Cách xác định kiểu hệ thống đa phương tiện

Kiểm tra kiểu hệ thống đa phương tiện trong các hình vẽ sau đây.

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



⚠ CẢNH BÁO

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Vì động cơ cần phải được nổ máy trong khi tiến hành tùy chỉnh, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành tùy chọn cá nhân cho các tính năng.

Các hạng mục cần khởi tạo

Những thiết bị sau cần phải được khởi tạo để có thể hoạt động bình thường sau khi nối lại ắc quy, hoặc sau khi bảo dưỡng xe.

Hạng mục	Tiến hành khởi tạo	Tham khảo
Cửa hậu điều khiểnđiện (nếu có)	Khi nối lại hoặc thay ắc quy hoặc thay cầu chì trong khi cửa hậu đang mở.	P. 145
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)	• Khi áp suất lốp thay đổi, như khi thay tốc độ hành trình hoặc tải trọng. • Khi cần thay đổi áp suất lốp như khi thay đổi kích cỡ lốp. • Khi đảo lốp.	P. 539
Màn hình góc nhìn toàn cảnh (nếu có)	• Ắc quy được lắp lại. • Điều khiển vô lăng trong khi lắp lại ắc quy. • Điện áp ắc quy thấp.	Hãy tham khảo sách “Hướng dẫn sử dụng hệ thống dẫn đường và đa phương tiện” hoặc sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Mục lục

Phải làm gì nếu…
(Cách xử lý) 678
Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái 682

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý)

Nếu xe của bạn có vấn đề, hãy kiểm tra như sau trước khi liên hệ với đại lý Toyota.

Không thể khóa, mở khóa, mở hoặc đóng các cửa xe



Mất chìa khóa

- Nếu bạn đánh mất chìa khóa cơ hoặc chìa khóa khác, đại lý Toyota sẽ cung cấp chìa khóa cơ mới chính hiệu cho bạn. (→P. 129)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Nếu bạn bị mất chìa khóa điện tử, thì nguy cơ mất trộm xe sẽ rất cao. Hãy liên hệ với đại lý Toyota ngay lập tức. (→P. 131)



Không thể khóa hoặc mở khóa các cửa xe

- Pin chìa khóa có yếu hay hết điện không? (→P. 553)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Công tắc động cơ có ở chế độ IGNITION ON không?
  Khi khóa các cửa, hãy tắt công tắc động cơ (→P. 204)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Chìa khóa điện tử có đang ở trong xe không?
  Khi khóa các cửa, hãy đảm bảo rằng bạn mang chìa khóa điện tử theo người.
- Chức năng này có thể không hoạt động chính xác do điều kiện thu/phát sóng rađiô. (→P. 137, 154)



Không thể mở cửa sau

- Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau có được gài không?
  Bạn sẽ không thể mở cửa sau từ bên trong xe khi đang đặt khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau. Hãy mở cửa sau từ bên ngoài và mở khóa cho cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau. (→P. 135)

Nếu có điều gì đó bất thường



Không khởi động được động cơ (xe khôngcó hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Xe có hộp số thường:
  Bạn có đạp ly hợp một cách dứt khoát khi xoay chìa khóa không? (→P. 199)
- Xe có hộp số tự động:
  Cần chọn số có đang ở vị trí P không? (→P. 199)
- Vô lăng có mở khóa không? (→P. 201)
- Ắc quy có bị hết điện không? (→P. 626)



Không khởi động được động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Bạn có ấn công tắc động cơ trong khi đã đạp chắc phanh chưa? (→P. 202)
- Xe có hộp số tự động:
  Cần chọn số có đang ở vị trí P không? (→P. 202)
- Chìa khóa điện tử có được phát hiện ở bất cứ vị trí nào trong xe không? (→P. 152)
- Vô lăng có mở khóa được không? (Xe có hộp số thường) (→P. 206)
- Pin chìa khóa điện tử có bị yếu hay hết điện không?
  Trong trường hợp này, có thể khởi động động cơ bằng biện pháp tình thế. (→P. 624)
- Ắc quy có bị hết điện không? (→P. 626)



Không thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P mặc dù đã đạp phanh (xe có hộp số tự động)

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Công tắc động cơ có đang ở vị trí ON không?
  Nếu bạn không thể chuyển được cần số khi đã đạp phanh và công tắc động cơ ở vị trí "ON": →P. 216
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Công tắc động cơ có ở chế độ IGNITION ON không?
  Nếu bạn không thể chuyển cần số trong khi đã đạp phanh với công tắc động cơ ở chế độ IGNITION ON: →P. 216



Không thể xoay vô lăng sau khi tắt động cơ

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Vô lăng sẽ được khóa lại để chống trộm khi chìa khóa được rút ra khỏi ổ khóa. (→P. 201)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc xe không có hộp số thường:
  Cửa sẽ tự động khóa lại để đề phòng trộm. (→P. 206)



Không thể mở hoặc đóng các cửa sổ bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện

- Bạn có ấn công tắc khóa cửa sổ không?
  Các cửa sổ điện, ngoại trừ cửa người lái, sẽ không thể hoạt động được nếu đã ấn công tắc khóa cửa sổ. (→P. 176)



Công tắc động cơ tự động tắt (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động nếu để công tắc động cơ ở chế độ ACCESSORY hoặc IGNITION ON (xe đang không hoạt động) trong một thời gian. (→P. 205)



Chuông cảnh báo kêu trong khi lái xe

- Đèn nhắc nhở thắt đai an toàn đang nhấp nháy
  Người lái và các hành khách thắt đai an toàn không? (→P. 595)
- Đèn chỉ báo phanh đỗ bật sáng
  Phanh đỗ đã được nhả chưa? (→P. 227)

Tùy vào từng trường hợp, những chuông cảnh báo khác có thể cũng kêu. (→P. 593, 601)

Hệ thống báo động được kích hoạt và còi kêu (nếu có)

l Có người ở trong xe mở cửa khi đã đặt hệ thống báo động không? Cảm biến sẽ phát hiện tình trạng đó và chuông cảnh báo kêu. (→P. 94)

Để dừng báo động, hãy bật công tắc động cơ đến vị trí "ON" (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc bật công tắc động cơ sang chế độ IGNITION ON (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc khởi động động động cơ.

Chuông cảnh báo kêu khi rời khỏi xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

l Trên màn hình đa thông tin có xuất hiện thông báo nào không? Kiểm tra các thông báo trên màn hình đa thông tin.

Đèn cảnh báo sáng lên hoặc một thông điệp cảnh báo xuất hiện

l Khi đèn cảnh báo sáng lên hoặc thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy tham khảo trang P. 593, 601.

Khi xe gặp vấn đề

Nếu xe bị xịt lốp

l Hãy dừng xe ở một vị trí an toàn trên đường và thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng. (→P. 607)

Nếu xe bị sa lầy

l Hãy thực hiện theo quy trình khi xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết. (→P. 637)

Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái

A

Âm thanh Bluetooth®.....403
ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....348
Chức năng 348
Đèn cảnh báo 594
AdBlue™.....530
Dung tích.....533
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu AdBlue™ thấp 596
Nạp lại 533
Ắc quy
Kiểm tra ắc quy.....520
Nếu ắc quy bị hết điện 626
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 365
Thông điệp cảnh báo.....524
Ăng ten.....381
Ăng ten (hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).....151
An toàn cho trẻ em.....56
Các lưu ý với túi khí.....45
Các lưu ý với cửa hậu 146
Lưu ý đối với ắc quy ..525, 631
Hệ thống ghế cho trẻ em 57
Cách thắt đai an toàn cho trẻ em 38
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 57
Công tắc khóa cửa sổ điện 176
Các lưu ý với cửa sổ điện ..178
Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau.....135
Các lưu ý với pin chìa đã được tháo ra 555
Các lưu ý với đai an toàn 40
Các lưu ý với bộ sưởi ghế .449
Áp suất lốp
Dữ liệu bảo dưỡng 663
Đèn cảnh báo 596
AUTO LSD.....358

B

Bảo dưỡng
Tự bảo dưỡng..... 504
Dữ liệu bảo dưỡng..... 640
Các yêu cầu bảo dưỡng.... 487
Lịch bảo dưỡng..... 490
Biển cảnh báo 465
Bình cứu hỏa.....591
Bluetooth®.....425
Đăng ký/kết nối thiết bị Bluetooth®..... 409
Chọn một thiết bị® 410
Kết nối không dây 403
Bộ làm mát trung gian 519
Bộ lọc gió.....527
Bộ lọc nhiên liệu.....529
Bộ lọc điều hòa 550
Bộ mở
Cửa hậu..... 138
Cửa nạp nhiên liệu..... 239
Nắp capô..... 507
Bộ nhớ USB 396
Bộ sấy
Kính cửa hậu 433, 440
Kính chắn gió..... 432, 440
Bộ sấy kính cửa hậu.....433, 440
Bộ sưởi
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 437
Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước 430
Bộ sưởi vô lăng..... 449
Bộ sưởi tăng cường 441
Bộ sưởi ghế..... 449
Bộ sưởi ghế.....449
Bộ sưởi tăng cường.....441
Bộ sưởi vô lăng 449
Bộ thông gió cho ghế.....449
Bóng đèn
Thay thế 561
Công suất..... 664
Bugi 657

C

Cần chuyển số
Hộp số tự động 209
Nếu không thể chuyển cần số khỏi vị trí P 216
Hộp số thường 218
Cần gạt nước rửa kính chắn gió
Cần gạt nước rửa kính chắn gió kiểu gạt gián đoạn 235
Cầu chì 557
Các bộ thông gió (bộ thông gió cho ghế) 449
Các cảm biến hỗ trợ đỗ xe (Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota) .. 305
Các công tắc chuyển số trên vô lăng 213
Các cổng USB kiểu C 472
Các lưu ý khi cất đồ 456
Các móc
Móc treo áo khoác 475
Móc treo túi để đồ 474
Móc hãm (thảm trải sàn xe) 30
Các móc treo túi để đồ 474
Các đèn cảnh báo
Hệ thống ABS 594
AUTO LSD 597
Hệ thống phanh 593
Đèn chỉ báo OFF hệ thống BSM 595
Hệ thống bốn bánh chủ động 594
Chức năng LDA (Chức năng cảnh báolệch làn có hỗ trợ chỉnh trọngtâm xe) 595
AdBlue™ thấp 596
Mức nhiên liệu thấp 596
Đèn chỉ báo hư hỏng 593
Đèn cảnh báo chính 596
Phanh đỗ 596
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 595
Trợ lực lái 594
Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA 595
Đèn nhắc thắt đai an toàn . 595
Đèn chỉ báo trượt 594
Hệ thống túi khí 593
Hệ thống Dừng và Khởi động 596
Áp suất lốp 596
Các đèn lùi
Thay bóng đèn 565, 566
Công suất 664
Các đèn soi bậc lên xuống bên ngoài
Vị trí 452
Thay bóng đèn 570
Công suất 664
Cảm biến
Hệ thống chiếu xa tự động 230
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 299
Chức năng LDA (Chức năng cảnh báolệch làn có hỗ trợ chỉnh trọngtâm xe) 260
RCTA (Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau 299
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 305
Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 243
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 305
Chỉ báo nhắc nhở làm dịch vụ 100
Chăm sóc xe
Bên ngoài xe 480
Bên trong xe 484
Đai an toàn 485
Vành xe 481
Chìa khóa 126

Chìa khóa điện tử 126
Công tắc động cơ 199
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 623
Nếu bạn đánh mất chìa khóa 129
Tấm ghi số hiệu chìa 126
Hệ thống mở khóa thông minh 127
Chìa khóa 126
Thay pin 553
Chìa điều khiển từ xa 127
Chìa khóa điện tử
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 623
Thay pin 553
Chìa khóa phụ 126
Chìa điều khiển từ xa 127
Khóa/mở khóa 127
Thay pin 553
Chức năng chống kẹt khi lên kính
Cửa hậu điều khiển điện ... 145
Cửa sổ điện 176
Chức năng ghi dữ liệu (EDR). 11
Chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR) 11
Chức năng ghi dữ liệu xe 10
Chức năng LDA (Chức năng cảnh báolệch làn có hỗ trợ chỉnh trọngtâm xe) 260
Thông điệp cảnh báo 270
Chuông cảnh báo
Nhắc rút chìa khóa 201
Phanh tiền va chạm 250
RCTA (Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau 315
Nhắc thắt đai an toàn 595
Cảnh báo tốc độ 599
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 308
Cổng AUX 402
Công tắc
Các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng* ... 374
Công tắc điều khiển chạy tự động 293
Công tắc khóa cửa 134
Các công tắc chọn chế độ lái xe 211, 219
Công tắc đèn nháy khẩn cấp 578
Công tắc động cơ 199, 202
Công tắc đèn sương mù 232
Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động 323
Công tắc bộ sưởi vô lăng .. 449
Công tắc bù không tải khi dùng bộ sưởi 441
Khóa điện 199, 202
LDA (Thông báo rời khỏi làn đường với chức năng hỗ trợ) (nếu có) 266
Công tắc đèn 228
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 112
Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài 173
Công tắc khóa cửa điện 134
Công tắc bộ sấy điện 441
Công tắc cửa sổ điều khiển điện 175
Công tắc khóa vi sai sau ... 334
Công tắc bộ sấy kính cửa hậu 433, 440
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính cửa hậu 237
Công tắc bộ sưởi ghế 449
Công tắc bộ thông gió cho ghế 449
Nút "SOS" 85

Các công tắc điện thoại* ... 408
Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp 540
Công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 305
Công tắc VSC OFF 350
Công tắc khóa cửa sổ 176
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 235
Công tắc khóa cửa sổ 176
Công tắc điện thoại* 408
Công tắc động cơ..... 199, 202
Chức năng tự động tắt nguồn 205
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ..... 204
Thay đổi vị trí công tắc động cơ..... 200
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp..... 579
Khởi động động cơ 199, 202
Công tắc động cơ..... 199, 202
Chức năng tự động tắt nguồn 205
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ..... 204
Thay đổi vị trí công tắc động cơ..... 200
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp..... 579
Khởi động động cơ 199, 202
Cổng USB* 376
Còi..... 169
Cửa bên 132
Cửa hậu
Cửa hậu 138
Điều khiển từ xa..... 127
Cửa hậu điều khiển điện 138
Cửa nạp nhiên liệu 239
Nạp nhiên liệu 239
Cửa sổ
Cửa sổ điện 175
Bộ sấy kính cửa hậu..... 433
Vòng đệm 235
Cửa sổ điện
Chức năng chống kẹt khi lên kính 176
Hoạt động..... 175
Công tắc khóa cửa sổ 176
Cửa xe
Cửa hậu..... 138
Kính cửa 175
Khóa cửa..... 132
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 173
Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau..... 135
Cửa bên..... 132

D

Dầu
Dầu vi sai..... 661
Dầu động cơ..... 646
Dầu hộp số thường..... 660
Dầu hộp số phụ..... 660
Dầu động cơ
Dung tích 646
Kiểm tra..... 513
Thông điệp cảnh báo áp suất dầu 603
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 365
DAC..... 355
Dịch vụ kết nối của Toyota.... 80
Nút "SOS"..... 80
DSC (Điều khiển dẫn động - khởi động)
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 182
Dụng cụ..... 610
Dung dịch
Hộp số tự động..... 659
Phanh 662
Ly hợp..... 662

Hệ thống lái 663
Vòng đệm 526

Đ

Đầu đĩa CD 382
Đầu vào hệ thống âm thanh 390, 396, 402
Đai an toàn 34
Điều chỉnh đai an toàn 37
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 57
Vệ sinh và bảo dưỡng đai an toàn 485
Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp . 38
Cách thắt đai an toàn 34
Cách thắt đai an toàn cho trẻ nhỏ 38
Cách sử dụng đai an toàn cho phụ nữ có thai 40
Chuông và đèn nhắc thắt đai an toàn 595
Bộ căng đai khẩn cấp 37
Đèn cảnh báo túi khí 593
Đèn
Đèn cửa xe 452
Đèn chiếu sáng công tắc động cơ 452
Công tắc đèn sương mù 232
Công tắc đèn pha 228
Hệ thống chiếu sáng lối vào 455
Đèn nội thất 454
Danh sách đèn bên trong xe 452
Các đèn soi bậc lên xuống bên ngoài 452
Đèn cá nhân/đèn nội thất .. 453
Thay bóng đèn 563
Công tắc xi nhan 226
Công suất 664
Đèn cá nhân 452
Công tắc 453
Công suất 664
Đèn cảnh báo chính 596
Đèn chỉ báo 100
Đèn chỉ báo hư hỏng 593
Đèn chỉ báo lái Eco 103, 105
Đèn chiếu sáng ngăn đựng găng tay 457
Đèn công tắc động cơ 452
Đèn cửa xe 452
Công suất 664
Đèn hậu
Công tắc điều khiển 228
Thay bóng đèn 574
Đèn hông xe
Công tắc điều khiển 228
Thay bóng đèn 574
Đèn nhắc người lái thắt đai an toàn 595
Đèn nhắc thắt đai an toàn của hành khách phía sau 596
Đèn nháy khẩn cấp 578
Đèn nội thất 452
Công tắc 454
Công suất 664
Đèn pha 228
Công tắc điều khiển 228
Thay bóng đèn 574
Đèn phanh
Thay bóng đèn 574
Đèn phanh trên cao
Thay thế 574
Đèn soi biển số
Công tắc điều khiển 228
Thay bóng đèn 568
Công suất 664
Đèn sương mù
Thay bóng đèn 567, 574
Công tắc 232
Công suất 664
Đèn sương mù phía sau
Thay bóng đèn 567
Công tắc 232

Công suất 664
Đèn sương mù phía trước
Thay bóng đèn 574
Công tắc 232
Công suất 664
Đèn vị trí phía trước
Công tắc điều khiển 228
Thay bóng đèn 563, 574
Công suất 664
Đèn xi nhan
Thay bóng đèn ... 564, 565, 574
Công tắc xi nhan 226
Công suất 664
Đèn xi nhan bên
Thay bóng đèn 574
Công tắc xi nhan 226
Đèn xi nhan sau
Thay bóng đèn 565, 574
Công tắc xi nhan 226
Công suất 664
Đèn xi nhan trước
Thay bóng đèn 564, 574
Công tắc xi nhan 226
Công suất 664
Điện thoại Bluetooth®(hệ thống âm thanh) 403
Xóa lịch sử cuộc gọi 415
Xóa số thường liên lạc 417
Thực hiện cuộc gọi 421
Quản lý các danh bạ 414
Cài đặt điện thoại 414
Nhận cuộc gọi 422
Nói chuyện trên điện thoại 421
Các công tắc điều khiển trên vô lăng 408
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 109
Điều chỉnh độ sáng
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 109
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 277
Chức năng 277
Thông điệp cảnh báo 606
Điều khiển dẫn động - khởi động
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 182
Điều khiển ổn định xe (VSC) 348
Đĩa MP3 382
Đĩa WMA 382
Động cơ
Vị trí "ACC" 200
Chế độ ACCESSORY 204
Bộ lọc gió 527
Khoang động cơ 509
Công tắc động cơ 199, 202
Nắp capô 507
Cách khởi động động cơ 199, 202
Số nhận dạng xe 642
Nếu động cơ không khởi động được 621
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 636
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 579
Công tắc động cơ 199, 202
Động cơ bị quá nhiệt 632
Động cơ bị quá nhiệt 632
Đồng hồ 467
Đồng hồ công tơ mét 108
Đồng hồ đo 107
Đồng hồ đo hành trình 108
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ 108
Đồng hồ táp lô
Đèn chỉ báo 100
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 109
Đồng hồ táp lô 107
Màn hình đa thông tin 111
Các đèn cảnh báo 593
Các thông điệp cảnh báo .. 601
Đồng hồ tốc độ động cơ 108

Đồng hồ tốc độ xe..... 108

E

EVAK..... 85

G

Gạt nước kính cửa hậu..... 237
Ghế ngồi
Điều chỉnh..... 158, 160
Các lưu ý khi điều chỉnh ghế 159
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em 57
Vệ sinh..... 484
Lật hàng ghế thứ ba 163
Tựa đầu 167
Tư thế ngồi đúng 32
Bộ sưởi ghế 449
Bộ thông gió cho ghế 449
Lối vào cho ghế thứ ba 160
Lật hàng ghế thứ hai..... 162
Ghế sau
Điều chỉnh..... 160
Lật hàng ghế thứ ba 163
Lối vào cho ghế thứ ba 160
Lật hàng ghế thứ hai..... 162
Ghế trước
Điều chỉnh..... 158
Vệ sinh..... 484
Tư thế lái xe đúng 32
Tựa đầu 167
Bộ sưởi ghế 449
Bộ thông gió cho ghế 449
Giàn nóng điều hòa..... 519
Giá để hành lý trên nóc xe .. 194
Gương
Gương chiếu hậu bên trong xe..... 171
Gương chiếu hậu bên ngoài xe..... 173
Gương trang điểm 466
Gương chiếu hậu
Gương chiếu hậu bên trong xe 171
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 173
Gương chiếu hậu bên ngoài xe..... 173
Điều chỉnh và gập gương .. 173
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 297
Gương chiếu hậu bên ngoài xe
Điều chỉnh và gập gương .. 173
Hệ thống theo dõi điểm mù (BSM) 297
Gương chiếu hậu bên trong xe..... 171
Gương trang điểm..... 466

H

Hệ thống âm thanh..... 372
Ăng ten..... 381
Đầu vào hệ thống âm thanh 402
Cổng AUX..... 402
Âm thanh Bluetooth® 403
Đầu đĩa CD 382
iPod 390
Đĩa MP3/WMA/..... 384
Sử dụng tối ưu hệ thống âm thanh 377
Máy nghe nhạc cầm tay 402
Radio..... 379
Các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng 374
Bộ nhớ USB..... 396
Hệ thống bật-tắt chức năng của túi khí bằng tay..... 54
Hệ thống báo động 94
Hệ thống bốn bánh chủ động
Công tắc điều khiển bốn bánh chủ động 323

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 297
Hệ thống cân bằng đèn pha tự động 231
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 590
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 539
Chức năng 539
Đang khởi tạo 539
Lắp van cảm biến áp suất lốp 539
Đăng ký mã ID 541
Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp 540
Đèn cảnh báo 596
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) 249
Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống 253
Chức năng 250
Đèn cảnh báo 595
Thông điệp cảnh báo 605
Hệ thống chiếu sáng lối vào 455
Hệ thống chống trộm
Hệ thống báo động 94
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 90
Hệ thống dữ liệu radiô 380
Hệ thống Dừng và Khởi động 339
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 360
Thông điệp cảnh báo 604
Hệ thống ERA-GLONASS 85
Hệ thống ghế cho trẻ em 57
Phương pháp lắp đặt ghế cho trẻ em 72
Lắp bằng đai an toàn 73
Lắp bằng móc ISOFIX phía dưới 76
Các điểm cần ghi nhớ 58
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 56
Dùng móc chằng phía trên .. 78
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc 348
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp 348
Hệ thống hỗ trợ quan sát phía sau*
Hệ thống khóa chuyển số 215
Hệ thống khóa kép 92
Hệ thống khóa vi sai sau 334
Hệ thống làm mát
Động cơ bị quá nhiệt 632
Hệ thống làm mát phía sau 445, 447
Hệ thống lái
Nhả khóa tay lái 201, 206
Dung dịch 663
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 90
Hệ thống mã hóa khóa động cơ 90
Hệ thống mở khóa thông minh
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 132
Điều khiển từ xa 127
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 151
Vị trí đặt ăng ten 151
Chức năng vào xe 132, 138
Khởi động động cơ 202
Thông điệp cảnh báo 601
Hệ thống đa phương tiện*
Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày 230
Hệ thống điện đàm rảnh tay (cho điện thoại di động) 403
Hệ thống điều hòa 430, 437
Bộ lọc điều hòa 550
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 437

Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước 430
Hệ thống điều hòa không khí tự động 437
Bộ lọc điều hòa..... 550
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 437
Hệ thống điều hòa không khí 430, 437
Bộ lọc điều hòa..... 550
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 437
Hệ thống điều hoà không khí thường phía trước 430
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước
Bộ lọc điều hòa..... 550
Hệ thống điều hòa không khí tự động phía trước 437
Hệ thống điều khiển chạy tự động
Hệ thống điều khiển chạy tự động 293
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 277
Thông điệp cảnh báo..... 295
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa .. 277
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 355
Hệ thống điều khiển lực kéo 348
Hệ thống điều khiển đèn tự động 230
Hệ thống phanh chống bó cứng(ABS)..... 348
Chức năng 348
Đèn cảnh báo 594
Hệ thống theo dõi điểm mù (BSM)..... 297
Hỗ trợ nhận diện biển báo... 271
Hộp dầm..... 457
Hộp đựng đồ 456
Hộp đựng đồ vặt..... 461
Hộp số
Hộp số tự động..... 209
Nếu không thể chuyển cần số khỏi vị trí P..... 216
Hộp số thường..... 218
Hộp số thường 218
Hộp số tự động..... 209
Nếu không thể chuyển cần số khỏi vị trí P..... 216
Hướng dẫn chạy rà..... 183

K

Kết nối không dây..... 403
Kéo moóc..... 197
Kéo xe
Kéo xe khẩn cấp 583
Móc kéo xe..... 585
Kéo moóc..... 197
Két nước..... 519
Khóa bảo vệ trẻ em..... 135
Khóa tay lái..... 201, 206
Khởi tạo
Các hạng mục cần khởi tạo 676
Cửa hậu điều khiển điện... 145
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 540
Kích
Kích trên xe 608
Kích thước..... 640
Kính cửa sổ..... 175

L

Lẫy/cần
Lẫy khóa phụ..... 507
Lẫy nhả khóa nắp capô..... 507
Cần chuyển số 209, 218
Công tắc xi nhan 226
Cần gạt nước..... 235
Lái xe

Hướng dẫn chạy rà 183
Tư thế lái xe đúng 32
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 368
Quy trình lái xe 180
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 365
Lốp bị xịt hơi 607
Lốp dự phòng
Áp suất lốp 663
Vị trí cất lốp 608
Lốp đi tuyết 365
Lốp xe 537
Xích quấn lốp 366
Kiểm tra 537
Nếu xe bị xịt lốp 607
Áp suất lốp 546, 663
Thay thế 607
Đảo lốp 538
Cỡ lốp 663
Lốp đi tuyết 365
Lốp dự phòng 607
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 539
Đèn cảnh báo 596
Lịch bảo dưỡng 490
Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống 253
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 368
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 365
Ly hợp 662

M

Màn hình
Hệ thống điều khiển chạy tự động 293
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 277
Chức năng LDA (Chức năng cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe) 266
Màn hình đa thông tin..... 111
Thông tin hành trình 113
Màn hình đa thông tin
Hệ thống điều khiển chạy tự động 293
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 277
Chức năng LDA (Chức năng cảnh báo lệch làn có hỗ trợ chỉnh trọng tâm xe) 266
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 250
Thông tin hành trình 113
Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe 108
Micrô 405
Móc treo áo khoác 475
Móc treo túi để đồ 474

N

Nắp capô 507
Nạp nhiên liệu 239
Dung tích 645
Loại nhiên liệu 645
Mở nắp bình nhiên liệu 239
Ngăn để chai 460
Ngăn để cốc 458
Ngăn đựng găng tay 457
Nhiên liệu
Dung tích 645
Bộ lọc nhiên liệu..... 529
Đồng hồ đo nhiên liệu 108
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu..... 590
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy..... 636
Thông tin về nhiên liệu..... 665
Nạp nhiên liệu 239
Loại động cơ..... 645

Đèn cảnh báo 596
Nước làm mát của bộ làm mát trung gian
Dung tích..... 655
Kiểm tra 517
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 365
Nước làm mát động cơ
Dung tích..... 655
Kiểm tra 517
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 365
Nút "SOS"..... 85
Nút thoại*

O

Ổ điện 468

P

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)..... 249
Chức năng 250
Đèn cảnh báo 595
Thông điệp cảnh báo..... 605
Phanh
Dung dịch..... 662
Phanh đỗ 227
Đèn cảnh báo 593
Phanh đỗ
Hoạt động 227
Đèn chỉ báo phanh đỗ..... 596

R

Radio..... 379
RCTA (Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau..... 315
RCTA (Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau/Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau..... 315
Rửa kính
Kiểm tra..... 526
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 365
Công tắc 235
Rửa và đánh bóng xe..... 480
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 271

S

Sa lầy
Nếu xe bị sa lầy..... 637
Số nhận dạng
Động cơ..... 642
Số xe..... 641
Số nhận dạng xe (VIN)..... 641

T

Tấm chắn nắng..... 466
Tấm che hành lý..... 464
Tay nắm..... 476
Tay quay kích..... 611
Thảm trải sàn xe..... 30
Thay thế
Cầu chì 557
Bóng đèn..... 561
Lốp xe..... 607
Pin của điều khiển từ xa.... 553
Thông số kỹ thuật..... 640
Thông tin hành trình..... 113
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 121
Tự bảo dưỡng..... 504
Tựa đầu..... 167
Tựa tay..... 474
TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo)..... 348
Trợ lực lái

Dung dịch.....663
Đèn cảnh báo.....594
Trong trường hợp khẩn cấp
Nếu chuông cảnh báo kêu 593
Nếu đèn cảnh báo sáng lên.....593
Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo.....601
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....623
Nếu động cơ không khởi động được.....621
Nếu ắc quy bị hết điện.....626
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên581
Nếu xe bị xịt lốp.....607
Nếu bạn đánh mất chìa khóa.....129
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy.....636
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.....589
Nếu xe bị sa lầy.....637
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....579
Nếu xe cần được kéo.....583
Nếu xe quá nhiệt.....632
Túi khí.....42
Hệ thống bật-tắt chức năng của túi khí bằng tay.....54
Các điều kiện kích hoạt túi khí.....50
Các lưu ý về túi khí đối với trẻ em.....45
Đèn cảnh báo hệ thống túi khí.....593
Tư thế lái xe đúng.....32
Các điều kiện kích hoạt túi khí rèm.....50
Các lưu ý với túi khí rèm.....46
Các lưu ý chung với túi khí..45
Vị trí lắp túi khí.....42
Sửa đổi và tiêu hủy túi khí... 48
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên.....50
Các lưu ý với túi khí bên..... 46
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên và túi khí rèm.....50
Các lưu ý với túi khí bên và túi khí rèm.....46
Túi khí.....42
Túi khí bảo vệ đầu gối..... 42
Túi khí bên..... 42
Túi khí rèm..... 42

V

Vành xe.....548
Thay vành.....607
Cỡ lốp.....663
Vệ sinh.....480, 484
Bên ngoài xe.....480
Bên trong xe.....484
Đai an toàn.....485
Vành xe.....481
Vi sai
Dầu.....661
Vô lăng
Điều chỉnh.....169
Công tắc âm thanh.....374
Bộ sưởi vô lăng.....449
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....112
Các công tắc điện thoại* .. 408
VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe).....348

X

Xích quấn lốp.....366

Chứng nhận

Hệ thống mã khóa khóa động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

▶ Xe được bán tại Việt Nam



▶ Xe được bán tại Việt Nam



Cảm biến sóng ra đa sóng ngắn

▶ Cho xe thị trường Việt Nam



VN 03

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)

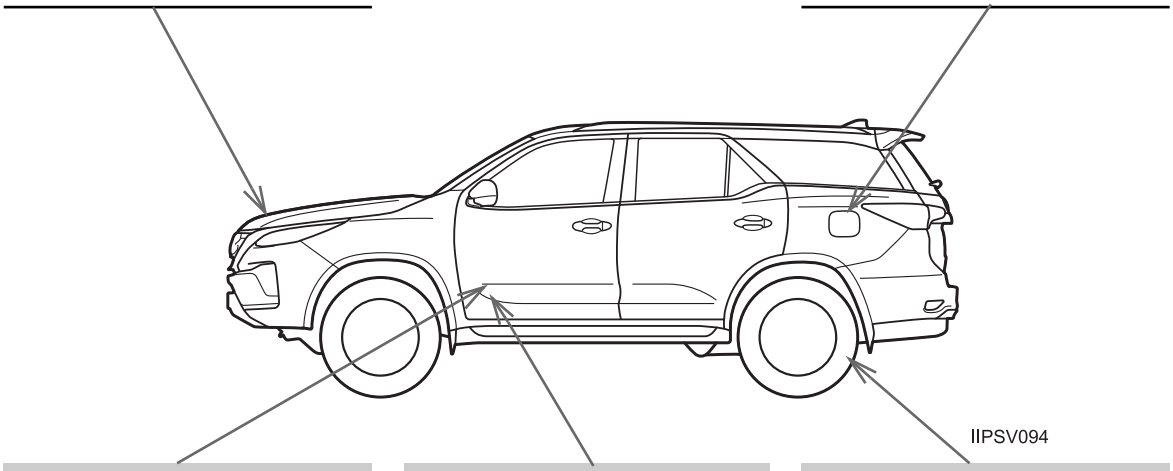
▶ Xe được bán tại Việt Nam



C3-049

THÔNG TIN TRẠM NHIÊN LIỆU

Lẫy khóa phụ	Cửa nạp nhiên liệu
P. 507	P. 241



Lẫy nhả khóa nắp capô	Bộ mở cửa nạp nhiên liệu	Áp suất lốp
P. 507	P. 241	P. 663

Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	80 L
Loại nhiên liệu	P. 645
Áp suất lốp khi nguội	P. 663
Dung tích dầu động cơ (Xả và nạp lại — Tham khảo)	P. 646
Loại dầu động cơ	P. 646